

DANH SÁCH CÁC BƯU CỤC THU HỘ PHÍ VISA HOA KỲ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHUYỂN PHÁT NHANH

CPN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	117130	Giao dịch EMS Thanh Xuân 1	Số 172 đường Láng, Thanh Xuân, Hà Nội
2	120065	Giao dịch EMS Thanh Xuân 2	Số 212 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
3	152785	Giao dịch EMS Hà Đông 1	NBT 28, 16B4 Làng Việt Kiều Châu Âu, Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội
4	115070	Giao dịch EMS Đống Đa	Số 45 Ngõ 9 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
5	118733	Giao dịch EMS Ba Đình 1	Số 79 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội
6	119346	Giao dịch EMS Ba Đình 2	Số 70 Đốc Ngừ, Ba Đình, Hà Nội
7	123071	Giao dịch EMS KHL Cầu Giấy	N02 ngõ 259 Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
8	123080	Giao dịch EMS Cầu Giấy	Số 193 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội
9	110170	Giao dịch EMS Hàng Vôi	Số 18C Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
10	110050	Giao dịch EMS Hồng Hà	Số 783 Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội
11	113713	Giao dịch EMS Hai Bà Trưng 1	Số 186 Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

12	554310	Giao dịch EMS Hai Bà Trưng 2	Số 16A Nguyễn Bình Khiêm, Hai Bà Trưng, Hà Nội
13	112618	Giao dịch EMS Tân Xuân	Số 1 Tân Xuân, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội
14	554310	Giao dịch Hàm Nghi	Số 122 Hàm Nghi, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng
CPN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			
15	736140	Giao dịch EMS Ba Vì	Số 36 Bis Ba Vì, Phường 1, Quận Tân Bình, TP HCM
16	702003	Giao dịch EMS Nguyễn Công Trứ	216 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM
17	744790	Giao dịch EMS 3 tháng 2	Số 1336 đường 3 tháng 2, Phường 2, Quận 11, TP HCM
18	713530	Giao dịch EMS Trần Nãi	51 Trần Nãi, Quận 2, TP HCM
19	712162	Giao dịch EMS Nguyễn Thái Học	48 Nguyễn Thái Học, P. Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP HCM
20	727612	Bưu cục giao dịch EMS Gò Vấp	482 - 484 đường Thống Nhất, P16, Quận Gò Vấp, TP HCM
21	749305	Bưu cục phát Tân Phú	173 đường Độc Lập, P. Tân Thành, Q. Tân Phú, TP HCM
22	715049	Bưu cục KHL Quận 1	75/2 Hoàng Sa, P.ĐaKao Q.1, TP.HCM
23	718440	Bưu cục Bình Thạnh	50 C Nơ Trang Long, P.14 Q.Bình Thạnh, TPHCM
24	725519	Bưu cục giao dịch EMS Phú Nhuận	75 Hoa Đào, P.2 Q. Phú Nhuận, TP.HCM
25	723565	Bưu cục Quận 3	1061 Hoàng Sa, P.11 Q.3 TPHCM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	100000	Giao dịch 1	75 Đinh Tiên Hoàng, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	118400	Giảng Võ	D2 Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội
3	118600	Quán Thánh	8 Quán Thánh, Q.Ba Đình, Hà Nội
4	118757	HCC Hoàn Kiếm	16B Hùng Vương, Ba Đình
5	111400	Hàng Vải	46 Hàng Vải, Q.Hoàn Kiếm Hà Nội
6	111100	Cửa Nam	22 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
7	110220	Lương Văn Can	66 Lương Văn Can, Hoàn Kiếm
8	110000	Tràng Tiền	66 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm
9	118728	Nguyễn Thái Học	49 Nguyễn Thái Học, Q.Ba Đình Hà Nội
10	127000	KHL Hoàng Mai	811 Giải Phóng, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
11	112400	Bách Khoa	A17 Tạ Quang Bửu, P.Bách Khoa, HBT, HN
12	113900	Chợ Mơ	Số 1 Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
13	112310	Vân Hồ	37 Nguyễn Du, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
14	120500	Thanh Xuân Bắc	C10 Thanh Xuân Bắc,Q.Thanh Xuân, Hà Nội
15	120000	Thanh Xuân	51 Vũ Trọng Phụng, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

16	115000	Đống Đa	117 Thái Thịnh, Q.Đống Đa, Hà Nội
17	116000	Kim Liên	B15 tập thể Kim Liên, Q.Đống Đa Hà Nội
18	117000	Láng Trung	95 Nguyễn Chí Thanh, Q.Đống Đa, Hà Nội
19	122000	Cầu Giấy	165 Cầu Giấy Q.Cầu Giấy Hà Nội
20	124700	Yên Phụ	16A Yên Phụ, Q.Tây Hồ Hà Nội
21	118000	Cống Vị	218 Đội Cấn, Q.Ba Đình, Hà Nội
22	122320	Nghĩa Tân	P119 A15 Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy Hà Nội
23	122100	Hoàng Sâm	10 Hoàng Sâm Nghĩa đô, Q.Cầu giấy
24	122300	Hoàng Quốc Việt	393 Hoàng Quốc Việt, nghĩa đô Q.Cầu giấy
25	124600	Yên Thái	552 Thụy Khuê, quậnTây Hồ
26	139000	Sóc Sơn	Tổ 9 thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, HàNội
27	140700	Nội Bài	Sân bay NộiBài, xã Phú Minh,Sóc Sơn, HN
28	142000	Mê Linh	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội
29	131000	Gia Lâm	Phố Nguyễn Đức Thuận, Trâu Quỳ, Gia Lâm Hà Nội
30	125400	Đức Giang	147 Ngô Gia Tự, Đức Giang,Long Biên, HN
31	125600	Sài Đồng	Phố Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng Gia lâm Hà Nội
32	132200	Yên Viên	183 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

33	125000	Long Biên	366 Ngọc Lâm, Long Biên Hà Nội
34	136000	Đông Anh	Tổ 4 Thị trấn Đông Anh Hà Nội
35	138000	Bắc Thăng Long	Xã Hải Bối huyện Đông Anh Hà Nội
36	138300	KCN Thăng Long	Nhà điều hành KCN Thăng Long, Đông anh Hà Nội
37	134000	Thanh Trì	Khu Ga thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội
38	128200	Bắc Linh Đàm	Đô Thị Bắc Linh Đàm, Đại Kim, Hoàng Mai Thanh Trì
39	128300	Định Công	Dãy nhà a chung cư Định công, Hoàng Mai Thanh Trì
40	158500	Thường Tín	Thị trấn Thường Tín, Hà Nội
41	158000	Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên, Hà Nội
42	150000	Hà Đông	Số 4 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
43	151100	Nguyễn Trãi	Đường Trần Phú, Văn Mỗ , Hà Đông
44	151000	Nguyễn Chánh	Đường Phùng Hưng, Phúc La, Hà Đông
45	152440	Phú Lãm	Thị tứ Xóm, Hà Đông
46	152260	KHL Văn Phú	Thôn Văn Phú, Phú La, Hà Đông
47	156700	Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội
48	157100	Ứng Hòa	32 Quang Trung, Vân Đình, Ứng hòa, Hà Nội
49	157600	Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội

50	156100	Chương Mỹ	Thị trấn Chúc Sơn, H.Chương Mỹ, Hà Nội
51	156200	Xuân Mai	Thị trấn Xuân Mai H.Chương Mỹ, Hà Nội
52	129000	Cầu Diễn 2	Thị Trấn Cầu Diễn huyện Từ Liêm, Hà Nội
53	129810	Cổ Nhuế	Ngã Tư Cổ Nhuế huyện Từ Liêm, Hà Nội
54	152900	Hoài Đức	Thị trấn Trôi huyện Hoài Đức, Hà Nội
55	153600	Phúc Thọ	Cụm 8 thị trấn Phúc Thọ, Hà Nội
56	153300	Đan Phượng	Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội
57	154000	Sơn Tây	1 Phùng Khắc Khoan, Sơn Tây Hà Nội
58	154210	Sơn Lộc	03 Chùa Thông, Sơn Tây, Hà Nội
59	154700	Ba Vì	Thị trấn Tây Đằng, huyện.Ba Vì, Hà Nội
60	154850	Vạn Thắng	Thôn chợ mơ xã vạn thắng ba vì
61	154880	Nhông	Phố nông xã phú sơn ba vì
62	154970	Suối Hai	Suối hai cảm lĩnh ba vì
63	155070	Tản Lĩnh	Thôn gốc mít xã tản lĩnh ba vì
64	155700	Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai, H.Quốc Oai, Hà Nội
65	155300	Thạch Thất	Đường 80 t/trấn Liên Quan,T/Thất, Hà Nội
66	129100	Thăng long	05 Phạm Hùng Mỹ đình Từ Liêm

67	137800	Lộc Hà	Thôn Lộc Hà - Xã Mai Lâm Đông Anh- Hà Nội
68	136083	Cao Lỗ	Đường Cao Lỗ - Tổ 4 Thị trấn Đông Anh - Hà Nội
69	113100	Lò Đức	114 Lò Đức, Phường Đông Mác, Q. HBT
70	111110	Ga Hà Nội	118 Lê Duẩn, Phường Trần Hưng Đạo
71	100100	Quốc Tế	Số 6 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm
72	122070	Bán Hàng 1	165 Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy
73	111770	Giao Dịch 5	78 Bạch Đằng, Hai Bà Trưng
74	112200	Nguyễn Công Trứ	N8 Tập thể Nguyễn Công Trứ, Hai Bà Trưng
75	111300	Đồng Xuân	18 Đồng Xuân, Hoàn Kiếm
76	129140	Mỹ Đình 2	14 Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình, Từ Liêm
77	124260	Ciputra	Khu đô thị Ciputra, Tây Hồ
78	116830	KHL ĐÔNG ĐA	305 Tây Sơn, Đống Đa
79	120560	Nguyễn Quý Đức	Số 2 Nguyễn Quý Đức, Thanh Xuân
80	152080	KHL Hà Đông	Số 4 đường Quang Trung, Hà Đông
81	134070	KHL Thanh Trì	Tổ 11 khu Ga, Thị trấn Văn Điển Thanh Trì
82	156250	Trường Yên	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội
83	153130	BC ngãi cầu	Thôn ngãi cầu, xã an khánh, huyện hoài đức, thành phố hà nội

84	125490	BC Ngô Gia Tự	Số 147 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
1	118040	BC phát nhanh Ba Đình	75 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	112040	BC phát nhanh Hai Bà Trưng	Số 1 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
3	118050	BC phát Ba Đình	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội
4	118830	BC phát Hoàn Kiếm	118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	112030	BC phát Hai Bà Trưng	103 K17 Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội
6	115040	PN Đống Đa	66 Ngõ Thông Phong Đống Đa, Hà Nội
7	115060	BC phát Đống Đa	66 Ngõ Thông Phong Đống Đa, Hà Nội
8	122050	BC phát Cầu Giấy	165 Cầu Giấy Hà Nội
9	122060	PN Cầu Giấy	165 Cầu Giấy Hà Nội
10	120070	BC Phát Thanh Xuân	51 Vũ Trọng Phụng Thanh Xuân, Hà Nội
11	124080	BC Phát Tây Hồ	559 Lạc Long Quân, Tây Hồ Hà Nội
12	125030	BC phát Long Biên	79 Ngô Gia Tự Đức Giang Long Biên HN
13	131020	BC phát Gia lâm	197 Nguyễn Đức Thuận Gia Lâm HN
14	136090	BC Phát Đông Anh	Tổ 4 Thị trấn Đông Anh HN
15	129060	BCP Từ Liêm	19 Nguyễn Cơ Thạch, Từ Liêm, Hà Nội
16	151505	Bưu cục phát Hà Đông	Số 04 đường Quang Trung, Hà Đông

17	156575	Bưu cục phát Chương Mỹ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ
18	156707	BC Phát Thanh Oai	Số 89 tổ 1 Thị Trấn Kim Bài, Thanh Oai
19	157115	Bưu cục phát Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa
20	157606	Bưu cục phát Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức
21	134030	BC Phát Thanh Trì	Tổ 11 khu Ga- thị trấn Văn Điển
22	158414	BC Phát Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên Hà Nội
23	158505	BC Phát Thường Tín	Phố Ga thị trấn Thường Tín- HN
24	127070	phát Hoàng Mai 1	25/281 Tam Trinh
25	139312	Phát Sóc Sơn	Sóc Sơn
26	142135	Phát Mê Linh	Mê Linh
27	152909	Phát Hoài Đức	Hoài Đức
28	153535	Phát Đan Phượng	Đan Phượng
29	153608	Phát Phúc Thọ	Phúc Thọ
30	154348	Phát Sơn Tây	Sơn Tây
31	154717	Phát Ba Vì	Ba Vì
32	155513	Phát Thạch Thất	Thạch Thất
33	155717	Phát Quốc Oai	Quốc Oai

85	100955	Bưu cục Ngoại dịch	Số 5 Phạm Hùng, Nam TL, Hà Nội
86	130670	Phát Phạm Hùng	5 Phạm Hùng - Mỹ Đình - Nam Từ Liêm- Hà Nội
87	123070	KHL Trung Yên	lô E9 tòa nhà Vimeco, Phạm hùng
88	110180	KHL Ba Đình	75B Đình Tiên Hoàng
89	130655	KHL Bắc Từ Liêm	Số 5 Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, HN
90	158880	KHL Thường Tín	KCN Hà Bình Phương, Thường Tín - Hà Nội
91	130656	Nguyễn Cơ Thạch	Số 14 Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình
92	131070	KHL Gia Lâm	197 Nguyễn Đức Thuận, TT Trâu Quỳ, Gia Lâm
93	156430	Miếu Môn	Phố Miếu Môn - huyện Chương Mỹ - Hà Nội
94	142080	Thạch Đà	THẠCH ĐÀ, MÊ LINH, HÀ NỘI
95	152960	Chợ Sầu	Chợ Sầu - Xã Dương Liễu - Hoài Đức - Hà Nội
96	155513	Phát Thạch Thất	Huyện Thạch Thất - TP Hà Nội
97	142219	KCN Quang Minh	Khu CN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội
98	122080	KHL Cầu Giấy	165 Cầu Giấy, P quàn hoa, Q Cầu giấy, TP Hà Nội
99	143310	Xuân Đình	P101 CT1 Xuân Đình Bắc Từ Liêm HN
100	112050	TMĐT Bạch Đằng	936 Bạch Đằng, phường Thanh Lương, HBT
101	120090	Phát TMĐT Thanh Xuân	51 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân Trung, TX

102	127080	Phát TMĐT Hoàng Mai	Nhà A chung cư Định Công, Hoàng Mai
103	129080	Bưu cục Phát TMĐT Nguyễn Cơ Thạch	14 Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm
104	129090	KHL Nam Từ Liêm	19 Nguyễn Cơ Thạch KĐT Mỹ Đình 2 Nam Từ Liêm HN
105	157380	VHX Quảng phú cầu	Thôn phú thượng xã Quảng phú cầu Ứng Hòa Hà Nội
106	157200	VHX Tảo dương văn	Thôn tảo khô - xã Tảo dương văn Ứng Hòa Hà Nội
107	157250	VHX Đại Hùng	Thôn Quan tự xã Đại Hùng Ứng Hòa Hà Nội
108	152150	VHX Hà Cầu	Ngã 5 khu Hà Tri 2, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, HN
109	120120	Khương Đình	20 Khương Đình, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
110	152090	Hành chính công Hà Đông	Số 4 quang trung hà đông
111	130665	Hành chính công Từ Liêm	19 nguyễn cơ thạch - nam từ liêm hà nội
112	130657	TMĐT Thường Tín	Số 14 Nguyễn Cơ Thạch Mỹ Đình Nam Từ Liêm Hà Nội
113	130020	Đại Mỗ	522 Đường Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, HN
114	130690	Xuân Phương	171 Đường Xuân Phương, phường Phương Canh, Nam Từ Liêm, HN
115	143320	Tân Xuân	Số 1 Tân Xuân, phường Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, HN
116	131220	Đa Tốn	Chợ Bún, Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội
117	136020	Ga Đông Anh	Tổ 8 Thị trấn Đông Anh Hà Nội
118	136420	Bưu cục Vân Trì	Xã Vân Nội Đông Anh Hà Nội

119	119350	Bưu cục Vĩnh Phúc	Nhà D3, khu 7,2 ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc quận Ba Đình Hà Nội
120	158700	Bưu cục Cầu Chiềc	Xã Hiền Giang, Huyện Thường Tín, TP Hà Nội
121	158770	Bưu cục Dũng Tiến	Xã Dũng Tiến, Huyện Thường Tín, TP Hà Nội
122	158620	Bưu cục Vân La	Xã Hồng Vân, Huyện Thường Tín, TP Hà Nội
123	111000	Bưu cục Tháp Hà Nội	49 Hai Bà Trưng phường Trần Hưng Đạo quận Hoàn Kiếm Hà Nội
124	158810	BC chợ tía	Thôn Tử Dương, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
125	158670	BC quán gánh	thôn Thượng Đình, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
126	157310	BC Chợ Cháy	Chợ Cháy, Trung tú, Ứng Hòa
127	157430	Bưu cục Ba Thá	Ba Thá, Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội
128	157390	BC cầu lão	thôn Cầu lão, xã trường thịnh, huyện ứng hòa, thành phố hà nội
129	157260	BC chợ ngăm	Thôn Kim giang, xã đại cường,huyện ứng hòa, thành phố hà nội
130	122480	Nguyễn Khánh Toàn	Nguyễn Khánh Toàn. Cầu Giấy, Hà Nội
131	120700	Khương mai	Số 185 - Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân
132	157760	Bưu cục Cầu Dặm	Cầu Dặm,Hợp Tiến ,Mỹ Đức ,Hà Nội
133	156360	Quảng Bị	Thông Quảng Bị, Xã Quảng Bị, Huyện Chương Mỹ
134	152290	La Khê	Số 9 LK301 khu cổng Đồng đường Tố Hữu, phường La Khê Hà Đông
135	157670	Bưu cục Kênh Đào	Kênh Đào,An Mỹ ,Mỹ Đức ,Hà Nội

136	157830	Buru Cục Hương Sơn	Đục Khuê,Hương Sơn,Mỹ Đức,Hà Nội
137	151070	BCP Hà Đông 2	Phố Ba La, Quận Hà Đông, Hà Nội
138	128260	BC Nguyễn Hữu Thọ	54 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
139	113720	Bạch Mai	27B1 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
140	152455	Ba La	86 Tổ 9 phường Phú Lâm, Hà Đông, HN
141	127580	Nguyễn An Ninh	12 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội
142	124065	HCC Tây Hồ	642 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội
143	158300	BC hồng minh	thôn Hòa Mỹ, xã Hồng Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà N
144	158390	BC cầu giẽ	Cầu Giẽ, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
145	158040	BC minh tân	Khu Chợ Bái, xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
146	158150	BC vạn điểm	Trung Tâm Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
147	123085	HCC Đống Đa	Đường Trung Yên 3
148	110130	KHL Hoàn Kiếm	Số 75 B- Tràng Tiền - Quận Hoàn Kiếm
149	120080	KHL Thanh Xuân	Thanh Xuân, Hà Nội
150	123068	BC Trung Hòa	Số 2 Đường Trung Yên 3, Hà Nội, Hà Nội
151	143510	Nhôn	số 10 phố Nhôn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
152	153350	BC Tân Hội	BĐH Đan Phượng

153	124066	Âu Cơ	397B Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội
154	128180	KHL Hoàng Mai 2	Dãy A Khu Đô Thị Định Công HM-HN
155	157150	Đặng Giang	Thôn Đặng Giang, Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội
156	154950	BC sơn đà	thôn đan thê, xã sơn đà, huyện ba vì, thành phố hà nội
157	136270	BCP KCN Thăng Long	KCN Thăng Long, huyện Đông Anh
158	125360	Nguyễn Văn Cừ	23 ngõ 390 Nguyễn Văn Cừ
159	118800	Thanh Niên	Số 1 phố Trần Vũ , Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình
160	113360	Kim Ngưu	227 Kim Ngưu, phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
161	114089	KHL Hai Bà Trưng	69 Lạc Trung, Vĩnh tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
162	121031	Bùi Xương Trạch	148 Bùi Xương Trạch, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
163	113271	Võ Thị Sáu	86 Võ Thị Sáu, Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
164	115356	Xã Đàn	40 ngõ 360 Xã Đàn Hà Nội
165	122158	HCC Cầu Giấy	số 8 Hoàng Sâm, Nghĩa Đô
166	158240	Tân Dân	Đại Nghiệp - Tân Dân - Hà Nội
167	158230	Đồng Quan	Đồng Tiến - Phượng Dực - Hà Nội
168	155514	KCNC Hòa Lạc	Thạch Hòa - Thạch Thất - Hà Nội
169	134710	Ngọc Hồi	Ngã ba trường cấp 3, Phố Lưu Phái, thôn Tụ Khoát, xã Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội.

170	138324	KCN Thăng Long 2	Khu công nghiệp Thăng Long, Xã Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội
171	122913	Doãn Kế Thiện	Số 46 Doãn Kế Thiện, Mai dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
172	134912	Cầu Bươu	15 Cầu Bươu, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội
173	128252	Kim Giang	152 Kim Giang, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
174	134915	Tả Thanh Oai	7 ngõ 3 đường Tả Thanh Oai. Thanh Trì, Hà Nội
175	154830	BĐVHX Phú Cường	BĐ-VHX Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội
176	158163	BĐVHX Thụy Phú	BĐ-VHX Thụy Phú, Phú Xuyên, Hà Nội
177	154971	VHX Cẩm Lĩnh	Thôn Đông Phương xã Cẩm Lĩnh Ba Vì
178	155011	VHX Minh Quang	Xã Minh Quang, Ba Vì
179	153041	VHX Sơn Đồng	Thôn Thượng Xã Sơn Đồng, Hoài Đức Hà Nội
180	153710	VHX Hát Môn	Khu trung tâm xã Hát Môn , Phúc Thọ
181	156121	VHX Phụng Châu	Thôn Phương Nghĩa - xã Phụng Châu
182	106508	VHX Tả Thanh Oai	Thôn Nhân Hòa, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội
183	137700	VHX Dục Tú	Xã Dục Tú Đông Anh Hà Nội
184	140901	VHX Thanh Xuân	Phố Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân
185	158280	VHX Văn Hoàng	Thôn Liễu Văn Hoàng Phú Xuyên Hà Nội
186	155430	VHX Đại đồng	Đội 4 thôn hàn chùa xã đại đồng

187	128400	VHX Yên Sở	Phường Yên Sở - quận Hoàng Mai - Tp Hà Nội
188	157730	VHX Đồng Tâm	Thôn Hoàn xã Đồng Tâm
189	142020	VHX Liên Mạc	Thôn Yên Mạc xã Liên Mạc huyện Mê Linh
190	154480	VHX Kim Sơn	Thôn Kim Tân, xã Kim Sơn, TX Sơn Tây
191	158748	VHX Tiền Phong	Xã Tiền Phong Huyện Thường tín
192	131400	VHX Cổ Bi	Số 111 đường Cổ bi xã Cổ bi Huyện Gia Lâm
193	153360	VHX Tân Lập	Tân Lập- Đan Phượng
194	155904	VHX Hòa Thạch	Bạch Thạch - Hòa Thạch - Quốc Oai - Hà Nội
195	156750	VHX Tam Hưng	Song Khê - Tam Hưng - Thanh Oai - HN
196	152261	VHX Văn Khê	37 Phan Đình Giót, La Khê, Hà Đông, HN
197	152611	VHX Dương Nội	75 Đường La Nội, Dương Nội Hà Đông, HN
198	151831	VHX Vạn Phúc	Khối Chiến Thắng, Phường Vạn Phúc Hà Đông, HN
199	130301	VHX Trung Văn	72 Đường Trung Văn, phường Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
200	130000	VHX Đại Mỗ	367 Tổ DP Tháp, phường Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, HN
201	156191	VHX Đông Sơn	Đông Sơn - Chương Mỹ - Hà Nội
202	156450	VHX Đồng Lạc	Đồng Lạc - Chương Mỹ- Hà Nội
203	156431	VHX Trần Phú	Trần Phú - Chương Mỹ - Hà Nội

204	156300	VHX Tân Tiến	Tân Tiến - Chương Mỹ - Hà Nội
205	156370	VHX Mỹ Lương	Mỹ Lương - Chương Mỹ - Hà Nội
206	156160	VHX Đông Phương Yên	Đông Phương Yên - Chương Mỹ - Hà Nội
207	156255	VHX Trường Yên	Trường Yên - Chương Mỹ - Hà Nội
208	156260	VHX Trung Hòa	Trung Hòa - Chương Mỹ - Hà Nội
209	156277	VHX Thanh Bình	Thanh Bình - Chương Mỹ - Hà Nội
210	156410	VHX Hữu Văn	Hữu Văn - Chương Mỹ - Hà Nội
211	156391	VHX Hoàng Văn Thụ	Hoàng Văn Thụ - Chương Mỹ - Hà Nội
212	156220	VHX Thủy Xuân Tiên	Thủy Xuân Tiên - Chương Mỹ - Hà Nội
213	156330	VHX Tốt Động	Tốt Động- Chương Mỹ - Hà Nội
214	156490	VHX Hoàng Diệu	Hoàng Diệu - Chương Mỹ - Hà Nội
215	156510	VHX Thượng Vực	Thượng Vực - Chương Mỹ - Hà Nội
216	156530	VHX Văn Võ	Văn Võ - Chương Mỹ - Hà Nội
217	156550	VHX Hòa Chính	Hòa Chính - Chương Mỹ - Hà Nội
218	156520	VHX Đồng Phú	Đồng Phú - Chương Mỹ - Hà Nội
219	156366	VHX Quảng Bị	Quảng Bị - Chương Mỹ - Hà Nội
220	156310	VHX Đại Yên	Đại Yên - Chương Mỹ - Hà Nội

221	156350	VHX Hợp Đồng	Hợp Đồng - Chương Mỹ - Hà Nội
222	156130	VHX Tiên Phương	Tiên Phương - Chương Mỹ - Hà Nội
223	156460	VHX Hồng Phong	Hồng Phong - Chương Mỹ - Hà Nội
224	156560	VHX Phú Nam An	Phú Nam An - Chương Mỹ Hà Nội
225	156480	VHX Lam Điền	Lam Điền - Chương Mỹ - Hà Nội
226	156470	VHX Thụy Hương	Thụy Hương - Chương Mỹ - Hà Nội
227	156140	VHX Phú Nghĩa	Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội
228	156280	VHX Nam Phương Tiến	Nam Phương Tiến - Chương Mỹ - Hà Nội
229	156245	VHX Ngọc Hòa	Ngọc Hòa - Chương Mỹ - Hà Nội
230	158140	VHX Văn Nhân	Thôn Chanh Thôn- Xã Văn Nhân- H. Phú Xuyên- TP. Hà Nội
231	158049	VHX Minh Tân	Kim Quy- Minh Tân- Phú Xuyên- Hà Nội
232	158210	VHX Quang Trung	Văn Lãng- Quang Trung- Phú Xuyên- Hà Nội
233	158208	VHX Văn Hoàng	Thôn Liễu- Xã Văn Hoàng- Huyện Phú Xuyên- TP Hà Nội
234	158016	VHX Phúc Tiến	Phúc Lâm- Phúc Tiến- Phú Xuyên- Hà Nội
235	158170	VHX Sơn Hà	Sơn Thanh- Sơn Hà- Phú Xuyên- Hà Nội
236	158130	VHX Hồng Thái	Hồng Thái- Phú Xuyên- Hà Nội
237	158290	VHX Tri Trung	Thôn Trung Lập- X. Tri Trung- Huyện Phú Xuyên- TP Hà Nội

238	158260	VHX Hoàng Long	Chợ Đồng Vàng- Hoàng Long- Phú Xuyên- Hà Nội
239	153784	VHX Cẩm Đình	Cụm 2 Cẩm Đình Phúc Thọ Hà Nội
240	153606	VHX Gia Hoà	Cụm 1 Thị Trấn Phúc Thọ Hà Nội
241	153710	VHX Hát Môn	Khu Trung Tâm Hát Môn Phúc Thọ Hà Nội
242	153650	VHX Hiệp Thuận	Cụm 4 Hiệp Thuận Phúc Thọ Hà Nội
243	153660	VHX Liên Hiệp	Cụm 3 Liên Hiệp Phúc Thọ Hà Nội
244	153690	VHX Long Xuyên	Cụm 3 Long Xuyên Phúc Thọ Hà Nội
245	153626	VHX Ngọc Tảo	Cụm 7 Ngọc Tảo Phúc Thọ Hà Nội
246	153810	VHX Phúc Hoà	Cụm 4 Phúc Hòa Phúc Thọ Hà Nội
247	153610	VHX Phụng Thượng	Cụm 5 Phụng Thượng Phúc Thọ Hà Nội
248	153830	VHX Phương Độ	cụm 1 Phương Độ Phúc Thọ Hà Nội
249	153840	VHX Sen Chiểu	Cụm 6 Sen Chiểu Phúc Thọ Hà Nội
250	153631	VHX Tam Hiệp	Cụm 3 Tam Hiệp Phúc Thọ Hà Nội
251	153750	VHX Tam Thuận	Cụm 1 Tam Thuận Phúc Thọ Hà Nội
252	153730	VHX Thanh Đa	Khu Trung Tâm Thanh Đa Phúc Thọ Hà Nội
253	153800	VHX Thọ Lộc	Cụm 3 Thọ Lộc Phúc Thọ Hà Nội
254	153700	VHX Thượng Cốc	Cụm 3 Thượng Cốc Phúc Thọ Hà Nội

255	153850	VHX Tích Giang	Cụm 5 Tích Giang Phúc Thọ Hà Nội
256	153860	VHX Trạch Mỹ Lộc	Cụm 2 Trạch Mỹ Lộc Phúc Thọ Hà Nội
257	153770	VHX Vân Hà	Khu Trung Tâm Vân Hà Phúc Thọ Hà Nội
258	153760	VHX Vân Nam	Cụm 4 Vân Nam Phúc Thọ Hà Nội
259	153827	VHX Vân Phúc	Cụm 3 Vân Phúc Phúc Thọ Hà Nội
260	153678	VHX Võng Xuyên	Cụm 10 Võng Xuyên Phúc Thọ Hà Nội
261	153790	VHX Xuân Phú	Thôn Cựu Lục Xuân Phú Phúc Thọ Hà Nội
262	129301	VHX Xuân Đình	Thôn Đông, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, HN
263	129629	VHX Xuân Phương	NVH thôn Thị Cẩm, Xuân Phương, Nam Từ Liêm, HN
264	130100	VHX Tây Tựu	TDP Trung 6, phường Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, HN
265	130200	VHX Liên Mạc	TDP Yên Nội, Liên Mạc, BTL, HN
266	130400	VHX Thượng Cát	TDP Đông Ba 3, Thượng Cát, BTL, HN
267	130501	VHX Đông Ngạc	Nhà văn hóa TDP3, phường Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, HN
268	136200	VHX Uy Nỗ	Xã Uy Nỗ Đông Anh Hà Nội
269	136300	VHX Tiên Dương	Xã Tiên Dương Đông Anh Hà Nội
270	136401	VHX Vân Nội	Xã Vân Nội Đông Anh Hà Nội
271	136800	VHX Cổ Loa	Xã Cổ Loa Đông Anh Hà Nội

272	137100	VHX Vĩnh Ngọc	Vĩnh Ngọc Đông Anh Hà Nội
273	137200	VHX Kim Nỗ	Xã Kim Nỗ Đông Anh Hà Nội
274	137400	VHX Bắc Hồng	Xã Bắc Hồng Đông Anh Hà Nội
275	137700	VHX Dục Tú	Dục Tú Đông Anh Hà Nội
276	137801	VHX Mai Lâm	Xã Mai Lâm Đông Anh Hà Nội
277	138301	VHX Kim Chung	Xã Kim Chung Đông Anh Hà Nội
278	138400	Vân Hà	Xã Vân Hà Đông Anh Hà Nội
279	142001	VHX Tiến Thắng	Tiến Thắng - Mê Linh - HN
280	142010	VHX Tự Lập	Tự Lập - Mê Linh - HN
281	142040	VHX Tiến Thịnh	Tiến Thịnh - Mê Linh - HN
282	142070	VHX Tam Đồng	Tam Đồng - Mê Linh - Hà Nội
283	142090	VHX Hoàng Kim	Hoàng Kim - Mê Linh - HN
284	142110	VHX Thanh Lâm	Thanh Lâm - Mê Linh - HN
285	142180	VHX Kim Hoa	Kim Hoa - Mê Linh - HN
286	152351	VHX Yên Nghĩa	Tổ 10 Phường Yên Nghĩa, Hà Đông, HN
287	154130	VHX Viên Sơn	Viên Sơn, Sơn Tây
288	154380	VHX Đường Lâm	Đường Lâm, Sơn Tây

289	154400	VHX Xuân Sơn	Xuân Sơn, Sơn Tây
290	154420	VHX Trung Hưng	Trung Hưng, Sơn Tây
291	154440	VHX Thanh Mỹ	Thanh mỹ, Sơn Tây
292	154460	VHX Trung Sơn Trầm	Sơn Trầm, Sơn Tây
293	154480	VHX Kim Sơn	Kim sơn, sơn Tây
294	154500	VHX Sơn Đông	Sơn Đông, Sơn Tây
295	154531	VHX Cổ Đông	Xã Cổ Đông, Sơn Tây
296	152570	VHX Biên Giang	TDP Yên Phúc, phường Biên Giang, Hà Đông, HN
297	157610	VHX Phù Lưu Tế	Phù Lưu Tế -Mỹ Đức-Hà Nội
298	157620	VHX Xuy Xá	Xuy Xá - Mỹ Đức-Hà Nội
299	157640	VHX Lê Thanh	Lê Thanh -Mỹ Đức-Hà Nội
300	157650	VHX Hồng Sơn	Hồng Sơn -Mỹ Đức-Hà Nội
301	157674	VHX An Mỹ	An Mỹ -Mỹ Đức-Hà Nội
302	157680	VHX Bột Xuyên	Bột Xuyên-Mỹ Đức-Hà Nội
303	157690	VHX Tuy Lai	Tuy Lai -Mỹ Đức-Hà Nội
304	157710	VHX Mỹ Thành	Mỹ Thành -Mỹ Đức-Hà Nội
305	157720	VHX Thượng Lâm	Thượng Lâm -Mỹ Đức-Hà Nội

306	157769	VHX Hợp Tiến	Hợp Tiến - Mỹ Đức-Hà Nội
307	157780	VHX Hợp Thanh	Hợp Thanh Mỹ Đức-Hà Nội
308	157790	VHX An Tiến	An Tiến -Mỹ Đức-Hà Nội
309	157810	VHX An Phú	An Phú -Mỹ Đức-Hà Nội
310	157840	VHX Đại Hưng	Đại Hưng - Mỹ Đức-Hà Nội
311	157850	VHX Đại Nghĩa	Đại Nghĩa -Mỹ Đức-Hà Nội
312	157860	VHX Hùng Tiến	Hùng Tiến -Mỹ Đức-Hà Nội
313	157870	VHX Vạn Kim	Vạn Kim - Mỹ Đức-Hà Nội
314	157880	VHX Đốc Tín	Đốc Tín -Mỹ Đức-Hà Nội
315	155301	VHX Liên Quan	Chi quan Xã Liên quan
316	155320	VHX Kim Quan	Thôn 3 Xã Kim quan
317	155420	VHX Phú Kim	Thôn Phú nghĩa Xã Phú kim
318	155450	VHX Lại Thượng	Thôn Lại Thượng Xã Lại thượng
319	155430	VHX Đại Đồng	Thôn Hàn chùa Xã đại đồng
320	155460	VHX Cẩm Yên	Thôn Yên lỗ Xã Cẩm yên
321	155340	VHX Hương Ngải	Thôn 9 Xã Hương ngải
322	155410	VHX Canh Nậu	Thôn 4 Xã canh nậu

323	155400	VHX Dị Nậu	Dị nậu
324	155360	VHX Chàng Sơn	Thôn 2 Xã Chàng sơn
325	155490	VHX Thạch Xá	Thôn Yên Xã Thạch xá
326	155520	VHX Cản Kiệm	Đội 4 Xã Cản kiệm
327	155370	VHX Hữu Bằng	Thôn đình Xã Hữu bằng
328	155380	VHX Phùng Xá	Vĩnh lộc Xã Phùng xá
329	155471	VHX Bình Yên	Thôn sen trì Xã Bình yên
330	155530	VHX Tân Xã	Thôn 5 cù viên Xã Tân xã
331	155550	VHX Hạ Bằng	Thôn 5 Xã Hạ bằng
332	155570	VHX Đồng Trúc	Thôn chiến thắng Xã đồng chúc
333	155500	VHX Thạch Hòa	Thôn 6 Xã Thạch hoà
334	155690	VHX Yên Trung	Đầm bổi Xã Yên trung
335	155671	VHX Yên Bình	Thôn ĐìnhXã Yên bình
336	155640	VHX Tiến Xuân	Gò chói Xã Tiến xuân
337	135401	VHX Đông Mỹ	Thôn 2, Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì
338	135000	VHX Duyên Hà	Thôn Văn Uyên, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì
339	134800	VHX Tân Triều	Thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì

340	134900	VHX Tả Thanh Oai	Thôn Nhân Hoà, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì
341	134100	VHX Tam Hiệp	Thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì
342	134200	VHX Thanh Liệt	Thôn Nội, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì
343	135300	VHX Vạn phúc	Thôn 2, xã Vạn phúc, huyện Thanh Trì
344	134500	VHX Vĩnh Quỳnh	Thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh quỳnh, huyện Thanh Trì
345	134600	VHX Yên Mỹ	Xóm 8, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì
346	135200	VHX Đại Áng	Thôn Đại Áng, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì
347	135500	VHX Liên Ninh	Thôn Phương Nhị, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì
348	156750	VHX Tam Hưng	Bối Khê, Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội
349	156720	VHX Tân Ước	Phúc Thụy, Tân ước, Thanh Oai, Hà Nội
350	156780	VHX Mỹ Hưng	Khu UBND Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội
351	156801	VHX Bình Minh	Xóm Chợ, Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội
352	156890	VHX Cao Viên	Khu UBND Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội
353	156930	VHX Phương Trung	Chợ Chuông, Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội
354	156960	VHX Xuân Dương	Khu UBND Xuân Dương, Thanh Oai, Hà Nội
355	156990	VHX Hồng Dương	Tảo Dương, Hồng Dương, Thanh Oai. Hà Nội
356	156810	VHX Bích Hòa	Khu UBND Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội

357	153400	VHX Hạ Mỗ	Thôn Hạ Mỗ, H. Đan Phượng
358	153430	VHX Liên Hà	Thôn Đoài, H. Đan Phượng
359	153424	VHX Liên Hồng	Thôn Tổ, H. Đan Phượng
360	153440	VHX Liên Trung	Thôn Trung, H. Đan Phượng
361	153500	VHX Phương Đình	Thôn Dịch Trung, H. Đan Phượng
362	153330	VHX Song Phượng	Thôn Tháp, H. Đan Phượng
363	153480	VHX Thọ Xuân	Xóm Mới Tân Xuân, H. Đan Phượng
364	153380	VHX Thượng Mỗ	Thôn 3, H. Đan Phượng
365	153360	VHX Tân Lập	Thôn Đan Hội, H. Đan Phượng
366	153410	VHX Hồng Hà	Thôn Bá Nội, H. Đan Phượng
367	153460	VHX Trung Châu	Thôn 7, H. Đan Phượng
368	127900	VHX Trần Phú	UBND phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội
369	153080	VHX Vân Canh	Đội 4, Kim Hoàng, Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội
370	153000	VHX Di Trạch	Xóm Đa. Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội
371	153010	VHX Kim Chung	Yên Vĩnh, Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội
372	153100	VHX Song Phượng	Thôn 6, Song Phượng, Hoài Đức, Hà Nội
373	153041	VHX Sơn Đồng	Sơn đồng, Hoài Đức, hà nội

374	152920	VHX Đức Thượng	Thôn Nội, Đức Thượng. Hoài Đức, Hà Nội
375	153070	VHX Lại Yên	Thôn 3, Lại Yên. Hoài Đức, Hà Nội
376	153090	VHX Tiền Yên	Tiền Lệ, Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội
377	153020	VHX Yên Sở	Thôn 5, Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội
378	153060	VHX Đắc Sở	Thôn Đông, Đắc Sở, Hoài Đức. Hà Nội
379	152940	VHX Minh Khai	Minh Hiệp 1 Minh Khai, Hoài Đức, Hà Nội
380	152990	VHX Cát quế	Đội 4, Cát quế. Hoài đức, Hà Nội
381	153140	VHX An Thượng	Ngự Câu, An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội
382	153111	VHX Vân Côn	Đội 15, Cù Sơn, Vân Côn Hoài Đức, Hà Nội
383	153180	VHX Đông La	La Tinh, Đông La, Hoài Đức, Hà Nội
384	155730	VHX TÂN HÒA	Thôn Thị Nội - Tân Hòa - Quốc Oai - Hà Nội
385	155740	VHX TÂN PHÚ	Thôn Yên Quán - Tân Phú - Quốc Oai - Hà Nội
386	155750	VHX ĐẠI THÀNH	Thôn Đại Tảo - Đại Thành - Quốc Oai - Hà Nội
387	155760	VHX YÊN SƠN	Thôn Sơn Trung - Yên Sơn - Quốc Oai - Hà Nội
388	155790	VHX PHƯỢNG CÁCH	Thôn 1 - Phượng Cách - Quốc Oai - Hà Nội
389	155820	VHX LIỆP TUYẾT	Thôn Đại Phú - Liệp Tuyết - Quốc Oai - Hà Nội
390	155830	VHX TUYẾT NGHĨA	Thôn Đại Đồng - Tuyết Nghĩa - Quốc Oai - Hà Nội

391	155850	VHX PHÚ CÁT	Thôn 4 - Phú Cát - Quốc Oai - Hà Nội
392	155870	VHX PHÚ MÃN	UBND xã Phú Mãn - Quốc Oai - Hà Nội
393	155890	VHX NGHĨA HƯƠNG	Văn Quang - Nghĩa Hương - Quốc Oai - Hà Nội
394	155904	VHX HÒA THẠCH	Thôn Bạch Thạch - Hòa Thạch - Quốc Oai - Hà Nội
395	155920	VHX ĐÔNG YÊN	Thôn Đông Hạ - Yên Sơn - Quốc Oai - Hà Nội
396	155930	VHX ĐỒNG QUANG	Thôn Yên Nội - Đồng Quang - Quốc Oai - Hà Nội
397	158560	VHX Văn Bình	Văn Bình Thường Tín-Hà Nội
398	158478	VHX Tiền Phong	Tiền phong Thường Tín-Hà Nội
399	158530	VHX Quất động	Quất Động Thường Tín-Hà Nội
400	158550	VHX Chương dương	Chương Dương Thường tín-Hà Nội
401	158570	VHX Vân Tảo	Vân Tảo Thường Tín-Hà Nội
402	158590	VHX Thư Phú	Thư Phú Thường Tín-Hà Nội
403	158600	VHX Tự Nhiên	Tự Nhiên Thường Tín-Hà Nội
404	158630	VHX Liên Phương	Liên Phương Thường Tín-Hà Nội
405	158640	Ninh Sở	Ninh Sở thường Tín-hà Nội
406	158660	Duyên Thái	Duyên Thái Thường Tín-Hà Nội
407	158671	Nhị Khê	Nhị Khê Thường Tín-Hà Nội

408	158760	Tân Minh	Tân Minh Thường Tín-Hà Nội
409	158780	Nghiêm Xuyên	Nghiêm Xuyên Thường Tín-Hà Nội
410	158820	VHX Văn Tự	Văn Tự Thường Tín-Hà Nội
411	158830	VHX Vạn Điểm	Vạn Điểm Thường Tín-Hà Nội
412	158840	VHX Lê Lợi	Lê Lợi Thường Tín-Hà Nội
413	158850	VHX Minh Cường	Minh Cường Thường Tín-Hà Nội
414	158860	VHX Thống Nhất	Thống Nhất Thường Tín-Hà Nội
415	158710	VHX Văn Phú	Văn Phú Thường Tín-Hà Nội
416	157400	VHX Cao Thành	Từ Dương, Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội
417	157250	VHX Đại Hùng	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội
418	157170	VHX Đội Bình	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội
419	157280	VHX Đông Lỗ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội
420	157440	VHX Đồng Tiến	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội
421	157210	VHX Hòa Lâm	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội
422	157140	VHX Hòa Nam	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội
423	157410	VHX Hoa Sơn	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội
424	157120	VHX Hòa Xá	Xóm Bãi, Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội

425	157270	VHX Kim Đường	Tu Lễ, Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội
426	157360	VHX Liên Bạt	Vũ Ngoại, Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội
427	157160	VHX Phù Lưu	Thôn Hạ, Ứng Hòa, Hà Nội
428	157300	VHX Phương Tú	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội
429	157380	VHX Quảng Phú Cầu	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội
430	157200	VHX Tảo Dương Văn	Đông Dương, Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội
431	157230	VHX Trầm Lộng	Trầm lộng, Ứng Hòa, Hà Nội
432	157130	VHX Vạn Thái	Thái Bình, Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội
433	157420	VHX Viên Nội	Thôn Trung, Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội
434	157330	VHX Đồng Tân	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội
435	157450	VHX Sơn Công	Hoàng Dương, Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội
436	131001	VHX Trâu Quỳ	Đào Nguyên Trâu Quỳ
437	131300	VHX Đông Dư	Thôn Thượng- Dương Hà- GL HN
438	131800	VHX Phù Đổng	Thôn Phù Đổng, xã Phù Đổng GL
439	132000	VHX Kiều Kỵ	Trung Dương Kiều Kỵ GL HN
440	132400	VHX Yên Thường	Yên Thường GL
441	132500	VHX Đình Xuyên	Công Đình Đình Xuyên GL

442	132700	VHX Trung Mẫu	Trung Mẫu GL HN
443	132800	VHX Lê Chi	Thôn Chi Lan Lê Chi GL HN
444	132900	VHX Kim Lan	T.Thống Nhất, Kim Lan GL
445	133000	VHX Văn Đức	Thôn Sơn Hô Văn Đức GL HN
446	131710	VHX Dương Quang	Dương Quang Gia Lâm
447	131600	VHX Phú Thị	Phú Thị Gia lâm
448	158030	VHX Bạch Hạ	Thôn Hoà Thượng, xã Bạch Hạ
449	158370	VHX Châu Can	Thôn Nội, xã Châu Can
450	158220	VHX Đại Thắng	Thôn Tà Xá, xã Đại Thắng
451	158391	VHX Đại Xuyên	Thôn Đa Chất, xã Đại Xuyên
452	158088	VHX Khai Thái	Thôn Lập Phương, xã Khai Thái
453	158120	VHX Nam Phong	Thôn Nam Phú, xã Nam Phong
454	158060	VHX Nam Triều	Xóm 12, xã Nam Triều
455	158310	VHX Phú Túc	Thôn Phú Túc, xã Phú Túc
456	158360	VHX Phú Yên	Thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên
457	158100	VHX Quang Lãng	Thôn Sảo Hạ, xã Quang Lãng
458	158330	VHX Vân Từ	Thôn Chính, xã Vân Từ, Phú Xuyên

459	136700	VHX Việt Hùng	Xã Việt Hùng, Đông Anh
460	136600	VHX Xuân Nộn	Xã Xuân Nộn
461	137600	VHX Liên Hà	Hà lõ, Liên Hà
462	138100	VHX Võng La	Đại độ, Võng La
463	136500	VHX Nguyên Khê	Cán Khê, Nguyên Khê
464	137900	VHX Đông Hội	Xã Đông Hội
465	138200	VHX Đại Mạch	UBND xã Đại Mạch
466	137000	VHX Tàm Xá	Xóm Đông xã Tàm Xá
467	137301	VHX Nam Hồng	UBND xã Nam Hồng
468	138001	VHX Hải Bối	UBND xã Hải bối
469	136901	VHX Xuân Canh	UBND xã Xuân Canh
470	142060	VHX Chu Phan	Thôn Chu Phan, xã Chu Phan
471	142140	VHX Mê Linh	Thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh
472	142200	VHX Quang Minh	Thôn Gia Thượng, xã Quang Minh
473	142150	VHX Tráng Việt	Thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt
474	142101	VHX Văn Khê	Thôn Văn Quán, xã Văn Khê
475	142030	VHX Vạn Yên	Thôn Yên Nội, xã Vạn Yên

476	158690	VHX Hoà Bình	Thôn Quần Hiền, xã Hoà Bình
477	128600	VHX Thanh Trì	Xã Thanh Trì
478	128501	VHX Hoàng Liệt	Xã Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai
479	156790	VHX Cự Khê	Thôn Khê Tang, xã Cự Khê
480	156710	VHX Đỗ Động	Thôn Văn Quán, xã Đỗ Động
481	156910	VHX Kim An	Thôn Ngọc Liên, xã Kim An
482	156920	VHX Kim Thư	Thôn Đôn Thư, xã Kim Thư
483	156730	VHX Liên Châu	Thôn Mai Châu, xã Liên Châu
484	156776	VHX Thanh Thủy	Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thủy
485	156740	VHX Thanh Văn	Thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn
486	157630	VHX Phùng Xá	Thôn Thượng, xã Phùng Xá
487	140800	VHX Phú Cường	Xã Phú Cường, Sóc Sơn
488	141500	VHX Bắc Sơn	Xã Bắc Sơn, Sóc Sơn
489	139600	VHX Mai Đình	Xã Mai Đình, Sóc Sơn
490	140000	VHX Hồng Kỳ	Xã Hồng Kỳ, Sóc Sơn
491	140300	VHX Bắc Phú	Xã Bắc Phú, Sóc Sơn
492	140400	VHX Xuân Giang	Xã Xuân Giang, Sóc Sơn

493	140701	VHX Phú Minh	Xã Phú Minh, Sóc Sơn
494	139100	VHX Tiên Dược	Xã Tiên Dược, Sóc Sơn
495	139800	VHX Hiền Ninh	Xã Hiền Ninh, Sóc Sơn
496	139500	VHX Đông Xuân	Xã Đông Xuân, Sóc Sơn
497	140500	VHX Kim Lũ	Xã Kim Lũ, Sóc Sơn
498	141100	VHX Việt Long	Xã Việt Long, Sóc Sơn
499	140200	VHX Tân Hưng	Xã Tân Hưng, Sóc Sơn
500	139400	VHX Đức Hòa	Xã Đức Hòa, Sóc Sơn
501	140901	VHX Thanh Xuân	Xã Thanh Xuân, Sóc Sơn
502	139900	VHX Nam Sơn	Xã Nam Sơn, Sóc Sơn
503	139300	VHX Tân Minh	Xã Tân Minh, Sóc Sơn
504	139700	VHX Quang Tiến	Xã Quang Tiến, Sóc Sơn
505	141401	VHX Minh Trí	Xã Minh Trí, Sóc Sơn
506	141301	VHX Tân Dân	Xã Tân Dân, Sóc Sơn
507	140601	VHX Phù Lỗ	Xã Phù Lỗ, Sóc Sơn
508	141000	VHX Minh Phú	Xã Minh Phú, Sóc Sơn
509	141200	VHX Xuân Thu	Xã Xuân Thu, Sóc Sơn

510	154858	VHX Vạn Thắng	thôn Mai trai - xã Vạn thắng - Ba Vì - Hà Nội
511	155110	VHX Yên Bài	thôn Muối - xã Yên bài - Ba Vì - Hà Nội
512	154830	VHX Phú Cường	thôn Mai trai - xã Vạn thắng - Ba Vì - Hà Nội
513	154820	VHXTân Hồng	thôn La thiện - xã Tân Hồng - Ba Vì - Hà Nội
514	155040	VHX Ba Vì	thôn Hợp sơn - xã Ba Vì - Ba Vì - Hà Nội
515	154740	VHX Đông Quang	thôn Đông viên - xã Đông quang - Ba Vì - Hà Nội
516	155140	VHX Tiên Phong	thôn Thanh lũng - xã Tiên phong - Ba Vì - Hà Nội
517	154770	VHX Minh Châu	Khu 2 - xã Minh châu - Ba Vì - Hà Nội
518	154730	VHX Chu Minh	thôn Chu quyền - xã Chu minh - Ba Vì - Hà Nội
519	154840	VHX Đồng Thái	thôn Tri lai - xã Đồng Thái - Ba Vì - Hà Nội
520	154890	VHX Thái Hòa	thôn Cộng hòa - xã Thái hòa - Ba Vì - Hà Nội
521	155011	VHX Minh Quang	thôn Lặt - xã Minh quang - Ba Vì - Hà Nội
522	154971	VHX Cẩm Lĩnh	thôn Đông phượng - xã Cẩm lĩnh - Ba Vì - Hà Nội
523	155050	VHX Khánh Thượng	thôn Bưởi - xã Khánh thượng - Ba Vì - Hà Nội
524	154870	VHX Vật Lại	thôn Vật lại - xã Vật lại - Ba Vì - Hà Nội
525	154960	VHX Thuần Mỹ	thôn Lương khô - xã Thuần mỹ - Ba Vì - Hà Nội
526	155132	VHX Thụy An	thôn Liên minh - xã Thụy An - Ba Vì - Hà Nội

527	155071	VHX Vân Hòa	thôn Việt hòa - xã Vân Hòa - Ba Vì - Hà Nội
528	154790	VHX Phú Châu	thôn Phú xuyên - xã Phú châu - Ba Vì - Hà Nội
529	154900	VHX Phú Đông	thôn Phú nghĩa - xã Phú đông - Ba Vì - Hà Nội
530	154750	VHX Cam Thượng	thôn Cốc thôn - xã Cam thượng - Ba Vì - Hà Nội
531	154910	VHX Phong Vân	thôn Tân phong - xã Phong vân - Ba Vì - Hà Nội
532	154920	VHX Cổ Đô	thôn Cổ đô - xã Cổ đô - Ba Vì - Hà Nội
533	154990	VHX Ba Trại	thôn 5 - xã Ba Trại - Ba Vì - Hà Nội
534	154940	VHX Tòng Bạt	thôn Thái bạt - xã Tòng - Ba Vì - Hà Nội
535	154800	VHX Phú Phương	thôn Phương khô - xã Phú phương - Ba Vì - Hà Nội
536	154810	VHX Châu Sơn	thôn Hạc sơn - xã Châu sơn - Ba Vì - Hà Nội
537	157740	VHX Phúc Lâm	Phúc Lâm -Mỹ Đức-Hà Nội
538	138401	VHX Vân Hà	Xã Vân Hà Đông Anh Hà Nội
539	153180	VHX Đông La	Đông La,Hoài Đức, Hà Nội
540	152940	VHX Minh Khai	Minh Khai,Hoài Đức,Hà Nội
541	153010	VHX Kim Chung	Kim Chung,Hoài Đức,Hà Nội
542	155910	BC Cấn Hữu	Thái Khê Cấn Hữu Quốc Oai Hà Nội
543	120795	Lê Trọng Tấn	Số'244A, Đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội

544	152911	BC KHL Hoài Đức	Khu 6 Thị trấn Trôi Hoài Đức Hà Nội
545	114090	Minh Khai	529 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
546	143610	Đức Thắng	14 Phố Viên, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
547	151081	Mỗ Lao	Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội
548	152381	Kiến Hưng	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
549	130316	Phùng Khoang	16 ngõ 67 Phùng Khoang, Nam Từ Liêm, HN
550	126126	Phát Long Biên 2	Tổ 10 đường Cổ Linh, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội
551	128253	Phát Hoàng Mai 2	số 7 TT6C Tây Nam, Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
552	136085	KHL Đông Anh	Tổ 4 TT Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội
553	158720	VHX Nguyễn Trãi	Xã Nguyễn Trãi Huyện Thường Tín TP Hà Nội
554	126228	TMĐT Sài Đồng	Số 1 Đường Huỳnh Tấn Phát, kho Hateco, khu CN Sài Đồng B, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội
555	153137	BC An Thọ	Lô số 7 tòa nhà T2 Thăng Long Victory, KĐT Nam An Khánh, xã An Khánh Hoài Đức Hà Nội
556	131213	Phát Yên Viên	183 Hà Huy Tập, TT Yên Viên, Gia Lâm, HN
557	153450	BC Thọ An	BDH Đan Phượng
558	124255	Nguyễn Hoàng Tôn	83 Nguyễn Hoàng Tôn, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội
559	129081	BCP TMĐT Từ Liêm 2	Số 10 Lê Quang Đạo, Nam Từ Liêm, Hà Nội
560	129082	BCP TMĐT Từ Liêm 3	14 Nguyễn Cơ Thạch, Nam Từ Liêm, Hà Nội

561	142160	Tiền Phong	Yên Nhân, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội
562	122060	Phát Cầu Giấy 2	Đường Cầu Giấy, Quan hoa, Cầu Giấy, Hà Nội
563	152908	BCP Hoài Đức 2	Buru Điện Ngải Cầu - An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội
564	134031	BCP Thanh trì 2	NV03 khu đô thị Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
565	134814	KHL Thanh Trì 2	NV 04 khu đô thị Cầu Bươu, xã Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
566	156390	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ Hà Nội
567	156192	Đông Sơn	Đông Sơn Chương Mỹ Hà Nội
568	153110	Vân Côn	Thôn Vân Côn, xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức
569	132100	VHX Bát Tràng	xóm 5, Thông giang Cao, Xã Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội
570	137501	VHX Thụy Lâm	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội
571	113272	KHL Hai Bà Trưng 2	116 Kim Ngưu, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
572	143360	Thụy Phương	262 đường Thụy Phương, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

TỈNH HƯNG YÊN

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	160000	Hung Yên	Số 4 Chùa Chuông, Phường Hiến Nam
2	162200	Kim Động	Xã Lương Bằng, Kim Động, Hưng Yên
3	161800	Ân Thi	TT Ân Thi, Huyện Ân Thi, Hưng Yên

4	162500	Khoái Châu	TT Khoái Châu, Khoái Châu, Hưng Yên
5	163200	Mỹ Hào	Phố Nối, TT Bần Yên Nhân, Mỹ Hào
6	161300	Tiên Lữ	Khu 1 TT Vương, Tiên Lữ, Hưng Yên
7	161600	Phù Cừ	TT Trần Cao, Phù Cừ, Hưng Yên
8	162900	Yên Mỹ	Thôn Cầu Treo, Tân Lập, Yên Mỹ, Hưng Yên
9	163500	Văn Lâm	TT Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên
10	163800	Văn Giang	TT Văn Giang, Huyện Văn Giang, Hưng Yên
11	161080	Lê Lợi	Số 158 đường Điện Biên 2 Phường Lê Lợi
12	161150	Chợ Gạo	Số 153 đường Nguyễn Văn Linh Phường Nam Sơn
13	161050	Phố Hiến	Số 103 đường Bãi Sậy Phường Quang Trung
14	162511	Bồ Thới	Thị tứ Bồ thới xã Hồng Tiến huyện Khoái Châu
15	163507	Như Quỳnh	Thị trấn Như Quỳnh, xã Như Quỳnh huyện Văn Lâm
16	162040	Chợ Thi	Xã Hồng Quang, Huyện Ân Thi
17	162090	Đa Lộc	Xã Đa Lộc, Huyện Ân Thi
18	162620	Đông Kết	Xã Đông Kết, Khoái Châu
19	162580	Đông Tảo	Xã Đông Tảo, Khoái Châu
20	162720	Thuần Hưng	Xã Thuần Hưng, Khoái Châu

21	162750	Đại Hưng	Xã Đại Hưng, Khoái Châu
22	161680	Đình Cao	Thôn Đình Cao, Xã Đình Cao, Huyện Phù Cù
23	161650	Quang Hưng	Quang Xá, Quang Hưng, Huyện Phù Cù
24	163010	Từ Hồ	Xã Từ Hồ, Huyện Yên Mỹ
25	163801	Văn Phúc	Xã Văn Phúc, Huyện Văn Giang
26	161000	TT Khai thác vận chuyển	Số 4 Chùa Chuông, Hiến Nam, TP Hưng Yên
27	163040	Minh Châu	Lực Điền Minh Châu Yên Mỹ HY
28	162720	VHX Thuần Hưng	Xã Thuần Hưng huyện Khoái Châu
29	163010	VHX Từ Hồ	Xã Yên Phú huyện Yên Mỹ
30	163330	VHX Bạch Sam	Xã Bạch Sam huyện Mỹ Hào
31	161490	VHX Lệ Xá	Xã Lệ Xá huyện Tiên Lữ
32	161480	VHX Trung Dũng	Xã Trung Dũng huyện Tiên Lữ
33	161630	VHX Minh Tân	Xã Minh Tân huyện Phù Cù
34	161720	VHX Tống Trân	Xã Tống Trân huyện Phù Cù
35	161880	VHX Phù Ủng	Xã Phù Ungr huyện Ân Thi
36	161940	VHX Vân Du	Xã Vân Du huyện Ân Thi
37	162410	VHX Hiệp Cường	Xã Hiệp Cường huyện Kim Động

38	162350	VHX Mai Động	Xã Mai Động huyện Kim Động
39	163220	VHX Nhân Hòa	Xã Nhân Hòa huyện Mỹ Hào
40	163590	VHX Lương Tài	Xã Lương Tài huyện Văn Lâm
41	163920	VHX Thắng Lợi	Xã Thắng Lợi huyện Văn Giang
42	163870	VHX Vĩnh Khúc	Xã Vĩnh Khúc huyện Văn Giang
43	163880	VHX Tân Tiến	Xã Tân Tiến huyện Văn Giang
44	161030	VHX Quảng Châu	Xã Quảng Châu TP Hưng Yên
45	161110	VHX Hồng Nam	Xã Hồng Nam TP Hưng Yên
46	161130	VHX Liên Phương	Xã Liên Phương TP Hưng Yên
47	162380	VHX Phú Cường	Xã Phú Cường TP Hưng Yên
48	162400	VHX Hùng Cường	Xã Hùng Cường TP Hưng Yên
49	161260	VHX Tân Hưng	Xã Tân Hưng TP Hưng Yên
50	161270	VHX Hoàng Hanh	Xã Hoàng Hanh TP Hưng Yên
51	161250	VHX Phương Chiểu	Xã Phương Chiểu TP Hưng Yên
52	161330	VHX Hưng Đạo	Xã Hưng Đạo huyện Tiên Lữ
53	161340	VHX Nhật Tân	Xã Nhật Tân huyện Tiên Lữ
54	161360	VHX An Viên	Xã An Viên huyện Tiên Lữ

55	161440	VHX Hải Triều	Xã Hải Triều huyện Tiên Lữ
56	161450	VHX Đức Thắng	Xã Đức Thắng huyện Tiên Lữ
57	161470	VHX Minh Phượng	Xã Minh Phượng Tiên Lữ
58	161380	VHX Thiện Phiến	Xã Thiện Phiến Tiên Lữ
59	161460	VHX Cương Chính	Xã Cương Chính Tiên Lữ
60	161320	VHX Ngô Quyền	Xã Ngô Quyền Tiên Lữ
61	161350	VHX Dị Chế	Xã Dị Chế Tiên Lữ
62	161730	VHX Minh Tiến	Xã Minh Tiến huyện Phù Cù
63	161670	VHX Nhật Quang	Xã Nhật Quang Phù Cù
64	161640	VHX Phan Sào Nam	Xã Phan Sào Nam Phù Cù
65	161710	VHX Tam Đa	Xã Tam Đa huyện Phù Cù
66	161660	VHX Tống Phan	Xã Tống Phan huyện Phù Cù
67	161690	VHX Tiên Tiến	Xã Tiên Tiến huyện Phù Cù
68	161620	VHX Minh Hoàng	Xã Minh Hoàng huyện Phù Cù
69	161960	VHX Xuân Trúc	Xã Xuân Trúc huyện Ân Thi
70	161920	VHX Đào Dương	Xã Đào Dương huyện Ân Thi
71	161860	VHX Bãi Sậy	Xã Bãi Sậy huyện Ân Thi

72	161900	VHX Bắc Sơn	Xã Bắc Sơn huyện Ân Thi
73	161830	VHX Hoa Thám	Xã Hoàng Hoa Thám huyện Ân Thi
74	161820	VHX Văn Nhuệ	Xã Văn Nhuệ huyện Ân Thi
75	162020	VHX Hồ Tùng Mậu	Xã Hồ Tùng Mậu huyện Ân Thi
76	162030	VHX Hồng Vân	Xã Hồng Vân huyện Ân Thi
77	162070	VHX Tiền Phong	Xã Tiền Phong huyện Ân Thi
78	162050	VHX Hạ Lễ	Xã Hạ Lễ huyện Ân Thi
79	162080	VHX Nguyễn Trãi	Xã Nguyễn Trãi huyện Ân Thi
80	162000	VHX Cẩm Ninh	Xã Cẩm Ninh huyện Ân Thi
81	161980	VHX Đặng Lễ	Xã Đặng Lễ huyện Ân Thi
82	161970	VHX Quảng Lãng	Xã Quảng Lãng huyện Ân Thi
83	161930	VHX Quang Vinh	Xã Quang Vinh huyện Ân Thi
84	162370	VHX Ngọc Thanh	Xã Ngọc Thanh huyện Kim Động
85	162220	VHX Vũ Xá	Xã Vũ Xá huyện Kim Động
86	162240	VHX Chính Nghĩa	Xã Chính Nghĩa huyện Kim Động
87	162230	VHX Nhân La	Xã Nhân La huyện Kim Động
88	162250	VHX Ngũ Lão	Xã Ngũ Lão huyện Kim Động

89	162260	VHX Nghĩa Dân	Xã Nghĩa Dân huyện Kim Động
90	162280	VHX Vĩnh Xá	Xã Vĩnh Xá huyện Kim Động
91	162290	VHX Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh huyện Kim Động
92	162320	VHX Đồng Thanh	Xã Đồng Thanh huyện Kim Động
93	162360	VHX Hùng An	Xã Hùng An huyện Kim Động
94	162351	VHX Vân Nghệ	Xã Vân Nghệ huyện Kim Động
95	162740	VHX Nhuế Dương	Xã Nhuế Dương huyện Khoái Châu
96	162550	VHX Ông Đình	Xã Ông Đình huyện Khoái Châu
97	162770	VHX Việt Hòa	Xã Việt Hòa huyện Khoái Châu
98	162760	VHX Phùng Hưng	Xã Phùng Hưng huyện Khoái Châu
99	162690	VHX Đông Ninh	Xã Đông Ninh huyện Khoái Châu
100	162660	VHX Bình Kiều	Xã Bình Kiều huyện Khoái Châu
101	162670	VHX Liên Khê	Xã Liên Khê huyện Khoái Châu
102	162600	VHX Hàm Tử	Xã Hàm Tử huyện Khoái Châu
103	162540	VHX An Vỹ	Xã An Vỹ huyện Khoái Châu
104	162560	VHX Tân Dân	Xã Tân Dân huyện Khoái Châu
105	162700	VHX Đại Tập	Xã Đại Tập huyện Khoái Châu

106	162610	VHX Tứ Dân	Xã Tứ Dân huyện Khoái Châu
107	162710	VHX Chí Tân	Xã Chí Tân huyện Khoái Châu
108	162920	VHX Lưu Xá	Xã Lưu Xá huyện Yên Mỹ
109	162930	VHX Nghĩa Hiệp	Xã Nghĩa Hiệp huyện Yên Mỹ
110	162940	VHX Giai Phạm	Xã Giai Phạm huyện Yên Mỹ
111	162950	VHX Ngọc Long	Xã Ngọc Long huyện Yên Mỹ
112	162970	VHX Thanh Long	Xã Thanh Long huyện Yên Mỹ
113	163000	VHX Hoàn Long	Xã Hoàn Long huyện Yên Mỹ
114	163020	VHX Yên Hòa	Xã Yên Hòa huyện Yên Mỹ
115	163030	VHX Việt Cường	Xã Việt Cường huyện Yên Mỹ
116	163050	VHX Thường Kiệt	Xã Thường Kiệt huyện Yên Mỹ
117	163060	VHX Tân Việt	Xã Tân Việt huyện Yên Mỹ
118	163070	VHX Trung Hòa	Xã Trung Hòa huyện Yên Mỹ
119	163090	VHX Trung Hưng	Xã Trung Hưng huyện Yên Mỹ
120	163230	VHX Phan Đình Phùng	Xã Phan Đình Phùng huyện Mỹ Hào
121	163270	VHX Phùng Chí Kiên	Xã Phùng Chí Kiên huyện Mỹ Hào
122	163280	VHX Cẩm xá	Xã Cẩm Xá huyện Mỹ Hào

123	163320	VHX Hưng Long	Xã Hưng Long huyện Mỹ Hào
124	163300	VHX Dương Quang	Xã Dương Quang huyện Mỹ Hào
125	163350	VHX Ngọc Lâm	Xã Ngọc Lâm huyện Mỹ Hào
126	163360	VHX Minh Đức	Xã Minh Đức huyện Mỹ Hào
127	163370	VHX Hòa Phong	Xã Hòa Phong huyện Mỹ Hào
128	163340	VHX Xuân Dục	Xã Xuân Dục huyện Mỹ Hào
129	163620	VHX Việt Hưng	Xã Việt Hưng huyện Văn Lâm
130	163660	VHX Chỉ Đạo	Xã Chỉ Đạo huyện Văn Lâm
131	163580	VHX Minh Hải	Xã Minh Hải huyện Văn Lâm
132	163550	VHX Lạc Hồng	Xã Lạc Hồng huyện Văn Lâm
133	163570	VHX Đình Dù	Xã Đình Dù huyện Văn Lâm
134	163520	VHX Tân Quang	Xã Tân Quang huyện Văn Lâm
135	163850	VHX Nghĩa Trụ	Xã Nghĩa Trụ huyện Văn Giang
136	163940	VHX Xuân Quan	Xã Xuân Quan huyện Văn Giang
137	163900	VHX Liên Nghĩa	Xã Liên Nghĩa huyện Văn Giang
138	163820	VHX Cửu Cao	Xã Cửu Cao huyện Văn Giang
139	163960	VHX Phụng Công	Xã Phụng Công huyện Văn Giang

140	161240	VHX Phú Cường	Xã Phú Cường TP Hưng Yên
141	161230	VHX Hùng Cường	Xã Hùng Cường TP Hưng Yên
142	161700	La Tiến	Nguyên Hòa - Phù Cừ - Hưng Yên
143	161200	Dốc Lã	Tiền Thắng Bảo Khê TP Hưng Yên
144	161140	Trung Nghĩa	Đào Đặng Trung Nghĩa Hưng Yê
145	161370	Ba Hàng	Khu phố Ba Hàng, xã Thủ Sỹ, Tiên Lữ
146	162580	Đông Tảo	Xã Đông Tảo Khoái Châu Hy
147	162680	Tân Châu	Hợp Hòa Tân Châu Hưng Yên
148	161420	VHX Hoàng Hanh	Xã Hoàng Hanh TP Hưng Yên
149	161470	VHX Minh Phụng	Minh Phụng - Huyện Tiên Lữ - Tỉnh Hưng Yên
150	161330	VHX Hưng Đạo	Hưng Đạo - Huyện Tiên Lữ - Tỉnh Hưng Yên
151	161670	VHX Nhật Quang	Nhật Quang, Phù Cừ ,Hưng Yên
152	161900	VHX Bắc Sơn	Bắc Sơn, ân Thi Hưng Yên
153	161860	VHX Bãi Sậy	Bãi Sậy, Ân Thị, Hưng Yên
154	162230	VHX Nhân La	Nhân La, Kim Động, Hưng Yên
155	162690	VHX Đông Ninh	Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên
156	162740	VHX Nhuế Dương	Nhuế Dương, Khoái Châu, Hưng Yên

157	162550	VHX Ông Đình	Ông Đình, Khoái Châu, Hưng Yên
158	162920	VHX Liêu Xá	Liêu Xá, Yên Mỹ, Hưng Yên
159	163050	VHX Lý Thường Kiệt	Lý Thường Kiệt Yên Mỹ Hưng Yên
160	163090	VHX Trung Hưng	Trung Hưng, Yên Mỹ, Hưng Yên
161	163060	VHX Tân Việt	Tân Việt, Yên Mỹ, Hưng Yên
162	163030	VHX Việt Cường	Việt Cường, Yên Mỹ, Hưng Yên
163	163230	VHX Phan Đình Phùng	Phan Đình Phùng, Mỹ Hào, Hưng Yên
164	163320	VHX Hưng Long	Hưng Long, Mỹ Hào, Hưng Yên
165	163300	VHX Dương Quang	Dương Quang, Mỹ Hào, Hưng Yên
166	163280	VHX Cẩm Xá	Cẩm Xá, Mỹ Hào, Hưng Yên
167	163270	VHX Phùng Chí Kiên	Phùng Chí Kiên, Mỹ Hào, Hưng Yên
168	163940	VHX Xuân Quan	Xuân Quan, Văn Giang, Hưng Yên
169	163265	Khu công nghiệp	Thôn Tháp, Xã Dị Sử, Mỹ Hào
170	163511	KHL-TMĐT Văn Lâm	Đường Chùa Chuông, Phường Hiến Nam
171	161167	KHL Hưng Yên	Thị trấn Như Quỳnh, văn lâm
172	163953	Ecopark	RA 5A Xóm 4, Xã Xuân Quan, Văn Giang
173	162911	KHL Yên Mỹ	Đường 39, Xã Tân Lập, Yên Mỹ

174	161840	Tân Phúc	Xã Tân Phúc huyện Ân Thi
175	163830	Long Hưng	Long hưng Văn Giang Hưng Yên
TỈNH HẢI DƯƠNG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	170000	Hải Dương	Số 1 Đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi
2	171980	Thanh Bình	340 Đường Nguyễn Lương Bằng
3	172700	Thanh Hà	Khu 7- TT Thanh Hà, Huyện Thanh Hà
4	172910	Chợ Hết	Thôn Đồng Bửu, Xã Thanh Bính, H. Thanh Hà
5	173100	Kim Thành	Phố Ga - TT Phú Thái, H. Kim Thành
6	173280	Đồng Gia	TT Đồng Gia, H. Kim Thành
7	173400	Nam Sách	Phố Mới TT Nam Sách, H. Nam Sách
8	173800	Kinh Môn	Phố Hạ TT Kinh Môn, H. Kinh Môn
9	173940	Thái Mông	Thôn Thái Mông, X. Phú Thành, H. Kinh Môn
10	174200	Chí Linh	Phố Nguyễn Trãi 2, TT Sao Đỏ, H. Chí Linh
11	174410	Phả Lại	TT Phả Lại, H. Chí Linh
12	174700	Cầm Giàng	Khu 16- TT Lai Cách, H. Cầm Giàng
13	174830	Cầu Ghề	Thôn Trảng Kỵ, X. Tân Trường, H. Cầm Giàng

14	174880	Cẩm Giàng Ga	Khu Ga, TT Cẩm Giàng Ga, H. Cẩm Giàng
15	175100	Bình Giang	Đường Thống Nhất, TT Kê Sặt, H. Bình Giang
16	175260	Thái Học	Phố Phủ Thái Học, H. Bình Giang
17	175400	Gia Lộc	Thôn Phương Điểm, TT Gia Lộc, H. Gia Lộc
18	175590	Đoàn Thượng	Thôn Tráng Đoàn Thượng, H. Gia Lộc
19	175800	Thanh Miện	Khu 1, TT Thanh Miện, H. Thanh Miện
20	175880	Hồng Quang	Thôn Đông La, Xã Hồng Quang, H. Thanh Miện
21	176100	Ninh Giang	Khu 6- TT Ninh Giang, H. Ninh Giang
22	176140	Cầu Ràm	Thôn 3, Xã Tân Hương, H. Ninh Giang
23	176500	Tứ Kỳ	Thôn An Đông, TT Tứ Kỳ, H. Tứ Kỳ
24	176580	Hưng Đạo	TT Hưng Đạo, H. Tứ Kỳ
25	176730	Cầu Xe	Thôn Hàm Hy, Xã Cộng Lạc, H. Tứ Kỳ
26	170005	Phòng KDBC	01 Đại Lộ Hồ Chí Minh
27	172350	Tiền Trung	Tiền Trung, Xã Ái Quốc, TP Hải Dương
28	171270	Ngọc Châu	289 Trần Hưng Đạo, P. Ngọc Châu, TP Hải Dương
29	174300	Bến Tắm	Khu Trung Tâm, Phường Bến Tắm, Chí Linh
30	174540	Tân Dân	Thôn Tư Gia, Tân Dân, Chí Linh

31	174420	Lục Đầu Giang	Phố Lục Đầu Giang, Phả Lại, Chí Linh
32	175170	Quán Gỏi	Quán Gỏi, Hưng Thịnh, Bình Giang
33	173490	Thanh Quang	Thị Tứ, Thanh Quang, Nam Sách
34	172050	Hải Tân	48 Yết Kiêu, TP Hải Dương
35	173170	Lai Khê	Xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành
36	176300	Kiến Quốc	Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang
37	172740	Chợ Cháy	Thôn Du La xã Cẩm Chế huyện Thanh Hà
38	173830	Nhị Chiều	Thôn Lỗ Sơn TT Phú Thứ huyện KM
39	173840	Hoàng Thạch	Thôn Bích Nhôi TT Minh Tân huyện KM
40	174790	Văn Thai	Xã Cẩm Văn huyện Cẩm Giàng
41	173401	TT Nam Sách	Khu La Văn Cầu - TT Nam Sách
42	174940	Phúc Điền	Khu công nghiệp Phúc Điền huyện Cẩm Giàng
43	171250	TMĐT Hải Dương	295 Đại lộ Hồ Chí Minh TP Hải Dương
44	172960	KT Thanh Hà	Thị trấn Thanh Hà
45	175830	VHX Lam Sơn	Phố Chương xã Lam Sơn thanh Miện
46	175190	VHX Thúc Kháng	Thôn Lương Ngọc xã Thúc Kháng Bình Giang
47	174850	VHX Cẩm Sơn	Thôn 3 Cẩm Sơn Cẩm Giàng

48	171950	VHX Việt Hòa	Việt Hòa TP Hải Dương
49	172430	VHXThượng Đạt	Thượng Đạt TP Hải Dương
50	172390	VHXTân Hưng	Thanh liêu Tân Hưng Hải Dương
51	172410	VHXThạch Khôi	Thạch khôi Hải Dương
52	174980	VHXCầm Đông	Cầm Đông Cầm Giàng Hải Dương
53	174780	VHXCầm Vũ	Cầm Vũ Cầm Giàng Hải Dương
54	174800	VHXCầm Định	Cầm Định Cầm Giàng Hải Dương
55	174910	VHXCầm Hưng	Cầm Hưng Cầm Giàng Hải Dương
56	174950	VHXCầm Điền	Cầm Điền Cầm Giàng Hải Dương
57	173110	VHX Kim Lương	Kim Lương - Kim Thành - Hải Dương
58	173200	VHX Ngũ Phúc	Ngũ Phúc - Kim Thành - Hải Dương
59	173460	VHX An Bình	An Bình, Nam Sách
60	173510	VHX Nam Tân	Nam tân, Nam Sách
61	176390	VHX Hồng Phong	Bồ Dương, Ninh Giang
62	176275	VHX Hồng Dụ	Thượng Xá, Ninh Giang
63	176240	VHX Quang Hưng	Thiên Khánh, Ninh Giang
64	176170	VHX Quyết Thắng	Đồng Lại, Ninh Giang

65	176310	VHX Tân Phong	Hữu Chung, Ninh Giang
66	176110	VHX Vĩnh Hòa	Ngọc Hòa, Ninh Giang
67	176624	VHX Ngọc Sơn	Phạm Xá - Ngọc Sơn, Tứ Kỳ
68	176610	VHX Kỳ Sơn	Bình Di - Kỳ Sơn, Tứ Kỳ
69	176530	VHX Tứ Xuyên	Làng vực- Tứ Xuyên, Tứ Kỳ
70	176680	VHX Minh Đức	Minh đức, Tứ Kỳ
71	172790	VHX Tân Việt	Thôn Vạn Tuế Tân Việt
72	172760	VHX Thanh Lang	Lan Can Thanh Lang
73	175910	VHX Tân Trào	Xã Tân Trào Thanh Miện Hải Dương
74	175920	VHX Lê Hồng	Xã Lê Hồng Thanh Miện Hải Dương
75	175950	VHX Tứ Cường	Xã Tứ Cường Thanh Miện Hải Dương
76	175980	VHX Chi Lăng Nam	Xã Chi Lăng Nam Thanh Miện HD
77	175300	VHX Cổ Bỳ	Xã Cổ Bỳ huyện Bình Giang
78	175130	VHX Tân Việt	Xã Tân Việt huyện Bình Giang
79	175250	VHX Bình Xuyên	Xã Bình Xuyên huyện Bình Giang
80	176240	VHX Quang Hưng	Xã Quang Hưng, Ninh Giang
81	176110	VHX Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Hòa, Ninh Giang

82	176275	VHX Hồng Dụ	Xã Hồng Dụ, Ninh Giang
83	176280	VHX Hồng Thái	Xã Hồng Thái, Ninh Giang
84	176170	VHX Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, Ninh Giang
85	176190	VHX Ninh Hòa	Xã Ninh Hòa, Ninh Giang
86	176220	VHX Vạn Phúc	Xã Vạn Phúc, Ninh Giang
87	176210	VHX Đông Xuyên	Xã Ninh Hòa, Ninh Giang
88	174060	VHX Minh Hòa	Minh Hòa Kinh Môn
89	176120	Vhx Đồng Tâm	Đồng Tâm Ninh Giang Hải Dương
90	176330	Vhx Hồng Phúc	Hồng PhúcNinh Giang Hải Dương
91	176340	Vhx Hưng Long	Hưng Long Giang Hải Dương
92	176130	Vhx Ninh Thành	Ninh Thành Giang Hải Dương
93	176200	Vhx Hồng Đức	Hồng Đức Ninh Giang Hải Dương
94	176230	Vhx An Đức	An Đức Ninh Giang Hải Dương
95	176290	Vhx Ninh Hải	Ninh Hải Ninh Giang Hải Dương
96	176160	Vhx Nghĩa An	Nghĩa An Ninh Giang Hải Dương
97	174240	VHX Hoàng Tân	Hoàng tân Chí Linh
98	174260	VHX Cộng Hòa	Cộng Hòa Chí Linh

99	175000	VHX Cẩm Đoài	Cẩm Đoài Cẩm Giàng Hải Dương
100	174750	VHX Cao An	Cao An Cẩm Giàng Hải Dương
101	174870	VHX Kim Giang	Kim Giang Cẩm Giàng Hải Dương
102	174930	VHX Cẩm Phúc	Cẩm Phúc Cẩm Giàng Hải Dương
103	176680	VHX Minh Đức	Xã Minh Đức huyện Tứ Kỳ
104	174370	VHX Lê Lợi	Lê Lợi Chí Linh
105	174480	VHX Cổ Thành	Xã Cổ Thành TX Chí Linh
106	174460	VHX Văn An	Xã Văn An TX Chí Linh
107	174975	Đông Giao	Xã Lương Điền Cẩm Giàng
108	175940	VHX Đoàn Kết	Đoàn Kết Thanh Miện
109	175820	VHX Hùng Sơn	Hùng Sơn Thanh Miện
110	176020	VHX Tiên Phong	Tiên Phong Thanh Miện
111	175850	VHX Phạm Kha	Phạm Kha Thanh Miện
112	175860	VHX Đoàn Tùng	Đoàn Tùng Thanh Miện
113	174290	BCP Chí Linh	Phường sao đỏ Chí Linh
114	175900	VHX Ngô Quyền	Xã Ngô Quyền Thanh Miện
115	175160	VHX Vĩnh Tuy	Xã Vĩnh Tuy Bình Giang

116	173210	VHX KIM ANH	VĂN MINH KIM ANH KIM THÀNH - HD
117	173230	VHX KIM KHÊ	KIM KHÊ - KIM THÀNH - HD
118	173180	VHX THƯỢNG VŨ	THƯỢNG VŨ - KIM THÀNH - HD
119	173260	VHX BÌNH DÂN	BÌNH DÂN - KIM THÀNH - HD
120	173270	VHX CẨM LA	CẨM LA - KIM THÀNH - HẢI DƯƠNG
121	173300	VHX ĐẠI ĐỨC	ĐẠI ĐỨC - KIM THÀNH - HẢI DƯƠNG
122	173240	VHX KIM TÂN	KIM TÂN - KIM THÀNH - HẢI DƯƠNG
123	173320	VHX TAM KỶ	TAM KỶ - KIM THÀNH - HẢI DƯƠNG
124	173310	BC Phát Kim Thành	QUỐC LỘ 5 THỊ TRẤN PHÚ THÁI KIM THÀNH
125	176690	BC Phát Tứ Kỳ	THỊ TRẤN TỨ KỶ
126	173580	VHX Hồng Phong	Thôn Vạn Tải xã Hồng Phong
127	173470	VHX Nam Trung	Thôn Thụy Trà Nam Trung
128	173610	Phát Nam Sách	TT Nam Sách
129	176320	BCP Ninh Giang	Thị trấn Ninh Giang
130	174520	VHX An Lạc	Xã An Lạc Chí Linh
131	174510	VHX Thái Học	Xã Thái Học Chí Linh
132	174560	VHX Đồng Lạc	Xã Đồng Lạc Chí Linh

133	176530	VHX Tứ Xuyên	Làng vực- Tứ Xuyên, Tứ Kỳ
134	176550	VHX Quang Phục	Quang Phục, Tứ Kỳ
135	176581	VHX Hưng Đạo	Hưng Đạo, Tứ Kỳ
136	176800	VHX Quang Trung	Quang Trung, Tứ Kỳ
137	176740	VHX Hà Kỳ	Hà Kỳ, Tứ Kỳ
138	176650	VHX Đại Hợp	Đại Hợp, Tứ Kỳ
139	176510	VHX Tây Kỳ	Tây Kỳ, Tứ Kỳ
140	176790	VHX An Thanh	An Thanh, Tứ Kỳ
141	176700	VHX Văn Tổ	La giang - Văn tổ, Tứ Kỳ
142	173620	VHX Đồng Lạc	Xã Đồng lạc, Nam Sách
143	174220	VHX Văn Đức	Văn Đức, Chí Linh
144	174390	VHX Hưng Đạo	Hưng Đạo, Chí Linh
145	173820	VHX Hiệp Sơn.	An Cường Kinh Môn
146	173930	VHX Lê Ninh	Lê xá Lê ninh
147	174030	VHX Long Xuyên	Ngư Uyên Lon Xuyên
148	176624	VHX Ngọc Sơn	Phạm Xá - Ngọc Sơn
149	176610	VHX Kỳ Sơn	Bình Di - Kỳ Sơn

150	176600	VHX Đại đồng	Xã Đại Đồng
151	176760	VHX Hà Thanh	Hà Thanh
152	176640	VHX Tân Kỳ	Tân Kỳ
153	176720	VHX Phụng Kỳ	Như Lâm- Phụng Kỳ
154	174040	VHX Hiến Thành	Xã Hiến Thành
155	173910	VHX Thất Hùng	Thất Hùng
156	173950	VHX Quang Trung	Quang Trung
157	173960	VHX An Phú	An Phú
158	173970	VHX Thượng Quận	Thượng Quận
159	173870	VHX Hoành Sơn	Hoành Sơn
160	174820	VHX Cẩm Hoàng	Xã Cẩm Hoàng Cẩm Giàng
161	176250	VHX Hoàng Hanh	Xã Hoàng Hanh Ninh Giang
162	176370	VHX Văn Giang	Xã Văn Giang Ninh Giang
163	176360	VHX Văn Hội	Xã Văn Hội Ninh Giang
164	176350	VHX Hưng Thái	Xã Hưng Thái Ninh Giang
165	173550	VHX Nam Hồng	Xã Nam Hồng Nam Sách
166	175990	Ngũ Hùng	Ngũ Hùng Thanh Miện Hải Dương

167	175415	VHX Gia Khánh	Thôn Bình đề Xã Gia Khánh
168	175420	VHX Gia Lương	Thôn Xuân Dương Xã Gia lương
169	175610	VHX Đồng Quang	Thôn Đông Trại Xã Đồng Quang
170	175650	VHX Đức Xương	Thôn An Cư 1 Xã Đức Xương
171	175440	VHX Gia Xuyên	Thôn Tăng Hạ Xã Gia Xuyên
172	175700	VHX Hoàng Diệu	Thôn Đại Tỉnh Xã Hoàng Diệu
173	175560	VHX Lê Lợi	Khu Thị Tứ Xã Lê Lợi
174	175630	VHX Nhật Tân	Thôn Cao Duệ Xã Nhật Tân
175	175600	VHX Phạm Trấn	Thôn Côi Thượng Xã Phạm Trấn
176	175640	VHX Quang Minh	Thôn Minh Tân Xã Quang Minh
177	175450	VHX Tân Tiến	Thôn Quán Đào Xã Tân Tiến
178	175680	VHX Thống Kênh	Thôn Đồng Tái Xã Thống Kênh
179	175510	VHX Thống Nhất	Thôn Cẩm Cầu Xã Thống Nhất
180	175540	VHX Yết Kiêu	Thôn Thượng Bì Xã Yết Kiêu
181	173920	VHX Bạch Đằng	Xã Bạch Đằng
182	173860	VHX Tân Dân	Xã Tân Dân
183	175270	VHX Hồng Khê	Xã Hồng Khê

184	173570	VHX Thái Tân	Xã Thái Tân
185	175150	VHX Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng, Bình Giang
186	175970	VHX Chi Lăng Bắc	Xã Chi Lăng Bắc, Thanh Miện
187	175110	VHX Vĩnh Hồng	Xã Vĩnh Hồng Bình Giang
188	174440	VHX Chí Minh	Xã Chí Minh huyện Chí Linh
189	174770	KT Cẩm Giàng	Thị trấn Lai Cách Cẩm Giàng
190	173810	KT Kinh Môn	Hiệp An Kinh Môn Hải Dương
191	173980	BCP Kinh Môn	Hiệp An Kinh Môn Hải Dương
192	175210	VHX Thái Dương	Xã Thái Dương Bình Giang
193	175310	BCP Bình Giang	Thị trấn Bình Giang
194	175470	BCP Gia Lộc	Thị trấn Gia Lộc
195	175290	Đại lý Hòa Loan	Hòa Loan Bình Giang
196	176660	Đại lý Quán Ngái	Xã Quảng Nghiệp Tứ Kỳ
197	176770	Đại lý Quý Cao	Xã Nguyên Giáp Tứ Kỳ
198	173190	BD-VHX Lai Vu	Xã Lai Vu huyện Kim Thành
199	176630	VHX Quang Khải	Xã Quang Khải Tứ Kỳ
200	176750	VHX Tiên Động	Xã Tiên Động Tứ Kỳ

201	176570	VHX Tái Sơn	Xã Tái Sơn tứ Kỳ
202	176150	KT Ninh Giang	Thị trấn Ninh Giang
203	176385	VHX Hiệp Lực	Xã Hiệp Lực huyện Ninh Giang
204	172810	Chợ Nứa	Xã tân An huyện Thanh Hà
205	174728	KHL Cẩm Giàng	Thị trấn Lai Cách Cẩm Giàng
206	175220	VHX Thái Hòa	Xã Thái Hòa Bình Giang
207	172370	VHX An Châu	Thôn Tiền Xã An Châu, Hải Dương
TỈNH HẢI PHÒNG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	180000	TP Hải phòng	Số 05 Nguyễn Tri Phương, TP Hải Phòng
2	184800	An Dương	Số 10 Thị trấn An Dương, huyện An Dương
3	185300	An Lão	Số 27 Lê Lợi, Thị trấn An Lão,
4	187300	Cát Hải	Số 18,đường 1/4, thị trấn Cát Bà
5	187100	Đồ Sơn	Số 85, Lý Thánh Tông, quận Đồ Sơn
6	185100	Kiến An	Số 2 Phan Đăng Lưu, quận Kiến An
7	186700	Kiến Thụy	Số 3, Cẩm Xuân, Thị Trấn Núi đôi,
8	185600	Tiên Lãng	Khu 7 Minh Đức, Thị trấn Tiên Lãng

9	183000	Thủy Nguyên	Số 5, đường Đà Nẵng, Thị trấn Núi đèo,
10	186200	Vĩnh Bảo	Số 129, đường Đông Thái, Thị trấn Vĩnh Bảo
11	181810	Ngô Quyền	Số 3 Võ Thị Sáu, Phường Máy tơ, Ngô Quyền
12	182110	Vạn Mỹ	số 343 Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
13	183710	Lê Chân	Số 67 Trần Nguyên Hãn,Lê Chân
14	181310	Hồng Bàng	số 36 Quang Trung, Hồng Bàng
15	181290	Cảng Mới	Khu 7 Quán Toan, Hồng Bàng
16	182450	Hàng Kênh	số 125 Lạch Tray,Ngô Quyền
17	182610	Ng Bình Khiêm	Số 1 Văn Cao, P. Đông Hải,Quận Hải An
18	187380	Hoà Quang	Tổ dân phố Lục Độ, TT Cát Hải
19	185180	Quán Trữ	Lê Duẩn,Phường Quán Trữ,Quận Kiến An
20	186730	Hoà Nghĩa	Khu dân cư Thủy Giang,Hoà Nghĩa,Dương Kinh
21	186790	Chợ Hương	Khu dân cư Phương Lung,Hưng Đạo,Dương Kinh
22	185960	Hùng Thắng	HùngThắng, Huyện Tiên Lãng
23	185920	Đông Quy	Toàn Thắng, Huyện Tiên Lãng
24	185660	Hoà Bình	Tiên Cường,Huyện Tiên Lãng
25	185770	Cầu Đàm	Tân Lập,Đoàn Lập,Huyện Tiên Lãng

26	183090	Minh Đức	Khu đường phố, Minh Đức, Thủy Nguyên
27	183050	Phả Lễ	Thôn 2, Phả Lễ, Thủy Nguyên
28	183200	Cầu Giá	Chợ tổng, Cầu Giá, Thủy Nguyên
29	183300	Quảng Thanh	Thanh Lãng, Quảng Thanh, Thủy Nguyên
30	183330	Trịnh Xá	Trịnh Xá, Trịnh Xá, Thủy Nguyên
31	183370	Tân Hoa	Ngã 3, Tân Hoa, Thủy Nguyên
32	185330	An Tràng	Xã Trường Sơn, An Lão
33	185420	Chợ kênh	Xã Quang Trung, An Lão
34	185480	Mỹ Đức	Xã Mỹ Đức, An Lão
35	184850	Chợ Hồ	Xóm Nam Bình, Xã An Hưng, An Dương
36	185010	Tôn Đức Thắng	Số 28 Đại lộ Tôn Đức Thắng Xã An Đồng, An Dương
37	181080	Thượng Lý	Số 1 đường Hà Nội, phường Hạ Lý, Hồng Bàng
38	182100	Cầu Tre	A4 phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
39	182180	Cửa Cấm	289 Lê Lai, phường Máy Trai, Ngô Quyền
40	181280	Quán Toan	Khu 3 Quán Toan, Phường Quán Toan, Hồng Bàng
41	184030	Niệm Nghĩa	Bến xe Niệm Nghĩa, phường Niệm Nghĩa
42	184190	Chợ Hàng	Số 6 Chợ Hàng, Phường Đông Hải, Q Lê Chân

43	187520	Hạ Lũng	Số 4 Lũng bắc, Phường Đằng Hải, Quận Hải An
44	187590	Nam Hải	số 1303 Ngô Gia Tự nổi dài, phường Cát Bi, Q Hải An
45	186940	Tú Sơn	Xã Hối Xuân, Tú Sơn, huyện Kiến Thụy
46	186520	Nam Am	Thôn Nam Am, Xã Tam Cường
47	186260	Chợ Cầu	Thị Tứ Chợ Cầu, Vĩnh An
48	180401	P. KDVTTH	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng
49	180900	Hệ 1	Số 7 Đinh Tiên Hoàng, Minh Khai, Hồng Bàng
50	180406	Ttâm KD Ptriển DV BD	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng
51	180402	Phòng KD BChính	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng
52	180001	V.Phòng BD T.Tâm	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
53	180901	V.Phòng T.Tâm K thác VChuyên	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
54	180902	Gdịch T Tâm K Thác V Chuyên	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
55	180403	Phòng Tổ chức hành chính	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
56	180404	Phòng Kế hoạch Kinh doanh	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
57	180407	Phòng Kế toán thống kê tài chính	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
58	180408	Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
59	180903	Phòng Kế toán Ttâm KTVC	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

60	186350	Hà Phương	Xóm Chợ, Thôn Gáo, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo
1	181160	Phát Hải Phòng	Số 5 Nguyễn Tri Phương, Hải Phòng
2	181530	BCP Thương mại điện tử Hải Phòng	Đường Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý
61	181520	Bưu cục Phát cấp 2 Hồng Bàng	001800 - BĐTP Hải Phòng
62	183640	Bưu cục Phát cấp 2 Lê Chân	001800 - BĐTP Hải Phòng
63	181910	Bưu cục Phát cấp 2 Ngô Quyền	001800 - BĐTP Hải Phòng
64	187510	Bưu cục Phát cấp 2 Hải An	001800 - BĐTP Hải Phòng
65	181050	Express Hải Phòng	TP Hải Phòng
66	187540	Bưu cục cấp 3 KHL Hải An	001800 - BĐTP Hải Phòng
67	181510	Bưu cục cấp 3 KHL Hồng Bàng	001800 - BĐTP Hải Phòng
68	184570	Bưu cục cấp 3 KHL Lê Chân	001800 - BĐTP Hải Phòng
69	182380	Bưu cục cấp 3 KHL Ngô Quyền	001800 - BĐTP Hải Phòng
70	180801	Văn phòng Trung tâm 3	Số 1 Văn Cao - Đằng Giang - Ngô Quyền - Hải Phòng
71	180802	Phòng kế toán	Số 1 Văn Cao - Đằng Giang - Ngô Quyền - Hải Phòng
72	180803	Phòng Kinh doanh	Số 1 Văn Cao - Đằng Giang - Ngô Quyền - Hải Phòng
73	183220	BC phát Thủy Nguyên	Số 5, Đường Đà Nẵng, Thị trấn Núi Đèo
74	184880	BC phát An Dương	Khu Phố Số 5, Thị trấn An Dương

75	185250	BC phát Kiến An	Sô'2, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Trần Thành Ngọ
76	185390	BC phát An Lão	Sô'27, Đường Đường Lê Lợi, Thị trấn An Lão
77	185670	BC phát Tiên Lãng	Khu li, Thị trấn Tiên Lãng
78	186230	BC phát Vĩnh Bảo	Sô'129, Đường Đường Phố Đông Thái, Thị trấn Vĩnh Bảo
79	186860	BC phát Kiến Thụy	Sô'3, Đường Cẩm Xuân, Thị trấn Núi Đồi
80	187170	BC phát Tx Đồ Sơn	Sô'85, Đường Lý Thánh Tông, Phường Vạn Sơn
81	187450	BC phát Cát Hải	Sô'0, Tiểu Khu 1b, Thị trấn Cát Bà
82	183410	KHL Thủy Nguyên	số 5 Núi Đèo, Huyện Thủy Nguyên
83	187690	Cầu Rào	45 Ngô Gian Tự - Hải An - Hải Phòng
84	183060	Khai thác Thủy Nguyên	Sô'5, Đường Đà Nẵng, Thị trấn Núi Đèo
85	184860	Khai thác An Dương	Khu Phố Số 5, Thị trấn An Dương
86	185130	Khai thác Kiến An	Sô'2, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Trần Thành Ngọ
87	185360	Khai thác An Lão	Sô'27, Đường Đường Lê Lợi, Thị trấn An Lão
88	185620	Khai thác Tiên Lãng	Khu li, Thị trấn Tiên Lãng
89	186250	Khai thác Vĩnh Bảo	Sô'129, Đường Đường Phố Đông Thái, Thị trấn Vĩnh Bảo
90	186720	Khai thác Kiến Thụy	Sô'3, Đường Cẩm Xuân, Thị trấn Núi Đồi
91	187110	Khai thác Tx Đồ Sơn	Sô'85, Đường Lý Thánh Tông, Phường Vạn Sơn

92	187430	Khai thác Cát Hải	Số'0, Tiểu Khu 1b, Thị Trấn Cát Bà
93	181300	Nomura	Quán Toan - Hải Phòng
94	185440	VHX Chiến Thắng	xã Chiến Thắng huyện An Lão Hải Phòng
95	186590	VHX Trần Dương	xã Trần Dương huyện Vĩnh Bảo Hải Phòng
96	187521	VHX Đằng Hải	Cụm 4 - Lũng Đông - Đằng Hải - Hải Phòng
97	187550	VHX Đông Hải	Bình Kiều 1 - Đông hải - Hải Phòng
98	187500	VH Đằng Lâm	Trung Hành 5 - Đằng lâm - hải Phòng
99	186290	VHX Dũng Tiến	Dũng Tiến, Vĩnh Bảo
100	183400	VHX Lập Lễ	Thôn Đường Ngang- Xã Lập Lễ - Huyện Thủy Nguyên
101	183080	VHX Tam Hưng	Thôn Nghi - Xã Tam Hưng - Huyện Thủy Nguyên
102	183040	VHX Thủy Triều	Thôn 2 - Tuy Lạc - Thủy Triều - Huyện Thủy Nguyên
103	183350	VHX Lâm Động	Thôn Hàu - Xã Lâm Động - Huyện Thủy Nguyên
104	183150	VHX Minh Tân	Thôn 7 - Xã Minh Tân - Huyện Thủy Nguyên
105	183371	VHX Tân Dương	Thôn đội 2 - Xã Tân Dương - Huyện Thủy Nguyên
106	184890	VHX Đại Bản	Thôn Tân Thanh - Xã Đại Bản - Huyện An Dương
107	184930	VHX Lê Thiện	Thôn Phí Xá- Xã Lê Thiện - Huyện An Dương
108	184830	VHX Bắc Sơn	Thôn 2 - Xã Bắc Sơn - Huyện An Dương

109	184990	VHX Hồng Thái	Thôn Kiều Đông- Xã Hồng Thái - Huyện An Dương
110	186240	VHX Tân Liên	Thôn Vinh Quang- Xã Tân Liên - Huyện Vĩnh Bảo
111	186580	VHX Hòa Bình	Thôn 3- Xã Hòa Bình - Huyện Vĩnh Bảo
112	186450	VHX Vinh Quang	Thôn Hu Tri - Xã Vinh Quang - Huyện Vĩnh Bảo
113	186430	VHX Vĩnh Phong	Thôn Quán Khái - Xã Vĩnh Phong - Huyện Vĩnh Bảo
114	186470	VHX Công Hiến	Thôn 10- Hạ Am -Xã Công Hiến - Huyện Vĩnh Bảo
115	186570	VHX Lý Học	Thôn Trung Am - Xã Lý Học - Huyện Vĩnh Bảo
116	186310	VHX Thắng Thủy	Thôn Hà Phương 4- Xã Thắng Thủy - Huyện Vĩnh Bảo
117	186440	VHX An Hòa	Thôn An Lãng - Xã An Hòa -Huyện Vĩnh Bảo
118	186280	VHX Việt Tiến	Thôn 5- Xã Việt Tiến - Huyện Vĩnh Bảo
119	185820	VHX Nam Hưng	Thôn Bạch Xa Làng
120	185850	VHX Bắc Hưng	Thôn Xuân Hưng -Xã Bắc Hưng
121	185410	VHX Quốc Tuấn	Thôn Hạ Câu - Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão
122	185320	VHX An Thắng	Thôn Quyết Tiến 3- Xã An Thắng -Huyện An Lão
123	185500	VHX An Thọ	Đội 6 - Trần Thành - Xã An Thọ - Huyện An Lão
124	186780	VHX Hải Thành	Tổ dân phố Hải Thành - Xã Hải Thành- Quận Dương Kinh
125	186830	VHX Thanh Sơn	Thôn Cẩm Hoàn - Xã Thanh Sơn- Huyện Kiến Thụy

126	186880	VHX Đại Hà	Thôn Cao Bộ - Xã Đại Hà - Huyện Kiến Thụy
127	186890	VHX Tân Trào	Thôn Kim Sơn - Xã Tân Trào - Huyện Kiến Thụy
128	185350	VHX Trường Thành	Phường Chủ Tây Trường Thành
129	185460	VHX Tân Dân	Đại Hoàng Tân Dân
130	184840	VHX Tân Tiến	Thôn Nông Xá Tân Tiến
131	187400	VHX Văn Phong	Thôn Phong Niên Văn Phong
132	187350	VHX Xuân Đám	Thôn 3 Xuân Đám
133	185870	VHX Đông Hưng	Thôn Trung Hưng Đông Hưng
134	185730	VHX Kiến Thiết	Thôn Nam Từ Kiến Thiết
135	185840	VHX Tây Hưng	Minh Hưng Tây Hưng
136	183020	VHX An Lư	Thôn An Thắng An Lư
137	183120	VHX Hoà Bình	Thôn Thanh Bình Hoà Bình
138	183360	VHX Hoa Động	Thôn 13 Hoa Động
139	183270	VHX Kiền Bái	Thôn 6 Kiền Bái
140	183010	VHX Thuỷ Sơn	Thôn Dục Liễn Thuỷ Sơn
141	183230	VHX Mỹ Đồng	Thôn Phương Mỹ Mỹ Đồng
142	183250	VHX Kỳ Sơn	Thôn Vũ Lao Kỳ Sơn

143	183260	VHX Lại Xuân	Thôn Pháp Cổ Lại Xuân
144	183141	VHX Ngũ Lão	Thôn 5 Trung Sơn Ngũ Lão
145	186800	VHX Đa Phúc	Thôn Quản Luận Đa Phúc
146	186750	VHX Đại Đồng	Thôn Phòong Cầu 1 Đại Đồng
147	186960	VHX Hợp Đức	Đồ Sơn - HP
148	186410	VHX Đồng Minh	Thôn Bảo Hà Đồng Minh
149	186290	VHX Dũng Tiến	Thôn An Bò Dũng Tiến
150	187600	VHX Tràng cát	Tràng Cát - hải Phòng
151	181212	Đại lý Tôn Đức Thắng	906 Tôn Đức Thắng
152	187615	KCN Đình Vũ	KCN Đình Vũ - Hải An
153	180908	Văn phòng TTKTVC	An Trì - Hồng Bàng
154	181055	HCC Hải Phòng	5 Nguyễn Tri Phương
155	181270	VP Trung Tâm	5 Nguyễn Tri Phương
156	184870	VHX An Hồng	xã An Hồng huyện An dương
157	184910	VHX Hồng Phong	xã Hồng Phong huyện An dương
158	184940	VHX An Hoà	xã An Hoà huyện An dương
159	184960	VHX Đặng Cương	xã Đặng Cương huyện An dương

160	185000	VHX Đồng Thái	xã Đồng Thái huyện An dương
161	184820	VHX Nam Sơn	xã Nam Sơn huyện An dương
162	185380	VHX Bát Trang	xã Bát Trang huyện An Lão
163	185430	VHX Tân Viên	xã Tân Viên huyện An Lão
164	185520	VHX Thái Sơn	xã Thái Sơn huyện An Lão
165	185530	VHX An Thái	xã An Thái huyện An Lão
166	187360	VHX Hiền Hào	xã Hiền Hào huyện Cát Hải
167	187340	VHX Gia Luân	xã Gia Luân huyện Cát Hải
168	187320	VHX Việt Hải	xã Việt Hải huyện Cát Hải
169	187370	VHX Phù Long	xã Phù Long huyện Cát Hải
170	187390	VHX Đồng Bài	xã Đồng Bài huyện Cát Hải
171	187420	VHX Hoàng Châu	xã Hoàng Châu huyện Cát Hải
172	185170	VHX Đồng Hoà	xã Đồng Hoà huyện Kiến An
173	186710	VHX Minh Tân	xã Minh Tân huyện Kiến Thụỵ
174	186910	VHX Đoàn Xá	xã Đoàn Xá huyện Kiến Thụỵ
175	186900	VHX Ngũ Đoan	xã Ngũ Đoan huyện Kiến Thụỵ
176	186840	VHX Thụỵ Hương	xã Thụỵ Hương huyện Kiến Thụỵ

177	186740	VHX Tân Thành	xã Tân Thành huyện Dương kinh
178	185771	VHX Đoàn Lập	xã Đoàn Lập huyện Tiên Lãng
179	185690	VHX Tiên Thanh	xã Tiên Thanh huyện Tiên Lãng
180	185880	VHX Tiên Hưng	xã Tiên Hưng huyện Tiên Lãng
181	185800	VHX Tiên Minh	xã Tiên Minh huyện Tiên Lãng
182	185990	VHX Vinh Quang	xã Vinh Quang huyện Tiên Lãng
183	185890	VHX Quang Phục	xã Quang Phục huyện Tiên Lãng
184	185650	VHX Khởi Nghĩa	xã Khởi Nghĩa huyện Tiên Lãng
185	183280	VHX Cao Nhân	xã Cao Nhân huyện Thủy Nguyên
186	183320	VHX An Sơn	xã An Sơn huyện Thủy Nguyên
187	183310	VHX Phù Ninh	xã Phù Ninh huyện Thủy Nguyên
188	183301	VHX Quảng Thanh	xã Quảng Thanh huyện Thủy Nguyên
189	183110	VHX Gia Đức	xã Gia Đức huyện Thủy Nguyên
190	183210	VHX Liên Khê	xã Liên Khê huyện Thủy Nguyên
191	185450	KHL An Lão	TT An Lão
192	184920	KHL An Dương	TT An Dương
193	187460	KHL Cát Hải	TT Cát Hải

194	185790	KHL Tiên Lãng	TT Tiên Lãng
195	186970	KHL Kiến Thụy	TT Núi Đồi
196	186340	KHL Vĩnh Bảo	TT Vĩnh Bảo
197	188140	KHL Kiến An	Nguyễn Lương Bằng - Kiến An
198	183140	Ngũ Lão	Ngũ lão - Thủy Nguyên
199	183390	VHX Dương Quan	Dương Quan - Thủy Nguyên
200	183240	VHX Chính Mỹ	Chính Mỹ - Thủy Nguyên
201	185140	VHX Nam Sơn	Nam Sơn - Kiến An
202	181056	BCP TMĐT Hồng Bàng	An Trì - Hồng Bàng - HP
203	183751	BCP TMĐT Lê Chân	An Trì - Hồng Bàng - HP
204	182901	BCP TMĐT Ngô Quyền	An Trì - Hồng Bàng - HP
205	187511	BCP TMĐT Hải An	An Trì - Hồng Bàng - HP
206	186706	BC Núi Đồi	Núi Đồi - Kiến Thụy - HP
207	184956	BC Tràng Duệ	Tràng Duệ - An Dương - HP
TỈNH QUẢNG NINH			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	200000	Hòn Gai	Số 539 Lê Thánh Tôn phường Bạch Đằng Thành Phố Hạ Long

2	201130	Cột 5	Tổ 60C khu 5A, Phường Hồng Hà, Thành Phố Hạ Long
3	201350	Hà Tu	Tổ 46A khu 5, Phường Hà Tu Thành Phố Hạ Long
4	201830	Hà Lầm	Tổ 2 Khu 4, Phường Hà Lầm, Thành Phố Hạ Long
5	202400	Hạ Long	Khu 2 Phố Vườn Đào, Phường Bãi Cháy, Thành Phố Hạ Long
6	202620	Kênh Đồng	Tổ 1A khu 3B , Phường Giếng Đáy, Thành Phố Hạ Long
7	203200	Cầm Phả	Số nhà 375 đường Trần Phú phường Cầm Thành thị xã Cầm Phả
8	203800	Cọc 6	Tổ 123 Cụm 8, Phường Cầm Phú, Thị Xã Cầm Phả
9	204120	Cửa Ông	Tổ 115 khu Bến Tàu, Phường Cửa Ông, Thị Xã Cầm Phả
10	204300	Mông Dương	Tổ 108 cụm 6, Phường Mông Dương, Thị Xã Cầm Phả
11	204880	Quang Hanh	Tổ 14 Cụm 5, Phường Quang Hanh, Thị Xã Cầm Phả
12	205300	Vân Đồn	Tổ 4 Khu phố 4, Thị trấn Cái Rồng, Huyện Vân Đồn
13	205500	Cô Tô	Khu 2, Thị trấn Cô Tô,Huyện Cô Tô
14	205600	Tiên Yên	Phố Lý Thường Kiệt, Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên
15	205900	Ba Chẽ	Khu 3, Thị trấn Ba Chẽ Huyện Ba Chẽ
16	206100	Bình Liêu	Đường 18C khu Bình Quyền, Thị trấn Bình Liêu, Huyện Bình Liêu
17	206300	Đầm Hà	Thôn 1, Thị trấn Đầm Hà, Huyện Đầm Hà
18	206500	Hải Hà	Phố 4A Đường Chu Văn An, Thị trấn Hải Hà, Huyện Hải Hà

19	206800	Móng Cái	Số 1 đường Hùng Vương Phường Hòa lạc Thị xã Móng cái
20	207200	Hoành Bồ	Tổ 4 Khu 4, Thị trấn Trới, Huyện Hoành Bồ
21	207500	Yên Hưng	Số 36 Đường Ngô Quyền, thị trấn Quảng Yên, Huyện Yên Hưng
22	207620	Cây số 11	Thôn Tân Mai 2 , Xã Đông Mai, Huyện Yên Hưng
23	207900	Uông Bí	Số 385 Đường Quang Trung Thị xã Uông Bí
24	208220	Vàng Danh	Tổ 12A1 Cụm 4, Phường Vàng Danh, Thị Xã Uông Bí
25	208370	Nam Khê	Tổ 4 khu phố Tre Mai, Phường Nam Khê, Thị Xã Uông Bí
26	208410	Phương Đông	Tiểu Khu Cầu Sến, Xã Phương Đông, Thị xã Uông Bí
27	208600	Đông Triều	Khu 3 Đường Trần Nhân Tông, Thị trấn Đông Triều, Huyện Đông Triều
28	208650	Mạo Khê	Đường Hoàng Hoa Thám , Thị trấn Mạo Khê, Huyện Đông Triều
1	207080	Bưu cục phát Móng Cái	01 Hùng Vương- Hòa Lạc-Móng Cái
2	203330	Bưu cục phát Cẩm Phả	Số 375 Trần Phú, Cẩm Thành, Cẩm Phả
3	201810	BC phát Trung tâm Hạ Long	539 Lê Thánh Tông
4	208860	Tràng Bạch	Thôn Tràng Bạch, xã Hoàng Quế, Đông Triều QN
29	206060	VHX Đồn Đạc	Thôn Tân TiếnXã Đồn ĐạcHuyện Ba Chẽ
30	206150	VHX Đồng Tâm	Thôn Nà KhauXã Đồng TâmHuyện Bình Liêu
31	206120	VHX Đồng Văn	Thôn Đồng ThắngXã Đồng VănHuyện Bình Liêu

32	206170	VHX Lục Hồn	Thôn Lục NàXã Lục HồnHuyện Bình Liêu
33	206190	VHX Tình Húc	Thôn Nà PhạXã Tình HúcHuyện Bình Liêu
34	206210	VHX Vô Ngại	Thôn Tùng CầuXã Vô NgạiHuyện Bình Liêu
35	205520	VHX Đồng Tiến	Thôn Hải TiếnXã Đồng TiếnHuyện Cô Tô
36	206370	VHX Đại Bình	Thôn 3 Nhâm CaoXã Đại BìnhHuyện Đầm Hà
37	206400	VHX Đầm Hà	Thôn Trại DinhXã Đầm HàHuyện Đầm Hà
38	206310	VHX Tân Bình	Thôn Tân TrungXã Tân BìnhHuyện Đầm Hà
39	208940	VHX Bình Khê	Thôn Trại Mới AXã Bình KhêHuyện Đông Triều
40	209030	VHX Nguyễn Huệ	Thôn 9 Núi ĐồnXã Nguyễn HuệHuyện Đông Triều
41	208930	VHX Trảng An	Thôn Thượng 2Xã Trảng AnHuyện Đông Triều
42	208800	VHX Xuân Sơn	Thôn Xuân Viên Đội 02Xã Xuân SơnHuyện Đông Triều
43	208830	VHX Yên Thọ	Thôn Yên TrungXã Yên ThọHuyện Đông Triều
44	206600	VHX Hoa Cương	Thôn 8Xã Quảng LongHuyện Hải Hà
45	206670	VHX Quảng Điền	Thôn 3Xã Quảng ĐiềnHuyện Hải Hà
46	206520	VHX Quảng Minh	Thôn 3Xã Quảng MinhHuyện Hải Hà
47	206720	VHX Tiến Tới	Thôn 2Xã Tiến TớiHuyện Hải Hà
48	207370	VHX Dân Chủ	Thôn 2Xã Dân ChủHuyện Hoành Bồ

49	207460	VHX Lê Lợi	Thôn Tân TiếnXã Lê LợiHuyện Hoà Bình
50	207310	VHX Vũ Oai	Thôn Lán RêXã Vũ OaiHuyện Hoà Bình
51	205650	VHX Đông Hải	Thôn Làng NhộiXã Đông HảiHuyện Tiên Yên
52	205630	VHX Đông Ngũ	Thôn Đông NgũXã Đông NgũHuyện Tiên Yên
53	205800	VHX Đồng Rui	Thôn TrungXã Đồng RuiHuyện Tiên Yên
54	205794	VHX Hải Lạng	Thôn Thống NhấtXã Hải LạngHuyện Tiên Yên
55	205350	VHX Hạ Long	Thôn 7Xã Hạ LongHuyện Vân Đồn
56	205370	VHX Vạn Yên	Thôn Đài MỏXã Vạn YênHuyện Vân Đồn
57	205070	VHX Dương Huy	Thôn Đoàn KếtXã Dương HuyThành phố Cẩm Phả
58	206960	VHX Hải Đông	Thôn 7Xã Hải ĐôngThành Phố Móng Cái
59	206950	VHX Hải Yên	Khu 7Phường Hải YênThành Phố Móng Cái
60	207030	VHX Vạn Ninh	Thôn TrungXã Vạn NinhThành Phố Móng Cái
61	207660	VHX Hiệp Hòa	Thôn 1Xã Hiệp HoàThị xã Quảng Yên
62	207610	VHX Hoàng Tân	Thôn 2Xã Hoàng TânThị xã Quảng Yên
63	207780	VHX Liên Hòa	Thôn Quỳnh BiểuXã Liên HoàThị xã Quảng Yên
64	207790	VHX Liên Vị	Thôn Vị KhêXã Liên VịThị xã Quảng Yên
65	205540	VHX Thanh Lân	Thôn 2 Xã Thanh LânHuyện Cô Tô

66	206350	VHX Quảng lâm	Lý sáy chàyQuảng lâmĐầm hà
67	206380	VHX Quảng an	Thìn thủQuảng anĐầm hà
68	206439	VHX Tân lập	Hà LaiTân lậpĐầm hà
69	206330	VHX Quảng tân	Tân liênQuảng tânĐầm hà
70	206360	VHX Dực yên	Thôn ĐôngDực yênĐầm hà
71	206340	VHX Quảng lợi	Trung sơnQuảng lợiĐầm hà
72	208940	VHX Bình Khê	Trại dọcBình KhêĐông Triều
73	208960	VHX Trảng Lương	Năm giaiTrảng LươngĐông Triều
74	208990	VHX Bình Dương	Bình SơnBình DươngĐông Triều
75	209050	VHX An Sinh	Tam HồngAn SinhĐông Triều
76	208850	VHX Yên Đức	Đồn SơnYên ĐứcĐông Triều
77	206650	VHX Phú Hải	Thôn Trungxã Phú Hảihuyện Hải Hà
78	206540	VHX Quảng Thành	Thôn 3xã Quảng Thànhhuyện Hải Hà
79	206730	VHX Cái Chiên	Thôn 2xã Cái Chiênhuyện Hải Hà
80	206700	VHX Đường Hoa	Thôn 9xã Đường Hoahuyện Hải Hà
81	206620	VHX Quảng Chính	Thôn 5xã Quảng Chínhhuyện Hải Hà
82	206551	VHX Quảng Đức	Bản Kháy Phầuxã Quảng Đứchuyện Hải Hà

83	206680	VHX Quảng Phong	Thôn 3 xã Quảng Phong huyện Hải Hà
84	206580	VHX Quảng Sơn	Bản Quảng Mói xã Quảng Sơn huyện Hải Hà
85	206530	VHX Quảng Thắng	Thôn 2 xã Quảng Thắng huyện Hải Hà
86	206570	VHX Quảng Thịnh	Thôn 2 xã Quảng Thịnh huyện Hải Hà
87	206660	VHX Quảng Trung	Thôn 1 xã Quảng Trung huyện Hải Hà
88	207410	VHX Bằng cả	Thôn 1 Xã Bằng Cả Huyện Hoành Bồ
89	207360	VHX Đồng lâm	Thôn Đồng Quạng Xã Đồng Lâm Huyện Hoành Bồ
90	207440	VHX Đồng sơn	Tân ốc 1 Xã Đồng Sơn Huyện Hoành Bồ
91	207320	VHX Hoà bình	Thôn Đồng Lá Xã Hòa Bình Huyện Hoành Bồ
92	207450	VHX Kỳ thượng	Thôn Khe Lương Xã Kỳ Thượng Huyện Hoành Bồ
93	207330	VHX Sơn dương	Thôn Vương rậm Xã Sơn Dương Huyện Hoành Bồ
94	207430	VHX Tân dân	Thôn Tân Lập Xã Tân Dân Huyện Hoành Bồ
95	207380	VHX Quảng la	Thôn 5 Xã Quảng La Huyện Hoành Bồ
96	205750	VHX Hà Lâu	Bắc Lù Hà Lâu Tiên Yên
97	205690	VHX Phong Dụ	Tềnh Pò Phong Dụ Tiên Yên
98	205670	VHX Đại Dực	Khe lức Đại Dực Tiên Yên
99	205740	VHX Điền Xá	Pắc Phai Điền Xá Tiên Yên

100	205040	VHX Cẩm Hải	Thôn 2Cẩm HảiCẩm Phả
101	205050	VHX Cộng Hòa Mỏ	Thôn KheCộng HòaCẩm Phả
102	207010	VHX Bắc Sơn	Thôn Lục PhủXã Bắc SơnMóng Cái
103	206981	VHX Hải Tiến	Thôn 8Xã Hải TiếnMóng Cái
104	206920	VHX Hải Xuân	Thôn 12Xã Hải XuânMóng Cái
105	207020	VHX Hải Sơn	Thôn Pò HènXã Hải SơnMóng Cái
106	206898	VHX Ninh Dương	Khu Hạ LongP Ninh DươngMóng Cái
107	207000	VHX Quảng Nghĩa	Thôn 1Xã Quảng NghĩaMóng Cái
108	207040	VHX Vĩnh Trung	Thôn 2Xã Vĩnh TrungMóng Cái
109	207060	VHX Vĩnh Thực	Thôn 3Xã Vĩnh ThựcMóng Cái
110	206900	VHX Trà Cỏ	Khu Đông ThịnhP Trà CỏMóng Cái
111	207660	VHX Hiệp Hòa	Thôn 1Xã Hiệp HòaTX Quảng Yên
112	207610	VHX Hoàng Tân	Thôn 2Xã Hoàng TânTX Quảng Yên
113	207780	VHX Liên Hòa	Thôn 5Xã Liên HòaTX Quảng Yên
114	207790	VHX Liên Vị	Xóm Đình Xã Liên VịTX Quảng Yên
115	206060	VHX Đồn Đạc	thôn tân tiếnxã đồn đạchuyện ba chẽ
116	206040	VHX Lương Mông	đồng giảng bxxã lương mônghuyện ba chẽ

117	206020	VHX Đạp Thanh	thôn bắc xaxã đạph thanhhuyện ba chẽ
118	205380	VHX Đoàn Kết	Đoàn KếtVân Đồn
119	205390	VHX Bình Dân	Bình DânVân Đồn
120	205400	VHX Đài Xuyên	Đài XuyênVân Đồn
121	205410	VHX Đông Xá	Đông XáVân Đồn
122	205430	VHX Thắng Lợi	Thắng LợiVân Đồn
123	205440	VHX Ngọc Vũng	Ngọc VũngVân Đồn
124	205450	VHX Minh Châu	Minh ChâuVân Đồn
125	205460	VHX Bản Sen	Bản SenVân Đồn
126	205470	VHX Quan Lạn	Quan LạnVân Đồn
127	208540	VHX Điện Công	Thôn 2 Điện CôngUông Bí
128	205720	VHX Yên than	Thôn Khe TiênXã Yên ThanHuyện Tiên Yên
129	207680	VHX Sông Khoai	Thôn 5xã Sông KhoaiTX Quảng Yên
130	207760	VHX Cẩm La	Xóm Cẩm ThànhXã Cẩm LaTX Quảng Yên
131	201310	KHL HẠ LONG	539 Lê Thánh Tông Hạ Long Quảng Ninh
132	201320	HCC- Quảng Ninh	Hồng Hà Hạ Long Quảng Ninh
133	206110	Húc Động	Nà ẾchHúc ĐộngBình Liêu

134	201820	BCP Kênh Đồng	Tổ 1A, khu 3BP. Giếng ĐáyTP Hạ Long
135	201330	BCP Bãi Cháy	Tổ 1, Khu 2Phường Bãi CháyTP Hạ Long
136	201340	BCP Cột 5	Tổ 60c, Khu 5aPhường Hồng HàTP Hạ Long
137	201490	BCP Hà Lầm	Tổ 2, Khu 4Phường Hà LầmTP Hạ Long
138	201620	BCP Hà Tu	Tổ 46a, Khu 5Phường Hà TuTP Hạ Long
139	203325	KHL Cẩm Phả	375 đường Trần PhúPhường Cẩm ThànhTP Cẩm Phả
140	202098	Cao Xanh	số 247, tổ 31b, khu 3P. Cao Xanh, TP Hạ Long
141	206959	KHL MÓNG CÁI	số 01 hùng vương hòa lạc, Móng Cái Quảng Ninh
142	208009	KHL UÔNG BÍ	395 Quang Trung Uông Bí Quảng Ninh
143	208981	VHX Thủy An	Vị Thủy, Thủy An, Đông Triều
144	208060	BCP Uông Bí	395 Quang Trung Uông Bí QN
145	202599	Cái Dăm	364 Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy
146	203515	Cẩm Tây	Tổ 1, Khu phố Lê Hồng Phong, Phường Cẩm Tây
147	206000	VHX Thanh Lâm	317 đường hải chi - khu 3 thị trấn Ba Chẽ
148	201806	BCP TMDT	539 Lê Thánh Tông - Hạ Long
149	201930	BCP Hà Khánh	Tổ 24 khu 3 Hà khánh
TỈNH BẮC NINH			

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	220000	Bắc Ninh	Số 413 Ngô Gia Tự Tiên An
2	223200	Gia Bình	TT Đông Bình Gia Bình
3	223500	Lương Tài	TT Thửa Huyện Lương Tài
4	222800	Quế Võ	TT Phố Mới,Quế Võ
5	222400	Thuận Thành	TT Hồ, Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
6	222100	Từ Sơn	Khu đất mới, Thị Xã Từ Sơn
7	221400	Yên Phong	TT Chờ Huyện Yên Phong
8	221800	Tiên Du	Số 1 Lý Thường Kiệt TT Lim Huyện Tiên Du
9	221240	Lý Thái Tổ	16 Lý Thái Tổ Bắc Ninh
10	222120	Trần Phú	Phường Trần Phú TX Từ Sơn
11	222260	Đình Bảng	Xã Đình Bảng Từ Sơn
12	222540	Chợ Dâu	Xã Thanh Khương Thuận Thành
13	222570	Trạm Lộ	Xã Trạm Lộ Thuận Thành
14	222413	Phố Hồ	Phố Hồ Thuận Thành
15	223350	Chợ Núi	Thôn Bảo Tháp Đông Cứu Gia Bình
16	223360	Chợ Ngụ	Phố Ngụ Nhân Thắng Gia Bình

17	223610	Kên Vàng	Phố Kên Vàng Lương Tài
18	222930	Nội Doi	Xã Đại Xuân Quế Võ
19	221940	KCN Tiên Sơn	KCN Tiên Sơn, Xã Hoàn Sơn, Tiên Du
20	221860	Chợ Và	Trung Tâm Giao Dịch KTV Thành phố Bắc Ninh
21	221470	Vạn An	Trung Tâm Giao Dịch KTV Thành phố Bắc Ninh
22	222918	KCN Quế Võ	Giang liểu Xã phương liểu Huyện Quế Võ
23	221438	KCN I Yên Phong	Xã Long Châu, Yên Phong, Bắc Ninh
1	221070	BCP Bắc Ninh	16 Lý Thái Tổ TP Bắc Ninh
2	221540	BCP Yên phong	Thị trấn Chờ Yên Phong Bắc Ninh
3	221850	BCP Tiên Du	Thị trấn Lim Tiên Du Bắc Ninh
4	222170	BCP Từ Sơn	Khu đất mới Từ Sơn Bắc Ninh
5	222440	BCP Thuận Thành	Khu đất mới thị trấn Hồ Thuận Thành Bắc Ninh
6	222850	BCP Quế Võ	Thị trấn Phố Mới Quế Võ Bắc Ninh
7	223250	BCP Gia Bình	Thị trấn Gia Bình Bắc Ninh
8	223570	BCP Lương Tài	Thị trấn Thửa Lương Tài Bắc Ninh
24	221070	KCN I Yên Phong	16 Lý Thái Tổ Bắc Ninh
25	223072	Đông Du	Đông Du, Đào Viên, Quế Võ

26	221080	Đáp Cầu	Đáp Cầu - TP. Bắc Ninh- Bắc Ninh
27	222308	BC KCN VSIP	KCN VSIP - Phù Chẩn - Từ Sơn - Bắc Ninh
28	221998	KCN Đại Đồng	KCN Đại Đồng - Đại Đồng - Tiên Du - Bắc Ninh
29	222991	VHX Châu phong	Thôn thất giang Xã châu phong Huyện Quế Võ
30	223400	VHX Đại Bái	Đoan Bái Xã Đại Bái
31	223280	VHX Đại Lai	Đại Lai Xã Đại Lai
32	223260	VHX Cao Đức	Văn Than Xã Cao Đức
33	223310	VHX Vạn Ninh	Xuân Dương Xã Vạn Ninh
34	223300	VHX Thái Bảo	Tân Hương Xã Thái Bảo
35	223630	VHX An Thịnh	Cáp Thủy - An Thịnh - Lương Tài - Bắc Ninh
36	223600	VHX Mỹ Hương	An Mỹ - Mỹ Hương - Lương Tài - Bắc Ninh
37	223720	VHX Bình Định	Bến - Bình Định - Lương Tài - Bắc Ninh
38	223730	VHX Phú Lương	Lương Xá - Phú Lương - Lương Tài - Bắc Ninh
39	223740	VHX Lâm Thao	Lâm Thao - Lâm Thao - Lương Tài - Bắc Ninh
40	221480	VHX Hoà long	Thôn Xuân đồng - Hòa Long
41	221840	VHX Khắc Niệm	Thôn Đông - Khắc Niệm
42	223020	VHX Nam sơn	Thôn Môn Tự - Nam Sơn

43	221450	VHX Phong Khê	Thôn Dương Ổ - Phong Khê
44	222950	VHX Vân Dương	Thôn Chu mẫu - Vân Dương
45	222130	VHX Tân Hồng	KP Yên Lã Phường Tân Hồng
46	222160	VHX Tương Giang	Thôn Tiêu Long Xã Tương Giang
47	222180	VHX Tam Sơn	Xóm Trước Xã Tam Sơn
48	222210	VHX Hương Mạc	Thôn Hương Mạc Xã Hương Mạc
49	222230	VHX Phù Khê	Thôn Đông Xã Phù Khê
50	222261	VHX Đình Bảng	KP Thọ Môn Phường Đình Bảng
51	222650	VHX Ninh Xá	Thôn Phủ, Ninh Xá, Thuận Thành, Bắc Ninh
52	222580	VHX Gia Đông	Phố Khám, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh
53	222610	VHX Xuân Lâm	Thôn Doãn Hạ, Xã Xuân Lâm, Thuận Thành, BN
54	222600	VHX Hà Mãn	Thôn Mãn Xá, Xã Hà Mãn, Thuận Thành, Bắc Ninh
55	222520	VHX Đình Tổ	Thôn Bút Tháp, Xã Đình Tổ, Thuận Thành, BN
56	222450	VHX Mão Điền	Xóm Bàng, Xã Mão Điền, Thuận Thành, BN
57	222430	VHX An Bình	Thôn Yên Ngô, Xã An Bình, Thuận Thành, BN
58	222510	VHX Đại Đồng Thành	Thôn Đồng Đoài, Xã Đại Đồng Thành, Thuận Thành, BN
59	221420	VHX Trung Nghĩa	Phù Lưu Trung Nghĩa

60	221430	VHX Long Châu	Maññ Xá, Long Châu
61	221440	VHX Đông phong	Phong Xá, Đông Phong
62	221510	VHX Yên Trung	Chính Trung, Yên Trung
63	221530	VHX Thụy Hòa	Thiểm Xuyên Thụy Hòa
64	221550	VHX Tam Đa	Phấn Động, Tam Đa
65	221560	VHX Dũng Liệt	Chân Lạc, Dũng Liệt
66	221580	VHX Hòa Tiến	Yên Tân, Hòa Tiến
67	221600	VHX Yên Phụ	An Ninh, Yên Phụ
68	221620	VHX Văn môn	Mẫn Xã, Văn Môn
69	221941	VHX Hoàn Sơn	Đại Sơn Hoàn Sơn Tiên Sơn Tiên Du Bắc Ninh
70	221900	VHX Hiên Vân	Thôn kiều Hiên Vân Tiên Du Bắc Ninh
71	221970	VHX Minh Đạo	Nghĩa Chỉ Minh đạo tiên du bắc ninh
72	221870	VHX Phú Lâm	Phú Lâm Tiên Du Bắc Ninh
73	222840	VHX Phù Lương	Yên đình Phù lương Quế Võ Bắc ninh
74	222860	VHX Bằng An	Xóm đanh Bằng an Quế Võ Bắc ninh
75	222870	VHX Quế Tân	Lạc xá Quế tân Quế Võ Bắc ninh
76	222890	VHX Nhân Hoà	Bất phsi Nhân hòa Quế Võ Bắc Ninh

77	222970	VHX Phụng Mao	Mao trung Phụng mao Quế Võ Bắc ninh
78	222980	VHX Ngọc Xá	Hữu bằng Ngọc xá Quế Võ Bắc Ninh
79	223000	VHX Đức Long	Phú đa Đức Long Quế Vxo Bắc Ninh
80	223040	VHX Bồng Lai	Tân thịnh Bồng Lai Quế Võ Bắc Ninh
81	223090	VHX Yên Giả	La miệt Yên giả Quế Võ Bắc Ninh
82	223100	VHX Chi Lăng	Quế ỏ Chi lăng Quế Võ Bắc Ninh
83	223120	VHX Hán Quảng	Quảng lăm Hán quảng Quế Võ Bắc ninh
84	222550	VHX Trí Quả	Trí quả Thuận thành
85	222500	VHXSong hồ	Song hồ thuận thành
86	222690	VHX Ngũ Thái	Ngũ Thái Thuận Thành
87	222230	VHX Phù Khê	Thôn Đông - Phù Khê
88	223520	VHX Trung Chính	Trung Chinh Trung Chính Lương Tài Bắc Ninh
89	223560	VHX Trùng Xá	Đĩnh Dương Trùng Xá Lương Tài Bắc Ninh
90	223370	VHX Lăng Ngâm	Môn Quảng - Lăng Ngâm Gia Bình Bắc Ninh
91	223340	VHX Giang Sơn	Du tràng Giang sơn Gia Bình Bắc Ninh
92	222900	VHX Việt Thống	Thống Thượng - Việt Thống - Quế Võ - Bắc Ninh
93	223080	VHX Mộ Đạo	Trạc Nhiệt - Mộ Đạo - Quế Võ - Bắc Ninh

94	221980	VHX Tân Chi	Tân Chi -Tiên Du -Bắc Ninh
95	221820	VHX Liên Bảo	Liên Bảo - Tiên Du -Bắc Ninh
96	222000	VHX Cảnh Hưng	Cảnh Hưng - Tiên Du - Bắc Ninh
97	222010	VHX Tri Phương	Tri Phương -Tiên Du -Bắc Ninh
98	223330	VHX Song Giang	Song Giang Gia Bình
99	223580	VHX Minh Tân	Minh Tân Lương Tài
100	222630	VHX Nghĩa Đại	Phổ Vàng, Nghĩa Đạo, Thuận Thành
101	221507	Ký túc xá Samsung SEV	Thôn Ô Cách, Đông Tiến, Yên Phong, Bắc Ninh
102	222670	VHX Nguyệt Đức	Kim Tháp,Nguyệt Đức,Thuận Thành
103	222620	Xuân Lâm	Thôn Xuân Bình, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
104	223060	VHX Đào Viên	Thôn Lầy, Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ
105	221960	VHX Phật Tích	Thôn Ngô Xá, Xã Phật Tích, Huyện Tiên Du
106	221910	VHX Lạc Vệ	Thôn Hộ Vệ, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du
107	222200	VHX Đồng Quang	Thôn Trang Liệt, Phường Trang Hạ, Thị xã Từ Sơn
108	223380	VHX Quỳnh Phú	Thôn Phú Dư, Xã Quỳnh Phú, Huyện Gia Bình
109	221401	VHX Thị Trấn Chờ	Đường Phố Mới, Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong
110	221500	VHX Đông Tiến	Thôn Đông Thái, Xã Đông Tiến, Huyện Yên Phong 860961)

111	221570	VHX Tam Giang	Thôn Nguyệt Cầu, Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong
112	222530	VHX Thanh Hương	Khương Tự, Thanh Khương, Thuận Thành
113	222320	KHL-Tiên Sơn	Thôn Dương Lôi, Phường Tân Hồng, TX Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
114	221271	KHL Bắc Ninh	Số 16, Lý Thái Tổ, Suối Hoa, Thành Phố Bắc Ninh
115	221955	KHL Tiên Du	Móng Núi, Hoàn Sơn, Tiên Du
116	221311	phát trung tâm 2	16 Lý Thái Tổ, phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh
117	222813	KHL Quế Võ	Khu 3, Thị Trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ
118	223428	KHL Gia Bình	Thôn Đông Bình, Thị trấn Gia Bình, Huyện Gia Bình
119	223514	KHL Lương Tài	Thôn Quảng Bó, Xã Quảng Phú, Huyện Lương Tài
120	222415	KHL Thuận Thành	Khu Đất mới, Thị Trấn Hồ, Huyện Thuận Thành
121	221413	KHL Yên Phong	Đường Phố Chờ, Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong
122	222720	VHX Song Liễu	Liều Khê, Song Liễu, Thuận Thành
123	223050	VHX Cách Bi	Thôn Từ Phong, Xã Cách Bi, Huyện Quế Võ
124	221460	VHX Khúc Xuyên	Thôn Khúc Toại, Xã Khúc Xuyên, Thành Phố Bắc Ninh
125	221930	Chợ Sơn	Thôn Chợ Sơn, Xã Việt Đoàn, Huyện Tiên Du
126	223650	VHX Phú Hòa	Phương Mới, Phú Hòa, Lương Tài
127	223700	VHX Quảng Phú	Thôn Lĩnh Mai, Quảng Phú, Lương Tài

128	223590	VHX Lai Hạ	Văn Phạm, Lai Hạ, Lương Tài
129	222140	VHX Đồng Nguyên	Đồng Nguyên, Từ Sơn
130	223712	BC Quảng Bố	Thôn Quảng Bố, Xã Quảng Phú, Huyện Lương Tài
131	222940	VHX Kim Chân	Kim Đôi, Kim Chân, TP Bắc Ninh
TỈNH BẮC GIANG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	230000	Bắc Giang	Số 151 Đường Hùng Vương, P.Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang
2	231530	Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Thị Lưu, P. Trần Phú
3	231800	Lục Nam	TT Đồi Ngô, Huyện Lục Nam
4	232500	Sơn Động	TT An Châu, Huyện Sơn Động
5	233000	Lục Ngạn	TT Chũ, Huyện Lục Ngạn
6	234000	Lạng Giang	TT Vôi, Huyện Lạng Giang
7	234700	Yên Thế	TT Cầu Gồ, Huyện Yên Thế
8	235300	Tân Yên	TT Cao Thượng, Huyện Tân Yên
9	236100	Việt Yên	TT Bích Động, Huyện Việt Yên
10	236600	Hiệp Hòa	TT Thắng, Huyện Hiệp Hòa
11	237200	Yên Dũng	TT Neo, Huyện Yên Dũng

12	233650	Đình Kim	Xã Phụng Sơn, H. Lục Ngạn
13	233110	Phố Lim	Xã Giáp Sơn, H. Lục Ngạn
14	234570	Kép	Xã Tân Thịnh, H. Lạng Giang
15	235080	Bố Hạ	TT Bố Hạ, H. Yên Thế
16	236355	KCN Đình Trám	Xã Hoàng Ninh, H. Việt Yên
17	236310	Hồng Thái	Xã Hồng Thái, H. Việt Yên
18	234460	Phố Giở	Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang
19	232020	Chợ Sàn	Xã Phương Sơn, huyện Lục Nam
20	235510	Nhã Nam	Thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên
21	235780	Kim Tràng	Xã Việt Lập, huyện Tân Yên
22	237350	Tân Dân	Thị trấn Tân Dân, huyện Yên Dũng
23	237345	Chợ Quỳnh	Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng
1	231080	Phát Bắc Giang	Đường Hùng Vương, P Hoàng Văn Thụ Bắc Giang
24	232060	Suối Mỡ	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, Bắc Giang
25	233170	Biển Động	Xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
26	236930	Phố Hoa	Xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang
27	237490	Tiền Phong	Thôn Yên Sơn, Xã Tiền Phong, Yên Dũng

28	231150	Hành chính công	Trung tâm HCC Bắc Giang, Quảng trường 3/2, TP Bắc Giang
29	237320	VHX Xuân Phú	Thôn Đông phú, Xã Xuân Phú, Yên Dũng
30	237530	VHX Yên Lư	Thôn An Thái, Xã Yên Lư, Yên Dũng
31	231880	VHX Đông Hưng	Thôn Quan 1, Đông Hưng Lục Nam
32	232300	VHX Vũ Xá	Thôn Dăm, Xã Vũ Xá, Lục Nam, Bắc Giang
33	232350	VHX Đan Hội	Thôn Húi, xã Đan Hội, Lục Nam, Bắc Giang
34	235880	VHX Ngọc Vân	Đình Thông, xã Ngọc Vân, Tân Yên, Bắc Giang
35	235830	VHX Ngọc Thiện	Phó Bì, xã Ngọc Thiện, Tân Yên, Bắc Giang
36	231481	VHX Song Mai	Thôn Phúc Bé, Xã Song Mai, TP Bắc Giang
37	237460	BĐVH Song Khê	Thôn Song Khê, xã Song Khê, TP Bắc Giang
38	237410	BĐVH Tân Tiến	Thôn Ngò, xã Tân Tiến, TP Bắc Giang
39	232600	VHX Vân Sơn	Thôn Phe - Vân Sơn - Sơn Động
40	232770	VHX Tuấn Đạo	Thôn Bãi Chợ - Tuấn Đạo - Sơn Động
41	232750	VHX Yên Định	Thôn Nhân Định - Yên Định - Sơn Động
42	232810	VHX Long Sơn	Thôn Thanh Hương - Long Sơn - Sơn Động
43	232160	VHX Lan Mẫu	Xã Lan Mẫu Huyện Lục Nam Bắc Giang
44	231850	VHX Đông Phú	Xã Đông Phú Huyện Lục Nam Bắc Giang

45	231820	VHX Tiên Hưng	Xã Tiên Hưng Huyện Lục Nam Bắc Giang
46	232170	VHX Huyền Sơn	Xã Huyền Sơn Huyện Lục Nam Bắc Giang
47	232210	VHX Vô Tranh	Xã Vô Tranh Huyện Lục Nam Bắc Giang
48	232250	VHX Bình Sơn	Xã Bình Sơn Huyện Lục Nam Bắc Giang
49	231840	VHX Tiên Nha	Xã Tiên Nha Huyện Lục Nam Bắc Giang
50	231990	VHX Thanh Lâm	Xã Thanh Lâm Huyện Lục Nam Bắc Giang
51	232200	VHX Bắc Lũng	Xã Bắc Lũng Huyện Lục Nam Bắc Giang
52	232110	VHX Khám Lạng	Xã Khám Lạng Huyện Lục Nam Bắc Giang
53	232130	VHX Yên Sơn	Xã Yên Sơn Huyện Lục Nam Bắc Giang
54	232100	VHX Trường Giang	Xã Trường Giang Huyện Lục Nam Bắc Giang
55	232280	VHX Lục Sơn	Xã Lục Sơn Huyện Lục Nam Bắc Giang
56	232021	VHX Phương Sơn	Xã Trường Sơn Huyện Lục Nam Bắc Giang
57	234190	VHX An Hà	Thôn 13 Phố Bằng An Hà Lạng Giang
58	234400	VHX Xương Lâm	Thôn Nam Tiến Xương Lâm Lạng Giang
59	234500	VHX Thái Đào	Khu phố Thái Đào Thái Đào Lạng Giang
60	234150	VHX Tân Thịnh	Thôn Đồng 1 Tân Thịnh Lạng Giang
61	234230	VHX Tân Thanh	Mả Hạ Tân Thanh Lạng Giang

62	234070	VHX Hương Sơn	Thôn Kép 11 Hương Sơn Lạng Giang
63	234380	VHX Mỹ Thái	khu phố Triền Mỹ Thái Lạng Giang
64	234290	VHX Nghĩa Hưng	Làng Nừa thôn 3 Nghĩa Hưng Lạng Giang
65	234310	VHX Mỹ Hà	Thôn Trung Phố Mỹ Hà Lạng Giang
66	233020	VHX Nghĩa Hồ	Xã Nghĩa Hồ, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
67	233520	VHX Kiên Lao	Xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
68	233610	VHX Nam Dương	Xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
69	233680	VHX Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
70	233220	VHX Phong Minh	Xã Phong Minh, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
71	233380	VHX Hộ Đáp	Xã Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
72	233240	VHX Xa Lý	Xã Sa Lý, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
73	233470	VHX Sơn Hải	Xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
74	233490	VHX Trù Hựu	Xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
75	233540	VHX Quý Sơn	Xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
76	233040	VHX Tân Quang	Xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
77	233580	VHX Phú Nhuận	Xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
78	233190	VHX Kim Sơn	Xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang

79	233140	VHX Tân Hoa	Xã Tân Hoa, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
80	235720	VHX Cao Xá	Xã Cao Xá Tân Yên
81	237430	VHX Nham Sơn	Minh Phượng Nham Sơn Yên Dũng
82	237510	VHX Nội Hoàng	Nội Hoàng Yên Dũng
83	237390	VHX Hương Gián	Hương Gián Yên Dũng
84	236830	VHX Thường Thắng	Tân Hiệp Thường Thắng
85	232230	VHX Trường Sơn	Xã Lan Mẫu Huyện Lục Nam Bắc Giang
86	231970	VHX Bảo Sơn	Xã Bảo Sơn Huyện Lục Nam Bắc Giang
87	233260	VHX Phong Vân	Xã Phong Vân, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
88	233340	VHX Biên Sơn	Xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
89	233130	VHX Phi Điền	Xã Phi Điền, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
90	233730	VHX Tân Mộc	Xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
91	233280	VHX Thanh Hải	Xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
92	233430	VHX Kiên Thành	Xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
93	233480	VHX Cẩm Sơn	Xã Cẩm Sơn, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
94	233630	VHX Mỹ An	Xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
95	236790	VHX Bách Nhẫn	Trung Thành Hùng Sơn Hiệp Hòa Bắc Giang

96	236980	VHX Đông Lỗ	Khoát Đông Lỗ Hiệp Hòa Bắc Giang
97	236900	VHX Mai Trung	Trung Hòa Mai Trung Hiệp Hòa Bắc Giang
98	231340	Xương Giang	Phường Xương Giang TP Bắc Giang
99	231310	Dĩnh Kế	Thôn Tiêu Dĩnh Kế TP Bắc Giang
100	235520	VHX Đại Hóa	Độ 1 - Đại Hóa - Tân Yên - BG
101	235370	VHX Phúc Hòa	Phúc Hòa - Tân Yên - BG
102	237040	VHX Mai Đình	Đông Trươc - Mai Đình - Hiệp Hòa BG
103	234473	VHX Tam Sơn	Tân Sơn - Tân Dĩnh - Lạng Giang
104	234110	VHX Hương lạc	Tự - Hương Lạc - Lạng Giang
105	234270	VHX Đào Mỹ	Đồng Quang - Đào Mỹ - Lạng Giang
106	234330	VHX Dương Đức	Thôn Chùa - Dương Đức - Lạng Giang
107	234360	VHX Phi Mô	Phi Mô - Phi Mô - Lạng Giang
108	234040	VHX Tân Hưng	Vĩnh Thịnh - Tân Hưng - Lạng Giang
109	234210	VHX Nghĩa Hoà	Thôn Hạ - Nghĩa Hòa - Lạng Giang
110	234440	VHX Xuân Hương	Phúc Mãn - Xuân Hương - Lạng Giang
111	234480	VHX Đại Lâm	Phố Đại lâm - Lạng Giang
112	234560	VHX Nông Trường Cam	Trường Thịnh - Quang Thịnh - Lạng Giang

113	234020	VHX Yên Mỹ	Yên Vinh - Yên Mỹ - Lạng Giang
114	234250	VHX Tân Lạc	Tân Lạc - Quang Thịnh - Lạng Giang
115	232730	VHX An Bá	Lán Than - An Bá - Sơn Động
116	232540	VHX Lệ Viễn	Mo Luông - Lệ Viễn - Sơn Động
117	232560	VHX An Lạc	Biêng - An Lạc - Sơn Động
118	232620	VHX Hữu Sản	Sản II - Hữu Sản - Sơn Động
119	232830	VHX Dương Hưu	Thoi - Dương Hưu - Sơn Động
120	232850	VHX Thanh Luận	Thanh Bình - Thanh Luận - Sơn Động
121	232800	VHX Bồng Am	Am - Bồng Am - Sơn Động
122	232680	VHX Chiên Sơn	Chiên - Chiên Sơn - Sơn Động
123	232640	VHX Giáo Liêm	Rèm - Giáo Liêm - Sơn Động
124	232690	VHX Quế Sơn	Chợ - Quế Sơn - Sơn Động
125	237220	VHX Cảnh Thụy	Xóm Bảy - Cảnh Thụy - Yên Dũng
126	237560	VHX Tư Mại	Bắc Am - Tư Mại - Yên Dũng
127	237240	VHX Tiến Dũng	Tân Tiến - Tiến Dũng - Yên Dũng
128	237380	VHX Tân Liễu	Liều Nham - Tân Liễu - Yên Dũng
129	237590	VHX Đồng Việt	Xóm Bến - Đồng Việt - Yên Dũng

130	237610	VHX Đồng Phúc	Việt Thắng - Đồng Phúc - Yên Dũng
131	237580	VHX Thắng Cương	Thắng Cương - Thắng Cương - Yên Dũng
132	237300	VHX Trí Yên	Bắc Thành - Trí Yên - Yên Dũng
133	237280	VHX Lãng Sơn	Đông Thượng - Lãng Sơn - Yên Dũng
134	237370	VHX Lão Hộ	Toàn Thắng - Lão Hộ - Yên Dũng
135	233060	VHX Đồng Cốc	Đồng Cốc - Lục Ngạn - Bắc Giang
136	233710	VHX Kiên Lao	Kiên Lao - Lục Ngạn - Bắc Giang
137	234171	VHX Tân Lạc	Tân Lạc - Quang Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang
138	236200	VHX Thượng Lan	Thông Thượng - Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang
139	236140	VHX Minh Đức	Cầu Treo - Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang
140	236340	VHX Tăng Tiến	Thôn Bầy - Tăng Tiến - Việt Yên - Việt Yên
141	236450	VHX Vân Hà	Yên Viên - Vân Hà - Việt Yên - Bắc Giang
142	236240	VHX Hương Mai	Mai Thượng - Hương Mai - Việt Yên
143	236390	VHX Tiên Sơn	Thượng Lát - Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang
144	236360	VHX Quảng Minh	Đông Long - Quảng Minh - Bắc Giang
145	236170	VHX Tự Lạn	Thôn Cầu - Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang
146	236870	VHX Danh Thắng	Trung Phú - Danh Thắng - Hiệp Hòa -Bắc Giang

147	236610	VHX Ngọc Sơn	Ngọc Thành - Ngọc Sơn - Hiệp Hòa - Bắc Giang
148	236630	VHX Hoàng Thanh	Ngọc Lâm - Hoàng Thanh - Hiệp Hòa - Bắc Giang
149	236690	VHX Thanh Vân	Hoàng Lại - Thanh Vân - Hiệp Hòa - Bắc Giang
150	236760	VHX Hoà Sơn	Thôn Dậy - Hòa Sơn - Hiệp Hòa - Bắc Giang
151	236790	VHX Hợp Thịnh	Hợp Thịnh - Hiệp Hòa - Bắc Giang
152	237030	VHX Châu Minh	Ngọ Xá - Châu Minh - Hiệp Hòa - Bắc Giang
153	236830	VHX Xuân Cẩm	Cẩm Bào - Xuân Cẩm - Hiệp Hòa - Bắc Giang
154	236660	VHX Hoàng Lương	Hoàng Lương - Hiệp Hòa - Bắc Giang
155	236880	VHX Đoàn Bái	Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang
156	237040	VHX Hương Lâm	Hương Lâm - Hiệp Hòa - Bắc Giang
157	236860	VHX Đại Thành	Đại Thành - Hiệp Hòa - Bắc Giang
158	236700	VHX Đồng Tân	Đồng Tân - Hiệp Hòa - Bắc Giang
159	236750	VHX Thái Sơn	Thái Sơn - Hiệp Hòa - Bắc Giang
160	234790	VHX Tam Hiệp	Thôn Yên Thê - Tam Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang
161	234980	VHX Đồng Lạc	Thôn Vàng - Đồng Lạc - Yên Thế - Bắc Giang
162	235060	VHX Tân Sỏi	Chè - Tân sỏi - Yên Thế - Bắc Giang
163	235020	VHX Hương Vỹ	Bo Non - Hương Vỹ - Yên Thế - Bắc Giang

164	235090	VHX Bồ Hạ	Đồng Quán - Bồ Hạ - Yên Thế - Bắc Giang
165	234810	VHX Canh Nậu	Thìa - Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang
166	235040	VHX Đông Sơn	Đông Kênh - Đông Sơn - Yên Thế - Bắc Giang
167	234860	VHX Xuân Lương	Tam Kha - Xuân Lương - Yên Thế - Bắc Giang
168	234750	VHX Đồng Vương	Đồông Vương - Đồng Vương - Yên Thế - Bắc Giang
169	234720	VHX Hồng Kỳ	Trại Nhì - Hồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang
170	234730	VHX Đồng Hưu	Mỏ Than - Đồng Hưu - Yên Thế - Bắc Giang
171	235110	VHX Đồng Tâm	Liên Cơ - Đồng Tâm - Yên Thế - Bắc Giang
172	231920	BĐ-VHX Tam Dị	Thanh Giã, Tam Dị, Lục Nam
173	231950	BĐ-VHX Bảo Đài	Thôn Quê, Xã Bảo Đài, Lục Nam
174	232040	BĐ-VHX Cương Sơn	Thôn An Nguyễn, Cương Sơn, Lục Nam
175	236800	VHX Quang Minh	Thôn Hương Thịnh, Xã Quang Minh
176	234890	BĐ-VHX Xuân Lương	Thôn Làng Dưới, Xã Xuân Lương
177	231460	VHX Thọ Xương	Đ Trần Nguyên Hãn, P Thọ Xương, TP Bắc Giang
178	237470	VHX Tân Mỹ	Thôn Mỹ Cầu, Xã Tân Mỹ
179	235480	VHX Quang Tiến	Thôn Cầu Đen, Xã Quang Tiến
180	236120	VHX Nghĩa Trung	Thôn Tĩnh Lộc, Xã Nghĩa Trung

181	236370	VHX Ninh Sơn	Thôn Phúc Ninh, Xã Ninh Sơn
182	236430	VHX Tam Tầng	Thôn Tam Tầng, Xã Quang Châu
183	236680	VHX Gia Tư	Thôn Bảo An, Xã Hoàng An
184	236740	VHX Hoàng Vân	Thôn Lạc Yên, Xã Hoàng Vân
185	236810	VHX Lương Phong	Thôn Đông, Xã Lương Phong
186	235810	VHX Ngọc Lý	Ngọc Lý - Tân Yên- Bắc Giang
187	235350	VHX Hợp Đức	Hợp Đức - Tân Yên - Bắc Giang
188	235680	VHX Việt Ngọc	Quang Tiến - Tân Yên - Bắc Giang
189	235760	VHX Liên Chung	Liên Chung - Tân Yên - Bắc Giang
190	235390	VHX Liên Sơn	Liên Sơn - Tân Yên - Bắc Giang
191	235450	VHX An Dương	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang
192	235590	VHX Lam Cốt	Lam Cốt - Tân Yên - Bắc Giang
193	235330	VHX Cao Thượng	Cao Thượng - Tân Yên - Bắc Giang
194	235420	VHX Tân Trung	Tân Trung - Tân Yên - Bắc Giang
195	235550	VHX Lan Giới	Lan Giới - Tân Yên - Bắc Giang
196	235660	VHX Song Vân	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang
197	231333	TMĐT Bắc Giang	Lương Văn Năm, Phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang

198	231326	KHL Bắc Giang	Lương Văn Năm, phường Đình Kế, TP Bắc Giang
199	237440	VHX Đồng Sơn	Thôn Tân Mỹ, Đồng Sơn, Yên Dũng, Bắc Giang
200	236850	VHX Hợp Thịnh	Thôn Gò Pháo, Xã Hợp Thịnh, Huyện Hiệp Hoà, Bắc Giang
201	237010	VHX Hương Lâm	Thôn Đông Lâm, Xã Hương Lâm, Huyện Hiệp Hoà, BG
202	236920	VHX Xuân Cẩm	Thôn Cẩm Bào, Xã Xuân Cẩm, Huyện Hiệp Hoà, Bắc Giang
203	235000	VHX Đồng Kỳ	Xã Đồng Kỳ, huyện Yên Thế

TỈNH LẠNG SƠN

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	240000	TT Lạng Sơn	49 Lê Lợi, TP Lạng Sơn
2	241000	Cửa Đông	12 Hùng Vương, TP Lạng Sơn
3	243100	Tràng Định	Khu 2, thị trấn Thất Khê
4	242500	Văn Lãng	Khu3, thị trấn Na Sầm
5	241900	Đồng Đăng	Khu Dây thép, thị trấn Đồng Đăng
6	241800	Cao Lộc	Khối 6, thị trấn Cao Lộc
7	246800	Lộc Bình	Phố Hoà Bình, thị trấn Lộc Bình
8	247500	Đình Lập	Khu 4, thị trấn Đình Lập
9	245600	Chi lăng	Khu Chính, thị trấn Đồng Mỏ

10	246100	Hữu Lũng	Khu An Ninh, thị trấn Hữu Lũng
11	243900	Văn Quan	Phố Đức Tâm 2, thị trấn Văn Quan
12	244500	Bình Gia	Thôn Ngã Tư, xã Tô Hiệu
13	245000	Bắc Sơn	Tiểu khu Hoàng Văn Thụ, Thị trấn Bắc Sơn
14	241350	Kỳ Lừa	06 Lê Lai, Phường Hoàng Văn Thụ
15	240100	Kthác Vchuyển BC	12 Hùng Vương, TP Lạng Sơn
1	241610	BCP Lạng Sơn	49 Lê Lợi Vĩnh Trại Lạng Sơn
2	241910	BCP Cao Lộc	Khối 6 Thị trấn Cao Lộc Lạng Sơn
3	247540	BCP Đình Lập	Thị trấn Đình Lập huyện Đình Lập Lạng Sơn
4	243950	BCP Văn Quan	Khu Phố Đức Tâm, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan Lạng Sơn
5	242640	BCP Văn Lãng	Khu 3 Thị trấn Na Sầm Văn Lãng Lạng Sơn
6	245670	BCP Chi Lăng	Khu Chính, TT Đồng Mỏ, Chi Lăng Lạng Sơn
7	243170	BCP Tràng Định	Số 58 Khu 2 thị trấn Thất Khê Tràng Định Lạng Sơn
8	244580	BCP Bình Gia	Thôn Ngã Tư Đường Tô Hiệu huyện Bình Gia Lạng Sơn
9	246320	BCP Hữu Lũng	Khu An Ninh, TT Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, Lạng Sơn
10	246880	BCP Lộc Bình	Phố Hòa Bình, TT Lộc Bình Lạng Sơn
11	245120	BCP Bắc Sơn	Tiểu khu Hoàng Văn Thụ thị trấn Bắc Sơn, Lạng Sơn

12	241950	BCP Đồng Đăng	Khu Dây Thép Thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, Lạng Sơn
16	244020	BC3 Văn An	Xã Văn An huyện Văn Quan
17	247270	BC3 Na Dương	Khu 5 A Thị trấn Na Dương huyện Lộc Bình LS
18	245940	Đồng Bành	Thôn pa lát, TT Đồng Bành, Chi Lăng
19	242330	KCN Hợp Thành	Khu Công nghiệp số 2 thôn Đại Sơn xã Hợp Thành, Cao Lộc, Lạng Sơn
20	241280	Mai Pha	Thôn Khòn Khuyên xã Mai pha TP Lạng Sơn
21	242190	VHX Bình Trung	Thôn Chục Pình xã Bình Trung huyện Cao Lộc
22	242160	VHX Hồng Phong	Thôn Còn Quyền xã Hồng Phong huyện Cao Lộc
23	242870	VHX Hoàng Văn Thụ	Thôn Thuận Lợi xã Hoàng Văn Thụ huyện Văn Lãng
24	245298	VHX Tân Thành	Thôn Tân Vũ xã Tân Thành huyện Bắc Sơn
25	245180	VHX Tân Tri	Thôn Pò Đồn xã Tân Tri huyện Bắc Sơn
26	246360	VHX Yên Bình	Thôn Đồng Bụt xã Yên Bình huyện Hữu Lũng
27	246180	VHX Hồ Sơn	Thôn Na Hoa xã Hồ Sơn huyện Hữu Lũng
28	245860	VHX Vạn Linh	Thôn phố Mới xã Vạn Linh huyện Chi Lăng
29	245920	VHX Chi Lăng	Thôn Ga xã Chi Lăng huyện chi Lăng
30	244800	VHX Mông Ân	Thôn Bản Muống xã Mông Ân huyện Bình Gia
31	241920	VHX Hải Yến	Thôn Nà Tền xã Hải yến huyện Cao Lộc

32	243660	VHX Kháng Chiến	Thôn Đoòng Pán xã Kháng Chiến huyện Trảng Định
33	247731	VHX Châu Sơn	Thôn Nà Loỏng xã Châu Sơn huyện Đình Lập
34	247232	VHX Xuân Dương	Thôn Pò Chang xã Xuân Dương huyện Lộc Bình
35	242650	VHX Trùng Quán	Thôn Lũng Vài xã Trùng Quán huyện Văn Lãng
36	244150	VHX Lương Năng	Thôn Nà Thang xã Lương Lãng huyện Văn Quan
37	244170	VHX Xuân Mai	Thôn Bản Dạ xã Xuân Mai huyện Văn Quan
38	244820	VHX Hòa Bình	Thôn Tà Chu xã Hòa Bình huyện Bình Gia
39	244600	VHX Hoàng Văn Thụ	Thôn Long Quang 2 xã HVT huyện Bình Gia
40	243110	VHX Đại Đồng	Thôn Pò Bó xã Đại Đồng huyện Trảng Định
41	245660	VHX Nhân Lý	Thôn Lạng Giai A xã Nhân Lý huyện Chi Lăng
42	241520	VHX Hoàng Đồng	Thôn Hoàng Tân xã Hoàng Đồng TP Lạng Sơn
43	246520	VHX Đô Lương	Thôn Cốc Lùng xã Đô Lương huyện Hữu Lũng
44	246356	VHX Hòa Bình	Thôn Vĩnh Yên xã Hòa Bình huyện Hữu Lũng
45	245020	VHX Bắc Sơn	Thôn Trí Yên xã Bắc Sơn huyện Bắc Sơn
46	245050	VHX Quỳnh Sơn	Thôn Đon Riệc 2 xã Quỳnh Sơn huyện Bắc Sơn
47	246470	VHX Thiện Kỵ	Thôn Quyết Thắng xã Thiện Kỵ huyện Hữu Lũng
48	246500	VHX Đồng Tiến	Thôn Tân Luông xã Đồng Tiến huyện Hữu Lũng

49	242110	cửa khẩu Hữu Nghị	Tòa nhà trung tâm dịch vụ quốc tế - Cửa khẩu Hữu Nghị huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn
50	241692	BC KHL Lạng Sơn	Số 49 Lê Lợi - Phường Vĩnh Trại - TP Lạng Sơn
51	243350	VHX Chi Lăng	Thôn Đầu Linh xã Chi Lăng huyện Tràng Định
52	243610	VHX Hùng Sơn	Thôn Nà Chùa xã Hùng Sơn huyện Tràng Định
53	242930	VHX Tân Mỹ	Thôn Tà Nài xã Tân Mỹ huyện Văn Lãng
54	242860	VHX Hồng Thái	Thôn Bản Nhùng xã Hồng Thái huyện Văn Lãng
55	242140	VHX Phú Xá	Thôn Còn Chủ xã Phú Xá huyện Cao Lộc
56	243920	VHX Đại An	Thôn Bình Đăng B xã Đại An huyện Văn Quan
57	244190	VHX Hữu Lễ	Thôn Bản Châu xã Hữu Lễ huyện Văn Quan
58	244220	VHX Bình Phúc	Thôn Nà Hấy xã Bình Phúc huyện Văn Quan
59	244830	VHX Thiện Long	Thôn Bắc Hóa xã Thiện Long huyện Bình Gia
60	244570	VHX Hồng Thái	Thôn Bản Huân xã Hồng Thái huyện Bình Gia
61	244730	VHX Yên Lỗ	Thôn Bản Mè xã Yên Lỗ huyện Bình Gia
62	244680	VHX Hoa Thám	Thôn Nà Pàn xã Hoa Thám huyện Bình Gia
63	244780	VHX Thiện Hòa	Thôn Ba Biền xã Thiện Hòa huyện Bình Gia
64	245330	VHX Chiêu Vũ	Thôn Bình Thượng xã Chiêu Vũ huyện Bắc Sơn
65	245400	VHX Trấn Yên	Thôn Tác Nàng xã Trấn Yên huyện Bắc Sơn

66	245160	VHX Vũ Sơn	Thôn Nà Danh xã Vũ Sơn huyện Bắc Sơn
67	247090	VHX Xuân Tình	Thôn Khòn Nà xã Xuân Tình huyện Lộc Bình
68	246941	VHX Yên Khoái	Thôn Long Đầu xã Yên Khoái huyện Lộc Bình
69	247300	VHX Lợi Bắc	Thôn Nà U xã Lợi Bắc huyện Lộc Bình
70	247200	VHX Nam Quan	Thôn Bản Tó xã Nam Quan huyện Lộc Bình
71	247005	VHX Xuân Mãn	Thôn Bản Mãn xã Xuân Mãn huyện Lộc Bình
72	246860	VHX Khuất Xá	Thôn Bản Chu A xã Khuất Xá huyện Lộc Bình
73	247120	VHX Nhượng Bạ	Thôn Hán Sài xã Nhượng Bạ huyện Lộc Bình
74	247520	VHX Kiên Mộc	Thôn Bản Pục xã Kiên Mộc huyện Đình Lập
75	242270	VHX Tân Liên	Thôn An Dinh 1 xã Tân Liên huyện Cao Lộc
76	242120	VHX Thụy Hùng	Thôn Pò Nghiều xã Thụy Hùng huyện Cao Lộc
77	242250	VHX Yên Trạch	Thôn Yên Thành xã Yên Trạch huyện Cao Lộc
78	245800	VHX Hòa Bình	Thôn Pa Làng xã Hòa Bình huyện Chi Lăng
79	245900	VHX Quang Lang	Thôn Than Muội xã Quang Lang huyện Chi Lăng
80	245820	VHX Bằng Mạc	Thôn Nà Pe xã Bằng Mạc huyện Chi Lăng
81	246200	VHX Tân Thành	Thôn Bắc Lệ xã Tân Thành huyện Hữu Lũng
82	246250	VHX Cai Kinh	Thôn Ba Nàng xã Cai Kinh huyện Hữu Lũng

83	245210	VHX Chiến Thắng	Thôn Hồng Phong 3, xác Chiến Thắng, Bắc Sơn
TỈNH THÁI NGUYÊN			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	250000	Thái Nguyên	Số 10 Đường Cách mạng Tháng 8, P. Phan Đình Phùng TPTN
2	251540	Đồng Quang	Số 413 Đường Lương Ngọc Quyến, P. Hoàng Văn Thụ TPTN
3	252050	Lưu xá	Tổ 20 Phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên
4	251370	Thịnh Đán	Tổ 1, P. Thịnh Đán TP Thái Nguyên
5	251130	Quán Triều	Tổ 7, P. Quán Triều TP Thái Nguyên
6	252500	Đồng Hỷ	TT Chùa Hang-Đồng Hỷ Thái Nguyên
7	253200	Võ Nhai	TT Đình Cả-Võ Nhai Thái Nguyên
8	253420	La Hiên	Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai
9	255300	Đại Từ	Phố Chợ 2, TT Đại Từ-Đại Từ Thái Nguyên
10	253800	Phú Lương	TT Đu-Phú Lương Thái Nguyên
11	254150	Giang Tiên	TT Giang Tiên, Huyện Phú Lương
12	254400	Định Hóa	TT Chợ Chu-Định Hoá Thái Nguyên
13	253050	Quán Vuông	Xã Trung Hội, Huyện Định Hóa
14	256400	Sông Công	P. Thắng Lợi-Sông Công Thái Nguyên

15	256800	Phổ Yên	TT Ba Hàng-Phổ Yên Thái Nguyên
16	257110	Thanh Xuyên	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên
17	257500	Phú Bình	TT Úc Sơn-Phú Bình Thái Nguyên
18	251750	Phú Xá	Tổ 11, Phường Phú xá thành phố Thái Nguyên
19	251210	Mỏ Bạch	Số 238 Đường Bắc Cạn, P. Hoàng Văn Thụ thành phố Thái Nguyên
20	254790	Bình Yên	Xóm Yên thông xã Bình Yên huyện Định Hóa TN
21	252690	Sông Cầu	Xóm Tân Lập Thị trấn Sông Cầu huyện Đồng Hỷ TN
22	251120	Phát Thái Nguyên	Số 10 CMT8, Phan Đình Phùng, Thái Nguyên
2	252550	Phát Đồng Hỷ	TT Chùa hang-Đồng Hỷ TN
3	253250	Phát Võ Nhai	TT Đình Cả-Võ Nhai TN
4	253850	Phát Phú Lương	TT Đu-Phú Lương TN
5	254430	Phát Định Hoá	TT Chợ Chu-Định Hoá TN
6	255340	Phát Đại Từ	TT Đại Từ-Đại Từ TN
7	256420	Phát Sông Công	P. Cải Đan Sông Công TN
8	256890	Phát Phổ Yên	TT Ba Hàng-Phổ Yên TN
9	257520	Phát Phú Bình	TT Hương Sơn-Phú Bình TN
23	257330	Đồng Tiến	Đồng Tiến - Phổ Yên- Thái Nguyên

24	251720	BĐ-VHX Tân Lập	Phường Tân Lập TP Thái Nguyên
25	251520	KHL Thái Nguyên	Số 10 đường CMT8 TP Thái Nguyên
26	251610	Tài chính	Tổ 16, phường Thịnh Đán, Thành phố Thái Nguyên
27	258030	KCN Diềm Thụy	Xã Diềm Thụy Phú Bình TN
28	256846	KTX Sam Sung 1	Đồng Tiến, Phổ Yên
29	256847	KTX Sam Sung 2	Đồng Tiến, Phổ Yên
30	251050	Văn phòng BDT	Số 10 đường CMT8 TP Thái Nguyên
31	251160	Văn phòng BĐ TP	Số 10 đường CMT8 TP Thái Nguyên
32	252940	VHX Nam Hòa	Xã nam Hòa Đồng Hỷ TN
33	252920	VHX Huống Thượng	Xã Huống Thượng Đồng Hỷ TN
34	252790	VHX Hòa Bình	Xã Hòa Bình Đồng Hỷ TN
35	252760	VHX Minh Lập	Xã Minh Lập Đồng Hỷ TN
36	255800	VHX La Bằng	Xã la Bằng Đại Từ TN
37	255770	VHX Phú xuyên	Xã Phú Xuyên Đại Từ TN
38	255490	VHX Bản Ngoại	Xã Bản Ngoại Đại Từ TN
39	255650	VHX Phú cường	Xã Phú Cường Đại Từ TN
40	255620	VHX Phú thịnh	Xã Phú Thịnh Đại Từ TN

41	255590	VHX Phúc Lương	Xã Phúc Lương Đại Từ TN
42	255520	VHX Phú Lạc	Xã Phú Lạc Đại Từ TN
43	255850	VHX Hoàng Nông	Xã Hoàng Nông Đại Từ TN
44	255900	VHX Mỹ Yên	Xã Mỹ yên Đại Từ TN
45	256130	VHX An Khánh	Xã An Khánh Đại Từ TN
46	255980	VHX Vạn Thọ	Xã Vạn Thọ Đại Từ TN
47	255960	VHX Văn Yên	Xã Văn Yên Đại Từ TN
48	255880	VHX Bình Thuận	Xã Bình Thuận Đại Từ TN
49	255940	VHX Lục Ba	Xã Lục Ba Đại Từ TN
50	257010	VHX Vạn Phái	Xã Vạn Phái Phổ Yên TN
51	257170	VHX Tân Hương	Xã Tân Hương Phổ Yên TN
52	257270	VHX Tiên Phong	Xã Tiên Phong Phổ Yên TN
53	256930	VHX Minh Đức	Xã Minh Đức Phổ Yên TN
54	253400	VHX Cúc đường	Xã Cúc Đường Võ Nhai TN
55	253260	VHX Vũ chấn	Xã Vũ Chấn Võ Nhai TN
56	253370	VHX Lâu thượng	Xã Lâu Thượng Võ Nhai TN
57	253580	VHX Bình long	Xã Bình Long Võ Nhai TN

58	255110	VHX Phú Tiến	Xã Phú Tiến Định Hóa TN
59	254820	VHX Điềm Mặc	Xã Điềm Mặc Định Hóa TN
60	254910	VHX sơn Phú	Xã Sơn Phú Định Hóa TN
61	254990	VHX Bình Thành	Xã Bình Thành Định Hóa TN
62	254470	VHX Tân Thịnh	Xã Tân Thịnh Định Hóa TN
63	254630	VHX Phúc Chu	Xã Phúc Chu Định Hóa TN
64	254440	VHX Tân Dương	Xã Tân Cương Định Hóa TN
65	254000	VHX yên Ninh	Xã Yên Ninh Phú Lương TN
66	254090	VHX Ôn Lương	Xã Ôn Lương Phú Lương TN
67	253930	VHX Phú Đô	Xã Phú Đô Phú Lương TN
68	254230	VHX Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm Phú Lương TN
69	254200	VHX Cổ Lũng	Xã Cổ Lũng Phú Lương TN
70	257710	VHX Tân Kim	Xã Tân Kim Phú Bình TN
71	258021	VHX Điềm Thụy	Xã Điềm Thụy Phú Bình TN
72	257750	VHX Bảo Lý	Xã Bảo Lý Phú Bình TN
73	257900	VHX Đồng Liên	Xã Đồng Liên Phú Bình TN
74	257610	VHX Tân Hòa	Xã Tân Hòa Phú Bình TN

75	251060	VHX Túc duyên	Phường Túc Duyên TPTN
76	251660	VHX Tân Cương	Xã Tân Cương TPTN
77	251410	VHX Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân TPTN
78	252160	VHX Thịnh Đán	Xã Quyết Thắng TPTN
79	251580	VHX Tân Thịnh	Xã Tân Thịnh TPTN
80	254050	VHX Phủ Lý	Xã phủ Lý huyện Phú Lương
81	253971	VHX Yên Đỗ	xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương
82	254170	VHX Vô Tranh	Xã Vô tranh huyện Phú Lương
83	254070	VHX Hợp Thành	Xã Hợp Thành huyện Phú Lương
84	257050	VHX Thành Công	Xã Thành công huyện Phổ yên
85	255060	VHX Bộc nhiều	Xã Bộc Nhiều huyện Định Hóa
86	253010	VHX Tân Lợi	Xã Tân Lợi huyện Định Hóa
87	253300	VHX Sảng Mộc	xã Sảng Mộc huyện Võ Nhai
88	253470	VHX Liên Minh	Xã Liên Minh huyện Võ Nhai
89	258020	Chợ Hanh	Xã Diềm Thụy - Phú Bình Thái Nguyên
90	251810	VHX Tích Lương	Xã Tích Lương TP Thái Nguyên
91	251970	VHX Cam Giá	Phường Cam Giá TP Thái Nguyên

92	251430	VHX Phúc Triu	Xã Phúc Triu TP Thái Nguyên
93	252870	VHX Đồng Bầm	Xã Đồng Bầm TP Thái Nguyên
94	252980	BC Trại Cau	Thị trấn Trại cau huyện Đồng Hỷ Thái Nguyên
95	256815	KHL Phở yên	Phường Ba Hàng Phở Yên Thái Nguyên
96	256440	VHX Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên TP Sông công
97	252120	VHX lương Sơn	Phường Lương Sơn TP Sông công
98	256460	VHX Bình Sơn	Xã Bình Sơn TP Sông công
99	257250	VHX Tân Phú	Xã Tân Phú TX Phở Yên
100	257090	VHX Nam Tiến	Xã Tân Phú TX Phở Yên
101	256848	KCN YÊN BÌNH	Xã Đồng Tiến, H. Phở Yên, Thái Nguyên
102	251930	BC Tân Thành	Tổ 2 phường tân thành TPTN
103	253030	VHX Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến Đồng Hỷ Thái Nguyên
104	252590	VHX Văn Hán	Xã Văn Hán Đồng Hỷ Thái Nguyên
105	252670	VHX Hóa trung	Xã Hóa Trung Đồng Hỷ Thái Nguyên
106	252740	VHX Tân Long	Xã Tân Long Đồng Hỷ Thái Nguyên
107	256960	VHX Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận Phở Yên Thái Nguyên
108	253280	VHX Nghinh Tường	Xã Nghinh tường Võ Nhai TN

109	253350	VHX Thần sa	Xã Thần sa Võ Nhai TN
110	253330	VHX Thượng nung	Xã Thượng Nung Võ Nhai TN
111	253610	VHX Phương giao	Xã Phương giao Võ nhai TN
112	253490	VHX Tràng xá	Xã Tràng xá Võ nhai TN
113	253230	VHX Phú thượng	Xã Phú thượng Võ nhai TN
114	253860	VHX Yên Lạc	Xã Yên Lạc Phú Lương Thái Nguyên
115	257640	VHX Tân Đức	Xã Tân Đức Phú Bình Thái Nguyên
116	257680	VHX Tân Thành	Xã Tân Thành Phú Bình Thái Nguyên
117	257850	VHX Bàn Đát	Xã Bàn Đát Phú Bình Thái Nguyên
118	258110	VHX Hà Châu	Xã Hà Châu Phú Bình Thái Nguyên
119	258180	VHX Lương Phú	Xã Lương Phú Phú Bình Thái Nguyên
120	252090	BCP Lưu Xá	Phường Hương Sơn TP Thái Nguyên
121	255560	VHX Đức Lương	Xã Đức Lương Đại Từ Thái Nguyên
122	256020	VHX Cát Nê	Xã Cát Nê Đại Từ Thái Nguyên
123	255430	VHX Tân Linh	Xã Tân Linh Đại Từ Thái Nguyên
124	255080	VHX Phụng Tiến	Xã Phụng Tiến Định Hóa Thái Nguyên
125	254530	VHX Lam Vỹ	Xã Lam Vỹ Định Hóa Thái Nguyên

126	254510	VHX Kim Phượng	Xã Kim Phượng Định Hóa Thái Nguyên
127	254670	VHX Bảo Cường	Xã Bảo Cường Định Hóa Thái Nguyên
128	254650	VHX Bảo Linh	Xã bảo Linh Định Hóa Thái Nguyên
129	254760	VHX Thanh Định	Xã Thanh Định Định Hóa Thái Nguyên
130	254950	VHX Phú Đình	Xã Phú Đình Định Hóa Thái Nguyên
131	256630	VHX Cải Đan	Phường Cải Đan TP Sông công TN
132	256401	VHX Tân Quang	Xã Tân Quang TP Sông công TN
133	252890	VHX Linh Sơn	Xã Linh Sơn huyện Đồng Hỷ TN
134	252570	VHX Khe Mo	Xã Khe Mo huyện Đồng Hỷ TN
135	254030	VHX Yên Trạch	Xã Yên Trạch huyện Phú Lương TN
136	254110	VHX Phấn Mễ	Xã Phấn mễ huyện Phú Lương TN
137	253971	VHX Yên Đỗ	Xã Yên Đỗ huyện Phú Lương TN
138	253900	VHX Tức Tranh	Xã Tức Tranh huyện Phú Lương TN
139	256850	VHX Bãi Bông	Phường Bãi Bông TX Phổ Yên TN
140	257210	VHX Đông Cao	Xã Đông Cao TX Phổ Yên TN
141	251680	Gia Sàng	Gia Sàng, Thái Nguyên
142	252620	VHX Cây Thị	Xã cây Thị huyện Đồng Hỷ Thái Nguyên

143	252710	VHX Quang sơn	Xã Quang Sơn huyện Đồng Hỷ Thái Nguyên
144	258140	VHX Kha Sơn	Xã Kha Sơn huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên
145	257990	VHX Nhã Lộng	Xã Nhã Lộng huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên
146	257950	VHX Xuân Phương	Xã Xuân Phương huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên
147	257880	VHX Đào Xá	Xã Đào Xá huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên
148	258420	VHX Dương Thành	Xã Dương Thành huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên
149	258070	VHX Nga My	Xã Nga My huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên
150	256000	Ký Phú	Xã Ký Phú Đại Từ Thái Nguyên
151	255820	VHX Khôi Kỳ	Xã Khôi Kỳ Đại Từ Thái Nguyên
152	256080	VHX Quân Chu	TT Quân chu Đại Từ Thái Nguyên
153	252040	Hương Sơn	Phường Hương Sơn TP Thái Nguyên
TỈNH BẮC CẠN			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	260000	TX Bắc Cạn	Tổ 7B Phường Đức Xuân, TX Bắc Cạn
2	263800	Chợ Mới	Tổ 7, TT Chợ Mới, Huyện Chợ Mới
3	261300	Na Rì	Thôn Phố Mới, TT Yên lạc
4	263200	Chợ Đồn	Tổ 11B, TT Bằng Lũng

5	262700	Ba Bể	Tiểu Khu 6, TT Chợ Rã
6	262300	Ngân Sơn	Tiểu Khu 4, Xã Vân Tùng Huyện Ngân Sơn
7	261900	Bạch Thông	Khu Phố Ngã Ba, TT Phủ thông
8	264300	Pắc Nặm	Thôn Nà Coóc, Xã Bộc Bó Huyện Pắc Nặm
9	263950	Sáu Hai	Xã Nông Hạ, Huyện Chợ Mới
10	263980	Cao Kỳ	Xã Cao Kỳ, Huyện Chợ Mới
11	263808	Chợ Mới 2	Xã Yên Đĩnh, huyện Chợ Mới
12	261110	Nà Mày	Phường Sông Cầu, TX Bắc Cạn
13	261030	Minh Khai	Phường Minh Khai, TX Bắc Cạn
14	261430	Lạng San	Xã Lạng San, Huyện Na Rì
15	261130	BCP Bắc Kạn	Tổ 7B phường Đức Xuân thị xã Bắc Kạn tỉnh Bắc Kạn
16	260310	Tin học 2	Tổ 7B Phường Đức Xuân, TX Bắc Cạn
17	261940	BCP Bạch Thông	Khu Ngã Ba thị trấn Phủ Thông huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn
18	262790	BCP Ba Bể	Tiểu khu 6 thị trấn Chợ Rã huyện Ba Bể tỉnh Bắc Kạn
19	263320	BCP Chợ Đồn	Tổ 2A thị trấn Bằng Lũng huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn
20	263870	BCP Chợ Mới	Tổ 7 thị trấn Chợ Mới huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn
21	261370	BCP Na Rì	Thôn Phố Mới thị trấn Yên Lạc huyện Na Rì tỉnh Bắc Kạn

22	262380	BCP Ngân Sơn	Tiểu Khu Phố xã Vân Tùng huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn
23	264460	BCP Pác Nặm	Thôn Nà Coóc xã Bộc Bó huyện PácNặm tỉnh Bắc Kạn
24	262934	Vườn Quốc gia Ba Bể	Xã Khang Ninh, Huyện Ba Bể
25	262450	Nà Phặc	Thị trấn Nà Phặc, Huyện Ngân Sơn
26	262340	Bằng Khẩu	Xã Bằng Khẩu, Huyện Ngân Sơn
27	262920	VHX Khang Ninh	Xã Khang Ninh, Huyện Ba Bể
28	261160	VHX Nông Thượng	Xã Nông ThượngTP Bắc Kạn
29	264130	VHX Quảng Chu	Xã Quảng ChuChợ Mới
30	264040	VHX Thanh Mai	Xã Thanh MaiChợ Mới
31	263880	VHX Yên Hân	Xã Yên HânChợ Mới
32	264070	VHX Hòa Mục	Xã Hòa MụcChợ Mới
33	261630	VHX Hảo Nghĩa	Xã Hảo NghĩaNa Rỳ
34	261360	VHX Lương Hạ	Xã Lương HậNa Rỳ
35	261350	VHX Cường Lợi	Xã Cường LớNa Rỳ
36	263240	VHX Đông Viên	Xã Đông ViênChợ Đồn
37	263400	VHX Nam Cường	Xã Nam CườngChợ Đồn
38	263298	VHX Phương Viên	Xa Phương ViênChợ Đồn

39	262770	VHX Hà Hiệu	Xã Hà HiệuBa Bể
40	263010	VHX Mỹ Phương	Xã Mỹ PhươngBa Bể
41	263054	VHX Đồng Phúc	Xã Đồng PhúcBa Bể
42	262560	VHX Lăng Ngâm	Xã Lăng NgâmNgân Sơn
43	262390	VHX Cốc Đán	Xã Cốc ĐánNgân Sơn
44	262100	VHX Cẩm Giàng	Xã Cẩm GiàngBạch Thông
45	262070	VHX Quân Bình	Xã Qân BìnhBạch Thông
46	264330	VHX Nghiên Loan	Xã Nghiên LoanPác Nặm
47	264430	VHX Công Bằng	Xã Công BằngPác Nặm
48	264363	VHX Cao Tân	Xã Cao TânPác Nặm
49	261080	VHX Huyền Tụng	Xã Huyền Tụng TPBK
50	261100	VHX Dương Quang	Xã Dương Quang TPBK
51	264110	VHX Mai Lạp	Xã Mai Lạp huyện Chợ Mới
52	264000	VHX Tân Sơn	Xã Tân Sơn huyện Chợ mới
53	263840	VHX Như Cố	Xã Như Cố huyện Chợ Mới
54	263860	VHX Bình Văn	Xã Bình Văn huyện Chợ Mới
55	263900	VHX Yên Cư	Xã Yên Cư huyện Chợ Mới

56	263930	VHX Thanh Bình	Xã Thanh Bình huyện Chợ Mới
57	264020	VHX Nông Thịnh	Xã Nông Thịnh huyện Chợ Mới
58	263830	VHX Yên Đĩnh	Xã Yên Đĩnh huyện Chợ Mới
59	264090	VHX Thanh Vận	Xã Thanh Vận huyện Chợ Mới
60	261330	VHX Kim Lư	Xã Kim Lư huyện Na Rì
61	261650	VHX Quang Phong	Xã Quang Phong huyện Na Rì
62	261600	VHX Côn Minh	Xã Côn Minh huyện Na Rì
63	261680	VHX Dương Sơn	Xã Dương Sơn huyện Na Rì
64	261700	VHX Xuân Dương	Xã Xuân Dương huyện Na Rì
65	261740	VHX Liêm Thủy	Xã Liêm Thủy huyện Na Rì
66	261580	VHX Hữu Thác	Xã Hữu Thác huyện Na Rì
67	261520	VHX Ân Tình	Xã Ân Tình huyện Na Rì
68	261460	VHX Kim Hỷ	Xã Kim Hỷ huyện Na Rì
69	261500	VHX Lương Thành	Xã Lương Thành huyện Na Rì
70	261450	VHX Lương Thượng	Xã Lương Thương huyện Na Rì
71	261720	VHX Đồng Xá	Xã Đồng Xá huyện Na Rì
72	261400	VHX Vũ Loan	Xã Vũ Loan huyện Na Rì

73	261380	VHX Văn Học	Xã Văn Học huyện Na Rì
74	261480	VHX Lam Sơn	Xã Lam Sơn huyện Na Rì
75	261550	VHX Cư Lễ	Xã Cư Lễ huyện Na Rì
76	261530	VHX Văn Minh	Xã Văn Minh huyện Na Rì
77	263330	VHX Ngọc Phái	Xã Ngọc Phái huyện Chợ Đồn
78	263600	VHX Nghĩa Tá	Xã Nghĩa Tá huyện Chợ Đồn
79	263640	VHX Bình Trung	Xã Bình Trung huyện Chợ Đồn
80	263270	VHX Rã Bản	Xã Ra Bản huyện Chợ Đồn
81	263500	VHX Đại Sảo	Xã Đại Sảo huyện Chợ Đồn
82	263588	VHX Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ huyện Chợ Đồn
83	263620	VHX Yên Nhuận	Xã Yên Nhuận huyện Chợ Đồn
84	263570	VHX Phong Huân	Xã Phong Huân huyện Chợ Đồn
85	263310	VHX Bằng Phúc	Xã Bằng Phúc huyện Chợ Đồn
86	263357	VHX Quảng Bạch	Xã Quảng Bạch huyện Chợ Đồn
87	263360	VHX Tân Lập	Xã Tân Lập huyện Chợ Đồn
88	263420	VHX Xuân Lạc	Xã Xuân Lạc huyện Chợ Đồn
89	263380	VHX Đồng Lạc	Xã Đồng Lạc huyện Chợ Đồn

90	263440	VHX Yên Thịnh	Xã Yên Thịnh huyện Chợ Đồn
91	263480	VHX Yên Thượng	Xã Yên Thượng huyện Chợ Đồn
92	263520	VHX Bằng Lăng	Xã Bằng Lăng huyện Chợ Đồn
93	263540	VHX Lương Bằng	Xã Lương Bằng huyện Chợ Đồn
94	262800	VHX Cao Trĩ	Xã Cao Trĩ huyện Ba Bể
95	262820	VHX Cao Thượng	Xã Cao Thượng huyện Ba Bể
96	262940	VHX Chu Hương	Xã Chu Hương huyện Ba Bể
97	262970	VHX Yên Dương	Xã Yên Dương huyện Ba Bể
98	262870	VHX Địa Linh	Xã Địa Linh huyện Ba Bể
99	262850	VHX Nam Mẫu	Xã Nam Mẫu huyện Ba Bể
100	262720	VHX Bành Trạch	Xã Bành Trạch huyện Ba Bể
101	262740	VHX Phúc Lộc	Xã Phúc Lộc huyện Ba Bể
102	263066	VHX Hoàng Trĩ	Xã Hoàng Trĩ huyện Ba Bể
103	262530	VHX Thuần Mang	Xã Thuần Mang huyện Ngân Sơn
104	262430	VHX Trung Hòa	Xã Trung Hòa huyện Ngân Sơn
105	262490	VHX Thượng Quan	Xã Thượng Quan huyện Ngân Sơn
106	262320	VHX Đức Vân	Xã Đức Vân huyện Ngân Sơn

107	262360	VHX Thượng Ân	Xã Thượng Ân huyện Ngân Sơn
108	262580	VHX Hương Nê	Xã Hương Nê huyện Ngân Sơn
109	262010	VHX Sỹ Bình	Xã Sỹ Bình huyện Bạch Thông
110	262120	VHX Nguyên Phúc	Xã Nguyên Phúc huyện Bạch Thông
111	261990	VHX Tân Tiến	Xã Tân Tiến huyện Bạch Thông
112	262030	VHX Vũ Muộn	Xã Vũ Muộn huyện Bạch Thông
113	261147	VHX Cao Sơn	Xã Cao Sơn huyện Bạch Thông
114	261910	VHX Phương linh	Xã Phương Linh huyện Bạch Thông
115	261930	VHX Vi Hương	Xã Vi Hương huyện Bạch Thông
116	261950	VHX Tú Trĩ	Xã Tú Trĩ huyện Bạch Thông
117	261970	VHX Lục bình	Xã Lục Bình huyện Bạch Thông
118	262089	VHX Hà Vị	Xã Hà Vị huyện Bạch Thông
119	262170	VHX Quang Thuận	Xã Quang Thuận huyện Bạch Thông
120	262190	VHX Dương Phong	Xã Dương Phong huyện Bạch Thông
121	262050	VHX Đông Phong	Xã Đông Phong huyện Bạch Thông
122	262150	VHX Mỹ Thanh	Xã Mỹ Thanh huyện Bạch Thông
123	264458	VHX Nhận Môn	Xã Nhận Môn huyện Pác Nặm

124	264470	VHX Bằng Thành	Xã Bằng Thành huyện Pác Nặm
125	264381	VHX Cổ Linh	Xã Cổ Linh huyện Pác Nặm
126	264420	VHX Giáo Hiệu	Xã Giáo Hiệu huyện Pác Nặm
127	264400	VHX Xuân La	Xã Xuân La huyện Pác Nặm
128	264397	VHX An Thắng	Xã An Thắng huyện Pác Nặm
129	261025	BC3 KHL Bắc Kạn	Tổ 7B phường Đức Xuân thành phố Bắc Kạn tỉnh Bắc Kạn
130	261201	VHX Xuất Hóa	Xã Xuất Hóa, TP Bắc Kạn
131	262941	VHX Chu Hương	Xã Chu Hương huyện Ba Bể
132	263299	Phương Viên	Xã Phương Viên Huyện Chợ Đồn
TỈNH CAO BẰNG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	270000	Cao Bằng	Phường Hợp Giang- Thị xã Cao Bằng
2	271250	Tân Giang	Phường Tân Giang -Thị xã Cao Bằng
3	271070	Tam Trung	Phường Sông Bằng-Thị xã Cao Bằng
4	271310	Đề Thám	Km5, P. Đề Thám -Thị xã Cao Bằng
5	273800	Hòa An	Thị Trấn Nước Hai - Hòa An
6	274220	Cao Bình	Phố Cao bình, xã Hưng Đạo huyện Hòa An

7	273930	Nà Rì	Xóm háng Hóa, xã Nam Tuấn huyện Hòa An
8	274600	Hà Quảng	Thị trấn Xuân Hòa - huyện Hà Quảng
9	275020	Nà Giàng	xóm Bản Bó, xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng
10	274940	Sóc Giang	xóm Sóc Giang, xã Sóc Hà - huyện Hà Quảng
11	276200	Bảo Lạc	Thị trấn Bảo Lạc - huyện Bảo Lạc
12	276700	Bảo Lâm	Thị trấn Pác Miầu-huyện Bảo Lâm
13	275600	Nguyên Bình	Thị trấn Nguyên Bình - huyện Nguyên Bình
14	275850	Tĩnh Túc	Huyện Nguyên Bình
15	277800	Phục Hòa	Thị trấn Hòa Thuận -huyện Phục Hòa
16	277801	Tà Lùng	Thị trấn Tà Lùng - huyện Phục Hòa
17	272200	Hạ Lang	Thị trấn Thanh Nhật- huyện Hạ Lang
18	272700	Trùng Khánh	Thị trấn Trùng Khánh- huyện Trùng Khánh
19	273400	Trà Lĩnh	Thị trấn Hùng Quốc -huyện Trà Lĩnh
20	275200	Thông Nông	Thị trấn Thông Nông - huyện Thông Nông
21	277100	Thạch An	Thị trấn Đông Khê - huyện Thạch An
22	271500	Quảng Uyên	Thị trấn Quảng Uyên - huyện Quảng Uyên
23	271050	BC phát Cao bằng	Phố Hoàng Văn Thụ P. Hợp Giang TPCB

24	272280	VHX Lý Quốc	Xóm Bằng Ca, xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng
25	274740	VHX Tổng Cột	Xóm Cột Phố, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng
26	277340	VHX Kim Đồng	Xã Kim Đồng, Huyện Thạch An, Cao Bằng
27	273170	VHX Thông Huề	Xã Thông Huề, huyện Trùng Khánh, Cao Bằng
28	273880	VHX Nguyễn Huệ	Xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An, Cao Bằng
29	271068	KHL Cao Bằng	Phường Hợp Giang, Thành Phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

TỈNH VĨNH PHÚC

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	280000	TP Vĩnh Yên	Số 2 Ngô Quyền, TP Vĩnh Yên
2	280100	Đồng Tâm	P. Đồng Tâm TP Vĩnh Yên
3	281200	Bình Xuyên	TT Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc
4	283600	Tam Đảo	Km 10 Xã Hợp Châu, Tam Đảo, Vĩnh Phúc
5	282300	Vĩnh Tường	Khu 3 Thị trấn Vĩnh Tường
6	282420	Thổ Tang	Xã Chấn Hưng, Huyện Vĩnh Tường
7	281500	Tam Dương	Thị trấn Hợp Hoà, Huyện Tam Dương
8	281800	Lập Thạch	Thị trấn Lập Thạch, Huyện Lập Thạch
9	281850	Liên Sơn	Thị Trấn Hoa Sơn, Huyện Lập thạch

10	281980	Bến Then	TT Tam Sơn - Lập thạch
11	282800	Yên Lạc	Thị trấn Yên Lạc, Huyện Yên Lạc
12	283400	Phúc Yên	Khu 5 Tiền Châu, TX Phúc Yên, Vĩnh Phúc
13	283401	Trung Trắc	Khu Phố An Ninh, Phường Trung Trắc, TX Phúc Yên
14	283460	Xuân Hoà	Phường Xuân Hoà, TX Phúc Yên, Vĩnh Phúc
15	281330	Quang Hà	TT Gia Khánh, Huyện Bình Xuyên
16	282980	Chợ Lồ	Khu 11, Phố Lồ, Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc
17	282520	Ba Sao	Thôn Chùa, xã Bồ Sao, huyện Vĩnh Tường
18	281190	Văn Phòng	Đường Kim Ngọc, Phường Ngô Quyền, TP Vĩnh Yên
1	281160	BCP Vĩnh Yên	Liên Bảo - Chùa Hà Vĩnh Yên
2	283490	BCP Phúc Yên	Tiền Châu - Phúc Yên
3	281610	BCP Tam Dương	Tam Dương - VP
4	283690	BCP Tam Đảo	Tam Đảo - VP
5	281360	BCP Bình Xuyên	Bình Xuyên - VP
6	282960	BCP Yên Lạc	Yên Lạc - VP
7	282430	BCP Vĩnh Tường	Vĩnh Tường - VP
8	282050	BCP Lập Thạch	Lập Thạch - VP

19	281155	Liên Bảo	Khu đô thị Chùa Hà Tiên, Phường Liên bảo, Vĩnh Yên
20	281331	BC Gia Khánh	Gia Khánh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc
21	281390	VHX Thanh Lãng	Thanh Lãng_ Bình Xuyên_ Vĩnh Phúc
22	282830	VHX Trung Nguyên	Xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc
23	282910	VHX Liên Châu	Xã Liên Châu, huyện Yên Lạc
24	282810	VHX Bình Định	Xã Bình Định, Huyện Yên Lạc
25	282050	VHX Đồng Văn	Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc
26	282970	VHX Trung Kiên	Xã Trung Kiên, huyện Yên Lạc
27	282920	VHX Yên Phương	Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc
28	282990	VHX Văn Tiến	Xã Văn Tiến, huyện Yên Lạc
29	282860	VHX Tề Lỗ	Xã Tề Lỗ, Huyện Yên Lạc
30	281501	VHX Hợp Hòa	Xã Hợp Hòa, Tam Dương
31	282610	VHX Tứ Trung	Xã Tứ Trung, Huyện Vĩnh Tường
32	282850	VHX Đồng Văn	Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc
33	281540	VHX Kim Long	Kim Long , Huyện Tam Dương
34	281560	VHX Đồng Tĩnh	Xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương
35	281700	VHX Đạo Tú	Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương

36	281720	VHX Thanh Vân	Xã Thanh Vân, huyện Tam Dương
37	282350	VHX Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn, Huyện Vĩnh Tường
38	282530	VHX Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, Huyện Vĩnh Tường
39	282500	VHX Tân Cương	Xã Tân Cương, Huyện Vĩnh Tường
40	282310	VHX Vân Xuân	Xã Vân Xuân, Huyện Vĩnh Tường
41	283680	VHX Hồ Sơn	Xã Hồ Sơn, Huyện Tam Đảo
42	283630	VHX Đại Đình	Xã Đại Đình, Huyện Tam Đảo
43	283700	VHX Đạo Trù	Xã Đạo Trù, Huyện Tam Đảo
44	283660	VHX Tam Quan	Xã Tam Quan, Huyện Tam Đảo
45	283760	VHX Minh Quang	Xã Minh Quang, Huyện Tam Đảo
46	281180	TT Khai thác	Chùa Hà - Vĩnh Yên
47	281280	VHX Thiện Kế	Xã Hồ Sơn, Huyện Bình Xuyên
48	281220	VHX Bá Hiến	Xã Đại Đình, Huyện Bình Xuyên
49	281260	VHX Tam Hợp	Xã Đạo Trù, Huyện Bình Xuyên
50	282570	VHX An Tường	Xã An Tường, Huyện Vĩnh Tường
51	282550	VHX Tuân Chính	Xã Tuân Chính, Huyện Vĩnh Tường
52	282460	VHX Lũng Hòa	Xã Lũng Hòa, Huyện Vĩnh Tường

53	282450	VHX Yên Lập	Xã Yên Lập, Huyện Vĩnh Tường
54	282630	VHX Ngũ Kiên	Xã Ngũ Kiên, Huyện Vĩnh Tường
55	282480	VHX Thượng Trưng	Xã Thượng Trưng, Huyện Vĩnh Tường
56	282400	VHX Kim Xá	Xã Kim Xá, Huyện Vĩnh Tường
57	282330	VHX Bình Dương	Xã Bình Dương, Huyện Vĩnh Tường
58	282100	VHX Tứ Yên	Xã Tứ Yên, Huyện Lập Thạch
59	282130	VHX Xuân Lôi	Xã Xuân Lôi, Huyện Lập Thạch
60	282170	VHX Đình Chu	Xã Đình Chu, Huyện Lập Thạch
61	281820	VHX Tử Du	Xã Tử Du, Huyện Lập Thạch
62	281880	VHX Bắc Bình	Xã Bắc Bình, Huyện Lập Thạch
63	282090	VHX Yên Thạch	Xã Yên Thạch, Huyện Lập Thạch
64	281950	VHX Quang Yên	Xã Quang Yên, Huyện Lập Thạch
65	282190	VHX Tiên Lữ	Xã Tiên Lữ , Huyện Lập Thạch
66	281960	VHX Tân Lập	Xã Tân Lập, Huyện Lập Thạch
67	281860	VHX Thái Hòa	Xã Thái Hòa, Huyện Lập Thạch
68	282120	VHX Đức Bác	Xã Đức Bác, Huyện Lập Thạch
69	282940	VHX Hồng châu	Xã Hồng Châu, Huyện Yên Lạc

70	282950	VHX Trung Hà	Xã Trung Hà, Huyện Yên Lạc
71	282820	VHX Đồng Cương	Xã Đồng Cương, Huyện Yên Lạc
72	281680	VHX Vân hội	Xã Vân Hội, Huyện Tam Dương
73	281016	KHL Vĩnh Yên	Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
74	283140	Sông Lô	Tam Sơn, Sông Lô, Vĩnh Phúc
75	283190	Bru cục phát	Tam Sơn, Sông Lô, Vĩnh Phúc
76	282540	VHX Lý Nhân	Xã Lý Nhân - Huyện Vĩnh Tường
77	282590	VHX Vĩnh Thịnh	Xã Vĩnh Thịnh - Huyện Vĩnh Tường
78	282670	VHX Vĩnh Ninh	Xã Vĩnh Ninh - Huyện Vĩnh Tường
79	282880	VHX Đại tự	Xã Đại Tự - Huyện Vĩnh Tường
80	281830	VHX Bàn Giản	Xã Bàn Giản - Huyện Lập Thạch
81	281890	VHX Hợp Lí	Xã Hợp Lí- Huyện Lập Thạch
82	282010	VHX Đôn Nhân	Xã Đôn Nhân- Huyện Sông Lô
83	282030	VHX Nhân Đạo	Xã Nhân Đạo - Huyện Sông Lô
84	281940	VHX Lăng Công	Xã Lăng Công - Huyện Sông Lô
85	281040	VHX Định Trung	Xã Định Trung, TP Vĩnh Yên
86	281140	VHX Thanh Trù	Xã Thanh Trù, TP Vĩnh Yên

87	281660	VHX Duy Phiên	Xã Duy Phiên Huyện Tam Dương
88	281620	VHX Hoàng Đan	Xã Hoàng Đan, Huyện Tam Dương
89	282870	VHX Yên Đồng	Xã Yên Đồng - H. Yên Lạc
90	282580	VHX Tam Phúc	Xã Tam Phúc - H. Vĩnh Tường
91	282470	VHX Việt Xuân	Xã Việt Xuân - H. Vĩnh Tường
92	282510	VHX Cao Đại	Xã Cao Đại - H. Vĩnh Tường
93	282320	VHX Vũ Dỵ	Xã Vũ Dỵ- H. Vĩnh Tường
94	282650	VHX Phú Đa	Xã Phú Đa - H. Vĩnh Tường
95	282380	VHX Yên Bình	Xã Yên Bình - H. Vĩnh Tường
96	281310	VHX Hương Sơn	Xã Hương Sơn, Huyện Bình Xuyên
97	281250	VHX Trung Mỹ	Xã Trung Mỹ, Huyện Bình Xuyên
98	281210	VHX Sơn Lôi	Xã Sơn Lôi, Huyện Bình Xuyên
99	281201	VHX Hương Canh	TT Yên lạc, Huyện Bình Xuyên
100	281370	VHX Tân Phong	Xã Tân Phong, Huyện Bình Xuyên
101	281410	VHX Phú Xuân	Xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên
102	282390	VHX Nghĩa Hưng	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Vĩnh tường
103	282360	VHX Đại Đồng	Xã Đại Đồng, Huyện Vĩnh Tường

104	282110	VHX Đồng Thịnh	Xã Đồng Thịnh - Sông Lô
105	281970	VHX Nhạo Sơn	Xã Nhạo Sơn - Sông Lô
106	282080	VHX Như Thụy	Xã Như Thụy -Sông Lô
107	282070	VHX Bạch Lưu	Xã bạch Lưu - Sông Lô
108	282040	VHX Hải Lựu	Xã Hải Lựu - Sông Lô
109	282150	VHX Cao Phong	Xã cao Phong - Sông Lô
110	282930	VHX Hồng Phương	Xã Hồng Phương - Yên Lạc
111	281530	VHX Hướng Đạo	Xã Hướng Đạo - Tam Dương
112	281930	VHX Đồng Quế	Xã Đồng Quế - Sông Lô
113	283919	HCC Vĩnh Phúc	TP Vĩnh Yên- Vĩnh Phúc
114	281990	VHX Phương Khoan	Xã Phương Khoan - Sông Lô
115	283495	KHL Phúc Yên	Phúc yên Vĩnh Phúc
116	282140	VHX Văn Quán	Văn Quán Lập Thạch Vĩnh Phúc
117	281920	VHX Ngọc Mỹ	Ngọc Mỹ Lập Thạch Vĩnh Phúc
118	282306	KHL Vĩnh Tường	Thị Trấn Vĩnh Tường
119	281206	KHL Bình Xuyên	TT Hương Canh - Bình Xuyên
120	281580	VHX Hoàng Hoa	Hoàng Hoa -Tam Dương

121	281812	KHL Lập Thạch	TT Lập Thạch, H Lập Thạch
TỈNH PHÚ THỌ			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	290000	Việt Trì	Số 1468 Đường Hùng Vương Thành Phố Việt Trì
2	293500	Phú Thọ	Số 82 Đường Nguyễn Du, Phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ
3	297000	Cẩm Khê	Khu 9 Thị Trấn Sông Thao Huyện Cẩm Khê
4	294900	Đoan Hùng	Thôn Tân Tiến, Thị Trấn Đoan Hùng, Huyện Đoan Hùng
5	296200	Hạ Hòa	Khu 8, Thị Trấn Hạ Hoà, Huyện Hạ Hoà
6	292900	Lâm Thao	Khu Lâm Thao, Thị Trấn Lâm Thao, Huyện Lâm Thao
7	292300	Phù Ninh	Thị Trấn Phong Châu Huyện Phù Ninh
8	294000	Tam Nông	Khu 7, Thị Trấn Hưng Hoá, Huyện Tam Nông
9	295600	Thanh Ba	Khu 6, Thị Trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba
10	298200	Thanh Sơn	Khu Phố Hoàng Sơn, Thị Trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn,
11	294500	Thanh Thủy	Khu 9 - Phố La Phù, Xã La Phù, Huyện Thanh Thủy
12	299400	Tân Sơn	Xóm Nà Đồng Xã Tân Phú Huyện Tân Sơn
13	297600	Yên Lập	Khu Tân An 1, Thị Trấn Yên Lập, Huyện Yên Lập
14	291470	Nông Trang	Số nhà 1684 đường Hùng vương Phường Nông Trang Thành Phố Việt Trì

15	291000	Tiên Cát	Số nhà 1172 đường Hùng Vương Phường Tiên Cát Thành Phố Việt Trì
16	291160	Tân Dân	Số nhà 108 Phố Tân Phú Tân Dân Việt Trì Phường Tân Dân
17	291880	Vân Cơ	Số nhà 2344 đường Hùng vương Phường Vân Cơ
18	292140	Đền Hùng	Khu 11 Xã Kim Đức Thành Phố Việt Trì
19	293330	Tiên Kiên	Khu 5 thị trấn Hùng Sơn Huyện Lâm Thao
20	294120	Cổ Tiết	Thôn Gành Xã Cổ Tiết Huyện Tam Nông
21	294650	Hoàng Xá	Khu 22 Xã Hoàng Xá Thanh Thủy Phú Thọ
22	293820	Phú Hộ	Khu 8A xã Phú Hộ Thị Xã Phú Thọ
23	290100	B Phẩm K Thác	Số 1172 Đại Lộ Hùng Vương Phường Tiên Cát TP Việt Trì
24	291820	Việt Trì Ga	Tổ 29 phố Hồng Hà, P. Bến Gót, TP Việt Trì
25	292380	Phú Lộc	Khu 7, xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh
26	293880	Thanh Vinh	Khu 5 xã Thanh Vinh, TX Phú Thọ
27	295150	Tây Cốc	Phố Tây Cốc, xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng
28	295430	Cầu Hai	Xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng
29	297180	Phú Lạc	Thôn Bắc Tiến, xã Phú Lạc, huyện Cẩm Khê
30	297210	Phương Xá	Thôn Liên Phương, xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê
1	291090	Phát Việt Trì	1172 đường Hùng Vương, Việt Trì, Phú Thọ

31	293580	Hùng Vương	Phố Tân An, P.Hùng Vương, TX Phú Thọ
32	291110	KHL Phú Thọ	1172 đường Hùng Vương, Việt Trì, Phú Thọ
33	292010	Bạch Hạc	Tổ 7A Phường Bạch Hạc TP Việt Trì
34	292110	VHX Chu Hóa	Khu 4 xã Chu Hóa, TP Việt Trì
35	292160	VHX Hùng Lô	Khu4 xã Hùng Lô, TP Việt Trì
36	292141	VHX Kim Đức	Khu 7 xã Kim Đức, TP Việt Trì
37	291960	VHX Vân Phú	Khu 6 P. Vân Phú, TP Việt Trì
38	291980	VHX Thụy Vân	Khu 5 xã Thụy Vân, TP Việt Trì
39	298350	VHX Cự Thắng	Khu 8 xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn
40	294070	VHX Thượng Nông	Khu 3 xã Thượng Nông, huyện Tam Nông
41	295120	VHX Hùng Quan	Thôn Hùng Quan, xã Hùng Quan, huyện Đoan Hùng
42	295410	VHX Minh Tiến	Thôn 5 xã Minh Tiến, huyện Đoan Hùng
43	295010	VHX Ngọc Quan	Thôn 8 xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng
44	295700	VHX Yễn Khê	Khu 4 xã Yễn Khê, huyện Thanh Ba
45	296470	VHX Lâm Lợi	Khu 7 xã Lâm Lợi, huyện Hạ Hòa
46	292470	VHX Vĩnh Phú	Khu 2 xã Vĩnh Phú huyện PHù Ninh
47	293040	VHX Thạch Sơn	Khu 1 xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao

48	293800	VHX Văn Lung	Khu 3 xã Văn Lung, TX Phú Thọ
49	297871	VHX Lương Sơn	Khu Trung tâm xã Lương Sơn, huyện Yên Lập
50	291650	VHX Minh Phương	Khu Liên Phương, Minh Phương, TP Việt Trì
51	292180	VHX Tân Đức	Thôn 3, xã Tân Đức, TP Việt Trì
52	291670	VHX Minh Nông	Minh Bột, Minh Nông, TP Việt Trì
53	291860	VHX Sông Lô	Khu 5, Sông Lô, TP Việt Trì
54	291930	VHX Phượng Lâu	Phượng An, Phượng Lâu, TP Việt Trì
55	298310	VHX Võ Miếu	Xóm Hà Biên, Xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn
56	298910	VHX Hương Càn	Xóm Tân Hương, Xã Hương Càn, huyện Thanh Sơn
57	298370	VHX Tất Thắng	Xóm Khang, Xã Tất Thắng, huyện Thanh Sơn
58	297410	VHX Tiên Lương	Thôn Mái Vỡ, Xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê
59	297110	VHX Sơn Tình	Thôn Độc, Xã Sơn Tình, huyện Cẩm Khê
60	297380	VHX Cát Trù	Khu 4, Xã Cát Trù, huyện Cẩm Khê
61	294190	VHX Tứ Mỹ	Thôn Đoài, Xã Tứ Mỹ, huyện Tam Nông
62	294160	VHX Tam Cường	Khu 2, Xã Tam Cường, huyện Tam Nông
63	294310	VHX Hương Nha	Xóm Đoàn Kết, Xã Hương Nha, huyện Tam Nông
64	294020	VHX Hương Nộn	Khu 7, Xã Hương Nộn, huyện Tam Nông

65	294240	VHX Thanh Uyên	Khu 3, Xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông
66	294710	VHX Trung Nghĩa	Khu 2, Xã Trung Nghĩa, huyện Thanh Thủy
67	294780	VHX Tu Vũ	Khu 6, Xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy
68	294580	VHX Đào Xá	Khu 5, Xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy
69	294560	VHX Xuân Lộc	Khu 5, Xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy
70	294630	VHX Bảo Yên	Khu 5, Xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy
71	294680	VHX Đồng Luận	Khu 7, Xã Đồng Luận, huyện Thanh Thủy
72	294540	VHX Thạch Đồng	Khu 4, Xã Thạch Đồng, huyện Thanh Thủy
73	295330	VHX Bằng Luân	Thôn 9, Xã Bằng Luân, huyện Đoan Hùng
74	294940	VHX Chí Đám	Thôn Đám 2, Xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng
75	295450	VHX Minh Phú	Thôn 6, Xã Minh Phú, huyện Đoan Hùng
76	295260	VHX Hùng Long	Thôn 5, Xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng
77	294970	VHX Vân Du	Thôn 12, Xã Vân Du, huyện Đoan Hùng
78	295040	VHX Yên Kiện	Thôn 4, Xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng
79	294920	VHX Hữu Đô	Thôn 5, Xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng
80	295830	VHX Võ Lao	Khu 5, Xã Võ Lao, huyện Thanh Ba
81	295925	VHX Chí Tiên	Khu 9, xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba

82	295810	VHX Ninh Dân	Khu 2, Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba
83	295670	VHX Đồng Xuân	Khu 6, Xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba
84	295930	VHX Đông Thành	Khu 8, Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba
85	296610	VHX Đan Hà	Khu 3, Xã Đan Hà, huyện Hạ Hòa
86	296440	VHX Mai Tùng	Khu 2, Xã Mai Tùng, huyện Hạ Hòa
87	296240	VHX Gia Diên	Khu 5, Xã Gia Diên, huyện Hạ Hòa
88	296630	VHX Đan Thượng	Khu 3, Xã Đan Thượng, huyện Hạ Hòa
89	292620	VHX Trung Giáp	Khu 5, Xã Trung Giáp, huyện Phù Ninh
90	293250	VHX Vĩnh Lại	Khu 9, Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao
91	293010	VHX Xuân Lũng	Khu 7, Xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao
92	293850	VHX Hà Thạch	Khu 3, Xã Hà Thạch, TX Phú Thọ
93	293881	VHX Thanh Vinh	Khu 2, Xã Thanh Vinh, TX Phú Thọ
94	297980	VHX Minh Hòa	Khu 4, Xã Minh Hoà, huyện Yên Lập
95	297930	VHX Mỹ Lung	Khu 5, Xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập
96	297630	VHX Hưng Long	Khu Đình Cả, Xã Hưng Long, huyện Yên Lập
97	297950	VHX Ngọc Lập	Khu Trung Tâm, Xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập
98	299491	VHX Minh Đài	Xóm Minh Tâm, Xã Minh Đài, huyện Tân Sơn

99	299540	VHX Tam Thanh	Xóm Vai, Xã Tam Thanh, huyện Tân Sơn
100	299460	VHX Lai Đồng	Xóm Vương, Xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn
101	299590	VHX Thạch Kiệt	Xóm Cường Thịnh 1, Xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn
102	294140	VHX Phương Thịnh	Khu 4 Phương Thịnh Huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ
103	297390	VHX Đồng Lương	Khu 8 Đồng Lương Huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ
104	299610	VHX Thu Cúc	Khu Trung tâm Thu Cúc Huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ
105	299650	VHX Văn Luông	Bến Gạo Văn Luông Huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ
106	299420	VHX Kiệt Sơn	Khu 5 Kiệt Sơn Huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ
107	292060	VHX Hy Cương	Xã Hy Cương, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
108	291240	VHX Dữu Lâu	Xã Dữu Lâu, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
109	291130	VHX Trung Vương	Xã Trung Vương, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
110	298980	VHX Tinh Nhuệ	Xã Tinh Nhuệ, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
111	298290	VHX Dịch Quả	Xã Dịch Quả Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
112	298620	VHX Văn Miếu	Xã Văn Miếu Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
113	298230	VHX Sơn Hùng	Xã Sơn Hùng, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
114	298400	VHX Thạch Khoán	Xã Thạch Khoán, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
115	298740	VHX Thắng Sơn	Xã Thắng Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ

116	299000	VHX Lương Nha	Xã Lương Nha, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
117	299020	VHX Yên Lãng	Xã Yên Lãng, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
118	298940	VHX Yên Lương	Xã Yên Lương, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
119	298650	VHX Đông Cửu	Xã Đông Cửu, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
120	298680	VHX Khả Cửu	Xã Khả Cửu, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
121	298870	VHX Thượng Cửu	Xã Thượng Cửu, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
122	298710	VHX Tân Minh	Xã Tân Minh, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
123	298890	VHX Tân Lập	Xã Tân Lập, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
124	299440	VHX Kim Thượng	Xã Kim Thượng, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
125	299401	VHX Đồng Sơn	Xã Đồng Sơn, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
126	299420	VHX Kiệt Sơn	Xã Kiệt Sơn, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
127	299470	VHX Long Cốc	Xã Long Cốc, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
128	299580	VHX Tân Sơn	Xã Tân Sơn, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
129	299510	VHX Mỹ Thuận	Xã Mỹ Thuận, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
130	299630	VHX Thu Ngạc	Xã Thu Ngạc, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
131	299680	VHX Vinh Tiền	Xã Vinh Tiền, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
132	299700	VHX Xuân Đài	Xã Xuân Đài, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ

133	299720	VHX Xuân Sơn	Xã Xuân Sơn, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
134	299561	VHX Tân Phú	Xã Tân Phú, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ
135	297250	VHX Ngô Xá	Xã Ngô Xá, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
136	297090	VHX Cấp Dẫn	Xã Cấp Dẫn, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
137	297200	VHX Phùng Xá	Xã Phùng Xá, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
138	297030	VHX Sai Nga	Xã Sai Nga, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
139	297190	VHX Tinh Cương	Xã Tinh Cương, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
140	297140	VHX Tạ Xá	Xã Tạ Xá, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
141	297160	VHX Chương Xá	Xã Chương Xá, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
142	297040	VHX Thanh Nga	Xã Thanh Nga, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
143	297260	VHX Phượng Vỹ	Xã Phượng Vỹ, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
144	297220	VHX Đồng Cam	Xã Đồng Cam, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
145	297080	VHX Sơn Nga	Xã Sơn Nga, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
146	297060	VHX Phú Khê	Xã Phú Khê, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
147	297350	VHX Yên Dưỡng	Xã Yên Dưỡng, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
148	297400	VHX Tùng Khê	Xã Tùng Khê, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
149	297100	VHX Xương Thịnh	Xã Xương Thịnh, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ

150	297270	VHX Tam Sơn	Xã Tam Sơn, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
151	297213	VHX Phương Xá	Xã Phương Xá, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
152	294170	VHX Văn lương	Xã Văn Lương, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
153	294260	VHX Xuân Quang	Xã Xuân Quang, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
154	294330	VHX Vực Trường	Xã Vực Trường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
155	294040	VHX Dị Nậu	Xã Dị Nậu, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
156	294230	VHX Tề Lễ	Xã Tề Lễ, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
157	294100	VHX Thọ Văn	Xã Thọ Văn, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
158	294101	VHX Thọ văn 2	Xã Thọ Văn, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
159	294520	VHX Tân Phương	Xã Tân Phương, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ
160	294610	VHX Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ
161	294730	VHX Phượng Mao	Xã Phượng Mao, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ
162	294657	VHX Hoàng Xá	Xã Hoàng Xá, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ
163	295080	VHX Đại Nghĩa	Xã Đại Nghĩa, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
164	295370	VHX Phúc Lai	Xã Phúc Lai, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
165	295140	VHX Phương Trung	Xã Phương Trung, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
166	294990	VHX Phong Phú	Xã Phong Phú, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ

167	295300	VHX Đông Khê	Xã Đông Khê, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
168	295280	VHX Nghinh Xuyên	Xã Nghinh Xuyên, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
169	295100	VHX Phú Thù	Xã Phú Thù, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
170	295060	VHX Sóc Đăng	Xã Sóc Đăng, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
171	295322	VHX Quế Lâm	Xã Quế Lâm, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
172	296000	VHX Đỗ Sơn	Xã Đỗ Sơn, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
173	295960	VHX Sơn Cương	Xã Sơn Cương, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
174	295850	VHX Quảng Nạp	Xã Quảng Nạp, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
175	295980	VHX Thanh Hà	Xã Thanh Hà, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
176	295860	VHX Năng Yên	Xã Năng Yên, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
177	296690	VHX Hiền Lương	Xã Hiền Lương, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
178	296220	VHX Ấm Hạ	Xã Ấm Hạ, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
179	296470	VHX Chính Công	Xã Chính Công, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
180	296330	VHX Vô Tranh	Xã Vô Tranh, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
181	296640	VHX Hậu Bổng	Xã Hậu Bổng, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
182	296390	VHX Minh Côi	Xã Minh Côi, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
183	296780	VHX Vụ Cầu	Xã Vụ Cầu, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ

184	296710	VHX Quân Khê	Xã Quân Khê, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
185	296590	VHX Lệnh Khanh	Xã Lệnh Khanh, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
186	296540	VHX Phương Viên	Xã Phương Viên, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
187	296660	VHX Liên Phương	Xã Liên Phương, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
188	296670	VHX Động Lâm	Xã Động Lâm, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
189	296450	VHX Yên Luật	Xã Yên Luật, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
190	296370	VHX Văn Lang	Xã Văn Lang, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
191	296310	VHX Chuế Lưu	Xã Chuế Lưu, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
192	296530	VHX Cáo Điền	Xã Cáo Điền, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
193	296510	VHX Yên Kỳ	Xã Yên Kỳ, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
194	296416	VHX Minh Hạc	Xã Minh Hạc, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
195	296720	VHX Xuân Áng	Xã Xuân Áng, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
196	292500	VHX Bình Bộ	Xã Bình Bộ, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
197	292600	VHX Bảo Thanh	Xã Bảo Thanh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
198	292480	VHX Tử Đà	Xã Tử Đà, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
199	292640	VHX Tiên Phú	Xã Tiên Phú, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
200	292580	VHX Trị Quận	Xã Trị Quận, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ

201	292360	VHX Gia Thanh	Xã Gia Thanh, , Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
202	292400	VHX Phù Ninh	Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
203	293130	VHX Tứ Xã	Xã Tứ Xã, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ
204	292980	VHX Tiên Kiên	Xã Tiên Kiên, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ
205	293060	VHX Xuân Huy	Xã Xuân Huy, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ
206	293821	VHX Phú Hộ	Xã Phú Hộ, TX Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
207	293770	VHX Hà Lộc	Xã Hà Lộc, TX Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
208	297660	VHX Thượng Long	Xã Thượng Long, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
209	297800	VHX Xuân Viên	Xã Xuân Viên, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
210	298000	VHX Ngọc Đồng	Xã Ngọc Đồng, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
211	297650	VHX Nga Hoàng	Xã Nga Hoàng, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
212	297820	VHX Trung Sơn	Xã Trung Sơn, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
213	292080	VHX Thanh Đình	Xã Thanh Đình, Tp Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
214	292520	VHX An Đạo	Xã An Đạo, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
215	292340	VHX Phú Nham	Xã Phú Nham, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
216	292540	VHX Tiên Du	Xã Tiên Du, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
217	292670	VHX Lê Mỹ	Xã Lê Mỹ, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ

218	292560	VHX Hạ Giáp	Xã Hạ Giáp, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
219	292700	VHX Liên Hoa	Xã Liên Hoa, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
220	292720	VHX Trạm Thán	Xã Trạm Thán, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ
221	293080	VHX Hợp Hải	Xã Hợp Hải, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ
222	293220	VHX Bản Nguyên	Xã Bản Nguyên, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ
223	293110	VHX Kinh Kệ	Xã Kinh Kệ, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ
224	293170	VHX Sơn Vi	Xã Sơn Vi, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ
225	293090	VHX Sơn Dương	Xã Sơn Dương, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ
226	293750	VHX Thanh Minh	Xã Thanh Minh, Tx Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
227	295680	VHX Thanh Vân	Xã Thanh Vân, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
228	296070	VHX Hanh Cù	Xã Hanh Cù, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
229	295650	VHX Đông Lĩnh	Xã Đông Lĩnh, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
230	295630	VHX Đại An	Xã Đại An, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
231	295620	VHX Thái Ninh	Xã Thái Ninh, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
232	296040	VHX Lương Lễ	Xã Lương Lễ, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
233	296020	VHX Đỗ Xuyên	Xã Đỗ Xuyên, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
234	295790	VHX Thanh Xá	Xã Thanh Xá, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ

235	295900	VHX Hoàng Cương	Xã Hoàng Cương, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
236	295770	VHX Mạn Lạn	Xã Mạn Lạn, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
237	295750	VHX Phương Lĩnh	Xã Phương Lĩnh, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
238	295880	VHX Khải Xuân	Xã Khải Xuân, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
239	295800	VHX Yên Nội	Xã Yên Nội, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
240	296260	VHX Hà Lương	Xã Hà Lương, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
241	296560	VHX Đại Phạm	Xã Đại Phạm, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
242	296280	VHX Phụ Khánh	Xã Phụ Khánh, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
243	296300	VHX Y Sơn	Xã Y Sơn, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
244	296420	VHX Lang Sơn	Xã Lang Sơn, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
245	296760	VHX Vĩnh Chân	Xã Vĩnh Chân, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
246	296363	VHX Bằng Giã	Xã Bằng Giã, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
247	296505	VHX Hương Xạ	Xã Hương Xạ, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ
248	295390	VHX Minh Lương	Xã Minh Lương, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
249	295360	VHX Bằng Doãn	Xã Bằng Doãn, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
250	295170	VHX Ca Đình	Xã Ca Đình, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
251	295190	VHX Tiêu Sơn	Xã Tiêu Sơn, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ

252	295240	VHX Vụ Quang	Xã Vụ Quang, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
253	295220	VHX Vân Đồn	Xã Vân Đồn, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ
254	294280	VHX Hiền Quan	Xã Hiền Quan, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
255	294210	VHX Quang Húc	Xã Quang Húc, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
256	294200	VHX Hùng Đô	Xã Hùng Đô, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
257	294090	VHX Hồng Đà	Xã Hồng Đà, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
258	294060	VHX Đậu Dương	Xã Đậu Dương, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
259	294750	VHX Yên Mao	Xã Yên Mao, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ
260	294660	VHX Đoan Hạ	Xã Đoan Hạ, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ
261	294700	VHX Trung Thịnh	Xã Trung Thịnh, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ
262	297360	VHX Điều Lương	Xã Điều Lương, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
263	297310	VHX Văn Khúc	Xã Văn Khúc, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
264	297340	VHX Hiền Đa	Xã Hiền Đa, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
265	297070	VHX Yên Tập	Xã Yên Tập, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
266	297130	VHX Hương Lung	Xã Hương Lung, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
267	297230	VHX Tuy Lộc	Xã Tuy Lộc, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
268	297240	VHX Thụy Liễu	Xã Thụy Liễu, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ

269	297290	VHX Văn Bán	Xã Văn Bán, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ
270	297690	VHX Phúc Khánh	Xã Phúc Khánh, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
271	297720	VHX Đồng Thịnh	Xã Đồng Thịnh, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
272	297750	VHX Đồng Lạc	Xã Đồng Lạc, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
273	297780	VHX Xuân Thuỷ	Xã Xuân Thuỷ, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
274	297850	VHX Xuân An	Xã Xuân An, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
275	297900	VHX Mỹ Lương	Xã Mỹ lương, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ
276	298960	VHX Yên Sơn	Xã Yên Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
277	298270	VHX Giáp Lai	Xã Giáp Lai, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
278	298250	VHX Thục Luyện	Xã Thục Luyện, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
279	298720	VHX Cự Đồng	Xã Cự Đồng, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ
280	291129	TMĐT Phú Thọ	1172 đường Hùng Vương -Tiên Cát - Việt Trì - Phú Thọ
281	292940	Phát Lâm Thao	Thị trấn Lâm Thao - Lâm Thao - Phú Thọ
282	292350	Phát Phù Ninh	Thị Trấn Phong Châu - Phù Ninh - Phú Thọ
283	293570	Phát Phú Thọ	Phường Phong Châu - TX Phú Thọ - Phú Thọ
284	295660	Phát Thanh Ba	Thị trấn Thanh Ba - Thanh Ba - Phú Thọ
285	295030	Phát Đoan Hùng	Thị Trấn Đoan Hùng - Đoan Hùng - Phú Thọ

286	296270	Phát Hạ Hòa	Thị trấn Hạ Hòa - Hạ Hòa - Phú Thọ
287	294080	Phát Tam Nông	Thị trấn Hưng Hóa - Tam Nông - Phú Thọ
288	294204	Phát Cổ Tiết	Xã Cổ Tiết - Tam Nông - Phú Thọ
289	294550	Phát Thanh Thủy	Thị trấn Thanh Thủy - Thanh Thủy - Phú Thọ
290	298280	Phát Thanh Sơn	Thị trấn Thanh Sơn - Thanh Sơn - Phú Thọ
291	299430	Phát Tân Sơn	Xã Tân Phú - Tân Sơn - Phú Thọ
292	297640	Phát Yên Lập	Thị trấn Yên Lập - Yên Lập - Phú Thọ
293	297050	Phát Cẩm Khê	Thị trấn Sông Thao - Cẩm Khê - Phú Thọ

TỈNH TUYỀN QUANG

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	300000	Tuyên Quang	Số 609 Quang Trung, phường Phan Thiết,Thị Xã Tuyên Quang
2	301000	Yên Sơn	Xóm 6, xã Hưng Thành, Huyện Yên Sơn
3	302800	Sơn Dương	Tổ Tân Thịnh, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương
4	303800	Chiêm Hóa	Tổ Vĩnh Lim, Thị trấn Vĩnh Lộc, Huyện Chiêm Hoá
5	304800	Na Hang	Tổ 3, Thị trấn Na Hang, Huyện Na Hang
6	305500	Hàm Yên	Tổ Tân Thịnh, Thị trấn Tân Yên, Huyện Hàm Yên
7	301020	Minh Xuân	Tổ 15, Phường Minh Xuân Thị Xã Tuyên Quang

8	301080	Phan Thiết	Phường Phan Thiết thị xã Tuyên Quang, Tỉnh TQ
9	301150	Cầu Chà	Phường Tân Quang, Thị xã Tuyên Quang Tỉnh TQ
10	301220	Nông Tiến	Phường Nông Tiến, TX TQ
11	301910	Trung Môn	Xóm 17, xã Trung Môn, Huyện Yên Sơn Tuyên Quang
12	301820	Xuân Vân	Xã Xuân Vân, Huyện Yên Sơn Tỉnh
13	302260	Mỹ Lâm	Thôn Lập Thành, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn
14	302400	Thái Long	Thôn 2 xã Đội Cấn, TX Tuyên Quang
15	302330	Lưỡng Vượng	Thôn Hợp Hòa 2 xã Lưỡng Vượng, TX Tuyên Quang
16	302910	Tân Trào	Xã Tân Trào, Huyện Sơn Dương
17	303010	Chợ Xoan	Thôn Đồng Ván, xã Thượng Ấm, Sơn Dương
18	303170	Kim Xuyên	Thôn Kim Xuyên, xã Hồng Lạc, Sơn Dương
19	303470	Sơn Nam	Thôn Quyết Thắng, xã Sơn Nam, Sơn Dương
20	303860	Đầm Hồng	Thôn Đầm Hồng 5, xã Ngọc Hội, Chiêm Hóa
21	304900	Thượng Lâm	Xã Thượng Lâm, huyện Na Hang Tỉnh Tuyên Quang
22	305870	Ki lô mét 31	Thôn 31 xã Thái Sơn, huyện hàm Yên
23	301070	BCP Tuyên Quang	Số 609 đường Quang Trung, tổ 24, P. Phan Thiết
24	302860	BCP Sơn Dương	Tổ Nhân dân Tân Thịnh, thị trấn Sơn Dương, TQ

25	305640	BCP Hàm Yên	Tổ Nhân dân Tân Thịnh, thị trấn Tân Yên, Hàm Yên, TQ
1	303850	BCP Chiêm Hóa	Tổ Nhân dân Vĩnh Lim, thị trấn Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, TQ
2	304880	BCP Na Hang	Tổ 3, thị trấn Na Hang, TQ
3	305140	Yên Hoa	Thôn Nà Khuyển Xã Yên Hoa Na Hang
4	304950	Lăng Can	Thôn Nà Khá xã Lăng Can huyện Lâm Bình
5	300900	Hệ 1	Tổ 13 Phan Thiết, TP Tuyên Quang
26	301130	Bưu cục phát Yên Sơn	Số 609 tổ 24 Phan Thiết TP Tuyên Quang
27	301280	Ỡ La	phường Ỡ La, thị xã Tuyên Quang, Tỉnh TQ
28	301620	VHX Đạo Viện	Thôn Cây Thị xã Đạo Viện H. Yên Sơn
29	302360	VHX An Khang	Thôn 2 xã An Khang TP Tuyên Quang
30	301670	VHX Trung Sơn	Thôn Nà Ho xã Trung Sơn Huyện Yên Sơn Tuyên Quang
31	302020	VHX Tứ Quận	Thôn Đồng Cầu xã Tứ Quận. Huyện Yên Sơn Tỉnh Tuyên Quang
32	302930	VHX Trung Yên	Thôn Quan Hạ xã Trung Yên Huyện Sơn Dương Tỉnh Tuyên Quang
33	303570	VHX Hợp Hòa	Thôn Núi Độc xã Hợp Hòa Huyện Sơn Dương Tỉnh Tuyên Quang
34	303590	VHX Kháng Nhật	Thôn Trung Tâm xã Kháng Nhật Huyện Sơn Dương Tỉnh Tuyên Quang
35	306310	VHX Thổ Bình	Thôn Nà Cộn xã Thổ Bình Huyện Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
36	301500	VHX An Tường	Thôn Sông Lô 3 xã An Tường TP Tuyên Quang

37	301880	VHX Kiến Thiết	Thôn Pắc Nghiêng, Xã Kiến Thiết, Yên Sơn, Tuyên Quang
38	303070	VHX Cấp Tiến	Thôn Phú Lương, Xã Cấp Tiến, Sơn Dương, Tuyên Quang
39	303040	VHX Vĩnh Lợi	Thôn Gò Hu xã Vĩnh Lợi, Sơn Dương, Tuyên Quang
40	304440	VHX Vinh Quang	Thôn Trinh, Xã Vinh Quang, Chiêm Hoá, Tuyên Quang
41	304280	VHX Trung Hà	Thôn Nà Lừa, Xã Trung Hà, Chiêm Hoá, Tuyên Quang
42	305740	VXH Yên Phú	Thôn 6 Thống Nhất, Xã Yên Phú, Hàm Yên, Tuyên Quang
43	302360	VHX An Khang	Thôn 2 Thúc Thủy, Xã An Khang, TP Tuyên Quang, TQuang
44	302220	VHX Phú Lâm	Thôn Ngòi Xanh 2, Xã Phú Lâm, Yên Sơn, Tuyên Quang
45	302050	VHX Phúc Ninh	Thôn Thái Ninh, Xã Phúc Ninh, Yên Sơn, Tuyên Quang
46	303210	VHX Phúc Ứng	Thôn Liên Thành, Xã Phúc Ứng, Sơn Dương, Tuyên Quang
47	305800	VHX Nhân Mục	Thôn 8 Đồng Móong, Xã Nhân Mục, Hàm Yên, TQuang
48	305900	VHX Bình Xa	Thôn Thọ Bình 1, Xã Bình Xa, Hàm Yên, Tuyên Quang
49	304020	VHX Hùng Mỹ	Thôn Thẩm, Xã Hùng Mỹ, Chiêm Hoá, Tuyên Quang
50	304860	VHX Năng Khả	Thôn Nà Reo, Xã Năng Khả, Na Hang, Tuyên Quang
51	305260	VHX Thượng Nông	Thôn Đông Đa 1, Xã Thượng Nông, Na Hang, TQuang
52	306320	VHX Bình An	Thôn Tông Pu, Xã Bình An, Lâm Bình, Tuyên Quang
53	301990	VHX Thắng Quân	Thôn Châu 1Xã Thắng Quân Yên Sơn

54	302470	VHX Nhữ Khê	Thôn Đồng ThắngXã Nhữ Khê Yên Sơn
55	303090	VHX Đông Thọ	Thôn Đá TronXã Đông Thọ Sơn Dương
56	303190	VHX Văn Phú	Thôn Đồng MụngXã Văn Phú Sơn Dương
57	304100	VHX Minh Quang	Thôn Noong PhườngXã Minh Quang Chiêm Hoá
58	305690	VHX Bạch Xa	Thôn Phù HươngXã Bạch Xa Hàm Yên
59	302827	Chợ Chiều	Tổ nhân dân Tân Thịnh thị trấn Sơn Dương huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang
60	303510	VHX Ninh Lai	Thôn Ninh Thuận xã Ninh Lai huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang
61	303400	Tuân Lộ	Thôn Bấu xã Tuân Lộ huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang
62	302300	VHX Nhữ Hán	Thôn Nhữ Hán, Xã Nhữ Hán, Yên Sơn, Tuyên Quang
63	305610	VHX Phù lưu	Thôn Thọ, xã Phù Lưu, Hàm Yên, Tuyên Quang
64	304490	VHX Kim Bình	Thôn Đồng Ẽn, Xã Kim Bình, Chiêm Hoá, Tuyên Quang
65	304340	VHX Yên Nguyên	Thôn Nhân Thọ, Xã Yên Nguyên, Chiêm Hoá, Tuyên Quang
66	303350	VHX Tam Đa	Thôn Phú Xuân, Xã Tam Đa, Sơn Dương, Tuyên Quang
67	302190	Hoàng Khai	Thôn chăm, xã Hoàng Khai Yên Sơn Tuyên Quang
68	302150	Kim Phú	Thôn 10, xã Kim Phú Yên Sơn Tuyên Quang
69	306010	Đức Ninh	Thôn Tân Lập xã Đức Ninh Hàm Yên Tuyên Quang
70	305650	Minh Dân	Thôn Trung Tâm, xã Minh Dân, Hàm Yên Tuyên Quang

71	303861	Ngọc Hội	Thôn Nà Tè, xã Ngọc Hội, Chiêm Hoá, Tuyên Quang
72	304190	Phúc Thịnh	Thôn Trung tâm, xã Phúc Thịnh, Chiêm Hoá, Tuyên Quang
73	306380	Khuôn Hà	Thôn Nà Thom xã Khuôn Hà, Na Hang, Tuyên Quang
74	303320	Hào Phú	Thôn Thắng Lợi, xã Hào Phú, Sơn Dương, Tuyên Quang
75	303430	Đại Phú	Thôn Hoa Lũng, xã Đại Phú, Sơn Dương, Tuyên Quang
76	301373	Hưng Thành	Tổ 6 Hưng Thành TP Tuyên Quang
77	301420	BCP Tuyên Quang 2	SN 14, tổ 7 Hưng Thành, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
78	305520	Tân Bắc	Tổ nhân dân Tân Bắc thị trấn Tân Yên huyện Hàm Yên
79	301940	VHX Chân Sơn	Xóm Trung Sơn,Chân Sơn,Yên Sơn
80	302450	VHX Đội Bình	Thôn Hòa Bình xã Đội Bình huyện Yên Sơn Tỉnh Tuyên Quang
81	301760	VHX Tân Long	Thôn 5 xã Tân Long huyện Yên Sơn Tỉnh Tuyên Quang
82	304260	VHX Hà Lang	ThônNà Khán xã Hà Lang huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang
83	302950	VHX Minh Thanh	Thôn Dồn xã Minh Thanh huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang
84	303540	VHX Thiện Kế	Thôn Vạt Tranh xã Thiện Kế huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang
TỈNH HÀ GIANG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	310000	Hà Giang	Đường Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Thị xã Hà Giang

2	314800	Bắc Quang	Khu phố Trung Tâm, Thị Trấn Việt Quang, Huyện Bắc Quang
3	313400	Vị Xuyên	Khu phố Trung Tâm, Thị Trấn Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên
4	315200	Quang Bình	Thôn Luổng, Xã Yên Bình, Huyện Quang Bình
5	313900	Hoàng Su Phì	Khu I, Thị Trấn Vinh Quang, Huyện Hoàng Su Phì
6	314400	Xín Mần	Khu phố Trung Tâm, Thị Trấn Cốc Pài, Huyện Xín Mần
7	311200	Bắc Mê	Khu phố Trung Tâm, Xã Yên Phú, Huyện Bắc Mê
8	313100	Quản Bạ	Khu phố Trung Tâm, Thị Trấn Tam Sơn, Huyện Quản Bạ
9	311500	Yên Minh	Khu phố Trung Tâm, Thị Trấn Yên Minh, Huyện Yên Minh
10	312600	Đồng Văn	Khu Trung Tâm Xã, Thị Trấn Đồng Văn, Huyện Đồng Văn
11	312100	Mèo Vạc	Khu phố Trung Tâm, Thị Trấn Mèo Vạc, Huyện Mèo Vạc
12	311000	Công Viên	Phường Nguyễn Trãi thị xã Hà Giang
13	311060	Yên Biên	Phường Trần Phú, TP Hà Giang
14	311020	Minh Khai	Phường Minh Khai, Hà Giang
15	314960	Tân Quang	Tân Quang, Bắc Quang, Hà Giang
16	315010	Hùng An	Hùng An, Bắc Quang
17	315050	Vĩnh Tuy	Vĩnh Tuy, Bắc Quang
18	313700	Việt Lâm	Việt Lâm, H. Vị Xuyên

19	312810	Phó Bảng	Phó Bảng, H. Đồng Văn
20	315090	Đồng Yên	Đồng Yên, H. Bắc Quang
21	311010	Bưu cục phát Hà Giang	Tổ 13 Phường Nguyễn Trãi TP Hà Giang, Hà Giang
22	311051	Ngọc Hà	Tổ 13 Phường Ngọc Hà, TP Hà Giang
23	311080	Bưu cục Trần Phú	Tổ 10 phường Trần Phú TP Hà Giang
24	311090	Bưu cục Quang Trung	Phường Quang Trung tp Hà Giang
25	311050	VHX Ngọc Đường	Xã Ngọc Đường TP Hà Giang
26	311040	VP BDT Hà Giang	Tổ 10 phường Trần Phú TP Hà Giang
27	313210	VHX Tùng Vài	Xã Tùng Vài - Quản Bạ - Hà Giang
28	313230	VHX Quyết Tiến	Xã Quyết Tiến - Quản Bạ - Hà Giang
29	313260	VHX Quản Bạ	Xã Quản Bạ - Quản Bạ - Hà Giang
30	314680	VHX Nà Chi	Xã Nà Chi Xín Mần Hà Giang
31	314670	VHX Quảng Nguyên	Xã Quảng Nguyên Xín Mần Hà Giang
32	314480	VHX Ngan Chiên	Xã Ngan Chiên Xín Mần Hà Giang
33	314540	VHX Xã Xín Mần	Xã Xín Mần Xín Mần Hà Giang
34	314140	VHX Nậm dịch	Xã Nậm dịch - Hoàng Su Phì
35	314259	VHX Nậm khóa	Xã Nậm khóa - Hoàng Su Phì

36	315260	VHX Bằng Lang	Xã Bằng Lang - Quang Bình
37	315280	VHX Xuân Giang	Xã Xuân Giang - Quang Bình
38	311543	VHX Hữu Vinh	Xã Hữu Vinh, Yên Minh, Hà Giang
39	312950	VHX Lũng Phìn	Xã Lũng Phìn, Đồng văn Hà giang
40	314870	VHX Kim Ngọc	Xã Kim Ngọc Bắc Quang
41	314880	VHX Bằng Hành	Xã Bằng Hành Bắc Quang
42	314850	VHX Liên Hiệp	Xã Liên Hiệp Bắc Quang
43	315080	VHX Vĩnh Phúc	Xã Vĩnh Phúc Bắc Quang
44	313560	VHX Minh Tân	Xã Minh Tân Vị Xuyên
45	313470	VHX Đạo Đức	Xã Đạo Đức Vị Xuyên
46	313540	VHX Thuận Hòa	Xã Thuận Hòa Vị Xuyên
47	311070	BC3 Tổ quản lý	TP Hà Giang - Hà Giang
48	312310	VHX Sủng Trà	Xã Sủng Trà - Mèo Vạc - Hà Giang
49	311310	VHX Minh Ngọc	Xã Minh Ngọc - Bắc Mê - Hà Giang
50	313140	Phát Quản Bạ	Tam Sơn - Quản Bạ - Hà Giang
51	311570	Phát Yên Minh	TT Yên Minh - Yên Minh - Hà Giang
52	312650	Phát Đồng Văn	TT Đồng Văn - Đồng Văn - Hà Giang

53	312240	Phát Mèo Vạc	TT Mèo Vạc - Mèo Vạc - Hà Giang
54	311280	Phát Bắc Mê	TT Yên Phú - Bắc Mê - Hà Giang
55	313550	Phát Vị Xuyên	TT Vị Xuyên - Vị Xuyên - Hà Giang
56	314860	Phát Bắc Quang	TT Việt Quang - Bắc Quang - Hà Giang
57	315270	Phát Quang Bình	TT Yên Bình - Quang Bình - Hà Giang
58	314010	Phát Hoàng Su Phì	TT Vinh Quang - Hoàng Su Phì - Hà Giang
59	314450	Phát Xín Mần	TT Cốc Pài - Xín Mần - Hà Giang
60	313310	VHX Đông Hà	Xã Tùng Vài - Quản Bạ - Hà Giang
61	313280	VHX Lũng Tám	Xã Lũng Tám - Quản Bạ - Hà Giang
62	313320	VHX Thái An	Xã Thái An - Quản Bạ - Hà Giang
63	310100	VHX Cán Tỷ	Xã Cán Tỷ - Quản Bạ - Hà Giang
64	313150	VHX Bát Đại Sơn	Xã Bát Đại Sơn - Quản Bạ - Hà Giang
65	313130	VHX Thanh Vân	Xã Thanh Vân - Quản Bạ - Hà Giang
66	313170	VHX Nghĩa Thuận	Xã Nghĩa Thuận - Quản Bạ - Hà Giang
67	313210	VHX Tùng Vài	Xã Tùng Vài - Quản Bạ - Hà Giang
68	313190	VHX Cao Mã Pờ	Xã Cao Mã Pờ - Quản Bạ - Hà Giang
69	313290	VHX Tả Ván	Xã Tả Ván - Quản Bạ - Hà Giang

70	314610	VHX bản ngò	Xã Bản Ngò - Xín Mần - Hà Giang
71	314600	VHX nản ma	Xã Nản Mạ - Xín Mần - Hà Giang
72	314510	VHX bản dúi	Xã Bản Dúi- Xín Mần - Hà Giang
73	314506	VHX trung thịnh	Xã Trung Thịnh - Xín Mần - Hà Giang
74	314561	VHX thèn phàng	Xã Thèn Phàng - Xín Mần - Hà Giang
75	314706	VHX khuôn lũng	Xã Khuôi Lũng - Xín Mần - Hà Giang
76	314449	VHX cốc rế	Xã Cốc Rế - Xín Mần - Hà Giang
77	314468	VHX thu tà	Xã Thu Tà - Xín Mần - Hà Giang
78	314580	VHX chí cà	Xã Chí Cà - Xín Mần - Hà Giang
79	314380	VHX nản sìn	Xã Nản Sìn - Xín Mần - Hà Giang
80	314430	VHX tả nhùi	Xã Tả Nhùi - Xín Mần - Hà Giang
81	315380	VHXTân Nam	Xã Tân Nam - Quang Bình - Hà Giang
82	315440	VHX Tân Trịnh	Xã Tân Trịnh - Quang Bình - Hà Giang
83	315380	VHX Tân Bắc	Xã Tân Bắc - Quang Bình - Hà Giang
84	315230	VHX Nà Khương	Xã Nà Khương - Quang Bình - Hà Giang
85	315409	VHX Xuân Minh	Xã Xuân Minh - Quang Bình - Hà Giang
86	315224	VHX Tiên Nguyên	Xã Tiên Nguyên - Quang Bình - Hà Giang

87	315201	VHX Tiên Yên	Xã Tiên Yên - Quang Bình - Hà Giang
88	315310	VHX Yên Thành	Xã Yên Thành- Quang Bình - Hà Giang
89	315330	VHX Hương Sơn	Xã Hương Sơn - Quang Bình - Hà Giang
90	315420	VHX Vĩ Thượng	Xã Vĩ Thượng - Quang Bình - Hà Giang
91	315340	VHX Yên Hà	Xã Yên Hà - Quang Bình - Hà Giang
92	315304	VHX Bản Rịa	Xã Bản Rịa - Quang Bình - Hà Giang
93	311550	VHX Sủng Thái	Xã Sủng Thái - Yên Minh - Hà Giang
94	311589	VHX Sủng Tráng	Xã Sủng TRáng - Yên Minh - Hà Giang
95	311633	VHX Phú Lũng	Xã Phú Lũng - Yên Minh - Hà Giang
96	311640	VHX Lao Và Chải	Xã Lao Và Chải - Yên Minh - Hà Giang
97	311670	VHX Na Khê	Xã Na Khê - Yên Minh - Hà Giang
98	311690	VHX Bạch Đích	Xã Bạch Đích - Yên Minh - Hà Giang
99	311720	VHX Đông Minh	Xã Đông Minh - Yên Minh - Hà Giang
100	311820	VHX Lũng Hồ	Xã Lũng Hồ - Yên Minh - Hà Giang
101	311860	VHX Ngọc Long	Xã Ngọc Long - Yên Minh - Hà Giang
102	311920	VHX Du Già	Xã Du Già - Yên Minh - Hà Giang
103	311750	VHX Mậu Duệ	Xã Mậu Duệ - Yên Minh - Hà Giang

104	311794	VHX Mậu Long	Xã Mậu Long - Yên Minh - Hà Giang
105	311812	VHX Ngam La	Xã Ngam La - Yên Minh - Hà Giang
106	311608	VHX Thắng Mố	Xã Thắng Mố - Yên Minh - Hà Giang
107	311990	VHX Đường Thượng	Xã Đường Thượng - Yên Minh - Hà Giang
108	311950	VHX Du Tiến	Xã Du Tiến - Yên Minh - Hà Giang
109	314830	VHX Vô Điểm	Xã Vô Điểm - Bắc Quang - Hà Giang
110	314990	VHX Tân Lập	Xã Tân Lập - Bắc Quang - Hà Giang
111	314810	VHX Quang Minh	Xã Quang Minh - Bắc Quang - Hà Giang
112	314910	VHX Thượng Bình	Xã Thượng Bình - Bắc Quang - Hà Giang
113	315060	VHX Vĩnh Hảo	Xã Vĩnh Hảo - Bắc Quang - Hà Giang
114	314890	VHX Hữu Sản	Xã Hữu Sản - Bắc Quang - Hà Giang
115	312982	VHX Sủng trái	Xã Sủng trái - Đông Văn - Hà Giang
116	312910	VHX Hố quáng phìn	Xã Hố quáng phìn - Đông Văn - Hà Giang
117	312896	VHX Sảng tung	Xã Sảng tung - Đông Văn - Hà Giang
118	312820	VHX Phồ là	Xã Phồ là - Đông Văn - Hà Giang
119	312830	VHX Phồ cáo	Xã Phồ cáo - Đông Văn - Hà Giang
120	312640	VHX Lũng cú	Xã Lũng cú - Đông Văn - Hà Giang

121	312869	VHX Sính lũng	Xã Sính lũng - Đông Văn - Hà Giang
122	312943	VHX Vần trái	Xã Vần trái - Đông Văn - Hà Giang
123	312790	VHX Sủng là	Xã Sủng là - Đông Văn - Hà Giang
124	312695	VHX Lũng táo	Xã Lũng táo - Đông Văn - Hà Giang
125	312770	VHX Sà phìn	Xã Sà phìn - Đông Văn - Hà Giang
126	312660	VHX Ma lé	Xã Ma lé - Đông Văn - Hà Giang
127	312130	VHX SƠN VỈ	Xã Sơn Vỉ - Mèo Vạc - Hà Giang
128	312199	VHX XÍN CÁI	Xã XÍN CÁI - Mèo Vạc - Hà Giang
129	312477	VHX NIÊM SƠN	Xã NIÊM SƠN - Mèo Vạc - Hà Giang
130	312404	VHX NẬM BAN	Xã NẬM BAN - Mèo Vạc - Hà Giang
131	312160	VHX GIÀNG CHU PHÌN	Xã GIÀNG CHU PHÌN - Mèo Vạc - Hà Giang
132	312340	VHX LŨNG CHINH	Xã LŨNG CHINH - Mèo Vạc - Hà Giang
133	312424	VHX KHÂU VAI	Xã KHÂU VAI - Mèo Vạc - Hà Giang
134	312390	VHX CÁN CHU PHÌN	Xã CÁN CHU PHÌN - Mèo Vạc - Hà Giang
135	312260	VHX PẢY LŨNG	Xã PẢY LŨNG - Mèo Vạc - Hà Giang
136	312387	VHX TÁT NGÀ	Xã TÁT NGÀ - Mèo Vạc - Hà Giang
137	312502	VHX LŨNG PÙ	Xã LŨNG PÙ - Mèo Vạc - Hà Giang

138	312256	VHX pả vi	Xã Pả Vi - Mèo Vạc - Hà Giang
139	314090	VHX Bản luốc	Xã Bản Luốc - Hoàng Su Phì - Hà Giang
140	313980	VHX Chiến phố	Xã Chiên Phố - Hoàng Su Phì - Hà Giang
141	313962	VHX Pố lồ	Xã Pố Lồ - Hoàng Su Phì - Hà Giang
142	314272	VHX Túng sán	Xã Túng Sán - Hoàng Su Phì - Hà Giang
143	313928	VHX Tân tiến	Xã Tân Tiến - Hoàng Su Phì - Hà Giang
144	314108	VHX Ngâm Đăng vài	Xã Ngâm Đăng Vài - Hoàng Su Phì - Hà Giang
145	314210	VHX Thông Nguyên	Xã Thông Nguyên - Hoàng Su Phì - Hà Giang
146	314164	VHX Bản péo	Xã Bản Péo - Hoàng Su Phì - Hà Giang
147	314198	VHX Nam sơn	Xã Nam Sơn - Hoàng Su Phì - Hà Giang
148	314170	VHX Hồ thầu	Xã Hồ Thầu - Hoàng Su Phì - Hà Giang
149	314230	VHX Nậm ty	Xã Nậm Ty - Hoàng Su Phì - Hà Giang
150	311408	VHX Đường Hồng	Xã Đường Hồng - Bắc Mê Hà Giang
151	311201	VHX Yên Phú	Xã Yên Phú - Bắc Mê Hà Giang
152	311340	VHX Phú Nam	Xã Phú Nam - Bắc Mê Hà Giang
153	311290	VHX Lạc Nông	Xã Lạc Nông - Bắc Mê Hà Giang
154	311320	VHX Yên Định	Xã Yên Định - Bắc Mê Hà Giang

155	311260	VHX Minh Sơn	Xã Minh Sơn - Bắc Mê Hà Giang
156	311375	VHX Thượng Tân	Xã Thượng Tân - Bắc Mê Hà Giang
157	311250	VHX Giáp Trung	Xã Giáp Trung - Bắc Mê Hà Giang
158	311220	VHX Yên Phong	Xã Yên Phong - Bắc Mê Hà Giang
159	311424	VHX Phiêng Luông	Xã Phiêng Luông - Bắc Mê Hà Giang
160	311364	VHX Yên Cường	Xã Yên Cường - Bắc Mê Hà Giang
161	311380	VHX Đường Âm	Xã Đường Âm - Bắc Mê Hà Giang
162	313530	VHX Tùng Bá	Xã Tùng Bá - Vị Xuyên - Hà Giang
163	313540	VHX Thuận Hòa	Xã Thuận Hòa - Vị Xuyên - Hà Giang
164	313560	VHX Minh Tân	Xã Minh Tân - Vị Xuyên - Hà Giang
165	313525	VHX Phong Quang	Xã Phong Quang - Vị Xuyên - Hà Giang
166	313643	VHX Xín Chải	Xã Xín Chải - Vị Xuyên - Hà Giang
167	313741	VHX Kim Thạch	Xã Kim Thạch - Vị Xuyên - Hà Giang
168	313740	VHX Kim Linh	Xã Kim Linh - Vị Xuyên - Hà Giang
169	313742	VHX Phú Linh	Xã Phú Linh - Vị Xuyên - Hà Giang
170	313580	VHX Cao Bồ	Xã Cao Bồ - Vị Xuyên - Hà Giang
171	313470	VHX Đạo Đức	Xã Đạo Đức - Vị Xuyên - Hà Giang

172	313440	VHX Linh Hồ	Xã Linh Hồ - Vị Xuyên - Hà Giang
173	313730	VHX Bạch Ngọc	Xã Bạch Ngọc - Vị Xuyên - Hà Giang
174	313430	VHX Ngọc Minh	Xã Ngọc Minh - Vị Xuyên - Hà Giang
175	313710	VHX Trung Thành	Xã Trung Thành - Vị Xuyên - Hà Giang
176	313701	VHX Việt Lâm	Xã Việt Lâm - Vị Xuyên - Hà Giang
177	313670	VHX Quảng Ngần	Xã Quảng Ngần - Vị Xuyên - Hà Giang
178	313680	VHX Thượng Sơn	Xã Thượng Sơn - Vị Xuyên - Hà Giang
179	313410	VHX Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh - Vị Xuyên - Hà Giang
180	313610	VHX Thanh Thủy	Xã Thanh Thủy - TP Hà giang - Hà Giang
181	315257	Tân Bắc	Xã Tân Bắc huyện Quang Bình tỉnh Hà Giang
182	311008	Ki ốt Chợ TT	Tổ 8 phường Trần Phú Tp Hà Giang
TỈNH YÊN BÁI			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	320000	Yên Bái Ga	Số 273 đường Trần Hưng Đạo, Thành Phố Yên Bái
2	321320	Nam Cường	Đường Yên Ninh, tổ 18 phường Yên Ninh TP Yên Bái
3	321110	Yên Bái km5	Số 27 đường Đinh Tiên Hoàng, Thành Phố Yên Bái
4	325600	Nghĩa Lộ	Tổ 18 phường Trung Tâm, Thị xã Nghĩa Lộ

5	321900	Yên Bình	Khu 1 Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình
6	322040	Thác Bà	Khu 1 thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình
7	322600	Lục Yên	Số 324 Đường Nguyễn Tất Thành,Thị Trấn Yên Thế, Huyện Lục Yên
8	323010	Khánh Hòa	Thôn 8 xã Khánh Hòa, huyện Lục Yên
9	323300	Trấn Yên	Khu 3 Thị Trấn Cổ Phúc, Huyện Trấn Yên
10	323790	Hung Khánh	Thôn 4 xã Hung Khánh, huyện Trấn Yên
11	324000	Văn Yên	Khu phố 3 Thị Trấn Mậu A, Huyện Văn Yên
12	324210	Trái Hút	Khu phố Trái Hút, xã An Bình, huyện Văn Yên
13	324700	Văn Chấn	Xã Sơn Thịnh, Thị Trấn Huyện Văn Chấn
14	324940	Ba Khe	Khu thị tứ Ngã Ba Khe xã Cát Thịnh huyện Văn Chấn
15	324810	Thái Lão	Khu 4A, Thị trấn nông trường Nghĩa Lộ, huyện Văn Chấn
16	325070	My	Khu phố My, xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn
17	325900	Trạm Tấu	Thị Trấn Trạm Tấu huyện Trạm Tấu
18	326100	Mù Cang Chải	đường nội thị thị trấn Mùa Cang Chải huyện Mùa Cang Chải
19	321501	Yên Hòa	Số 127 Đại lộ Nguyễn Thái Học TP Yên Bái
20	321800	Trung tâm T.phố	127 Đại Lộ, Nguyễn Thái Học, TP Yên Bái
21	323600	Hợp Minh	Thôn 2 Cầu Phao, xã Hợp Minh

22	322350	Cầm Ân	Xã Cầm Ân, huyện Yên Bình
23	321000	Minh Tân	Tổ 26A Phường Minh Tân, TP Yên Bái
24	321990	Cát Lem	Thôn Ngã Ba Cát Lem, xã Đại Minh, Yên Bình
25	325660	Phát Thị Xã Nghĩa Lộ	Tổ 18 phường Trung Tâm - Thị Xã Nghĩa Lộ - Yên Bái
26	321090	Phát Trung Tâm TPố	Số 127 Đại Lộ, Nguyễn Thái Học, Phường Nguyễn Thái Học - Thành Phố Yên Bái
27	322680	Phát Lục Yên	Số 324 Đường Nguyễn Tất Thành Thị Trấn Yên Thế Huyện Lục Yên
28	324080	Phát Văn Yên	Khu Phố 3 thị trấn Mậu A, Huyện Văn Yên
29	324760	Phát Văn Chấn	Xã Sơn Thịnh, Huyện Văn Chấn
30	325960	Phát Trạm Tấu	Thị Trấn Trạm Tấu, Huyện Trạm Tấu
31	321980	Phát Yên Bình	Khu 1 Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình
32	323350	Phát Trấn Yên	Khu 3 thị Trấn Cồ Phúc Huyện Trấn Yên
33	326170	Phát Mù Cang Chải	Thị Trấn Mù Cang Chải, Huyện Mù Cang Chải
34	326190	Púng Luông	Ngã Ba Kim, xã Púng Luông, Mù Cang Chải
35	324900	Đồng Khê	Phố 1, xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn
36	323301	VPBDH Trấn Yên	Khu phố 3 Thị Trấn Cồ Phúc - Trấn Yên
37	321510	VP_KinhDoanh	Văn phòng Bưu điện tỉnh Yên Bái
38	323440	VHX Báo Đáp	Thôn 11 xã Báo Đáp, Trấn Yên

39	322630	VHX Yên Thắng	Thôn Làng ThọcXã Yên ThắngHuyện Lục Yên
40	324420	VHX Yên Hợp	Thôn Yên Dũng 2Xã Yên HợpHuyện Văn Yên
41	324130	VHX Mậu Đông	Thôn 2Xã Mậu ĐôngHuyện Văn Yên
42	322300	VHX Tân Hương	Thôn Yên ThắngXã Tân HươngHuyện Yên Bình
43	322010	VHX Hán Đà	Thôn Hán Đà 3Xã Hán ĐàHuyện Yên Bình
44	322060	VHX Yên Bình	Thôn Trung TâmXã Yên BìnhHuyện Yên Bình
45	322080	VHX Bạch Hà	Thôn Hồ Sen Xã Bạch HàHuyện Yên Bình
46	321970	VHX Thịnh Hưng	Thôn Liên HợpXã Thịnh HưngHuyện Yên Bình
47	323760	VHX Lương Thịnh	Thôn Đoàn KếtXã Lương ThịnhHuyện Trấn Yên
48	323650	VHX Bảo Hưng	Thôn Bảo LâmXã Bảo HưngHuyện Trấn Yên
49	323720	VHX Vân Hội	Thôn 7Xã Vân HộiHuyện Trấn Yên
50	325140	VHX Bình Thuận	Thôn ChiềngXã Bình ThuậnHuyện Văn Chấn
51	324770	VHX Thanh Lương	Bản Đồng Lợi, xã Thanh Lương, Huyện Văn Chấn
52	324790	VHX Thạch Lương	Bản Khem, xã Thạch Lương, Huyện Văn Chấn
53	325000	VHX Minh An	Thôn Khe Bịt, Xã Minh An, Huyện Văn Chấn
54	325120	VHX Chấn Thịnh	Thôn Chùa, Xã Chấn Thịnh, Huyện Văn Chấn
55	324941	VHX Cát Thịnh	Bản Ba Khe 1, Xã Cát Thịnh, Huyện Văn Chấn

56	324330	VHX An Thịnh	Thôn Trung Tâm, Xã An Thịnh, Huyện Văn Yên
57	324470	VHX Yên Phú	Thôn Yên Trung, Xã Yên Phú, Huyện Văn Yên
58	324170	VHX Đông Công	Thôn Trung Tâm, Xã Đông Công, Huyện Văn Yên
59	324230	VHX Lâm Giang	Thôn 10, Xã Lâm Giang, Huyện Văn Yên
60	324360	VHX Đại Phác	Thôn Phúc Thành, Xã Đại Phác, Huyện Văn Yên
61	324310	VHX Lang Thíp	Thôn Liên Kết, Xã Lang Thíp, Huyện Văn Yên
62	325210	VHX TTNT Liên Sơn	Tổ 1, TT NT Liên Sơn, Huyện Văn Chấn
63	325760	VHX Nghĩa Phúc	Bản Ả Hạ, Xã Nghĩa Phúc, Huyện Văn Chấn
64	324880	VHX Phúc Sơn	Bản Nụ 1, xã Phúc Sơn, TX Nghĩa Lộ
65	325230	VHX Sơn Lương	Bản Giồng, xã Sơn Lương, Huyện Văn Chấn
66	321960	VHX Phú Thịnh	Thôn Đồng Tâm, Xã Phú Thịnh, Huyện Yên Bình
67	322370	VHX Bảo Ái	Thôn Ngòi Khang, Xã Bảo Ái, Huyện Yên Bình
68	322130	VHX Vũ Linh	Làng Ngàn, Xã Vũ Linh, Huyện Yên Bình
69	322400	VHX Tân Nguyên	Thôn Tân Thành, Xã Tân Nguyên, Huyện Yên Bình
70	322280	VHX Xuân Long	Thôn Phú Cường, Xã Xuân Long, Huyện Yên Bình
71	322170	VHX Phúc An	Thôn Đồng Tanh, Xã Phúc An, Huyện Yên Bình
72	322190	VHX Yên Thành	Thôn 1 (Ngòi Di), Xã Yên Thành, Huyện Yên Bình

73	323050	VHX Trúc Lâu	Thôn Khe Giang, Xã Trúc Lâu, Huyện Lục Yên
74	322650	VHX Minh Xuân	Thôn 7, Xã Minh Xuân, Huyện Lục Yên
75	322750	VHX Minh Tiến	Làng Ven, Xã Minh Tiến, Huyện Lục Yên
76	322690	VHX Liễu Đô	Thôn 1, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên
77	322710	VHX Mường Lai	Thôn 5, Xã Mường Lai, Huyện Lục Yên
78	321280	VHX Minh Bảo	Thôn Thanh Liên, Xã Minh Bảo,TP Yên Bái
79	321690	VHX Tuy Lộc	Thôn Minh Long, Xã Tuy Lộc,TP Yên Bái
80	323330	VHX Nga Quán	Thôn Ninh Thuận, Xã Nga Quán,Huyện Trấn Yên
81	323840	VHX Hưng Thịnh	Thôn Yên Ninh, Xã Hưng Thịnh,Huyện Trấn Yên
82	323560	VHX Quy Mông	Thôn Tân Thành, Xã Quy Mông,Huyện Trấn Yên
83	323470	VHX Tân Đồng	Thôn 3, Xã Tân Đồng,Huyện Trấn Yên
84	324110	VHX Yên Hưng	Thôn Yên Hưng 2,Xã Yên Hưng,Huyện Văn Yên
85	324430	VHX Xuân Ái	Thôn Tân Tiến 1,Xã Xuân Ái,Huyện Văn Yên
86	325340	VHX Nậm Búng	Khu Trung Tâm,Xã Nậm Búng,Huyện Văn Chấn
87	325360	VHX Tú Lệ	Bản Pom Ban ,xã Tú Lệ ,Huyện Văn Chấn
88	323490	VHX Văn phú	Thôn Liên Phú, Xã Văn Phú, TP Yên Bái
89	323501	VHX Văn Tiến	Thôn Bình Lục, Xã Văn Tiến, TP Yên Bái

90	322220	VHX Cẩm nhân 2	Thôn 10, Xã Cẩm Nhân, H Yên Bình
91	322840	VHX Mai sơn	Thôn 1, Xã Mai Sơn, H Lục Yên
92	323360	VHX Minh Quán	Thôn 2, Xã Minh Quán, H Trấn Yên
93	323400	VHX Việt Thành	Thôn Phú Thọ 3, Xã Việt Thành, H Trấn Yên
94	323680	VHX Minh Quân	Thôn Đức Quân, Xã Minh Quân, Huyện Trấn Yên
95	324980	VHX TTNT Trần Phú	Khu Trung Tâm, TTNT Trần Phú, H Văn Chấn
96	325040	VHX Nghĩa Tâm	Thôn Khe Thó, Xã Nghĩa Tâm, H Văn Chấn
97	321600	TMĐT Yên Bái	số 127 đại lộ Nguyễn Thái Học, TP Yên Bái
98	320080	BCVP Thành Phố	Số 127 Đại Lộ Nguyễn Thái Học - Phường Nguyễn Thái Học - Thành Phố Yên Bái
99	321988	BCVP Yên Bình	Khu 1 Thị Trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
100	322688	BCVP Lục Yên	Thị Trấn Yên Thế Lục Yên Yên Bái
101	324100	BCVP Văn Yên	Thị Trấn Mậu A - Văn Yên - Yên Bái
102	324701	BCVP Văn Chấn	Thôn Hồng Sơn - Xã Sơn Thịnh - Văn Chấn - Yên Bái
103	325601	BCVP Thị Xã Nghĩa Lộ	Phường Trung Tâm - Thị Xã Nghĩa Lộ - Yên Bái
104	325988	BCVP Trạm Tấu	Khu 2 Thị Trấn Trạm Tấu - Trạm Tấu - Yên Bái
105	326601	BCVP MCC	Thị Trấn Mù Cang Chải - Mù Cang Chải - Yên Bái
106	321198	BC Hành chính công	Tổ 44, Đường Điện Biên, Phường Đồng Tâm, TP Yên Bái

107	322860	VHX Khánh Thiện	Thôn 1 - Xã Khánh Thiện - Huyện Lục Yên
108	322820	VHX Phan Thanh	Thôn 3 - Xã Phan Thanh - Huyện Lục Yên
109	325320	VHX Gia Hội	Bản Đồn - Xã Gia Hội - Huyện Văn Chấn
110	324860	VHX Hạnh Sơn	Bản Cài - Xã Hạnh Sơn - Huyện Văn Chấn
111	321300	VHX Tân Thịnh	Thôn Thanh Hùng 2 - Xã Tân Thịnh TP Yên Bái
112	323670	VHX Phúc Lộc	Thôn 4 - Xã Phúc Lộc TP.Yên Bái
113	323700	VHX Việt Cường	Thôn Khe Chanh - Xã Việt Cường - Huyện Trấn Yên
114	323340	VHX Cường thịnh	Thôn Hiền Dương - Xã Cường Thịnh - Huyện Trấn Yên
115	323540	VHX Y Can	Thôn Hòa Bình - Xã Y Can - Huyện Trấn Yên
116	323530	VHX Minh Tiến	Thôn 2 - Xã Minh Tiến - Huyện Trấn Yên
117	323420	VHX Đào Thịnh	Thôn 2 - Xã Đào Thịnh - Huyện Trấn Yên
118	325010	VHX Thượng Bằng La	Thôn Khe Thắm - Xã Thượng Bằng La - Huyện Văn Chấn
119	324150	VHX Tân hợp	Thôn 6 - Xã Tân Hợp - Huyện Văn Yên
120	324550	VHX Phong Dụ Hạ	Thôn 1 - Xã Phong Dụ Hạ - Huyện Văn Yên
121	324490	VHX Viễn Sơn	Thôn Khe Dừa - Xã Viễn Sơn - Huyện Văn Yên
122	322330	VHX Mông Sơn	Thôn Trung Tâm - Xã Mông Sơn - Huyện Yên Bình
123	322150	VHX Xuân Lai	Thôn Yên Phú - Xã Xuân Lai - Huyện Yên Bình

124	321940	VHX Đại Đồng	Thôn Hương Lý - Xã Đại Đồng - Huyện Yên Bình
125	325090	VHX Đại Lịch	Thôn 4, xã Đại Lịch, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
126	324090	VHX Yên Thái	Thôn 2, xã Yên Thái, Huyện Văn Yên, Tỉnh Yên Bái
127	323520	VHX Văn Lãng	Thôn 1, xã Văn Lãng, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
128	322210	VHX Mỹ Gia	Thôn 1, xã Mỹ Gia, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
129	322260	VHX Phúc Ninh	Thôn 2, xã Phúc Ninh, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
130	322250	VHX Tích Cốc	Thôn 4, xã Tích Cốc, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
131	322270	VHX Ngọc Chấn	Thôn 2, xã Ngọc Chấn, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

TỈNH LÀO CAI

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	330000	TP Lào Cai	196 Đ. Hoàng Liên, Cốc Lếu,
2	333470	Cốc Lếu	005 Hoà An, Cốc Lếu, TP Lào Cai
3	333400	Cửa Khẩu	013 Nguyễn Huệ, Lào Cai, TP Lào Cai
4	333840	Hoàng Liên	Thị trấn Bắc Hà, Huyện Bắc Hà
5	333570	Kim Tân	613, phường Kim Tân, TP Lào Cai
6	333680	Pom Hán	Tổ 14, Pom Hán, TP Lào Cai
7	331000	Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà

8	334100	Bảo Thắng	Đường 15/5, thị trấn Phố Lu,
9	335300	Bảo Yên	Khu 5, Trung Tâm Phố Ràng, huyện Bảo Yên
10	332500	Bát Xát	Đường Hùng Vương, thị trấn Bát Xát,
11	331900	Mường Khương	Phố Cũ, xã Mường Khương,
12	333100	Sapa	phố Hàm Rồng, Đ Thạch Sơn, TT Sa Pa
13	331600	Si Ma Cai	Phố Cũ, xã Si Ma Cai, Huyện Si Ma Cai
14	334700	Văn Bàn	Tổ 7, thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn
15	336000	Trần Hưng Đạo	Đại lộ Trần Hưng Đạo, Phường Nam Cường
1	333660	Bưu cục Phát Lào Cai	196 Hoàng Liên, Cốc Lếu, TP Lào Cai, Lào Cai
16	334130	Bưu cục Tầng Loỏng	TT Tầng Loỏng, huyện Bảo thắng, Lào Cai
17	332260	Bản Lầu	Thôn Trung Tâm Bản Lầu, Xã Bản Lầu
18	334010	KHL Lào Cai	Số 196 đường Hoàng Liên phường Cốc Lếu thành phố Lào Cai
19	330100	Khai Thác Lào Cai	Số 196 Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Thành Phố Lào Cai
20	333320	BCP Sa Pa	Tổ 4a Đường Điện Biên Phủ Thị Trấn Sa Pa Huyện Sa Pa
21	332650	BCP Bát Xát	Số'101, Đường Hùng Vương, Thị Trấn Bát Xát, Huyện Bát Xát
22	334170	BCP Bảo Thắng	Số'072, Đường 19 Tháng 5 - Khu 2, Thị Trấn Phố Lu, Huyện Bảo Thắng
23	335390	BCP Bảo Yên	Tổ Dân Phố 5b, Thị Trấn Phố Ràng, Huyện Bảo Yên

24	334850	BCP Văn Bàn	Tổ Dân Phố 7, Thị Trấn Khánh Yên, Huyện Văn Bàn
25	331190	BCP Bắc Hà	Số'096, Đường Ngọc Uyển, Thị Trấn Bắc Hà, Huyện Bắc Hà
26	331660	BCP Si Ma Cai	Thôn Phố Cũ Xã Si Ma Cai Huyện Si Ma Cai
27	332040	BCP Mường Khương	Số'282, Thôn Phố Cũ, Thị trấn Mường Khương, Huyện Mường Khương
28	333720	BCP Cam Đường	Tổ 14, Phường Pom Hán, Thành Phố Lào cai
29	331390	Bảo Nhai	Thôn Bảo Tân, Xã Bảo Nhai, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai
30	334460	Gia Phú	Thôn Phú Xuân, Xã Gia Phú, Huyện Bảo Thắng
31	335120	Võ Lao	Thị tứ Võ Lao, Xã Võ Lao, Huyện Văn Bàn
32	334994	Tân An	Thôn Tân An 2, Xã Tân An, Huyện Văn Bàn
33	334360	Xuân Quang	Thôn Làng Bạc, Xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai
34	333315	KHL Sa Pa	Tổ 4a đường Điện Biên Phủ thị trấn Sa Pa huyện Sa Pa Tỉnh Lào cai
35	333420	Duyên Hải	Đường Thanh Niên. Phường Duyên Hải, Thành Phố Lào Cai
36	336090	HCC Lào Cai	Tổ Dân Phố 8, Phường Nam Cường, Thành Phố Lào Cai
37	332770	Trịnh Tường	Thôn Phố Mới 1, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, Lào Cai
38	332910	VHX Bản Vược	Đội 1 xã Bản Vược huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai
39	334150	VHX Phong Hải	Thôn 1, Thị Trấn Nông Trường Phong Hải, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai
40	332840	Cốc San	Thôn Tòng Chú 3 Xã Cốc San Huyện Bát Xát Tỉnh Lào Cai

41	333910	VHX Đồng Tuyển	Thôn 3, Xã Đồng Tuyển, Thành Phố Lào Cai
42	331030	VHX Na Hối	Thôn Na Hối Tày, Xã Na Hối, Huyện Bắc Hà
43	331253	VHX Cốc Ly	Thôn Thẩm Phúc, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà
44	331200	VHX Lùng Phình	Thôn Lùng Phìn, Xã Lùng Phìn, Huyện Bắc Hà
45	331370	VHX Tà Chải	Thôn Nậm Châu, Xã Tà Chải, Huyện Bắc Hà
46	334330	VHX Bắc Ngâm	Thôn Bắc Ngâm, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng
47	335570	VHX Tân Dương	Thôn Bản Mũng, Xã Tân Dương, Huyện Bảo Yên
48	335400	VHX Việt Tiến	Thôn Gia Thượng, Xã Việt Tiến, Huyện Bảo Yên
49	335460	VHX Vĩnh Yên	Thôn Pác Mạc, Xã Vĩnh Yên, Huyện Bảo Yên
50	335457	VHX Nghĩa Đô	Thôn Nà Đình, Xã Nghĩa Đô, Huyện Bảo Yên
51	335360	VHX Long Khánh	Thôn Trĩ Trong, Xã Long Khánh, Huyện Bảo Yên
52	332836	VHX Mường Hum	Thôn Mường Hum, Xã Mường Hum, Huyện Bát Xát
53	332860	VHX Quang Kim	Thôn An Thành, Xã Quang Kim, Huyện Bát Xát
54	332810	VHX Bản Xèo	Thôn Thành Sơn, Xã Bản Xèo, Huyện Bát Xát
55	331901	VHX Lùng Vai	Thôn Lùng Vai A, Xã Lùng Vai, Huyện Mường Khương
56	332050	VHX Lùng Khẩu Nhìn	Thôn Sín Lùng Chải, Xã Lùng Khẩu Nhìn, Huyện Mường Khương
57	331940	VHX Tung Chung Phố	Thôn Hàm Rồng, Xã Tung Chung Phố, Huyện Mường Khương

58	333220	VHX Sử Pán	Thôn Hòa Sử Pán 1, Xã Sử Pán, Huyện Sa Pa
59	331720	VHX Cán Cầu	Thôn Mù Chèng Phìn, Xã Cán Cầu, Huyện Si Ma Cai
60	331690	VHX Sín Chéng	Thôn Bản Kha, Xã Sín Chéng, Huyện Si Ma Cai
61	331762	VHX Nàn Sán	Thôn Sảng Chải 1, Xã Nàn Sán, Huyện Si Ma Cai
62	334310	VHX Bản Phiệt	Thôn Bản Phiệt, Xã Bản Phiệt, Huyện Bảo Thắng
63	334180	VHX Bản Cầm	Thôn Na Năng, Xã Bản Cầm, Huyện Bảo Thắng
64	333890	VHX Vạn Hoà	Thôn Giang Đông, Xã Vạn Hoà, Thành phố Lào Cai
65	333950	VHX Tả Phời	Thôn Phuổi 3, Xã Tả Phời, Thành phố Lào Cai
66	334750	VHX Minh Lương	Thôn Minh Hạ 1, Xã Minh Lương, Huyện Văn Bàn
67	335070	VHX Khánh Yên Hạ	Thôn Độc Lập, Xã Khánh Yên Hạ, Huyện Văn Bàn
68	335980	Bình Minh	Số'036, Tổ 13, Phường Bình Minh, Thành phố Lào Cai
69	333240	Sa Pa KT	Tổ 4a Đường Điện Biên Phủ Thị Trấn Sa Pa Huyện Sa Pa
70	332590	Bát Xát KT	Số'101, Đường Hùng Vương, Thị Trấn Bát Xát, Huyện Bát Xát
71	334120	Bảo Thắng KT	Số'072, Đường 19 Tháng 5 - Khu 2, Thị Trấn Phố Lu, Huyện Bảo Thắng
72	335320	Bảo Yên KT	Tổ Dân Phố 5b, Thị Trấn Phố Ràng, Huyện Bảo Yên
73	334730	Văn Bàn KT	Tổ Dân Phố 7, Thị Trấn Khánh Yên, Huyện Văn Bàn
74	331050	Bắc Hà KT	Số'096, Đường Ngọc Uyển, Thị Trấn Bắc Hà, Huyện Bắc Hà

75	331620	Si Ma Cai KT	Thôn Phố Cũ Xã Si Ma Cai Huyện Si Ma Cai
76	331930	Mường Khương KT	Số'282, Thôn Phố Cũ, Thị trấn Mường Khương, Huyện Mường Khương
77	333920	VHX Hợp Thành	Thôn Cáng 1 Xã Hợp Thành TP Lào Cai
78	334260	VHX Phú Nhuận	Thôn Phú Hà 1 Xã Phú Nhuận Huyện Bảo Thắng
79	335590	VHX Điện Quan	Thôn Bản 3 Xã Điện Quan Huyện Bảo Yên
80	335660	VHX Yên Sơn	Thôn Bản Bát Xã Yên Sơn Huyện Bảo Yên
81	335540	VHX Xuân Thượng	Thôn Làng Vành 4 Xã Xuân Thượng Huyện Bảo Yên
82	334880	VHX Sơn Thủy	Thôn Ba Hòn Xã Sơn Thủy Huyện Văn Bàn
83	335030	VHX Văn Sơn	Thôn Rong Bể Xã Văn Sơn Huyện Văn Bàn
84	334830	VHX Dương Quý	Thôn 1 Xã Dương Quý Huyện Văn Bàn
85	335100	VHX Hòa Mạc	Thôn Thái Hòa 6 Xã Hoà Mạc Huyện Văn Bàn
86	334860	VHX Khánh Yên Thượng	Thôn Yên Thành Xã Khánh Yên Thượng Huyện Văn Bàn
87	335050	VHX Khánh Yên Trung	Thôn Trung Tâm Xã Khánh Yên Trung Huyện Văn Bàn
88	334810	VHX Làng Giàng	Thôn Hô Phai Xã Làng Ràng Huyện Văn Bàn
89	334960	VHX Liêm Phú	Thôn Giàng Xã Liêm Phú Huyện Văn Bàn
90	334770	VHX Thắm Dương	Thôn Bản Thắm Xã Thắm Dương Huyện Văn Bàn
91	332300	VHX Bản Xen	Thôn Bản Sen Xã Bản Xen Huyện Mường Khương

92	332160	VHX Cao Sơn	Thôn Lồ Suối Tùng Xã Cao Sơn Huyện Mường Khương
93	332577	VHX Tòng Sánh	Thôn Chu Cang Hồ, Xã Tòng Sánh, Huyện Bát Xát
94	336078	Cam Đường	Thôn Suối Ngàn, Xã Cam Đường, Thành phố Lào Cai
95	333546	TMDT Lào Cai	Số 196 Đường Hoàng Liên Phường Cốc Lếu Thành Phố Lào Cai

TỈNH HÒA BÌNH

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	350000	Hòa Bình	Đường Trần hưng đạo P. Phương lâm TP Hoà bình Tỉnh HB
2	351000	Phương Lâm	Đường Cù Chính Lan Phường Phương lâm TP Hoà Bình
3	351240	Tân Thịnh	Phường Tân Thịnh TP Hòa Bình
4	353300	Mai Châu	Tiểu khu 2 thị trấn Mai châu huyện Mai châu T Hoà Bình
5	351500	Kỳ Sơn	Khu 1 thị trấn kỳ sơn Huyện Kỳ sơn T Hoà Bình
6	353900	Lạc Sơn	Phố đoàn kết thị trấn Vụ bản huyện Lạc Sơn T Hoà Bình
7	355800	Lạc Thủy	Tiểu khu 3 Thị trấn chi nê huyện Lạc thủy T Hoà Bình
8	355640	Ba Hàng Đồi	Thị trấn Thanh Hà huyện Lạc Thủy
9	354800	Yên Thủy	Khu 11 thị trấn Hàng trạm huyện Yên thủy T Hoà Bình
10	355100	Kim Bôi	Khu Thành công Thị trấn bo Huyện Kim Bôi Tỉnh Hoà Bình
11	352200	Đà Bắc	Tiểu khu Liên phương Thị trấn đà bắc Huyện đà bắc T Hoà bình

12	351700	Lương Sơn	Tiểu khu 8 thị trấn Lương sơn Huyện Lương sơn T Hoà Bình
13	355170	Chợ Bến	Xã Cao Thắng Chợ Bến huyện Lương Sơn
14	353700	Cao Phong	Khu 2 Thị trấn Cao Phong huyện Cao Phong Tỉnh Hoà Bình
15	352700	Tân Lạc	khu 2 thị trấn tân lạc huyện Tân lạc tỉnh Hoà Bình
16	351290	Phố Châm	Phường Châm Mát, TP Hòa Bình
1	351050	Phát Hòa Bình	TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
2	355870	BC phát Lạc Thủy	Khu 3 TT Chi Nê Lạc Thủy Hòa Bình
3	355220	BC phát Kim Bôi	Khu Tân Thành Thị trấn Kim Bôi
4	353430	BC phát Mai Châu	Tiểu khu 2 TT Mai châu
5	351760	BC phát Lương Sơn	Thị Trấn Lương Sơn
6	352260	BC phát Đà Bắc	Thị trấn Đà Bắc
7	352930	BC phát Tân Lạc	Khu 2 TT Mường Khến
8	354960	BC phát Yên thủy	TT Hàng Trạm Yên Thủy
17	353712	Nông Trường	Khu 5 thị trấn Cao Phong, Huyện Tân Lạc
18	351130	VHX Thịnh Lang	Phường Thịnh Lang, TP Hòa Bình
19	355000	Đồn Dương	Phường Thịnh Lang, Hòa Bình
20	351080	Đồng Tiến	Phường Đồng tiến TP Hòa Bình

21	351530	Bãi Nai	Bãi Nai Xã Mông hóa Huyện
22	352820	Chợ Lồ	Phố lồ Xã Phong Phú Huyện Tân Lạc tỉnh Hòa Bình
23	351060	BC Văn phòng BDT	Đường Trần Hưng Đạo TP Hòa Bình
24	351170	Tân Hòa	Phường Tân Hòa TP Hòa Bình
25	355610	Nam Thượng	Xã Nam thượng Huyện Kim bôi Hòa Bình
26	353970	Buru cục phát lạc sơn	Thị trấn vụ bản Lạc Sơn HB
27	353860	Buru cục phát Cao Phong	Khu 2 TT Cao Phong, Cao Phong
28	351725	Bãi Lạng	Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
29	353100	VHX Ngọc Mỹ	Xóm Đường xã Ngọc Mỹ Huyện Tân Lạc Tỉnh Hòa Bình
30	355140	VHX Kim Sơn	Xóm Mỗ kim sơn Kim Bôi Hòa Bình
31	355350	VHX Hạ Bì	Xóm Mớ đôi hạ bì Kim Bôi Hòa Bình
32	355290	VHX Bắc Sơn	Xóm Cầu bắc sơn Kim Bôi Hòa Bình
33	355421	VHX Tú Sơn	Xóm Cũ Tú sơn Kim bôi Hòa Bình
34	355560	VHX Sào Báy	Xóm đôi bôi sào báy Kim bôi Hòa Bình
35	355580	VHX Mỹ Hòa	Xóm Đồng hòa mỹ hòa kim bôi Hòa Bình
36	352370	VHX Mường Chiềng	Xóm nà mười Mường chiềng Đà Bắc HB
37	352210	VHX Tu Lý	Xóm Phồn Xa Tân Pheo Đà Bắc HB

38	352310	VHX Suối Nánh	Xóm Cơi 1 Xã suối nánh Đà Bắc HB
39	354930	VHX Lạc Thịnh	Xã Lạc Thịnh Yên Thủy HB
40	354970	VHX Yên Trị	Xã Yên Trị Yên Thủy HB
41	354920	VHX Đa Phúc	Xã Đa Phúc Yên Thủy HB
42	352940	VHX Mãn Đức	Tân Phong mãn đức Tân Lạc HB
43	353060	VHX Thanh Hối	Xóm Bào 2 Thanh hối Tân Lạc HB
44	353040	VHX Tử nê	Xóm 2 xã tử nê Tân Lạc HB
45	352780	VHX Phú Cường	Phổ Lâm lưu Phú Cường Tân Lạc HB
46	352850	VHX Định Giáo	Xóm Bá Định Giáo Tân Lạc HB
47	351650	VHX Độc Lập	Xóm nửa độc lập Kỳ sơn HB
48	351630	VHX Trung Minh	Phổ ngọc trung minh kỳ sơn HB
49	351510	VHX Dân Hạ	Văn tiến dân hạ Kỳ Sơn HB
50	351610	VHX Hợp Thịnh	Trung Thành hợp thịnh kỳ sơn HB
51	351600	VHX Phú Minh	Xóm quốc Phú Minh Kỳ sơn HB
52	351860	VHX Yên quang	Xóm Mùn Yên quang Kỳ Sơn HB
53	351560	VHX Dân Hạ	Xóm Đỉnh Dân hòa Kỳ sơn HB
54	354190	VHX Xuất hóa	Xóm ngã ba xuất hóa

55	354390	VHX Chí đạo	Xã Chí đạo huyện lạc sơn HB
56	354220	VHX Văn sơn	Xã Vả sơn huyện lạc sơn
57	353920	VHX Liên Vũ	Phố cháy xã liên vũ
58	354480	VHX Tân Mỹ	Xã Mỹ Tân Huyện lạc sơn
59	354120	VHX Chợ vó	Phố vó Xã Nhân Nghĩa Lạc sơn
60	354121	VHX Tuân Đạo	Xã Tuân Đạo Lạc Sơn
61	354580	VHX Yên Nghiệp	Xã Yên Nghiệp Huyện lạc sơn
62	354540	VHX Ân Nghĩa	Phố re xã ân nghĩa Lạc Sơn
63	354140	VHX Quý Hòa	Xã Quý Hòa Lạc Sơn
64	354030	VHX Văn Nghĩa	Xã Văn nghĩa huyện lạc sơn
65	354090	VHX Tân Lập	Xã Tân lạc huyện lạc sơn
66	354350	VHX Phú Lương	Xã Phú lương Huyện Lạc Sơn
67	354050	VHX Mỹ Thành	Xã Mỹ Thành Huyện lạc sơn
68	356020	VHX Đồng tâm	Xã đông tâm huyện Lạc Thủy HB
69	355880	VHX Khoan dụ	Xã khoan dụ huyện lạc thủy HB
70	355900	VHX Liên Hòa	Xã Liên Hòa huyện Lạc thủy HB
71	355950	VHX Đồng Môn	Xã đồng môn huyện lạc thủy HB

72	355960	VHX An Lạc	Xã an Lạc huyện Lạc thủy HB
73	355970	VHX An Bình	Xã An Bình Huyện Lạc thủy HB
74	356000	VHX Yên Bồng	Xã Yên Bồng huyện Lạc thủy HB
75	355820	VHX Lạc long	Xã Lạc Long Huyện Lạc thủy HB
76	355830	VHX Cổ Nghĩa	Xã Cổ nghĩa Huyện Lạc thủy HB
77	355860	VHX Phú Lão	Xã Phú Lão huyện Lạc thủy HB
78	355910	VHX Phú Thành	Xã Phú thành Huyện Lạc Thủy HB
79	355930	VHX Hưng Thi	Xã Hưng Thi Huyện Lạc Thủy HB
80	352040	VHX Thành lập	Xã thành Lập Huyện Lương Sơn
81	352000	VHX Tiến Sơn	Xã Tiến Sơn, Lương Sơn
82	352010	VHX Trung Sơn	Xã Trung Sơn, Lương Sơn
83	355190	VHX Cao Dương	Xã Cao Dương, Lương Sơn
84	355210	VHX Hợp Châu	Xã Hợp Châu, Lương Sơn
85	355230	VHX Tân Thành	Xã Tân Thanh, Lương Sơn
86	352020	VHXLiên Sơn	Xã Liên Sơn, Lương Sơn
87	351970	VHX Nhuận Trạch	Xã Nhuận trạch, Lương Sơn
88	351940	VHX Cư Yên	Xã Cư Yên, Lương Sơn

89	351730	VHX Hòa Sơn	Xã Hòa Sơn, Lương Sơn
90	351890	VHX Tân Vinh	Xã Tân Vinh, Lương Sơn
91	351930	VHX Hợp Hòa	Xã Hợp Hòa, Lương Sơn
92	351910	VHX Cao Răm	Xã Cao Răm, Lương Sơn
93	351880	VHX Trường Sơn	Xã trường sơn, Lương Sơn
94	351750	VHX Lâm Sơn	Xã Lâm Sơn, Lương Sơn
95	355160	VHX Thanh Lương	Xã Thanh Lương, Lương Sơn
96	355171	VHX Cao Thắng	Xã Cao Thắng, Lương Sơn
97	355620	VHX Hợp Thanh	Xã Hợp Thanh, Lương Sơn
98	355150	VHX Long Sơn	Xã Long Sơn, Lương Sơn
99	353740	VHX Bắc Phong	Hải Phong Bắc Phong, Cao Phong
100	353800	VHX Tân Phong	Trang giữa Tân Phong, Cao Phong
101	353780	VHX Dũng Phong	Xóm Chợ Dũng Phong, Cao Phong
102	353770	VHX Tây Phong	Phố Bằng Tây Phong, Cao Phong
103	353310	VHX Tòng Đậu	Xã Tòng Đậu, Mai Châu
104	353510	VHX Mai Hạ	Xóm Ciềng Hạ, Mai Châu
105	353520	VHX Mai Hịch	Xóm Cha Lang, Mai Châu

106	353450	VHX Xăm Khòe	Xóm Xuân Tiến, Mai Châu
107	351180	VHX Yên Mông	Xã Yên Mông TP Hòa Bình
108	351230	VHX Hòa Bình	Xã Hòa Bình TP Hòa Bình
109	353100	VHX Ngọc Mỹ	Xóm Đường xã Ngọc Mỹ H. Tân Lạc
110	351350	VHX Dân Chủ	Xã Dân Chủ TP Hòa Bình
111	352270	VHX Tân Pheo	Xã Tân Pheo Đà Bắc Hòa Bình
112	352520	VHX Toàn Sơn	Xã Trúc Sơn Toàn Sơn Đà Bắc HB
113	355480	VHX Kim Tiến	Xã Kim tiến Huyện Kim Bôi
114	355130	VHX Trung Bì	Xã Trung Bì Huyện Kim Bôi
115	355320	VHX Đú Sáng	Xã Đú Sáng Huyện Kim Bôi
116	355450	VHX Hợp Đồng	Xã Hợp Đồng Huyện Kim Bôi
117	355250	VHX Lập Chiêng	Xã Lập Chiêng Huyện Kim Bôi
118	355520	VHX Cuối Hạ	Xã Cuối Hạ Huyện Kim Bôi
119	355360	VHX Vĩnh Đồng	Xã Vĩnh Đồng Huyện Kim Bôi
120	355270	VHX Hùng Tiến	Xã Hùng Tiến Huyện Kim Bôi
121	355400	VHX Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến Huyện Kim Bôi
122	355380	VHX Đông Bắc	Xã Đông Bắc Huyện Kim Bôi

123	355260	VHX Nật Sơn	Xã Nật Sơn Huyện Kim Bôi
124	355280	VHX Thượng Bì	Xã Thượng Bì Huyện Kim Bôi
125	355300	VHX Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy Huyện Kim Bôi
126	355540	VHX Nuông Dăm	Xã Nuông Dăm Huyện Kim Bôi
127	355510	VHX Kim Truy	Xã Kim Truy Huyện Kim Bôi
128	355500	VHX Kim Bôi	Xã Kim Bôi Huyện Kim Bôi
129	355600	VHX Hợp Kim	Xã hợp Kim Huyện Kim Bôi
130	355470	VHX Thượng Tiến	Xã Thượng Tiến Huyện Kim Bôi
131	355120	VHX Kim Bình	Xã Kim Bình Huyện Kim Bôi
132	355310	VHX Bình Sơn	Xã Bình Sơn Huyện Kim Bôi
133	351045	Hành Chính Công	số 485 Trần hưng Đạo Phương Lâm TP Hòa Bình
134	351055	Thương mại điện tử	Đường Trần Hưng Đạo TP Hòa Bình
135	354870	VHX Bảo Hiệu	xóm Bảo Yên xã Bảo Hiệu, H. Yên Thủy
136	354880	VHX Lạc Hưng	xóm Thút xã Lạc Hưng, H. Yên Thủy
137	354890	VHX Lạc Lương	xóm Yên Mu xã Lạc Lương, H. Yên Thủy
138	354910	VHX Lạc Sỹ	xóm Nghĩa xã Lạc Sỹ, H. Yên Thủy
139	354940	VHX Yên Lạc	xóm Lạc Vượng xã Yên Lạc, H. Yên Thủy

140	354950	VHX Phú Lai	xóm Hạ xã Phú Lai, H. Yên Thủy
141	355007	VHX Ngọc Lương	xóm Bờ Sông xã Ngọc Lương, H. Yên Thủy
142	354820	VHX Đoàn Kết	xóm Đồng Bai xã Đoàn Kết, H. Yên Thủy
143	354840	VHX Hữu Lợi	xóm Vồ xã Hữu Lợi, H. Yên Thủy
144	352710	VHX Quy Hậu	Xã Quy Hậu, H. Tân Lạc
145	352730	VHX Mỹ Hòa	Xã Mỹ Hòa, H. Tân Lạc
146	352740	VHX Trung Hòa	Xã Trung Hòa, H. Tân Lạc
147	352760	VHX Phú Vinh	Xã Phú Vinh, H. Tân Lạc
148	352880	VHX Quy mỹ	Xã Quy mỹ, H. Tân Lạc
149	352910	VHX Bắc Sơn	Xã Bắc Sơn, H. Tân Lạc
150	352920	VHX Nam Sơn	Xã Nam Sơn, H. Tân Lạc
151	352960	VHX Do Nhân	Xã Do Nhân, H. Tân Lạc
152	353010	VHX Gia Mô	Xã Gia Mô, H. Tân Lạc
153	353020	VHX Ngổ Luông	Xã Ngổ Luông, H. Tân Lạc
154	353080	VHX Đông Lai	Xã Đông Lai, H. Tân Lạc
155	352701	VHX Mường Khén	Xã Mường Khén, H. Tân Lạc
156	352830	VHX Phong Phú	Xã Phong Phú, H. Tân Lạc

157	352840	VHX Tuân Lộ	Xã Tuân Lộ, H. Tân Lạc
158	352870	VHX Quyết Chiến	Xã Quyết Chiến, H. Tân Lạc
159	352890	VHX Lũng Vân	Xã Lũng Vân, H. Tân Lạc
160	351070	VHX Sủ Ngòi	Xã Sủ Ngòi, TP Hòa Bình
161	351270	VHX Thái Thịnh	Xã Thái Thịnh, TP Hòa Bình
162	351340	VHX Thống Nhất	Xã Thống Nhất, TP Hòa Bình
163	354440	VHX Hương Nhượng	Xã Hương Nhượng, H. Lạc Sơn
164	354300	VHX Định Cư	Xã Định Cư, H. Lạc Sơn
165	354330	VHX Chí Thiện	Xã Chí Thiện, H. Lạc Sơn
166	354410	VHX Ngọc Sơn	Xã Ngọc Sơn, H. Lạc Sơn
167	354240	VHX Thượng Cốc	Xã Thượng Cốc, H. Lạc Sơn
168	353960	VHX Bình Chân	Xã Bình Chân, H. Lạc Sơn
169	353940	VHX Bình Càng	Xã Bình Càng, H. Lạc Sơn
170	354420	VHX Tự Do	Xã Tự Do, H. Lạc Sơn
171	354460	VHX Ngọc Lâu	Xã Ngọc Lâu, H. Lạc Sơn
172	354170	VHX Miền Đồi	Xã Miền Đồi, H. Lạc Sơn
173	354000	VHX Yên Phú	Xã Yên Phú, H. Lạc Sơn

174	353980	VHX Bình Hẻm	Xã Bình Hẻm, H. Lạc Sơn
175	352380	VHX Mường Tuổng	Xã Mường Tuổng, H. Đà Bắc
176	352320	VHX Đồng nghê	Xã Đồng nghê, H. Đà Bắc
177	352350	VHX Đồng Chum	Xã Đồng Chum, H. Đà Bắc
178	352290	VHX Giáp Đất	Xã Giáp Đất, H. Đà Bắc
179	352330	VHX Đoàn Kết	Xã đoàn Kết, H. Đà Bắc
180	352400	VHX Trung Thành	Xã Trung Thành, H. Đà Bắc
181	352410	VHX Yên Hòa	Xã Yên Hòa, H. Đà Bắc
182	352390	VHX Đồng Ruộng	Xã Đồng Ruộng, H. Đà Bắc
183	352250	VHX Tân Minh	Xã Tân Minh, H. Đà Bắc
184	352450	VHX Cao Sơn	Xã Cao Sơn, H. Đà Bắc
185	352230	VHX Hào Lý	Xã Hào Lý, H. Đà Bắc
186	352490	VHX Hiền Lương	Xã Hiền Lương, H. Đà Bắc
187	352500	VHX Vầy Nưa	Xã Vầy Nưa, H. Đà Bắc
188	352470	VHX Tiên Phong	Xã Tiên Phong, H. Đà Bắc
189	351570	VHX Phúc Tiến	Xã Phúc Tiến, H Kỳ Sơn
190	351580	VHX Hợp Thành	Xã Hợp Thanh, H Kỳ Sơn

191	351531	VHX Mông Hóa	Xã Mông Hóa, H Kỳ Sơn
192	353440	VHX Cùn pèo	Cùn pèo, H Mai Châu
193	353470	VHX Piềng vế	Piềng vế , H Mai Châu
194	353400	VHX Bao La	Bao La , H Mai Châu
195	353490	VHX Chiềng châu	Chiềng châu , H Mai Châu
196	353531	VHX Co lương	Co lương , H Mai Châu
197	353350	VHX Nà Phòn	Nà mèo , H Mai Châu
198	353360	VHX Nà Mèo	Nà phòn, H Mai Châu
199	353370	VHX Đồng bằng	Đồng bằng , H Mai Châu
200	353380	VHX Tân sơn	Tân sơn, H Mai Châu
201	353340	VHX Phúc sạn	Phúc sạn , H Mai Châu
202	353330	VHX Tân Mai	Tân Mai , H Mai Châu
203	352430	VHX Tân dân	Tân dân , H Mai Châu
204	353390	VHX Hang kia	Hang kia, H Mai Châu
205	353420	VHX Pà cò	Pà cò , H Mai Châu
206	353570	VHX Noong luông	Noong luông , H Mai Châu
207	353590	VHX Thung khe	Thung khe , H Mai Châu

208	353550	VHX Pù bin	Pù bin , H Mai Châu
209	353320	VHX Ba khan	Ba khan , H Mai Châu
210	353730	VHX Thu Phong	Thu Phong, Cao Phong
211	353750	VHX Bình Thanh	Bình Thanh, Cao Phong
212	353760	VHX Thung Nai	Thung Nai, Cao Phong
213	352750	VHX Ngòi Hoa	Ngòi Hoa, Cao Phong
214	353790	VHX Nam Phong	Nam Phong, Cao Phong
215	353810	VHX Yên Lập	Yên Lập, Cao Phong
216	353820	VHX Yên Thượng	Yên Thượng, Cao Phong
217	353830	VHX Xuân Phong	Xuân Phong, Cao Phong
218	353720	VHX Đông phong	Đông phong, Cao Phong
219	353880	Văn Phòng	Khu 2 TT Cao Phong Cao Phong HB
220	351745	Khu công nghiệp	Khu công nghiệp quốc lộ 6 Lương Sơn HB
TỈNH SƠN LA			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	360000	Sơn La	172 Đường Tô Hiệu, TP Sơn La
2	361500	Mai Sơn	Tiểu Khu 6 Thị Trấn Hát Lót, Mai Sơn

3	362400	Yên Châu	Tiểu Khu 2 Thị Trấn Yên Châu
4	362800	Mộc Châu	Tiểu Khu 4 TT Mộc Châu
5	362830	Thảo Nguyên	Tiểu Khu 40, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu
6	363600	Phù Yên	Khối 5 TT Phù Yên, Sơn La
7	364300	Bắc Yên	Tiểu Khu 1 TT Bắc Yên
8	364700	Mường La	Tiểu Khu 2 Huyện Lỵ Mường La
9	365300	Quỳnh Nhai	Xóm 1 Mường Chiên Quỳnh Nhai
10	365700	Thuận Châu	Tiểu Khu 14 TT Thuận Châu
11	366800	Sông Mã	Tổ 8 TT Sông Mã
12	367700	Sốp Cộp	Bản Hua Mường Xã Sốp Cộp, Huyện Sốp Cộp
13	361100	Chiềng Lè	Tổ 1 Chiềng Lè, Sơn La
14	361000	Cầu 308	Tổ 8 Quyết Thắng, Sơn La
15	361497	ĐH Tây Bắc	Tổ 2 Quyết Thắng, Sơn La
16	361210	Ân Sinh	TK 3 Phường Chiềng Sinh, Sơn La
17	361275	Chiềng An	Phường Chiềng An, Sơn La
18	361010	Nà Cống	Tổ 7, Phường Tô Hiệu, Sơn La
19	361200	Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh, Sơn La

20	361810	Nà Sản	TK Nà Sản, Mai Sơn
21	362910	Chiềng Ve	Xã Chiềng Ve, Huyện Mộc Châu
22	365080	Mường Bú	Xã Mường Bú, Mường La
23	361160	Bó Ản	Phường Quyết Tâm TP Sơn la
24	361130	Quyết Thắng	Phường Quyết Thắng TP Sơn La
25	361600	Cò Nòi	TK Cò Nòi Huyện Mai Sơn Sơn La
26	362500	Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài huyện Yên Châu Sơn La
27	364020	Gia Phù	Xã Gia Phù huyện Phù Yên Sơn La
28	364712	Thủy Điện	Xã ít Ong huyện Mường La Sơn La
29	367060	Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương huyện Sông Mã Sơn La
1	365320	BC Phát Quỳnh Nhai	Thị Trấn Quỳnh Nhai - Sơn La
2	362940	BC Phát Mộc Châu	TK 4 Thị Trấn Mộc Châu - Sơn La
3	362490	BC Phát Yên Châu	TK 2 Thị trấn Yên Châu - Sơn La
4	361580	BC Phát Mai Sơn	TK6 Thị Trấn Hát Lót Mai Sơn Sơn La
5	364370	BC Phát Bắc Yên	TK 1 Thị Trấn Bắc Yên Sơn La
6	367750	BC Phát Sốp Cộp	Thị Trấn Sốp Cộp Sơn La
7	366860	BC Phát Sông Mã	Tổ 8 Thị Trấn Sông Mã Sơn La

8	365770	BC Phát Thuận Châu	TK 14 Thuận Châu - Sơn La
9	363670	BC Phát Phù Yên	Khối 5 Thị Trấn Phù Yên Sơn La
10	361070	BC Phát Sơn La	TP Sơn La
11	364820	BC Phát Mường La	Thị Trấn Mường La Sơn La
30	368410	Vân Hồ	Thị Tứ, Vân Hồ, Mộc Châu
31	365810	Chiềng Pắc	Chiềng Pắc, Thuận Châu
32	361440	KHL Sơn La	Số 172 đường Tô hiệu, Sơn La
33	367120	VHX Chiềng Cang	,Xã chiềng cang,Sông mã
34	361340	VHX Hua La	Xã Hua La - Thành Phố
35	361320	VHX Chiềng Cọ	Xã Chềng Cọ - Thành Phố
36	361300	VHX Chiềng Đen	Xã Chềng Đen - Thành Phố
37	361730	VHX Chiềng Sung	Xã Chiềng Sung - Mai Sơn
38	361811	VHX Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung - Mai Sơn
39	361861	VHX Chiềng Ban	Xã Chiềng Ban - Mai Sơn
40	361540	VHX Hát Lót	Xã Hát Lót - Mai Sơn
41	363270	VHX Nà Mường	Xã Nà Mường - Mộc Châu
42	362990	VHX Phiêng Luông	Xã Phiêng Luông - Mộc Châu

43	363390	VHX Chiềng Hắc	Xã Chiềng Hắc - Mộc Châu
44	363430	VHX Lóng Sập	Xã Lóng Sập - Mộc Châu
45	364900	VHX Pi toong	Xã Pi Toong - Mường La
46	363630	VHX Huy Tân	Xã Huy Tân - Phù yên
47	363680	VHX Huy Tường	Xã Huy Tường - Phù Yên
48	364060	VHX Tường Thượng	Xã Tường Thượng - Phù Yên
49	363960	VHX Huy Thượng	Xã Huy Thượng - Phù Yên
50	363920	VHX Quang Huy	Xã Quang Huy - Phù Yên
51	363840	VHX Mường Cơi	Xã Mường Cơi - Phù Yên
52	366940	VHX Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong - Sông Mã
53	367420	VHX Yên Hưng	Xã Yên Hưng - Sông Mã
54	367090	VHX Mường Sai	Xã Mường Sai - Sông Mã
55	366100	VHX Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha - Thuận Châu
56	366050	VHX Noong Lay	Xã Noong Lay - Thuận Châu
57	365811	VHX Tông Lạnh	Xã Tông Lạnh - Thuận Châu
58	365540	VHX Mường Giôn	Xã Mường Giôn - Quỳnh Nhai
59	366130	VHX Phổng Lái	Xã Phổng Lái - Thuận Châu

60	365780	VHX Thôm Mòn	Xã Thôm Mòn - Thuận Châu
61	362501	VHX Tú Nang	Xã Tú Nang - Yên Châu
62	362550	VHX Chiềng Păn	Xã Chiềng Păn - Yên Châu
63	362470	VHX Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc - Yên Châu
64	362870	VHX Mường Sang	Xã Mường Sang - Mộc Châu
65	362890	VHX Đông Sang	Xã Đông Sang - Mộc Châu
66	361080	BC Hành Chính Công	SỐ 1 ĐƯỜNG TÔ HIỆU TP- SƠN LA
67	361640	VHX Tà Hộc	Bản Hộc Xã Tà Hộc
68	361670	VHX 'Mường Bon	Bản Bó Định Xã Mường Bon
69	361700	VHX 'Chiềng Chăn	Bản Sài Lương Xã Chiềng Chăn
70	361770	VHX Mường Bằng	Bản Bằng Xã mường Bằng
71	361860	VHX Chiềng Mai	TK/1 xã Chiềng Ban Xã Chiềng Ban
72	361910	VHX Chiềng Ve	Bản Nà Mè trên Xã Chiềng Ve
73	361970	VHX Chiềng Kheo	Bản Nà Non Xã Chiềng Kheo
74	361990	VHX Chiềng Dong	Bản dè Xã Chiềng Dong
75	362010	VHX Chiềng Chung	Bản Khoa Xã Chiềng Chung
76	362030	VHX Mường Chanh	Bản Cang Mường Xã Mường Chanh

77	362090	VHX 'Phiêng Cầm	Bản Nong Tàu Thái Xã Phiêng Cầm
78	362140	VHX Nà Ốt	Bản Nà Ốt Xã Nà Ốt
79	362170	VHX 'Phiêng Pần	Bản Pom Pít Xã Phiêng Pần
80	362200	VHX Chiềng Lương	Bản Trung tâm Xã Chiềng Lương
81	362430	VHX Chiềng Khoi	Bản Tùm
82	362440	VHX Sấp Vạt	Bản Sai
83	362530	VHX 'Mường Lựm	Bản Nà Mè trên Xã Chiềng Ve
84	362570	VHX Chiềng Sàng	Bản Chiềng Sàng
85	362580	VHX 'Chiềng Đông	Bản luông Mé
86	362600	VHX Yên Sơn	Bản Chiềng Hưng
87	362620	VHX 'Chiềng On	Bản Nà Đít
88	362680	VHX 'Chiềng Tương	Bản Pa Kha 2
89	362700	VHX Lóng Phiêng	Bản Yên Thi
90	362930	VHX Xuân Nha	Nà Hiềng Xuân Nha Vân Hồ
91	363010	VHX 'Chiềng Khoa	Bản Páng Chiềng Khoa Vân Hồ
92	363030	VHX 'Lóng Luông	Co Lóng Lóng Luông Vân Hồ
93	363050	VHX 'Chiềng Yên	Bống Hà Chiềng Yên Vân Hồ

94	363070	VHX 'Mường Men	Nà Pa Mường Men Vân Hồ
95	363090	VHX 'Quang Minh	Bản Bó Quang Minh Vân Hồ
96	363110	VHX Mường Tè	Bản Nhúng Mường Tè Vân Hồ
97	363130	VHX TÔ MÚA	Tiểu khu Trung tâm Tô Múa Vân Hồ
98	363160	VHX Song Khủa	Lóng Khủa Song Khủa Vân Hồ
99	363190	VHX 'Liên Hòa	Bản Nôn Liên Hòa Vân Hồ
100	363200	VHX Suối Bàng	Khoang Tuổng Suối Bàng Vân Hồ
101	363220	VHX HUA PĂNG	Chiềng Cang Hua Păng Mộc Châu
102	363250	VHX Quy Hường	Bó Giàng Quy Hường Mộc Châu
103	363290	VHX Tà Lại	Bản Tháng 5 Tà Lại Mộc Châu
104	363350	VHX 'Tân Lập	Tiểu khu 12 Tân Lập Mộc Châu
105	363330	VHX Tân hợp	Nà Mường Tân Hợp Mộc Châu
106	363410	VHX Chiềng Khừa	Bản Khừa Chiềng Khừa Mộc Châu
107	363650	VHX 'Huy Hạ	Đồng cù - Huy Hạ
108	363700	VHX Tường Tiến	Bản Pa - Tường Tiến
109	363720	VHX 'Tường Phong	Hạ Lương - Tường Phong
110	363750	VHX 'Mường Bang	Bản Kẽm - Mường Lang

111	363750	VHX 'Nam Phong	Đá Mài - Nam Phong
112	363770	VHX Mường Do	Bản Lăn - Mường Do
113	363800	VHX 'Mường Lang	Bản Kẽm - Mường Lang
114	363810	VHX Tân Lang	Bản Mỏ - Tân Lang
115	363880	VHX 'Mường Thái	Bản Thái - Mường Thái
116	363900	VHX Suối Tọ	Lũng Khoai A - Suối Tọ
117	363980	VHX 'Huy Bắc	Bản Phố 2 - Huy Bắc
118	364000	VHX 'Tường Phù	Bùa Chung 3 -Tường Phù
119	364040	VHX Suối Bau	Suối Cáy - Suối Bau
120	364080	VHX Tường Hạ	Bản Khảo 2 -Tường Hạ
121	364100	VHX Kim Bon	Suối Bương - Kim Bon
122	364120	VHX Sập Xa	Bản Xa - Sập Xa
123	364130	VHX 'Đá Đỏ	Bông Sen - Đá Đỏ
124	364150	VHX 'Bắc Phong	Đá Phở - Bắc Phong
125	364160	VHX 'Tân Phong	Bản Vạn Tân Phong
126	364320	VHX 'Phiêng Ban	Bản Cao Đa Xã Phiêng Ban
127	364340	VHX 'Hồng Ngải	Bản Hồng Ngải, xã Hồng Ngải

128	364360	VHX Tà Xùa	Bản Tà xùa A xã Tà Xùa
129	364399	VHX 'Làng Chếu	Bản Háng C, xã Làng Chếu
130	364410	VHX 'Xím Vàng	Bản Xím Vàng, xã Xím Vàng
131	364430	VHX 'Hang Chú	Bản Hang Chú, xã Hang Chú
132	364450	VHX 'Pắc Ngà	BảnBước xã Pắc Ngà
133	364550	VHX 'Phiêng Côn	Bản En xã Phiêng Côn
134	364580	VHX 'Chiềng Sại	#VALUE!
135	364740	VHX Chiềng San	Bản Pá Làng xã Chiềng San
136	364750	VHX Chiềng Muôn	Bản Hua Kim xã Chiềng Muôn
137	364760	VHX Chiềng Hoa	Bản Pía xã Chiềng Hoa
138	364800	VHX Chiềng công	Bản Mới xã Chiềng Công
139	364830	VHX Chiềng Ân	Bản Chông xã Chiềng Ân
140	364850	VHX Ngọc Chiến	Bản Nà Bá xã Ngọc Chiến
141	364880	VHX 'Nặm Păm	Bản Hóc xã Nặm Păm
142	365050	VHX Tạ Bú	Bản Tạ Bú xã Tạ Bú
143	365120	VHX 'Mường Chùm	Bản Kham xã Mường Chùm
144	365410	VHX Chiềng Khoang	BẢN SẢN CHIỀNG KHOANG

145	365474	VHX Nậm Ét	BẢN NONG NẬM ÉT
146	365380	VHX Mường Giàng	UBND XÃ MUỜNG GIÀNG
147	365535	VHX Chiềng Bằng	BẢN BÓ BAN CHIỀNG BẰNG
148	365570	VHX Chiềng Khay	BẢN TÁNG LUÔNG CHIỀNG KHAY
149	365840	VHX 'Chiềng pác	Tk 6 Tông lạnh
150	365860	VHX Bon phặng	Bản phặng xã Bon phặng
151	365880	VHX Tông cọ	Bản phé Tông cọ
152	365930	VHX 'Bó mười	Bản mười xã Bó mười
153	365950	VHX 'Mường khiêng	Bản khiêng xã Mường khiêng
154	366030	VHX 'Chiềng ngàm	Bản mễn xã Chiềng ngàm
155	366080	VHX 'Chiềng la	Bản Chiềng la xã Chiềng la
156	366160	VHX 'Mường é	Bản Mường é xã Mường é
157	366210	VHX Phổng lập	Bản nà khoang xã Phổng lập
158	366240	VHX 'É tông	Bản Nậm nhừ xã Long hẹ
159	366270	VHX 'Long hẹ	Bản Nậm nhừ xã Long hẹ
160	366340	VHX Co mạ	Bản Trung tâm xã Co mạ
161	366420	VHX Chiềng bôm	Bản pú ka xã Chiềng bôm

162	366470	VHX 'Phổng lǎng	Bản cǎng xǎ Phổng lǎng
163	366500	VHX Púng tra	Bản Púng xǎ Púng tra
164	366530	VHX Nậm lầu	Bản Lǎ Tăng xǎ Nậm lầu
165	366570	VHX 'Bản lằ	Bản dấ Bản lằ
166	366800	VHX 'Đũa mòn	Bản đũa mòn, xǎ đũa mòn, huyện Sông Mã
167	366800	VHX Nà Nghịu	Bản cǎng kiển xǎ nà nghịu, huyện Sông Mã
168	366800	VHX Mường cai	Bản Nà kham, xǎ Mường cai, huyện Sông Mã
169	366870	VHX Huổi mốt	Bản pǎ công, xǎ Huổi mốt, huyện Sông Mã
170	367010	VHX Mường hung	Bản Mường tợ, xǎ Mường hung, huyện Sông Mã
171	367170	VHX Chiềng sớ	Trung tâm xǎ Chiềng Sớ, huyện Sông Mã
172	367210	VHX Nậm ty	Bản nà Khựa, xǎ nậm ty, huyện Sông Mã
173	367250	VHX chiềng phung	Bản Phiềng xa, xǎ Chiềng phung, huyện Sông Mã
174	367280	VHX Mường lằ	Bản Mờng nư, xǎ Mường lằ, huyện Sông Mã
175	367310	VHX Chiềng en	Bản lưng, xǎ Chiềng en, huyện Sông Mã
176	367340	VHX 'Bó sinh	Bản phổng 2, xǎ Bó sinh, huyện Sông Mã
177	367370	VHX 'Pú bầ	Bản Pǎ lầu, xǎ Pú bầ, huyện Sông Mã
178	367470	VHX Nậm mằ	Bản Nậm mằ, xǎ nậm mằ, huyện Sông Mã

179	367730	VHX Nậm Lạnh	Bản Lạnh xã Nậm Lạnh
180	367760	VHX 'Mường Và	Bản Mường Và xã Mường Và
181	367800	VHX 'Mường Lạn	Bản Mường Lạn xã Mường Lạn
182	367830	VHX 'Púng Bính	Bản Liền xã Púng Bính
183	367860	VHX Dồm Cang	Bản Dồm xã Dồm Cang
184	367890	VHX Sam Kha	Bản Púng Báng xã Sam Kha
185	367910	VHX Mường Lèo	Bản Liềng xã Mường Lèo
186	366811	VHX NÀ NGỰU	BẢN CÁNH KIẾN XÃ NÀ NGỰU HUYỆN SÔNG MÃ
187	367390	VHX ĐỨA MÒN	BẢN ĐỨA MÒN XÃ ĐỨA MÒN HUYỆN SÔNG MÃ
188	366910	VHX MUỜNG CAI	BẢN NÀ KHAM XÃ MUỜNG CAI HUYỆN SÔNG MÃ
189	368411	Phát Mộc Châu	bản hang trùng 1 xã vân hồ huyện vân hồ tỉnh sơn la
TỈNH ĐIỆN BIÊN			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	380000	Điện Biên Phủ	Số 896 Đường 7/5 Phường Mường Thanh
2	381400	Điện Biên	Tổ Dân phố 6 Phường Nam Thanh Huyện Điện Biên
3	382000	Điện Biên Đông	Tổ Dân Cư Số 2, Thị trấn Điện Biên Đông, Huyện Điện Biên Đông
4	382500	Tuần Giáo	Khu phố Tân Giang, Thị Trấn Tuần Giáo, Huyện Tuần Giáo

5	383300	Mường Chà	Khu phố 3, Thị trấn Mường Chà, Huyện Mường Chà
6	383600	Tủa Chùa	Khu phố Thắng Lợi, Thị trấn Tủa Chùa, Huyện Tủa Chùa
7	383900	Mường Lay	Tổ 11, Phường Sông Đà, Thị xã Mường Lay
8	384000	Mường Nhé	Bản Mường Nhé, Xã Mường Nhé, Huyện Mường Nhé
9	384800	Mường Ảng	Khối 7, Thị Trấn Mường Ảng, Huyện Mường Ảng
10	381100	Him Lam	Phường Him Lam TP Điện Biên Phủ
11	381170	Thanh Bình	Phường Thanh Bình TP Điện Biên Phủ
12	381220	Thanh Trường	Phường Thanh Trường TP Điện Biên Phủ
13	381271	Noong Bua	Tổ 6 Phường Noong Bua TP Điện Biên Phủ
14	381830	Bản Phủ	Bản Phiêng Cá Xã Noong Hẹt huyện Điện Biên
15	385310	Nậm Pồ	Bản Huổi Hâu, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ
1	381140	BCP Thành Phố	Tổ 10 Mường Thanh Điện Biên Phủ Điện Biên Điện Biên
2	381670	BCP Điện Biên	Tổ 6 Phường Nam Thanh TP Điện Biên Phủ Điện Biên
3	382060	BCP Điện Biên Đông	Tổ 9 Thị trấn Điện Biên Đông Điện Biên
4	382610	BCP Tuần Giáo	Khối Tân Giang Thị Trấn Tuần Giáo Điện Biên
5	383580	BCP Mường Chà	Khối 3 thị trấn Mường Chà Điện Biên
6	383660	BCP Tủa Chùa	Khu Thắng Lợi, Thị trấn Tủa Chùa Huyện Tủa Chùa Điện Biên

7	383970	BCP Mường Lay	Tổ 4 Phường Na Lay TX Mường Lay Điện Biên
8	384090	BCP Mường Nhé	Khu I xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé Điện Biên
9	384820	BCP Mường Ảng	Tổ 7 Thị trấn Mường Ảng Huyện Mường Ảng Điện Biên
10	385410	BCP huyện Nậm Pồ	Bản Huổi Hâu, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên
16	383980	Nậm Cắn	Tổ 4, phường Na Lay, TX Mường Lay, Điện Biên
17	381040	KHL TP Điện Biên Phủ	Tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ
18	385320	VHX Chà Cang	Bản Mới xã Chà Cang Nậm Pồ Điện Biên
19	381490	VHX Nà Tấu	Trung tâm 1 xã Nà Tấu Điện Biên
20	381730	VHX Pom Lót	Đội 19 xã Pom Lót Điện Biên
21	382670	VHX Mùn Chung	Bản Xóm Chợ xã Mùn Chung Tuần Giáo Điện Biên
22	382920	VHX Búng Lao	Bản Chợ xã Búng Lao Mường Ảng Điện Biên
24	383590	VHX Na Sang	Bản Hin 2, xã Na Sang, huyện Mường Chà, Điện Biên
25	381690	VHX Noong Luống	Đội 2, xã Noong Luống, Điện Biên, Điện Biên
26	384290	VHX Mường Toong	Bản Mường Toong 1 xã Mường Toong, Mường Nhé, Điện Biên
27	385370	VHX Nà Hỳ	Bản Nà Hỳ 3, xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ, Điện Biên
28	385440	VHX Si Pa Phìn	Bản Nậm Chim 1, xã Si Pa Phìn, Nậm Pồ, Điện Biên
29	382570	VHX Quài Nưa	Bản Minh Thắng, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, Điện Biên

30	381831	VHX Noong Hẹt	Đội 5 Noong Hẹt, Điện Biên, Điện Biên
31	381255	Nam Thanh	Tổ 6 Phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ
32	381570	VHX Thanh Luông	Xã Thanh Luông, Huyện Điện Biên, Điện Biên
33	381600	VHX Thanh Hưng	Xã Thanh Hưng, Huyện Điện Biên, Điện Biên
34	381620	VHX Thanh Chăn	Xã Thanh Chăn, Huyện Điện Biên, Điện Biên
35	381410	VHX Thanh Xương	Xã Thanh Xương, Huyện Điện Biên, Điện Biên
36	381860	VHX Thanh An	Xã Thanh An, Huyện Điện Biên, Điện Biên
37	382870	VHX Ảng Nưa	Xã Ảng Nưa, Huyện Mường Ảng, Điện Biên
38	382790	VHX Mường Đăng	Xã Mường Đăng, Huyện Mường Ảng, Điện Biên
39	382530	VHX Quài Cang	Xã Quài Cang, Huyện Tuần Giáo, Điện Biên
40	383030	VHX Quài Tở	Xã Quài Tở, Huyện Tuần Giáo, Điện Biên
41	382600	VHX Pú Nhung	Xã Pú Nhung, Huyện Tuần Giáo, Điện Biên
42	383710	VHX Tả Sìn Thàng	Xã Tả Sìn Thàng, Huyện Tủa Chùa, Điện Biên
43	383360	VHX Nậm Nèn	Xã Nậm Nèn, Huyện Mường Chà, Điện Biên
44	383320	VHX Hừa Ngải	Xã Hừa Ngải, Huyện Mường Chà, Điện Biên
45	385330	VHX Chà Nưa	Xã Chà Nưa, Huyện Nậm Pồ, Điện Biên
46	384230	VHX Nậm Kè	Xã Nậm Kè, Huyện Mường Nhé, Điện Biên

47	382140	VHX Phì Nhừ	Xã Phì Nhừ, Huyện Điện Biên Đông, Điện Biên
48	381770	VHX Mường Nhà	Xã Mường Nhà. Huyện Điện Biên, Điện Biên
49	382351	VHX Pú Hồng	Xã Pú Hồng, Huyện Điện Biên Đông, Điện Biên
50	382110	VHX Keo Lô	Xã Keo Lô, Huyện Điện Biên Đông, Điện Biên
51	383690	VHX Sín Chải	Xã Sín Chải, Huyện Tủa Chùa, Điện Biên
52	382820	VHX Ảng Cang	Xã Ảng Cang, Huyện Mường Ảng, Điện Biên
53	383940	VHX Lay Nưa	Xã Lay Nưa, Thị xã Mường Lay, Điện Biên
54	383080	VHX Tỏa Tình	Xã Tỏa Tình, Huyện Tuần Giáo, Điện Biên
55	383000	VHX Chiềng Sinh	Xã Chiềng Sinh, Huyện Tuần Giáo, Điện Biên
56	381640	VHX Thanh Yên	Xã Thanh yên. Huyện Điện Biên, Điện Biên
57	381800	VHX Phu Luông	Xã Phu Luông, Huyện Điện Biên, Điện Biên
58	385350	VHX Nà Búng	Xã Nà Búng, Huyện Nậm Pồ, Điện Biên
59	383630	VHX Mường Đun	Xã Mường Đun, Huyện Tủa Chùa, Điện Biên
60	381550	VHX Thanh Nưa	Xã Thanh Nưa, Huyện Điện Biên, Điện Biên
61	381810	VHX Núa Ngam	Xã Núa Ngam, Huyện Điện Biên, Điện Biên
62	382240	VHX Mường Luân	Xã Mường Luân, Huyện Điện Biên Đông, Điện Biên
63	382700	VHX Mường Mùn	Xã Mường Mùn, Huyện Tuần Giáo, Điện Biên

64	382832	VHX Rạng Đông	Xã Rạng Đông, Huyện Tuần Giáo, Tỉnh Điện Biên
65	382070	VHX Pú Nhi	Xã Pú Nhi, Huyện Điện Biên Đông, Tỉnh Điện Biên
66	384492	VHX Sam Mứn	Đội 10, Yên Cang, Xã Sam Mứn, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên
67	381880	VHX Nà Nhạn	Bản Huổi Hẹ 1, Xã Nà Nhạn, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên
68	384482	VHX Mường Lói	Bản Lói, Xã Mường lói, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên
TỈNH LAI CHÂU			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	390000	Lai Châu	Số 49 Khu phố Phong Châu 2, Phường Đoàn Kết, Thị xã Lai Châu
2	391100	Tam Đường	Bản Trung Tâm, Xã Bình Lư, Huyện Tam Đường
3	392900	Than Uyên	Khu 3, Thị Trấn Than Uyên, Huyện Than Uyên
4	391900	Mường Tè	Khu phố 8, Thị Trấn Mường Tè, Huyện Mường Tè
5	391500	Phong Thổ	Thôn Pa So, Thị Trấn Phong Thổ, Huyện Phong Thổ
6	392300	Sìn Hồ	Khu phố 2, Thị Trấn Sìn Hồ, Huyện Sìn Hồ
7	393600	Tân Uyên	Khu 2 Thị trấn Tân Uyên huyện Tân Uyên
8	391099	Đoàn Kết	185 Đường Trần Hưng Đạo, P. Đoàn Kết, Lai Châu
9	392200	Nậm Nhùn	Khu Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, Lai Châu
10	391560	Mường So	Thị Tứ Mường So, huyện Phong Thổ, Lai Châu

1	391170	BC Phát Tam Đường	Thị trấn Tam Đường huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu
2	391040	BC Phát Lai Châu	Tổ 12 Phường Tân Phong TP Lai Châu
3	392320	BC Phát Sìn Hồ	Thị trấn Sìn Hồ huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu
4	391970	BC Phát Mường Tè	Thị trấn Mường Tè huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu
5	391550	BC phát Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu
6	392950	BC Phát Than Uyên	Thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu
11	391150	BĐVHX Bản Bo	Bản Bản Bo xã Bản Bo
12	393545	BC Khánh Hàng Lớn	Tổ 12 phường tân phong TP Lai Châu tỉnh Lai Châu
13	393810	VHX Thân Thuộc	Bản Chom Chăng xã Thân Thuộc huyện Tân Uyên
14	393670	BCP Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên huyện Tân Uyên
15	394120	BCP Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn huyện Nậm Nhùn
16	391655	BĐVHX Dào San	Bản Hợp 2 xã Dào San huyện Phong Thổ
17	393320	BĐVHX Mường Kim	Thôn nà dân 1 xã Mường Kim huyện Than Uyên - Lai Châu
18	392340	BĐVHX Pa Tần	Bản Đội 1 xã Pa Tần Sìn Hồ - Lai Châu
19	392380	BĐVHX Chăn Nưa	Bản Chiềng Chăn, xã Chăn Nưa, huyện Sìn Hồ - Lai Châu
20	392650	BĐVHX Noong Hẻo	Bản Noong Hẻo 1 xã Noong Hẻo huyện Sìn Hồ
21	391230	VHX Thèn Sin	Bản Thèn Sin xã Thèn Sin huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu

22	393410	VHX Phúc Than	Bản Sang Ngà xã Phúc Than huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu
23	391778	BĐVHX Ma Ly Pho	Bản Thèn Sin xã Ma Ly Pho huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu
24	391820	BĐVHX Huổi Luông	Bản Huổi Luông 1 xã Huổi Luông huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu
25	393710	BĐVHX PắcTa	Thôn Nà Sắng xã PắcTa huyện Tân Uyên - Lai Châu

TỈNH HÀ NAM

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	400000	Phủ Lý	Số 114 đường Trần Phú Phường Quang Trung Thanh Phố Phủ Lý
2	402300	Duy Tiên	Khu Phố Thịnh Hòa Thị Trấn Hòa Mạc huyện Duy Tiên
3	402700	Kim Bảng	Tổ dân phố 5 Đường Quang Trung Thị Trấn Quế Huyện Kim Bảng
4	401500	Lý Nhân	Khu phố 1 Thị Trấn Vĩnh Trụ Huyện Lý Nhân
5	403800	Bình Lục	Tiểu khu Bình thắng Bình Mỹ Huyện Bình Lục
6	403300	Thanh Liêm	Khu Cầu Gừng Xã Thanh Tuyền Huyện Thanh Liêm
7	402440	Đồng Văn	Khu phố Nguyễn Văn Trỗi, Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên
8	401170	Châu Sơn	Đường Lý Thái Tổ, Phường Lê Hồng Phong, Thành Phố Phủ Lý
9	401000	Ba Đa	Phủ Lý, Hà Nam
1	401050	BC Phát Phủ Lý	Trần Phú - Quang Trung
10	403890	Chợ Chủ	đội 11 xã Ngọc Lũ

11	403840	An Nội	Thôn Đội xã An Nội
12	404040	Chợ Sông	Xóm 7, Xã Tràng An, Huyện Bình Lục
13	404120	Trung Lương	Thôn Duy Dương, Xã Trung Lương
14	404200	Chợ Giã	Thôn Tiêu Hạ, Xã Tiêu Động
15	404220	An Lão	Thôn Đô Hai, Xã An Lão
16	402510	Điệp Sơn	Thôn Điệp Sơn, Xã Yên Nam
17	402820	Nhật Tân	Xóm 15, Xã Nhật Tân, Huyện Kim Bảng
18	402830	Nhật Tựu	Thôn Nhật Tựu, Xã Nhật Tựu, Huyện Kim Bảng
19	402880	Lê Hồ	Thôn Phương Đàn, Xã Lê Hồ, Huyện Kim Bảng
20	402990	Tân Sơn	Thôn Thụy Sơn, Xã Tân Sơn, Huyện Kim Bảng
21	403060	Ba Sao	Xóm 4, Xã Ba Sao, Huyện Kim Bảng
22	403100	Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn, Huyện Kim Bảng
23	401560	Cầu Không	Thôn Văn An, Xã Bắc Lý, Huyện Lý Nhân
24	401610	Chân Lý	Thôn Chèm Khê, Xã Chân Lý, Huyện Lý Nhân
25	401750	Chính Lý	Thôn Chính Lý, Xã Chính Lý, Huyện Lý Nhân
26	402000	Chợ Chanh	Thôn Chanh, Xã Nhân Mỹ, Huyện Lý Nhân
27	402070	Nhân Tiến	Thôn Trung Kỳ, Xã Tiến Thắng, Huyện Lý Nhân

28	403340	Cầu Nga	Thôn Nga Bắc, Xã Liêm Thuận, Huyện Thanh Liêm
29	403400	Phổ Động	Thôn Tam, Xã Liêm Cản, Huyện Thanh Liêm
30	403490	Kiến Khê	Thôn Kiến Khê, Thị trấn Kiến Khê, Huyện Thanh Liêm
31	403650	Phổ Cà	Thôn mai Cầu xã Thanh Nguyên
32	403670	Đoan Vĩ	Thôn Đoan Vỹ 1, Xã Thanh Hải, Huyện Thanh Liêm
33	403390	BCP Thanh Liêm	Km 5 Thanh Hà Thanh Liêm Hà Nam
34	401580	BCP Lý Nhân	230 Trần Hưng đạo Vĩnh trụ Lý nhân
35	402460	BCP Duy Tiên	Thịnh Hòa Hòa Mạc Duy Tiên Hà Nam
36	402730	BCP Kim Bảng	Số 69 Quang Trung TT Quế Kim Bảng Hà Nam
37	403910	BCP Bình lục	16 Kim Đồng Bình thắng Bình mỹ Bình lục Hà Nam
38	401120	Quy Lưu	Số 136 Quy Lưu Minh khai Phủ Lý
39	404510	Khách hàng lớn	Số 114 Trần Phú Quang Trung Phủ Lý
40	402860	BĐVHX Đại Cương	Xóm 7 thôn Thịnh Đại Cương
41	402960	BĐVHX Tượng Lĩnh	Thôn Quang Thừa Tượng Lĩnh
42	402790	BĐVHX Đồng Hóa	Thôn Phương Xá Đồng Hóa
43	402900	BĐVHX Nguyễn Úy	Xóm 5 Thôn Phù Lưu Nguyễn Úy
2	403020	BĐVHX Khả Phong	Xóm 12 Khả Phong

3	403080	BĐVHX Liên Sơn	Thôn Đồng Sơn Liên Sơn
4	402020	Xuân Khê	Xã Xuân Khê huyện Lý Nhân Hà Nam
5	402040	Phú Phúc	Xã Phú Phúc huyện Lý Nhân Hà Nam
6	402410	Yên Bắc	Chợ Lương Yên Bắc Duy Tiên Hà Nam
44	401040	VHX Phù Vân	Phù Vân Phủ Lý Hà Nam
45	401294	VHX Liêm Chính	Liêm Chính Phủ Lý Hà Nam
46	401370	VHX Đình xá	Đình Xá Phủ Lý Hà Nam
47	401390	VHX Kim Bình	Kim Bình Phủ Lý Hà Nam
48	401490	VHX Tiên Tân	Tiên Tân Phủ Lý Hà Nam
49	401561	VHX Bắc Lý	Bắc Lý Lý Nhân Hà Nam
50	401680	VHX Nguyên Lý	Nguyên Lý Lý Nhân Hà Nam
51	401751	VHX Chính Lý	Chính Lý Lý Nhân Hà Nam
52	401810	VHX Hợp lý	Hợp Lý Lý Nhân Hà Nam
53	401870	VHX Nhân Thịnh	Nhân Thịnh Lý Nhân Hà Nam
54	401910	VHX Nhân Khang	Nhân Khang Lý Nhân Hà Nam
55	402080	VHX Hòa Hậu	Hòa Hậu Lý Nhân Hà Nam
56	402320	VHX Trắc Văn	Trắc Văn Duy Tiên Hà Nam

57	402370	VHX Mộc Bắc	Mộc Bắc Duy Tiên Hà Nam
58	402430	VHX Bạch Thượng	Bạch Thượng Duy Tiên Hà Nam
59	402450	VHX Duy Minh	Duy Minh Duy Tiên Hà Nam
60	402490	VHX Tiên Nội	Tiên Nội Duy Tiên Hà Nam
61	402570	VHX Đới Sơn	Đới Sơn Duy Tiên Hà Nam
62	402750	VHX Văn Xá	Văn Xá Kim Bảng Hà Nam
63	402881	VHX Lê Hồ	Lê Hồ Kim Bảng Hà Nam
64	402900	VHX Nguyễn Úy	Nguyễn Úy Kim Bảng Hà Nam
65	402920	VHX Ngọc Sơn	Ngọc Sơn Kim Bảng Hà Nam
66	402940	VHX Thụy Lôi	Thụy Lôi Kim Bảng Hà Nam
67	402960	VHX Tượng Lĩnh	Tượng Lĩnh Kim Bảng Hà Nam
68	403020	VHX Khả Phong	Khả Phong Kim Bảng Hà Nam
69	403301	VHX Thanh Lưu	Thanh Lưu Thanh Liêm Hà Nam
70	403570	VHX Thanh Tân	Thanh Tân Thanh Liêm Hà Nam
71	403590	VHX Thanh Tâm	Thanh Tâm Thanh Liêm Hà Nam
72	403610	VHX Liêm Sơn	Liêm Sơn Thanh Liêm Hà Nam
73	403640	VHX Thanh Nghị	Thanh Nghị Thanh Liêm Hà Nam

74	403651	VHX Thanh Nguyên	Thanh Nguyên Thanh Liêm Hà Nam
75	403820	VHX An Mỹ	An Mỹ Bình Lục Hà Nam
76	403841	VHX An Nội	An Nội Bình Lục Hà Nam
77	403880	VHX An Ninh	An Ninh Bình Lục Hà Nam
78	403920	VHX Hưng Công	Hưng Công Bình Lục Hà Nam
79	403940	VHX Đồ xá	Đồn Xá Bình Lục Hà Nam
80	403960	VHX Đồng Du	Đồng Du Bình Lục Hà Nam
81	404100	VHX An đồ	An Đồ Bình Lục Hà Nam
82	404221	VHX An Lão	An Lão Bình Lục Hà Nam
83	404505	HCC Hà Nam	Số 7 Trần Phú Quang Trung Phủ Lý Hà Nam
84	401030	VHX Lam Hạ	Tổ Dân Phố Quang Ấm Lam Hạ Phủ Lý Hà Nam
85	401340	VHX Liêm chung	Thôn 5 Liêm Chung Phủ Lý Hà Nam
86	401321	VHX Thanh Châu	Đọ Xá Thanh Châu Phủ Lý Hà Nam
87	401380	VHX Trịnh Xá	Xã Trịnh xá Phủ Lý Hà Nam
88	401470	VHX Tiên Hải	Thôn Quán Nha Tiên Hải Phủ Lý Hà Nam
89	401480	VHX Tiên Hiệp	Thôn Phú Thứ Xã Tiên Hiệp Phủ Lý Hà Nam
90	401410	VHX Liêm Tiết	Văn Lâm Liêm Tiết Phủ Lý Hà Nam

91	401430	VHX Liêm tuyên	Thôn Ngái Trì – Xã Liêm Tuyên- TP Phủ Lý Hà Nam
92	401450	VHX Thanh tuyên	Thanh Tuyên Phủ Lý Hà Nam
93	401520	VHX Đồng lý	Xóm 6 Đồng lý Lý nhân
94	401530	VHX Đức lý	Nội kiều Đức lý Lý nhân
95	401590	VHX Nhân đạo	Khu hoàng Nhân đạo Lý nhân
96	401660	VHX Đạo lý	Thọ chương Đạo lý Lý nhân
97	401720	VHX Công lý	Mạc hạ Công lý Lý nhân
98	401790	VHX Văn lý	Văn quan Văn lý Lý nhân
99	401850	VHX Nhân hưng	Xóm bắc Nhân hưng
100	401950	VHX Nhân chính	Nhân chính Lý nhân
101	401960	VHX Nhân nghĩa	Đông quan Nhân nghĩa Lý nhân
102	401980	VHX Nhân bình	Cổng nha Nhân bình Lý nhân
103	401611	VHX Chân lý	Xóm 2 hồng lý Chân lý lý nhân
104	402360	VHX Mộc Nam	Thôn Nha Xá - Mộc Nam - Duy Tiên -
105	402341	VHX Chuyên Ngoại	Xóm điện biên - Chuyên Ngoại - Duy Tiên - Hà Nam
106	402381	VHX Châu Giang	Đông Ngoại - Châu Giang - Duy Tiên -Hà Nam
107	402301	VHX Hòa Mạc	Phú Hòa - Hòa Mạc - Duy Tiên - Hà Nam

108	402511	VHX Yên Nam	Thận Trại - Yên Nam - Duy Tiên - Hà Nam
109	402610	VHX Tiên Phong	Dưỡng Thọ - Tiên Phong - Duy Tiên - Hà Nam
110	402530	VHX Tiên Ngoại	Thôn Minh - Tiên Ngoại - Duy Tiên - Hà Nam
111	402600	VHX Châu Sơn	Lê Xá - Châu Sơn - Duy Tiên - Hà Nam
112	402470	VHX Duy Hải	Tứ Giáp - Duy Hải - Duy Tiên - Hà Nam
113	403320	VHX Liêm Túc	Vĩ Khách Liêm Túc Thanh Liêm Hà Nam
114	403341	Liêm Thuận	Quán Vải Liêm Thuận Thanh Liêm Hà Nam
115	403380	VHX Thanh Bình	Lã Làng Thanh Bình Thanh Liêm Hà Nam
116	403451	VHX Thanh Hà	Dương Xá Thanh Hà Thanh Liêm Hà Nam
117	403510	VHX Thanh Phong	Phổ Bối Thanh Phong Thanh Liêm Hà nam
118	403530	VHX Thanh Thủy	Đình Hậu Thanh Thủy Thanh Liêm Hà Nam
119	403401	VHX Liêm Cần	Thôn Tam Liêm Cần Thanh Liêm Hà Nam
120	403360	VHX Liêm Phong	Yên Thống Liêm Phong Thanh Liêm Hà Nam
121	403671	VHX Thanh Hải	Cổ Động Thanh Hải Thanh Liêm Hà Nam
122	403500	VHX La Mát	Tiểu khu La Mát TT Kiện Khê Thanh Liêm hà Nam
123	403040	VHX Thi Sơn	Xóm 6 - Thi Sơn - Kim Bảng - Hà Nam
124	402991	VHX Tân Sơn	Tân Lang - Tân Sơn - Kim Bảng - Hà Nam

125	403061	VHX Ba Sao	Xóm 6 - Ba Sao - Kim Bảng - Hà Nam
126	402831	VHX Nhật Tựu	Văn Bối - Nhật Tựu - Kim Bảng - Hà Nam
127	402770	VHX Hoàng Tây	Thọ Lão - Hoàng Tây - Kim Bảng - Hà Nam
128	403830	VHX Bối Cầu	Thôn an đề Bối cầu Bình lục
129	403860	VHX Bò Đề	Xóm 5 bò đề Bình lục
130	403891	VHX Ngọc Lũ	Độ 4 ngọc lũ Bình lục
131	403990	VHX Bình Nghĩa	Xóm 3 cát lại Bình nghĩa Bỉnh lục
132	404041	VHXTràng An	Đội 6 tràng an bình lục
133	404090	VHX Mỹ Thọ	An dương mỹ thọ Bình lục
134	404140	VHX Vũ Bản	Xuân mai vũ bản Bình lục hà nam
135	404180	VHX La sơn	Ông cân la sơn Bình lục
TỈNH THÁI BÌNH			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	410000	Thái Bình	Phố Lý Bôn Thành Phố Thái Bình
2	412100	Đông Hưng	Khu 3 Thị Trấn Đông Hưng Huyện Đông Hưng
3	412590	An Lễ	Khu Gia Lễ xã Đông Mỹ Huyện Đông Hưng
4	412240	Châu Giang	Thị Tứ Xã Đông Phong Huyện Đông Hưng

5	412130	Đồng Năm	Xã Đông Động Huyện Đông Hưng Thái Bình
6	412400	Tiên Hưng	Thị Tứ Xã Thăng Long Huyện Đông Hưng
7	412800	Thái Thụy	Khu 6 Thị Trấn Diêm Điền Huyện Thái Thụy
8	413220	Cầu Cau	Khu Cầu Cau xã Thái Hưng Huyện Thái Thụy
9	412980	Chợ Gành	Xã Thụy Văn Huyện Thái Thụy
10	413300	Chợ Tây	Xã Thái Thịnh Huyện Thái Thụy
11	413110	Thụy Phong	Xã Thụy Phong Huyện Thái Thụy
12	413600	Quỳnh Phụ	Khu 1B Thị Trấn Quỳnh Côi Huyện Quỳnh Phụ
13	413760	Bến Hiệp	Xã Quỳnh Giao Huyện Quỳnh Phụ
14	414050	Cầu Vặt	Xã Đông Hải Huyện Quỳnh Phụ
15	413860	Tư Môi	Thị Trấn An Bài Huyện Quỳnh Phụ
16	414200	Hưng Hà	Khu Nhân Cầu 1 Thị Trấn Hưng hà Huyện Hưng Hà
17	414360	Cổng Rút	Xã Hùng Dũng Huyện Hưng Hà
18	414540	Hưng Nhân	Thị Trấn Hưng Nhân Huyện Hưng Hà
19	414500	Chợ Nhội	Xã Hồng Minh Huyện Hưng Hà
20	414900	Vũ Thư	Khu Minh Tân 1 Thị Trấn Vũ Thư Huyện Vũ Thư
21	415320	Bồng Tiên	Chợ Bồng xã Vũ Tiến Huyện Vũ Thư

22	414940	Chợ Mễ	Ô Mễ 1 xã Tân Phong Huyện Vũ Thư
23	415120	Tân Đệ	Thị Tứ Xã Tân Lập Huyện Vũ Thư
24	415500	Kiến Xương	Khu Cộng Hòa Thị Trấn Kiến Xương Huyện Kiến Xương
25	416000	Chợ Gốc	Xã Bình Thanh Huyện Kiến Xương
26	415580	Chợ Lự	Xã Nam Cao Huyện Kiến Xương
27	415840	Chợ Sóc	Thị Tứ Xã Vũ Quý Huyện Kiến Xương
28	416200	Tiền Hải	Khu phố Tiểu Hoàng, Thị Trấn Tiền Hải Huyện Tiền Hải
29	416290	Đồng Châu	Xã Đông Minh Huyện Tiền Hải
30	416490	Hướng Tân	Xã Nam Hà Huyện Tiền Hải
31	416300	Kênh Xuyên	Xã Đông Xuyên Huyện Tiền Hải
32	416540	Trung Đồng	Thôn Trung Đồng Xã Nam Trung Huyện Tiền Hải
1	411070	BCP Thái Bình	Đường Lý Bôn phường Đề Thám TP Thái Bình
2	414950	BCP Vũ Thư	Khu Minh Tân 1Thị Trấn Vũ Thư
3	415550	BCP Kiến Xương	Khu Công Hòa Thị Trấn Thanh Nê
4	416430	BCP Tiền Hải	Phố Tiểu Hoàng Thị Trấn Tiền Hải
5	412170	BCP Đông Hưng	Tổ 3 Thị Trấn Đông Hưng
6	414280	BCP Hưng Hà	Khu Nhân Cầu 1 Thị trấn Hưng Hà

7	413830	BCP Quỳnh Phụ	Khu 1bThị trấn Quỳnh Côi
8	413050	BCP Thái Thụy	Khu 6 Thị trấn Diêm Điền
33	412520	Phố Tăng	Thôn Tăng, xã Phú Châu, Đông hưng
34	412360	Mê Linh	Thôn Tiền, xã Mê Linh, Đông Hưng
35	413380	Thái Hòa	Thôn Tử Các, xã Thái Hòa, Thái Thụy
36	412920	Thụy Xuân	Thôn Vạn Xuân Nam, xã Thụy Xuân, Thái Thụy
37	413810	Chợ Mụa	Thôn Vũ Xá, xã An Đông, Quỳnh Phụ
38	415150	Chợ búng	Mỹ Lộc 1, xã Việt hùng, Vũ Thư
39	415210	Hiệp Hòa	An Đẻ Hiệp Hòa, Vũ Thư
40	414970	Cầu Cọi	Mỹ Am, Vũ Hội Vũ Thư
41	415750	Chợ Đác	Thôn Nam Hưng, Vũ Lạc, Kiến Xương
42	414020	Chợ Hới	Xã Quỳnh Nguyên Huyện Quỳnh Phụ Thái Bình
43	415130	VHX Bách Thuận	Bách Thuận, Huyện Vũ Thư
44	415170	VHX Đồng Thanh	Đồng Thanh, Huyện Vũ Thư
45	415110	VHX Dũng Nghĩa	Dũng Nghĩa, Huyện Vũ Thư
46	415340	VHX Duy Nhất	Duy Nhất, Huyện Vũ Thư
47	415040	VHX Hoà Bình	Hoà Bình, Huyện Vũ Thư

48	415190	VHX Hồng Lý	Hồng Lý, Huyện Vũ Thư
49	415360	VHX Hồng Phong	Hồng Phong, Huyện Vũ Thư
50	415090	VHX Minh Khai	Minh Khai, Huyện Vũ Thư
51	415230	VHX Minh Lãng	Minh Lãng, Huyện Vũ Thư
52	415080	VHX Minh Quang	Minh Quang, Huyện Vũ Thư
53	415270	VHX Nguyên Xá	Nguyên Xá, Huyện Vũ Thư
54	415250	VHX Phúc Thành	Phúc Thành, Huyện Vũ Thư
55	415280	VHX Song An	Song An, Huyện Vũ Thư
56	415220	VHX Song Lãng	Song Lãng, Huyện Vũ Thư
57	414960	VHX Tân Bình	Tân Bình, Huyện Vũ Thư
58	414930	VHX Tân Hòa	Tân Hòa, Huyện Vũ Thư
59	415300	VHX Trung An	Trung An, Huyện Vũ Thư
60	415060	VHX Tự Tân	Tự Tân, Huyện Vũ Thư
61	414990	VHX Việt Thuận	Việt Thuận, Huyện Vũ Thư
62	415310	VHX Vũ Đoài	Vũ Đoài, Huyện Vũ Thư
63	415030	VHX Vũ Vân	Vũ Vân, Huyện Vũ Thư
64	415010	VHX Vũ Vinh	Vũ Vinh, Huyện Vũ Thư

65	415200	VHX Xuân Hòa	Xuân Hòa, Huyện Vũ Thư
66	415690	VHX An Bình	An Bình, Huyện Kiến Xương
67	415530	VHX An Bồi	An Bồi, Huyện Kiến Xương
68	416010	VHX Bình Định	Bình Định, Huyện Kiến Xương
69	415540	VHX Bình Minh	Bình Minh, Huyện Kiến Xương
70	415720	VHX Bình Nguyên	Bình Nguyên, Huyện Kiến Xương
71	415570	VHX Đình Phùng	Đình Phùng, Huyện Kiến Xương
72	415860	VHX Hoà Bình	Hoà Bình, Huyện Kiến Xương
73	415630	VHX Hồng Thái	Hồng Thái, Huyện Kiến Xương
74	415990	VHX Hồng Tiến	Hồng Tiến, Huyện Kiến Xương
75	415581	VHX Lê Lợi	Lê Lợi , Huyện Kiến Xương
76	416050	VHX Minh Hưng	Minh Hưng, Huyện Kiến Xương
77	415970	VHX Minh Tân	Minh Tân, Huyện Kiến Xương
78	415980	VHX Nam Bình	Nam Bình , Huyện Kiến Xương
79	415950	VHX Quang Bình	Quang Bình, Huyện Kiến Xương
80	416040	VHX Quang Hưng	Quang Hưng, Huyện Kiến Xương
81	415850	VHX Quang Lịch	Quang Lịch, Huyện Kiến Xương

82	415940	VHX Quang Minh	Quang Minh, Huyện Kiến Xương
83	416030	VHX Quang Trung	Quang Trung, Huyện Kiến Xương
84	415670	VHX Quốc Tuấn	Quốc Tuấn, Huyện Kiến Xương
85	415620	VHX Quyết Tiến	Quyết Tiến, Huyện Kiến Xương
86	415700	VHX Thanh Tân	Thanh Tân, Huyện Kiến Xương
87	415560	VHX Thượng Hiền	Thượng Hiền, Huyện Kiến Xương
88	415650	VHX Trà Giang	Trà Giang, Huyện Kiến Xương
89	415810	VHX Vũ An	Vũ An, Huyện Kiến Xương
90	415930	VHX Vũ Bình	Vũ Bình, Huyện Kiến Xương
91	415800	VHX Vũ Công	Vũ Công , Huyện Kiến Xương
92	415770	VHX Vũ Đông	Vũ Đông, Huyện Kiến Xương
93	415920	VHX Vũ Hoà	Vũ Hoà, Huyện Kiến Xương
94	415751	VHX Vũ Lạc	Vũ Lạc, Huyện Kiến Xương
95	415820	VHX Vũ Ninh	Vũ Ninh, Huyện Kiến Xương
96	415744	VHX Vũ Sơn	Vũ Sơn, Huyện Kiến Xương
97	415790	VHX Vũ Tây	Vũ Tây, Huyện Kiến Xương
98	415908	VHX Vũ Thắng	Vũ Thắng, Huyện Kiến Xương

99	415880	VHX Vũ Trung	Vũ Trung, Huyện Kiến Xương
100	416400	VHX An Ninh	An Ninh, Huyện Tiền Hải
101	416450	VHX Bắc Hải	Bắc Hải, Huyện Tiền Hải
102	416240	VHX Đông Cơ	Đông Cơ, Huyện Tiền Hải
103	416350	VHX Đông Hải	Đông Hải, Huyện Tiền Hải
104	416310	VHX Đông Hoàng	Đông Hoàng, Huyện Tiền Hải
105	416250	VHX Đông Lâm	Đông Lâm, Huyện Tiền Hải
106	416330	VHX Đông Long	Đông Long, Huyện Tiền Hải
107	416270	VHX Đông Phong	Đông Phong, Huyện Tiền Hải
108	416280	VHX Đông Quý	Đông Quý, Huyện Tiền Hải
109	416340	VHX Đông Trà	Đông Trà, Huyện Tiền Hải
110	416264	VHX Đông Trung	Đông Trung, Huyện Tiền Hải
111	416480	VHX Nam Chính	Nam Chính, Huyện Tiền Hải
112	416580	VHX Nam Cường	Nam Cường, Huyện Tiền Hải
113	416500	VHX Nam Hải	Nam Hải, Huyện Tiền Hải
114	416520	VHX Nam Hồng	Nam Hồng, Huyện Tiền Hải
115	416590	VHX Nam Hưng	Nam Hưng, Huyện Tiền Hải

116	416610	VHX Nam Phú	Nam Phú, Huyện Tiền Hải
117	416570	VHX Nam Thắng	Nam Thắng, Huyện Tiền Hải
118	416560	VHX Nam Thanh	Nam Thanh, Huyện Tiền Hải
119	416600	VHX Nam Thịnh	Nam Thịnh, Huyện Tiền Hải
120	416410	VHX Phương Công	Phương Công, Huyện Tiền Hải
121	416360	VHX Tây An	Tây An, Huyện Tiền Hải
122	416390	VHX Tây Giang	Tây Giang, Huyện Tiền Hải
123	416375	VHX Tây Lương	Tây Lương, Huyện Tiền Hải
124	416230	VHX Tây Ninh	Tây Ninh, Huyện Tiền Hải
125	416440	VHX Tây Phong	Tây Phong, Huyện Tiền Hải
126	416220	VHX Tây Sơn	Tây Sơn, Huyện Tiền Hải
127	416470	VHX Tây Tiến	Tây Tiến, Huyện Tiền Hải
128	416420	VHX Vân Trường	Vân Trường, Huyện Tiền Hải
129	416380	VHX Vũ Lăng	Vũ Lăng, Huyện Tiền Hải
130	412350	VHX An Châu	An Châu, huyện Đông Hưng
131	412430	VHX Bạch Đằng	Bạch Đằng, huyện Đông Hưng
132	412490	VHX Chương Dương	Chương Dương, huyện Đông Hưng

133	412330	VHX Đô Lương	Đô Lương, huyện Đông Hưng
134	412190	VHX Đông Á	Đông Á, huyện Đông Hưng
135	412120	VHX Đông Các	Đông Các, huyện Đông Hưng
136	412260	VHX Đông Cường	Đông Cường, huyện Đông Hưng
137	412600	VHX Đông Dương	Đông Dương, huyện Đông Hưng
138	412180	VHX Đông Giang	Đông Giang, huyện Đông Hưng
139	412150	VHX Đông Hà	Đông Hà, huyện Đông Hưng
140	412630	VHX Đông Hoàng	Đông Hoàng, huyện Đông Hưng
141	412116	VHX Đông Hợp	Đông Hợp, huyện Đông Hưng
142	412210	VHX Đông Huy	Đông Huy, huyện Đông Hưng
143	412250	VHX Đông Kinh	Đông Kinh, huyện Đông Hưng
144	412317	VHX Đông La	Đông La, huyện Đông Hưng
145	412220	VHX Đông Lĩnh	Đông Lĩnh, huyện Đông Hưng
146	412580	VHX Đông Quang	Đông Quang, huyện Đông Hưng
147	412300	VHX Đông Sơn	Đông Sơn, huyện Đông Hưng
148	412230	VHX Đông Tân	Đông Tân, huyện Đông Hưng
149	412610	VHX Đông Thọ	Đông Thọ, huyện Đông Hưng

150	412160	VHX Đông Vinh	Đông Vinh, huyện Đông Hưng
151	412290	VHX Đông Xá	Đông Xá, huyện Đông Hưng
152	412620	VHX Đông Xuân	Đông Xuân, huyện Đông Hưng
153	412480	VHX Hoa Lư	Hoa Lư, huyện Đông Hưng
154	412440	VHX Hoa Nam	Hoa Nam, huyện Đông Hưng
155	412420	VHX Hồng Châu	Hồng Châu, huyện Đông Hưng
156	412450	VHX Hồng Giang	Hồng Giang, huyện Đông Hưng
157	412410	VHX Hồng Việt	Hồng Việt, huyện Đông Hưng
158	412500	VHX Hợp Tiến	Hợp Tiến, huyện Đông Hưng
159	412320	VHX Liên Giang	Liên Giang, huyện Đông Hưng
160	412380	VHX Lô Giang	Lô Giang, huyện Đông Hưng
161	412510	VHX Minh Châu	Minh Châu, huyện Đông Hưng
162	412560	VHX Nguyên Xá	Nguyên Xá, huyện Đông Hưng
163	412530	VHX Phong Châu	Phong Châu, huyện Đông Hưng
164	412340	VHX Phú Lương	Phú Lương, huyện Đông Hưng
165	412540	VHX Trọng Quan	Trọng Quan, huyện Đông Hưng
166	412860	VHX Hồng Quỳnh	Hồng Quỳnh, huyện Thái Thụy

167	413340	VHX Mỹ Lộc	Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy
168	413250	VHX Thái An	Thái An, huyện Thái Thụy
169	413360	VHX Thái Đô	Thái Đô, huyện Thái Thụy
170	413200	VHX Thái Dương	Thái Dương, huyện Thái Thụy
171	413130	VHX Thái Giang	Thái Giang, huyện Thái Thụy
172	413170	VHX Thái Hà	Thái Hà, huyện Thái Thụy
173	413310	VHX Thái Học	Thái Học, huyện Thái Thụy
174	413210	VHX Thái Hồng	Thái Hồng, huyện Thái Thụy
175	413240	VHX Thái Nguyên	Thái Nguyên, huyện Thái Thụy
176	413150	VHX Thái Sơn	Thái Sơn, huyện Thái Thụy
177	413320	VHX Thái Tân	Thái Tân, huyện Thái Thụy
178	413260	VHX Thái Thành	Thái Thành, huyện Thái Thụy
179	413290	VHX Thái Thọ	Thái Thọ, huyện Thái Thụy
180	413280	VHX Thái Thuận	Thái Thuận, huyện Thái Thụy
181	413400	VHX Thái Thượng	Thái Thượng, huyện Thái Thụy
182	413230	VHX Thái Thủy	Thái Thủy, huyện Thái Thụy
183	413330	VHX Thái Xuyên	Thái Xuyên, huyện Thái Thụy

184	412960	VHX Thụy An	Thụy An, huyện Thái Thụy
185	412990	VHX Thụy Bình	Thụy Bình , huyện Thái Thụy
186	413080	VHX Thụy chính	Thụy chính, huyện Thái Thụy
187	413120	VHX Thụy Dân	Thụy Dân, huyện Thái Thụy
188	412850	VHX Thụy Dũng	Thụy Dũng, huyện Thái Thụy
189	413000	VHX Thụy Dương	Thụy Dương, huyện Thái Thụy
190	413100	VHX Thụy Duyên	Thụy Duyên, huyện Thái Thụy
191	412915	VHX Thụy Hà	Thụy Hà, huyện Thái Thụy
192	412820	VHX Thụy Hải	Thụy Hải, huyện Thái Thụy
193	412840	VHX Thụy Hồng	Thụy Hồng, huyện Thái Thụy
194	413020	VHX Thụy Hưng	Thụy Hưng, huyện Thái Thụy
195	412900	VHX Thụy Liên	Thụy Liên, huyện Thái Thụy
196	412830	VHX Thụy Lương	Thụy Lương, huyện Thái Thụy
197	413060	VHX Thụy Ninh	Thụy Ninh, huyện Thái Thụy
198	413030	VHX Thụy Phúc	Thụy Phúc, huyện Thái Thụy
199	412870	VHX Thụy Quỳnh	Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy
200	413040	VHX Thụy Sơn	Thụy Sơn, huyện Thái Thụy

201	412970	VHX Thụy Tân	Thụy Tân, huyện Thái Thụy
202	413090	VHX Thụy Thanh	Thụy Thanh, huyện Thái Thụy
203	412890	VHX Thụy Trình	Thụy Trình, huyện Thái Thụy
204	412940	VHX Thụy Trường	Thụy Trường, huyện Thái Thụy
205	413010	VHX Thụy Việt	Thụy Việt, huyện Thái Thụy
206	413650	VHX An Ấp	An Ấp, huyện Quỳnh Phụ
207	413800	VHX An Cầu	An Cầu, huyện Quỳnh Phụ
208	413710	VHX An Dục	An Dục, huyện Quỳnh Phụ
209	413780	VHX An Hiệp	An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ
210	413920	VHX An Khê	An Khê, huyện Quỳnh Phụ
211	413680	VHX An Lễ	An Lễ, huyện Quỳnh Phụ
212	413880	VHX An Mỹ	An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ
213	413840	VHX An Ninh	An Ninh, huyện Quỳnh Phụ
214	413660	VHX An Quý	An Quý, huyện Quỳnh Phụ
215	413790	VHX An Thái	An Thái, huyện Quỳnh Phụ
216	413870	VHX An Thanh	An Thanh, huyện Quỳnh Phụ
217	413690	VHX An Tràng	An Tràng, huyện Quỳnh Phụ

218	413670	VHX An Vinh	An Vinh, huyện Quỳnh Phụ
219	413700	VHX An Vũ	An Vũ, huyện Quỳnh Phụ
220	414051	VHX Đông Hải	Đông Hải huyện Quỳnh Phụ
221	413720	VHX Đồng Tiến	Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ
222	414030	VHX Quỳnh Bảo	Quỳnh Bảo, huyện Quỳnh Phụ
223	413910	VHX Quỳnh Châu	Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ
224	413611	VHX Quỳnh Hải	Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ
225	413750	VHX Quỳnh Hoa	Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ
226	413940	VHX Quỳnh Hoàng	Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ
227	413640	VHX Quỳnh Hội	Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ
228	413730	VHX Quỳnh Hồng	Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ
229	414000	VHX Quỳnh Hưng	Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ
230	413921	VHX Quỳnh Khê	Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ
231	413970	VHX Quỳnh Lâm	Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ
232	413620	VHX Quỳnh Minh	Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ
233	413890	VHX Quỳnh Mỹ	Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ
234	413900	VHX Quỳnh Sơn	Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ

235	413770	VHX Quỳnh Thọ	Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ
236	414040	VHX Quỳnh Trang	Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ
237	414010	VHX Quỳnh Xá	Quỳnh Xá, huyện Quỳnh Phụ
238	414460	VHX Bắc Sơn	Bắc Sơn, huyện Hưng Hà
239	414710	VHX Canh Tân	Canh Tân, huyện Hưng Hà
240	414526	VHX Chí Hoà	Chí Hòa, huyện Hưng Hà
241	414330	VHX Chi Lăng	Chi Lăng, huyện Hưng Hà
242	414630	VHX Cộng Hoà	Cộng Hòa, huyện Hưng Hà
243	414410	VHX Dân Chủ	Dân Chủ, huyện Hưng Hà
244	414380	VHX Điệp Nông	Điệp Nông, huyện Hưng Hà
245	414370	VHX Đoan Hùng	Đoan Hùng, huyện Hưng Hà
246	414530	VHX Độc Lập	Độc Lập, huyện Hưng Hà
247	414450	VHX Đông Đô	Đông Đô, huyện Hưng Hà
248	414430	VHX Duyên Hải	Duyên Hải, huyện Hưng Hà
249	414650	VHX Hoà Tiến	Hòa Tiến , huyện Hưng Hà
250	414590	VHX Hồng An	Hồng An, huyện Hưng Hà
251	414240	VHX Hồng Lĩnh	Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà

252	414270	VHX Kim Trung	Kim Trung, huyện Hưng Hà
253	414610	VHX Liên Hiệp	Liên Hiệp, huyện Hưng Hà
254	414490	VHX Minh Hoà	Minh Hòa, huyện Hưng Hà
255	414236	VHX Minh Khai	Minh Khai, huyện Hưng Hà
256	414350	VHX Minh Tân	Minh Tân, huyện Hưng Hà
257	414310	VHX Phúc Khánh	Phúc Khánh, huyện Hưng Hà
258	414670	VHX Tân Hoà	Tân Hòa, huyện Hưng Hà
259	414260	VHX Tân Tiến	Tân Tiến, huyện Hưng Hà
260	414470	VHX Tây Đô	Tây Đô, huyện Hưng Hà
261	414690	VHX Thái Hưng	Thái Hưng, huyện Hưng Hà
262	414320	VHX Thái Phương	Thái Phương, huyện Hưng Hà
263	414250	VHX Thống Nhất	Thống Nhất, huyện Hưng Hà
264	414578	VHX Tiến Đức	Tiến Đức, huyện Hưng Hà
265	414400	VHX Văn Cẩm	Văn Cẩm, huyện Hưng Hà
266	414290	VHX Văn Lang	Văn Lang, huyện Hưng Hà
267	411750	VHX Đông Hoà	Đông Hòa, Thành phố Thái Bình
268	411390	VHX Hoàng Diệu	Hoàng Diệu, Thành phố Thái Bình

269	411770	VHX Phú Xuân	Phú Xuân, Thành phố Thái Bình
270	411410	VHX Tiền Phong	Tiền Phong, Thành phố Thái Bình
271	411840	VHX Trần Lãm	Trần Lãm, Thành phố Thái Bình
272	411810	VHX Vũ Chính	Vũ Chính, Thành phố Thái Bình
273	411790	VHX Vũ Phúc	Vũ Phúc, Thành phố Thái Bình
274	414720	Chiều Dương	Xã Tân Lễ, Huyện Hưng Hà
275	411888	Trần Lãm	Số 7 đường Hoàng Văn Thái phường Trần Lãm TP Thái Bình
276	411300	KHL Thái Bình	Số 355 đường Lý Bôn phường Đề Thám TP Thái Bình
277	411080	Hành chính công	TT HCC Tỉnh đường Lý Thường Kiệt Phường Lê Hồng Phong TP Thái Bình
278	413990	Quỳnh Lang	Thôn Quỳnh Lang, xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

TỈNH NAM ĐỊNH

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	420000	Nam Định	Số 4 Hà Huy Tập TP Nam Định
2	421130	Bà Triệu	Số 4 Bà Triệu
3	421360	Ga	Phố Phan Bội Châu, P.Trần Đăng Ninh
4	421770	Nguyễn Du	49 Nguyễn Du, P.Nguyễn Du
5	422570	Trường Chinh	số 521 đường Trường Chinh

6	422690	Khu 8	425 Hàn Thuyên, P.Vị Hoàng
7	423150	Đò Quan	Số 2, Vũ Hữu Lợi, P.Cửa Nam
8	423300	Giải Phóng	Số 12 đường Giải Phóng
9	423900	Mỹ Lộc	Km8 quốc lộ 21, TT Mỹ Lộc
10	423990	Chợ Viêng	Văn hưng Mỹ phúc Mỹ Lộc
11	424020	Mỹ Thắng	xóm Kim mỹ thắng Mỹ lộc
12	424200	Vụ Bản	Đường Lương Thế Vinh, TT Gôi, H. Vụ Bản
13	424310	Trình Xuyên	xóm 9 trình xuyên Vụ bản
14	424340	Chợ Dàn	Bất di quang trung vụ bản
15	424390	Chợ Lòi	chợ lòi hiên khánh vụ bản
16	424600	Nam Trực	Thị trấn Nam Giang Huyện Nam Trực
17	424700	Chợ Yên	Hồng long Nam hồng Nam trực
18	424780	Cổ Giã	An nông Nam tiến Nam trực
19	424860	Cầu Vòi	Cầu vôi Hồng quang Nam trực
20	424960	Nam Xá	Thôn thượng Điền xá Nam trực
21	425100	Trực Ninh	Đường Điện Biên TT Cổ Lễ, Trực Ninh
22	425170	Liên Hải	Ngặt kéo Liêm hải Trực ninh

23	425300	Trực Thái	Trực thái Trực ninh
24	425430	Chợ Đền	Chợ đền Trực hưng trực ninh
25	425510	Trực Cát	Bắc bình Cát thành Trực ninh
26	425700	Ý Yên	Đường 57A Khu công nghiệp TT Lâm, Ý Yên
27	425890	Chợ Bo	Yên phương Ý yên
28	426110	Cắt Đàng	đường 10 Yên tiến Ý yên
29	426180	Đổng Cao	Đội 14 xã Yên Nhân Ý Yên
30	426280	Yên Thắng	Yên thắng Ý yên
31	426500	Nghĩa Hưng	43 khu 1 TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng
32	426590	Hải Lạng	Nghĩa thịnh Nghĩa hưng
33	426680	Giáo Phòng	Nghĩa hồng Nghĩa hưng
34	426750	Giáo Lạc	Nghĩa tân nghĩa hưng
35	426840	Quỹ Nhất	Nghĩa lâm Nghĩa hưng
36	426880	Rạng Đông	Nghĩa lợi Nghĩa hưng
37	427100	Xuân Trường	Tổ 18 TT Xuân Trường
38	427150	Lạc Quần	khu phố Lạc Quần xuân trường
39	427180	Xuân Tiến	xóm 7 xuân tiến xuân trường

40	427280	Xuân Bắc	xóm 4 xuân bắc xuân trường
41	427390	Xuân Đài	xóm 3 xuân đài xuân trường
42	427570	Hành Thiện	xóm 22 xuân hồng xuân trường
43	427800	Giao Thủy	Khu 3 TT Ngô Đồng, Giao Thủy
44	427850	Hoành Nha	xóm 5 giao tiến giao thủy
45	427880	Giao Yên	xóm 13 giao yên giao thủy
46	427910	Giao Lâm	xóm lâm khang giao lâm giao thủy
47	428030	Giao Thanh	thanh tân giao thanh giao thủy
48	428090	Đại Đồng	xóm 5 hồng thuận giao thủy
49	428200	Hải Hậu	Khu 3 TT Yên Định, Hải Hậu
50	428240	Hải Hà	xóm 3 hải hà hải hậu
51	428420	Hải Hùng	xóm 13 hải hùng hải hậu
52	428570	Thượng Trại	xóm 9a hải phòng hải hậu
53	428670	Hải Thịnh	khu 9 TT thịnh long hải hậu
54	428970	Chợ Cồn	khu 4 TT công hải hậu
55	421650	KHL Nam Định	Số 4 Trần Phú, P Ngô Quyền, Nam Định
56	423180	Nam Vân	Xóm 3, Xã Nam Vân, TP Nam Định

57	422390	Trường Thi	Số 568 Giải Phóng, Phường Trường Thi TP Nam Định
58	423050	Lộc Hạ	Số 287 Đường Phù Nghĩa, Phường Lộc Hạ, TP Nam Định
59	425390	Ninh Cường	Xã Trục Hùng, Trục Ninh, Nam Định
60	427950	Giao Phong	Xã Giao Phong, Giao Thủy, Nam Định
61	426060	Yên Bằng	Đường 10, Yên Bằng, Ý Yên, Nam Định
62	426250	Yên Cường	Trung Cường, Yên Cường, Ý Yên, Nam Định
63	423280	KCN Hòa Xá	Ngã 4, Khu Công Nghiệp Hòa Xá, TP Nam Định
64	423160	VHX Nam Phong	Thôn Vạn Diệp, Xã Nam Phong
65	424040	VHX Mỹ Hà	Thôn Quang Sán, Xã Mỹ Hà
66	423940	VHX Mỹ Tiến	Thôn La Chợ, Xã Mỹ Tiến
67	423991	VHX Mỹ Phúc	Thôn Hậu Bồi Tây, Xã Mỹ Phúc
68	425960	VHX Yên Bình	Thôn An Tổ, Xã Yên Bình
69	425891	VHX Yên Phương	Thôn Trầm Phương, Xã Yên Phương
70	425950	VHX Yên Hưng	Thôn Hoàng Đan, Xã Yên Hưng
71	426111	VHX Yên Tiến	Thôn Thượng Đồng, Xã Yên Tiến
72	426130	VHX Yên Ninh	Thôn Ninh Xá Thượng, Xã Yên Ninh
73	426140	VHX Yên Đồng	Thôn cốc Dương xã Yên Đồng

74	426160	VHX Yên Trị	Thôn giữa, Xã Yên Trị
75	424260	VHX Vĩnh Hào	Thôn Vĩnh Lại, Xã Vĩnh Hào
76	424341	VHX Quang Trung	Thôn Giáp Ba, Xã Quang Trung
77	428600	VHX Hải An	Thôn An Đạo, Xã Hải An
78	428650	VHX Hải Châu	Thôn Phú Văn Nam, Xã Hải Châu
79	428540	VHX Hải Long	Đội 10, Xã Hải Long
80	428700	VHX Hải Hoà	Xóm 5, Xã Hải Hoà
81	428390	VHX Hải Trung	Đội số 14, Xã Hải Trung
82	428370	VHX Hải Bắc	Đội số 9, Xã Hải Bắc
83	428910	VHX Hải Sơn	Xóm 5, Xã Hải Sơn
84	429030	VHX Hải Phương	Đội số 6, Xã Hải Phương
85	428280	VHX Hải Phúc	Xóm 14, Xã Hải Phúc
86	428500	VHX Hải Đường	Xóm 8a, Xã Hải Đường
87	428220	VHX Hải Thanh	Đội số 6, Xã Hải Thanh
88	428571	VHX Hải Phong	Thôn An Phú, Xã Hải Phong
89	428740	VHX Hải Xuân	Đội 3, Xã Hải Xuân
90	427490	VHX Xuân Châu	Xóm 5, Xã Xuân Châu

91	427630	VHX Xuân Ngọc	Thôn Bùi Chu, Xã Xuân Ngọc
92	427320	VHX Thọ Nghiệp	Xóm 20, Xã Thọ Nghiệp
93	427460	VHX Xuân Phong	Xóm 16, Xã Xuân Phong
94	427230	VHX Xuân Vinh	Xóm 12, Xã Xuân Vinh
95	427360	VHX Xuân Phú	Xóm 9, Xã Xuân Phú
96	427300	VHX Xuân Phương	Xóm Nam, Xã Xuân Phương
97	427840	VHX Giao Hà	Thôn Sơn Hà, Xã Giao Hà
98	427900	VHX Giao Thịnh	Thôn Thúc Hóa, Xã Giao Thịnh
99	427830	VHX Hoàng Sơn	Thôn Thúc Hóa, Xã Giao Thịnh
100	428050	VHX Giao An	Thôn Thủy Nhai, Xã Giao An
101	428060	VHX Giao Thiện	Thôn Lạc Nghiệp, Xã Giao Thiện
102	428020	VHX Giao Lạc	Thôn giáo Phòng, Xã Giao Lạc
103	427870	VHX Giao Châu	Thôn Sa Châu, Xã Giao Châu
104	428000	VHX Giao Xuân	Thôn Thị Tứ, Xã Giao Xuân
105	426650	VHX Hoàng Nam	Thôn Hưng Thịnh, Xã Hoàng Nam
106	426710	VHX Nghĩa Phong	Thôn 10, Xã Nghĩa Phong
107	426950	VHX Nam điền	Xóm 3, Xã Nam Điền

108	426681	VHX Nghĩa Hồng	Đội 10, Xã Nghĩa Hồng
109	426640	VHX Nghĩa Minh	Thôn Đắc Thắng Thượng, Xã Nghĩa Minh
110	426881	VHX Nghĩa Lợi	Thôn Ngọc Tĩnh, Xã Nghĩa Lợi
111	426540	VHX Nghĩa Sơn	Thôn Quần Liêu, Xã Nghĩa Sơn
112	426841	VHX Nghĩa Lâm	Thôn Phú Lâm, Xã Nghĩa Lâm
113	426740	VHX Nghĩa Bình	Thôn Quần Phương, Xã Nghĩa Bình
114	426860	VHX Nghĩa thắng	Đội 1, Xã Nghĩa Thắng
115	426770	VHX Nghĩa Phú	Xóm 9, Xã Nghĩa Phú
116	424630	VHX Nam dương	Thôn Kim Phụng, Xã Nam Dương
117	424650	VHX Bình minh	Thôn Nho Lâm, Xã Bình Minh
118	424710	VHX Nam hùng	Thôn Cổ Ra, Xã Nam Hùng
119	424800	VHX Nam lợi	Thôn Đô Quan, Xã Nam Lợi
120	424890	VHX Nam mỹ	Thôn Đồng Phù, Xã Nam Mỹ
121	424880	VHX Nam toàn	Thôn Giang Tả, Xã Nam Toàn
122	424861	VHX Hồng quang	Thôn Lạc Đạo, Xã Hồng Quang
123	425400	VHX Trục thuận	Thôn Đông Thành, Xã Trục Thuận
124	425490	VHX Trục thanh	Thôn Duyên Lăng, Trục Thanh

125	425500	VHX Trục đạo	Thôn Ngọc Giả, Xã Trục Đạo
126	425120	VHX Trục chính	Thôn An Lăng, Xã Trục Chính
127	425330	VHX Trục Cường	Xóm Thái Học, Xã Trục Cường
128	425511	VHX TT Cát thành	Thôn Việt Hưng, Xã Cát Thành
129	423220	VHX Mỹ Xá	Thôn Vị Dương, Mỹ Xá
130	423950	VHX Mỹ Tân	Xóm Hồng Phong 1, Mỹ Tân
131	423921	VHX Mỹ Hưng	Xóm 2, Mỹ Hưng
132	426000	VHX Yên Phong	Thôn An Bái, Yên Phong
133	426230	VHX Yên Phúc	Thôn Vĩnh Ninh, Yên Phúc
134	425840	VHX Yên Nghĩa	Thôn Ngọc Chuế, Yên Nghĩa
135	426061	VHX Yên Bằng	Thôn Tam, Yên Bằng
136	425780	VHX Yên Lợi	Thôn Thanh, Trung Yên Lợi
137	425730	VHX Yên Dương	Thôn Vũ Xuyên, Yên Dương
138	425800	VHX Yên Tân	Thôn Trung Nguyệt, Yên Tân
139	424330	VHX Đại An	Xóm Thượng, Đại Đê
140	424240	VHX Liên Minh	Xóm Tâm, Liên Minh
141	424290	VHX Thành Lợi	Chợ Gạo, Thành Lợi

142	424490	VHX Kim Thái	Thôn Tiên Hương, Kim Thái
143	424220	VHX Tam Thanh	Thôn Dư Duệ, Tam Thanh
144	424350	VHX Trung Thành	Xóm Phố, Trung Thành
145	428421	VHX Hải Anh	Xóm 3 Hải Anh
146	428880	VHX Hải Tân	Xóm 3 Hải Tân
147	428620	VHX Hải Ninh	Xóm 6 Hải Ninh
148	428310	VHX Hải Nam	Xóm 10 Hải Nam
149	429000	VHX Hải Quang	Xóm 12 Hải Quang
150	428850	VHX Hải Tây	Xóm 12 Hải Tây
151	428460	VHX Hải Minh	Xóm 9 Liên Minh Hải minh
152	428241	VHX Hải Hà	Xóm 6 , Hải Hà
153	427200	VHX Xuân Hòa	xóm 9, Xuân Hòa
154	427130	VHX Xuân Kiên	Xóm 12a, Xuân Kiên
155	427260	VHX Xuân Trung	Xóm 9, Xuân Trung
156	427410	VHX Xuân Thành	xóm 6, Xuân Thành
157	427571	VHX Xuân Hồng	Xóm 21, Xuân Hồng
158	427851	VHX Giao Tiến	Thôn Quyết Tiến, Giao Tiến

159	427980	VHX Giao Long	Xóm 10, Giao Long
160	427890	VHX Giao Tân	Xóm 6, Giao Tân
161	427990	VHX Giao Hải	Thôn Tan Hùng, Giao Tân
162	424900	VHX Nam Hải	Thôn Nam Hạ, Nam Hải
163	424961	VHX Điền Xá	Thôn Vị Khê, Điền Xá
164	424701	VHX Nam Hồng	Thôn Bách Tính, Nam Hồng
165	424740	VHX Nam Thái	Thôn Vinh Thọ, Nam Thái
166	424670	VHX Đồng Sơn	Giao Cù Trung Đồng Sơn
167	426600	VHX Nghĩa Đồng	Đội 5 Nghĩa Đồng
168	426850	VHX Nghĩa Hùng	Đội 3 Nghĩa Hùng
169	426670	VHX Nghĩa Lạc	Đội 3 Đồng Lạc Nghĩa Lạc
170	426970	VHX Nghĩa Hải	Đội 3 Nam Hải Nghĩa Hải
171	426930	VHX Rạng Đông	Khu 4 Rạng Đông
172	426620	VHX Nghĩa Châu	Khu TT Nghĩa Châu
173	425230	VHX Trục Thắng	Xóm 3, Trục Thắng
174	425470	VHX Trục Nội	Dương Thiện, Trục Nội
175	425560	VHX Trung Đông	Đông Hạ, Trung Đông

176	425191	VHX Việt Hùng	Xóm Đoài, Việt Hùng
177	425260	VHX Trục Đại	Xóm 6 Trục Đại
178	424252	KCN Bảo Minh	Thôn Nhì Giáp, Liên Minh, Vụ Bản, Nam Định
179	423333	TMDT Nam Định	Số 12, Đường Giải Phóng, xã Lộc Hòa, TP Nam Định
180	426751	VHX Nghĩa Tân	Xã Nghĩa Tân, Nghĩa Hưng, Nam Định
181	427181	VHX Xuân Tiến	Xóm 8, Xuân Tiến, Xuân Trường, Nam Định
182	426591	VHX Nghĩa Thịnh	Hưng Lộc, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định
183	426820	VHX TT Quỹ Nhất	Khu 5, TT Quỹ Nhất, Nghĩa Hưng, Nam Định
184	426560	VHX Nghĩa Thái	Xóm 1, Nghĩa Thái, Nghĩa Hưng, Nam Định
185	426501	VHX TT Liễu Đề	Phố Nam, TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định
186	426910	VHX Nghĩa Phúc	Xóm 2, Nghĩa Phúc, Nghĩa Hưng, Nam Định
187	426520	VHX Nghĩa Trung	Xóm 3, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
188	426800	VHX Nghĩa Thành	Đội 4, Nghĩa Thành, Nghĩa Hưng, Nam Định
189	428320	VHX Hải Vân	Xóm 6, Hải Vân, Hải Hậu, Nam Định
190	427430	VHX Xuân Tân	Xóm B Xuân Tân Xuân Trường Nam Định
191	427391	VHX Xuân Đài	Xóm 9 Xuân Đài Xuân Trường Nam Định
192	427510	VHX Xuân Thượng	Xóm 6 Xuân Thượng Xuân Trường Nam Định

193	427540	VHX Xuân Thủy	Xóm 10 Xuân Thủy Xuân Trường Nam Định
194	427101	VHX TT Xuân Trường	Tổ 8 Thị Trấn Xuân Trường Nam Định
195	427151	VHX Xuân Ninh	Xóm Hưng Nhân Xuân Ninh Xuân Trường Nam Định
196	428930	VHX Hải Cường	Xã Hải Cường Hải Hậu Nam Định
197	428940	VHX Hải Phú	Xã Hải Phú Hải Hậu Nam Định
198	428790	VHX Hải Lý	Xã Hải Lý Hải Hậu Nam Định
199	425980	VHX Yên Khánh	Xã Yên Khánh Ý Yên Nam Định
200	424730	VHX Nghĩa An	Bãi Thượng - Nghĩa An

TỈNH NINH BÌNH

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	430000	Tâm GD Ninh Bình	Đường Trần Hưng Đạo, phường Phúc Thành TP Ninh Bình
2	431060	Ga	Đường Lê Đại Hành, phường Thanh Bình, TP Ninh Bình
3	431150	Phúc Khánh	Phố Phúc Thịnh, phường Bích Đào, TP Ninh Bình
4	431300	Tân Thành	Đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành TP Ninh Bình
5	431900	Hoa Lư	Thị Trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư
6	431970	Trường Yên	Phố Chợ, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư
7	432010	Bích Động	Thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư

8	432060	Cầu Yên	Xóm Bộ Đầu, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
9	432200	Gia Viễn	Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn
10	432250	Gián	Thôn Gián Khẩu, xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn
11	432600	Nho Quan	Thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan
12	432700	Ý Na	Thôn 7, xã Gia Lâm, huyện Nho Quan
13	432970	Rịa	Thôn Rịa, xã Phú Lộc, huyện Nho Quan
14	431110	Quỳnh Sơn	Thôn Ngã ba Anh Trỗi, xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan
15	433330	Tam Điệp	Thôn Trung Sơn, thị xã Tam Điệp
16	433390	Đền Dâu	Tổ 20, phường Nam Sơn, thị xã Tam Điệp
17	433600	Yên Mô	Khu phố Trung Yên, thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô
18	433610	Yên Phong	Thôn Quảng Phúc, xã Yên Phong, huyện Yên Mô
19	433660	Thanh Sơn	Thôn Bình Sơn, xã Mai Sơn, huyện Yên Mô
20	433760	Chợ Bút	Xóm 9, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô
21	433900	Kim Sơn	Phố Tri Chính, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn
22	434070	Quy Hậu	Thôn Tôn Đạo, xã Ân Hoà, huyện Kim Sơn
23	434190	Yên Hoà	Thôn Nam Lộc, xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn
24	434280	Bình Minh	Khu phố 8, thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn

25	434500	Yên Khánh	Khu phố 1, thị trấn Yên Ninh, Yên Khánh
26	434560	Chợ Cát	Xóm 9, xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh
27	434580	Chợ Xanh	Xóm Chợ Xanh, xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
28	434710	Khánh Phú	Thôn Phú Tân, Khánh Phú, Yên Khánh
29	434760	Khánh Nhạc	Xóm 3, Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh
1	431050	BCP TP Ninh Bình	Số 1116, đường Trần Hưng đạo, Phúc Thành, TPNB
2	430900	Bưu điện Hệ 1	Số 1 đường Đinh Điền phường Đông Thành TP Ninh Bình tỉnh Ninh Bình
30	431440	KHL Ninh Bình	số 1116 đường Trần Hưng Đạo phường Phúc Thành TP Ninh Bình
31	432050	VHX Ninh Thắng	Xã Ninh Thắng, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
32	431950	VHX Ninh Hoà	Xã Ninh Hoà, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
33	431990	VHX Ninh Xuân	Xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
34	431920	VHX Ninh Khang	Xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
35	432020	VHX Ninh Vân	Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
36	432080	VHX Ninh Mỹ	Xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
37	432230	VHX Gia Lập	Xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
38	432300	VHX Gia Hoà	Xã Gia Hoà, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
39	432410	VHX Gia Phong	Xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

40	432360	VHX Gia Hưng	Xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
41	432370	VHX Gia Phú	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
42	432330	VHX Liên Sơn	Xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
43	432420	VHX Gia Trung	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
44	432500	VHX Gia Thắng	Xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
45	432490	VHX Gia Tiến	Xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
46	432440	VHX Gia Sinh	Xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
47	432390	VHX Gia Minh	Xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
48	432380	VHX Gia Thịnh	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
49	432940	VHX Văn Phú	Xã Văn Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
50	432680	VHX Gia Tường	Xã Gia Tường, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
51	432850	VHX Cúc Phương	Xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
52	433070	VHX Sơn Thành	Xã Sơn Thành, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
53	433111	VHX Quỳnh Lưu	Xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
54	432660	VHX Gia Thủy	Xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
55	433040	VHX Thượng Hoà	Xã Thượng Hoà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
56	433050	VHX Thanh Lạc	Xã Thanh Lạc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

57	432740	VHX Xích Thổ	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
58	433133	VHX Sơn Hà	Xã Sơn Hà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
59	433341	VHX Yên Bình	Xã Tân Bình, TP Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
60	433380	VHX Quang Sơn	Xã Quang Sơn, TP Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
61	433640	VHX Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
62	433790	VHX Yên Lâm	Xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
63	433810	VHX Yên Từ	Xã Yên Từ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
64	433730	VHX Yên Đồng	Xã Yên Đồng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
65	433820	VHX Yên Nhân	Xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
66	433630	VHX Khánh Dương	Xã Khánh Dương, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
67	433680	VHX Yên Hoà	Xã Yên Hoà, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
68	433620	VHX Khánh Thịnh	Xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
69	433761	VHX Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
70	433780	VHX Yên Mạc	Xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
71	433710	VHX Yên Hưng	Xã Yên Hưng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
72	434012	VHX Đồng Hướng	Xã Đồng Hướng, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
73	434360	VHX Kim Đông	Xã Kim Đông, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

74	434100	VHX Hồi Ninh	Xã Hồi Ninh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
75	434120	VHX Chính Tâm	Xã Chính Tâm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
76	434180	VHX Tân Thành	Xã Tân Thành, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
77	434201	VHX Lai Thành	Xã Lai Thành, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
78	434270	VHX Kim Mỹ	Xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
79	434340	VHX Cồn Thoi	Xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
80	434110	VHX Chát Bình	Xã Chát Bình, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
81	434670	VHX Khánh An	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
82	434630	VHX Khánh Vân	Xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
83	434740	VHX Khánh Hồng	Xã Khánh Hồng, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
84	434570	VHX Khánh Cường	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
85	434790	VHX Khánh Thủy	Xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
86	434550	VHX Khánh Công	Xã Khánh Công, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
87	434590	VHX Khánh Tiên	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
88	434520	VHX Khánh Hội	Xã Khánh Hội, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
89	434540	VHX Khánh Mậu	Xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
90	433360	VHX Yên Sơn	Xã Yên Sơn, TP Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

91	431930	VHX Ninh Giang	Xóm 1 La Mai Xã Ninh Giang
92	432260	VHX Gia Vân	Thôn Phù Long xã Gia Vân
93	432470	VHX Gia Phương	Thôn Văn Hà 1 xã Gia Phương
94	432400	VHX Gia Lạc	Thôn Lạc Khoái xã Gia Lạc
95	432280	VHX Gia Thanh	Thôn Thượng Hoà xã Gia Thanh
96	432510	VHX Gia Tân	Thôn Tuỳ Hối xã Gia Tân
97	432201	VHX thị trấn Me	Phố Thống Nhất, thị trấn Me
98	432620	VHX Lạc Vân	Thôn lạc 2 xã Lạc Vân
99	432760	VHX Phú Sơn	Thôn 1 xã Phú Sơn
100	432780	VHX Thạch Bình	Xóm Liên Phương xã Thạch Bình
101	432830	VHX Yên Quang	Thôn Yên Ninh xã Yên Quang
102	432891	VHX Văn Phương I	Thôn Sui xã Văn Phương
103	432810	VHX Đồng Phong	Thôn Phong lai 1 xã Đồng Phong
104	432640	VHX Đức Long	Thôn Hiền Quan 1 xã Đức Long
105	433020	VHX Lạng Phong	Thôn Đá Trung xã Lạng Phong
106	432870	VHX Văn Phong	Thôn Cầu Mơ xã Văn Phong
107	432910	VHX Kỳ Phú	Bản Phùng Thượng xã Kỳ Phú

108	433000	VHX Phú Long	Thôn Yên Lại xã Phú Long
109	433140	VHX Quảng Lạc	Thôn Quảng Thành xã Quảng Lạc
110	433090	VHX Sơn Lai	Thôn Đồi dầu xã Sơn Lai
111	432720	VHX Gia Sơn	Thôn Đông Minh xã Gia Sơn
112	432931	VHX Kỳ Phú	Bán xanh xã Kỳ Phú
113	433481	VHX Đông Sơn	Thôn 6 xã Đông Sơn
114	433480	VHX Nông Trường Chè	Thôn 4B xã Đông Sơn
115	433340	VHX Ghềnh	Thôn Lý Nhân xã Yên Bình
116	433690	VHX Yên Thắng	Thôn Trà Tu xã Yên Thắng
117	433740	VHX Yên Thái	Thôn Phúc Trì xã Yên Thái
118	433720	VHX Yên Thành	Thôn Nam Thành xã Yên Thành
119	434130	VHX Xuân Thiện	Thôn đường 10 xã Xuân Thiện
120	434240	VHX Văn Hải	Xóm Bắc Cường xã Văn Hải
121	434320	VHX Kim Tân	Xóm 13 xã Kim Tân
122	434310	VHX Kim Trung	Xóm 1 xã Kim Trung
123	434300	VHX Kim Hải	Xóm 2 xã Kim Hải
124	434071	VHX Ân Hoà	Thôn Tôn Đạo xã Ân Hoà

125	434230	VHX Định Hoá	Xóm 5 xã Định Hoá
126	434150	VHX Thượng Kiem	Xóm Vinh Ngoại xã Thượng Kiem
127	434370	VHX Yên Mật	Thôn Yên Thổ xã Yên Mật
128	434090	VHX Kim Định	Thôn Dục Đức xã Kim Định
129	434561	VHX Khánh Trung	Thôn Kiến ốc xã Khánh trung
130	434800	VHX Khánh Thành	Thôn Nhật Dụng xã Khánh Thành
131	434650	VHX Khánh Cư	Thôn Thông xã Khánh Cư
132	434612	VHX Khánh Lợi	Xóm Nội xã Khánh Lợi
133	434620	VHX Khánh Hải	Thôn Nhuận Hải xã Khánh Hải
134	434690	VHX Khánh Hòa	Xóm Chợ Dầu xã Khánh Hoà
135	434730	VHX Khánh Ninh	Thôn Ninh Hồng xã Khánh Ninh
136	431585	VHX Ninh Tiến	Xã Ninh Tiến
137	431560	VHX Ninh Nhất	Thôn Kỳ Vỹ xã Ninh Nhất
138	431061	VHX Thanh Bình	Ngõ Nguyễn Văn Cừ phố Vạn Xuân Thanh Bình
139	431151	VHX Bích Đào	Phố Phúc Thịnh phường Bích Đào
140	431521	VHX Ninh Phong	Xóm Đông xã Ninh Phong
141	431670	VHX Ninh Khánh	Thôn Bình Khang phường Ninh Khánh

142	431620	VHX Ninh Sơn	Thôn Phúc Khánh xã Ninh Sơn
TỈNH THANH HÓA			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	440000	BĐ Trung tâm	33 Trần Phú Phường Điện Biên
2	441230	Kinh doanh tiếp thị 2	33 Trần Phú Điện Biên, TPThanh Hóa
3	441430	Đông Vệ	179 đường Hải Thượng Lãn Ông TP TH
4	441570	Lai Thành	384 Lê Lai Phường Đông Sơn TP TH
5	442000	Sầm Sơn	Đường Nguyễn Du Trường Sơn Sầm Sơn
6	442200	Hoằng Hóa	TK Vinh Sơn TT Bút Sơn Hoằng Hóa
7	442410	Nghĩa Trang	Xã Hoằng Trung - Hoằng Hóa
8	441970	Cầu Tào	Số 22, Tiểu Khu Phượng Đình 1, P. Tào Xuyên, TP Thanh Hóa
9	442830	Chợ Vực	Xã Hoằng Ngọc Hoàng Hóa
10	443100	Hậu Lộc	Khu 1 Thị trấn Hậu Lộc
11	443130	Minh Lộc	Xã Minh Lộc- Hậu Lộc
12	443180	Hoa Lộc	Xã Hoa Lộc – Hậu Lộc
13	443400	Đại Lộc	Xã Đại Lộc- Hậu Lộc
14	443700	Nga Sơn	Tiểu khu Hưng Long TT Nga Sơn

15	443810	Mai An Tiêm	Xóm 6 Nga An – Nga Sơn
16	444010	Nga Nhân	Xã Nga Nhân Nga Sơn
17	444140	Hói Đào	Xã Nga Thanh Nga Sơn
18	444400	Hà Trung	Tiểu khu 6 Thị trấn Hà Trung
19	444410	Đò Lèn	Tiểu khu 3 Thị trấn Hà Trung
20	444530	Cầu Cừ	Thôn 6 Hà Yên Hà Trung
21	444900	Bỉm Sơn	47 Nguyễn Huệ P- Ngọc Trạo Bỉm Sơn
22	445200	Đông Sơn	Khối 4 Thị trấn Rừng Thông Đông Sơn
23	445600	Thiệu Hóa	Tiểu khu 6 Thị trấn Vạn Hà Thiệu Hóa
24	445960	Ba Chè	Xã Thiệu Đô Thiệu Hóa
25	446200	Yên Định	Tiểu khu 1Thị trấn Quán Lào
26	446280	Kiều	Phố Kiều Yên Trường Yên Định
27	446410	Thống nhất	TT Nông trường Thống Nhất Yên Định
28	446700	Vĩnh Lộc	Khu phố 2 Thị trấn Vĩnh Lộc
29	446870	Bồng Trung	Xã Vĩnh Minh – Vĩnh Lộc
30	447000	Thạch Thành	Khu phố 6 TT Kim Tân Thạch Thành
31	447030	Vân Du	Thị trấn Vân Du Thạch Thành

32	447600	Cẩm Thủy	Tổ 2 Thị trấn Cẩm Thủy
33	447710	Phố Vạc	Xã Cẩm Thành- Cẩm Thủy
34	447900	Phúc Do	Xã Cẩm Tân – Cẩm Thủy
35	448100	Bá Thước	Khu phố 1 TT Cảnh Nang Bá Thước
36	448700	Triệu Sơn	Khu phố Giắt Thị trấn Triệu Sơn
37	448910	Chợ Đà	Xã Thọ Dân – Triệu Sơn
38	449160	Chợ Sim	Xã Hợp Thành- Triệu Sơn
39	449260	Chợ Nưa	Xã Tân Ninh- Triệu Sơn
40	449700	Thọ Xuân	Khu 8 Thị trấn Thọ Xuân
41	449800	Xuân Lai	Xã Xuân Lai- Thọ Xuân
42	449960	Chợ Sánh	Xã Thọ Lập – Thọ Xuân
44	451070	Tứ Trụ	Xã Thọ Diên- Thọ Xuân
45	451100	Mục Sơn	Thị trấn Lam Sơn Thọ Xuân
47	451170	Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng- Thọ Xuân
48	451310	Chợ Neo	Xã Bắc Lương – Thọ Xuân
64	451600	Ngọc Lặc	Khu phố Lê Lai TT Ngọc Lặc
49	452070	Phố Xi	Ba Xi, Kiên Thọ - Ngọc Lặc

46	452110	Minh Tiến	Xã Minh Tiến – Ngọc Lặc
50	452300	Lang Chánh	Phố 3 Thị trấn Lang Chánh
51	452600	Quan Hóa	Khu I Thị trấn Quan Hóa
52	452900	Quan Sơn	Thị trấn Quan Sơn
53	453200	Mường Lát	Khu II Thị trấn Mường Lát
54	453400	Thường Xuân	Khu phố 3 Thị trấn Thường Xuân
55	453800	Nông Cống	Tiểu khu Bắc Giang TT Nông Cống
56	454010	Cầu Quan	Trung Thành Huyện Nông Cống
57	454170	Chợ Trầu	Xã Công Liêm Nông Cống
58	454330	Trường sơn	Trường Sơn Nông Cống
59	454600	Như Thanh	Bến Sung 2 TT Bến Sung Như Thanh
43	455100	Như Xuân	Khu phố 2 Thị trấn Yên Cát Như Xuân
60	455500	Quảng Xương	Khu phố Tân Phong TT Quảng Xương
61	457210	Chợ Môi	Phố Môi, Quảng Tâm, TP Thanh Hóa
62	455900	Văn Trinh	Xã Quảng Ngọc Quảng Xương
63	456000	Chợ Ghép	Xã Quảng Chính Quảng Xương
65	456400	Tĩnh Gia	Khu phố 6 Thị trấn Tĩnh Gia

66	456550	Chợ kho	Xã Hải Ninh Huyện Tĩnh Gia
67	456880	Mai Lâm	Xã Mai Lâm Huyện Tĩnh Gia
68	456930	Nghi Sơn	Xã Hải Thượng Tĩnh Gia
69	441300	Trung Tâm CNTT	33 Trần Phú TP Thanh Hóa
70	441250	Kinh doanh tiếp thị 1	33 Trần Phú TP Thanh Hóa
71	448360	Đồng Tâm	Phố Đồng Tâm Xã Thiết Ống Huyện Bá Thước
72	448480	Điền Lư	Phố Điền Lư Huyện Bá Thước
73	440900	Hệ 1	04 Hà Văn Mao, P. Ba Đình, TP. Thanh Hoá
74	441370	Phú Sơn	Đường Nguyễn Trãi, P. Phú Sơn, TP. Thanh Hoá
75	441280	Hàm Rồng	Đường Bà Triệu, P. Hàm Rồng, TP. Thanh Hoá
76	441240	Đội Cung	Phố Đội Cung, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hoá
77	441440	Ba Voi	Đường Quang Trung, P. Đông Vệ, TP. Thanh Hoá
78	441770	Ga Thanh Hoá	Đường Dương Đình Nghệ, P. Tân Sơn, TP. Thanh Hoá
79	443470	Văn Lộc	Thôn Tinh Hoa, Xã Văn Lộc, Hậu Lộc
80	445930	Chợ Đu	Thôn Dân Sinh, Xã Thiệu Chính, Thiệu Hoá
81	447300	Thạch Quảng	Thôn Cổ Bé, Xã Thạch Quảng, Thạch Thành
82	453000	Na Mèo	Bản Na Mèo, Xã Na Mèo, Quan Sơn

83	453590	Cửa Đạt	Công trường Hồ chứa nước Cửa Đạt, Thường Xuân
84	442060	Quảng Tiến	Phố Bạch Đằng, P. Quảng Tiến, TX Sầm Sơn
85	445040	Lam Sơn	Số 500, đường Trần Phú, P. Lam Sơn, TX Bỉm Sơn
1	441810	Thanh Hóa - BP BCP	33 Phố Trần Phú, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa
2	441820	Thanh Hóa - CPN BCP	33 Phố Trần Phú, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa
3	441850	Thanh Hóa - NT BCP	33 Phố Trần Phú, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa
4	442110	Sầm Sơn - BCP	Đường Nguyễn Du, Phường Trường Sơn
5	442340	Hoằng Hóa - BCP	Tiểu Khu Vinh Sơn, Thị trấn Bút Sơn, Huyện Hoằng Hóa
6	443160	Hậu Lộc - BCP	Khu 1 thị trấn Hậu Lộc, Huyện Hậu Lộc
7	443760	Nga Sơn - BCP	Tiểu khu Hưng Long, Thị trấn Nga Sơn, Huyện Nga Sơn
8	444470	Hà Trung - BCP	Tiểu khu 6, Thị trấn Hà Trung, Huyện Hà Trung
9	445020	Bỉm Sơn - BCP	47 Nguyễn Huệ, P. Ngọc Trạo, Thị xã Bỉm Sơn
10	445240	Đông Sơn - BCP	Khối 4, Thị trấn Rừng Thông, Huyện Đông Sơn
11	445720	Thiệu Hóa - BCP	Tiểu khu 4, Thị Trấn Vạn Hà, Huyện Thiệu Hóa
12	446460	Yên Định - BCP	Tiểu khu 1, Thị trấn Quán Lào, Huyện Yên Định
13	446750	Vĩnh Lộc - BCP	Khu 3, Thị trấn Vĩnh Lộc, Huyện Vĩnh Lộc
14	447080	Thạch Thành - BCP	Khu phố 6, Thị trấn Kim Tân, Huyện Thạch Thành

15	447690	Cầm Thủy - BCP	Tổ 2, Thị trấn Cầm Thủy, Huyện Cầm Thủy
16	448140	Bá Thước - BCP	Khu 1, Thị trấn Cành Nàng, Huyện Bá Thước
17	448860	Triệu Sơn - BCP	Phố Giắt, Thị trấn Triệu Sơn, Huyện Triệu Sơn
18	449910	Thọ Xuân - BCP	Khu 8, Thị Trấn Thọ Xuân, Huyện Thọ Xuân
19	451810	Ngọc Lặc - BCP	Khu phố Lê Lai, Thị Trấn Ngọc Lặc, Huyện Ngọc Lặc
20	452380	Lang Chánh - BCP	Khu phố 3, Thị Trấn Lang Chánh, Huyện Lang Chánh
21	452640	Quan Hóa - BCP	Khu 1, Thị Trấn Quan Hoá, Huyện Quan Hoá
22	453070	Quan Sơn - BCP	Khu Trung Tâm, Thị trấn Quan Sơn, Huyện Quan Sơn
23	453280	Mường Lát - BCP	Khu 1, Thị trấn Mường Lát, Huyện Mường Lát
24	453440	Thường Xuân - BCP	Khu phố 3, Thị Trấn Thường Xuân, Huyện Thường Xuân
25	453920	Nông Cống - BCP	Tiểu Khu Bắc Giang, Thị Trấn Nông Cống, Huyện Nông Cống
26	454640	Như Thanh - BCP	Thôn Bến Sung 2, Thị trấn Bến Sung, Huyện Như Thanh
27	455220	Như Xuân - BCP	Khu phố 2, Thị Trấn Yên Cát, Huyện Như Xuân
28	455570	Quảng Xương - BCP	Khu phố Tân Phong, Thị Trấn Quảng Xương, Huyện Quảng Xương
29	456450	Tĩnh Gia - BCP	Tiểu Khu 6, Thị Trấn Tĩnh Gia, Huyện Tĩnh Gia
86	441235	Trần Phú	Số 33 Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Thành Phố Thanh Hóa
87	441950	BĐ-VHX TT Nhồi	Khu phố Nam Sơn, Phường An Hoạch TP Thanh Hóa

88	445410	BĐ-VHX Đông Hòa	Thôn 4, Xã Đông Hoà, Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
89	444680	BĐ-VHX Hà Sơn	Thôn Vĩnh An, Xã Hà Sơn huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa
90	442660	BĐ-VHX Hoằng Lộc	Thôn Đình Bảng, Xã Hoằng Lộc huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa
91	456090	BĐ-VHX Quảng Lợi	Thôn Phúc Thành, Xã Quảng Lợi huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa
92	445961	BĐ-VHX Thiệu Đô	Thôn Cổ Đô, Xã Thiệu Đô huyện Thiệu Hóa tỉnh Thanh Hóa
93	449274	BĐ-VHX Cổ Định	Thôn 10, Xã Tân Ninh huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa
94	456890	BĐ-VHX Hải Bình	Thôn Tiền Phong, Xã Hải Bình huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa
95	443220	BĐ-VHX Đa Lộc	Thôn Đồng Thành, Xã Đa Lộc huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa
96	453700	BĐ-VHX Luận Thành	Thôn Thống Nhất, Xã Luận Thành huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa
97	442140	VHX Quảng Châu	Thôn Châu Bình, Quảng Châu, Quảng Xương
98	442130	VHX Quảng Thọ	Thôn Thọ Văn, Quảng Thọ, Quảng Xương
99	442120	VHX Quảng Vinh	Thôn Đông Bắc, Quảng Vinh, Quảng Xương
100	442170	VHX Quảng Minh	Thôn Phúc Quang, Quảng Minh, Quảng Xương
101	442150	VHX Quảng Hùng	Xóm Hùng Ngọc, Quảng Hùng, Quảng Xương
102	442160	VHX Quảng Đại	Thôn Bùi Huệ, Quảng Đại, Quảng Xương
103	456470	VP BDH TĨNH GIA	Khu phố 6 Thị trấn Tĩnh Gia huyện Tĩnh Gia
104	447130	VP BDH THẠCH THÀNH	Khu phố 6, Thị Trấn Kim Tân, Huyện Thạch Thành

105	447627	VHX Cẩm Phong	Thôn Dương Huệ Cẩm Phong Cẩm Thủy
106	447870	VHX Cẩm Ngọc	Thôn Sổng Cẩm Ngọc Cẩm Thủy
107	447940	VHX Cẩm Long	Thôn Mi Sơn Cẩm Long Cẩm Thủy
108	447630	VHX Cẩm Tú	Thôn Lương Thành Cẩm Tú Cẩm Thủy
109	447670	VHX Cẩm Quý	Thôn Bái Cẩm Quý Cẩm Thủy
110	447730	VHX Cẩm Bình	Thôn Trung Tâm Cẩm Bình Cẩm Thủy
111	447850	VHX Cẩm Tâm	Thôn LauCẩm Tâm Cẩm Thủy
112	447920	VHX Cẩm Vân	Thôn Tiên lăng 1Cẩm Vân Cẩm Thủy
113	447960	VHX Cẩm Phú	Thôn Tiển Long Cẩm Phú Cẩm Thủy
114	447909	VHX Cẩm Tân	Thôn Do hạ Cẩm Tân Cẩm Thủy
115	447780	VHX Cẩm Thạch	Thôn Chiềng Cẩm Thạch Cẩm Thủy
116	447760	VHX Cẩm Liên	Thôn Thạch Minh Cẩm LiênCẩm Thủy
117	444731	VHX Hà Phú	CỤ THÔNHà phúHà Trung
118	444780	VHX Hà Thái	THÁI TÂYHà tháiHà Trung
119	444420	VHX Hà lai	THÔN 5Hà laiHà Trung
120	444430	VHX Hà Châu	THÔN 5Hà châuHà Trung
121	444760	VHX Hà Hải	THÔN 3Hà hảiHà Trung

122	444750	VHX Hà Toại	THÔN 5hà toạiHà Trung
123	444480	VHX Hà Vinh	THÔN 5hà vinhHà Trung
124	444460	VHX Hà Thanh	THANH GIANGhà thanhHà Trung
125	444500	VHX Hà Dương	THÔN 2hà dươngHà Trung
126	444440	VHX Hà Vân	VÂN HƯNGhà vânHà Trung
127	444570	VHX Hà Tân	TAM QUY 1hà tânHà Trung
128	444600	VHX Hà Tiến	ĐỒNG Ôhà tiếnHà Trung
129	444540	VHX Hà Bắc	SONG NGAHà bắcHà Trung
130	444550	VHX Hà Long	ĐƯỜNG 7hà longHà Trung
131	444590	VHX Hà Giang	THÔN 5hà giangHà Trung
132	444510	VHX Hà Bình	THÔN 10hà bìnhHà Trung
133	444720	VHX Hà Lâm	THÔN 4hà lâmHà Trung
134	444620	VHX Hà Ninh	ĐA QUẢhà ninhHà Trung
135	444700	VHX Hà Phong	THƯỢNG QUỲhà phongHà Trung
136	444710	VHX Hà Ngọc	THÔN 5hà ngọcHà Trung
137	444680	VHX Hà Sơn	TỨ QUỲhà sơnHà Trung
138	444660	VHX Hà Lĩnh	THÔN 7hà lĩnhHà Trung

139	444640	VHX Hà Đông	KIM TIÊNNhà đôngHà Trung
140	442260	VHX Hoằng Trường	thôn 1Hoằng Trường Hoằng Hóa
141	442860	VHX Hoằng Phụ	thôn sao vàngHoằng PhụHoằng Hóa
142	442831	VHX Hoằng Ngọc	thôn 4Hoằng NgọcHoằng Hóa
143	442880	VHX Hoằng Thanh	thôn trung hảiHoằng ThanhHoằng Hóa
144	442210	VHX Hoằng Phúc	thôn bút cươngHoằng PhúcHoằng Hóa
145	442220	VHX Hoằng Hà	thôn 3Hoằng HàHoằng Hóa
146	442280	VHX Hoằng Đạt	thôn hạ vũ 1Hoằng ĐạtHoằng Hóa
147	442600	VHX Hoằng Đồng	thôn 1Hoằng Đồng Hoằng Hóa
148	442640	VHX Hoằng Thịnh	thôn 4Hoằng ThịnhHoằng Hóa
149	442660	VHX Hoằng Lộc	thôn đình bảngHoằng LộcHoằng Hóa
150	442720	VHX Hoằng Thành	thôn 1Hoằng Thành Hoằng Hóa
151	442700	VHX Hoằng Trạch	thôn 6 an hảoHoằng TrạchHoằng Hóa
152	442740	VHX Hoằng Tân	cắm vinhHoằng TânHoằng Hóa
153	442750	VHX Hoằng Châu	thôn 6 Hoằng ChâuHoằng Hóa
154	442760	VHX Hoằng Phong	nam hạcHoằng PhongHoằng Hóa
155	442800	VHX Hoằng Thắng	thôn 7Hoằng Thắng Hoằng Hóa

156	442710	VHX Hoăng Thái	thôn 7Hoăng Thái Hoăng Hóa
157	442470	VHX Hoăng Quỳ	thôn phúc tiênHoăng QuỳHoăng Hóa
158	442440	VHX Hoăng Phú	thôn trung tâyHoăng Phú Hoăng Hóa
159	442380	VHX Hoăng quý	thôn 9Hoăng Quý Hoăng Hóa
160	442510	VHX Hoăng Giang	thôn 3Hoăng GiangHoăng Hóa
161	442450	VHX Hoăng Phụng	thôn 3Hoăng PhụngHoăng Hóa
162	442370	VHX Hoăng Trinh	thôn 4 trinh ngaHoăng TrinhHoăng Hóa
163	442350	VHX Hoăng Sơn	thôn cỏ bảnHoăng Sơn Hoăng Hóa
164	442360	VHX Hoăng Lương	thôn 5Hoăng LươngHoăng Hóa
165	443750	VHX Nga Thái	Xóm 7Nga TháiNga Sơn
166	443770	VHX Nga Hải	Xóm Tây SơnNga HảiNga Sơn
167	443790	VHX Nga Thành	Xóm Xuân ThànhNga ThànhNga Sơn
168	443840	VHX Nga Giáp	Thôn Ngoại 3Nga GiápNga Sơn
169	443860	VHX Nga Điền	Xóm 2Nga ĐiềnNga Sơn
170	443900	VHX Nga Văn	Xóm 5Nga VănNga Sơn
171	443940	VHX Nga Vịnh	Thôn Tuân ĐạoNga VịnhNga Sơn
172	443960	VHX Ba Đình	Xóm Mậu LâmBa ĐìnhNga Sơn

173	443980	VHX Nga Thắng	Xóm 2Nga ThắngNga Sơn
174	444000	VHX Nga Lĩnh	Xóm 2 (Thôn Đồng Đội)Nga LĩnhNga Sơn
175	444080	VHX Nga Bạch	Xóm 7Nga BạchNga Sơn
176	444160	VHX Nga Tân	Xóm 4Nga TânNga Sơn
177	451731	VHX Quang Trung	Thôn Quang BáiQuang trungNgọc Lặc
178	451890	VHX Vân Am	Làng ÂmVân AmNgọc Lặc
179	451860	VHX Cao Ngọc	Làng CộnCao NgọcNgọc Lặc
180	451670	VHX Ngọc Liên	Thôn 7Ngọc LiênNgọc Lặc
181	452000	VHX Minh Sơn	Thôn Minh Châu 2Minh SơnNgọc Lặc
182	451630	VHX Ngọc Trung	Thôn Thọ PhúNgọc TrungNgọc Lặc
183	451690	VHX Lộc Thịnh	Làng Cò DừaLộc ThịnhNgọc Lặc
184	451940	VHX Sông Âm	Khu 3 Nguyệt ÂnNgọc Lặc
185	452090	VHX Phùng Minh	Làng HạPhùng MinhNgọc Lặc
186	451920	VHX Phùng Giáo	Làng ChuốiPhùng GiáoNgọc Lặc
187	451980	VHX Phúc Thịnh	Làng BáiPhúc ThịnhNgọc Lặc
188	452071	VHX Kiên thọ	Thọ PhúKiên ThọNgọc Lặc
189	452040	VHX Minh Tiến	Minh ThànhMinh TiếnNgọc Lặc

190	445980	VHX Thiệu Châu	Thôn Phú VănThiệu ChâuThiệu Hóa
191	445930	VHX Thiệu Chính	Thôn Dân ChínhThiệu ChínhThiệu Hóa
192	445961	VHX Thiệu Đô	Thôn 8Thiệu ĐôThiệu Hóa
193	445710	VHX Thiệu Giang	Thôn Trung ThônThiệu GiangThiệu Hóa
194	445920	VHX Thiệu Hòa	Thôn Dân ÁiThiệu HòaThiệu Hóa
195	445830	VHX Thiệu Ngọc	Thôn Tân BìnhThiệu NgọcThiệu Hóa
196	445620	VHX Thiệu Nguyên	Thôn Nguyên SơnThiệu NguyênThiệu Hóa
197	445680	VHX Thiệu Quang	Thôn 8Thiệu QuangThiệu Hóa
198	445790	VHX Thiệu Tiến	Thôn Quan Trung 1Thiệu TiếnThiệu Hóa
199	445860	VHX Thiệu Toán	Thôn Toán HàngThiệu ToánThiệu Hóa
200	445970	VHX Thiệu Trung	Thôn 2Thiệu TrungThiệu Hóa
201	445880	VHX Thiệu Viên	Thôn 4Thiệu ViênThiệu Hóa
202	445820	VHX Thiệu Vũ	Thôn Cẩm VânThiệu VũThiệu Hóa
203	446720	VHX Vĩnh Hưng	Thôn Còng Vĩnh Hưng Vĩnh Lộc
204	446740	VHX Vĩnh Long	Thôn Đông Môn Vĩnh Long Vĩnh Lộc
205	446760	VHX Vĩnh Tiến	Phú Lĩnh Vĩnh Tiến Vĩnh Lộc
206	446770	VHX Vĩnh Yên	Thôn Hạ Vĩnh Yên Vĩnh Lộc

207	446780	VHX Vĩnh Quang	Eo LêVĩnh Quang Vĩnh Lộc
208	446798	VHX Vĩnh Thành	Thôn 2Vĩnh Thành Vĩnh Lộc
209	446810	VHX Vĩnh Ninh	Thọ VựcVĩnh NinhVĩnh Lộc
210	446850	VHX Vĩnh Hùng	Xóm Thẳng Vĩnh HùngVĩnh Lộc
211	446900	VHX Vĩnh Tân	Xóm 4Vĩnh TânVĩnh Lộc
212	446910	VHX Vĩnh Thịnh	xóm Đông Vĩnh ThịnhVĩnh Lộc
213	452379	VHX lâm phú	Bản ĐônLâm PhúLang Chánh
214	452410	VHX yên thẳng	Bản NgànYên ThẳngLang Chánh
215	452390	VHX quang hiến	Quang TânQuang HiếnLang Chánh
216	443390	VHX ĐỒNG LỘC	Thôn 3, Đồng lộc, Hậu lộc
217	443440	VHX CHÂU LỘC	Thôn Châu Tử 1, Châu Lộc, Hậu Lộc
218	443520	VHX HÒA LỘC	Xuân tiến, Hòa Lộc, Hậu Lộc
219	449780	VHX XUÂN TÂN	PHONG MỸ 1XUÂN TÂNTHỌ XUÂN
220	451210	VHX XUÂN SƠN	ĐỘI 5 THÔN BỐT THUỶXUÂN SƠNTHỌ XUÂN
221	451310	VHX BẮC LƯƠNG	ĐỘI 1BẮC LƯƠNGTHỌ XUÂN
222	451280	VHX NAM GIANG	THÔN PHỐ NEONAM GIANGTHỌ XUÂN
223	451040	VHX XUÂN THIÊN	XÓM 5 THÔN QuẢNG PHÚCXUÂN THIÊNTHỌ XUÂN

224	449720	VHX HẠNH PHÚC	THÔN 4HẠNH PHÚCTHỌ XUÂN
225	451200	VHX XUÂN GIANG	THÔN 5XUÂN GIANGTHỌ XUÂN
226	451110	VHX THỌ XƯƠNG	THÔN HỮU LỄ 4THỌ XƯƠNGTHỌ XUÂN
227	442040	VHX Quảng Cư	Minh CátQuảng CưSầm Sơn
228	452960	VHX SƠN ĐIỆN	Bản na ngưSƠN ĐIỆN QUAN SƠN
229	452992	VHX SƠN THỦY	Bản chung sơn SON THỦYQUAN SƠN
230	456440	VHX HẢI THANH	Thanh XuyênHẢI THANH TỈNH GIA
231	456830	VHX TÂN TRƯỜNG	Thôn 6 TÂN TRƯỜNG TỈNH GIA
232	456800	VHX TRÚC LÂM	Hữu Lộc TRÚC LÂM TỈNH GIA
233	456720	VHX THANH THỦY	Tào Sơn THANH THỦY TỈNH GIA
234	456680	VHX NGỌC LĨNH	Thôn 14NGỌC LĨNH TỈNH GIA
235	456630	VHX CÁC SƠN	Quế Sơn CÁC SƠN TỈNH GIA
236	456480	VHX NINH HẢI	Đại TiếnNINH HẢI TỈNH GIA
237	456510	VHX TÂN DÂN	Hồ Trung TÂN DÂN TỈNH GIA
238	456570	VHX HẢI CHÂU	Hòa Bình HẢI CHÂU TỈNH GIA
239	456490	VHX HẢI LĨNH	Thôn 7 HẢI LĨNH TỈNH GIA
240	456700	VHX THANH SƠN	Trung Sơn THANH SƠN TỈNH GIA

241	453049	VHX TAM THANH	Bản Piêng Pa, Xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn
242	452957	VHX TRUNG XUÂN	Bản Phiêng Phô, Xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn
243	452946	VHX TRUNG HẠ	Bản Xanh, xã Trung Hạ, huyện Quan Sơn
244	447008	VP KDTT Thạch Thành	Khu phố 1, TT Kim Tân, Thạch Thành
TỈNH NGHỆ AN			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	460000	Trung tâm Vinh	Số 02 Đường Nguyễn Thị Minh Khai TP.Vinh
2	461010	Đại Học Vinh	Đường Bạch Liêu Bến Thủy Vinh
3	461090	Bến Thủy	168 Đường Nguyễn Du Bến Thủy Vinh
4	461140	Đường 3-2	Đường 3/2 Hưng Dũng Vinh
5	461150	Hưng Dũng	Đường Nguyễn Phong Sắc Hưng Dũng Vinh
6	461250	Hưng Lộc	Đường Lê Viết Thuật Hưng Lộc Vinh
7	461540	Quán Bánh	414 Đường Nguyễn Trãi Nghi Phú Vinh
8	461590	Cửa Bắc	73 Đường Lê Lợi Khối 1 Lê Lợi Vinh
9	461600	Quán Bàu	51 Đường Mai Hắc Đế Lê Lợi Vinh
10	461610	Chợ Ga	02 Đường Phạm Bội Châu Lê Lợi Vinh
11	461850	Đôi Cung	160 Đường Trần Hưng Đạo Đôi Cung Vinh

12	461880	Đông Vĩnh	52 Đường Nguyễn Trường Tộ Đông Vĩnh Vinh
13	462030	Phương Hoàng	181 Đường Lê Duẩn Trung Đô Vinh
14	462400	Cửa Lò	Xã 3 xã Nghi Hương TX Cửa Lò
15	462410	Lan Châu	Khối I Thu ThủyThị xã Cửa Lò
16	462420	Cảng	Khối 2 Nghi Tân Cửa Lò
17	462430	Bình Minh	Khối 9 Nghi Tân Cửa Lò
18	462440	Chợ Sơn	Xóm Nam Phương Nghi Thu Thị xã Cửa Lò
19	462540	Hải Hòa	Khối Hải Giang 1 Nghi Hải Thị xã Cửa Lò
20	462600	Nghi Lộc	Khối 4 Thị trấn Quán Hạng Nghi Lộc
21	462680	Nghi Thạch	Xóm 1 Nghi Thạch Nghi Lộc
22	463120	Nghi Mũ	Xã 10 Nghi Mũ Nghi Léc
23	463300	Nghi Liên	Xóm 18a Nghi Liên TP Vinh
24	463450	Nghi Thái	Xã Thái Thị Nghi Thái Nghi Lộc
25	463500	Cửa Hội	Xóm Xuân Trang Nghi Xuân Nghi Lộc
26	463800	Diễn Châu	Khối 4 Thị Trấn Diễn Châu, Huyện Châu
27	463990	Yên Lý	Xóm 16 Diễn Yên Diễn Châu
28	464140	Cầu Bùng	Thôn 7 Diễn Kỷ Diễn Châu

29	464160	Chợ Dàn	Xã Nam Hồng Xã Diễn Hồng Diễn Châu
30	464200	Diễn Xuân	Đội 1 Diễn Xuân Diễn Châu
31	464540	Diễn Lộc	Đội 1 Diễn Lộc Diễn Châu
32	464570	Diễn An	Đội 14, xã Diễn An, Diễn Châu
33	464900	Quỳnh Lưu	Khối 1 Thị Trấn Cầu Giát Huyện Quỳnh Lưu
34	465160	Quỳnh Xuân	Xóm 16 Quỳnh Xuân Quỳnh Lưu
35	465240	Hoàng Mai	Xóm Thịnh Mỹ Quỳnh Thiện Quỳnh Lưu
36	465250	Kcn Hoàng Mai	Xóm Tân Sơn Quỳnh Thiện Quỳnh Lưu
37	465420	Chợ Tuần	Xóm 17 Hưng Tân Quỳnh Châu Quỳnh Lưu
38	465670	Chợ Ngò	Xóm 13 Sơn Hải Quỳnh Lưu
39	465860	Quỳnh Lương	Xóm 2 Quỳnh Lương Quỳnh Lưu
40	466200	Yên Thành	Khối 2 thị Trấn Yên Thành, Huyện Yên Thành
41	466231	Hợp Thành	Xóm Lý Nhân Hợp Thành Yên Thành
42	466320	Đô thành	Xóm Kim Chi Đô Thành Yên Thành
43	466470	Hậu thành	Xóm Chợ Mỗ Hậu Thanh Yên Thành
44	466610	Tây Thành	Trung Tâm Tây Thành Yên Thành
45	466751	Trung Thành	Xóm Đội Cung Xã Trung Thành Yên Thành

46	466850	Vân Tụ	Xóm Mẫu Long- Cầu Thông Liên Thành Yên Thành
47	466900	Công Thành	Xóm Ngã Tư Công Thành Yên Thành
48	466990	Bảo Nham	Xóm Trạm Bảo thành Yên Th nh
49	467400	Thái Hòa Nghĩa Đàn	Khối Tân Tiến Phường Hòa Hiếu Thị Xã Thái Hòa Nghĩa Đàn
50	467540	Bru Cực 1/5	Xóm Bình Hiếu Nghĩa Bình Nghĩa Đàn
51	467580	Nghĩa Minh	Xóm 9 Nghĩa Minh Nghĩa Đàn
52	467930	Nghĩa Hiếu	Xóm Lê Lai Nghĩa Hiếu Nghĩa Đàn
53	467970	Nghĩa An	Xóm Nho Hạp 8 Nghĩa An Nghĩa Đàn
54	468160	Chợ Mới	Xóm 8 Nghĩa Thuận Nghĩa Đàn
55	468400	Tân Kỳ	Khối 7 Thị Trấn Tân Kỳ Huyện Tân Kỳ
56	468460	Nghĩa hợp	Xóm 2 Nghĩa Hạp Tân Kỳ
57	468540	Tân phú	Xóm Vật Tư Tân Phú Tân Kỳ
58	468820	Tân An	Xóm Tân Tân An Tân Kỳ
59	469000	Quỳ Hợp	Khối Đông Hồ Thị Trấn Quỳ Hợp
60	469170	Đồng Nai	Xóm Đồng Nai Châu Quang Quỳ Hợp
61	469470	Quán Dinh	Xóm Dinh Nghĩa Xuân Quỳ Hợp
62	469700	Quỳ Châu	Khối 2 thị Trấn Quỳ Châu, Huyện Quỳ Châu

63	469710	Đò Ham	Bản Lâm Hội Châu Hội Quỳnh Châu
64	469820	Ta Chum	Bản Minh Tiến Châu Tiến Quỳnh Châu
65	469930	Châu Bình	Xóm 3/4 Châu Bình Quỳnh Châu
66	471100	Quế Phong	Khối 8 Thị trấn Kim Sơn Quế Phong
67	471320	Phú Phương	Xóm lâm trường Xã Tiền Phong
68	471400	Đô Lương	Khối 6 Thị trấn Đô Lương, Huyện Đô Lương
69	471500	Cầu Khuôn	Xóm 7 Hoà Sơn Đô Lương
70	471610	Giang Sơn	Xóm 1 Giang Sơn Đô Lương
71	471730	Chợ Trung	Xóm 2 Lam Sơn Đô Lương
72	471780	Nam Sơn	Xóm 5 Nam Sơn Đô Lương
73	471820	Đà Sơn	Xóm 1 Đà Sơn Đô Lương
74	471870	Thuận Sơn	Xóm 4 Thuận Sơn, Huyện Đô Lương
75	471910	Xuân Bài	Xóm 1 Xuân Sơn Đô Lương
76	472030	Trù Sơn	Xóm 1 Trù Sơn, Huyện Đô Lương
77	472140	Quang Sơn	Xóm 7 Quang Sơn Đô Lương
78	472400	Anh Sơn	Khối 5 Thị trấn Anh Sơn, Huyện Anh Sơn
79	472490	Lĩnh Sơn	Xóm 3 Lĩnh Sơn Anh Sơn

80	472720	Chợ Dừa	Xóm 12 Tường Sơn Anh Sơn
81	472770	Cây Chanh	Xóm 3 Đình Sơn Anh Sơn
82	473000	Con Cuông	Khối 5 Thị Trấn Con Cuông Huyện Con Cuông
83	473180	Khe Choảng	Bản Khe Choảng Châu Khê Con Cuông
84	473300	Tương Dương	Khối Hòa Bắc Thị Trấn Hòa Bình Tương Dương
85	473590	Cánh Tráp	Bản Cánh Tráp Tam Thái Tương Dương
86	473640	Khe Bó	Bản Khe Bó Tam Quang Tương Dương
87	473800	Kỳ Sơn	Khối 4 Thị Trấn Mường Xén Huyện Kỳ Sơn
88	473840	Khe Nằn	Bản Khe Nằn Chư Lưu Kỳ Sơn
89	474057	Nậm Cắn	Bản Tiền Tiêu Nậm Cắn Kỳ Sơn
90	474300	Hung Nguyên	Khối 15 Thị Trấn Hưng Nguyên, Huyện Hưng Nguyên
91	474450	Hung Xá	Xóm 3 Hưng Xá Hưng Nguyên
92	474640	Hung Châu	Xóm Trung Mỹ Hưng Phúc Hưng Nguyên
93	474900	Nam Đàn	Khối Phan Bội Châu Thị Trấn Nam Đàn
94	474920	Xuân Hòa	Xóm 1 Xuân Hoà Nam Đàn
95	474940	Chợ Vạc	Xóm 1 Nam Lĩnh Nam Đàn
96	474970	Nam Giang	Xóm 12 Nam Giang Nam Đàn

97	474990	Nam Anh	Xóm 5 Nam Anh Nam Đàn
98	475270	Chín Nam	Xóm 4 Nam Trung Nam Đàn
99	475470	Kim Liên	Xóm Mậu 1 Kim Liên Nam Đàn
100	475700	Thanh Chương	Khối 10 Thị trấn Thanh Chương
101	475820	Chợ Giang	Xóm Trường Minh Thanh Hưng Thanh Chương
102	475860	Chợ Giăng	Thôn 12 Thanh Tiên Thanh Chương
103	475890	Chợ Chùa	Thôn Liên Chung Phong Thịnh Thanh Chương
104	476030	Hạnh Lâm	Thôn 1 Thanh Mỹ Thanh Chương
105	476100	Ba Bến	Thôn 9 Thanh Thịnh Thanh Chương
106	476270	Chợ Rộ	Xóm Kim Tiến Võ Liệt Thanh Chương
107	476410	Chợ Phuồng	Xóm 1 Thanh Giang Thanh Chương
108	476470	Nguyệt Bồng	Xóm 9 Ngọc Sơn Thanh Chương
109	476520	Chợ Cồn	Xóm 12 Thanh Dương Thanh Chương
110	461910	Cửa Nam	155 Nguyễn Sinh Sắc, TP Vinh, Nghệ An
111	461580	BCP Hàng nặng Vinh	Số 02 Minh Khai Vinh Nghệ An
112	461091	KHL Phía Nam	Số 2 Nguyễn Thị Minh Khai, Vinh
113	463950	Bưu cục KHL Diễn Châu	Khối 4 Thị trấn Diễn châu

114	474325	Bưu cục KHL Hưng Nguyên	Khối 15 Thị trấn Hưng Nguyên
115	461252	Chợ cội	Đường Lê Viết Thuật Hưng lộc Vinh Nghệ an
116	461680	KCN bắc Vinh	Đường Đặng Thai Mai - Hưng Đông TP Vinh
117	475111	Nam Nghĩa	Xóm 4 Nam Nghĩa Nam Đàn Nghệ An
118	463930	BCP Diễn Châu	Khối 4 thị trấn Diễn Châu
119	471415	KHL Đô Lương	Khối 6 Thị trấn Đô lương
120	473920	Phát Kỳ Sơn	Khối 4 Mường Xén Kỳ Sơn
121	473340	Phát Tương Dương	Khối Hòa Bắc Hòa Bình Tương Dương
122	473030	Phát Con Cuông	Khối 5 Con Cuông
123	462830	Phát Nghi Lộc	Khối 4 Quán Hành Nghi Lộc
124	464930	Phát Quỳnh Lưu	Khối 1 Cầu Giát Quỳnh Lưu
125	468200	Nghĩa Đàn	Tân Hiếu Thị trấn Nghĩa Đàn
126	477400	Thị xã Thái Hòa	Hòa Hiếu thị xã Thái Hòa
127	479200	Thị xã Hoàng Mai	Khối Thịnh Mỹ P. Quỳnh Thiện TX. Hoàng Mai
128	461304	Ki ốt TP Kênh Bắc	138 Nguyễn Sỹ Sách Vinh Nghệ An
129	478960	BC phát phía Đông	Số 2 Nguyễn Thị Minh Khai Vinh NA
130	478980	BC phát phía Tây	Số 2 Nguyễn Thị Minh Khai Vinh NA

131	478970	BC phát phía Nam	Số 2 Nguyễn Thị Minh Khai Vinh NA
132	478950	BC phát phía Bắc	Số 2 Nguyễn Thị Minh Khai Vinh NA
133	461004	KHL Phía Đông	Số 2 Minh Khai Vinh Nghệ An
134	474670	BĐ-VHX Hưng Thịnh	Hưng Thịnh Hưng Nguyên Nghệ An
135	471450	BĐ-VHX Văn Sơn	Xóm 4 Văn sơn Đô Lương Nghệ An
136	471760	BĐ-VHX Ngọc Sơn	Xóm 2 Ngọc Sơn Đô Lương Nghệ An
137	465101	BĐ-VHX Quỳnh Thạch	Xóm 13 Quỳnh Thạch Quỳnh Lưu Nghệ An
138	465490	BĐ-VHX Quỳnh Tam	Xóm 3AQuỳnh Tam Quỳnh Lưu Nghệ An
139	467600	BĐ-VHX Nghĩa lâm	Hòa Hiếu TX Thái Hòa Nghệ An
140	463451	BĐ-VHX Nghi Thái	Khối 4 TT Quán Hành Nghi Lộc
141	463470	BĐ-VHX Phúc Thọ	Khối 4 TT Quán Hành Nghi Lộc
142	463810	BĐ-VHX Diễn Kim	Xóm Xuân Châu Diễn Kim Diễn Châu NA
143	463960	BĐ-VHX Diễn Mỹ	Chợ Đình Diễn Mỹ Diễn Châu NA
144	464420	BĐ-VHX Diễn Tân	Xóm 5 Diễn Tân Diễn Châu NA
145	471190	BĐ-VHX Châu Kim	Bản Kim Khê Châu Kim Quế Phong NA
146	468580	BĐ-VHX Nghĩa Hoàn	Xóm Việt Thắng Xã Nghĩa Hoàn Tân Kỳ NA
147	466680	BĐ-VHX Đồng Thành	Xóm Đồng Phú Đồng Thành

148	466350	BĐ-VHX Đức Thành	Xóm Lĩnh sơn Đức Thành
149	469120	BĐ-VHX Châu Lộc	Xóm Cầu Đá xã Châu Lộc Quỳnh Hợp NA
150	469800	BĐ-VHX Châu Bính	Bản Hạt Châu Bính Quỳnh Châu
151	469931	BĐ-VHX Châu Bình	Xóm 32 Châu Bình Quỳnh Châu
152	469860	BĐ-VHX Châu Phong	Xóm Mới Châu Phong Quỳnh Châu
153	462520	BĐ-VHX Nghi Hòa	Phường Nghi Hòa TX Cửa Lò
154	462541	BĐ-VHX Nghi Hải	Phường Nghi Hải TX Cửa Lò
155	462401	BĐ-VHX Nghi Thủy	Phường Nghi Thủy TX Cửa Lò
156	462441	BĐ-VHX Nghi Thu	Phường Nghi Thu TX Cửa Lò
157	474530	BĐ-VHX Hưng Xuân	Xóm 8 Hưng Xuân Hưng Nguyên
158	474480	BĐ-VHX Hưng Lĩnh	Xóm 9A Hưng Lĩnh Hưng Nguyên
159	474330	BĐ-VHX Hưng Tây	Chợ già Hưng Tây Hưng Nguyên
160	474360	BĐ-VHX Hưng Yên	Xóm 6 Hưng Yên Bắc Hưng Nguyên
161	471300	BĐ-VHX Mường Nọc	Ná Ngá xã Mường Nọc huyện Quế Phong
162	471210	BĐ-VHX Châu Thôn	Xóm Mới xã Châu Thôn huyện Quế Phong
163	471246	BĐ-VHX Tri Lễ	Na Niếng xã Tri Lễ huyện Quế Phong
164	475920	BĐ-VHX Cát Văn	Xã Cát Văn

165	476040	BĐ-VHX Hạnh Lâm	Xã Hạnh Lâm
166	476521	BĐ-VHX Thanh Dương	Xã Thanh Dương
167	476600	BĐ-VHX Thanh Đức	Xã Thanh Đức
168	476240	BĐ-VHX Thanh Chi	Xã Thanh Chi
169	476190	BĐ-VHX Thanh Hà	Xã Thanh Hà
170	476170	BĐ-VHX Thanh Khê	Xã Thanh Khê
171	475770	BĐ-VHX Thanh Phong	Xã Thanh Phong
172	476150	BĐ-VHX Thanh Thủy	Xã Thanh Thủy
173	476560	BĐ-VHX Thanh Yên	Xã Thanh Yên
174	475980	BĐ-VHX Thanh Liên	Xã Thanh Liên
175	468650	BĐ-VHX Tân An	Xóm Tân Thành Xã Tân An Tân Kỳ
176	468620	BĐ-VHX Giai Xuân	Xóm Đồi Chè Xã Giai Xuân Tân Kỳ
177	468420	BĐ-VHX Kỳ Tân	Xóm 5 Xã Kỳ Tân Tân Kỳ
178	468710	BĐ-VHX Đồng Văn	Xóm Vĩnh Đồng Xã Đồng Văn Tân Kỳ
179	468480	BĐ-VHX Nghĩa Đồng	Xóm Sa Nam Xã Nghĩa Đồng Tân Kỳ
180	468500	BĐ-VHX Nghĩa Bình	Xóm 8 Xã Nghĩa Bình Tân Kỳ
181	468440	BĐ-VHX Nghĩa Dũng	Xóm Tân Thọ Xã Nghĩa Dũng Tân Kỳ

182	468790	BĐ-VHX Nghĩa Hành	Xóm 8 Xã Nghĩa Hành Tân Kỳ
183	468520	BĐ-VHX Nghĩa Thái	Xóm Vĩnh Lộc Xã Nghĩa Thái Tân Kỳ
184	462910	BĐ-VHX Nghi Yên	Xóm Trung Sơn Nghi Yên Nghi Lộc
185	462940	BĐ-VHX Nghi Thuận	Xóm 11 Nghi Thuận Nghi Lộc
186	463090	BĐ-VHX Nghi Hoa	Xóm 10 Nghi Hoa Nghi Lộc
187	463020	BĐ-VHX Nghi Phương	Xóm 6 Nghi Phương Nghi Lộc
188	463140	BĐ-VHX Nghi Lâm	Xóm 10 Nghi Lâm Nghi Lộc
189	463270	BĐ-VHX Nghi Vạn	Xóm Chợ Nghi Vạn Nghi Lộc
190	463220	BĐ-VHX Nghi Công Nam	Xóm 8 Nghi Công Nam Nghi Lộc
191	462610	BĐ-VHX Nghi Trung	Xóm 18 Nghi Trung Nghi Lộc
192	462770	BĐ-VHX Nghi Xá	Xóm 2 Nghi Xá Nghi Lộc
193	465190	BĐ-VHX Mai Hùng	Khối 8 P. Mai Hùng TX Hoàng Mai
194	464970	BĐ-VHX Quỳnh Bảng	Chí Thành X. Quỳnh Bảng Quỳnh Lưu
195	465220	BĐ-VHX Quỳnh Dị	K Quang TrungQuỳnh Dị TX Hoàng Mai
196	465080	BĐ-VHX Quỳnh Hậu	Xóm 8 Quỳnh Hậu Quỳnh Lưu
197	465380	BĐ-VHX Quỳnh Hoa	Xóm 4 Quỳnh Hoa Quỳnh Lưu
198	465531	BĐ-VHX Quỳnh Lâm	Xóm 3 Quỳnh Lâm Quỳnh Lưu

199	465040	BĐ-VHX Quỳnh Lộc	Xóm 6 Quỳnh Lộc TX Hoàng Mai
200	465400	BĐ-VHX Quỳnh Tân	Xóm 5 Quỳnh Tân Quỳnh Lưu
201	465330	BĐ-VHX Quỳnh Thắng	Xóm 5 TT Quỳnh Thắng Quỳnh Lưu
202	465260	BĐ-VHX Quỳnh Vinh	Đồi Cửa Quỳnh Vinh TX Hoàng Mai
203	465780	BĐ-VHX Tiến Thủy	Phong Tiến Tiến Thủy Quỳnh Lưu
204	465610	BĐ-VHX Quỳnh Diện	Xóm 1 Quỳnh Diện Quỳnh Lưu
205	468040	BĐ-VHX Đông Hiếu	Xã Đông Hiếu TX Thái Hòa Nghệ an
206	467541	BĐ-VHX Thị trấn	Thị trấn Nghĩa Đàn Nghệ An
207	467720	BĐ-VHX Nghĩa Hồng	Xã Nghĩa Hồng Nghĩa Đàn nghệ an
208	467460	BĐ-VHX Nghĩa Hội	Xã Nghĩa Hội Nghĩa Đàn Nghệ an
209	468010	BĐ-VHX Nghĩa Khánh	Xã Nghĩa Khánh Nghĩa Đàn Nghệ an
210	468130	BĐ-VHX Nghĩa Mỹ	Xã Nghĩa Mỹ TX Thái Hòa Nghệ An
211	467800	BĐ-VHX Nghĩa Quang l	Ph. Quang Tiến TX Thái Hòa nghệ An
212	467900	BĐ-VHX Nghĩa Tiến	Xã Nghĩa Tiến TX Thái Hòa Nghệ An
213	467650	BĐ-VHX Nghĩa Yên	Xã Nghĩa Yên Nghĩa Đàn Nghệ an
214	467880	BĐ-VHX Tây Hiếu	Xã Tây Hiếu tx Thái Hòa nghệ an
215	467401	BĐ-VHX Thái Hòa	Ph. Hòa hiếu TX Thái Hòa Nghệ An

216	468162	BĐ-VHX Nghĩa Thuận	Xã Nghĩa Thuận TX Thái Hòa nghệ An
217	471680	BĐ-VHX Bắc Sơn	Xóm 5 Bắc Sơn Đô Lương
218	472090	BĐ-VHX Đại Sơn	Xóm 6 Đại Sơn Đô lương
219	471611	BĐ-VHX Giang Sơn Đông	Xóm Phố Giang Sơn Đông Đô Lương
220	472060	BĐ-VHX Hiến Sơn	Xóm Văn Đồng Hiến Sơn Đô Lương
221	471960	BĐ-VHX Minh Sơn	Xóm 9 Minh Sơn Đô Lương
222	472010	BĐ-VHX Mỹ Sơn	Xóm 4 Mỹ Sơn
223	471990	BĐ-VHX Nhân Sơn	Xóm 7 Nhân Sơn Đô lương
224	472110	BĐ-VHX Thái Sơn	Xóm 7 Thái Sơn
225	471470	BĐ-VHX Thịnh Sơn	Xóm 8 Thịnh Sơn Đô Lương
226	471871	BĐ-VHX Thuận Sơn	Xóm 4 Thuận Sơn Đô Lương
227	471850	BĐ-VHX Trung Sơn	Xóm 3 Trung Sơn
228	471430	BĐ-VHX Yên Sơn	Yên Hương Yên Sơn
229	466280	BĐ-VHX Hồng Thành	Xóm Tân Xuân Hồng Thành Yên Thành
230	466830	BĐ-VHX Đại Thành	Xóm 2 Đại Thành Yên Thành
231	466940	BĐ-VHX Long Thành	Xóm Giáp Bồn Long Thành Yên Thành
232	466970	BĐ-VHX Khánh Thành	Xóm Đông Phú Khánh Thành Yên Thành

233	466510	BĐ-VHX Mã Thành	Xóm Đồng Bàu Mã Thành Yên Thành
234	466750	BĐ-VHX Trung Thành	Xóm Đội Cung Trung Thành Yên Thành
235	466430	BĐ-VHX Phúc Thành	Xóm Xuân Sơn Phúc Thành Yên Thành
236	467050	BĐ-VHX Viên Thành	Xóm Hậu Sơn Viên Thành Yên Thành
237	466590	BĐ-VHX Quang Thành	Xóm Sơn Thành Quang Thành Yên Thành
238	466300	BĐ-VHX Thọ Thành	Xóm Tam Hợp Thọ Thành Yên Thành
239	466410	BĐ-VHX Văn Thành	Xuân Châu Văn Thành Yên Thành
240	469370	BĐ-VHX Châu Đình	Xóm Mới xã Châu Đình Quỳnh Hợp
241	469280	BĐ-VHX Châu Cường	Xóm 2 xã Châu Cường Quỳnh Hợp
242	469171	BĐ-VHX Châu Quang	Xóm Quang Vinh Châu Quang Quỳnh Hợp
243	469430	BĐ-VHX Minh Hợp	Xóm Minh Tâm xã Minh Hợp Quỳnh Hợp
244	469040	BĐ-VHX Thọ Hợp	Xóm Thọ Sơn xã Thọ Hợp Quỳnh Hợp
245	469060	BĐ-VHX Tam hợp	Xóm Tân Mỹ xã Minh Hợp Quỳnh Hợp
246	461660	BĐ-VHX Hưng Đông	245 Đường Nguyễn Trường Tộ Xã Hưng Đông
247	461230	BĐ-VHX Hưng Hòa	Đường Ven Sông Lam Phong Hảo Hưng Hòa
248	461541	BĐ-VHX Nghi Phú	Xóm 12 Trương Văn Lĩnh Xã Nghi Phú
249	463301	BĐ-VHX Nghi Liên	Xóm 6 Xã Nghi Liên (Gần UBND Xã)

250	463360	BĐ-VHX Nghi Ân	Xóm Trung Tâm - Xã Nghi Ân - TP Vinh
251	463390	BĐ-VHX Nghi Đức	Xóm Xuân Hương -Xã Nghi Đức TP Vinh
252	463330	BĐ-VHX Nghi Kim	Xóm 5 Xã Nghi Kim (Gần UBND) Vinh
253	464271	BĐ-VHX Diễn Đồng	Xóm 2 Diễn Đồng
254	463840	BĐ-VHX Diễn Hùng	Xóm 5 Diễn Hùng
255	463860	BĐ-VHX Diễn Hoàng	Xóm 11 Diễn Hoàng
256	464120	BĐ-VHX Diễn Hoa	Xóm 5 Diễn Hoa
257	464081	BĐ-VHX Diễn Lâm	Xóm 7 Nam Lâm Diễn Lâm
258	464300	BĐ-VHX Diễn Nguyên	Xóm 7 Diễn Nguyên
259	464500	BĐ-VHX Diễn Phú	Xóm 9 Diễn phú
260	464290	BĐ-VHX Diễn Quảng	Xóm 1 Diễn Quảng
261	464600	BĐ-VHX Diễn Thành	Xóm 6 Diễn Thành
262	464220	BĐ-VHX Diễn Tháp	Xóm 8 Diễn Tháp
263	464620	BĐ-VHX Diễn Thịnh	Xóm 8 Diễn Thịnh
264	464440	BĐ-VHX Diễn Thọ	Xóm 5 Đông Thọ Diễn Thọ
265	472820	BĐ-VHX Hoa Sơn	Xóm 3 Hoa Sơn Anh Sơn
266	472721	BĐ-VHX Tường Sơn	Xóm 12 Tường Sơn Anh Sơn

267	472800	BĐ-VHX Tam Sơn	Xóm 5 Tam Sơn Anh Sơn
268	472680	BĐ-VHX Hùng Sơn	Xóm 3 Hùng Sơn Anh Sơn
269	472420	BĐ-VHX Thạch Sơn	Xóm 4 Thạch Sơn Anh Sơn
270	472850	BĐ-VHX Phúc Sơn	Xóm 1 Phúc Sơn Anh Sơn
271	472440	BĐ-VHX Long Sơn	Xóm 3 Long Sơn Anh Sơn
272	472470	BĐ-VHX Cao Sơn	Xóm 4 Cao Sơn Anh Sơn
273	473384	BĐ-VHX Nga My	Bản Bay Nga My Tương Dương
274	475390	BĐ-VHX Hồng Long	Xóm 6 Xã Hồng Long Huyện Nam Đàn
275	475471	BĐ-VHX Kim Liên	Xóm Hồng 2 Xã Kim Liên Nam Đàn
276	474991	BĐ-VHX Nam Anh	Xóm 4 Xã Nam Anh Nam Đàn
277	475340	BĐ-VHX Nam Cường	Xóm 9 Xã Nam Cường Nam Đàn
278	475300	BĐ-VHX Nam Kim	Xóm Đặc Sản Xã Nam Kim Nam Đàn
279	475060	BĐ-VHX Nam Thanh	Xóm 7A Xã Nam Thanh Nam Đàn
280	475271	BĐ-VHX Nam Trung	Xóm 6 Xã Nam Trung Nam Đàn
281	475010	BĐ-VHX Nam Xuân	Xóm 7 Xã Nam Xuân Nam Đàn
282	475410	BĐ-VHX Xuân Lâm	Xóm 7 Xã Xuân Lâm Nam Đàn
283	473801	BĐVH Thị trấn	Khối 1 Thị trấn Mường xén Kỳ sơn

284	473961	BĐVH Huồi Tụ	Bản Trung tâm xã Huồi tụ Kỳ sơn
285	473080	BĐVH Xã Bồng Khê	Thôn 2/9- Bồng Khê - Con Cuông
286	471148	VHX Đồng Văn	Bản Đồng Mới Xã Đồng Văn Quế Phong
287	471342	VHX Cẩm Muộn	Bản Mòng 1 Xã Cẩm Muộn Quế Phong
288	469090	VHX Đồng Hợp	Xóm hợp thuận xã đồng hợp huyện Quỳnh hợp
289	469400	VHX Văn Lợi A	Xóm Xuân lợi xã Văn Lợi huyện Quỳnh hợp
290	469330	VHX Châu Lý	Xóm Bản Cồn xã Châu Lý huyện Quỳnh hợp
291	465710	VHX An Hòa	Xóm Quyết Thắng An Hòa Quỳnh Lưu
292	465530	VHX Quỳnh Giang	Xóm 6 Quỳnh Giang Quỳnh Lưu
293	465590	VHX Quỳnh Hưng	Xóm 6 Quỳnh Hưng Quỳnh Lưu
294	465650	VHX Quỳnh Ngọc	Xóm 5 Quỳnh Ngọc Quỳnh Lưu
295	465671	VHX Sơn Hải	Xóm 4 Sơn Hải Quỳnh Lưu
296	465740	VHXQuỳnh Thuận	Xóm Phú Yên Quỳnh Thuận Quỳnh Lưu
297	465880	VHX Tân Thắng	Xóm 26/3 Tân Thắng Quỳnh Lưu
298	465800	VHXQuỳnh Yên	Xóm 10 Quỳnh Yên Quỳnh Lưu
299	465450	VHX Quỳnh Mỹ	Xóm 6 Quỳnh Mỹ Quỳnh Lưu
300	464940	VHXQuỳnh Thanh	Xóm 8 Quỳnh Thanh Quỳnh Lưu

301	465130	VHXQuỳnh Văn	Xóm 16 Quỳnh Văn Quỳnh Lưu
302	465510	VHXTân Sơn	Xóm 4 Tân Sơn Quỳnh Lưu
303	476120	VHXThanh An	Xã Thanh An
304	476540	VHXThanh Lương	Xã Thanh Lương
305	476471	VHXNgọc Sơn	Xã Ngọc Sơn
306	476430	VHXThanh Lâm	Xã Thanh Lâm
307	476380	VHXThanh Xuân	Xã Thanh Xuân
308	476320	VHXThanh Mai	Xã Thanh Mai
309	476300	VHXThanh Tùng	Xã Thanh tùng
310	475891	VHXPhong Thịnh	Xã phong Thịnh
311	475960	VHXThanh Nho	Xã Thanh Nho
312	475750	VHXThanh Đồng	Xã Thanh đồng
313	476101	VHXThanh Thịnh	Xã Thanh Thịnh
314	468541	VHXTân Phú	Tân Thái Tân Phú Tân Kỳ Nghệ An
315	468600	VHXTân Xuân	Hoàng Trang Tân Xuân Tân Kỳ Nghệ An
316	468630	VHX Tân Hợp	Yên Hòa Tân Hợp Tân Kỳ Nghệ An
317	463217	VHX Nghi Công Bắc	Xóm 7 Nghi Công Bắc

318	463170	VHX Nghi Kiều	Xóm 10 Nghi kiều
319	462810	VHX Nghi Long	Xóm 8 Nghi Long
320	462840	VHX Nghi Quang	Thành Vinh II Nghi Quang
321	462860	VHX Nghi Thiết	Xóm Đông Nghi Thiết
322	463050	VHX Nghi Văn	Xóm 6 Nghi Văn
323	467550	VHX Nghĩa Bình	Bình Lâm Nghĩa Bình
324	467990	VHX Nghĩa Đức	Xóm 3 Nghĩa Đức
325	467920	VHX Nghĩa Hiếu	Xóm trung tâm Nghĩa Hiếu
326	467770	VHX Nghĩa Hưng	Xóm 6 Nghĩa Hưng
327	467570	VHX Nghĩa Lạc	Xóm môn Nghĩa Lạc
328	467860	VHX Nghĩa Liên	Xóm Hiệp 2 Nghĩa Liên
329	468090	VHX Nghĩa Lộc	Xóm Thọ lộc Nghĩa Lộc
330	467520	VHX Nghĩa Lợi	Xóm ngọc Hưng Nghĩa Lợi
331	468070	VHX Nghĩa Long	Xóm nam long Nghĩa Long
332	467680	VHX Nghĩa Mai	Xóm 3a Nghĩa Mai
333	467500	VHX Nghĩa Phú	Xóm phú thọ Nghĩa Phú
334	467850	VHX Nghĩa Tân	Xóm quán mít Nghĩa Tân

335	467830	VHX Nghĩa Thắng	Xóm sinh Nghĩa Thắng
336	467750	VHX Nghĩa Thịnh	Xóm 9 Nghĩa Thịnh
337	467490	VHX Nghĩa Thọ	Xóm Trống Nghĩa Thọ
338	475200	VHX Khánh Sơn	Xóm 9 Xã Khánh Sơn 2 Huyện Nam Đàn Tỉnh Nghệ An
339	475250	VHX Nam Phúc	Xóm 5 Xã Nam Phúc Nam Đàn Nghệ An
340	475180	VHX Nam Lộc	Xóm 6 Xã Nam Lộc Nam Đàn Nghệ An
341	475150	VHX Nam Tân	Xóm 5 Xã Nam Tân Nam Đàn Nghệ An
342	475110	VHX Nam Nghĩa	Xóm 6 Xã Nam Nghĩa Nam Đàn Nghệ An
343	475450	VHX Nam Cát	Xóm Đồng Chăm Xã Nam Cát Nam Đàn Nghệ An
344	474941	VHX Nam Lĩnh	Xóm 5 Nam Lĩnh Nam Đàn Nghệ An
345	471561	VHX Trảng Sơn	Xóm 5 Trảng sơn
346	471821	VHX Đà Sơn	Xóm 4 Trảng sơn
347	471890	VHX Lạc Sơn	Xóm5 Lạc sơn
348	471540	VHX Bài Sơn	Liên sơn Bài sơn
349	472031	VHX Trù Sơn	Xóm 6 Trù sơn
350	472160	VHX Thượng Sơn	Xóm 15 Thượng sơn
351	471660	VHX Đặng Sơn	Xóm 3 Đặng sơn

352	471781	VHX Nam Sơn	Xóm 4 Nam sơn
353	472520	VHX Khai Sơn	Xóm 7 Khai Sơn Anh Sơn Nghệ An
354	472540	VHX Lạng Sơn	Xóm 6 Lạng Sơn Anh Sơn Nghệ An
355	472750	VHX Cẩm Sơn	Xóm 5 Cẩm sơn Anh Sơn Nghệ An
356	472771	VHX Đình Sơn	Xóm 32 Đình sơn Anh Sơn Nghệ An
357	472580	VHX Vĩnh Sơn	Xóm 5 Vĩnh Sơn Anh Sơn Nghệ An
358	472660	VHX Thọ Sơn	Xóm 6 Thọ Sơn Anh Sơn Nghệ An
359	464320	VHX Diễn Bình	Xóm 1 Diễn Bình Diễn châu
360	464180	VHX Diễn Hạnh	Xóm 3 Diễn Hạnh Diễn châu
361	464050	VHX Diễn Đoài	Xóm 6 Diễn Đoài Diễn châu
362	463820	VHX Diễn Hải	Xóm 3 Diễn Hải Diễn châu
363	464240	VHX Diễn Liên	Xóm 3 Diễn Liên Diễn châu
364	464480	VHX Diễn Lợi	Xóm 5 Diễn Lợi Diễn châu
365	464340	VHX Diễn Minh	Xóm 4 Diễn Minh Diễn châu
366	464360	VHX Diễn Phúc	Xóm 4 Diễn Phúc Diễn châu
367	464270	VHX Diễn Thái	Xóm 6 Diễn Thái Diễn châu
368	464020	VHX Diễn Trường	Xóm 12 Diễn Trường Diễn châu

369	464201	VHX Diễn Xuân	Xóm 6 Diễn Xuân Diễn châu
370	463920	VHX Diễn Vạn	Xóm Yên Đồng Diễn Vạn Diễn Châu
371	467940	VHX Nghĩa Hòa	Xóm 1 xã Nghĩa Hòa
372	467801	VHX Quang Phong	Khối Nghĩa Sơn Quang Phong
373	466790	VHX Nam Thành	Xóm Trần Phú Nam Thành Yên Thành
374	466851	VHX Liên Thành	Xóm 6 Liên Thành Yên Thành
375	466201	VHX Thị Trấn	Khối 1 Thị Trấn Yên Thành
376	466641	VHX Tăng Thành	Xóm 2 Tăng Thành Yên Thành
377	466640	VHX Lãng Thành	Xóm 3 Lãng Thành Yên Thành
378	466380	VHX Tân Thành	Thị Tứ Tân Thành Yên Thành
379	466250	VHX Phú Thành	Xóm Nam Hồng Phú Thành Yên Thành
380	467100	VHX Nhân Thành	Xóm Nhân Cao Nhân Thành Yên Thành
381	466810	VHX Lý Thành	Xóm 10 Lý Thành Yên Thành
382	466770	VHX Minh Thành	Xóm 2 Minh Thành Yên Thành
383	466660	VHX Xuân Thành	Xóm 6 Xuân Thành Yên Thành
384	466700	VHX Thịnh Thành	Xóm Mỹ Thịnh Thịnh Thành Yên Thành
385	466870	VHX Mỹ Thành	Xóm 8 Mỹ Thành Yên Thành

386	466570	VHX Kim Thành	Ngọc Liên Kim Thành Yên Thành
387	469750	VHX Châu Hạnh	Tân Hương TT Tân Lạc
388	469840	VHX Châu Thắng	Xóm Mới Châu Thắng
389	473310	VHX Thạch Giám	Bản Cây Me Xã Thạch Giám H Tương Dương
390	473200	VHX Lục Dạ	Xã Lục Dạ, Huyện Con Cuông
391	473180	VHX Khe Choảng	Xã Khe Choảng, Huyện Con Cuông
392	473220	VHX Môn Sơn	Xã Môn Sơn, Huyện Con Cuông
393	473930	VHX Phà Đánh	Bản Kéo Lực 3 xã Phà Đánh Kỳ sơn
394	473914	VHX Mường Lống	Bản Trung tâm xã Mường Lống Kỳ sơn
395	474600	VHX Hưng Châu	Hưng Châu Hưng Nguyên Nghệ An
396	474500	VHX Hưng Tân	Hưng Tân Hưng Nguyên Nghệ An
397	474440	VHX Hưng Thông	Hưng Thông Hưng Nguyên Nghệ An
398	474700	VHX Hưng Chính	Xóm 3 Hưng Chính
399	465000	VHX Quỳnh Liên	Xóm 10 quỳnh liên TX hoàng mai
400	465300	VHX Quỳnh Trang	Xóm 8 Quỳnh Trang TX Hoàng Mai
401	465725	VHX Quỳnh Xuân	Xóm 5 Quỳnh Xuân TX Hoàng Mai
402	465700	VHX Quỳnh Thọ	Xóm Thọ Thắng Quỳnh Thọ Quỳnh Lưu

403	465470	VHX Ngọc Sơn	Xóm 6 Ngọc Sơn Quỳnh Lưu
404	465840	VHX Quỳnh Minh	Xóm 6 Quỳnh Minh Quỳnh Lưu
405	465820	VHX Quỳnh Nghĩa	Xóm 5 Quỳnh Nghĩa Quỳnh Lưu
406	461881	VHX Đông Vĩnh	Số 54 Nguyễn Trường Tộ, TP.Vinh
407	462490	VHX Nghi Hương	Phường Nghi Hương TX Cửa Lò Nghệ An
408	463240	VHX Nghi Diên	Xóm 7 Nghi Diên
409	462740	VHX Nghi Khánh	Xóm Khánh Tiến
410	462970	VHX Nghi Hưng	Xóm 13 Nghi Hưng
411	463410	VHX Nghi Phong	Xóm 18 Nghi Phong
412	462710	VHX Nghi Thịnh	Xóm 14 Nghi Thịnh
413	462880	VHX Nghi Tiến	Xóm 7 Nghi Tiến
414	469226	VHX Liên Hợp	Xóm 2 xã Liên hợp Quỳnh hợp
415	469140	VHX Yên Hợp	Xóm thái lão xã Yên hợp , Quỳnh hợp
416	469471	VHX Nghĩa Xuân	Xóm Liên xuân xã Nghĩa Xuân, Quỳnh hợp
417	469521	VHX Hạ Sơn	Xóm Xiêm xã Hạ Sơn , Quỳnh hợp
418	469300	VHX Châu Thái	Xóm bản tiêng xã Châu Thái , Quỳnh hợp
419	469367	VHX Bắc Sơn	Xóm bản mảnh xã Bắc Sơn , Quỳnh hợp

420	469327	VHX Nam Sơn	Xóm bản tăng xã Nam sơn , Quỳ hợp
421	469250	VHX Châu Hồng	Xóm Na Hiêng Xã Châu hồng , Quỳ hợp
422	469268	VHX Châu Thành	Xóm Trung Thành Xã Châu thành , Quỳ hợp
423	469239	VHX Châu Tiến	Xóm bản mới xã Châu tiến , Quỳ hợp
424	469411	VHX Văn Lợi B	Xóm văn giai xã Văn lợi , Quỳ hợp
425	471332	VHX Thông Thụ	Bản Lốc Thông Thụ Quế Phong
426	471176	VHX Hạnh Dịch	Bản Chàm Hạnh Dịch Quế Phong
427	471293	VHX Quang Phong	Bản Ca Quang Phong Quế Phong
428	471360	VHX Quế Sơn	Xóm Phong Quang Quế Sơn Quế Phong
429	473160	VHX Yên Khê	Xã Yên Khê Huyện Con Cuông
430	473110	VHX Cam Lâm	Xã Cam Lâm Huyện Con Cuông
431	473120	VHX Lạng Khê	Xã Lạng Khê Huyện Con Cuông
432	473100	VHX Đôn Phục	Xã Đôn Phục Huyện Con Cuông
433	473040	VHX Thạch Ngàn	Xã Thạch Ngàn Huyện Con Cuông
434	468680	VHX Nghĩa Phúc	Tân Hoa Nghĩa Phúc Tân Kỳ Nghệ An
435	468770	VHX Phú Sơn	Bắc Sơn Phú Sơn Tân Kỳ Nghệ An
436	468401	VHX Thị Trấn	Khối 2 Thị Trấn Tân Kỳ Nghệ An

437	468560	VHX Tân Long	Tân Lập Tân Long Tân Kỳ Nghệ An
438	468750	VHX Tiên Kỳ	xóm 2 Tiên Kỳ Tân Kỳ Nghệ An
439	468830	VHX Kỳ Sơn	Tiền Phong 2 Kỳ Sơn Tân Kỳ Nghệ An
440	468831	VHX Cầu Trôi	Cầu Trôi Kỳ Sơn Tân Kỳ Nghệ An
441	468730	VHX Hương Sơn	Tân Quang Hương Sơn Tân Kỳ Nghệ An
442	468461	VHX Nghĩa Hợp	Xóm 4 Nghĩa Hợp Tân Kỳ Nghệ An
443	466730	VHX Bắc Thành	Xóm 2 Bắc Thành Yên Thành
444	466611	VHX Tây Thành	Xóm Thành Sơn Tây Thành Yên Thành
445	467020	VHX Sơn Thành	Xóm 12 Sơn Thành Yên Thành
446	467070	VHX Vĩnh Thành	Xóm Tân Vĩnh Vĩnh Thành Yên Thành
447	466210	VHX Hoa Thành	Xóm Lùm Hoa Hoa Thành Yên Thành
448	466991	VHX Bảo Thành	Xóm 6 Bảo Thành Yên Thành
449	466230	VHX Hợp Thành	Xóm 5 Hợp Thành Yên Thành
450	466901	VHX Công Thành	Xóm Ngọc Hạ Xã Công Thành Yên Thành
451	466471	VHX Hùng Thành	Xóm 2 Hùng Thành Yên Thành
452	465060	VHX Quỳnh Lập	Xóm Hợp Tiến Quỳnh Lập TX Hoàng Mai
453	464408	VHX Diễn Thắng	xóm 3 Diễn Thắng Diễn Châu

454	464571	VHX Đền Cuông	Xóm 12 Diễn An Diễn Châu
455	463890	VHX Diễn Ngọc	Tây lộc Diễn Ngọc Diễn Châu
456	463940	VHX Diễn Phong	Xóm 5 Diễn Phong Diễn Châu
457	463991	VHX Diễn Yên	xóm 14 Diễn Yên Diễn Châu
458	464161	VHX Diễn Hồng	Xuân Đình Diễn Hồng Diễn Châu
459	464660	VHX Diễn Trung	xóm 9 Diễn Trung Diễn Châu
460	472700	VHX Thành Sơn	Xóm 7 Thành Sơn Anh Sơn Nghệ An
461	472630	VHX Bình Sơn	Xóm 11 Bình Sơn Anh Sơn Nghệ An
462	472560	VHX Tào Sơn	Xóm 3 Tào Sơn Anh Sơn Nghệ An
463	472491	VHX Lĩnh Sơn	Xóm 8 Lĩnh Sơn Anh Sơn Nghệ An
464	472401	VHX Hội Sơn	Xóm 9 Hội Sơn Anh Sơn Nghệ An
465	472600	VHX Đức Sơn	Xóm Trung tâm Đức Sơn Anh Sơn Nghệ An
466	469821	VHX Châu Tiến	Bản Hợp Tiến xã Châu Tiến
467	469780	VHX Châu Thuận	Bản Piu xã Châu Thuận
468	469711	VHX Châu Hội	Bản Hội 1 xã Châu Hội
469	469730	VHX Châu Nga	Bản Thanh Sơn xã Châu Nga
470	469890	VHX Châu Hoàn	Bản Na Ba xã Châu Hoàn

471	469910	VHX Diên Lãm	Bản Xếp Hóc xã Diên Lãm
472	471501	VHX Hòa Sơn	Xóm Đông Xuân Hòa Sơn
473	471731	VHX Lam Sơn	Xóm 8 Lam Sơn
474	471520	VHX Đông Sơn	Xóm 7 Đông Sơn
475	471700	VHX Bồi Sơn	Xóm 2 Bồi Sơn
476	471800	VHX Lưu Sơn	Xóm Diên Tiên Lưu Sơn
477	471911	VHX Xuân Sơn	Xóm 1 Xuân Sơn
478	471930	VHX Tân Sơn	Xóm 8 Tân Sơn
479	472150	VHX Quang Sơn	Xóm 11 Quang Sơn
480	471401	VHX Liên Sơn	Khối 6 Thị trấn
481	475801	VHX Thanh Tường	Xã Thanh Tường
482	476271	VHX Võ Liệt	Xã Võ Liệt
483	476080	VHX Thanh Hương	Xã Thanh Hương
484	476500	VHX Xuân Tường	Xã Xuân Tường
485	475840	VHX Thanh Văn	Xã Thanh Văn
486	476411	VHX Thanh Giang	Xã Thanh Giang
487	475720	VHX Thanh Ngọc	Xã Thanh Ngọc

488	476350	VHX Thanh Long	Xã Thanh Long
489	476581	VHX Thanh Khai	Xã Thanh Khai
490	476010	VHX Thanh Mỹ	Xã Thanh mỹ
491	475701	VHX Thị Trấn(Dùng)	Thị Trấn
492	475861	VHX Thanh Tiên	Xã Thanh Tiên
493	476220	VHX Đồng Văn	Xã đồng Văn
494	475821	VHX Thanh Hưng	Xã Thanh Hưng
495	476060	VHX Thanh Lĩnh	Xã Thanh lĩnh
496	475940	VHX Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa
497	473560	VHX Xá Lượng	Bản Cửa rào 1 Xá Lượng Tương Dương
498	473362	VHX Yên Hòa	Bản Cửa rào 1 Xá Lượng Tương Dương
499	473548	VHX Lượng Minh	Bản Minh Phương xã Lượng Minh Tương Dương
500	473616	VHX Tam Hợp	Bản Phà lỏm Tam HợpTương Dương
501	474550	VHX Hưng Lam	Hưng Lam Hưng Nguyên Nghệ An
502	473620	VHX Tam Đình	Bản Quang Yên Tam Đình H Tương Dương
503	473585	VHX Lưu Kiên	Bản Khe Kiên Lưu Kiên H Tương Dương
504	473591	VHX Tam Thái	Bản Can Tam Thái H Tương Dương

505	473641	VHX Tam Quang	Bản Bãi Xa Tam Quang H Tương Dương
506	473420	VHX Yên Na	Bản Xiềng Nứa Yên Na H Tương Dương
507	474060	VHX Tà Cạ	Bản Cánh Xả Tà Cạ Kỳ sơn
508	473860	VHX Hữu Lập	Bản Xốp Thạng xã Hữu Lập Kỳ Sơn
509	473820	VHX Hữu Kiệm	Bản Na Lượng Xã Hữu Kiệm Kỳ Sơn
510	473870	VHX Bảo Nam	Bản Nam Tiến 1 Xã Bảo Nam Kỳ sơn
511	473841	VHX Chiêu Lưu	Bản Khe Nằn Xã Chiêu Lưu Kỳ sơn
512	474630	VHX Hưng Mỹ	Hưng Mỹ Hưng Nguyên Nghệ An
513	474520	VHX Hưng Tiến	Hưng Tiến Hưng Nguyên Nghệ An
514	474460	VHX Hưng Long	Hưng Long Hưng Nguyên Nghệ An
515	474620	VHX Hưng Nhân	Hưng Nhân Hưng Nguyên Nghệ An
516	474390	VHX Hưng Đạo	Hưng Đạo Hưng Nguyên Nghệ An
517	474380	VHX Hưng Trung	Hưng Trung Hưng Nguyên Nghệ An
518	474610	VHX Hưng Khánh	Hưng Khánh Hưng Nguyên Nghệ An
519	474660	VHX Hưng Lợi	Hưng Lợi Hưng Nguyên Nghệ An
520	474590	VHX Hưng Thắng	Hưng Thắng Hưng Nguyên Nghệ An
521	474301	VHX Hưng Thái	Thị Trấn Hưng Nguyên Nghệ An

522	475170	VHX Nam Thượng	Xóm 2 Xã Nam Thượng Huyện Nam Đàn Tỉnh Nghệ An
523	475130	VHX Nam Hưng	Xóm 32 Xã Nam Hưng Nam Đàn Nghệ An
524	475360	VHX Hùng Tiến	Xóm Trang Thọ Xã Hùng Tiến Nam Đàn Nghệ An
525	469050	BCP Quỳnh Hợp	Khối Đông Hồ thị trấn Quỳnh Hợp Nghệ An
526	468220	BCP Nghĩa Đàn	Tân Hồng Thị trấn Nghĩa Đàn Nghệ An
527	471250	BCP Quế Phong	Khối 8 Kim Sơn Quế Phong Nghệ An
528	472460	BCP Anh Sơn	Khối 5 Thị Trấn Anh Sơn Nghệ An
529	468570	BCP Tân Kỳ	Khối 7 Thị Trấn Tân Kỳ Nghệ An
530	477460	BCP TX Thái Hòa	Khối Tân Tiến phường Hòa Hiếu TX Thái Hòa
531	462560	BCP Cửa Lò	Phường Nghi Hương TX Cửa Lò Nghệ An
532	471490	BCP Đô Lương	Khối 6 thị trấn Đô Lương Nghệ An
533	469850	BCP Quỳnh Châu	Khối 2 TT Tân Lạc Quỳnh Châu Nghệ An
534	475790	BCP Thanh Chương	Khối 9 Thị Trấn Thanh Chương Nghệ An
535	466270	BCP Yên Thành	Khối 2 Thị Trấn Yên Thành Nghệ An
536	475050	BCP Nam Đàn	Khối Phan Bội Châu TT Nam Đàn Nghệ An
537	474510	BCP Hưng Nguyên	Khối 15 Thị Trấn Hưng Nguyên Nghệ An
538	479220	BCP Hoàng Mai	Khối Thịnh Mỹ Quỳnh Thiện Hoàng mai Nghệ An

539	478169	BC3 KHL Phía Tây	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai TP Vinh Nghệ An
540	478168	BC3 KHL Phía Bắc	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai TP Vinh Nghệ An
541	464915	BC3 KHL Quỳnh Lưu	Khối 1 Cầu Giát, Quỳnh Lưu, Nghệ An
542	477245	BC3 KHL Thái Hòa	Khối Tân Tiến Phường Hòa Hiếu TX Thái Hòa
543	475090	BĐVHX- Nam Thái	Xóm 3 Xã Nam Thái Huyện Nam Đàn Tỉnh NA
544	462790	VHX Nghi Hợp	Xóm 5 Nghi hợp
545	463000	VHX Nghi Đồng	Xóm 7 Nghi Đồng
546	462681	VHX Nghi Thạch	Xóm 6 Nghi Thạch
547	465763	VHX Quỳnh Long	Quỳnh Long,Quỳnh Lưu ,Nghệ An
548	474570	VHX Hưng Phú	Xóm 3 Xã Hưng Phú Hưng Nguyên
549	467416	BC KHL Nghĩa Đàn	Tân Hồng Thị trấn Nghĩa Đàn Nghệ An
550	475713	BC KHL Thanh Chương	Khối 9 Thị Trấn Thanh Chương
551	463310	BC KHL Nghi Lộc	Khối 4, thị trấn Quán Hành
552	466204	BC KHL Yên Thành	Khối 2 Thị Trấn Yên Thành
553	479230	BC KHL Hoàng Mai	Thịnh Mỹ Quỳnh Thiện Hoàng Mai Nghệ An
554	474912	BC KHL Nam Đàn	Khối Phan Bội Châu TT Nam Đàn Nghệ An
555	471560	Tràng Thành	Tràng thành Tràng sơn Đô Lương

556	465630	VHX Quỳnh Bá	Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu ,Nghệ An
557	468580	BĐ VHX Nghĩa Hoàn	Xóm Việt Thắng Nghĩa Hoàn Tân Kỳ Nghệ An
558	473140	BĐ- VHX Chi Khê	Xã Chi Khê Huyện Con Cuông
559	473020	BĐ- VHX Mậu Đức	Xã Mậu Đức Huyện Con Cuông
560	468419	BC Lát	Khối 7 Thị Trấn Tân Kỳ Nghệ An
561	464380	BC Diễn cát	chợ cầu diễn cát Diễn châu
562	462650	VHX Nghi Trường	Xóm 6 Nghi trường nghi lộc nghệ an
563	477923	BCP Vinh 1	Số 2 Nguyễn Thị Minh Khai Vinh Nghệ An
564	477924	BCP Vinh 2	Số 2 Nguyễn Thị Minh Khai Vinh Nghệ An
565	464400	Bình Thắng	xóm 7 Diễn Thắng Diễn châu
566	464080	BC Chợ táo	Xóm 1 bắc lâm Diễn châu

TỈNH HÀ TĨNH

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	480000	Hà Tĩnh	Số 06 Đường Trần Phú Thành Phố Hà Tĩnh
2	484400	Nghi Xuân	Khối 2 Thị Trấn Nghi Xuân Huyện Nghi Xuân
3	483700	Hồng Lĩnh	Khối 4 Phường Bắc Hồng Thị Xã Hồng Lĩnh Huyện Hồng Lĩnh
4	482900	Can Lộc	Khối 1B Thị Trấn Nghèn Can Lộc Huyện Can Lộc

5	481900	Thạch Hà	Khối 10 Thị trấn Thạch Hà Huyện Thạch Hà
6	484900	Đức Thọ	Xóm 4 Thị trấn Đức Thọ Huyện Đức Thọ
7	485600	Hương Sơn	Khối 3, Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn
8	486900	Hương Khê	Khối 8, Thị trấn Hương Khê, Huyện Hương Khê
9	487600	Cẩm Xuyên	Tổ 13, Thị trấn Cẩm Xuyên, Huyện Cẩm Xuyên
10	488400	Kỳ Anh	Khu phố 1, Thị trấn Kỳ Anh, Huyện Kỳ Anh
11	489100	Lộc Hà	Xóm Xuân Nghĩa, Xã Thạch Bằng, Huyện Lộc Hà
12	486600	Vũ Quang	Khối 1, Thị trấn Vũ Quang, Huyện Vũ Quang
13	489400	TX Kỳ Anh	Khu phố 1 - Phường Sông Trí
14	481990	BCP Thạch Hà	Khối 10 thị trấn Thạch Hà, Thạch Hà, Hà Tĩnh
15	482950	BCP Can Lộc	Thị trấn Nghèn, Can Lộc, Hà Tĩnh
16	483810	BCP Hồng Lĩnh	70 đường Quang Trung, Phường Nam Hồng, TX Hồng Lĩnh
17	484490	BCP Nghi Xuân	Khối 2 Thị trấn Nghi Xuân
18	484990	BCP Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ, Đức Thọ, Hà Tĩnh
19	485690	BCP Hương Sơn	Khối 3 Thị trấn Phố Châu, Hương Sơn, Hà Tĩnh
20	486650	BCP Vũ Quang	Khối 1 Thị trấn Vũ Quang, Vũ Quang, Hà Tĩnh
21	486950	BCP Hương Khê	Khối 8 Thị trấn Hương Khê, Hương Khê, Hà Tĩnh

22	487690	BCP Cẩm Xuyên	Tổ 3 Thị trấn Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
23	488520	BCP Huyện Kỳ Anh	Thôn Tượng Phong xã Kỳ Phong
24	489190	BCP Lộc Hà	Xóm Quang Phú, xã Thạch Châu, Lộc Hà, Hà Tĩnh
25	489420	BCP TX Kỳ Anh	Khu phố 1, Phường Sông Trí, Thạch Hà, Hà Tĩnh
26	480200	Khai thác Hà Tĩnh	Số 8 - Trần Phú - Hà Tĩnh
27	489506	BC Kỳ Long 1	Thôn Long Sơn, Phường Kỳ Long
28	481110	BCP Hà Tĩnh	Số 8 - Trần Phú - Hà Tĩnh
29	481600	Cầu Phủ	Xã Đại Nài, Thành Phố Hà Tĩnh
30	482070	Thạch Bằng	Xóm Xuân Nghĩa, xã Thạch Bằng, H. Lộc Hà
31	480900	Hệ 1 Hà Tĩnh	TT Hà Tĩnh
1	481470	Bưu cục KHL	Số 08, đường Trần Phú, tp Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
2	487750	VHX Cẩm Nam	Thôn Nam Thành, Cẩm Nam, Cẩm Xuyên
3	482220	Thạch Văn	Xóm Bắc Văn, xã Thạch Văn, H. Thạch Hà
4	482400	VHX Việt Xuyên	Xóm Tân Long, xã Việt Xuyên
5	483070	Thiên Lộc	Xóm Trung Thiên, xã Thiên Lộc, H. Can Lộc
6	483140	Khánh Lộc	Xóm Quần Ngọc, xã Khánh Lộc, H. Can Lộc
7	484750	Cương Gián	Xóm Cầu Đá, xã Xuân Song, H. Nghi Xuân

8	485291	Đức Lạc	Xóm Hoà Long, xã Đức Lạc, H. Đức Thọ
9	485670	Sơn Bằng	Xóm Chùa, xã Sơn Bằng, H. Hương Sơn
10	487010	Hà Linh	Hà Linh, Hương Khê
11	487200	Hương Bình	Hương Bình, Hương Khê
12	488130	Cẩm Thịnh	Thôn 15, xã Cẩm Thịnh, H. Cẩm Xuyên
13	488960	Kỳ Trung	Xóm Đông Sơn, xã Kỳ Trung, H. Kỳ Anh
32	488890	Kỳ Phương	Thôn Nhân Thắng, xã Kỳ Phương, H. Kỳ Anh
33	482090	Thạch Kim	Xóm Liên Tân, xã Thạch Kim, H. Lộc Hà
34	482960	VHX Hậu Lộc	Ích Hậu, Lộc Hà
35	487100	BC Phúc đồng	Xã Phúc Đồng Huyện Hương Khê Hà Tĩnh
36	484570	B/c Gia Lách	Gia Lách - Nghi Xuân - Hà Tĩnh
37	483020	VHX Thịnh Lộc	Xã Thịnh Lộc - Huyện Lộc Hà
38	487130	VHX Phương Điền	Xã Phương Điền Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh
39	487371	VHX Phúc Trạch	Xã Phúc Trạch Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh
40	487390	VHX Hương Trạch	Xã Hương Trạch Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh
41	487410	VHX Hương Lâm	Xã Hương Lâm Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh
42	487260	VHX Phú Gia	Xã Phú Gia Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh

43	487290	VHX Hương Vĩnh	Xã Hương Vĩnh Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh
44	487200	VHX Hương Bình	Xã Hương Bình Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh
45	487330	VHX Hương Trà	Xã Hương Trà Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh
46	487180	VHX Hương Long	Xã Hương Long Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh
47	482930	VHX Tùng lộc	Xã Tùng Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
48	482970	VHX Phúc lộc	Xã Phúc Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
49	483100	VHX Vượng lộc	Xã Vượng Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
50	483130	VHX Thanh lộc	Xã Thanh Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
51	483170	VHX Yên lộc	Xã Yên Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
52	483200	VHX Kim lộc	Xã Kim Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
53	483220	VHX Song lộc	Xã Song Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
54	483240	VHX Nga lộc	Xã Nga Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
55	483260	VHX Phú lộc	Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
56	483281	VHX Gia hanh	Xã Gia Hanh, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
57	483301	VHX Vĩnh lộc	Xã Vĩnh Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
58	483320	VHX Trung lộc	Xã Trung Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
59	483330	VHX Xuân lộc	Xã Xuân Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

60	483360	VHX Tiến lộc	Xã Tiến Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
61	483380	VHX Quang lộc	Xã Quang Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
62	483400	VHX Thượng lộc	Xã Thượng Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
63	483450	VHX Mỹ lộc	Xã Mỹ Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
64	483470	VHX Sơn lộc	Xã Sơn Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
65	481690	VHX Thạch Bình	Xã Thạch Bình, Thành Phố Hà Tĩnh
66	481300	VHX Thạch Trung	VHX Thạch Trung, Thành Phố Hà Tĩnh
67	483020	VHX Thịnh Lộc	Xã Thịnh Lộc, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh
68	485701	Sơn Châu	Xã Sơn Châu, Huyện Hương Sơn, T Hà Tĩnh
69	485700	CHỢ CHOI	Sơn Châu Hương Sơn Hà Tĩnh
70	486211	VHX SƠN KIM 1	Sơn Kim 1 Hương Sơn Hà Tĩnh
71	486250	VHX SƠN TÂY	Sơn Tây Hương Sơn Hà Tĩnh
72	486350	VHX SƠN KIM 2	Sơn Kim 2 Hương Sơn Hà Tĩnh
73	486020	VHX SƠN QUANG	Sơn Quang Hương Sơn Hà Tĩnh
74	485970	VHX SƠN GIANG	SơnGiang Hương Sơn Hà Tĩnh
75	485641	VHX SƠN TRUNG	Sơn Trung Hương Sơn Hà Tĩnh
76	486330	VHX SƠN TRƯỜNG	Sơn Trường Hương Sơn Hà Tĩnh

77	486110	VHX SƠN PHÚ	Sơn Phú Hương Sơn Hà Tĩnh
78	486130	VHX SƠN PHÚC	Sơn Phúc Hương Sơn Hà Tĩnh
79	485670	VHX SƠN BẰNG	Sơn Bằng Hương Sơn Hà Tĩnh
80	485760	VHX SƠN HÀ	Sơn Hà Hương Sơn Hà Tĩnh
81	485740	VHX SƠN TRÀ	Sơn Trà Hương Sơn Hà Tĩnh
82	486190	VHX SƠN LONG	Sơn Long Hương Sơn Hà Tĩnh
83	485780	VHX SƠN MỸ	Sơn Mỹ Hương Sơn Hà Tĩnh
84	485820	VHX SƠN NINH	Sơn Ninh Hương Sơn Hà Tĩnh
85	485850	VHX SƠN HÒA	Sơn Hòa Hương Sơn Hà Tĩnh
86	485900	VHX SƠN AN	Sơn An Hương Sơn Hà Tĩnh
87	486000	VHX SƠN LÂM	Sơn Lâm Hương Sơn Hà Tĩnh
88	486040	VHX SƠN LĨNH	Sơn Lĩnh Hương Sơn Hà Tĩnh
89	487050	VHX Phú Phong	Xã Phú Phong - Hương Khê - Hà Tĩnh
90	487220	VHX Hòa Hải	Xã Hòa Hải - Hương Khê - Hà Tĩnh
91	486960	VHX Hương Giang	Xã Hương Giang - Hương Khê - Hà Tĩnh
92	487070	VHX Gia Phố	Xã Gia Phố - Hương Khê - Hà Tĩnh
93	487720	CẨM NHƯỢNG	Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh

94	487900	CẨM THÀNH	Cẩm Thành, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
95	488200	VHX CẨM MINH	Cẩm Minh, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
96	488160	VHX CẨM SƠN	Cẩm Sơn, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
97	487901	VHX CẨM THÀNH	Cẩm Thành, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
98	487830	VHX CẨM QUANG	Cẩm Quang, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
99	481950	VHX Thạch Hải	VHX Thạch Hải, Thạch Hà, Hà Tĩnh
100	481960	VHX Thạch Đỉnh	VHX Thạch Đỉnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh
101	481980	VHX Thạch Bàn	VHX Thạch Bàn, Thạch Hà, Hà Tĩnh
102	482130	VHX Thạch Lạc	VHX Thạch Lạc, Thạch Hà, Hà Tĩnh
103	482160	VHX Thạch Trị	VHX Thạch Trị, Thạch Hà, Hà Tĩnh
104	482180	VHX Tượng Sơn	VHX Tượng Sơn, Thạch Hà, Hà Tĩnh
105	482200	VHX Thạch Thắng	VHX Thạch Thắng, Thạch Hà, Hà Tĩnh
106	482220	VHX Thạch Văn	VHX Thạch Văn, Thạch Hà, Hà Tĩnh
107	482240	VHX Thạch Hội	VHX Thạch Hội, Thạch Hà, Hà Tĩnh
108	482310	VHX Thạch Kênh	VHX Thạch Kênh, Thạch Hà, Hà Tĩnh
109	482260	VHX Thạch Long	VHX Thạch Long, Thạch Hà, Hà Tĩnh
110	482280	VHX Thạch Sơn	VHX Thạch Sơn, Thạch Hà, Hà Tĩnh

111	482350	VHX Thạch Thanh	VHX Thạch Thanh, Thạch Hà, Hà Tĩnh
112	482480	VHX Thạch Lưu	VHX Thạch Lưu, Thạch Hà, Hà Tĩnh
113	483481	VHX Phù Lưu	489100 Lộc Hà
114	482020	VHX Mai Phụ	489100 Lộc Hà
115	483030	VHX An Lộc	489100 Lộc Hà
116	483010	VHX Tân Lộc	489100 Lộc Hà
117	482990	VHX Hồng Lộc	489100 Lộc Hà
118	482000	VHX Hộ Độ	489100 Lộc Hà
119	484600	VHX Xuân Mỹ	484400 Nghi Xuân
120	484430	VHX Xuân Yên	484400 Nghi Xuân
121	484543	VHX Xuân Hội	484400 Nghi Xuân
122	484510	VHX Xuân Trường	484400 Nghi Xuân
123	484410	VHX Xuân Tiên	484400 Nghi Xuân
124	484690	VHX Xuân Viên	484400 Nghi Xuân
125	484450	VHX Xuân Hải	484400 Nghi Xuân
126	484670	VHX Xuân Lĩnh	484400 Nghi Xuân
127	484470	VHX Xuân Phổ	484400 Nghi Xuân

128	484730	VHX Xuân Liên	484400 Nghi Xuân
129	484120	Hồng Sơn	SN 353 Đường Nguyễn Ái Quốc , Đức Thuận, Hồng Lĩnh
130	484080	VXH Trung Lương	Số nhà 30 Tổ dân phố Tiên Sơn, Trung Lương, Hồng Lĩnh
131	484180	VHX Đậu Liêu	Số nhà 407 Đường Quang Trung, Đậu Liêu, Hồng Lĩnh
132	484121	VHX Đức Thuận	Tổ dân phố Thuận An, Đức Thuận, Hồng Lĩnh
133	481150	VHX Thạch Yên	Thôn Thuận Sơn, Thuận Lộc, Hồng Lĩnh
134	481950	VHX Thạch Hải	VHX Thạch Hải - Thạch Hà - Hà Tĩnh
135	481960	VHX Thạch Đỉnh	VHX Thạch Đỉnh - Thạch Hà - Hà Tĩnh
136	481980	VHX Thạch Bàn	VHX Thạch Bàn - Thạch Hà - Hà Tĩnh
137	482130	VHX Thạch Lạc	VHX Thạch Lạc - Thạch Hà - Hà Tĩnh
138	482160	VHX Thạch Trị	VHX Thạch Trị - Thạch Hà - Hà Tĩnh
139	482180	VHX Tượng Sơn	VHX Tượng Sơn - Thạch Hà - Hà Tĩnh
140	482200	VHX Thạch Thắng	VHX Thạch Thắng - Thạch Hà - Hà Tĩnh
141	482220	VHX Thạch Văn	VHX Thạch Văn - Thạch Hà - Hà Tĩnh
142	482240	VHX Thạch Hội	VHX Thạch Hội - Thạch Hà - Hà Tĩnh
143	482310	VHX Thạch Kênh	VHX Thạch Kênh - Thạch Hà - Hà Tĩnh
144	482260	VHX Thạch Long	VHX Thạch Long - Thạch Hà - Hà Tĩnh

145	482280	VHX Thạch Sơn	VHX Thạch Sơn - Thạch Hà - Hà Tĩnh
146	482350	VHX Thạch Thanh	VHX Thạch Thanh - Thạch Hà - Hà Tĩnh
147	482480	VHX Thạch Lưu	VHX Thạch Lưu - Thạch Hà - Hà Tĩnh
148	485360	VHX Đức An	Đức An - Đức Thọ - Hà Tĩnh
149	485310	VHX Đức Lập	Đức Lập - Đức Thọ - Hà Tĩnh
150	485240	VHX Đức Long	Đức Long - Đức Thọ - Hà Tĩnh
151	485210	VHX Thái Yên	Thái Yên - Đức Thọ - Hà Tĩnh
152	485291	VHX Đức Lạc	Đức Lạc - Đức Thọ - Hà Tĩnh
153	483420	Đồng Lộc	Đồng Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
154	489505	FORMOSA	Kỳ Long - Tx Kỳ Anh - Hà Tĩnh
155	489520	VHX Kỳ Nam	VHX Kỳ Nam - Tx Kỳ Anh - Hà Tĩnh
156	485040	VHX Trường sơn	Trường Sơn, Đức Thọ, Hà Tĩnh
157	484980	VHX Đức Tùng	Đức Tùng , Đức Thọ, Hà Tĩnh
158	484960	VHX Yên Hồ	Yên Hồ, Đức Thọ, Hà Tĩnh
159	485030	VHX Đức Vĩnh	Đức Vĩnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh
160	485140	VHX Trung Lễ	Trung Lễ, Đức Thọ, Hà Tĩnh
161	485260	VHX Đức Lâm	Đức Lâm, Đức Thọ, Hà Tĩnh

162	485100	VHX Đức Yên	Đức Yên, Đức Thọ, Hà Tĩnh
163	485380	VHX Đức Lạng	Đức Lạng , Đức Thọ, Hà Tĩnh
164	485120	BĐVXH Bùi Xá	BĐVXH Bùi Xá- Đức Thọ - Hà Tĩnh
165	485400	BĐVHX Tân Hương	BĐVHX Tân Hương - Đức Thọ - Hà Tĩnh
166	485280	BĐVHX Đức Thanh	BĐVHX Đức Thanh - Đức Thọ - Hà Tĩnh
167	485200	BĐVHX Đức Thịnh	BĐVHX Đức Thịnh - Đức Thọ - Hà Tĩnh
168	484950	BĐVHX Đức La	BĐVHX Đức La - Đức Thọ - Hà Tĩnh
169	485000	BĐVHX Đức Châu	BĐVHX Đức Châu- Đức Thọ - Hà Tĩnh
170	485010	BĐVHX Đức Quang	BĐVHX Đức Quang- Đức Thọ - Hà Tĩnh
171	481460	Bưu Cục HCC	BC HCC - TP Hà Tĩnh - Hà Tĩnh
172	489440	VHX KỶ LỢI	Kỷ Lợi - TX Kỳ Anh - Hà Tĩnh
173	489450	VHX KỶ HOA	Kỷ Hoa - TX Kỳ Anh - Hà Tĩnh
174	489515	VHX KỶ NINH	Kỷ Ninh - TX Kỳ Anh - Hà Tĩnh
175	489430	VHX KỶ HÀ	Kỷ Hà - TX Kỳ Anh - Hà Tĩnh
176	489460	VHX KỶ TRINH	Kỷ Trinh- TX Kỳ Anh - Hà Tĩnh
177	487650	CẨM THẮNG	Cẩm Thăng - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
178	488130	CẨM THỊNH	Cẩm Thịnh - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh

179	487670	CẨM PHÚC	Cẩm Phúc - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
180	488050	CẨM LỘC	Cẩm Lộc - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
181	487930	CẨM DUỆ	Cẩm Duệ - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
182	488180	CẨM LẠC	Cẩm Lạc - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
183	488630	KỲ GIANG	Kỳ Giang- Kỳ Anh - Hà Tĩnh
184	488690	KỲ BẮC	Kỳ Bắc- Kỳ Anh - Hà Tĩnh
185	488590	KỲ PHÚ	Kỳ Phú- Kỳ Anh - Hà Tĩnh
186	488570	KỲ ĐỒNG	Kỳ Đồng- Kỳ Anh - Hà Tĩnh
187	488800	KỲ LÂM	Kỳ Lâm- Kỳ Anh - Hà Tĩnh
188	489530	VHX KỲ PHƯƠNG	Kỳ Phương- TX Kỳ Anh - Hà Tĩnh
189	483050	Bình Lộc	004891/Lộc Hà
190	482100	VHX Thạch Mỹ	004891/Lộc Hà
191	485180	VHX Đức Thủy	Đức Thủy - Đức Thọ - Hà Tĩnh
192	485220	VHX Đức Hòa	Đức Hòa - Đức Thọ - Hà Tĩnh
193	482340	VHX Thạch Liên	Thạch Liên - Thạch Hà - Hà Tĩnh
194	482440	VHX Thạch Vĩnh	Thạch Vĩnh - Thạch Hà - Hà Tĩnh
195	484150	VHX Thuận Lộc	TDP Thuận Sơn ,Xã Thuận Lộc , TX Hồng Lĩnh , Hà Tĩnh

196	488650	VHX KỠ TIẾN	Kỳ Tiến- Kỳ Anh - Hà Tĩnh
197	488670	VHX KỠ XUÂN	Kỳ Xuân- Kỳ Anh - Hà Tĩnh
198	488470	KỠ THƯ	Kỳ Thư- Kỳ Anh - Hà Tĩnh
199	488760	KỠ TÂY	Kỳ Tây- Kỳ Anh - Hà Tĩnh
200	488920	KỠ SƠN	Kỳ Sơn - Kỳ Anh - Hà Tĩnh
201	488510	KỠ THỌ	Kỳ Thọ - Kỳ Anh - Hà Tĩnh
202	488780	KỠ THƯỢNG	Kỳ Thượng - Kỳ Anh - Hà Tĩnh
203	485160	BC Chợ Trổ	Đức Nhân, Đức Thọ. Hà Tĩnh
204	485320	BC Chợ Giấy	Đức Dũng, Đức Thọ. Hà Tĩnh
205	485340	BC Đức Đồng	Đức Đồng, Đức Thọ. Hà Tĩnh
206	487790	VHX CẨM HÒA	Cẩm Hòa - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
207	487880	VHX CẨM VỊNH	Cẩm Vịnh - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
208	487860	VHX CẨM BÌNH	Cẩm Bình - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
209	481330	VHX Bắc Hà	Đường Xuân Diệu, Phường Bắc Hà
210	481620	VHX Thạch Môn	Thôn Quyết Tiến, Xã Thạch Môn
211	481630	Thạch Hạ	Xóm Liên Hà, Xã Thạch Hạ
212	489510	VHX Kỳ Liên	Kỳ Liên- TX Kỳ Anh- Hà Tĩnh

213	484710	CỔ ĐẠM	Cổ Đạm Nghi Xuân Hà Tĩnh
214	482907	BC KHL CAN LỘC	Thị trấn Nghèn Can lộc hà tĩnh
215	487770	CẨM DƯƠNG	Cẩm Dương - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
216	489402	BC KHL	Phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh
217	481601	VHX Đại Nài	Khối phố 6 phường Đại Nài
218	481241	VHX TÂN GIANG	100 NGUYỄN TRUNG THIÊN P TÂN GIANG
219	486620	BC Chợ Bông	BC Chợ Bông Vũ Quang - Hà Tĩnh
220	486686	VHX Đức Lĩnh 1	VHX Đức Lĩnh 1 Vũ Quang - Hà Tĩnh
221	486780	VHX Hương Thọ	VHX Hương Thọ Vũ Quang - Hà Tĩnh
222	486720	VHX Ân Phú	VHX Ân Phú Vũ Quang - Hà Tĩnh
223	485870	VHX Sơn Thịnh	Sơn Thịnh, Hương Sơn
224	482550	VHX Thạch Xuân	VHX Thạch Xuân - Thạch Hà - Hà Tĩnh
225	482570	VHX Thạch Hương	VHX Thạch Hương - Thạch Hà - Hà Tĩnh
226	485331	VHX Đức Dũng	Đức Dũng Đức Thọ Hà Tĩnh
227	481670	VHX Thạch Hưng	Thạch Hưng, Hà Tĩnh
228	485800	VHX Sơn Tân	Sơn Tân Hương Sơn Hà Tĩnh
229	486090	VHX Sơn Diệm	Sơn Diệm Hương Sơn Hà Tĩnh

230	486060	VHX Sơn Hồng	Sơn Hồng Hương Sơn Hà Tĩnh
231	486280	VHX Sơn Hàm	Sơn Hàm Hương Sơn Hà Tĩnh
232	484500	XUÂN ĐÀN	XUÂN ĐÀN NGHI XUÂN
233	484620	XUÂN THÀNH	XUÂN THÀNH NGHI XUÂN
234	485071	VHX Tùng Ảnh	Tùng Ảnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh
235	483280	VHX Nhân Lộc	Gia Hanh, Nhân Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh
236	488000	VHX Cẩm Hưng	Xã Cẩm Hưng , H Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
237	488030	VHX Đồng Hà	Xã Cẩm Hà, H Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
238	488070	BC Quán Mới	Xã Cẩm Trung, H Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
239	481575	Bến xe	Phường Thạch Linh - TP Hà Tĩnh- Tỉnh Hà Tĩnh

TỈNH QUẢNG BÌNH

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	510000	Đồng Hới	Số 01 Đường Trần Hưng Đạo Thành Phố Đồng Hới
2	511000	Hải Đình	Số 32 Đường Mẹ Suốt Phường Hải Đình Thành Phố Đồng Hới
3	511120	Lộc Đại	Thôn 4 Lộc Đại Xã Lộc Ninh Thành Phố Đồng Hới
4	511180	Bắc Lý I	Số 01 Đường Trần Hưng Đạo Thành Phố Đồng Hới
5	511190	Bắc Lý II	Tiểu Khu 4 Phường Bắc Lý Thành Phố Đồng Hới

6	511201	Đ Học Quảng Bình	Số 417 Đường Lý Thường Kiệt Phường Bắc Lý Thành Phố Đồng Hới
7	511210	Thuận Lý	Số 261 Đường Trần Hưng Đạo Thành Phố Đồng Hới
8	511220	Ga	Tiểu Khu 4 Phường Nam Lý Thành Phố Đồng Hới
9	511240	Cộn	Tiểu Khu 5 Phường Đồng Sơn Thành Phố Đồng Hới
10	511500	Bố Trạch	Khu phố 1 Thị Trấn Hoàn Lão Huyện Bố Trạch
11	511570	Lý Hòa	Thôn Quốc Lộ 1a, Xã Hải Trạch, Huyện Bố Trạch
12	511590	Thanh Khê	Thôn Thanh Vinh, Xã Thanh Trạch, Huyện Bố Trạch
13	511640	Thọ Lộc	Thôn Thọ Lộc, Xã Vạn Trạch, Huyện Bố Trạch
14	511680	Nam Gianh	Thôn 10, Xã Bắc Trạch, Huyện Bố Trạch
15	511790	Troóc	Thôn Phúc Đồng 1, Xã Phúc Trạch, Huyện Bố Trạch
16	511860	Phong Nha	Sơn Trạch, Huyện Bố Trạch
17	511960	Phú Quý	Tiểu Khu 1, Thị Trấn Nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch
18	512020	Chánh Hòa	Thôn Chánh Hòa Xã Đại Trạch Huyện Bố Trạch
19	512200	Quảng Trạch	Khu phố 1 Thị Trấn Ba đồn Huyện Quảng Trạch
20	512220	Quảng Thọ	Thôn Thọ Đơn, Xã Quảng Thọ, Huyện Quảng Trạch
21	512280	Roòn	Thôn Di Luân, Xã Quảng Tùng, Huyện Quảng Trạch
22	512430	Ngoạ Cương	Thôn Ngoạ Cương, Xã Cảnh Hoá, Huyện Quảng Trạch

23	512510	Chợ Sãi	Thôn Trung Thôn, Xã Quảng Trung, Huyện Quảng Trạch
24	512570	Hoà Ninh	Thôn Thanh Tân, Xã Quảng Hoà, Huyện Quảng Trạch
25	512800	Tuyên Hóa	Tiểu Khu 1 Thị Trấn Đồng Lê Huyện Tuyên Hóa
26	512850	Chợ Gát	Thôn 1 Đức Phú, Xã Đức Hoá, Huyện Tuyên Hóa
27	512910	Tân Ấp	Thôn Trung Thôn, Xã Quảng Trung, Huyện Quảng Trạch
28	512990	Minh Cảm	Thôn Minh Cảm Nội, Xã Phong Hoá, Huyện Tuyên Hóa
29	513060	Chợ Cuồi	Thôn Tây Trúc, Xã Tiên Hoá, Huyện Tuyên Hóa
30	513200	Minh Hóa	Tiểu Khu 7 Thị Trấn Quy Đạt Huyện Minh Hóa
31	513600	Quảng Ninh	Tiểu khu 3 Thị Trấn Quán Hàu Huyện Quảng Ninh
32	513680	Cổ Hiền	Thôn Cổ Hiền, Xã Hiền Ninh, Huyện Quảng Ninh
33	513710	Áng Sơn	Thôn Phúc Sơn, Xã Vạn Ninh, Huyện Quảng Ninh
34	513770	Dinh Mười	Thôn Dinh Mười, Xã Gia Ninh, Huyện Quảng Ninh
35	513780	Mỹ Trung	Thôn Phúc Lộc, Xã Gia Ninh, Huyện Quảng Ninh
36	513900	Lệ Thủy	Thị Trấn Kiến Giang Huyện Lệ Thủy
37	513950	Chợ Cưởi	Thôn 2 Thanh Mỹ, Xã Thanh Thủy, Huyện Lệ Thủy
38	513970	Chợ Chè	Thôn Thạch Hạ, Xã Hồng Thủy, Huyện Lệ Thủy
39	514120	Mỹ Đức	Thôn Trung Lộc 3, Xã Sơn Thủy, Huyện Lệ Thủy

40	514290	Chợ Trạm	Thôn Mỹ Trạch 1, Xã Mỹ Thủy, Huyện Lệ Thủy
41	514390	Sen Thủy	Thôn Đông Thượng, Xã Sen Thủy, Huyện Lệ Thủy
42	514410	Chợ Mai	Thôn Đoàn Kết, Xã Hưng Thủy, Huyện Lệ Thủy
1	511040	BCP Đồng Hới	Số 1 Trần Hưng Đạo, P Đồng Phú, TP Đồng Hới
2	511530	BCP Bồ Trạch	TK 11 thị trấn Hoàn Lão, Bồ Trạch
3	513740	BCP Quảng Ninh	TK 3, TT Quán Hàu, Quảng Ninh
4	512260	BCP Quảng Trạch	Khu phố 1, Phường Ba Đồn, Thị xã Ba Đồn
5	512860	BCP Tuyên Hóa	TK1, TT Đồng Lê, Tuyên Hóa
6	513230	BCP Minh Hóa	TK7, TT Quy Đạt, Minh Hóa
7	513930	BCP Lệ Thủy	Tổ DP 7, Thượng Giang, TT Kiến giang, Lệ Thủy
43	513920	VHX Cam Thủy	Thôn Tân Tiến, Cam Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
44	514170	VHX Xuân Thủy	Thôn Hoàng Giang, Xuân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
45	514370	VXH Tân Thủy	Thôn Tân Ninh, Tân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
46	514260	VHX Liên Thủy	Thôn Quy Hậu, Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
47	514340	VHX Dương Thủy	Thôn Trung Thiện, Dương Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
48	513730	VHX Võ Ninh	Thôn Tây, Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình
49	513750	VHX Duy Ninh	Thôn Hiền Vinh, Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình

50	512480	VHX Phù Hóa	Thôn Trường Sơn, Phù Hóa, Quảng Trạch, Quảng Bình
51	512620	VHX Quảng Phúc	Thôn Mỹ Hòa, Quảng Phúc, Quảng Trạch, Quảng Bình
52	512550	VHX Quảng Thủy	Thôn Trung Thủy, Quảng Thủy, Quảng Trạch, Quảng Bình
53	513400	VHX Quy Hóa	Thôn 1 Thanh Long, Quy Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình
54	514360	VHX Thái Thủy	Lệ Thủy
55	514140	VHX Phú Thủy	Lệ Thủy
56	512490	VHX Quảng Hải	Quảng Trạch
57	513760	VHX Tân Ninh	Quảng Ninh
58	513700	VHX An Ninh	Quảng Ninh
59	513711	VHX Vạn Ninh	Quảng Ninh
60	513670	VHX Hàm Ninh	Quảng Ninh
61	511560	VHX Đức Trạch	Bố Trạch
62	511720	VHX Mỹ Trạch	Bố Trạch
63	512040	VHX Nhân Trạch	Bố Trạch
64	511850	VHX Hưng Trạch	Bố Trạch
65	511036	BC HCC Đồng Hới	09 Quang Trung, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
66	511172	KHL Đồng Hới	01 Trần Hưng Đạo, P Đồng Phú, TP Đồng Hới

67	513630	VHX Vĩnh Ninh	Tuy Phong 3, Vĩnh Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình
68	513690	VHX Xuân Ninh	Xuân Dục, Xuân Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình
69	513790	VHX Hải Ninh	Xuân Hải, Hải Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình
70	514030	VHX Lộc Thủy	Xã Lộc Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình
TỈNH QUẢNG TRỊ			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	520000	Đông Hà	Số 20 Trần Hưng Đạo Thành Phố Đông Hà
2	521400	Gio Linh	Khu phố 5 Thị trấn Gio Linh Huyện Gio Linh
3	521800	Vĩnh Linh	Đường Lê Duẩn, Thị trấn Hồ Xá, Vĩnh Linh
4	523800	Hải Lăng	Đường Hùng Vương, Thị trấn Hải Lăng, H. Hải Lăng
5	523700	TX Quảng Trị	Số 244 đường Trần Hưng Đạo Thị Xã Quảng Trị
6	523300	Triệu Phong	Tiểu khu 3 Thị trấn Ái Tử, Huyện Triệu Phong
7	522300	Cam Lộ	Khóm 2, Thị trấn Cam Lộ Huyện Cam Lộ
8	523000	Đakrông	Thôn 41, Thị trấn KrôngKlang Huyện Đakrông
9	522600	Hướng Hoá	Khóm 3A, Thị Trấn Khe Sanh, Huyện Hương Hóa
10	522080	Chợ Do	Thôn An Du Đông 1, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Linh
11	521930	Bến Quan	Khóm 1/5 thị trấn Bến Quan, Huyện Vĩnh Linh

12	522770	Lao Bảo	Khóm Đông Chính thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa
13	523490	Bồ Bản	Thôn Vĩnh Lại, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong
14	522430	Tân Lâm	Thôn Tân Xuân 1, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ
15	522480	Chợ Cửa	Thôn Đốc Kinh, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ
16	521110	Lương An	291 Lê Duẩn, TP Đông Hà, Quảng Trị
17	523170	Tà Rụt	Thôn Tà Rụt 2, xã Tà Rụt, Huyện Đakrông, Quảng Trị
18	521270	Hàm Nghi	90 Hàm Nghi, TP Đông Hà, Quảng Trị
19	521230	Hùng Vương	156 Hùng Vương, TP Đông Hà, Quảng Trị
20	521220	Lê Lợi	36 Lê Lợi, TP Đông Hà, Quảng Trị
21	521174	Sòng	Khu phố 2, Phường Đông Thanh, Đông Hà, Quảng Trị
22	523360	Chợ Cạn	Thôn An Lưu, xã Triệu Sơn, Triệu Phong, Quảng Trị
23	523470	Chợ Thuận	Thôn Đại Hào, xã Trệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị
24	523890	Phương Lang	Thôn Phương Lang, xã Hải Ba, Hải Lăng, Quảng Trị
25	523860	Hội Yên	Xã Hải Quế, Hải Lăng, Quảng Trị
26	524010	Mỹ Chánh	Mỹ Chánh, Hải Chánh, Hải Lăng, Quảng Trị
27	521500	Chợ Kên	Võ Xá, Trung Sơn, Gio Linh, Quảng Trị
28	521660	Bắc Cửa Việt	Thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, Quảng Trị

29	521560	Gio Sơn	Nam Đông, Gio Sơn, Gio Linh, Quảng Trị
30	521320	KHL Đông Hà	22 Trần Hưng Đạo, TP Đông Hà, Quảng Trị
31	521130	BCP Đông Hà	22 Trần Hưng Đạo, TP Đông Hà, Quảng Trị
32	521630	VHX Gio Quang	Thôn Kỳ Trúc, xã Gio Quang, huyện Gio Linh
33	521530	VHX Gio An	Thôn An Bình, xã Gio An, huyện Gio Linh
34	521550	VHX Gio Hoà	Thôn Trí Hoà, xã Gio Hoà, huyện Gio Linh
35	521490	VHX Gio Bình	Thôn Xuân Mai, xã Gio Bình, huyện Gio Linh
36	521650	VHX Gio Mai	Thôn Mai Xá, xã Gio Mai, huyện Gio Linh
37	521640	VHX Gio Thành	Thôn Nhĩ Hạ, xã Gio Thành, huyện Gio Linh
38	521461	VHX Gio Phong	Thôn Lễ Môn, xã Gio Phong, huyện Gio Linh
39	521430	VHX Gio Hải	Thôn 6, xã Gio Hải, huyện Gio Linh
40	521470	VHX Trung Hải	Thôn Hải Chữ, xã Trung Hải, huyện Gio Linh
41	521501	VHX Trung Sơn	Thôn Kinh Môn, xã Trung Sơn, huyện Gio Linh
42	521420	VHX Gio Mỹ	Thôn Nhĩ Thượng, xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh
43	521590	VHX Linh Thượng	Thôn Bến Mộc 2, xã Linh Thượng, huyện Gio Linh
44	521520	VHX Vĩnh Trường	Thôn Gia Vòm, xã Vĩnh Trường, huyện Gio Linh
45	521610	VHX Linh Hải	Thôn Thượng Đồng, xã Linh Hải, huyện Gio Linh

46	521570	VHX Hải Thái	Thôn Trung An, xã Hải Thái, huyện Gio Linh
47	521450	VHX Trung Giang	Thôn Thuỷ Bạt, xã Trung Giang, huyện Gio Linh
48	522350	VHX Cam Thuỷ	Thôn Lâm Lang 2, xã Cam Thuỷ, huyện Cam Lộ
49	522410	VHX Cam Tuyền	Thôn Ba Thung, xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ
50	522330	VHX Cam Hiếu	Thôn Vĩnh Đại, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ
51	522460	VHX Cam Nghĩa	Thôn Nghĩa Phong, xã Cam Nghĩa, Cam Lộ
52	522431	VHX Cam Thành	Thôn Thượng Lâm, xã Cam Thành, Cam Lộ
53	522720	VHX Tân Lập	Thôn Tân Tài, xã Tân Lập, huyện Hướng Hoá
54	522671	VHX Hướng Tân	Thôn Trầm, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hoá
55	522909	VHX Ba Tầng	Thôn Loa, xã Ba Tầng, huyện Hướng Hoá
56	522887	VHX A Dơi	Thôn A Dơi Cô, xã A Dơi, huyện Hướng Hoá
57	522876	VHX Xy	Thôn Troan Ô, xã Xy, huyện Hướng Hoá
58	522847	VHX A Xing	Thôn A Máy, xã A Xing, huyện Hướng Hoá
59	522809	VHX Thanh	Thôn A Ho, xã Thanh, huyện Hướng Hoá
60	522658	VHX Hướng Lập	Thôn A Xóc, xã Hướng Lập, huyện Hướng Hoá
61	522647	VHX Hướng Sơn	Thôn Nguồn Rào, xã Hướng Sơn, Hướng Hoá
62	522850	VHX A Túc	Thôn Tăng Cô, xã A Túc, huyện Hướng Hoá

63	522980	VHX Húc	Thôn Tà Ry 1, xã Húc, huyện Hướng Hoá
64	522926	VHX Hướng Việt	Thôn Chai, xã Hướng Việt, huyện Hướng Hoá
65	522740	VHX Tân Long	Thôn Long Hợp, xã Tân Long, huyện Hướng Hoá
66	522761	VHX Tân Thành	Thôn Cỏ Thành, xã Tân Thành, huyện Hướng Hoá
67	522680	VHX Hướng Phùng	Thôn Xa Ry, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hoá
68	522620	VHX Tân Hợp	Thôn Lương Lễ, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hoá
69	522780	VHX Thuận	Bản 5, xã Thuận, huyện Hướng Hoá
70	522700	VHX Tân Liên	Thôn Tân Tiến, xã Tân Liên, huyện Hướng Hoá
71	523491	VHX Triệu Phước	Thôn Lương Kim, xã Triệu Phước, Triệu Phong
72	523550	VHX Triệu Ái	Thôn Ái Tử, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong
73	523471	VHX Triệu Đại	Thôn Đại Hoà, xã Triệu Đại, huyện Triệu Phong
74	523430	VHX Triệu Vân	Thôn 8, xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong
75	523510	VHX Triệu Giang	Thôn Trà Liên Tây, xã Triệu Giang, Triệu Phong
76	523520	VHX Triệu Thuận	Thôn Dương Lệ Đông, xã Triệu Thuận, Triệu Phong
77	523400	VHX Triệu Hoà	Thôn An Lộng, xã Triệu Hoà, huyện Triệu Phong
78	523420	VHX Triệu Trạch	Thôn Linh Yên, xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong
79	523390	VHX Triệu Đông	Thôn Nại Cừ, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong

80	523320	VHX Triệu Tài	Thôn Thâm Triều, xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong
81	523340	VHX Triệu Trung	Thôn Ngô Xá Đông, xã Triệu Trung, Triệu Phong
82	523450	VHX Triệu Long	Thôn Đầu Kênh, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong
83	523701	VHX Phường 3	Đường Nguyễn Trãi, Thị xã Quảng Trị
84	523940	VHX Hải Lệ	Thôn Như Lệ, xã Hải Lệ, TX Quảng Trị
85	523970	VHX Hải Trường	Thôn Trung Trường, xã Hải Trường, Hải Lăng
86	523950	VHX Hải Lâm	Thôn Xuân Lâm, xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng
87	523969	VHX Hải Thọ	Thôn Diên Sanh, xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng
88	524011	VHX Hải Chánh	Thôn Câu Nhi, xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng
89	523840	VHX Hải Khê	Thôn Trung An, xã Hải Khê, huyện Hải Lăng
90	523850	VHX Hải Thiện	Thôn 2, xã Hải Thiện, huyện Hải Lăng
91	523810	VHX Hải Thành	Thôn Trung Đơn, xã Hải Thành, huyện Hải Lăng
92	523830	VHX Hải Dương	Thôn Diên Khánh, xã Hải Dương, huyện Hải Lăng
93	523880	VHX Hải Vĩnh	Thôn Thi Ông, xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng
94	523900	VHX Hải Xuân	Thôn Trà Lộc, xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng
95	523920	VHX Hải Quy	Thôn Quy Thiện, xã Hải Quy, huyện Hải Lăng
96	523930	VHX Hải Phú	Thôn Long Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng

97	524030	VHX Hải Tân	Thôn Câu Nhi, xã Hải Tân, huyện Hải Lăng
98	523820	VHX Hải Hoà	Thôn An Thơ, xã Hải Hoà, huyện Hải Lăng
99	523910	VHX Hải Thượng	Thôn An Thái, xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng
100	523990	VHX Hải Sơn	Thôn Lương Điền, xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng
101	523060	VHX Mò ó	Thôn Phú Thiềng, xã Mò Ó, huyện Đakrông
102	523030	VHX Triệu Nguyên	Thôn Xuân Lâm, xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông
103	523233	VHX Hải Phúc	Thôn Tà Lang, xã Hải Phúc, huyện Đakrông
104	523224	VHX Húc Nghi	Thôn Húc Nghi, xã Húc Nghi, huyện Đakrông
105	523119	VHX Tà Long	Thôn Pa Hy, xã Tà Long, huyện Đakrông
106	523099	VHX Ba Nang	Thôn Tà Rọc, xã Ba Nang, huyện Đakrông
107	523190	VHX A Bung	Thôn Cu Tai 2, xã A Bung, huyện Đakrông
108	523150	VHX A Ngo	Thôn A Đăng, xã A Ngo, huyện Đakrông
109	523010	VHX Đakrông	Thôn Ka Lu, xã Đakrông, huyện Đakrông
110	523070	VHX Hướng Hiệp	Thôn Ruộng, xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông
111	521280	VHX P Đông Lương	Khu phố Vĩnh Phước, P Đông Lương, TP Đ Hà
112	521140	VHX P Đông Giang	Khu phố 1, phường Đông Giang, TP Đông Hà
113	521081	VHX Phường 2	Khu phố 2, phường 2, TP Đông Hà

114	521211	VHX Phường 4	Khu phố 3, phường 4, TP Đông Hà
115	521180	VHX Phường 3	Khu phố 6, phường 3, TP Đông Hà
116	521111	VHX P Đông Lễ	Khu phố 5, phường Đông Lễ, TP Đông Hà
117	521160	VHX P Đông Thanh	Khu phố 6, phường Đông Thanh, TP Đông Hà
118	522381	VHX Cam An	Thôn Trúc Khê, xã Cam An, huyện Cam Lộ
119	522040	VHX Vĩnh Hoà	Thôn Hòa Bình, xã Vĩnh Hoà, huyện Vĩnh Linh
120	521840	VHX Vĩnh Trung	Thôn Thủy Trung, xã Vĩnh Trung, Vĩnh Linh
121	521920	VHX Vĩnh Long	Thôn Sa Bắc, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh
122	521890	VHX Vĩnh Tú	Thôn Hà Kè, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh
123	522070	VHX Vĩnh Giang	Thôn Tân Mỹ, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh
124	522090	VHX Vĩnh Hiền	Thôn Tân Bình, xã Vĩnh Hiền, huyện Vĩnh Linh
125	521980	VHX Vĩnh Thuỷ	Thôn Thuỷ Ba Đông, xã Vĩnh Thuỷ, Vĩnh Linh
126	522020	VHX Vĩnh Sơn	Thôn Huỳnh Thượng, xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh
127	521830	VHX Vĩnh Nam	Thôn Nam Cường, xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh
128	521900	VHX Vĩnh Cháp	Thôn Bình An, xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh
129	522140	VHX TT Cửa Tùng	Khu phố An Hòa 2, TT Cửa Tùng, huyện VLin
130	522060	VHX Vĩnh Thành	Thôn Tây, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh

131	521916	VHX Vĩnh Khê	Thôn Đá Moọc, xã Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh
132	521958	VHX Vĩnh Hà	Thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, Vĩnh Linh
133	521870	VHX Vĩnh Thái	Thôn Thử Luật, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh
134	522110	VHX Vĩnh Thạch	Thôn An Đông, xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh
135	521851	VHX Vĩnh Kim	Thôn Hương Bắc, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Linh
136	522000	VHX Vĩnh Lâm	Thôn Tiên Mỹ, xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh
137	521850	Rú Lịnh	Thôn Nông Trường, Xã Vĩnh Hiền, Huyện Vĩnh Linh
138	522760	Tân Thành	Bích La Đông, Xã Tân Thành, huyện Hướng Hóa
139	522030	BCP Vĩnh Linh	Thị trấn Hồ Xá, Huyện Vĩnh Linh
140	521440	BCP Gio Linh	Thị trấn Gio Linh, Huyện Gio Linh
141	523350	BCP Triệu Phong	Thị trấn Ái Tử, Huyện Triệu Phong
142	523780	BCP TX Quảng Trị	TX Quảng Trị , Quảng Trị
143	524080	BCP Hải Lăng	Thị trấn Hải Lăng, Huyện Hải Lăng
144	522510	BCP Cam Lộ	Thị trấn Cam Lộ, Huyện Cam Lộ
145	523120	BCP Đakrông	Thị trấn Krông Klang , Huyện Đakrông
146	522730	BCP Hướng Hóa	Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hóa
147	522670	Rào Quán	Thôn Cửa, Xã Hướng Tân, Huyện Hướng Hóa

148	523710	Thạch Hãn	32 Đường Lê Duẩn, Phường 1, Tx Quảng Trị
149	523440	Nam Cửa Việt	Thôn Phú Hội, Xã Triệu An, Huyện Triệu Phong
150	523530	Triệu Độ	Thôn An Gia, Xã Triệu Độ, Huyện Triệu Phong
151	523040	Ba Lòng	Thôn Đá Nổi, Xã Ba Lòng, Huyện Đakrông
152	522317	KHL Cam Lộ	Khóm 2, Thị Trấn Cam Lộ
153	521411	KHL Gio Linh	Khu Phố 6, Thị Trấn Gio Linh
154	524052	KHL Hải Lăng	Đường Quốc Lộ 1a, Thị Trấn Hải Lăng
155	522612	KHL Hướng Hóa	Khóm 3a, Thị Trấn Khe Sanh
156	521065	TMĐT Đông Hà	Đường Hùng Vương, Phường 1
157	523380	VHX Triệu Lăng	Thôn 4, Xã Triệu Lăng
158	523870	VHX Hải An	Thôn Mỹ Thủy, Xã Hải An
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	530000	TP Huế	Số 8 Hoàng Hoa Thám Phường Vĩnh Ninh TP Huế
2	531600	Trần Hưng Đạo	91 Trần Hưng Đạo Phường Phú Hoà TP Huế
3	535300	Hương Trà	Khu vực 9 Thị trấn Tứ Hạ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế
4	534900	Phong Điền	Thôn Trạch Thượng 1 TT Phong Điền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế

5	534600	Quảng Điền	Thôn Thủ Lễ Thị trấn Sịa, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
6	536100	Hương Thủy	Phường Phú Bài Thị xã Hương Thủy, TT Huế
7	536700	Phú Vang	Thôn Hoà Tây Xã Phú Đa huyện Phú Vang
8	537100	Phú Lộc	Khu vực 2 Thị trấn Phú Lộc, Phú lộc, Thừa Thiên Huế
9	536400	Nam Đông	Khu vực 2 Thị trấn Khe Tre, Nam Đông, TT Huế
10	535700	A Lưới	Cụm 5 TT A Lưới, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế
11	531950	Huế Thành	27 Mai Thúc Loan Phường Thuận Thành TP Huế
12	532350	Tây Lộc	136 Hoàng Diệu Phường Tây Lộc TP Huế
13	536810	Trung Đông	Thôn Trung Đông xã Phú Thượng Huyện Phú Vang TT Huế
14	537150	Tur Hiền	Thôn Hiền Vân 1 Xã Vinh Hiền Huyện Phú Lộc TT Huế
15	531000	Bến Ngự	21 Phan Bội Châu Phường Vĩnh Ninh Huế
16	533500	Trần Phú	54 Đoàn Hữu Trưng Phường Phước Vĩnh Huế
17	531010	Lý Thường Kiệt	14B Lý Thường Kiệt Phường Vĩnh Ninh Huế
18	531150	Lê Lợi	49 Lê Lợi Phường Phú Nhuận Huế
19	531940	Nhật Lệ	86 Nhật Lệ Phường Thuận Thành Huế
20	532950	An Hòa	696 Lê Duẩn Phường An Hoà Huế
21	533040	Huế Ga	2 Bùi Thị Xuân Phường Phường Đúc - Khu vực Ga Huế- TP Huế

22	535390	Bình Điền	Thôn Bình Lợi xã Bình Điền huyện Hương Trà
23	535140	An Lễ	Thôn Bồ Điền xã Phong An huyện Phong Điền
24	534960	Điền Hòa	Cụm 5 xã Điền Hoà huyện Phong Điền
25	534640	Quảng Công	Thôn 5 xã Quảng Công huyện Quảng Điền
26	534810	Quảng Thành	Thôn Thanh Hà xã Quảng Thành huyện Quảng Điền
27	536200	Thủy Dương	Thôn 2 Phường Thủy Dương TX Hương Thủy
28	536160	Thủy Châu	Thôn Châu Sơn Phường Thủy Châu TX Hương Thủy
29	536102	Kiốt Công Nghiệp	Khu 8 Phường Phú Bài TX Hương Thủy
30	537180	Phụng Chánh	Thôn Phụng Chánh Xã Vinh Hưng Phú Lộc
31	537200	Truôi	Thôn Xuân Lai Xã Lộc An Phú Lộc
32	537230	La Sơn	Thôn Vinh Sơn Xã Lộc Sơn Phú Lộc
33	537340	Thừa Lưu	Thôn Trung Kiên Xã Lộc Tiến Phú Lộc
34	537360	Lăng Cô	Thôn An Cư Tân Thị trấn Lăng Cô Phú Lộc
35	536750	Cửa Thuận	Thôn An Hải Thị trấn Thuận An Phú Vang
1	533130	BCP nhanh Huế	08 Hoàng Hoa Thám TP Huế
2	533140	BCP phổ thông	08 Hoàng Hoa Thám TP Huế
36	531120	Thương mại điện tử	08 HOÀNG HOA THÁM TP. HUẾ

37	533671	An Dương Vương	17 An Dương Vương Phường An Cựu TP Huế
38	531115	KHL-Hành chính công	08 HOÀNG HOA THÁM
39	536231	VHX Thủy Bằng	Xã Thủy Bằng, Hương Thủy
40	534950	VHX Điền Lộc	Thôn Nhất Tây, xã Điền Lộc, Phong Điền, Huế
41	533250	VHX Thủy Xuân	45 Minh Mạng phường Thủy Xuân TP Huế
42	533150	VHX Thủy Biều	21 Ngô Hà phường Thủy Biều TP Huế
43	535550	VHX Hương Hồ	Xã Hương Hồ TX Hương Trà
44	535570	VHX Hương Thọ	Xã Hương Thọ TX Hương Trà
45	535160	VHX Phong Sơn	Thôn Sơn Quả xã Phong Sơn huyện Phong Điền
46	535141	VHX Phong An	Thôn Phò Ninh xã Phong An huyện Phong Điền
47	534910	VHX Phong Hiền	Thôn An Lỗ xã Phong Hiền huyện Phong Điền
48	535041	VHX Phong Hòa	Thôn Trạch Phổ xã Phong Hòa huyện Phong Điền
49	535070	VHX Phong Bình	Thôn Tây phú xã Phong Bình huyện Phong Điền
50	534930	VHX Phong Chương	Thôn Trung Thạnh xã Phong Chương huyện Phong Điền
51	534980	VHX Điền Hải	Thôn 2 xã Điền Hải huyện Phong Điền
52	535000	VHX Phong Hải	Thôn Hải Nhuận xã Phong Hải huyện Phong Điền
53	534680	VHX Quảng Lợi	Thôn Mỹ Thạnh xã Quảng Lợi huyện Quảng Điền

54	534720	VHX Quảng Vinh	Chợ Nan, Quảng Vinh, Quảng Điền
55	534800	VHX Quảng An	Thôn Mỹ Xá xã Quảng An huyện Quảng Điền
56	536190	VHX Thủy Vân	Thôn Xuân Hòa xã Thủy Vân TX Hương Thủy
57	536280	VHX Thủy Phù	Thôn 5 Thủy Phù TX Hương Thủy
58	536240	VHX Thủy Phương	527 Nguyễn Tất Thành Thủy Phương TX Hương Thủy
59	536820	VHX Phú Mỹ	Thôn Vinh Vệ xã Phú Mỹ huyện Phú Vang
60	536701	VHX Phú Dương	Thôn Dương Nổ Tây xã Phú Dương huyện Phú Vang
61	536990	VHX Vinh Thanh	Thôn 3 xã Vinh Thanh huyện Phú Vang
62	536920	VHX Vinh Hà	Thôn 5 Vinh Hà Phú Vang Thừa Thiên Huế
63	537330	VHX Lộc Thủy	Thôn Phú Cường xã Lộc Thủy huyện Phú Lộc
64	537190	VHX Vinh Mỹ	Thôn 5 xã Vinh Mỹ huyện Phú Lộc
65	537310	VHX Lộc Trì	Thôn Cao Đồi Xã xã Lộc Trì huyện Phú Lộc
66	536470	VHX Hương Giang	Thôn Phú Thuận xã Hương Giang huyện Nam Đông
67	535950	VHX A Roàng	Thôn A Roàng 1 xã A Roàng huyện A Lưới
68	535930	VHX Hương Lâm	Thôn Ba Lạch xã Hương Lâm huyện A Lưới
69	532920	VHX Hương Long	91 Lý Nam Đế Phường Hương Long TP Huế
70	534620	VHX Quảng Phước	Khuông Phò Đông, Quảng Phước, Quảng điền

71	534661	VHX Quảng Ngạn	Thôn 2, Quảng Ngạn, Quảng điền
72	534700	VHX Quảng Thái	Đông Hồ, Quảng Thái, Quảng điền
73	534770	VHX Quảng Thọ	Tân Xuân Lai, Quảng Thọ, Quảng điền
74	535010	VHX Điền Môn	Kế Môn, Điền Môn, Phong Điền, TT Huế
75	535020	VHX Phong Thu	Trạch Hữu, Phong Thu, Phong Điền, TT Huế
76	535090	VHX Điền Hương	Thanh Hương, Điền Hương, Phong Điền, TT Huế
77	535100	VHX Phong Mỹ	Đông Thái, Phong Mỹ, Phong Điền, TT Huế
78	535460	VHX Hương Bình	Hải Tân, Hương Bình, Hương Trà, TT Huế
79	535490	VHX Bình Thành	Hòa Cát, Bình Thành, Hương Trà, TT Huế
80	535530	VHX Hương An	Cổ Bưu, Hương An, Hương Trà, TT Huế
81	535780	VHX Nhâm	KA Leng Nhâm A Lưới TT Huế
82	535911	VHX Phú Vinh	Phú THành Phú Vinh A Lưới TT Huế
83	536140	VHX Thủy Tân	Thôn tân Tô, Thủy Tân, Hương Thủy
84	536231	VHX Thủy Bằng	Thôn Bằng Lãng, Thủy Bằng, Hương Thủy
85	536500	VHX Thượng Quảng	Thôn 7, Thượng Quảng, Nam Đông, TT Huế
86	536740	VHX Phú Thuận	An Dương Phú Thuận Phú Vang TT Huế
87	536752	VHX Tân An	Tân an Thị Trấn Thuận An Phú Vang TT Huế

88	536801	VHX Phú Thượng	Ngọc anh Phú Thượng Phú Vang TT Huế
89	536850	VHX Phú Lương	Đông A Phú Lương Phú Vang TT Huế
90	536970	VHX Phú Mậu	Mậu Tài Phú Mậu Phú Vang TT Huế
91	537120	VHX Lộc Bình	Hòa An Lộc Bình Phú Lộc TT Huế
92	537181	VHX Vinh Hưng	La Sơn Lộc Sơn Phú Lộc TT Huế
93	537231	VHX Lộc Sơn	La Sơn Lộc Sơn Phú Lộc TT Huế
94	535870	VHX A Ngo	Thôn Quảng Mai, xã A Ngo, huyện A Lưới
95	535890	VHX Sơn Thủy	Thôn Quảng Thọ, xã Sơn Thủy, huyện A Lưới
96	535920	VHX Hương Phong	Thôn Hương Phú, xã Hương Phong, huyện A Lưới
97	535750	VHX Hồng Vân	Thôn A Năm, xã Hồng Vân, huyện A Lưới
98	535970	VHX Hồng Hạ	Thôn Pa Rìng, xã Hồng Hạ, huyện A Lưới
99	535850	VHX A Đót	Thôn Chi Lanh, xã A Đót, huyện A Lưới
100	535980	VHX Hương Nguyên	Thôn Nghĩa, xã Hương Nguyên, huyện A Lưới
101	535990	VHX Hồng Thủy	Thôn 2, xã Hồng Thủy, huyện A Lưới
102	535730	VHX Bắc Sơn	Thôn 2, xã Bắc Sơn, huyện A Lưới
103	535760	VHX Hồng Bắc	Thôn A Ninh, xã Hồng Bắc, huyện A Lưới
104	535740	VHX Hồng Trung	Thôn A Niêng, xã Hồng Trung, huyện A Lưới

105	535840	VHX Đông Sơn	Thôn Loa, xã Đông Sơn, huyện A Lưới
106	535820	VHX Hồng Thượng	Thôn Hợp Thượng, xã Hồng Thượng, huyện A Lưới
107	535770	VHX Hồng Quảng	Thôn 3, xã Hồng Quảng, huyện A Lưới
108	535800	VHX Hồng Thái	Thôn A Vinh, xã Hồng Thái, huyện A Lưới
109	535720	VHX Hồng Kim	Thôn 5, xã Hồng Kim, huyện A Lưới
110	535320	VHX Hương Toàn	Thôn Giáp Tây, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà
111	535480	VHX Hồng Tiến	Thôn 2, xã Hồng Tiến, thị xã Hương Trà
112	535350	VHX Hương Vinh	Thôn Triều Sơn Nam, xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà
113	535440	VHX Hương Xuân	Thôn Thanh Lương I, phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà
114	535511	VHX Hương Chữ	Thôn La Chữ, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà
115	535380	VHX Hương Vân	Thôn Lại Bằng, phường Hương Vân, thị xã Hương Trà
116	535340	VHX Hương Phong	Thôn Vân Quật Thượng, xã Hương Phong, thị xã Hương Trà
117	535370	VHX Hải Dương	Thôn Thái Dương Thượng Tây, xã Hải Dương, thị xã Hương Trà
118	535410	VHX Hương Văn	Đội 8 - Văn xá Tây, phường Hương Văn, thị xã Hương Trà
119	536270	VHX Phú Sơn	Thôn 2, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy
120	536260	VHX Dương Hòa	Thôn 5 Lương Miêu, xã Dương Hòa, thị xã Hương Thủy
121	536161	VHX Thủy Châu	Tổ 8, Khu Châu Sơn, phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy

122	536180	VHX Thủy Thanh	Thôn Thanh Thủy Chánh, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy
123	536150	VHX Thủy Lương	Tổ 6, Khu Lương Đông, phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy
124	533810	VHX Thủy An	22 Đường Hoàng Quốc Việt, phường An Đông, thành phố Huế
125	536570	VHX Hương Lộc	Thôn 2, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông
126	536560	VHX Thượng Lộ	Thôn La Hố, xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông
127	536420	VHX Hương Phú	Thôn Hà An, xã Hương Phú, huyện Nam Đông
128	536450	VHX Hương Sơn	Thôn 3 (Ka Chê), xã Hương Sơn, huyện Nam Đông
129	536540	VHX Thượng Nhật	Thôn A Tin, xã Thượng Nhật, huyện Nam Đông
130	536520	VHX Thượng Long	Ấp , Đội 6, xã Thượng Long, huyện Nam Đông
131	536480	VHX Hương Hữu	Thôn 3, xã Hương Hữu, huyện Nam Đông
132	536440	VHX Hương Hòa	Thôn 9, xã Hương Hoà, huyện Nam Đông
133	537101	VHX Cầu Hai	Khu Vực IV, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc
134	537201	VHX Lộc An	Thôn Bắc Trung, xã Lộc An, huyện Phú Lộc
135	537240	VHX Lộc Bồn	Thôn Hòa Mỹ, xã Lộc Bồn, huyện Phú Lộc
136	537250	VHX Lộc Điền	Thôn Sư Lễ, xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc
137	537270	VHX Lộc Hòa	Thôn 5, xã Lộc Hoà, huyện Phú Lộc
138	537160	VHX Vinh Hải	Thôn 3, xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc

139	537290	VHX Xuân Lộc	Thôn 3, xã Xuân Lộc, huyện Phú Lộc
140	536910	VHX Vinh Phú	Thôn Trường Hà, xã Vinh Phú, huyện Phú Vang
141	536980	VHX Vinh Xuân	Thôn Tân Sa, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang
142	536751	VHX Làng Rồng	Thôn An Hải, thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang
143	536780	VHX Phú Thanh	Thôn Quy Lai, xã Phú Thanh, huyện Phú Vang
144	536830	VHX Phú Hồ	Thôn Trung An, xã Phú Hồ, huyện Phú Vang
145	536940	VHX Phú Xuân	Thôn Quảng Xuyên, xã Phú Xuân, huyện Phú Vang
146	536720	VHX Phú An	Thôn Truyền Nam, xã Phú An, huyện Phú Vang
147	534811	VHX Quảng Thành	Thôn Thành Trung, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền
148	534750	VHX Quảng Phú	Thôn Hạ Lang, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền
149	531115	KHL-Hành chính công	Số 8 Hoàng Hoa Thám Phường Vĩnh Ninh TP Huế
150	532760	Kim Long	116 Kim Long TP Huế
151	532530	VHX Hương Sơ	Thôn Lệ Khê, Phường Hương Sơ TP Huế
152	536960	Phú Diên	Thanh Dương Phú Diên Phú Vang TT Huế
153	537001	Vinh An	Hà Úc Vinh An Phú Vang TT Huế
154	536890	Vinh Thái	Thanh Lam Bồ Vinh Thái Phú Vang TT Huế
155	536730	Phú Hải	Cự Lại Trung Phú Hà Phú Vang T T Huế

156	535910	Bốt Đỏ	Quảng Hợp, Sơn Thủy, A Lưới
157	531110	Trung tâm Hành chính công	01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	551000	Đà Nẵng 1	01 Lê Duẩn, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu
2	551020	Sông Hàn	64 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu
3	555110	Thanh Khê	251 Nguyễn văn Linh, P Thạc Giangs, Thanh Khê
4	555210	Đỗ Quang	66C Đỗ Quang, p Vĩnh Trung, quận Thanh Khê
5	551290	Đống Đa	40 Lê Lợi, pThạch Thang, quận Hải Châu
6	551790	TTThương Nghiệp	Kiot số 1, TT Thương Nghiệp, đường Ông ích Khiêm, p Hải Châu 2, quận Hải Châu
7	554380	Tân Chính	264 Hải Phòng, p Tân Chính, quận Thanh Khê
8	551490	Thuận Phước 4	200 đường 3 tháng 2, p Thuận Phước, quận Hải Châu
9	552190	Liên Trì Nam	171 Nguyễn Hữu Thọ, p Hòa Thọ Tây, quận Hải Châu
10	555200	Nguyễn Văn Linh	170 Nguyễn Văn Linh, p Vĩnh Trung, quận Thanh Khê
11	551580	Ông ích Khiêm	48 Ông ích Khiêm, P Thanh bình, quận Hải Châu
12	551050	Hùng Vương	80 Hùng Vương, p Hải Châu 1, quận Hải Châu
13	551300	Quang Trung	96 Quang Trung, P Thạch Thang, quận Hải Châu

14	551780	Ngô Gia Tư	58 Ngô Gia Tư, p Hải Châu 2, quậnHải Châu
15	553000	Hoà Cường	305 Núi Thành, p Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu
16	555700	Đà Nẵng 2	138 Nguyễn Lương Bằng, p Hòa Khánh Bắc quận Liên Chiểu
17	554840	Xuân Hoà	416 Điện Biên Phủ, p Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê
18	555950	Hoà Mỹ	390 Tôn Đức Thắng, p Hòa Minh, quận Liên Chiểu
19	554960	An Khê	237 Trường Chinh, p An Khê, quận Thanh Khê
20	556290	Nam Ô	27 Nguyễn văn Cừ, p Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu
21	554980	Tân An	441 Trường Chinh, p An Khê, quận Thanh Khê
22	555500	Phú Lộc	43E Dững Sĩ Thanh Khê, p Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê
23	555940	Hoà Minh	281 Tôn Đức Thắng, p Hòa Minh, quận Liên Chiểu
24	556220	Chơn Tâm	457 Tôn Đức Thắng, p Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu
25	553300	Đà Nẵng 3	04 Trần Quang Diệu, p An Hải Tây, quận Sơn Trà
26	553690	Thọ Quang	01 Ngô Quyền, p Thọ Quang, quận Sơn Trà
27	553570	Mân Thái	238 Ngô Quyền, p An Hải Bắc, quận Sơn Trà
28	553920	Ngô Quyền	540 Ngô Quyền, p An Hải Tây, quận Sơn Trà
29	556920	Ngũ Hành Sơn	376 Ngũ Hành Sơn, p Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn
30	556810	Sơn Thuỷ	676 Lê Văn Hiến, p Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn

31	557400	Đà Nẵng 4	296 Cách mạng tháng tám, p Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ
32	556630	Tuý Loan	Thôn Tuý Loan Đông, xã Hoà Phong, huyện Hoà Vang
33	556290	Hoà Tiến	Thôn Lệ Sơn 1, xã Hoà Tiến, huyện Hoà Vang
34	556500	Hoà Sơn	Thôn An Ngãi Đông, xã Hoà Sơn, huyện Hoà Vang
35	556710	Miếu Bông	Thôn Cồn Mông, xã Hoà Phước, huyện Hoà Vang
36	552200	Trung Nữ Vương	544 Trung Nữ Vương, P Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu
37	550900	Hệ 1	75 Trần Phú, p Hải Châu 1, quận Hải Châu
38	550930	Datapost Đà Nẵng	Tổ 13 Hòa Thọ Tây quận Cẩm Lệ
39	555287	Nguyễn Văn Linh 2	251 Nguyễn văn Linh, P Thạc Gián, Thanh Khê
40	555730	Đà Nẵng 2 KT	138 Nguyễn Lương Bằng, p Hòa Khánh Bắc quận Liên Chiểu
41	553950	Trần Quang Diệu	04 Trần Quang Diệu, p An Hải Tây, quận Sơn Trà
42	557747	Tiếp Thị ĐN4	296 Cách mạng tháng tám, p Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ
43	550925	TTâm Khai thác VC	68 Đỗ Quang, p Vĩnh Trung, quận Thanh Khê
44	555286	Chuyển phát nhanh	170 Nguyễn Văn Linh, p Vĩnh Trung, quận Thanh Khê
45	552888	Trần Quốc Toản	75 Trần Quốc Toản TP Đà Nẵng
46	555816	Tiếp Thị ĐN2	138 Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu
47	551100	Trần Phú	75 Trần Phú, Q. Hải Châu

48	551210	Phát Hải Châu	68C Đỗ Quang, Q. Thanh Khê
1	555840	BCP Đà Nẵng 2	138 Nguyễn Lương Bằng, Q. Liên Chiểu
2	553990	BCP Đà Nẵng 3	04 Trần Quang Diệu, Quận Sơn Trà
3	557980	BCP Đà Nẵng 4	296 Cách mạng tháng tám, Quận Cẩm Lệ
4	550955	Bộ phận kiểm quan	155 Nguyễn Văn Linh, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng
49	554010	Văn phòng Đà Nẵng 3	04 Trần Quang Diệu, Sơn Trà, Đà Nẵng
50	551180	Văn Phòng 2	01 Lê Duẩn Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu Đà Nẵng
51	555330	Phát Thanh Khê	271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê Đà Nẵng
52	554920	KHL Thanh Khê	416 Điện Biên Phủ Thanh Khê Đà Nẵng
53	558340	VP Đà Nẵng 4	Đà Nẵng 4
54	557280	Khuê Mỹ	83 Lê Văn Hiến - P. Khuê Mỹ - Q. Ngũ Hành Sơn - Tp Đà Nẵng
55	552530	Hòa Cường Nam	50 Xô viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu
56	550101	Văn phòng BDTP	155 Nguyễn Văn Linh - Q. Thanh Khê- TP.Đà Nẵng
57	554320	BC Văn phòng BDTP	155 Nguyễn Văn Linh - Q. Thanh Khê- TP.Đà Nẵng
58	554330	BC Văn phòng TTKTVC	155 Nguyễn Văn Linh - Q. Thanh Khê- TP.Đà Nẵng
59	551061	BC Văn phòng BD ĐN1	01 Lê Duẩn - Q.Hải Châu - TP. Đà Nẵng
60	555830	BC Văn phòng BD ĐN2	138 Nguyễn Lương Bằng-Q.Liên Chiểu- TP.Đà Nẵng

61	556671	VHX Hòa Tiến	Thôn Lệ Sơn 1, xã Hoà Tiến, huyện Hoà Vang
62	556650	VHX Hòa Khương	xã Hòa Khương, Hòa Vang
63	556711	Hòa Phước	Xã Hòa Phước Huyện Hòa Vang Đà Nẵng
64	556690	Hòa Châu	Xã Hòa Châu Huyện Hòa Vang Đà Nẵng
65	556610	Hòa Phú	Xã Hòa Phú Huyện Hòa Vang Đà Nẵng
66	556521	Hòa Ninh	Xã Hòa Ninh Huyện Hòa Vang Đà Nẵng
67	556580	Hòa Nhơn	Xã Hòa Nhơn Huyện Hòa Vang Đà Nẵng
68	556540	VHX Hòa Liên	Xã Hòa Liên Huyện Hòa Vang Đà Nẵng
69	556560	VHX Hòa Bắc	Xã Hòa Bắc Huyện Hòa Vang Đà Nẵng
70	556501	VHX Hòa Sơn	Xã Hòa Sơn Huyện Hòa Vang Đà Nẵng
71	555850	BC KCN Hòa Khánh	Đường Số 2 KCn Hòa Khánh Liên Chiểu Đà Nẵng
72	554101	KCN AN ĐỒN	LÔ 01C, ĐƯỜNG SỐ 1, KCN AN ĐỒN, SƠN TRÀ, ĐÀ NẴNG
73	557933	BCP số 5	271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
74	557558	KCN HÒA CÀM	ĐƯỜNG SỐ 3, KCN HÒA CÀM, SƠN TRÀ, ĐÀ NẴNG
75	553685	BCP Ngũ Hành Sơn	02 Phan Huy Chú, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng
76	555333	BC Thương Mại Điện Tử	68C Đỗ Quang, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
77	558033	KHL Hòa Khánh 2	Lô U1-U3 đường số 7b - KCN Hoà Khánh mở rộng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

78	551395	phát Hải Châu	50B Đường Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng
79	552605	phát Thanh Khê	50B Đường Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng
TỈNH QUẢNG NAM			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	561000	Tam Kỳ	Số 18 Trần Cao Vân Thành phố Tam Kỳ
2	561010	Huỳnh Thúc Kháng	Số 330 Đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường An Xuân, Thành phố Tam Kỳ
3	561090	Nam Hùng Vương	Khối 7, Phường An Sơn, Thành phố Tam Kỳ
4	561100	Phan Chu Trinh	Số 611 Đường Phan Châu Trinh, Thành phố Tam Kỳ
5	561210	An Xuân	Số 02 Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ
6	561299	T tâm K doanh Dvụ Tổng hợp	Đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, Tam Kỳ
7	561350	An Mỹ	Số 97 Đường Nguyễn Duy Hiệu, Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ
8	561600	Thăng Bình	Khu phố 2, Thị trấn Hà Lam, Huyện Thăng Bình
9	562000	Tiên Phước	Khối phố Tiên Bình, Thị trấn Tiên Kỳ, Huyện Tiên Phước
10	562300	Núi Thành	Khối 3, Thị trấn Núi Thành, Huyện Núi Thành
11	562400	Khu Kté mở Chu Lai	ĐT 618, thôn An Hải Đông, xã Tam Quang, Núi Thành
12	562413	KCN Tam Hiệp	Quốc lộ 1A, thôn Vĩnh Đại, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành
13	562420	Diêm Phở	Quốc lộ 1A, thôn Diêm Phở, xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành

14	562480	Bà Bầu	Quốc lộ 1A, thôn Phú Hưng, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành
15	562560	Bến Xe	Quốc lộ 1A, thôn Định Phước, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành
16	562700	Duy Xuyên	Khối Phố Long Xuyên 3 (đội 4), Thị trấn Nam Phước, Huyện Duy Xuyên
17	562710	Cầu Chìm	Thôn Xuyên Tây 1, TT Nam Phước Duy Xuyên, Q.Nam
18	562830	Kiểm Lâm	Thôn 6, Duy Hoà, Duy Xuyên, Q.Nam
19	562880	Trà Kiệu	Thôn 2, xã Duy Sơn, Duy Xuyên Q.Nam
20	563000	Quế Sơn	Thôn Thuận An, Thị trấn Đông Phú, Huyện Quế Sơn
21	563080	Hương An	Thôn 8, Xã Hương An, Huyện Quế Sơn
22	563180	Trung Phước	Thôn Trung Phước , Xã Quế Trung, Huyện Quế Trung
23	563400	Hiệp Đức	Khu phố An Bắc, Thị trấn Tân An, Huyện Hiệp Đức
24	563600	Bắc Trà My	Tổ dân phố Đồng Bàu, Thị trấn Trà My, Huyện Bắc Trà My
25	563800	Hội An	Số 06 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Minh An, Thành Phố Hội An
26	563870	Lê Hồng Phong	Số 22 Đường Nguyễn Tất Thành, Thành Phố Hội An
27	564060	Cửa Đại	Số 11 Cửa Đại, Thành Phố Hội An
28	564200	Điện Bàn	Khối 2, Thị trấn Vĩnh Điện, Huyện Điện Bàn
29	564220	Điện Phương	Thôn Thanh Chiêm 1, Điện Phương, Điện Bàn, Q.Nam
30	564280	KCN ĐNam-ĐNgọc	Thôn Viêm Trung, Điện Ngọc, Điện Bàn, Q. Nam

31	564290	Điện Ngọc	Thôn Ngọc Vinh, Điện Ngọc, Điện Bàn,Q.Nam
32	564420	Phong Thử	Xã Điện Thọ Phong Thử, Huyện Điện Bàn
33	564570	Điện Thắng	Thôn Bồ Mưng 2, Xã Điện Thắng Bắc, Huyện Điện Bàn
34	564700	Đại Lộc	Khu 2, Thị trấn Ái Nghĩa, Huyện Đại Lộc
35	564790	Hà Nha	Thôn Hà Nha, Đại Đồng, Đại Lộc, Q.Nam
36	564810	Hà Tân	Thôn Hà Tân, Đại Lãnh, Đại Lộc, Q.Nam
37	564830	Đại Minh	Ngã 4, thôn Đông Gia, Đại Minh, Đại Lộc, Q.Nam
38	564950	Gia Cốc	Thôn Phú An, Đại Thắng, Đại Lộc, Q.Nam
39	565100	Phước Sơn	Khối 4, Thị trấn Khâm Đức, Huyện Phước Sơn
40	565300	Nam Trà My	Tắc Pô, Xã Trà My, Huyện Nam Trà My
41	565500	Đông Giang	Thôn Ngã Ba, Thị trấn PRao, Huyện Đông Giang
42	565570	Quyết Thắng	Thôn Ban Mai 1, xã Ba, huyện Đông Giang
43	565660	A Xờ	Quốc lộ 14, thôn A Xờ, xã Ma Cooih, huyện Đông Giang
44	565800	Tây Giang	Thôn A Gòng, Xã A Tiêng, Huyện Tây Giang
45	566000	Nam Giang	Thôn Dung, Thị trấn Thanh Mỹ, Huyện Nam Giang
46	566200	Phú Ninh	Thôn 6, Xã Tam Vinh, Huyện Phú Ninh
47	566240	Cây Sanh	Đường Trạm 616 Thôn Cây Sanh, Xã Tam Dân, Huyện Phú Ninh

48	566260	Chiên Đàn	Thôn Đàn Hạ, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, Q.Nam
1	561150	BCP Tam Kỳ	02 Phan Bội Châu, TP Tam Kỳ
2	566230	BCP Phú Ninh	TT Phú Thịnh, Phú Ninh
3	561750	BCP Thăng Bình	Tổ 7, TT Hà Lam, Thăng Bình
4	563730	BCP Bắc Trà My	KP Đồng Bàu, TT Trà My, Bắc Trà My
5	565410	BCP Nam Trà My	Xã Trà Mai, huyện Nam Trà My
6	562220	BCP Tiên Phước	KP Tiên Bình, TT Tiên Kỳ, Tiên Phước
7	562440	BCP Núi Thành	Khối 3, TT Núi Thành
8	564260	BCP Điện Bàn	189 Trần Nhân Tông, TT Vĩnh Điện, Điện Bàn
9	563060	BCP Quế Sơn	TT Đông Phú, Quế Sơn
10	563540	BCP Hiệp Đức	TT Tân An, Hiệp Đức
11	565130	BCP Phước Sơn	TT Khâm Đức, Phước Sơn
12	564740	BCP Đại Lộc	Khu 2, TT Ái Nghĩa, Đại Lộc
13	562770	BCP Duy Xuyên	KP Long Xuyên, TT Nam Phước, Duy Xuyên
14	563850	BCP Hội An	6 Trần Hưng Đạo Hội An
15	565560	BCP Đông Giang	TT Prao, Đông Giang
16	566120	BCP Nam Giang	TT Thạnh Mỹ, Nam Giang

17	565830	BCP Tây Giang	Thôn Agroong, Atiêng, Tây Giang
18	566780	BCP Nông Sơn	Thôn Trung Phước 1, Xã Quế Trung, Huyện Nông Sơn
49	562020	Tiên Thọ	Thôn 3, xã Tiên Thọ, Tiên Phước, Qnam
50	564070	KDĐT HỒI AN	06 TRẦN HƯNG ĐẠO HỘI AN
51	561820	BC Quán Gò	Bình An, Thăng Bình
52	564745	BC Đại Hiệp	Thôn Phú Hải, Xã Đại Hiệp, Huyện Đại Lộc
53	561250	HCC Quảng Nam	159B, Trần Quý Cáp, Tam Kỳ, Quảng Nam
54	561660	Bình Đào	Xã Bình Đào - Thăng Bình - Quảng Nam
55	561280	Kinh Doanh Tiếp Thị	01 - Trần Phú - P. Tân Thạnh - TP. Tam Kỳ
56	562740	Duy Nghĩa	Thôn 3, Duy Ngĩa, Duy Xuyên
57	561160	Tam Thăng	Thôn Vĩnh Bình - Tam Thăng - Tam Kỳ
58	561380	Tam Ngọc	Thôn 3-Tam Ngọc-Tam Kỳ
59	566280	VHX Tam An	Thôn An Mỹ 2- Tam An- Phú Ninh
60	566360	Tam Phước	Thôn Cẩm Khê - Tam Phước- Phú Ninh
61	566340	Tam Thành	Thôn 1- Tam Thành - Phú Ninh
62	562070	Tiên Cẩm	Thôn Cẩm Tây - Tiên Cẩm - Tiên Phước
63	562040	Tiên Phong	Thôn Tiên Hòa - Tiên Phong - Tiên Phước

64	562140	Tiên Cảnh	Thôn 5 - Tiên Cảnh - Tiên Phước
65	562050	Tiên Mỹ	Thôn 3- Tiên Mỹ- Tiên Phước
66	562170	Tiên An	thôn 3 -Tiên An- Tiên Phước
67	562120	Tiên Lãnh	Thôn 10 - Tiên Lãnh - Tiên Phước
68	563670	Trà Tân	Thôn 1- Trà Tân- Bắc Trà My
69	565150	Phước Năng	Thôn 2 - Phước Năng - Phước Sơn
70	563160	Quế Long	Thôn 3- Quế Long - Quế Sơn
71	563120	Quế Xuân 1	Thôn 2- Quế Xuân 1- Quế Sơn
72	563440	Quế Thọ	Thôn Phú Thọ - Quế Thọ - Hiệp Đức
73	563470	Quế Bình	Thôn 2 - Quế Bình - Hiệp Đức
74	564421	Điện Thọ	Thôn La Trung - Điện Thọ - Điện Bàn
75	564470	Điện Phước	Thôn Nhị Dinh 1- Điện Phước - Điện Bàn
76	564550	Điện Phong	Thôn Tân Thành - Điện Phong - Điện Bàn
77	564490	Điện Quang	Thôn Bảo An Tây- Điện Quang- Điện Bàn
78	564510	Điện Trung 2	Thôn Nam Hà 2- Điện Trung - Điện Bàn
79	564930	Đại Cường	Thôn Thanh Vân- Đại Cường- Đại Lộc
80	564870	Đại Hồng	Thôn Phước Lâm - Đại Hồng - Đại Lộc

81	564850	Đại Phong	Thôn Mỹ Tây- Đại Phong- Đại Lộc
82	564990	Đại Hòa	Thôn Tích Phú - Đại Hiệp - Đại Lộc
83	564730	Đại Hiệp	Thôn Tích Phú - Đại Hiệp - Đại Lộc
84	562881	Duy Sơn	Thôn Chiêm Sơn - Duy Sơn - Duy Xuyên
85	562760	Duy Phước	Thôn Mỹ Phước - Duy Phước - Duy Xuyên
86	562780	Duy Vinh	Thôn Vĩnh Nam- Duy Vinh- Duy Xuyên
87	562730	Duy Thành	Thôn 2- Duy Thành- Duy Xuyên
88	562900	Duy Trung	Thôn Vĩnh Nam- Duy Vinh- Duy Xuyên
89	562850	Duy Tân	Thôn Thu Bồn Đông- Duy Tân- Duy Xuyên
90	562810	Duy Châu	Thôn Lệ An- Duy Châu- Duy Xuyên
91	562870	Duy Thu	Thôn Phú Đa 2- Duy Thu- Duy Xuyên
92	562831	Duy Hòa	Thôn La Tháp Tây-Duy Hòa-Duy Xuyên
93	562360	Tam Hòa	Thôn Hòa Xuân - Tam Hòa - Núi Thành
94	562450	Tam Xuân 2	Thôn Bà Bàu - Tam Xuân 2 - Núi Thành
95	562520	Tam Mỹ Đông	Thôn Đa Phú 1-Tam Mỹ Đông-Núi Thành
96	561760	Bình Chánh	Thôn Rừng Bồng-Bình Chánh-Thăng Bình
97	561690	Bình Giang	Thôn 3 - Bình Giang - Thăng Bình

98	561720	Bình Định Bắc	Thôn Đồng Dương-Bình Định Bắc-T. Bình
99	561710	Bình Quí	Thôn Quí Phước 2 - Bình Quí - Thăng Bình
100	561740	Bình Lãnh	Thôn Nam Bình Sơn- Bình Lãnh-Thăng Bình
101	561790	Bình Tú	Thôn Phước Cẩm - Bình Tú - Thăng Bình
102	561630	Bình Sa	thôn 3 (làng Bình Trúc 1) Bình Sa- Thăng Bình- Quảng Nam
103	561650	Bình Triều	Thôn Phước Ấm (Thôn 3) - Bình Triều - Thăng Bình
104	561680	Bình Nguyên	Thôn Thanh Ly 1 - Bình Nguyên - Thăng Bình
105	561810	Bình Trung	Thôn Kế Xuyên 1 - Bình Trung - Thăng Bình
106	561840	Bình Nam	Thôn Nghĩa Hòa - Bình Nam - Thăng Bình
107	562090	Tiên Châu	thôn Hội An- Tiên Châu- Tiên Phước- Quảng Nam
108	562348	Tam Hải	thôn 2- Tam Hải- Núi Thành- Quảng Nam
109	562380	Tam Tiến	thôn Đông An (thôn 4)- Tam Giang- Núi Thành- Quảng Nam
110	562500	Tam Thạnh	thôn Trung Hòa (thôn 2)-Tam Thạnh - Núi Thành- Quảng Nam
111	562540	Tam Trà	thôn Phú Thành- Tam Trà- Núi Thành- Quảng Nam
112	562573	Tam Nghĩa	thôn Định Phước- Tam Nghĩa- Núi Thành- Quảng Nam
113	563070	Quế Cường	thôn 2- Quế Cường- Quế Sơn- Quảng Nam
114	563200	Quế Phong	thôn Tân Phòng- Quế Phong- Quế Sơn- Quảng Nam

115	563450	Hiệp Thuận	thôn 2 Hiệp Thuận- Hiệp Đức- Quảng Nam
116	563460	Hiệp Hòa	thôn 3- Hiệp Hòa- Hiệp Đức- Quảng Nam
117	564350	Điện Hòa	xóm Bùng- Điện Hòa- Điện Bàn- Quảng Nam
118	564860	Đại Tân	thôn Xuân Tây- Đại Tân- Đại Lộc- Quảng Nam
119	564910	Đại Chánh	thôn Tập Phước- Đại Chánh- Đại Lộc- Quảng Nam
120	564920	Đại Thạnh	thôn Tây Lễ- Đại Thạnh- Đại Lộc- Quảng Nam
121	565120	Phước Hiệp	thôn 11, Phước Hiệp, Phước Sơn, Quảng Nam
122	565140	Phước Đức	thôn 5- Phước Đức- Phước Sơn- Quảng Nam
123	565170	Phước Chánh	thôn Ca Ra Ngây- Phước Chánh- Phước Sơn- Quảng Nam
124	565801	Lăng	thôn Nal- xã Lăng- Tây Giang- Quảng Nam
125	565840	Bhalee	thôn A Ung- xã Bha lê- Tây Giang- Quảng Nam
126	565876	A Tiêng	thôn Ahu- A Tiêng- Tây Giang- Quảng Nam
127	566201	Tam Lãnh	thôn 10 Tiên Lãnh- Tiên Phước- Quảng Nam
128	566300	Tam Lộc	thôn 2 Tam Lộc- Phú Ninh- Quảng Nam
129	566320	Tam Vinh	thôn 1(thôn Tú Lâm)- Tam Vinh- Phú Ninh- Quảng Nam
130	564701	Đại Sơn	Thôn Hội Khách Đông - Xã Đại Sơn huyện Đại Lộc - Quảng Nam
131	564765	Đại Nghĩa	Thôn Mỹ Liên - Xã Đại Nghĩa - huyện Đại Lộc - Tỉnh Quảng Nam

132	564770	Đại Quang	Thôn Hòa Thạch - Xã Đại Quang- huyện Đại Lộc - Quảng Nam
133	564805	Đại Đồng	Thôn Lộc Phước - Xã Đại Đồng - huyện Đại Lộc - Tỉnh Quảng Nam
134	565000	Đại Hưng	Thôn Trúc Hà - Xã Đại Hưng - huyện Đại Lộc - Tỉnh Quảng Nam
135	565035	Đại An	Thôn Quảng Huế - Xã Đại An huyện Đại Lộc - Tỉnh Quảng Nam
136	564590	VHX Thanh Quýt	Thanh Quýt, Điện Bàn, Quảng Nam
137	564350	VHX Điện Hòa	Điện Hòa, Điện Bàn
138	564610	VHX Cẩm Sa	Cẩm Sa, Điện Bàn
139	564440	VHX Điện Hồng	Điện Hồng- Điện Bàn - Quảng Nam
140	563660	VHX Trà Dương	Thôn 2 Trà Dương Bắc Trà My
141	564270	VHX Điện Dương	Thôn Hà My Trung Điện Dương Điện Bàn Quảng Nam
142	563510	VHX Thăng Phước	Thôn 3 Thăng Phước Hiệp Đức Quảng Nam
143	566386	VHX Tam Đại	Tam Đại - Phú Ninh
144	566040	VHX Tà Bính	Xã Tà Bính - huyện Nam Giang
145	566060	VHX Chà Vål	Xã Chà Vål - huyện Nam Giang
146	563050	VHX Phú Thọ	Xuân Thái- Phú Thọ- Quế Sơn- Quảng Nam
147	563150	VHX Quế Hiệp	Thôn Nghi Trung- Quế Hiệp- Quế Sơn- Quảng Nam
148	563190	VHX Quế Thuận	Quế Thuận - Quế Sơn - Quảng Nam

149	563095	VHX Quế Phú	Thôn Mộc Bài, Quế Phú, Quế Sơn , Quảng Nam
150	563032	VHX Quế Châu	Thôn Phước Đức, Quế Châu, Quế Sơn , Quảng Nam
151	564400	VHX Điện An	Điện An -Điện Bàn - Quảng Nam
152	564380	VHX Điện Tiến	Điện Tiến - Điện Bàn - Quảng Nam
153	564530	VHX Điện Minh	Điện Minh - Điện Bàn - Quảng Nam
154	562750	VHX Duy Hải	Xã Duy Hải, Duy Xuyên
155	563650	VHX Trà Đông	Xã Trà Đông, Bắc Trà My
156	563634	VHX Trà Nú	Xã Trà Nú , Bắc Trà My
157	563644	VHX Trà Kot	Xã Trà Kot, Bắc Trà my
158	563626	VHX Trà Giang	Xã Trà Giang, Bắc Trà My
159	563685	VHX Trà Đốc	Xã Trà Đốc, Bắc Trà My
160	563700	VHX Trà Giác	Xã Trà Giác, Bắc Trà My
161	563710	VHX Trà Giáp	Xã Trà Giáp, Bắc Trà My
162	563720	VHX Trà Ka	Xã Trà Ka, Bắc Trà My
163	566040	VHX Tà bhing	Xã Tà Bhing, Nam Giang
164	566060	VHX Chà vâl	Xã Chà Vâl, Nam Giang
165	566080	VHX La Dê	Xã La Dê, Nam Giang

166	566036	VHX La Ê	Xã La Ê, Nam Giang
167	566094	VHX Đắc Pre	Xã Đắc Pre, Nam Giang
168	566020	VHX Zuôi	Xã Zuôi, Nam Giang
169	565160	VHX Phước Mỹ	Xã Phước Mỹ, Phước Sơn
170	565200	VHX Phước Kim	Xã Phước Kim, Phước Sơn
171	565213	VHX Phước Xuân	Xã Phước Xuân, Phước Sơn
172	565190	VHX Phước Công	Xã Phước Công, Phước Sơn
173	562116	VHX Tiên Ngọc	Xã Tiên Ngọc, Tiên Phước
174	563170	VHX Quế Lộc	Xã Quế Lộc, Nông Sơn
175	563230	VHX Quế Phước	Xã Quế Phước, Nông Sơn
176	563220	VHX Quế Ninh	Xã Quế Ninh, Nông Sơn
177	561620	VHX Bình Phục	Xã Bình Phục, Thăng Bình
178	561700	VHX Bình Dương	Xã Bình Dương, Thăng Bình
179	561670	VHX Bình Minh	Xã Bình Minh, Thăng Bình
180	561640	VHX Bình Hải	Xã Bình Hải, Thăng Bình
181	561770	VHX Bình Phú	Xã Bình Phú, Thăng Bình
182	561780	VHX Bình Quế	Xã Bình Quế, Thăng Bình

183	563520	BĐVHX Sông trà	Xã Sông Trà, Hiệp Đức
184	563480	BĐVHX Quế Lưu	Xã Quế Lưu, Hiệp Đức
185	563410	BĐVHX Bình Sơn	Xã Bình Sơn, Hiệp Đức
186	563421	BĐVHX Bình Lâm	Xã Bình Lâm, Hiệp Đức
187	563490	BĐVHX Phước Gia	Xã Phước Gia, Hiệp Đức
188	563500	BĐVHX Phước trà	Xã Phước Trà, Hiệp Đức
189	561175	BC Tam Thăng	Tam Thăng, Tam Kỳ, Quảng Nam
190	563860	VHX Cẩm An	Cẩm An, Hội An, Quảng Nam
191	561730	VHX Bình Trị	Bình Trị - Thăng Bình - Quảng Nam
192	561727	VHX Bình Định Nam	Xã Bình Định Nam - Thăng Bình
193	562340	VHX Tam Hải	thôn 2- Tam Hải- Núi Thành- Quảng Nam
194	561242	Bưu cục TMDT	Trần Phú - Tam Kỳ
195	561243	HCC TP Tam Kỳ	Trần Phú - Tam Kỳ
196	566773	VHX Sơn Viên	Sơn Viên - Nông Sơn
197	564725	KHL Đại Lộc	Ái Nghĩa - Đại Lộc
198	562414	Chợ Trạm	Chợ Trạm, Tam Hiệp, Núi Thành
199	564721	HCC Đại Lộc	Ái Nghĩa - Đại Lộc, Quảng Nam

200	563420	Việt An	Việt An, Hiệp Đức, Quảng Nam
TỈNH QUẢNG NGÃI			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	570000	Quảng Ngãi	80 Phan đình Phùng, P.Nguyễn Nghiêm Quảng Ngãi
2	571020	Quang Trung	70 Quang Trung, P. Lê Hồng Phong TP Quảng Ngãi
3	571400	Lý Sơn	Thôn Đông, An Vĩnh, Huyện Lý Sơn
4	571500	Sơn Tịnh	Thôn Trường Thọ Tây, TT Sơn Tịnh, Huyện Sơn Tịnh
5	571560	Sơn Mỹ	Thôn Mỹ Lại, xã Tịnh Khê, Huyện Sơn Tịnh
6	571800	Bình Sơn	Tổ Dân Phố 2 thị trấn Châu Ổ, Huyện Bình Sơn
7	572100	Khu KTế Dung Quất	Thôn An Lộc, Xã Bình Trị, Huyện Bình Sơn
8	572200	Trà Bồng	Khu Vực 1, Thị trấn Trà Xuân, Huyện Trà Bồng
9	572400	Tây Trà	Thôn Trà Niêu, Xã Trà Phong, Huyện Tây Trà
10	572600	Sơn Hà	Thôn Hàng Gòn, Thị Trấn Di Lăng, Huyện Sơn Hà
11	572800	Sơn Tây	Thôn Huy Măng, Xã Sơn Dung, Huyện Sơn Tây
12	572900	Nghĩa Hành	Tổ Dân Phố Phú Vinh Trung, Thị Trấn Chợ Chùa, Huyện Nghĩa Hành
13	573100	Minh Long	Thôn 2, Xã Long Hiệp, Huyện Minh Long
14	573200	Ba Tơ	Khu Vực 1, Thị Trấn Ba Tơ, Huyện Ba Tơ

15	573500	Đức Phổ	Tổ Dân Phố 5, Thị Trấn Đức Phổ, Huyện Đức Phổ
16	573600	Sa Huỳnh	Thôn Thạch Bi 1, Xã Phổ Thạnh, Huyện Đức Phổ
17	573800	Mộ Đức	Tổ Dân Phố 1, Thị Trấn Mộ Đức, Huyện Mộ Đức
18	573950	Thạch Trụ	Thôn Tú Sơn 1, Xã Đức Lĩnh, Huyện Mộ Đức
19	574000	Tư Nghĩa	Khối 3, Thị Trấn La Hà, Huyện Tư Nghĩa
20	574170	Sông Vệ	Tổ Dân Phố An Bằng, Thị trấn Sông Vệ, Huyện Tư Nghĩa
21	573840	Quán Lát	Khối 1, Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức
1	572060	Phát Bình Sơn	TT Châu Ô, Bình Sơn, Quảng Ngãi
2	571150	Phát Quảng Ngãi	70 Quang Trung, TP Qngai
22	571025	Bưu cục văn phòng	70 quang trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
23	574480	Đình Tiên Hoàng	Tổ 17 P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi
24	574350	BC Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng - Thành phố Quảng Ngãi
25	571410	VHX An Vĩnh	Xã An Vĩnh - huyện Lý Sơn
26	573290	VHX Ba Dinh	Xã Ba Dinh huyện Ba Tơ
27	573220	VHX Ba Động	Xã Ba Động huyện Ba Tơ
28	571870	VHX Bình Châu	Xã Bình Châu huyện Bình Sơn
29	571960	VHX Bình Dương	Xã Bình Dương huyện Bình Sơn

30	572030	VHX Bình Hiệp	Xã Bình Hiệp huyện Bình Sơn
31	571970	VHX Bình Khương	Xã Bình Khương huyện Bình Sơn
32	572010	VHX Bình Mỹ	Xã Bình Mỹ huyện Bình Sơn
33	571946	VHX Bình Nguyên	Xã Bình Nguyên huyện Bình Sơn
34	571810	VHX Bình Thới	Xã Bình Thới huyện Bình Sơn
35	573900	VHX Đức Hiệp	Xã Đức Hiệp huyện Mộ Đức
36	573810	VHX Đức Phong	Xã Đức Phong huyện Mộ Đức
37	573940	VHX Đức Tân	Xã Đức Tân huyện Mộ Đức
38	573860	VHX Đức Thắng	Xã Đức Thắng huyện Mộ Đức
39	573827	VHX Đức Thạnh 2	Xã Đức Thạnh huyện Mộ Đức
40	572910	VHX Hành Đức	Xã Hành Đức huyện nghĩa Hành
41	572970	VHX Hành Nhân	Xã Hành Nhân huyện nghĩa Hành
42	572930	VHX Hành Phước	Xã Hành Phước huyện nghĩa Hành
43	573010	VHX Hành T.Đông	Xã Hành Tín Đông huyện nghĩa Hành
44	572940	VHX Hành Thịnh	Xã Hành Thịnh huyện nghĩa Hành
45	572950	VHX Hành Thuận	Xã Hành Thuận huyện nghĩa Hành
46	572920	VHX Hành Trung	Xã Hành Trung huyện nghĩa Hành

47	573120	VHX Long Sơn	Xã Long Sơn huyện Minh Long
48	574490	VHX Nghĩa An	Xã Nghĩa An - TP Quảng Ngãi
49	571000	VHX Nghĩa Đông	Xã Nghĩa Đông - TP Quảng Ngãi
50	571010	VHX Nghĩa Dũng	Xã Nghĩa Dũng - TP Quảng Ngãi
51	574510	VHX Nghĩa Hà	Xã Nghĩa Hà - TP Quảng Ngãi
52	574540	VHX Nghĩa Phú	Xã Nghĩa Phú - TP Quảng Ngãi
53	571580	VHX Tịnh Hòa	Xã Nghĩa Hòa - TP Quảng Ngãi
54	574190	VHX Nghĩa Hiệp	Xã Nghĩa Hiệp huyện Tư Nghĩa
55	574035	VHX Nghĩa Hòa	Xã Nghĩa Hòa huyện Tư Nghĩa
56	574130	VHX Nghĩa Lâm	Xã Nghĩa Lâm huyện Tư Nghĩa
57	571660	VHX Nghĩa Phương	Xã Nghĩa Phương huyện Tư Nghĩa
58	574110	VHX Nghĩa Thắng	Xã Nghĩa Thắng huyện Tư Nghĩa
59	574150	VHX Nghĩa Trung	Xã Nghĩa Trung huyện Tư Nghĩa
60	573620	VHX Phở Cường	Xã Phở Cường huyện Đức Phổ
61	573610	VHX Phở Hòa	Xã Phở Hòa huyện Đức Phổ
62	573640	VHX Phở Khánh	Xã Phở Khánh huyện Đức Phổ
63	573530	VHX Phở Thuận	Xã Phở Thuận huyện Đức Phổ

64	573520	VHX Phở Văn	Xã Phở Văn huyện Đức Phở
65	573710	VHX Phở Vinh	Xã Phở Vinh huyện Đức Phở
66	572730	VHX Sơn Kỳ	Xã Sơn Kỳ huyện Sơn hà
67	572670	VHX Sơn Thành	Xã Sơn Thành huyện Sơn hà
68	571660	VHX Tịnh Bắc	Xã Tịnh Bắc huyện Sơn Tịnh
69	571650	VHX Tịnh Bình	Xã Tịnh Bình huyện Sơn Tịnh
70	571710	VHX Tịnh Giang	Xã Tịnh Giang huyện Sơn Tịnh
71	571640	VHX Tịnh Hà	Xã Tịnh Hà huyện Sơn Tịnh
72	571630	VHX Tịnh Sơn	Xã Tịnh Sơn huyện Sơn Tịnh
73	571690	VHX Tịnh Trà	Xã Tịnh Trà huyện Sơn Tịnh
74	572220	VHX Trà Bình	Xã Trà Bình huyện Trà Bồng
75	573325	VHX Ba Vì	Xã Ba Vì, huyện Ba Tơ
76	574436	HCC Quảng Ngãi	54 Hùng Vương- TP Quảng Ngãi
77	573380	Ba Bích	Xã Ba Bích Huyện Ba Tơ
78	573360	Ba Chùa	Xã Ba Chùa Huyện Ba Tơ
79	573210	Ba Cung	Xã Ba Cung Huyện Ba Tơ
80	573280	Ba Điền	Xã Ba Điền Huyện Ba Tơ

81	573402	Ba Khâm	Xã Ba Khâm Huyện Ba Tơ
82	573370	Ba Lễ	Xã Ba Lễ Huyện Ba Tơ
83	573240	Ba Liên	Xã Ba Liên Huyện Ba Tơ
84	573312	Ba Nam	Xã Ba Nam, Huyện Ba Tơ
85	573340	Ba Ngạc	Xã Ba Ngạc Huyện Ba Tơ
86	573250	Ba Thành	Xã Ba Thành Huyện Ba Tơ
87	573350	Ba Tiêu	Xã Ba Tiêu Huyện Ba Tơ
88	573300	Ba Tô	Xã Ba Tô Huyện Ba Tơ
89	573393	Ba Trang	Xã Ba Trang Huyện Ba Tơ
90	573260	Ba Vinh	Xã Ba Vinh' Huyện Ba Tơ
91	573330	Ba Xa	Xã Ba Xa Huyện Ba Tơ
92	571980	Bình An	Xã Bình An Huyện Bình Sơn
93	571930	Bình Chánh	Xã Bình Chánh Huyện Bình Sơn
94	572000	Bình Chương	Xã Bình Chương Huyện Bình Sơn
95	571856	Bình Hải	Xã Bình Hải Huyện Bình Sơn
96	571840	Bình Hòa	Xã Bình Hòa Huyện Bình Sơn
97	572027	Bình Long	Xã Bình Long Huyện Bình Sơn

98	571990	Bình Minh	Xã Bình Minh Huyện Bình Sơn
99	571860	Bình Phú	Xã Bình Phú Huyện Bình Sơn
100	571890	Bình Tân	Xã Bình Tân Huyện Bình Sơn
101	571925	Bình Thạnh	Xã Bình Thạnh Huyện Bình Sơn
102	572050	Bình Thanh Đông	Xã Bình Đông Huyện Bình Sơn
103	572040	Bình Thanh Tây	Xã Bình Thanh Huyện Bình Sơn
104	571909	Bình Thuận	Xã Bình Thuận Huyện Bình Sơn
105	571830	Bình Trị	Xã Bình Trị Huyện Bình Sơn
106	571950	Bình Trung	Xã Bình Trung Huyện Bình Sơn
107	571820	Bình Phước	Xã Bình Phước Huyện Bình Sơn
108	571980	Phổ An	Xã Phổ An, Huyện Đức Phổ
109	571856	Phổ Nhơn	Xã Phổ Nhơn, Huyện Đức Phổ
110	571840	Phổ Quang	Xã Phổ Quang, Huyện Đức Phổ
111	571990	Phổ Phong	Xã Phổ Phong, Huyện Đức Phổ
112	571930	Phổ Châu	Xã Phổ Châu, Huyện Đức Phổ
113	571421	An Bình	Xã An Bình, Huyện Lý Sơn
114	571401	An Hải	Xã An Hải, Huyện Lý Sơn

115	572040	Long Hiệp	Xã Long Hiệp, huyện Minh Long
116	571909	Long Môn	Xã Long Môn, huyện Minh Long
117	571950	Thanh An	Xã Thanh An, huyện Minh Long
118	571421	Đức Thạnh 1	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức
119	573110	Hành Dũng	Xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành
120	573140	Hành Minh	Xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành
121	573841	Hành Thiện	Xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành
122	573830	Hành Tín Tây	Xã Hành Tín, huyện Nghĩa Hành
123	572660	Sơn Hạ	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà
124	572710	Sơn Hải	Xã Sơn Hải, huyện Sơn Hà
125	572740	Sơn ba	Xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà
126	572680	Sơn bao	Xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà
127	572640	Sơn Cao	Xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà
128	572620	Sơn Giang	Xã Sơn Giang, huyện Sơn Hà
129	572630	Sơn Linh	Xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà
130	572700	Sơn Trung	Xã Sơn Trung, huyện Sơn Hà
131	572655	Sơn Nham	Xã Sơn Nham, huyện Sơn Hà

132	572690	Sơn Thượng	Xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà
133	572720	Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà
134	572810	Sơn Tân	Xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây
135	572850	Sơn Bua	Xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây
136	572830	Sơn Lập	Xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây
137	572840	Sơn Mùa	Xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây
138	572820	Sơn Tinh	Xã Sơn Tinh, huyện Sơn Tây
139	571520	Tịnh Ấn Đông	Xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh
140	571590	Tịnh Ấn Tây	Xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh
141	571700	Tịnh Đông	Xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh
142	571680	Tịnh Hiệp	Xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh
143	571670	Tịnh Minh	Xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh
144	571620	Tịnh Thọ	Xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh
145	571600	Tịnh Phong	Xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh
146	572461	Trà.Khê	Xã Trà Khê, huyện Tây Trà
147	572410	Trà.Lãnh	Xã Trà Lãnh, huyện Tây Trà
148	572431	Trà Nham	Xã Trà Nham, huyện Tây Trà

149	572450	Trà Quân	Xã Trà Quân, huyện Tây Trà
150	572440	Trà thanh	Xã Trà Thanh, huyện Tây Trà
151	572421	Trà Trung	Xã Trà Trung, huyện Tây Trà
152	572483	Trà Xinh	Xã Trà Xinh, huyện Tây Trà
153	571530	Tịnh An	Xã Tịnh An, TP Quảng Ngãi
154	571540	Tịnh Châu	Xã Tịnh Châu, TP Quảng Ngãi
155	571570	Tịnh Kỳ	Xã Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi
156	571610	Tịnh Thiện	Xã Tịnh Thiện, TP Quảng Ngãi
157	571555	Tịnh Long	Xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi
158	572210	Trà Phú	Xã Trà Phú, huyện Trà Bồng
159	572270	Trà Sơn	Xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng
160	572280	Trà Bùi	Xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng
161	572231	Trà Giang	Xã Trà Giang, huyện Trà Bồng
162	572250	Trà Hiệp	Xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng
163	572260	Trà Lâm	Xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng
164	572290	Trà Tân	Xã Trà Tân, huyện Trà Bồng
165	572240	Trà Thủy	Xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng

166	574162	Nghĩa Phương	Xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa
167	574080	Nghĩa Điền	Xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa
168	574213	Nghĩa Kỳ	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa
169	574180	Nghĩa Mỹ	Xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa
170	574120	Nghĩa Thọ	Xã Nghĩa Thọ, huyện Tư Nghĩa
171	574109	Nghĩa Thuận	Xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa
172	574020	Nghĩa Thương	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa
173	574140	Nghĩa Sơn	Xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa
174	573570	VHX Phở An	Xã Phở An, Huyện Đức Phổ
175	573550	VHX Phở Phong	Xã Phở Phong, Huyện Đức Phổ
176	573680	VHX Phở Châu	Xã Phở Châu, Huyện Đức Phổ
177	573590	VHX Phở Nhơn	Xã Phở Nhơn, Huyện Đức Phổ
178	573510	VHX Phở Ninh	Xã Phở Ninh, Huyện Đức Phổ
179	573580	VHX Phở Quang	Xã Phở Quang, Huyện Đức Phổ
180	571914	VHX Bình Đông	Xã Bình Đông - Huyện Bình Sơn- Quảng Ngãi
4	571810	Long Mai	Xã Long Mai, huyện Minh Long
5	572030	Phở Ninh	Xã Phở Ninh, Huyện Đức Phổ

6	573620	Đức Chánh	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức
7	573640	Đức Hòa	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức
8	573520	Đức Phú	Xã Đức Phú, huyện Mộ Đức
TỈNH KON TUM			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	580000	BC Kon Tum	Số 205 Đường Lê Hồng Phong, Phường Quyết Thắng
2	581360	BC Thương Mại	Số 137 Trần Hưng Đạo, phường QT Trần Hưng Đạo
3	581370	BC Nguyễn Huệ	Số 03 Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng
4	580900	BC Hệ I	Số 94 Trần Phú, phường Quyết Thắng
5	581190	BC Phan Đ Phùng	Số 256 Phan Đình Phùng, phường Duy Tân
6	581330	BC Hoà Bình	Tổ 5, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo
7	581310	BC Trung Tín	Tổ 2,Phường Ngô Mây thành phố Kon Tum
8	581250	BC Bến Xe	Số 347 Phan Đình Phùng, Phường Quyết Thắng
9	581530	BC Plei Krông	Thôn 2, xã K Roong, thành phố Kon Tum
10	581150	BC Duy Tân	Đường Duy Tân, Phường Trường chinh
11	582200	BC Đăk Hà	Khối Phố 7, Thị Trấn Đăk Hà Huyện Đăk Hà
12	582500	BC Đăk Tô	Khối Phố 4, 07 Hùng Vương Thị Trấn Đăk Tô, Huyện Đăk Tô

13	583000	BC Ngọc Hồi	Số 35 Đường Hùng vương, Thị Trấn Plei Kần
14	583200	BC Đăk GLei	Thôn 16/5, Thị Trấn Đăk Glei, Huyện Đăk Glei
15	583500	BC Sa Thầy	Thôn 1, Thị Trấn Sa Thầy, Huyện Sa Thầy
16	581800	BC Kon Rẫy	Thôn 2, Thị trấn Đăk Rờ Ve, Huyện Kon Rẫy
17	582000	BC KonPLong	Thôn Măng Đen, Xã Đăk Long, Huyện Kon Plông
18	583900	BC Tu Mơ Rông	thôn Mô Pả xã, Đăk Hà, Huyện Tu Mơ Rông
1	581050	Bru cục phát Kon Tum	70 Lê Hồng Phong TP Kon Tum
2	583120	Ngọc Hồi	35 Hùng Vương, TT Plei Kần, Huyện Ngọc Hồi
19	581860	Đăk Ruồng	Thôn 9, xã Đăk Ruồng, Huyện Kon Rẫy
20	582300	Đăk Mar	Thôn 3, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà
21	582840	Diên Bình	Thôn 1, xã Diên Bình, Huyện Đăk Tô
22	583110	VHX Bờ Y	Măng Tôn, Bờ Y, Ngọc Hồi, Kon Tum
23	581320	VHX Nguyễn Trãi	Tổ 3, phường Nguyễn Trãi, Tp. Kon Tum
24	581530	VHX Kroong	Thôn 2, xã Kroong, Tp. Kon Tum
25	583070	VHX Đăk Xú	Thôn Chiên Chiết, xã Đăk Xú, H. Ngọc Hồi, Kon Tum
26	583420	VHX Đăk Kroong	Thôn Đăk Wăk, xã Đăk Kroong, H. Đăk Glei, Kon Tum
27	583610	VHX Sa Bình	Thôn Bình An, xã Sa Bình, H. Sa Thầy, Kon Tum

28	581880	VHX Tân Lập	Thôn 2, xã Tân Lập, H. Kon Rẫy, Kon Tum
29	583660	Ia H'Drai	Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum
30	583400	VHX Đăk Môn	Thôn Nủ Kon, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon tum
31	581560	VHX Ya Chim	Thôn Nghĩa An, Xã Ya Chim, Tp Kon Tum
32	581490	VHX Đăk Cắm	Thôn 8, Xã Đăk Cắm, Tp Kon Tum
33	581510	VHX Vinh Quang	Thôn Phương Quý 2, Xã Vinh Quang, Tp Kon Tum
34	580100	KTC1 Kon Tum	70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp Kon Tum
35	583330	VHX Đăk Choong	Làng Mô Mam xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum
36	583380	VHX Đăk Long	Thôn Đăk Tu, xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum
37	583370	VHX Đăk Nhoong	Làng Đăk Nhoong, Xã Đăk Nhoong, huyện Đăkglei, tỉnh Kon Tum
38	582280	VHX Đăk HRing	Xã Đăk HRing, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum
39	582350	VHX Ngọc Wang	Xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum
40	582370	VHX Ngọc Réo	Xã Ngọc Réo, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum
41	583030	VHX Đăk Dục	Xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum
42	583020	VHX Đăk Nông	Xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum
43	581460	VHX ĐĂK BLÀ	Thôn Kon Tu 2, Xã Đăk BLà, Tp Kon Tum
44	581590	VHX CHƯ HRENG	Thôn ĐăkPrông, Xã Chư Hreng, Tp Kon Tum

45	581550	VHX ĐOÀN KẾT	Thôn 5, Xã Đoàn Kết, Tp Kon Tum
46	581450	VHX ĐẮK RƠ WA	Thôn Konlor, Xã Đăk Rơ Wa, Tp Kon Tum
47	581520	VHX NGỌC BAY	Thôn Măng La Kơ Tu, Xã Ngọc Bay, Tp Kon Tum
48	582620	VHX Đăk Trăm	Thôn Đăk Trăm, xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô, Kon Tum
49	582530	VHX Kon Đào	Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, Kon tum
50	582800	VHX Tân Cảnh	Thôn 1, xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô, Kon Tum
51	583287	VHX Ngọc Linh	Thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh, huyện Đăkglei, tỉnh Kon Tum
52	583300	VHX Mường Hoong	Làng Mới, xã Mường Hoong, huyện Đăkglei, tỉnh Kon Tum
53	583350	VHX Đăk Man	Thôn Măm Khên xã Đăk Man huyện Đăkglei Kon Tum
54	583365	VHX Đăk Blô	Thôn Bung Kon, xã Đăk Blô, huyện Đăkglei, tỉnh Kon Tum
55	583250	VHX Xốp	Thôn Xốp Dùi , xã Xốp, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum
56	583530	VHX Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum
57	583570	VHX Ya xiêr	Xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum
58	583590	VHX Ya Tăng	Xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum
59	583540	VHX Sa Sơn	Xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum
60	581890	VHX Đăk Tờ Re	Thôn 5, xã Đăk Tờ Re, H. Kon Rẫy, Kon Tum
61	582225	VHX Đăk Ngọc	Xã Đăk Ngọc, huyện Đak Hà, Kon Tum

62	582330	VHX Đăk La	Xã Đak La, huyện Đak Hà, Kon Tum
63	583520	VHX Sa Nghĩa	Thôn Hòa Bình, xã Sa Nghĩa, H. Sa Thầy, Kon Tum
64	581422	KHL Kon Tum	70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum
65	582260	VHX Đăk PXy	Xã Đăk PXy, Đak Hà, Kon Tum
66	582230	VHX Đăk Ui	Xã Đăk Ui, Đak Hà, Kon Tum
67	583050	VHX Đăk Ang	Xã Đăk Ang, Huyện Ngọc Hồi, Kon Tum
68	583099	VHX Đăk Kan	Xã Đăk Kan, Huyện Ngọc Hồi, Kon Tum
69	583130	VHX Sa Loong	Xã Sa Loong, Huyện Ngọc Hồi, Kon Tum

TỈNH BÌNH ĐỊNH

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	590000	Quy Nhơn	Số 02 Trần Thị Kỷ Phường Lý Thường Kiệt Thành Phố Quy Nhơn
2	591000	BĐ Hệ 1	127 Đường Hai Bà Trưng, P. Trần Phú
3	593522	Bồng Sơn	Số 36 Đường Quang Trung, Thị Trấn Bồng Sơn, Huyện Hoài Nhơn
4	591340	Quang Trung	Đường Tây Sơn, P. Quang Trung
5	591390	Trần Quang Diệu	Khu Vực 6, P. Trần Quang Diệu
6	593800	An Lão	Thôn 9, Xã An Trung, Huyện An lão
7	593880	Xuân Phong	Thôn Xuân Phong Tây, Xã An Hoà, Huyện An Lão

8	592000	An Nhơn	191 Khối Phố Trần Phú, Thị Trấn Bình Định
9	592100	Đập Đá	Khu Vực Đông Phương Danh, TT Đập Đá
10	593600	Hòai Ân	Thôn Gia Chiểu 1, Thị Trấn Tăng Bạt Hổ
11	593630	Mỹ Thành	Thôn Mỹ Thành, Xã Ân Mỹ
12	593200	Hòai Nhơn	Khối Phụ Đức, Thị Trấn Bồng Sơn
13	593330	Tam Quan	Khối 5, Thị Trấn Tam Quan
14	592400	Phù Cát	Khu An Khương, Thị Trấn Ngô Mây
15	592800	Phù Mỹ	Thôn Trà Quang Nam, Thị Trấn Phù Mỹ
16	594200	Tây Sơn	Khối 5, Thị Trấn Phú Phong
17	591700	Tuy Phước	Thôn Trung Tín 1, Thị Trấn Tuy Phước
18	594500	Vân Canh	Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Vân Canh
19	594000	Vĩnh Thạnh	Thôn Định Tổ, Thị trấn Vĩnh Thạnh
20	592220	Nhơn Hòa	Thôn Tân Hòa, Xã Nhơn Hòa
21	593100	Bình Dương	Thôn Dương Liễu Đông, TT Bình Dương
22	594300	Đồng Phú	Thôn Thượng Giang, Xã Tây Giang
23	591900	Diêu Trì	Thôn Vân Hội 1, Thị Trấn Diêu Trì
24	591460	Phú Tài	Khu Vực 2, Phường Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn, Bình Định

25	590016	Tổ Tiếp Thị- Bán Hàng	114 Đường Lê Hồng Phong, Quy Nhơn
26	591513	Phan Bội Châu	197 Phan Bội Châu, Tp Quy Nhơn
27	591250	Tháp Đôi	960 Đường Trần Hưng Đạo, P. Đống Đa
28	591270	Chợ Dinh	Khu Vực 2, P. Nhơn Bình, TP Quy Nhơn
29	591290	Ngô Mây	16 Đường Ngô Mây, P. Ngô Mây
30	591030	Cảng	111D Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn
31	591901	Diêu Trì Ga	Thôn Vân Hội 2, Thị trấn Diêu Trì, Huyện Tuy Phước
32	592120	Gò Găng	Thôn Tiên Hội, Xã Nhơn Thành
33	593270	Hoài Hương	Thôn Thạnh Xuân Đông, Xã Hoài Hương
34	593390	Chợ Đền	Hoài Thanh Tây, Huyện Hoài Nhơn
35	592520	Chợ Gành	Thôn Đức Phổ 1, Xã Cát Minh
36	592830	An Lương	Thôn Chánh An, Xã Mỹ Chánh
37	591750	Gò Bồi	Thôn Tùng Giản, Xã Phước Hoà
38	591520	Quy Nhơn BCP	02 Trần Thị Kỳ, Quy Nhơn
39	594340	Cây Xoài 1	Cây Xoài 1 Thôn 2, xã Bình Nghi, H Tây Sơn
40	593730	Ân Nghĩa	Thôn Kim Sơn, Xã Ân Nghĩa, Huyện Hoài Ân
1	593430	Đồi Mười	Thôn Quy Thuận, Xã Hoài Châu Bắc, Huyện Hoài Nhơn

41	592470	Hưng Mỹ	Thôn Hưng Mỹ 1, Xã Cát Hưng, Huyện Phù Cát,
42	594220	Vân Tường	Vân Tường Thôn Vân Tường, Xã Bình Hoà, Huyện Tây Sơn
43	592510	Đề Gi	Thôn An Quang Đông, Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định
44	591119	Nhơn Phước	Thôn Nhơn Phước, xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Bình Định
45	591598	Bắc Hà Thanh	Lô 5 Đường Lê Thanh Nghị, Bắc Hà Thanh, Phường Đống Đa, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
46	592235	KCN Nhơn Hòa	Thôn Trung Ái- Phường Nhơn Hòa- Thị xã An Nhơn
47	591650	Nhơn Phú	Tổ 7, KV 8, P. Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, Bình Định
48	591530	Khai thác	70 Lê Duẩn - Quy Nhơn - Bình Định
49	592560	VHX Cát Hanh	Thôn Vĩnh Trường, Xã Cát Hanh
50	592240	VHX Nhơn Thọ	Thôn Thọ Lộc 1, Xã Nhơn Thọ
51	593030	VHX Mỹ Hiệp	Thôn Đại Thuận, Xã Mỹ Hiệp
52	592190	ĐBĐVHX Nhơn Phúc	Thôn An Thái, xã Nhơn Phúc, huyện An Nhơn, Bình Định
53	594530	VHX Canh Vinh 1	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, H Vân Canh
54	594050	VHX Định Bình	Thôn Định Thiển, Thị trấn Vĩnh Thạnh, H Vĩnh Thạnh
55	594001	VHX Vĩnh Hảo	Vĩnh Hảo Thôn Định Tam, Xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh
56	592080	VHX Nhơn Hạnh	Thôn Thái Xuân, xã Nhơn hạnh, H.An Nhơn
57	591100	VHX Nhơn Hải	Thôn Hải Nam - Xã nhơn Hải - TP Quy Nhơn - Bình Định

58	591120	VHX Nhơn Lý	Thôn Lý Hưng - xã Nhơn Lý - TP Quy Nhơn - Bình Định
59	591790	VHX Phước Nghĩa	Đội 4 Hưng nghĩa xã Phước Nghĩa Tuy Phước Bình Định
60	591800	VHX Phước Hiệp	Đội 9 Giang Bắc Phước Hiệp Tuy Phước Bình Định
61	591910	VHX Phước Thành	Xóm 5 Cảnh An 1 Phước Thành Tuy Phước Bình Định
62	591920	VHX Phước Mỹ	Thôn Thanh Long Xã Phước Mỹ - TP Quy Nhơn - Bình Định
63	592140	VHX Nhơn Khánh	Xóm 10, Thôn Khánh Hòa, Xã Nhơn Khánh, TX An Nhơn, Bình Định
64	592170	VHX Nhơn Mỹ	Thôn Thuận Đức, Xã Nhơn Mỹ, TX An Nhơn, Bình Định
65	592980	VHX Mỹ Trinh	Thôn Trung Hậu - xã Mỹ Trinh - huyện Phù Mỹ
66	593000	VHX Mỹ Lộc	Thôn Tân Lộc - xã Mỹ Lộc - huyện Phù Mỹ
67	593240	VHX Hoài Mỹ	Tổ 4, Thôn Xuân Khánh, Xã Hoài Mỹ, Huyện Hoài Nhơn
68	593470	VHX Hoài Hảo	Xóm Long Thạnh Nam Thôn Tấn Thạnh 1, Xã Hoài Hảo, Hoài Nhơn
69	593500	VHX Hoài Đức	Xóm 1, Thôn Bình Chương Nam, Xã Hoài Đức, Hoài Nhơn
70	594070	VHX Vĩnh Thịnh	Thôn An Ngoại, Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Bình Định
71	594509	VHX Canh Thuận	Làng Hòn Mẽ - Canh Thuận - Vân Canh - Bình Định
72	594514	VHX Canh Hiệp	Thôn 4 - Canh Hiệp - Vân Canh - Bình Định
73	594520	VHX Canh Hiển	Thôn Hiển Đông - Canh Hiển - Vân Canh - Bình Định
74	592610	VHX Cát Tân	Thôn Kiều An, Cát Tân, Phù Cát, Bình Định

75	592820	VHX Mỹ Quang	Thôn Bình Trị, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ, Bình Định
76	592950	VHX Mỹ Châu	Vạn Lương, Mỹ Châu, Phù Mỹ, Bình Định
77	593090	VHX Mỹ Chánh Tây	Mỹ Chánh Tây, Phù Mỹ, Bình Định
78	591710	VHX Phước Thuận	Lộc Hạ , Phước Thuận huyện Tuy Phước
79	591770	VHX Phước Thắng	Thôn Tư Cung, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước
80	591790	VHX Phước nghĩa	Đội 4, thôn Hưng Nghĩa, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước
81	591800	VHX Phước Hiệp	Đội 9, Thôn Giang Bắc, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước
82	591880	VHX Phước An	Thôn An Sơn, xã Phước An, huyện Tuy Phước
83	591910	VHX Phước Thành	Xóm 5, Thôn Cảnh An 1, Phước Thành, huyện Tuy Phước
84	592030	VHX Nhơn Hưng	Phường Nhơn Hưng, TX An Nhơn
85	592050	VHX Nhơn An	Xã Nhơn An, TX An Nhơn
86	592150	VHX Nhơn Hậu	Xã Nhơn Hậu, TX An Nhơn
87	592210	VHX Nhơn Lộc	Xã Nhơn Lộc, TX An Nhơn
88	592250	VHX Nhơn Tân	Xã Nhơn Tân, TX An Nhơn
89	592860	VHX Mỹ Thành	Thôn Xuân Bình Bắc xã Mỹ Thành huyện Phù Mỹ Tỉnh Bình Định
90	592880	VHX Mỹ Thọ	Thôn Chánh trực xã Mỹ Thọ Huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định
91	592940	VHX Mỹ Thắng	Thôn 8 tây xã Mỹ Thắng huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định

92	592980	VHX Mỹ Trinh	Thôn Trung Hậu xã Mỹ Trinh huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định
93	593020	VHX Mỹ Hòa	Thôn An lạc 1 xã Mỹ Hòa huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định
94	593060	VHX Mỹ Tài	Thôn Vĩnh Phú 7 xã Mỹ Tài Huyện Phù Mỹ Tỉnh Bình Định
95	593080	VHX Mỹ Cát	Thôn Trinh Long Khánh xã Mỹ Cát huyện Phù Mỹ Tỉnh Bình Định
96	593310	VHX Tam Quan Nam	Vùng 3, Thôn Trung Hóa, Xã Tam Quan Nam, Hoài Nhơn
97	593340	VHX TT.Tam Quan	Khối 8, Thị Trấn Tam Quan, Huyện Hoài Nhơn
98	593500	VHX Hoài Đức	Xóm 1, Thôn Bình Chương Nam, Xã Hoài Đức, Hoài Nhơn
99	593640	VHX Ân Hảo Đông	Bình Hoà Bắc, Xã Ân Hảo, Hoài Ân
100	593739	VHX Ân Nghĩa	Thôn Bình Sơn, Xã Ân Nghĩa, Hoài Ân
101	594221	VHX Bình Hòa	Trường Định, Bình Hòa, Tây Sơn BD
102	594240	VHX Tây Vinh	Nhơn Thuận, Tây Vinh
103	594280	VHX Bình Tân	Mỹ thạch bình tân
104	593350	BĐVHX Tam Quan Bắc	Thôn Thiện Chánh, xã Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn
105	593260	BĐVHX Hoài Hải	Thôn Kim Giao Nam, xã Hoài Hải, Hoài Nhơn
106	593410	BĐVHX Hoài Châu	Thôn An Sơn, xã Hoài Châu, Hoài Nhơn
107	591820	VHX Phước Quang	Định Thiện Tây, Phước Quang
108	591730	VHX Phước Sơn	Thôn Phụng Sơn, Phước Sơn

109	593370	VHX Hoài Tân	An Dưỡng 1, Hoài Tân
110	592660	VHX Cát Chánh	Chánh Hội, Cát Chánh, Phù Cát
111	592540	VHX Cát Tài	Thái Thuận, Cát Tài, Phù Cát
112	591861	VHX Phước Lộc	Đại Tín, Phước Lộc
113	591840	VHX Phước Hưng	An Cứu, Phước Hưng
114	594025	VHX Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa, Vĩnh Thạnh
115	594035	VHX Vĩnh Kim	Vĩnh Kim, Vĩnh Thạnh
116	594040	VHX Vĩnh Sơn	Vĩnh Sơn, Vĩnh Thạnh
117	594010	VHX Vĩnh Hiệp	Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thạnh
118	594060	VHX Vĩnh Quang	Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh
119	594150	VHX Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận, Vĩnh Thạnh
120	594310	VHX Bình Tường	Hòa Trung-Bình tường-Tây Sơn-Bình Định
121	594270	VHX Bình Thành	Kiên Long-Bình Thành-Tây sơn-Bình Định
122	594250	VHX Tây An	Khu trung tâm xã Tây An-Tây sơn-Bình Định
123	594260	VHX Bình Thuận	Hòa Mỹ-Bình Thuận-Tây Sơn-Bình Định
124	594570	VHX Canh Hòa	Thôn Canh Thành, Xã Canh Hòa Vân Canh, Bình định
125	592061	VHX Nhơn Phong	Nhơn Phong, TX An Nhơn

126	593660	VHX Ân Đức	Ân Đức, Hoài Ân
127	593620	VHX Ân Thạnh	Ân Thạnh, Hoài Ân
128	593700	VHX Ân Hữu	Ân Hữu - Hoài Ân - Bình Định
129	592970	VHX Mỹ Đức	An Giang Tây, Mỹ Đức, Phù Mỹ, Bình Định
130	592061	VHX Nhơn Phong	Kim Tài, Nhơn Phong, An Nhơn, Bình Định
131	592490	VHX Cát Thành	Chánh Thiện, Cát Thành, Phù Cát, Bình Định
132	594290	VHX Tây Thuận	Trung Sơn - Tây Thuận-Tây Sơn-Bình Định
133	594230	VHX Tây Bình	Mỹ An - Tây Bình-Tây sơn-Bình Định
134	594330	VHX Tây Xuân	Phú An - Tây Xuân -Tây sơn-Bình Định
135	594320	VHX Tây Phú	Phú Thịnh - Tây Phú -Tây Sơn-Bình Định
136	594365	VHX Vĩnh An	Làng Giọt 1 - Vĩnh An-Tây Sơn-Bình Định
137	593610	VHX Ân Phong	Ân Phong - Hoài Ân - Bình Định
138	593670	VHX Ân Tín	Ân Tín - Hoài Ân - Bình Định
139	593710	VHX Ân Tường Đông	Ân Tường Đông - Hoài Ân - Bình Định
140	593721	VHX Ân Tường Tây	Ân Tường Tây - Hoài Ân - Bình Định
141	593450	VHX Hoài Sơn	Hoài Sơn - Hoài Nhơn - Bình Định
142	593220	VHX Hoài Xuân	Hoài Xuân - Hoài Nhơn - Bình Định

143	592930	VHX Mỹ Lợi	Phú Ninh Tây, Mỹ Lợi, Phù Mỹ, Bình Định
144	592910	VHX Mỹ Phong	Văn Trường, Mỹ Phong, Phù Mỹ, Bình Định
145	593860	VHX An Tân	Tân Lập, An Tân, An Lão, Bình Định
146	593890	VHX An Hòa	Vạn Long, An Hòa, An Lão, Bình Định
147	593900	VHX An Quang	Thôn 2, An Quang, An Lão, Bình Định
148	592590	VHX Cát Lâm	Cát Lâm, Phù Cát, Bình Định
149	591217	KHL Quy Nhơn	02 Trần Thị Kỷ TP Quy Nhơn Bình Định
150	591500	VHX Nhơn Châu	Thôn Tây, xã Nhơn Châu, TP Quy Nhơn, Bình Định
151	593631	VHX Ân Mỹ	Long Quang, Xã Ân Mỹ, Hoài Ân
152	594090	BCP Vĩnh Thạnh	Thôn Định Tổ , TT Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh
153	593760	BCP Hoài Ân	128 Nguyễn Tất Thành, TT Tăng Bạt Hổ
154	591760	BCP Tuy Phước	Đội 3, thôn Trung Tín 1, TT Tuy Phước, Huyện Tuy Phước
155	593280	BCP Hoài Nhơn	Khối Phụ Đức, Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định
156	594610	BCP Vân Canh	Thôn Thịnh Văn 2-TT Vân Canh-Huyện Vân Canh
157	593870	BCP An Lão	Thôn 2, TT An Lão, huyện An lão
158	594350	BCP Tây sơn	175 quang Trung-Phú Phong-Tây Sơn-Bình Định
159	592460	BCP Phù Cát	162 Quang Trung, TT Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định

160	592850	BCP Phù Mỹ	Đường Quang Trung, thôn Trà Quang Nam TT Phù Mỹ
161	592040	Phát An Nhơn	397 Trần Phú- Phường Bình Định- Thị xã An Nhơn
162	593490	VHX Hoài Phú	Lương Thọ 2, Hoài Phú, Hoài Nhơn
163	591020	HCC Bình Định	Số 127, Đường Hai Bà Trưng, Phường Trần Phú

TỈNH GIA LAI

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	600000	Pleiku – Chư Pah	Số 69 Hùng Vương, Thành Phố Pleiku
2	602100	Mang Yang	Thị trấn Kon Dong Huyện Mang Yang
3	601700	Đak Đoa	Số 168 Nguyễn Huệ Huyện Đăk Đoa
4	606400	Đak Pok	Thôn 2 Đăk pơ Huyện Đăk Pơ
5	602400	An Khê	Số 583 Quang Trung Thị Xã An Khê
6	602600	Kbang	Số 40 Trần Hưng Đạo Huyện Kbang
7	605700	Krông ChRo	Số 215 Nguyễn Huệ, Huyện Krông Chro
8	606000	Krông Pa	Số 08 Trần Hưng Đạo Huyện Krông Pa
9	604700	Chư Sê	Số 723 Hùng Vương Huyện Chư sê
10	605300	Ayun Pa	Số 198 Lê Hồng Phóng Thị Xã Ayun Pa
11	606900	Phú Thiện	Khối Phố 1 Phường Phú Thiện Huyện phú Thiện

12	606600	Ia Pa	Trung Tâm Huyện Ia Pa, Huyện Ia Pa
13	604200	Chư Prông	Số 103 Thị Trấn Chư Prông Huyện Chư Prong
14	603800	Đức Cơ	Số 183 Quang Trung Huyện Đức Cơ
15	603400	Ia Grai	Số 275 Hùng Vương Thị Trấn Ia Grai Huyện IaGrai
16	603000	Chư Pah	Thị Trấn Phú Hoà Huyện Chư Păh
17	601160	Biển Hồ	Biển Hồ, Pleiku, Gia Lai
18	601370	Trà Bá	Trà Bá, Pleiku, Gia Lai
19	601299	Diên Hồng	Số 2 Lê Hồng Phong, Pleiku
20	601380	Chư Á	246 Lê Duẩn, Phường Chư Á, Pleiku
21	601180	Yên Đỗ	140 Phan Đình Phùng, Phường Yên Đỗ, Pleiku
22	601120	Biển Hồ 2	19 Ngô Quyền, xã Biển Hồ, Pleiku
23	606130	Ia Siêm	Thôn Chợ, Ia Siêm, Krông Pa
24	605050	Chư Puh	Thôn Hòa Tín, thị trấn Nhơn Hòa, Chư Puh
25	601150	Bưu cục phát Pleiku	150 Lê Thánh Tôn Pleiku Gia Lai
26	603450	B/cục Ia Sao	Chư hậu 5 Ia Yok IaGrai
27	603510	B/cục Chư Nghé	Làng Tung Breng Ia Krai IaGrai
28	603560	B/cục Sê San 4	Làng Tăng IaO IaGrai

29	601345	BC IaKring	150 Lê Thánh Tôn Iakring Pleiku Gia Lai
30	605000	VHX Ia Hnú	Xã Ia Hnú, Chư Puh
31	603070	VHX Chư Đang Yă	Chư Đang YăHuyện Chư Păh
32	603060	VHX Chư Jôr	Chư JôrHuyện Chư Păh
33	603080	VHX Đăk Tờ Ver	Đăk Tờ VerHuyện Chư Păh
34	603090	VHX Hà Tây	Hà TâyHuyện Chư Păh
35	603110	VHX Hoà Phú	Hoà PhúHuyện Chư Păh
36	603190	VHX Ia Ka	Ia KaHuyện Chư Păh
37	603120	VHX Ia Khorl	Ia KhorlHuyện Chư Păh
38	603171	VHX Ia Mơ Nông	Ia Mơ NôngHuyện Chư Păh
39	603140	VHX Ia Phí	Ia PhíHuyện Chư Păh
40	603160	VHX Nghĩa Hoà	Nghĩa HoàHuyện Chư Păh
41	604350	VHX Ia Boòng	Ia BoòngHuyện Chư Prông
42	604521	VHX Ia Drang	Ia DrangHuyện Chư Prông
43	604460	VHX Ia Mơ	Ia MơHuyện Chư Prông
44	604370	VHX Ia O	Ia OHuyện Chư Prông
45	604280	VHX Ia Phìn	Ia PhìnHuyện Chư Prông

46	604430	VHX Ia Pia	Ia PiaHuyện Chư Prông
47	604450	VHX Ia Púch	Ia PúchHuyện Chư Prông
48	604310	VHX Thăng Hưng	Thăng HưngHuyện Chư Prông
49	604990	VHX Ia Dreng	Ia DrengHuyện Chư Puh
50	605136	VHX Ia Hla	Ia HlaHuyện Chư Puh
51	605000	VHX Ia Hnú	Ia HnúHuyện Chư Puh
52	605080	VHX Ia Phang	Ia PhangHuyện Chư Puh
53	604790	VHX Ayun	AyunHuyện Chư Sê
54	605149	VHX Bar Măih	Bar MăihHuyện Chư Sê
55	604810	VHX Bờ Ngoong	Bờ NgoongHuyện Chư Sê
56	605157	VHX Chư Pong	Chư PongHuyện Chư Sê
57	604890	VHX Dun	DunHuyện Chư Sê
58	605030	VHX Hbông	HbôngHuyện Chư Sê
59	604940	VHX Ia Blang	Ia BlangHuyện Chư Sê
60	604870	VHX Ia Glai	Ia GlaiHuyện Chư Sê
61	604920	VHX Ia Hlốp	Ia HlốpHuyện Chư Sê
62	604970	VHX Ia Ko	Ia KoHuyện Chư Sê

63	604760	VHX Ia LBá	Ia LBáHuyện Chư Sê
64	604840	VHX Ia Tiêm	Ia TiêmHuyện Chư Sê
65	601890	VHX A Dórk	A DórkHuyện Đak Đoa
66	601810	VHX Đak Sơ Mei	Đak Sơ MeiHuyện Đak Đoa
67	601870	VHX Glar	GlarHuyện Đak Đoa
68	601840	VHX Hà Bầu	Hà BầuHuyện Đak Đoa
69	601990	VHX Hà Đông	Hà ĐôngHuyện Đak Đoa
70	601910	VHX Ia Pét	Ia PétHuyện Đak Đoa
71	601730	VHX Kdang	KdangHuyện Đak Đoa
72	601780	VHX Kon Gang	Kon GangHuyện Đak Đoa
73	601720	VHX Tân Bình	Tân BìnhHuyện Đak Đoa
74	601930	VHX Trang	TrangHuyện Đak Đoa
75	606510	VHX An Thành	An ThànhHuyện Đak Pơ
76	606408	VHX Đak Pơ	Đak PơHuyện Đak Pơ
77	606420	VHX Phú An	Phú AnHuyện Đak Pơ
78	606460	VHX Ya Hội	Ya HộiHuyện Đak Pơ
79	606480	VHX Yang Bắc	Yang BắcHuyện Đak Pơ

80	603960	VHX Ia Dơk	Ia DơkHuyện Đức Cơ
81	604030	VHX Ia Kriêng	Ia KriêngHuyện Đức Cơ
82	604020	VHX Ia Lang	Ia LangHuyện Đức Cơ
83	604050	VHX Ia Pnôn	Ia PnônHuyện Đức Cơ
84	603580	VHX Ia Chĩa	Ia ChĩaHuyện Ia Grai
85	603430	VHX Ia Dêr	Ia DêrHuyện Ia Grai
86	603647	VHX Ia Grăng	Ia GrăngHuyện Ia Grai
87	603480	VHX Ia Hrugng	Ia HrugngHuyện Ia Grai
88	603621	VHX Ia Khai	Ia KhaiHuyện Ia Grai
89	603511	VHX Ia Krái	Ia KráiHuyện Ia Grai
90	603561	VHX Ia O	Ia OHuyện Ia Grai
91	603600	VHX Ia Péch	Ia PéchHuyện Ia Grai
92	603451	VHX Ia Sao	Ia SaoHuyện Ia Grai
93	603531	VHX Ia Tô	Ia TôHuyện Ia Grai
94	603450	VHX Ia Yok	Ia YokHuyện Ia Grai
95	606670	VHX Ia Broái	Ia BroáiHuyện Ia Pa
96	606680	VHX Ia Kdăm	Ia KdămHuyện Ia Pa

97	606640	VHX Kim Tân	Kim TânHuyện Ia Pa
98	602700	VHX Đăk Rong	Đăk RongHuyện K'Bang
99	602630	VHX Đông	ĐôngHuyện K'Bang
100	602910	VHX Kông Bờ La	Kông Bờ LaHuyện K'Bang
101	602770	VHX Krong	KrongHuyện K'Bang
102	602740	VHX Lơ Ku	Lơ KuHuyện K'Bang
103	602840	VHX Nghĩa An	Nghĩa AnHuyện K'Bang
104	605810	VHX An Trung	An TrungHuyện Kông Chro
105	605870	VHX Chơ Long	Chơ LongHuyện Kông Chro
106	605830	VHX Chư Krey	Chư KreyHuyện Kông Chro
107	605924	VHX Đak Pling	Đak PlingHuyện Kông Chro
108	605760	VHX Đăk Sông	Đăk SôngHuyện Kông Chro
109	605780	VHX Đăk Tờ Pang	Đăk Tờ PangHuyện Kông Chro
110	605790	VHX Kông Yang	Kông YangHuyện Kông Chro
111	605730	VHX Sró	SróHuyện Kông Chro
112	605720	VHX Ya Ma	Ya MaHuyện Kông Chro
113	605890	VHX Yang Nam	Yang NamHuyện Kông Chro

114	605850	VHX Yang Trung	Yang TrungHuyện Kông Chro
115	606170	VHX Chư Drăng	Chư DrăngHuyện Krông Pa
116	606070	VHX Chư Gu	Chư GuHuyện Krông Pa
117	606210	VHX Chư Ngọc	Chư NgọcHuyện Krông Pa
118	606050	VHX Đất Bằng	Đất BằngHuyện Krông Pa
119	606250	VHX Ia Dreh	Ia DrehHuyện Krông Pa
120	606030	VHX Ia Mláh	Ia MláhHuyện Krông Pa
121	606230	VHX Ia Rmok	Ia RmokHuyện Krông Pa
122	606110	VHX Ia Rsai	Ia RsaiHuyện Krông Pa
123	606270	VHX Krông Năng	Krông NăngHuyện Krông Pa
124	606190	VHX Phú Cần	Phú CầnHuyện Krông Pa
125	606150	VHX Uar	UarHuyện Krông Pa
126	602200	VHX Đăk Djrăng	Đăk DjrăngHuyện Mang Yang
127	602280	VHX Đăk Trôi	Đăk TrôiHuyện Mang Yang
128	602141	VHX Hra	HraHuyện Mang Yang
129	602300	VHX Kon Chiêng	Kon ChiêngHuyện Mang Yang
130	602240	VHX Kon Thụp	Kon ThụpHuyện Mang Yang

131	605440	VHX Ia Hiao	Ia HiaoHuyện Phú Thiện
132	605540	VHX Ia Ke	Ia KeHuyện Phú Thiện
133	605570	VHX Ia Peng	Ia PengHuyện Phú Thiện
134	605420	VHX Ia Piar	Ia PiarHuyện Phú Thiện
135	605400	VHX Ia Sol	Ia SolHuyện Phú Thiện
136	601444	VHX An Phú	An PhúThành phố Pleiku
137	601450	VHX Diên Phú	Diên PhúThành phố Pleiku
138	601500	VHX Gào	GàoThành phố Pleiku
139	601520	VHX Ia Kênh	Ia KênhThành phố Pleiku
140	601140	VHX Tân Sơn	Tân SơnThành phố Pleiku
141	601080	VHX Trà Đa	Trà ĐaThành phố Pleiku
142	601400	VHX Chư Á	Chư ÁThành phố Pleiku
143	602410	VHX Cửu An	Cửu AnThị xã An Khê
144	605395	VHX Chư Băh	Chư BăhThị xã Ayun Pa
145	605510	VHX Ia Sao	Ia SaoThị xã Ayun Pa
146	603920	VHX Ia Krêl	Chư Ty - Đức Cơ - Gia Lai
147	603940	VHX Ia Din	Chư Ty - Đức Cơ - Gia Lai

148	604000	VHX Ia Dom	Chư Ty - Đức Cơ - Gia Lai
149	603980	VHX Ia Kla	Chư Ty - Đức Cơ - Gia Lai
150	604060	VHX Ia Nan	Chư Ty - Đức Cơ - Gia Lai
151	604400	VHX Ia Vê	làng doách, ia vê
152	601150	Phát Gia Lai	150 Lê thánh Tôn - tp Pleiku - Gia Lai
153	602420	VHX Tú An	Tú An - An Khê
154	604380	VHX Ia Me	Ia Me - Chư Prông
155	605370	VHX Ia Yeng	Ia Yeng - Phú Thiện
156	606710	IaMron	Marin 2, IaMron, Iapa
157	602260	VHX Đê Ar	Đê Ar - Mang Yang
158	604307	VHX Bàu Cạn	Bàu Cạn, Chư Prông
159	604470	VHX Ia Lâu	Thôn Cao Lạng, Xã Ia Lâu
160	604240	VHX Ia Tôr	Làng Ó, Xã Ia Tôr
161	604500	VHX Ia Pior	Thôn 5, Xã Ia Pior
162	602401	VHX SONG AN	Thôn An Thượng, Xã Song An
163	602440	VHX THÀNH AN	Thôn 1, Xã Thành An
164	601051	Phát Biển Hồ	664 Phạm Văn Đồng

165	601052	Hai Bà Trưng	07C Hai Bà Trưng, Phường Tây Sơn, TP.Pleiku, Gia Lai
166	603210	VHX Ia Nhin	Ia Nhin - Chư păh
167	603030	VHX Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng - Chư păh
168	602170	VHX Ayun	Ayun - Mang Yang
169	602000	VHX Đak Krong	Thôn 2 Đak Krong – Đak Đoa
170	601800	VHX Hải Yang	Thôn 1 xã Hải Yang – Đak Đoa
171	601770	VHX Nam Yang	Thôn 1 Nam Yang – Đak Đoa
172	601960	VHX Ia Băng	Thôn 5 Xã Ia Băng - Đak Đoa
173	601050	Hành chính công Pleiku	17 Trần Hưng Đạo-Tây Sơn-Pleiku-Gia lai
174	605023	VHX Kong Htok	Xã Kong Htok- Chư sê - Gia Lai

TỈNH PHÚ YÊN

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	620000	Tuy Hòa	206A Trần Hưng Đạo, Tuy Hòa
2	621010	Hương Sen	2A Trần Hưng Đạo, P1, Tuy Hòa
3	621250	Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Huệ, P7, Tuy Hòa
4	621321	Ga	17 Nguyễn Huệ, P.2, Tuy Hòa
5	621390	Kỹ Thuật Công Nghiệp	222 QL1A, P.8, Tuy Hòa

6	621450	Bình Kiến	QL1A, P.9, Tuy Hòa
7	621050	BCP Tuy Hòa	206A Đường Trần Hưng Đạo, Phường 4
8	621000	Tuy Hòa Huyện	271 Nguyễn Văn Linh, P.Phú Lâm, Tuy Hòa
9	622200	Đồng Xuân	TT La Hai, huyện Đồng Xuân
10	623400	Phú Hòa	Thôn Định Thái, xã Hòa Định Đông, Phú Hòa
11	621900	Sông Cầu	Thôn Long Hải Nam, TX Sông Cầu
12	622700	Sông Hinh	71 Trần Hưng Đạo, TT Hai Riêng, Sông Hinh
13	622400	Sơn Hòa	02 Trần Phú, TT Củng Sơn, Sơn Hòa
14	621600	Tuy An	40 Lê Thành Phương, TT Chí Thạnh, Tuy An
15	621680	BCP Tuy An	40 đường Lê Thành Phương, Thị Trấn Chí Thạnh
16	621930	BCP Sông Cầu	KP Long Hải , Phường Xuân Phú
17	622240	BCP Đồng Xuân	Thôn Long Thăng, Thị Trấn La Hai
18	622420	BCP Sơn Hoà	Thôn Tây Hoà, Thị Trấn Củng Sơn
19	622740	BCP Sông Hinh	Khu phố 6, Thị Trấn Hai Riêng
20	623490	BCP Phú Hòa	Thôn Định Thái, xã Hòa Định Đông
21	623120	BCP Hòa Vinh	Thôn 2, xã Hòa Vinh, Đông Hòa, Phú Yên
22	623040	Đông Mỹ	Ấp Đông Mỹ, Hòa Vinh, Đông Hòa

23	623050	Hòa Xuân	Thôn Bàn Thạch, , Đông Hòa
24	623070	Phú Hiệp	Thôn Phú Hiệp, Hòa Hiệp Trung, Đông Hòa
25	623210	Phú Thứ	Thôn Phú Thứ, Hòa Bình 2, huyện Tây Hòa
26	623240	Đồng Bò	Thôn Bàn Thạch, Hòa Phú, Tây Hòa
27	623310	Sơn Thành	Thôn Bàn Thạch, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa
28	622207	La Hai	Thôn Long Châu, TT La Hai, huyện Đồng Xuân
29	623440	Hòa Thắng	Thôn Phong Niên, Hòa Thắng
30	621990	Xuân Hải	Thôn 3, xã Xuân Hải, Sông Cầu
31	622000	Bình Thạnh	Thôn Chánh Lộc, xã Xuân Lộc, Sông Cầu
32	622430	Ngân Điền	Thôn Ngân Điền, xã Sơn Hòa
33	621660	An Ninh Tây	An Ninh Tây, thôn Xuân Phú, xã An Ninh Tây, H Tuy An
34	621800	Hòa Đa	Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An
35	620900	Hệ 1	206A Trần Hưng Đạo, Tuy Hòa
36	623330	Phát Phú Thứ	Tây Hòa Phú yên
37	621180	Kinh doanh tiếp thị	206A Trần Hưng Đạo, Tuy Hòa
38	621480	An Phú	Thôn Xuân Dục, xã An Phú
39	622300	Xuân Phước	Thôn Phú Xuân B, xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân

40	621970	Xuân Hòa	Thôn Hòa Phú, xã Xuân Hòa
41	622821	VHX Ealy (Tân Lập)	Thôn Tân Yên, xã Ealy, H. Sông Hinh
42	623470	VHX Hòa trị	Thôn Quy Hậu Hòa Trị phú yên
43	622820	VHX Eabar	Buôn Trinh ,Xã Ea Bar,Sông Hinh
44	621940	Xuân Thịnh	Thôn Hoà Hiệp, Xã Xuân Thịnh, TX Sông Cầu
45	623410	Hòa Định Đông	Định Thắng, Xã Hoà Định Đông, Huyện Phú Hòa
46	623260	Hòa Mỹ Đông	Phú Nhiêu, xã Hòa Mỹ Đông, Huyện Tây Hòa
47	623300	Hòa Đồng	Phú Diễn Ngoài, xã Hòa Đồng, Huyện Tây Hòa
48	623220	Hòa Phong	Mỹ Thạnh Đông 1, Hòa Mỹ Đông, Tây Hòa
49	623349	Sơn Thành Tây	Xã Sơn Thành Tây, Huyện Tây Hòa
50	621780	An Hòa	Xã An Hòa, Huyện Tuy An, Phú Yên
51	621650	An Ninh Đông	Xã An Hòa, Huyện Tuy An
52	622790	Đức Bình Tây	Thôn Đồng Phú, Xã Đức Bình Tây, Huyện Sông Hinh, Phú Yên
53	622810	EaLâm	Buôn Bưng A, Xã Ea Lâm, Huyện Sông Hinh
54	623000	Hòa Thành	Thôn Phước Lộc 1, xã Hòa Thành, Huyện Đông Hòa, Phú Yên
55	623020	Hòa Xuân Tây	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân Tây, Huyện Đông Hòa, Phú Yên
56	623090	Hòa Tâm	Thôn Phước Long, Xã Hoà Tâm, Huyện Đông Hòa, Phú Yên

57	623200	Hòa Bình 1	Thôn Phước Nông, Xã Hòa Bình 1, Huyện Tây Hòa, Phú Yên
58	622211	Xuân Sơn Bắc	Thôn Tân Bình, Xã Xuân Sơn Bắc, Huyện Đồng Xuân, Phú Yên
59	622250	Đa Lộc	Thôn 3, Xã Đa Lộc, Huyện Đồng Xuân, Phú Yên
60	622580	EaCha Rang	Buôn Kiến Thiết, Xã EaChaRang, Huyện Sơn Hòa, Phú Yên
61	622520	Sơn Hội	Thôn Tân Hội , Xã Sơn Hội, Huyện Sơn Hòa, Phú Yên
62	621670	An Dân	Thôn Phú Mỹ, Xã An Dân, Huyện Tuy An, Phú Yên
63	621630	An Hải	Thôn Tân Quy, Xã An Hải, Huyện Tuy An, Phú Yên
64	621640	An Thạch	Thôn Hội Tín, Xã An Thạch, Huyện Tuy An, Phú Yên
65	621459	BC Bình Kiến	Phường 9 , Tp Tuy Hoà, Phú Yên
66	622270	VHX Xuân Quang 2	Xã Xuân Quang 2 , Huyện Đồng Xuân . Phú Yên
67	622260	VHX Phú Mỹ	Xã Phú Mỹ , Huyện Đồng Xuân , Phú yên
68	622510	VHX Sơn Phước	Xã Sơn Phước Huyện Sơn Hoà , Phú Yên
69	622450	VHX Sơn Xuân	Xã Sơn Xuân Huyện Sơn Hoà , Phú Yên
70	622500	VHX Sơn Định	Xã Sơn Định , Huyện Sơn Hoà , Phú Yên
71	623100	Hòa Vinh	Hòa Vinh, Đông Hòa
72	623407	BC Hoà An	QLô 25 Thôn Đông Phước , Xã Hoà An, Huyện Phú Hoà, Phú Yên
73	622470	VHX Suối Bạc	Xã Suối Bạc, Huyện Sơn Hòa, Phú Yên

74	622208	BC La Hai	KP Long Châu, TT La Hai, Huyện Đồng Xuân
75	622001	VHX Xuân Lộc	Xã Xuân Lộc, H Sông Cầu
76	621162	HCC Phú Yên	206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, TP Tuy Hòa, Phú Yên
77	622540	BĐVHX Cà Lúi	Buôn Ma Đú, Xã Cà Lúi , Huyện Sơn Hoà, Tỉnh Phú Yên
78	621980	VHX Xuân Bình	Thôn Diêm Trường, Xã Xuân Bình , Thị Xã Sông Cầu
79	622800	VHX Ea Bá	Buôn Ken , Xã Ea Bá , Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên
80	622840	VHX Ea Trol	Buôn Thu , Xã Ea Trol , Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên
TỈNH ĐẮC LẮC			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	630000	Giao dịch TT BMT	Số 1 Nơ Trang Long Buôn Ma Thuột
2	633400	EaKar	146 Nguyễn Tất Thành, Huyện EaKar
3	636300	EaSup	103 Hùng Vương, Huyện EaSup
4	634300	Cumgar	130 Hùng Vương, Huyện Cumgar
5	636600	Krông na	Khối 1 TT Buôn Trấp, Huyện Krông Na
6	635600	EaHleo	505 Giải Phóng TT EA dang, Huyện EaHleo
7	637000	Krông Bông	Tổ dân phố 3 TT Krong Kma, Huyện Krông Bông
8	637400	Huyện Lắk	Thôn 2 TT Liên Sơn, Huyện Lắk

9	636000	Buôn Đôn	Thôn 15 Xã Tân Hòa Buôn Đôn
10	635200	Krông năng	Khối 2 TT Krong năng, Huyện Krông Năng
11	632700	Krông Pắc	502 Giải Phóng TT Phước An, Huyện Krông Pắc
12	634700	Buôn hồ	156 Hùng Vương TX Buôn Hồ, Huyện Krông Buk
13	633900	MĐrắk	51 Nguyễn Tất Thành, MĐrắk
14	634740	Pong Drang	Chợ Pong Drang, Huyện Krông Búk
15	633000	EaQuang	Km38 QL26, Xã EaPhê, Huyện Krông pắc
16	633460	EaKnốp	Khối 1, Thị trấn Eaknốp, Huyện Eakar
17	631450	Hòa Thuận	73 QLô 14, Thôn 5 Hòa Thuận, TP BMT
18	631300	KM5	572 Ng văn cử, Ptn lân lập, TP BMT
19	631100	Phan Bội Châu	286 Phan Bội Châu, Thành công, TPBmt
20	632210	Hoà Khánh	356A Ng thị định, P khánh xuân, TP Bmt
21	630009	Văn Phòng BDT	286 Phan Bội Châu
22	632090	EaTam	554 Lê Duẩn, Phường EaTam, TP Bmt
23	636730	Việt đức 4	Thôn 22 Cư Ning Huyện CưKuin
24	636660	Hoà hiệp	Thôn kim châu Đrây Bhang huyện CưKuin
25	636750	Trung Hòa	Thôn 8 Ea Tiêu Huyện CưKuin

26	632120	Hoà thắng	04 Nguyễn Thái Bình xã Hoà Thắng TP BMT
27	631110	Km3	246 Nguyễn Tất Thành P Tự An TP BMT
28	631848	ChuyểnPhát Nhanh	Số 286 Phan Bội Châu, TP BMT
29	638100	Cưkuin	Thôn Kim Châu Đrây Bhang huyện CưKuin
30	638220	Hòa Hiệp	Thôn Kim châu Đrây Bhang huyện CưKuin
31	631090	Phát Buôn Ma Thuật	8/2 Giải Phóng BMT
32	630109	BC Văn Phòng BDT	286 Phan Bội Châu
33	632829	VP BDH Krông Pắc	TT Phước An huyện Krông Pắc
34	633459	BC VP BDH Ea Kar	Thị trấn Ea Kar Huyện Ea Kar
35	633559	VHX Xuân Phú	Xã Xuân Phú Huyện Ea Kar
36	633630	VHX Ea Pal	Xã Ea Pal Huyện Ea Kar
37	633680	VHX Ea Ô	Xã Ea Ô Huyện Ea Kar
1	633929	VP BDH Ma Đrăk	TT Ma Đrăk Huyện Ma Đrăk
38	634419	BC VP BDH Cư Mgar	Thị Trấn Quảng Phú Huyện CưMgar
39	634560	VHX Ea Pôk	Xã Ea Pôk Huyện Cư Mgar
40	634739	VP BDTX Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ
41	634779	VP BĐh Krông Búk	xã Pong Đrang Huyện Krông Búk

42	635030	VHX Bình Thuận	Xã Bình Thuận Thị xã Buôn Hồ
43	635239	VP BDH Krông năng	TT Krông Năng Huyện Krông Năng
44	635649	VP BDH Ea Hleo	TT Ea Đăng huyện Ea Hleo
45	635670	BC VHX Ea Hiao	Xã Ea Hiao Huyện Ea Hleo
46	635770	BC VHX Ea Hleo	Xã Ea Hleo Huyện Ea Hleo
47	635840	BC VHX Ea Wy	Xã Ea Wy Huyện Ea Hleo
48	636040	BC Krông Na (Bản Đôn)	Xã Krông Ana huyện Buôn Đôn
49	636069	VP BDH Buôn Đôn	Xã tân Hoà Huyện Buôn Đôn
50	636100	BC Cuôr Knia	xã Cuôr Knia Huyện Buôn Đôn
51	636120	BC Ea Bar (Hoà Nhơn)	Xã Ea Bar Huyện Buôn Đôn
52	636369	BC VP BDH Ea Súp	Thị trấn Ea Súp Huyện Ea Súp
53	636390	VHX Ea Rók	Xã Ea Rók Huyện Ea Súp
54	636639	VP BDH Krông Ana	thị trấn Buôn trấp huyện Krông Ana
55	636640	VHX Ea Na (Buôn Toh)	Xã Ea Na Huyện Krông Ana
56	637009	BC VP Krông Bông	TT Krông Kma Huyện Krông Bông
57	637509	VP BDH Lắc	Thị Trấn Liên Sơn
58	638209	BC VP Cư Kuin	Thôn Kim Châu, Xã Đrây BHăng Huyện Cư Kuin

59	633095	VHX Ea Kênh	Thôn Trung tâm xã Ea Kênh H Krông Pắc
60	631705	BC Phan Chu Trinh	256A Phan Chu Trinh P Tân Lợi Tp Buôn Ma Thuật
61	632330	VHX Hòa Phú	Km 14 Thôn 3 Xã Hòa Phú, , TP Bmt
62	635380	VHX Ea Toh	Thôn Tân hợp EaToh Huyện Krông Năng
63	634890	VHX Hà Lan	T. Quyết tiến 1 xã Thống Nhất Thị xã Buôn Hồ
64	635070	VHX Cư Pao	Thôn Tây Hà 6 xã Curbao Thị xã Buôn hồ
65	632360	VHX Hòa Đông	Thôn 15 Xã Hòa Đông H. Krôngpắc
66	633190	VHX Tân Tiến	Thôn 3 xã Tân Tiến Krôngpắc
67	633220	VHX Vụ Bồn	Thôn Tân Quý xã Vụ Bồn Krôngpắc
68	632910	VHX Eakly	Thôn 8a xã Eakly Krôngpắc
69	635963	VHX VHX Cư Amung	thôn 5 xã Cư Amung
70	632211	VHX Khánh xuân	Khối 6 Khánh Xuân TP BMT
71	632390	VHX Hòa Xuân	Thôn 4, Hòa Xuân,TP BMT
72	632314	VHX Hòa Khánh	Thôn 18, Hòa Khánh, BMT
73	632260	VHX Ea Kao	Thôn 3, Ea Kao BMT
74	631790	VHX CưÊbuar	Thôn 1 ,Xã Cư Bur,TP BMT
75	634020	VHX Ea Pil	Thôn 3,Ea Pil,Mdrak

76	633901	VHX Ea Riêng	Thôn 18,Ea Riêng,Mdrak
77	632910	VHX Ea Kly	Thôn 8a Xã EaKly Huyện Krông Pắc
78	633120	VHX Ea Knuêc 2	Thôn Tân Tiến,Ea Knuêc,Krông pắc
79	636870	VHX Quảng Điền	Đội 3 Thôn 2, Krong Ana
80	636830	VHX Dray Sap	Thôn Anna, Krong Ana
81	635220	VHX Tam Giang	Thôn Giang Hưng, Tam Giang, Krong Nang
82	635470	VHX Ea Tân	Thôn Hải Hà, Ea Tân, Krong Nang
83	635421	VHX Phú Xuân	Thôn Xuân Đoàn, Phú Xuân, Krong Nang
84	635420	VHX Nông Trường 49	TT Nông trường 49, Krong Nang
85	636340	VHX Ea Lê	Thôn 5, Ea Lê, Ea Sup
86	636470	VHX Ea Bung	Thôn 6, Ea Bung, Ea Sup
87	633430	VHX Ea Đar	THôn 10, Ea Ddarr, Ea Kar
88	633680	VHX Ea Ô	Thôn 12, Ea Ô, Ea Kar
89	633630	VHX Ea Pal	Thôn 12, Ea Pal, Ea Kar
90	633520	VHX Ea Sar	thôn 2, Ea Sar, Ea Kar
91	634340	VHX Cư Dlie Mnông	Thôn 5,Cư Dliê MNông,Cư Mgar
92	634320	VHX Ea Tul	Buôn Phong,Ea Tul,Cư Mgar

93	637460	VHX Đăk Liêng	Thôn Ngã 3, Đăk Liêng, Lăk
94	637560	VHX Đăk Phơi	Buôn Liêng Ông,Đak phơi,Lak
95	634820	VHX Cư Né	Thôn Ea Cung Xã Cư Né
96	634870	VHX Cư Pong	Buôn E Đrich Xã Cư Pong
97	636680	VHX Ea Bhốc	Buôn Ea Mtá,Ea Bhốc,Curkuin
98	636760	VHX Ea Ktur	Thôn 7,Ea Ktur,Curkuin
99	637200	VHX Hòa Sơn	Thôn 4,Hoà Sơn,Krông Bông
100	637060	VHX Hòa Phong	Thôn 4, Hòa Phong, Krong bông
101	637120	VHX Cư Kty	Thôn 5 ,Cư Kty,Krông Bông
102	636731	VHX Cư Êwi	Thôn 1B, Xã Cư Êwi
103	636732	VHX Ea Ning	Thôn 8, Xã EaNing
104	636661	VHX Drây BHăng	Thôn Lô 13, Xã Drây BHăng
105	637140	VHX Dang Kang	Thôn 1, Xã Dăng Kang
106	637160	VHX Hòa Tân	Thôn 1, Xã Hoà Tân
107	637220	VHX Yang Mao	Buôn M Nang Dơng, Xã Yang Mao
108	632860	VHX Ea Hiu	Buôn Roang Dơng, Xã Ea Hiu
109	633036	VHX Ea Phê 2	Thôn 5a, Xã Ea Phê

110	632970	VHX Hòa An	Thôn 2, Xã Hoà An
111	637600	VHX Ea Rbin	Buôn Ea Rbin, Xã Ea Rbin
112	637440	VHX Yang Tao	Buôn Đông Bắc, Xã Yang Tao
113	631420	VHX Ea Tu	Thôn 1, Xã EaTu
114	634950	VHX Ea Drông	Thôn 5, Xã Ea Drông
115	631989	Đại lý Mai Hắc Đế 5	Số 40, Mai Hắc Đế, Buôn ma thuật
116	636020	VHX Ea Huar	Thôn 4, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn
117	634900	VHX Đoàn Kết	Thôn Nhơn Bình 1, Phường Đoàn Kết, Thị Xã Buôn Hồ
118	634920	VHX Ea Blang	Thôn Tân Bình, Xã Ea Blang, Thị Xã Buôn Hồ
119	636790	VHX Ea Tiêu	Thôn 5, Xã Ea Tiêu, Huyện Cư Kuin
120	636710	VHX Ea Hu	Thôn 1, Xã Ea Hu, Huyện Cư Kuin
121	634380	VHX Ea Kiết	Buôn Ya Vằm 1, Xã Ea Kiết, Huyện Cư MGar
122	634600	VHX Cuôr Đăng	Buôn Cuôr Đăng A, Xã Cuôr Đăng, Huyện Cư MGar
123	635810	VHX Ea Khal	Thôn 1, Xã Ea Khải, Huyện Ea HLeo
124	633750	VHX Cư Bông	Thôn 20, Xã Cư Bông, Huyện Ea Kar
125	633600	VHX Cư Ni	Thôn 1a, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar
126	633506	VHX Ea Tyh	Thôn Trung An, Xã Ea Tih, Huyện Ea Kar

127	636420	VHX Ja Lơi	Thôn 6, Xã Ia JLoi, Huyện Ea Súp
128	636370	VHX Cư Kbang	Thôn 4a, Xã Cư KBang, Huyện Ea Súp
129	636500	VHX Cư Mlan	Thôn 6, Xã Cư Mlan, Huyện Ea Súp
130	636641	VHX Ea Bông	Thôn Tân Hòa Đông, Xã Ea Bông, Huyện Krông Ana
131	636620	VHX Dur Kmăl	Buôn Kmal, Xã Dur Kmăl, Huyện Krông Ana
132	636866	VHX Bình Hòa	Thôn 1, Xã Bình Hoà, Huyện Krông Ana
133	637100	VHX Cư Pui	Buôn Khanh, Xã Cư Pui, Huyện Krông Bông
134	634790	VHX Cư Kpô	Thôn An Bình, Xã Cư KBô, Huyện Krông Búk
135	635290	VHX DliêYa	Thôn Quyết Tâm, Xã DLiê Ya, Huyện Krông Năng
136	635260	VHX Ea Tam	Thôn Tân Lập, Xã Ea Tam, Huyện Krông Năng
137	635460	VHX Cư Klông	Thôn Tam Bình, Xã Cư KLông, Huyện Krông Năng
138	633200	VHX Ea Uy	Buôn Hàng 1b, Xã Ea Uy, Huyện Krông Pắc
139	633160	VHX Hòa Tiến	Thôn 2a, Xã Hoà Tiến, Huyện Krông Pắc
140	632880	VHX Ea Kuăng	Thôn Phước Hòa 1, Xã Ea Kuăng, Huyện Krông Pắc
141	637540	VHX Đăk Nuê	Buôn Dhăm 1, Xã Đăk Nuê, Huyện Lắk
142	634000	VHX Cư Prao	Thôn 4, Xã Cư Prao, Huyện M Đrăk
143	631000	Văn phòng BD TP. BMT	Số 01, Nơ Trang Long

144	635880	VHX Ea Nam	Thôn 2,Xã Ea nam,ea hleo
145	635790	VHX Cư Mốt	Thôn 4 a, xã Cư Mốt, H. EaHLeo
146	637080	VHX Cư Đrăm	Buôn Chàm, Cư Đrăm, Krông Bông
147	633960	VHX Ea Mdoal	Ma Đrăk
148	636070	VHX Tân Hòa	Thôn 10, Tân Hòa, H Buôn Đôn
149	634214	Đại lý Cư San	Thôn 6, Xã Cư San, Huyện Ma Đrăk, Đắk Lắk
150	635525	Đại lý Ea Dăh	Thôn Xuân Hà 2, Xã Ea Dăh, Huyện Krông Năng, Đắk Lắk
151	631070	Phát Phan Bội Châu	286 Phan Bội Châu, Phường Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk
152	632009	Phát Buôn Ma Thuật 2	79 Nay Phao, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk
153	637490	VHX Buôn tría	Liên Kết, Buôn tría, huyện Lắk
154	637510	VHX Buôn Triết	Đoàn Kết, Buôn Triết, huyện Lắk
155	637420	VHX Bông Krang	Sân bay, Bông Krang, huyện Lắk
156	637580	VHX Krông Nô	Buôn Đak Tro, Krông Nô, huyện Lắk
157	633720	VHX Cư Giang	Thôn 5, Cư Giang, Ea Kar
158	632007	TMĐT Buôn Ma Thuật	Số 38, Đường Giải Phóng, Phường Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk
159	634580	VHX Cư Suê	Thôn 1, Xã Cư Suê, Huyện Cư M'Gar
160	634611	VHX Quảng Hiệp	Thôn Hiệp Hưng, Xã Quảng Hiệp, Huyện Cư M'Gar

161	634360	VHX Ea Tar	Thôn 1, Xã Ea Tar, Huyện Cư M'Gar
162	635320	VHX Phú Lộc	Thôn Lộc Tân, Xã Phú Lộc, Huyện Krông Năng
163	637610	VHX Nam Ka	Thôn 3, Xã Nam Ka, Huyện Lắk, Tỉnh Đắk Lắk
164	634510	VHX Ea Mnang	Thôn 1a, Xã Ea Mnang, Huyện Cư Mgar
165	633040	VHX Krông Búk	Thôn Chợ, Xã Krông Búk, Huyện Krông Pắc

TỈNH ĐẮK NÔNG

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	640000	Đăk Nông	Đường Trần Hưng Đạo, tổ 1 phường Nghĩa Thành TX Gia Nghĩa Đăk Nông
2	641300	Đăk Rlấp	Số 06 Nguyễn Tất Thành khối 1 TT Kiến Đức huyện Đăk Rlấp Đăk Nông
3	643000	Tuy Đức	Thôn 3 xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức Đăk Nông
4	641600	Đăk Song	Tổ 2 Thị trấn Đức An huyện Đăk Song Đăk Nông
5	641800	Đăk Mil	số 04 Nguyễn Tất Thành, khối 1 TT Đăk Mil huyện Đăk Mil Đăk Nông
6	642100	Krông Nô	Tổ dân phố 4 TT Đăk Mâm huyện Krông Nô
7	642700	Đăk Glong	Thôn 4a xã Quảng Khê huyện Đăk Glong
8	642400	Cư Jút	Khối 4, Thị trấn EaTlinh huyện Cư Jút Đăk Nông
9	642460	Nam Dong	Xã Nam Đông, huyện Cư Jut
1	641020	BCP Gia Nghĩa	25 Huỳnh Thúc Kháng P. Nghĩa Thành TX. Gia Nghĩa Tỉnh Đắk Nông

10	642570	phát Cự Jut	Thị trấn EaTling - Cự Jut
11	641129	BC 23/3	TX Gia Nghĩa, Đắk Nông
12	641190	BC KHL	Đường Huỳnh Thúc Kháng, TX Gia Nghĩa, Đắk Nông
13	641430	Nhân Cơ	Xã Nhân cơ, Đắk Rlấp
14	641025	Hành Chính Công	25 Huỳnh Thúc Kháng, P. Nghĩa Thành, TX Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông
15	641880	VHX Đắk Lao	Đắk Lao, Đắk Mil, Đắk Nông
16	642030	VHX Đắk Ndrót	Đắk NDrot, Đắk Mil, Đắk Nông
17	641090	VHX Quảng Thành	Quảng Thành, Gia Nghĩa, Đắk Nông
18	641150	VHX Đắk RMoan	Đắk Rmoan, Gia Nghĩa, Đắk Nông
19	641185	Văn phòng Bưu điện tỉnh	Gia Nghĩa, Đắk Nông
20	641390	Quảng Tín	Xã Quảng Tín, huyện Đắk Rlấp
21	642720	Quảng Sơn	Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong
22	641480	Đắk Sin	thôn 4 xã ĐắkSin huyện ĐắkRLap tỉnh Đắk Nông
23	641601	Nam Bình 1	Thôn 10 xã Nam Bình 1 huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông
24	641630	Đắk Mol	Thôn 3a3 xã Đắk Mol huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông
25	641660	Thuận hạnh	Thôn Thuận Lợi xã Thuận Hạnh huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông
26	641680	NamNJang	Thôn Thôn 2 xã NâmNJang huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông

27	641710	Trường Xuân	Thôn 10 xã Nam Bình 1 huyện Đăk Song tỉnh Đăk Nông
28	641810	Đức Mạnh	
29	641820	Đức lệ	
30	641840	Đăk RLa	
31	641860	Đăk Gắn	
32	641970	Thuận An	
33	642710	Đăk Ha	
34	642780	Đăk Som	
35	641100	Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung TX Gia Nghĩa tỉnh Đăk Nông
36	641640	Nghĩa Thắng	xã Nghĩa Thắng, huyện Đăk rlấp tỉnh Đăk Nông
37	642160	Nam Xuân	Xã Nam xuân huyện Krông Nô tỉnh Đăk Nông
38	642228	Đức xuyên	Xã Đức xuyên huyện Krông Nô tỉnh Đăk Nông
39	642240	Quảng Phú	Xã Quảng phú huyện Krông Nô tỉnh Đăk Nông
40	642260	Nâm Nung	Xã Nâm nung huyện Krông Nô tỉnh Đăk Nông
41	642268	Nâm NDir	Xã NamNdir huyện Krông Nô tỉnh Đăk Nông
42	642550	Đăk win	Xã Đăk Win huyện Cư Jút tỉnh Đăk nông
43	642580	CưKNia	Xã ChưKnia huyện Cư Jút tỉnh Đăk nông

44	643080	Quảng Tân	Xã Xã Quảng tân huyện Tuy Đức tỉnh Đắk nông
45	643100	Quảng Trực	Xã Xã Quảng trực huyện Tuy Đức tỉnh Đắk nông
46	641109	Đắk Sắk	Xã Xã Đắk Sắk huyện Đắk Mil tỉnh Đắk nông
47	641460	VHX Nghĩa Thắng	xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk rlấp tỉnh Đắk Nông
48	641511	VHX Đắk Ru	xã đắk Ru, huyện Đắk rlấp tỉnh Đắk Nông
49	642540	BĐ-VHX Đắk Rông	Đắk Rông, Cư Jút, Đắk Nông
50	642490	BĐ-VHX Ea Pô	Ea Pô, Cư Jút, Đắk Nông
51	642418	BĐVHX Tâm Thắng	Tâm Thắng, Cư Jút, Đắk Nông
52	642600	BĐVHX Trúc Sơn	Trúc Sơn, Cư Jút, Đắk Nông
53	642157	BĐVHX Buôn Choah	Buôn Choah, Krông Nô, Đắk Nông
54	642758	VHX Đắk R'Măng	Đắk R'Măng, Đắk G'Long, Đắk Nông
55	643040	BĐVHX Đắk RTih	Đắk RTih, Tuy Đức, Đắk Nông
56	641182	Đại Lý Nghĩa Thành	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông
57	641064	Sùng Đức	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông
58	641967	Đại lý BĐ Đức Minh 1	Thôn Minh Đoài - Xã Đức Minh - Huyện Đắk Mil
TỈNH KHÁNH HÒA			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục

1	650000	GDTT Nha Trang	01 Pasteur - TP Nha Trang
2	651190	Đồng Đế	Đường 2/4 Vĩnh Hải TP Nha Trang
3	651270	Vạn Thạnh	12 Trần Quý Cáp TP Nha Trang
4	652070	Lê Thánh Tôn	50 Lê Thánh Tôn TP Nha Trang
5	652080	Nguyễn Thiện Thuật	46 Nguyễn Thiện Thuật TP Nha Trang
6	652220	Tân Lập	83 Ngô Gia Tự TP Nha Trang
7	652510	Bình Tân	Đường số 2 Kho Cảng Bình Tân TP Nha Trang
8	652550	Đường Đệ	30 Điện Biên Phủ TP Nha Trang
9	652900	Ninh Hòa	450 Trần Quý Cáp Thị Trấn Ninh Hòa H. Ninh Hòa
10	652970	Hòn Khói	Phú Thọ 2 - Ninh Diêm - H. Ninh Hòa
11	653050	Lạc An	Ninh ích, Ninh An H. Ninh Hoà
12	653190	Dục Mỹ	Tân Khánh, Ninh Sim, H.Ninh Hoà
13	653500	Vạn Ninh	186 Hùng Vương Thị Trấn Vạn Giã H. Vạn Ninh
14	653550	Tu Bông	Long Hòa Vạn Long H. Vạn Ninh
15	653570	Đại Lãnh	Thôn Đông Đại Lãnh H. Vạn Ninh
16	653640	Xuân Tự	Xuân Tự Vạn Hưng H. Vạn Ninh
17	653700	Diên Khánh	Số 91 Lý Tự Trọng - H. Diên Khánh

18	653720	Ngã Ba Thành	Ngã Ba Cải Lộ Tuyên - H. Diên Khánh
19	653800	Diên Phước	Phò Thiện Diên Phước - H. Diên Khánh
20	654000	Khánh Vĩnh	Số 9 đường 2/8 Thị trấn Khánh Vĩnh H. Khánh Vĩnh
21	654200	Khánh Sơn	Đường Lê Duẩn Thị trấn Tô Hạp H. Khánh Sơn
22	654400	Cam Ranh	Số 01 Nguyễn Trọng Kì Cam Lợi TX Cam Ranh
23	654490	Cam Phú	Khóm Phú Thịnh Phường Cam Phú TX Cam Ranh
24	654510	Cam Phúc	Hoà Do 3 phường Cam Phúc Bắc TX Cam Ranh
25	654530	Mỹ Ca	Khóm Mỹ Ca Cam Nghĩa Nam TX Cam Ranh
26	654680	Cam Phước Đông	Thôn Thống Nhất Xã Cam Phước Đông TX Cam Ranh
27	655200	Cam Lâm	Thị trấn Cam Đức - H. Cam Lâm
28	655211	Cam An Nam	Thôn Vĩnh Trung, Cam An Nam H. Cam Lâm
29	655350	Suối Tân	Thôn Đồng Cau, Suối Tân H. Cam Lâm
30	651560	Phương Sài	Số 2 Phương Sài Thành Phố Nha Trang
31	651710	Vĩnh Thạnh	Tổ 4 Phú Thạnh Thành Phố Nha Trang
32	651740	Lê Hồng Phong	Số 51 Lê Hồng Phong Thành Phố Nha Trang
33	655280	Cam Hòa	Thôn Cửu Lợi Xã Cam Hòa Huyện Cam Lâm
34	652090	Hoàng Hoa Thám	50 Lê Thánh Tôn TP Nha Trang

35	651250	Vĩnh Lương	Thôn Văn Đăng, Xã Vĩnh Lương, TP Nha Trang
36	651100	Tháp Bà	Đường 2/4 Vĩnh Hải Nha Trang
37	653770	Diên Xuân	Thôn Xuân Đông, Diên Xuân, Diên Khánh
38	654516	Cam Phúc Nam	Tổ Phúc Thủy, Phường Cam Phúc Nam, TP Cam Ranh
39	652450	Vĩnh Nguyên	15 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang
40	654800	Trường Sa	Cụm Quân Cảng, Cam Ranh, xã Song Tử Tây, Trường Sa
41	655340	Suối Dầu	Xã Suối Cát, huyện Cam Lâm
1	651060	BCP Nha Trang	02 Trần Phú Nha Trang
2	652960	BCP Ninh Hòa	181 Trần Quý Cáp Ninh Hoà
3	653680	BCP Vạn Ninh	186 Hùng Vương Vạn Giã Vạn Ninh
4	653930	BCP Diên Khánh	52 Lý Tự Trọng Diên Khánh
5	655230	BCP Cam Lâm	364 Trường Chinh Cam Đức Cam Lâm
6	654610	BCP Cam Ranh	253 Nguyễn Trọng Kỳ Cam Ranh
7	654150	BCP Khánh Vĩnh	147 Hùng Vương Khánh Vĩnh
8	654310	BCP Khánh Sơn	35 Lê Duẩn Khánh Sơn
42	651420	VHX Vĩnh Ngọc	Thôn Xuân Lạc 1, xã Vĩnh Ngọc
43	651441	VHX Vĩnh Phương	Thôn Trung, xã Vĩnh Phương

44	651724	VHX Vĩnh Hiệp	Thôn Vĩnh Châu, xã Vĩnh Hiệp
45	654550	VHX Cam Thành Nam	Thôn Quảng Phúc, xã Cam Thành Nam
46	653090	VHX Ninh Sơn	Thôn 3, xã Ninh Sơn
47	653220	VHX Ninh Quang	Thôn Thanh Mỹ, xã Ninh Quang
48	653300	VHX Ninh Giang	Thôn Mỹ Chánh, xã Ninh Giang
49	652950	VHX Ninh Đa	Khu Phước Sơn, xã Ninh Đa
50	653600	VHX Vạn Bình	Thôn Trung Đồng 1, xã Vạn Bình
51	655341	VHX Suối Cát	Thôn Tân Xương, xã Suối Cát
52	653810	VHX Diên Thọ	Thôn Phước Lương, xã Diên Thọ
53	653920	VHX Diên An	Thôn Phú Ân Nam 1, xã Diên An
54	653375	KHL Ninh Hòa	181 Trần Quý Cáp, phường Ninh Hiệp, TX Ninh Hòa
55	654700	Mỹ Thanh	Thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, Cam Ranh
56	652060	VHX Vĩnh Thái	Thôn Thái Thông, xã Vĩnh Thái, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.
57	653280	Ninh Ích	Thôn Tân Đảo, xã Ninh Ích
58	653350	Ninh Phước	Thôn Ninh Yên, xã Ninh Phước
59	653120	VHX Ninh Thân	Thôn Đại Mỹ, xã Ninh Thân
60	650900	KT1-HCC Nha Trang	01 Pasteur, P. Xương Huân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

61	655250	VHX Cam Hải Tây	Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, Cam Lâm
62	654090	VHX Cầu Bà	Thôn Đá Trắng, xã Cầu Bà, Khánh Vĩnh
63	654020	VHX Khánh Nam	Thôn Hòn Dù, xã Khánh Nam, Khánh Vĩnh
64	654030	VHX Khánh Trung	Thôn Suối Cá, xã Khánh Trung, Khánh Vĩnh
65	654072	VHX Khánh Thượng	Thôn Đa Râm, xã Khánh Thượng, Khánh Vĩnh
66	654040	VHX Khánh Đông	Thôn Suối Sâu, xã Khánh Đông, Khánh Vĩnh
67	654130	VHX Sông Cầu	Thôn Đông, xã Sông Cầu, Khánh Vĩnh
68	654140	VHX Khánh Phú	Thôn Giang Mương, xã Khánh Phú, Khánh Vĩnh
69	654124	VHX Khánh Thành	Thôn Giòng Cạo, xã Khánh Thành, Khánh Vĩnh
70	654100	VHX Sơn Thái	Thôn Bô Lang, xã Sơn Thái, Khánh Vĩnh
71	653820	VHX Diên Hòa	Thôn Quang Thạnh, xã Diên Hòa, Diên Khánh
72	653830	VHX Diên Lộc	Thôn Mỹ Lộc, xã Diên Lộc, Diên Khánh
73	653840	VHX Diên Tân	Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, Diên Khánh
74	653750	VHX Diên Sơn	Thôn Nam 1, xã Diên Sơn, Diên Khánh
75	653910	VHX Diên Toàn	Thôn Phước Thạch, xã Diên Toàn, Diên Khánh
76	653760	VHX Diên Lâm	Thôn Hạ, xã Diên Lâm, Diên Khánh
77	653780	VHX Diên Đồng	Thôn 1, xã Diên Đồng, Diên Khánh

78	653740	VHX Diên Điền	Thôn Đại Điền Đông 1, xã Diên Điền, Diên Khánh
79	653850	VHX Diên Bình	Thôn Hội Phước, xã Diên Bình, Diên Khánh
80	653790	VHX Diên Lạc	Thôn Thanh Minh 2, xã Diên Lạc, Diên Khánh
81	654690	VHX Cam Thịnh Tây	Thôn Sông Cạn, xã Cam Thịnh Tây, Cam Ranh
82	655201	VHX Cam An Bắc	Thôn Cửa Tùng, xã Cam An Bắc, Cam Lâm
83	652441	Phước Đồng	Thôn Phước Hạ, xác Phước Đồng, TP Nha Trang
84	651062	BCP Nha Trang 2	Số 2 Trần Phú, phường Xương Huân, Nha Trang
85	651064	BCP Nha Trang 4	Số 2 Trần Phú, phường Xương Huân, Nha Trang
86	653620	VHX Vạn lương	Thôn Tân Đức, xã Vạn Lương, Vạn Ninh
87	653610	VHX Vạn Phú	Thôn Phú Cang 2, xã Vạn Phú, Vạn Ninh
88	653530	VHX Vạn Thắng	Thôn Phú Hội 2, xã Vạn Thắng, Vạn Ninh
89	653540	VHX Vạn Khánh	Thôn Nhơn Thọ, xã Vạn Khánh, Vạn Ninh
90	653560	VHX Vạn Phước	Thôn Tân Phước Trung, xã Vạn Phước, Vạn Ninh
91	653555	VHX Vạn long	Thôn Hải Triều, xã Vạn Long, Vạn Ninh
92	653641	VHX Vạn Hưng	Thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng, Vạn Ninh
93	653040	VHX Ninh Đông	Thôn Quang Đông, xã Ninh Đông, Tx. Ninh Hòa
94	653070	VHX Ninh Trung	Thôn Phú Văn, xã Ninh Trung, Tx. Ninh Hòa

95	653020	VHX Ninh Hải	Thôn Bình Tây 1, xã Ninh Hải, Tx. Ninh Hòa
96	653260	VHX Ninh Lộc	Thôn Mỹ Lợi, xã Ninh Lộc, Tx. Ninh Hòa
97	653250	VHX Ninh Hưng	Thôn Phú Đa, xã Ninh Hưng, Tx. Ninh Hòa
98	653140	VHX Ninh Thượng	Thôn 1, xã Ninh Thượng, Tx Ninh Hòa
99	653240	VHX Ninh Tân	Thôn Trung, xã Ninh Tân, Tx Ninh Hòa
100	653360	VHX Ninh Vân	Thôn Đông, xã Ninh Vân, Tx Ninh Hòa
101	653160	VHX Ninh Tây	Khu Xóm Mới, xã Ninh Tây, Tx Ninh Hòa
102	653000	VHX Ninh Thọ	Thôn Lạc An, xã Ninh Thọ, Tx Ninh Hòa
103	652980	VHX Ninh Thủy	Thôn Phú Thạnh, xã Ninh Thủy, Tx Ninh Hòa
104	653330	VHX Ninh Phú	Thôn Hội Phú Bắc 2, xã Ninh Phú, Tx Ninh Hòa
105	655270	VHX Cam Hiệp Nam	Thôn Vĩnh Thái, xác Cam Hiệp Nam
106	651070	TMĐT Nha Trang	Số 1 Pasteur, P. Xương Huân, TP Nha Trang
107	654050	VHX Khánh Bình	Thôn Bến Khế, xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh
108	654060	VHX Khánh Hiệp	Thôn Hòn Lay, xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh
109	655300	VHX Cam Tân	Thôn Phú Bình 2, xã Cam Tân, huyện Cam Lâm
110	654240	VHX Sơn Lâm	Thôn Co Róa, xã Sơn Lâm, huyện Khánh Sơn
111	654260	VHX Sơn Bình	Thôn Xóm Có, xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn

112	654230	VHX Sơn Hiệp	Thôn Liên Hiệp, xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn
113	654220	VHX Sơn Trung	Thôn Tà Nĩa, xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn
114	654280	VHX Ba Cùm Bắc	Thôn Suối Đá, xã Ba Cùm Bắc, huyện Khánh Sơn
115	652440	Hòn Rớ	Thôn Phước Hạ, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang

TỈNH NINH THUẬN

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	660000	Phan Rang Tháp Chàm	217 Thống Nhất, P. Thanh Sơn, PRTC
2	661080	16 tháng 4	44 đường 16/4, P. Tấn Tài PRTC
3	661470	Bình Sơn	Đường Yên Ninh, xã Văn Hải PRTC
4	661950	Tháp Chàm	03 Minh Mạng, P. Đô Vinh PRTC
5	662090	Hùng Vương	Đường Thống Nhất, P.Kinh Dinh PRTC
6	662600	Ninh Hải	Khu phố Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải
7	662650	Nhon Hải	Thôn Mỹ Tường 1, xã Nhon Hải, NH
8	662740	Hộ Hải	Thôn Hộ Diêm, Xã Hộ Hải, NH
9	663300	Ninh Phước	Khu phố 5, thị trấn Phước Dân, Ninh Phước
10	663350	Long Bình	Thôn Long Bình 1, xã An Hải, NP
11	663450	Quán Thẻ	Thôn Quán Thẻ 1, xã Phước Minh, Thuận Nam

12	663460	Cà Ná	Thôn Lạc Nghiệp 1, xã Cà Ná, Thuận Nam
13	663461	Phước Diêm	Thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, Thuận Nam
14	663100	Ninh Sơn	Khu phố 3, Tân Sơn, Ninh Sơn
15	663167	Nhon Sơn	Thôn Đắc Nhon, xã Nhon Sơn, NS
16	663180	Quảng Sơn	Thôn Triệu Phong 1, xã Quảng Sơn, NS
17	662900	Bác Ái	Thôn Tà Lú 1, xã Phước Đại, Bác Ái
18	663700	Thuận Bắc	Thôn Ân Đạt, xã Lợi Hải, Thuận Bắc
19	663660	Bắc Phong	Thôn Ba Tháp, xã Bắc Phong, TB
1	661340	BC phát Phan Rang	217 Thống Nhất, TP PR-TC, Ninh Thuận
2	663220	BC phát Ninh Sơn	Khu phố 3 thị trấn Tân Sơn Ninh Sơn Ninh Thuận
3	663470	BC phát Ninh Phước	Khu Phố 5 thị trấn Phước Dân Ninh Phước NT
4	662690	BC phát Ninh Hải	Khu phố Khánh Sơn, thị trấn Khánh Hải, Ninh hải
5	663720	BC Phát Thuận Bắc	Lợi Hải - Thuận Bắc Ninh Thuận
6	663010	BC Phát Bác Ái	Phước Đại - Bác Ái - Ninh Thuận
7	663920	BC Phát Thuận Nam	Phước Minh - Thuận Nam - Ninh Thuận
20	661440	Bưu cục Kinh doanh Tiếp thị	217 Thống nhất Phường Thanh SơnTP PR-TC
21	663900	Thuận Nam	Phước Minh - Thuận Nam - Ninh Thuận

22	661170	BĐVHX Đông Hải	18 Đường Hải Thượng Lân ÔngPhường Đông HảiTP PR-TC
23	662640	BĐVHX Phương Hải	Thôn Phương CựuXã Phương HảiHuyện Ninh Hải
24	662760	BĐVHX Xuân Hải	Thôn An XuânXã Xuân HảiHuyện Ninh Hải
25	663660	BĐVHX Bắc Phong	Thôn Ba ThápXã Bắc PhongHuyện Thuận Bắc
26	663610	BĐVHX Công Hải	Thôn Hiệp KiếtXã Công HảiHuyện Thuận Bắc
27	663390	BĐVHX Phước Sơn	Phước ThiệnPhước SơnHuyện Ninh Phước
28	663380	BĐVHX Phước Thái	Thôn Hoài NiPhước TháiHuyện Ninh Phước
29	663450	BĐVHX Phước Minh	Thôn Quán thờ 1Phước MinhHuyện Thuận Nam
30	663340	BĐVHX Phước Dinh	Sơn Hải Phước DinhHuyện Thuận Nam
31	663360	BĐVHX Phước Thuận	Thuận HòaPhước ThuậnHuyện Ninh Phước
32	663350	BĐVHX An Hải 3	Long BìnhAn HảiHuyện Ninh Phước
33	663120	BĐVHX Lâm Sơn	Lâm BìnhXã Lâm SơnHuyện Ninh Sơn
34	663202	BĐVHX Nhơn Sơn	Thôn Nha Hồ 1Nhơn SơnHuyện Ninh Sơn
35	663171	VHX Mỹ Sơn	Mỹ Sơn - Ninh Sơn - Ninh Thuận
36	663420	VHX Nhị Hà	Thôn 1, xã Nhị Hà, Thuận Nam
37	663440	VHX Phước Nam	Văn Lâm,Phước Nam,Huyện Thuận Nam
38	662940	BĐVHX Phước Tiến	Trà co2, Phước Tiến, Bác Ái

39	663370	BĐVHX Phước Hậu	Phước Đồng, Phước Hậu, Ninh Phước
40	663330	BĐVHX Phước Hải 1	Từ Tâm 1, Phước Hải, Ninh Phước
41	663403	BĐVHX Phước Vinh	Phước An 2, Phước Vinh, Ninh Phước
42	661310	VHX Mỹ Hải	25 Hải thượng Lã ông, P.Mỹ Hải, PRTC
43	663150	VHX Hòa Sơn	Thôn Tân Lập, xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn
44	663140	VHX Ma Nối	Thôn Ú, xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn
45	662670	VHX Vĩnh Hải	Thôn An Xuân, xã Xuân Hải, H Ninh Hải
46	662767	VHX Xuân Hải 2	H Ninh Hải
47	662960	VHX Phước Hòa	xã Phước Hòa, huyện Bác Ái
48	662930	VHX Phước Chính	thôn Suối Rớ, xã Phước Chính, huyện Bác Ái
49	663410	VHX Phước Hữu	xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước
50	661437	KHL-TMĐT Phan Rang	217 Thống Nhất Phan Rang, Ninh Thuận
51	663190	VHX Lương Sơn	Thôn Trà Giang 2, Xã Lương Sơn, Huyện Ninh Sơn, Ninh Thuận
TỈNH LÂM ĐỒNG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	670000	Đà Lạt	02 Lê Đại Hành TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
2	671040	Trần Phú	14 Trần Phú Đà Lạt

3	671250	Trại Mát	127 Phường 11, Thành Phố Đà Lạt
4	671300	Phan Chu Trinh	A18 Phan Chu Trinh P9 Đà Lạt
5	671310	Mê Linh	2D/4 Mê Linh P9 Đà Lạt
6	671440	Thái Phiên	Thái Phiên P12 Đà Lạt
7	671460	Bùi Thị Xuân	60 Bùi Thị Xuân P8 Đà Lạt
8	671640	Phan Đình Phùng	178 Phan Đình Phùng P2 Đà Lạt
9	672150	Cầu Đất	Thôn Xuân Trường 2 Xã Xuân Trường Đà Lạt
10	672500	Đơn Dương	2 Khu Nghĩa Thị, TTT Thạnh Mỹ Đơn Dương
11	672550	Dran	16 Lê Lợi, Lạc Lâm Đơn Dương
12	672570	Lạc Lâm	Thôn Yên Khê Hạ, X.Lạc Lâm Đơn Dương
13	672700	Lạc Dương	Thôn Đankia Thị Trấn Lạc Dương huyện Lạc Dương
14	672800	Lâm Hà	KP3 Thị Trấn Đình Văn Lâm Hà
15	672890	Nam Ban	Thị Trấn Nam Ban Lâm Hà
16	673090	Tân Hà	Thôn Liên Trung X.Tân Hà Lâm Hà
17	673300	Đức Trọng	689 QL20 Liên Nghĩa Đức Trọng
18	673310	Liên Khương	Khu 6 thị trấn liên nghĩa Đức Trọng
19	673350	Phi Nôm	Thôn Hiệp X.Hiệp Thạnh Đức Trọng

20	673420	Tân Hội	Thôn Tân Lập, X.Tân Hội Đức Trọng
21	673480	Ninh Gia	Thôn Đại Ninh X.Ninh Gia Đức Trọng
22	673700	Di Linh	535 Hùng Vương khu 4 Thị trấn Di Linh H.Di Linh
23	673960	Hòa Ninh	Thôn 2 Xã Hoà Ninh H.Di Linh
24	674300	Bảo Lâm	TT Lộc Thắng, Bảo Lâm, Lâm Đồng
25	674400	Lộc An	Thôn 3 X.Lộc An Huyện Bảo Lâm
26	674700	Bảo Lộc	103 Lê Hồng Phong P1 Bảo Lộc
27	674750	Lộc Phát	445 Nguyễn Văn Cừ P.Lộc Phát Bảo Lộc
28	674790	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Công Trứ P2 Bảo Lộc
29	674736	Hà Giang	Hồ Tùng Mậu TX Bảo Lộc
30	675200	ĐạTẻh	131 đường 3 tháng 2 Đạ Tẻh
31	675500	Cát Tiên	Khu 8 Thị trấn Đồng Nai Cát Tiên
32	675800	ĐạHuoi	Số 02 KP 3 Thị trấn Ma Đa Gui huyện Đạ Huoi
33	676000	Đạm Rông	Thôn Liêng Trang 2 X.Đạ Tông Đạm Rông
1	671430	BCP Đà Lạt	12 Phó Đức Chính, Phường 9, TP Đà Lạt
2	672640	BC phát Đơn Dương	106 đường 2/4 Thị trấn Thanh Mỹ huyện Đơn Dương Lâm Đồng
3	673380	BC phát Đức Trọng	689 Quốc lộ 20 Thị trấn Liên Nghĩa huyện Đức Trọng Lâm Đồng

4	672840	BC phát Lâm Hà	Khu phố Đồng Tiến thị trấn Đình Văn huyện Lâm Hà Lâm Đồng
5	676060	BC phát Đam Rông	Thôn 1 Xã Rô Men Huyện Đam Rông Lâm Đồng
6	673890	BC phát Di Linh	535 Hùng Vương Thị trấn Di Linh huyện Di Linh Lâm Đồng
7	674350	BC phát Bảo Lâm	03 Trần Phú Thị trấn Lộc Thắng huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
8	674850	BC phát Bảo lộc	Số 103 Lê Hồng Phong phường 1 TP Bảo Lộc Lâm Đồng
9	675920	BC phát Đạ Huoai	Số 02 tổ 4 thị trấn Madaguoi huyện Đạ Huoai Lâm Đồng
10	675250	BC phát Đạ Tẻh	131 Đường 3/2 thị trấn Đạ Tẻh huyện Đạ Tẻh Lâm Đồng
11	675590	BC phát Cát Tiên	Tổ dân Phố 2 thị trấn Cát tiên huyện Cát Tiên Lâm Đồng
34	674900	Lộc Tiến	KP5 P.Lộc Tiến Bảo Lộc
35	675000	Lộc Châu	Thôn 3 Xã Lộc Xã Châu Bảo Lộc
36	675090	Lộc Nga	THôn Đại Nga X.Lộc Nga Bảo Lộc
37	675620	Phước Cát 1	Cát Lâm 3, Phước Cát 1, huyện Cát Tiên
38	675820	Đạm Ri	Khu 1, thị trấn Đạm Ri, huyện ĐaHuoi
39	676110	Đạ Rsal	Thôn 6 X.Đạ Rsal Đam Rông
40	671394	Quang Trung	14 Quang Trung, Phường 9, TP Đà Lạt
41	671275	Tự Phước	99A Hùng Vương, Phường 11, TP Đà Lạt
42	676010	Đạ Tông	Thôn Liêng Trang 1, xã Đạ Tông, huyện Đam Rông

43	671090	Trung tâm hành chính	36 Trần Phú, Đà Lạt
44	676305	KCN Lộc Sơn	138 Trần Hưng Đạo phường Lộc Sơn TP bảo Lộc
45	671530	Phù Đồng Thiên Vương	61 Phù Đồng Thiên Vương phường 8 TP Đà Lạt
46	671420	BC KHL Quang Trung	14 Quang Trung Đà Lạt Lâm Đồng
47	672960	VHX Phú Sơn	Thôn Ngọc Sơn 1 xã Phú Sơn Huyện Lâm Hà Lâm Đồng
48	673040	VHX Hoài Đức	Thôn Phú Dương xã Hoài Đức huyện Lâm Hà Lâm Đồng
49	675260	VHX Mỹ Đức	Thôn 3 xã Mỹ Đức huyện Đạ Tẻh Lâm Đồng
50	675220	VHX Triệu Hải	Thôn 4 A xã Triệu Hải huyện Đạ Tẻh Lâm Đồng
51	675280	VHX Quốc Oai	Thôn 3 xã Quốc Oai Huyện Đạ Tẻh Lâm Đồng
52	675880	VHX Đạ Tồn	Thôn 2 xã Đạ Tồn huyện Đạ Oai Lâm Đồng
53	675850	VHX Đạ Ploa	Thôn 2 xã Đạ Ploa huyện Đạ Huoai Lâm Đồng
54	675910	VHX Madagui	Thôn 1 xã Magagui huyện Đạ Huoai Lâm Đồng
55	674100	VHX Bảo Thuận	Thôn Bảo Thuận xã Bảo Thuận huyện Di Linh Lâm Đồng
56	674050	VHX Gung Ré	Thôn Đăng Rách xã Gung Ré huyện Di Linh Lâm Đồng
57	674070	VHX Sơn Điền	Thôn Bó Cao xã Sơn Điền huyện Di Linh Lâm Đồng
58	674090	VHX Gia Bắc	Thôn K` Sá xã Gia Bắc huyện Di Linh Lâm Đồng
59	673850	VHX Đinh Trang Thượng	Thôn Bờ Jùng xã Đinh Trang Thượng huyện Di Linh Lâm Đồng

60	673790	VHX Tân Nghĩa	Thôn Lộc Châu 1 xã Tân Nghĩa huyện Di Linh Lâm Đồng
61	673940	VHX Hoà Trung	Thôn 5 xã Hoà Trung huyện Di Linh Lâm Đồng
62	673810	VHX Tân Châu	Thôn 5 xã Tân Châu huyện Di Linh Lâm Đồng
63	672940	VHX Đạ Đờn	Thôn 2 xã Đạ Đờnhuyện Lâm Hà
64	673130	VHX Nam Hà	Thôn Hai Bà Trưng xã Nam Hà huyện Lâm Hà
65	674522	VHX Lộc Nam	Thôn 2 xã Lộc Nam huyện Bảo Lâm
66	672740	VHX Đa Nhim	Thôn Đạ Tro huyện Lạc Dương
67	671461	VHX Đa Thiện	200 Phù Đổng Thiên Vương TP Đà Lạt
68	672030	VHX Tà Nung	Thôn 2 xã Tà Nung TP Đà lạt
69	675520	VHX Phù Mỹ	Tổ DP 14 thị trấn Cát Tiên Huyện Cát Tiên
70	672520	VHX Ka Đô	Nam Hiệp 1 Ka Đô Huyện Đơn Dương
71	674380	VHX Lộc Phú	Thôn 3 xã Lộc Phú Huyện Bảo Lâm
72	674330	VHX Lộc Ngãi	Thôn 1 xã Lộc Ngãi Huyện Bảo Lâm
73	675530	VHX Tư Nghĩa	Thôn Minh Nghĩa xã Tư Nghĩa Huyện Cát Tiên
74	675550	VHX Nam Ninh	Thôn Ninh Đại xã Nam Ninh Huyện Cát Tiên
75	673510	VHX Ninh Loan	Thôn Trung Hậu xã Ninh Loan Đức Trọng Lâm Đồng
76	672530	VHX Lạc Xuân	Thôn Lạc Xuân 2, xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng

77	672600	VHX Ka Đơn	Thôn Ka Đề, xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
78	672620	VHX Proh	Thôn Pro ngó, xã Pro, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
79	673450	VHX Phú Hội	Thôn Phú Trung xã Phú Hội huyện Đức Trọng Lâm Đồng
80	673440	VHX Tân Thành	Thôn Tân Hưng xã Tân Thành huyện Đức Trọng Lâm Đồng
81	676071	VHX Phi Liêng	Thôn Trung Tâm xã Phi Liêng huyện Đam Rông Lâm Đồng
82	675360	VHX Đa Kho	Thôn 4 xã Đa Kho huyện Đa Tẻh Lâm Đồng
83	675890	VHX Đa Oai	Thôn 4 xã Đa Oai huyện Đa Huoai Lâm Đồng
84	675860	VHX Đạm Ri	Thôn 2 xã Đạm Ri huyện Đa Huoai Lâm Đồng
85	672920	VHX Mê Linh	Thôn 2 xã Mê Linh huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng
86	673110	VHX Đan Phượng	Thôn Đoàn Kết xã Đan Phượng huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng
87	675030	Đại Lào	Thôn 3 xã Đại Lào - Bảo Lộc
88	674870	Đạm Bri	Thôn 12 xã ĐạmBri - Bảo Lộc
89	674940	VHX Blao	số 186 đường 1/5 phường Blao, Bảo Lộc
90	671290	VHX Xuân Thọ	Thôn Đa Lộc Xã Xuân Thọ TP Đà Lạt
91	673530	VHX Đà Loan	Xã Đà Loan Huyện Đức Trọng
92	672590	VHX Tu Tra	Xã Tu Tra Huyện Đơn Dương
93	672610	VHX Quảng Lập	Xã Quảng Lập Huyện Đơn Dương

94	673390	VHX Liên Hiệp	Thôn An Hiệp 2 xã Liên Hiệp huyện Đức Trọng Lâm Đồng
95	673370	VHX Hiệp An	Thôn Tân An xã Hiệp An huyện Đức Trọng Lâm Đồng
96	673451	VHX R'chai	Thôn R'chai 1 xã Phú Hội huyện Đức Trọng Lâm Đồng
97	673410	VHX Bình Thạnh	Thôn Thanh Bình 1 xã Bình Thạnh huyện Đức Trọng Lâm Đồng
98	674390	VHX Lộc Lâm	Thôn 2 xã Lộc Lâm huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
99	674530	VHX Tân Lạc	Thôn 1 xã Tân Lạc huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
100	674410	VHX Lộc Bảo	Thôn 1 xã Lộc Bảo huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
101	674420	VHX Lộc Bắc	Thôn 1 xã Lộc Bắc huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
102	674401	VHX B Lá	Thôn 1 xã B Lá huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
103	674450	VHX Lộc Tân	Thôn 2 xã Lộc Tân huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
104	674430	VHX Lộc Quảng	Thôn 1 xã Lộc Quảng huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
105	674360	VHX Lộc Đức	Thôn Khánh Thượng xã Lộc Đức huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
106	672776	VHX Xã Lát	Thôn Đa Nghị Xã Lát Huyện Lạc Dương Lâm Đồng
107	672730	VHX Đa Sa	Thôn 3 Xã Đa Sa Huyện Lạc Dương Lâm Đồng
108	673452	VHX K NAI	Thôn Lạc Lâm xã Phú hội Đức Trọng Lâm Đồng
109	673500	VHX TA HINE	Thôn Lạc Lâm xã Phú hội Đức Trọng Lâm Đồng
110	673560	VHX TÀ NĂNG	Thôn Tà Nhiên xã Tà Năng

111	673060	VHX Liên Hà	Thôn Liên Hồ, Xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
112	673000	VHX Tân Thanh	Thôn Tân An, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
113	672930	VHX Phi Tô	Thôn Quảng Bằng, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
114	673020	VHX Tân Văn	Thôn Tân Lập, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
115	672807	VHX Hòa Lạc	Thôn Hòa Lạc, TT Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
116	676091	VHX Liêng S'rôn	Thôn 4, Liêng S'rôn, Đam Rông, Lâm Đồng
117	676047	VHX Rô Men	Thôn 2, Rô Men, Đam Rông, Lâm Đồng
118	674901	VHX Lộc Tiến	301 Phan Chu Trinh TP Bảo Lộc Lâm Đồng
119	675020	VHX Lộc Châu	71 Lữ Gia Lộc Châu TP Bảo Lộc Lâm Đồng
120	674770	VHX Lộc Thanh	54 Đoàn thị Điểm Lộc Thanh TP Bảo Lộc Lâm Đồng
121	675380	VHX Đạ Pal	Bình Hòa - Đạ Pal Đạ Tẻh Lâm Đồng
122	675240	VHX Quảng Trị	Thôn 5 - Quảng Trị Đạ Tẻh Lâm Đồng
123	675320	VHX Hương Lâm	Hương Sơn - Hương Lâm Đạ Tẻh Lâm Đồng
124	675210	VHX Hà Đông	Thôn 2 - Hà Đông Đạ Tẻh Lâm Đồng
125	675300	VHX An Nhơn	Thôn 3 - An Nhơn Đạ Tẻh Lâm Đồng
126	676051	Đạ K'Nang	Thôn Đạ Mun, Đạ K'Nang huyện Đam Rông Lâm Đồng
127	673400	N thôn Hạ	Thôn Biaray Nthôn Hạ huyện Đức Trọng Lâm Đồng

128	673345	KHL Đức Trọng	691 QL 20 TT Liên Nghĩa Đức Trọng Lâm Đồng
129	675650	VHX Quảng Ngãi	Thôn 3 Quảng Ngãi Cát Tiên Lâm Đồng
130	675640	VHX Đức Phổ	Thôn 3 Đức Phổ Cát Tiên Lâm Đồng
131	675570	VHX Tiên Hoàng	Thôn 3 Tiên Hoàng Cát Tiên Lâm Đồng
132	675600	VHX Phước Cát 2	Thôn Phước Hải Phước Cát 2 Cát Tiên - Lâm Đồng
133	675665	VHX Đồng Nai Thượng	Thôn Bù Sa Đồng Nai Thượng Cát Tiên - Lâm Đồng
134	675540	VHX Mỹ Lâm	Thôn Mỹ Trung Mỹ Lâm Cát Tiên - Đồng Đồng
135	674140	KHL Di Linh	535 Hùng Vương thị trấn Di Linh huyện Di Linh Lâm Đồng
136	672980	VHX Phúc Thọ	Thôn Phúc Thanh, Phúc Thọ, Lâm Hà, Lâm Đồng
137	672870	VHX Đông Thanh	Thôn Trung Hà, Đông Thanh, Lâm Hà, Lâm Đồng
138	672850	VHX Gia Lâm	Thôn 4, Gia Lâm, Lâm Hà, Lâm Đồng
139	672580	VHX Đạ Ròn	Thôn Suối Thông A, Đạ Ròn, Đơn Dương, Lâm Đồng
140	674737	KHL Bảo Lộc	103 Lê Hồng Phong Phường 1 TP Bảo Lộc
141	671215	Phát Đà Lạt 2	14 Quang Trung phường 9 Đà Lạt
142	672780	Phát Lạc Dương	Khu phố Lang Biang thị trấn Lạc Dương Huyện Lạc Dương
143	674020	VHX Hòa Nam	Thôn 5, xã Hòa Nam, Di Linh
144	672829	KHL Lâm Hà	695 Hùng Vương (khu Đồng Tâm) TT Đình Văn, huyện Lâm Hà

145	676228	KHL Đơn Dương	Số 106 đường 2/4, Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương Lâm Đồng
146	674347	ĐL Mỹ Mỹ	Thôn 10 xã Lộc Ngãi huyện Bảo Lâm Lâm Đồng
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	700100	G dịch Q Tế Sài Gòn	117-119 Nguyễn Du Q1
2	700000	Giao dịch Sài Gòn	2 Công xã Paris, P. Bến Nghé, Q.1
3	710400	Trần Hưng Đạo	447B Trần Hưng Đạo, P.Cầu Kho, Q.1
4	710880	Tân Định	230 Hai bà Trưng, P.Tân Định, Q.1
5	710200	Quận 1	67 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Q.1
6	710100	Bến Thành	50 Lê Lai, P. Bến Thành, Q.1
7	710700	Đa Kao	19 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Q.1
8	710000	Ng Đình Chiểu	11 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1
9	710500	Nguyễn Du	01 Nguyễn Văn Bình, Q1
10	722000	Quận 3	2 Bis Bà Huyện Thanh Quan, P.6, Q.3
11	722200	Bàn Cờ	49A Cao Thắng, P.3, Q.3
12	722700	Tú Xương	6 Tú Xương, P.7, Q.3
13	722100	Vườn Xoài	472 Lê Văn Sỹ, P.14, Q.3

14	722300	Nguyễn Văn Trỗi	222 Bis Lê Văn Sỹ, P.14, Q.3
15	754000	Quận 4	104 Nguyễn Tất Thành , P.13, Q.4
16	754100	Khánh Hội	52 Lê Quốc Hưng P12 Q4
17	754500	Nguyễn Khoái	39 Nguyễn Khoái P1 Q4
18	755000	Tôn Đản	139 - 141 Vĩnh Hội P4 Q4
19	748100	An Đông	34-36 Đường An Dương Vương P9 Q5
20	749200	An Dương Vương	537 Đường An Dương Vương P14 Q5
21	742000	Bà Hạt	196 Đường Bà Hạt P9 Q10
22	752710	Bùi Minh Trực	188 Đường Bùi Minh Trực P5 Q8
23	752800	Chánh Hưng	Lô nhà A, c/cư Phạm Thế Hiển P4 Q8
24	751100	Dã Tượng	1B Lô nhà 1, Khu dân cư Hưng Phú P10 Q8
25	743010	Đầm Sen	92D An Bình P5 Q11
26	748290	Hòa Bình	101 Đường Bùi Hữu Nghĩa P5 Q5
27	740200	Hòa Hưng	411 Đường Cách Mạng Tháng Tám P13 Q10
28	748500	Hùng Vương	1 Đường Hùng Vương P4 Q5
29	743100	Lạc Long Quân	509 (cũ189D) Đường Lạc Long Quân P5 Q11
30	750100	Lê Hồng Phong	011 Lô nhà B, c/cư Lê Hồng Phong P2 Q5

31	743000	Lữ Gia	2/12 Hẻm 2, Đường Lữ Gia P15 Q11
32	746000	Minh Phụng	277 Lô nhà 01, c/cư 277 Hậu Giang P5 Q6
33	740300	Ngã Sáu Dân Chủ	1E Đường 3 Tháng 2 P11 Q10
34	741900	Ngô Gia Tự	039 Lô nhà B, c/cư Ngô Gia Tự P3 Q10
35	740100	Ngô Quyền	237 Đường Ngô Quyền P6 Q10
36	748020	Ng Duy Dương	5 Đường Nguyễn Duy Dương P8 Q5
37	748000	Nguyễn Trãi	49 Đường Nguyễn Trãi P2 Q5
38	748010	Ng Tri Phương	137 Đường Nguyễn Tri Phương P8 Q5
39	747200	Phạm Văn Chí	331 Đường Phạm Văn Chí P3 Q6
40	744910	Phó Cơ Điều	150 Đường Phó Cơ Điều P6 Q11
41	746610	Phú Lâm	487 Đường Nguyễn Văn Luông P12 Q6
42	740500	Quận 10	157 Đường Lý Thái Tổ P9 Q10
43	743800	Quận 11	244 Đường Minh Phụng P16 Q11
44	749000	Quận 5	26 Đường Nguyễn Thi P13 Q5
45	747400	Quận 6	88-90 Đường Tháp Mười P2 Q6
46	751500	Quận 8	428 Đường Tùng Thiện Vương P13 Q8
47	751000	Rạch Ông	60 Đường Nguyễn Thị Tần P2 Q8

48	740310	Sư Vạn Hạnh	784 Đường Sư Vạn Hạnh P12 Q10
49	740400	Tô Hiến Thành	136A-C1 (cũ 353) Tô Hiến Thành P14 Q10
50	743500	Tôn Thất Hiệp	34-36 Đường Tôn Thất Hiệp P13 Q11
51	744900	Trần Quý	112-114 Trần Quý P6 Q11
52	751010	Xóm Cũi	59-61- 63 Đinh Hòa P11 Q8
53	740030	Phú Thọ	270 Lý Thường Kiệt Q10
54	717066	Bình Thạnh	03 Phan Đăng Lưu -P3-BT
55	717000	Thị Nghè	23 Xô Viết Nghệ Tĩnh -P17 -BT
56	717400	Thanh Đa	138A Bình Quới -P27-BT
57	718500	Hàng Xanh	283 Xô Viết Nghệ Tĩnh -P15-BT
58	717200	Văn Thánh	08 Điện Biên Phủ -P25-BT
59	717500	Nơ Trang Long	170G Nơ Trang Long -P12-BT
60	718900	Ngô Tất Tố	207 Ngô Tất Tố-P22-BT
61	717700	Cầu Đỏ	319 A4 Nơ Trang Long-P13-BT
62	725060	Phú Nhuận	241 Phan Đình Phùng -P15-PN
63	725600	Đông Ba	105B Phan Đăng Lưu -P7-PN
64	725000	Lê Văn Sỹ	245 bis Lê Văn Sỹ -P14-PN

65	736090	Tân Bình 2	288A Hoàng Văn Thụ -P4-TB
66	736000	Chí Hòa	695 - 697 CM Tháng Tám -P6-TB
67	736100	Bà Quẹo	32/8 Cách Mạng Tháng 8-P15-TB
68	736200	Lý Thường Kiệt	174M Lý Thường Kiệt -P8-TB
69	736300	Bàu Cát	K43-46-47 Chợ Bàu Cát P14 TB
70	737300	Bảy Hiền	32A Lạc Long Quân -P8-TB
71	736400	Phạm Văn Hai	130/C10 Phạm Văn Hai-P2-TB
72	736500	Hoàng Hoa Thám	19D Hoàng Hoa Thám -P13-TB
73	736600	Tân Sơn Nhất	2B/2 Bạch Đằng-P2-TB
74	760000	Tân Phú	90 Nguyễn Sơn -P Phú Thọ Hòa-TP
75	760820	Phú Thọ Hòa	174 D1 Thạch Lam -P Hiệp Tân-TP
76	760310	Tây Thạnh	51/20 Lê Trọng Tấn-PTây Thạnh-TP
77	760400	Gò Dầu	023 CC A CX Gò dầu 2-PTân Sơn Nhì-TP
78	760320	Khu CN Tân Bình	0102 Lo I c/c KCN TB-PTây Thạnh-TP
79	727010	Gò Vấp	555 Lê Quang Định -P1-GV
80	727000	Thông Tây Hội	2/1A Quang Trung -P11-GV
81	727400	Xóm Mới	1/8 Thống Nhất -P15-GV

82	727900	Trung Nữ Vương	1 Trung Nữ Vương -P4-GV
83	727300	An Nhơn	51/573B Nguyễn Oanh-P17 -GV
84	727700	An Hội	34/8C Quang Trung-P12 -GV
85	727110	Bến Cát	62 Dương Quảng Hàm-P17 -GV
86	728100	Lê Văn Thọ	56 Cây Trâm-P11-GV
87	736868	E.Town	G.3C-364 Cộng Hòa, P.13, Tân Bình
88	721400	Thủ Đức	128A Kha Vạn Cân, P.Trường Thọ, Q.TĐ
89	721000	Bình Chiểu	Tỉnh lộ 13, P.Bình Chiểu, Q.TĐ
90	720100	Bình Thọ	378 Võ Văn Ngân, P.Bình Thọ, Q.TĐ
91	720300	Bình Triệu	178 Quốc lộ 13, KP 2, P.Hiệp Bình Chánh TĐ
92	720200	Hiệp Bình Phước	604 Quốc lộ 13, P.Hiệp Bình Phước, Q.TĐ
93	720400	Linh Trung	16 Đường số 4 KP 4, P.Linh Trung, Q.TĐ
94	720500	Linh Xuân	539 QLô 1A KP3 P. Linh Xuân Q. Thủ Đức
95	720600	Khiết Tâm	60 Trường Sơn, KP 4, P.Bình Chiểu, Q.TĐ
96	720700	Tam Bình	705 Tô Ngọc Vân, KP 4, P.Tam Bình, Q.TĐ
97	715000	Cây Dầu	Đường 400, Giã Dân, P.Tân Phú, Q.9
98	715100	Chợ Nhỏ	Man Thiện, KP 5, P.Hiệp Phú, Q.9

99	715540	Long Bình	Nguyễn Xiển, Bến Đò, P.Long Bình, Q.9
100	715400	Long Hòa	Nguyễn Xiển, P.Long Thạnh Mỹ, Q.9
101	716040	Phước Bình	45 Đại lộ II, P.Phước Bình, Q.9
102	715300	Phước Long	62 Nam Hòa, P.Phước Long A, Q.9
103	713000	An Điền	793 Xa lộ hà Nội, P.An Phú, Q.2
104	713100	An Khánh	Lương Định Cửa, P.Bình An, Q.2
105	714100	Cát Lái	Chùa Ông, P.Cát Lái, Q.2
106	713200	Bình Trung	155 Nguyễn Duy Trinh, P.Bình Trung Tây Q2
107	713110	Tân Lập	661 Ng Duy Trinh, P.Bình Trung Đông, Q2
108	738000	Bình Chánh	E9/37, Nguyễn Hữu Trí, Ấp 5, Tân Túc, BC
109	738300	Lê Minh Xuân	Tỉnh lộ 10, ấp 6, Lê Minh Xuân,BC
110	738800	Chợ Bình Chánh	1C ấp 4, Quốc lộ 1A xã Bình Chánh, BC
111	739100	Hưng Long	Hương lộ 11, ấp 3 , xã Bình Chánh, BC
112	738400	Cầu Xáng	Đường An Hạ, ấp 3 Phạm Văn Hai,BC
113	763700	An Lạc	164 Kinh Dương Vương An Lạc, Q Bình Tân
114	738010	Chợ Đệm	Ấp 1, Nguyễn Hữu Trí Tân Túc, BC
115	738100	Vĩnh Lộc	Lê Trọng Tấn, ấp 4 Vĩnh Lộc B, BC

116	739400	Phong Phú	Trịnh Quang Nghị ấp 4, xã Phong Phú BC
117	762800	Bình Trị Đông	C12/14 Bà Hom KP 16 Bình Trị Đông Q. Bình Tân
118	763300	Tân Tạo	Khu dân cư Bắc Kênh Lương Bèo Tân Tạo A, Q Bình Tân
119	763710	Mũi Tàu	98 An Dương Vương An Lạc A, Q Bình Tân
120	763310	Tân Kiên	A1/7 Trần Đại Nghĩa Tân Tạo A, Q Bình Tân
121	762300	Bưu điện Bốn Xã	13 Lê Văn Quới P. Bình Trị Đông, Q Bình Tân
122	763100	Hồ Học Lãm	E2/9 Hồ Học Lãm KP 5 Bình Trị Đông B, Q Bình Tân
123	762000	Bình Hưng Hoà	1026 Tân Kỳ Tân Quý Bình Hưng Hoà, Q Bình Tân
124	739500	Bình Hưng	B17/13 QLô 50
125	738600	Láng Le	A6/177B Trần Đại Nghĩa Tân Nhựt, BC
126	739210	Quy Đức	7/31 Quốc lộ 50 xã Quy Đức BC
127	763200	Bà Hom	Trần Thanh Mại KP 3, Tân Tạo A, Q Bình Tân
128	759000	Cần Giờ	Đường Lương văn Nho TT Cần Thạnh CG
129	759600	Bình Khánh	Đường Rừng Sát ấp Bình Phước xã Bình Khánh CG
130	759110	Long Hòa	Nguyễn Văn Mạnh ấp Long Thạnh xã Long Hòa CG
131	759010	Cần Thạnh	Đường Duyên Hải ấp Phong Thạnh TT Cần Thạnh CG
132	759120	Bưu Cục 30/4	Đường Thạnh Thới ấp Long Thạnh xã Long Hòa CG

133	759100	Hòa Hiệp	Đường Thanh Thới ấp Hòa Hiệp xã Long Hòa CG
134	759130	Đồng Hòa	Ấp Đồng Hòa xã Long Hòa CG
135	733000	Củ Chi	Khu phố 2, thị trấn Củ Chi
136	734800	Tân Phú Trung	Ấp Đình, xã Tân Phú Trung
137	734900	Tân Trung	Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông
138	735000	Bình Mỹ	Ấp 2, xã Bình Mỹ
139	733600	Phạm Văn Cội	Ấp 3, xã Phạm Văn Cội
140	733530	Phú Hòa Đông	Ấp Phú Lợi, xã Phú Hòa Đông
141	733800	An Nhơn Tây	Ấp Chợ Cũ, xã An Nhơn Tây
142	733900	An Phú	Ấp An Hòa, xã An Phú
143	734200	Trung Lập	Ấp Trung Bình, xã Trung Lập Thượng
144	734300	Phước Thạnh	Ấp Chợ, xã Phước Thạnh
145	733010	Thị trấn Củ Chi	Khu phố 8, thị trấn Củ Chi
146	731000	TT Hóc Môn	57/7 Lý Nam Đế, TTrấn HM
147	729110	Quang Trung	Tô Ký KP3 Đông Hưng Thuận
148	731900	Bà Điểm	12/4 Trung Lân Bà Điểm HM
149	729700	Ngã Tư Ga	KP3 Thanh Lộc Quận 12

150	732110	Trung Chánh	159/6B Trung Chánh Học Môn
151	731910	An Sương	Quốc lộ 22 Đông Lâm Bà Điểm
152	731200	Đông Thạnh	Ấp 7 Đông Thạnh HM
153	731700	Nhị Xuân	TL 9 Ấp 6 Xuân Thới Thượng
154	729400	Tân Thới Hiệp	TL16 KP1 Tân Thới Hiệp Q12
155	731500	Tân Thới Nhì	1/127 Nhì Tân Tân Thới Nhì HM
156	729100	Bàu Nai	90/5 KP7 Đông Hưng Thuận Q12
157	731100	Ngã Ba Bàu	26 ấp Đông Thới Tam Thôn HM
158	729430	Hiệp Thành	KP3 Hiệp Thành Quận 12
159	729930	Tân Thới Nhất	44/6 KP3 Tân Thới Nhất Q12
160	756100	Quận 7	81/1C Huỳnh Tấn Phát KP1-P. Phú Mỹ -Q7
161	756700	Tân Quy Đông	44 đường 15 P. Tân Quy- Quận.7
162	756000	Tân Thuận	KE42-43 Huỳnh Tấn Phát P Tân Thuận Tây Q.7
163	758100	Phước Kiển	96A Lê văn Lương ấp 2 Phước kiển - NBè
164	758000	Thị trấn Nhà Bè	462 Huỳnh Tấn Phát KP4 Thị Trấn Nhà bè - Nhà Bè
165	756110	Phú Mỹ	697 Huỳnh Tấn Phát P. Phú Thuận -Quận 7
166	758500	Hiệp Phước	376/5 Nguyễn Văn Tạo ấp 1 Hiệp Phước- NB

167	756600	Tân Phong	382/8A Nguyễn Thị Thập P. Tân Phong - Q.7
168	756200	Tân Thuận Đông	khu Chế Xuất Tân Thuận
169	758600	Phú Xuân	22/8 Huỳnh Tấn Phát Ấp 4 Phú Xuân- NBè
170	758310	Long Thới	Ấp 1 xã Nhơn Đức - Nhà Bè
171	740020	BChính Ủy Thác	270 bis Lý Thường Kiệt, Quận 10
172	740010	Datapost HCM	Số 270Bis Lý Thường Kiệt Phường 14 Quận 10
173	729209	Cviên Pmềm Qtrung	Nhà 03, Công viên PM Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Q12
174	700910	Kthác buruphằm	270 bis Lý Thường Kiệt, Quận 10
175	710234	GD Quốc tế Sài Gòn	117-119 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, HCM
176	749590	TTDVKH Chợ Lớn	26 Nguyễn Thi - P.13 - Q.5
1	749580	BC Phát Quận 5	26 Nguyễn Thi - P.13 - Q.5
2	740160	BC Phát Quận 10	270bis Lý Thường Kiệt - P.14 - Q.10
3	733130	BCP Củ Chi	Khu Phố 2 TT Củ Chi
4	733120	BCP Tân Trung	Ấp 12, Tân Thạnh Đông
5	731030	BCP Hóc Môn	57/7 Lý Nam Đế TT Hóc Môn
6	729150	BCP Quận 12	KP3 Đông Hưng Thuận Q12
7	721350	BCP Thủ Đức	128A Kha Vạn Cân,P Trường Thọ, Q.Thủ Đức.

8	715150	BCP Quận 9	95 Man Thiện, KP5, P.Hiệp Phú Quận 9
9	713070	BCP Quận 2A	42 Nguyễn Duy Trinh, P Bình Trưng Tây, Quận 2
10	756010	BCP Nam Sài Gòn	1441 HTP- KP1 Phú Mỹ -Quận 7
11	710230	BCP Sài Gòn	2 Công Xã Paris
12	763410	BCP Tân Tạo	27 Đường Lộ Tẻ, Phường Tân Tạo A, Bình Tân, TPHCM
13	738040	BCP Tân Túc	E/37 Nguyễn Hữu Trí, Tân Túc, Bình Chánh
14	739430	BCP Phong Phú	D11/314C Trịnh Quang Nghị Ấp 4 Xã Phong Phú Bình Chánh
15	738340	BCP Lê Minh Xuân	F7/8 Ấp 6, Xã Lê Minh Xuân, Bình Chánh
16	760390	BCP Tân Phú	01-02 LÔ 1, Đường 19/5 P.Tây Thạnh Tân Phú
17	725360	BCP Phú Nhuận	241 Phan Đình Phùng, P.15, Q.Phú Nhuận
18	736540	BCP Gò Vấp A	2B/2 Bạch Đằng P.2 Tân Bình
19	736520	BCP Tân Bình	2B/2 Bạch Đằng P.2 Tân Bình
20	718260	BCP Bình Thạnh	3 Phan Đăng Lưu P3 Bình Thạnh
21	742610	BCP NỘI TỈNH	270 Bis Lý thường Kiệt Phường 14 Quận 10
177	731040	TT DVKH Hóc Môn	57/7 Lý Nam Đế TT Hóc Môn
178	721360	TTDVKH Thủ Đức	128A Kha Vạn Cân,P Trường Thọ, Q.Thủ Đức.
179	710232	TTDVKH Sài Gòn	2 Công Xã Paris

180	718270	TTDVKH Gia Định	3 Phan Đăng Lưu P3 Bình Thạnh
181	700955	HCM Ngoại dịch	270 bis Lý Thường Kiệt, P14, Quận 10, TP.HCM
182	750510	BCP Quận 6	26 Nguyễn Thi Phường 13 Quận 5 TPHCM
183	749660	BCP Quận 11	26 Nguyễn Thi Phường 13 Quận 5 TPHCM
184	710610	BCP Quận 3	117-119 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Q1, TP HCM
185	710620	BCP Quận 4	117-119 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Q1, TP HCM
186	762260	Phát Bình Trị Đông	27 Đường Lộ Tẻ Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân TPHCM
187	749650	BCP Quận 8	26 Nguyễn Thi Phường 13 Quận 5 TPHCM
188	729050	BCP Quận 12B	60F, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TPHCM
189	756860	BCP Nhà Bè	1441 Huỳnh Tấn Phát khu phố 1 P. Phú Mỹ Quận 7, TPHCM
190	710570	BCP Trung tâm 1	125 Hai Bà Trưng F. Bến Nghé Q1 Tp. HCM
191	717080	BCP Trung tâm 2	Số 3 Phan Đăng Lưu F. Bến Nghé Q 1 Tp. HCM
192	748150	BCP Trung tâm 3	26 Nguyễn Thi F13 Q5 Tp. HCM
193	740280	BCP Trung tâm 4	270B Lý Thường Kiệt F14 Q10 Tp. HCM
194	760140	TT DV KH GIA ĐỊNH 2	Số 01 Lô I KCN Tân Bình P Tây Thạnh Q Tân PhúTP HCM
195	729540	BC Quận 12	A104, Lê Thị Riêng, P.Thới An, Quận 12, HCM
196	729450	BCNguyễn Thị Kiều	330 Nguyễn Thị Kiều Khu phố 6 Phường Hiệp Thành Quận 12 TP.HCM

197	751340	Hưng Phú	170 Hưng Phú, P8, Q8
198	762270	BCP Gò Mây	SA3-03; SA3-04 Chung cư GreenHill, Đường số 1, KDC Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TPHCM
199	760130	BC TMDT Tân Bình	Lô II-1 Khu Chung cư KCN Tân Bình F. Tây Thạnh Q. Tân Phú Tp. HCM
200	727040	BCP Gò Vấp B	313 Nguyễn Oanh Phường 17 Quận Gò Vấp Thành Phố Hồ Chí Minh
201	716300	BĐVHX LONG TRƯỜNG	Đường Nguyễn Duy Trinh, P. Long Trường, Quận 9, TP.HCM
202	729800	BĐVHX AN PHÚ ĐÔNG	Đường APĐ09 KP1 P.An Phú Đông Q12
203	729213	BĐVHX Tân Chánh Hiệp	19/5 khu phố 3 Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12 TPHCM
204	731701	BĐVHX Ngã Ba Giồng	Ấp 5 Đường Dương Công Khi Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn. TP.HCM
205	716500	VHX Long Phước	Ấp Long Thuận, P. Long Phước, Quận 9
206	763420	TTDVKH Bình Chánh	27 Lộ Tẻ, Tân Tạo A, Bình Tân
207	733030	TTDVKH Củ Chi	Khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi
208	756040	TTDVKH Nam Sài Gòn	1441 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Mỹ, Q.7
209	733300	VHX Hòa Phú	Ấp 1 Hòa Phú, Củ Chi
210	738200	VHX Vĩnh Lộc A	Đường Thới Hòa, ấp 5 xã Vĩnh Lộc A huyện Bình Chánh
211	739000	VHX Tân Quý Tây	Ấp 2 xã Tân Quý Tây huyện Bình Chánh
212	733400	VHX Trung An	Ấp Chợ xã Trung An huyện Củ Chi
213	734700	VHX Tân Thông Hội	Ấp Chánh xã Tân Thông Hội huyện Củ Chi

214	733701	VHX Nhuận Đức	Ấp Ngã Tư xã Nhuận Đức huyện Củ Chi
215	731300	VHX Nhị Bình	Đường Bùi Công Trừng Ấp 1, Xã Nhị Bình, Huyện Hóc Môn
216	759300	VHX Tam Thôn Hiệp	Đường Nguyễn Công Bao, Ấp 1 xã Tam Thôn Hiệp Huyện Cần Giờ
217	758501	VHX Hiệp Phước	451/1 Nguyễn Văn Tạo, ấp 3 xã Hiệp Phước Huyện Nhà Bè
218	715401	VHX Long Thạnh Mỹ	127A Nguyễn Văn Tăng, P Long Thạnh Mỹ Q9
219	734901	VHX Tân Thạnh Đông	ấp 1 Tân Thạnh Đông Củ Chi
220	733200	VHX Tân Thạnh Tây	ấp 3A Tân Thạnh Tây Củ Chi.
221	734001	VHX Phú Mỹ Hưng	ấp Phú Lợi Phú Mỹ Hưng Củ Chi
222	734500	VHX Thái Mỹ	Bình Thượng 2 xã Thái Mỹ Củ Chi
223	738601	VXH Tân Nhựt	B13/265A ,Đường Thê Lữ, Ấp II, Tân Nhựt, Bình Chánh
224	739300	VHX Đa Phước	Ấp 5, Xã Đa Phước, Bình Chánh
225	738101	VHX Vĩnh Lộc B	Ấp 5, Xã Vĩnh Lộc B, Bình Chánh
226	716200	VHX Phú Hữu	884 Nguyễn Duy Trinh, P. Phú Hữu, Q.9
227	759200	VHX Thạnh An	Ấp Thạnh Hòa, Xã Thạnh An, Cần Giờ
228	759400	VHX Lý Nhơn	Đường Dương Văn Hạnh ấp Lý Thái Bửu xã Lý Nhơn, Cần giờ
229	759500	VHX An Thới Đông	Đường Quảng Xuyên Ấp An Hòa, xã An Thới Đông, Cần Giờ
230	727025	BC KHL NGUYỄN OANH	185B Nguyễn Oanh, P10 GV TP HCM

231	740165	BC KHL CHỢ LỚN 1	270 Bis Lý Thường Kiệt P14 Q10 TPHCM
232	760135	KHL Tân Quý	42 Tân Quý, P. Tân Quý, Q. Tân Phú TP HCM
233	749575	KHL CHỢ LỚN 2	26 Nguyễn Thi P13 Q5 TPHCM
234	733070	BCP An Nhơn Tây	1468 TL7 Ấp Chợ Củ, Xã An Nhơn Tây, Củ Chi.
235	759820	BCP Bình Khánh	Đường Rừng Sát, ấp Bình Phước, X. Bình Khánh, H. Cần Giờ
236	763430	BC KHL BÌNH TÂN	27 LỘ TỄ, PHƯỜNG TÂN TẠO A, QUẬN BÌNH TÂN, TPHCM
237	729635	BC Hà Huy Giáp	65/4, Khu phố 3, phường Thạnh Xuân, , Quận 12, Tp.HCM
238	731025	Phát Hóc Môn B	57/7 Lý Nam Đế Thị Trấn Hóc Môn TPHCM
239	756070	BCP Quận 7 B	697 Huỳnh Tấn Phát Phường Phú Mỹ quận 7
240	710235	KHL SÀI GÒN	125 HAI BÀ TRUNG P. BẾN NGHÉ Q1
241	734400	VHX Phước Hiệp	Ấp Phước Hòa, Xã Phước Hiệp, Huyện Củ Chi
242	734201	VHX Trung Lập Thượng	Ấp Sa Nhỏ, Xã Trung Lập Thượng, Huyện Củ Chi
243	734600	VHX Tân An Hội	Ấp Tam Tân, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi
244	718130	PTI SÀI GÒN	24C PHAN ĐĂNG LƯU P6 BÌNH THẠNH TPHCM
245	763160	TÊN LỬA	232 Tên Lửa, Bình Trị Đông B, Bình Tân, TPHCM
246	747160	LÝ CHIÊU HOÀNG	55 LÝ CHIÊU HOÀNG P10 Q6 HCM
247	729160	Nguyễn Văn Quá	732A Nguyễn Văn Quá, Đông Hưng Thuận, Q12, TPHCM

248	746768	PHÚ LÂM	76 ĐƯỜNG SỐ 10 P13 Q6
249	731071	Bưu cục KHL Hóc Môn	57/7 Lý Nam Đế, Thị trấn Hóc Môn, HM, TPHCM
250	739115	BCP HƯNG LONG	C22B/20 ĐOÀN NGUYỄN TUÂN, XÃ HƯNG LONG, HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP.HCM
251	721068	Phát Bình Chiểu	936 Tỉnh lộ 43 P.Bình Chiểu Thủ Đức TPHCM
252	721187	Phát Bình Triệu	178 Quốc Lộ 13 Hiệp Bình Chánh Thủ Đức TPHCM
253	720389	Phát Linh Trung	16 đường 4 P.Linh Trung Thủ Đức TPHCM
254	715330	Phát Phú Hữu	884 Nguyễn Duy Trinh Phú Hữu Quận 9 TPHCM
255	715143	KHL Quận 9	97 Man Thiện Hiệp Phú Quận 9 TPHCM
256	721344	KHL Thủ Đức	128A Vạn Cân Trường Thọ Thủ Đức TPHCM
257	756922	Tân Hưng	60 D 1 P Tân Hưng Quận 7
258	739320	BCP Vĩnh Lộc	Đường Vĩnh Lộc, ấp 5, xã Vĩnh Lộc B, Bình Chánh
259	762750	BCP An Lạc	A1/70 Trần Đại Nghĩa, Tân Tạo, Bình Tân. A1/70 Trần Đại Nghĩa, Tân Tạo, Bình Tân.
260	764610	BCP Gò Xoài	SA3-04 Đường số 1 KDC Vĩnh Lộc, BHH B, Bình Tân.
261	756340	BCP Tân Hưng	60 D 1 P Tân Hưng Q7
262	734100	BĐVHX Trung Lập Hạ	Ấp Xóm Mới xã Trung Lập Hạ - Củ Chi
263	762742	Gò Mây	SA3-04 Đường Số 1, Khu dân cư Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân
264	762530	Gò Xoài	114 Đường Gò Xoài, Phường Bình Hưng Hòa A, Bình Tân

265	721262	Hiệp Bình Phước	65B Đường Hiệp Bình Phường Hiệp Bình Phước Quận Thủ Đức
266	716323	Trường Thạnh	416/12 Đường Lã Xuân Oai Phường Long Trường Quận 9
267	729033	Trung Mỹ Tây	A4, Tổ 25, Khu phố 2, Trung Mỹ Tây, Q12
268	738500	VHX Bình Lợi	C4/125/lấp 3 đường Vườn Thơm Bình Lợi Bình Chánh
269	739401	VHX Phong Phú	C4/46A, Ấp 3, Xã Phong Phú, Bình Chánh
270	738301	VHX Lê Minh Xuân	C6/11 Ấp 3 Xã Lê Minh Xuân, Bình Chánh
271	738333	VHX Láng Le	A9/7/8 Ấp 1, Xã Lê Minh Xuân, Bình Chánh
272	738412	VHX Phạm Văn Hai	Xã Phạm Văn Hai, Bình Chánh
273	739101	VHX Hưng Long	C22B/20 ấp 3 Đoàn Nguyễn Tuân Hưng Long Bình Chánh
274	742500	BCP Logistics	270 BIS LÝ THƯỜNG KIỆT P14 Q10
275	729732	KHL Ngã Tư Ga	160 Hà Huy Giáp P. Thạnh Lộc Quận 12 TPHCM
276	760717	Lũy Bán Bích	585 LŨY BÁN BÍCH, P.PHÚ THẠNH, Q.TÂN PHÚ
277	727823	BCP Gò Vấp C	185 B Nguyễn Oanh P10 Gò Vấp TPHCM
278	756031	KHL Nam Sài Gòn	1441 Huỳnh Tấn Phát KP1 Phú Mỹ Q7 TPHCM
279	738015	KHL Bình Chánh	E9/37 Nguyễn Hữu Trí, Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh
280	761407	BCP Tân Phú B	232/22 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú
281	731722	Phan Văn Hớn	23/3B Phan Văn Hớn Ấp 7 Xã Xuân Thới Thượng Hóc Môn

282	731624	VHX Xuân Thới Sơn	Đường Nguyễn Văn Bứa 6 Xã Xuân Thới Sơn Hóc Môn TPHCM
283	726095	Phổ Quang	137 Phổ Quang, Phường 9, Phú Nhuận TPHCM
284	720438	Linh Xuân	53 Đường 11, phường Linh Xuân, Thủ Đức
285	736114	KHL Ba Vì	36 Bis Ba Vì, Phường 4, Tân Bình
286	733801	VHX An Nhơn Tây	Ấp Lô 6 xã An Nhơn Tây - Củ Chi
287	756447	Lý Phục Man	62 Đường Lý Phục Man, phường Bình Thuận, Quận 7
288	715963	Tăng Nhơn Phú	192 Dương Đình Hội, P. Phước Long B, Q9
289	717244	Văn Thánh	76 đường D1, Phường 25, Bình Thạnh
290	752702	Tạ Quang Bửu	948B Tạ Quang Bửu P5 Q8 TPHCM
291	764607	BCP Trung Tâm Bình Tân	27 Lộ Tẻ, Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh
292	700920	Khai thác Nội tỉnh	270 bis Lý Thường Kiệt Phường 14 Quận 10 Tp. Hồ Chí Minh.
293	760551	Vườn Lài	330 Vườn Lài Phường Phú Thọ Hòa Quận Tân Phú
294	733038	KHL CỬ CHI	174 Tỉnh lộ 8 khu phố 2 thị trấn Củ Chi
295	729051	phát Quận 12C	Khu phố 3A, Hà Huy Giáp, Thạnh Lộc Q12 TPHCM
296	752427	Phạm Thế Hiển	2482/1 Phạm Thế Hiển P.7 Q.8 TP.HCM
297	751938	Phát 8B	004 LÔ H CHUNG CƯ ĐỒNG ĐIỀU ĐƯỜNG 152 CAO LỖ P4 Q8
298	734320	BCP Tân Phú Trung	Số 912, Đường Quốc Lộ 22, Ấp Đình, Xã Tân Phú Trung Huyện Củ Chi

299	758408	KCN Hiệp Phước	D8C Đường 11 - KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè
300	713156	Phát Quận 2B	130 Vũ Tông Phan, P.An Phú, Q.2, TP.HCM
301	735001	VHX Bình Mỹ	Ấp 6 xã Bình Mỹ - Củ Chi
302	733500	VHX Phú Hòa Đông	Ấp Phú Hiệp xã Phú Hòa Đông - Củ Chi
303	710548	Đình Tiên Hoàng	18 Đường Đình Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1
304	712163	Lê Thị Hồng Gấm	150 Đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1
305	755071	Vĩnh Hội	139-141 Đường Vĩnh Hội, Phường Số 4, Quận 4
306	734631	BC Tây Bắc Củ Chi	KCN Tây Bắc ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi
307	760212	Tân Thắng	Khối E, Khu đô thị Celadon, C/C Ruby, đường Bờ Bao Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Q.Tân Phú.
308	729052	phát Tân Chánh Hiệp	416 Đường TCH10 (Trần Thị Năm), tổ 5, KP10, phường Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM
309	746446	Tân Hòa Đông	178A1 Tân Hòa Đông, P14 Q6 TPHCM
310	758118	Lê Văn Lương	976 Lê Văn Lương Phước Kiểng Nhà Bè
311	756923	BC Him Lam	25 đường 14, KDC Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, TP HCM.
312	756032	BC Phạm Hữu Lầu	252A Phạm Hữu Lầu, phường Phú Mỹ, Quận 7, TP HCM.
313	736923	Phạm Văn Bạch	134 Phạm Văn Bạch, P.15, Q.Tân Bình
314	729521	Thới An	548 Lê Văn Khương KP7 Phường Thới An Q12 TPHCM
315	756036	KHL Phú Mỹ Hưng	1441 Huỳnh Tấn Phát, KP1, Phường Phú Mỹ, Quận 7, TP HCM

316	731228	BCP Xuân Thới Đông	Lô E33 ấp Mỹ Hòa xã Xuân Thới Đông, Hóc Môn, TPHCM
317	726096	HỒ VĂN HUÊ-2	43 HỒ VĂN HUÊ PHƯỜNG 9 PHÚ NHUẬN TPHCM
318	739551	PHẠM HÙNG	C3/15 PHẠM HÙNG, ÁP 4, BÌNH HUNG, BÌNH CHÁNH
319	717866	Nguyễn Văn Đậu	185A, Đường Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, Bình Thạnh, TP HCM.
320	717344	Chu Văn An	195 Chu Văn An, P26, Q. Bình Thạnh, TPHCM
321	756336	Tân Mỹ	74 Đường số 9 Phường Tân Phú Quận 7
322	746974	BCP Quận 6B	178A1 ĐƯỜNG TÂN HÒA ĐÔNG
323	736843	BCP TÂN BÌNH B	2B/2 BẠCH ĐẰNG P2 QUẬN TÂN BÌNH
324	749099	Hồng Bàng	313 Hồng Bàng P.11 Q.5
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	790000	Vũng Tàu	408 Lê Hồng Phong, TP Vũng Tàu
2	791000	Bãi Sau	64 Võ Thị Sáu, P2, TP V.Tàu
3	791080	Bãi Trước	156 Hạ Long, P1, TP V.Tàu
4	791870	Phước Thắng	1230 đường 30/4, P12, TP V.Tàu
5	793730	Thắng Nhất	382 đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP V.Tàu
6	792001	5 Tầng	02 Nguyễn Thái Học, P7, TP V.Tàu

7	792370	Bến Đình	295 Nguyễn An Ninh, P7, TP V.Tàu
8	792810	Chí Linh	100 Nguyễn Hữu Cảnh, P9, TP V.Tàu
9	793210	Nguyễn Văn Trỗi	19A Nguyễn Văn Trỗi, P4, TP V.Tàu
10	793420	Bến Đá	480 Trần Phú, P5, TP V.Tàu
11	793540	Chợ Cũ	62 Trung Trắc, P1, TP V.Tàu
12	795100	BĐTX Bà Rịa	100 đường 27/4 P.Phước Hiệp, TX Bà Rịa
13	793190	Long Sơn	Thôn 1, Xã Long Sơn, TP Vũng Tàu.
14	795210	Kim Hải	85 QL51 Kim Hải, Kim Dinh, TX Bà Rịa
15	795240	Chợ Bà Rịa	TT Thương Mại Chợ Bà Rịa TX Vũng Tàu
16	795170	Hoà Long	Ấp Nam Hoà long TX Bà Rịa
17	795120	Gò Cát	Phường Long Tân TX Bà Rịa
18	795121	Long Toàn	Đường CMT8 long toàn TX Bà Rịa
19	794300	BĐH Côn Đảo	Số 48 Nguyễn Huệ Huyện Côn Đảo
20	794310	Bến Đầm	Cảng Bến Đầm, Côn Đảo
21	794400	BĐH Long Điền	268 Võ Thị Sáu, KP Long Tân, TT Long Điền
22	794490	Long Hải	Hải Sơn, Long Hải, Long Điền.
23	794510	Phước Tỉnh	Tổ 1, Phước Tân, Phước Tỉnh, Long Điền

24	794470	Lò Vôi	Tổ 8, Lò Vôi, Long Điền
25	794800	Xuyên Mộc	QL55 TT Phước Bửu, Xuyên Mộc
26	794870	Hòa Hiệp	Xã Hòa Hiệp, Huyện Xuyên Mộc.
27	794910	Hòa Bình	Xã Hòa Bình, Huyện Xuyên Mộc.
28	794940	Bàu Lâm	Xã Bàu Lâm, Huyện Xuyên Mộc.
29	795010	Bình Châu	Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc.
30	795000	Bưng Riềng	Ấp 3 Bưng Riềng Huyện Xuyên Mộc
31	794970	Phước Thuận	Hồ Tràm Phước Thuận Huyện Xuyên Mộc
32	795600	BĐH Tân Thành	QL51 Nguyễn Tất Thành, TT Phú Mỹ, Tân Thành.
33	795620	Phú Mỹ	QL51, TT Phú Mỹ, Huyện Tân Thành.
34	795630	Mỹ Xuân	Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành.
35	795640	Mỹ Xuân A	KCN Mỹ Xuân A, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành.
36	795660	Hắc Dịch	Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành.
37	795740	Phước Hòa	Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành.
38	795750	Hội Bài	Xã Tân Hòa, Huyện Tân Thành
39	795300	BĐH Châu Đức	23 Lê Hồng Phong, TT Ngãi Giao, Châu Đức
40	795360	Sơn Bình	Sơn Lập, Sơn Bình, Huyện Châu Đức.

41	795400	Suối Nghệ	Đường số 1, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức.
42	795450	Kim Long	Tổ 16, Hưng Long, Xã Kim Long, Huyện Châu Đức.
43	795510	Láng Lớn	Sông xoài 3 Láng lớn Huyện Châu Đức
44	794600	BDH Đất Đỏ	Khu phố Thanh Long, Thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ,
45	794650	Phước Hải	Xã Hải Trung, TT Phước Hải, Huyện Đất Đỏ.
1	795310	Phát Châu Đức	114 Trần Hưng Đạo - Thị trấn Ngãi Giao
2	794350	Phát Côn Đảo	Số 48 Nguyễn Huệ - Côn Đảo
3	794550	Phát Long Điền	268 Võ Thị Sáu - khu phố Long Tân - Thị trấn Long Điền
4	795770	Phát Tân Thành	Đường Nguyễn Tất Thành - Thị trấn Phú Mỹ
5	794840	Phát Xuyên Mộc	250 Quốc lộ 55 - Thị trấn Phước Bửu
6	795260	Phát TP.Bà Rịa	100 Đường 27/4 - Phường Phước Hiệp - TP.Bà Rịa
7	791170	Phát TP.Vũng Tàu	408 Lê Hồng Phong - Phường Thắng Tam - TP.Vũng Tàu
8	794720	Phát Đất Đỏ	Khu phố Thanh Long - Thị trấn Đất Đỏ
46	793970	KHL Vũng Tàu	408 Lê Hồng Phong - Phường Thắng Tam - TP.Vũng Tàu
47	796320	Bưu cục Trung tâm Hành chính	4 Phạm Văn Đồng, Phường Phước Trung TP Bà Rịa, tỉnh BRVT
48	795780	Bưu cục KHL Tân Thành	Số 03 Nguyễn Tất Thành, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
49	793980	Bưu cục TMĐT Vũng Tàu	Số 408 Lê Hồng Phong, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu

50	793650	Bưu cục Phường 1	56 Trưng Trắc, phường 1 TP Vũng Tàu
51	794080	Bưu cục 18 Tầng	A7 - 4/4 Trung tâm Đô thị Chí Linh, phường Nguyễn An Ninh TP Vũng Tàu
52	795790	Bưu cục Sông Xoài	Tổ 6 Ấp 3 xã Sông Xoài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
53	795810	Bưu cục Tân Phước	Tổ 4 Ấp Ông Trịnh xã Sông Xoài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
54	793990	HCC TP Vũng Tàu	408 Lê Hồng Phong Phường Thắng Tam TP Vũng tàu
55	795290	HCC TP Bà Rịa	100 Đường 24/7 Phường Phước Hiệp TP Bà Rịa
56	795180	VHX Long Phước	BĐ TP Bà Rịa
57	794464	VHX An Nhứt	BĐ Huyện Long Điền
58	795700	VHX Châu Pha	BĐ Huyện Tân Thành
59	795690	VHX Tóc Tiên	BĐ Huyện Tân Thành
60	795490	VHX Xà Bang	BĐ Huyện Châu Đức
61	795520	VHX Cù Bị	BĐ Huyện Châu Đức
62	795420	VHX Nghĩa Thành	BĐ Huyện Châu Đức
63	795390	VHX Bình Ba	BĐ Huyện Châu Đức
64	794690	VHX Long Tân	BĐ Huyện Đất Đỏ
65	794634	VHX Phước Hội	BĐ Huyện Đất Đỏ
66	795430	VHX Đá Bạc	Thôn Phú Sơn, xã Đá Bạc

67	795320	VHX Bình Giã	Ấp Nghi Lộc, xã Bình Giã
68	794684	VHX Láng Dài	Ấp Thanh An, xã Láng Dài
69	794670	VHX Lộc An	Ấp An Hoà, xã Lộc An
70	794456	VHX Tam Phước	Ấp Phước Lăng, xã Tam Phước
71	794830	VHX Xuyên Mộc	Ấp Nhân Tiến, xã Xuyên Mộc
72	794930	VHX Hòa Hưng	Ấp 01, xã Hoà Hưng
73	794990	VHX Bông Trang	Ấp 01 Trang Hùng, xã Bông Trang
74	794850	VHX Hòa Hội	Ấp 03, xã Hoà Hội
75	795291	KHL TP Bà Rịa	Số 100 đường 27/4, Phường Phước Hiệp, TP Bà Rịa
TỈNH BÌNH THUẬN			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	800000	Phan Thiết 1	19 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bình Hưng
2	800100	Lê Hồng Phong	02 Đường Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh
3	801000	Ngã 7	01 Đường Nguyễn Văn Cừ-, Phường Đức Nghĩa
4	801100	Mũi Né	Khu phố 6, Phường Mũi Né
5	801900	Bắc Bình	96 Đường Nguyễn Tất Thành, Thị Trấn Chợ Lầu
6	802130	Lương Sơn	Thôn Lương Tây, Xã Lương Sơn

7	802300	Tuy Phong	Đường 17/4 Tuyến 1, Thị Trấn Liên Hương
8	802450	Phan Rí Cửa	11 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Thị trấn Phan Rí Cửa
9	802800	Hàm Thuận Bắc	Thôn 3, Thị Trấn Ma Lâm
10	802820	Phú Long	Thôn Phú An, Thị Trấn Phú Long
11	803100	Hàm Thuận Nam	Thôn Nam Thành, Thị Trấn Thuận Nam
12	803400	Tánh Linh	Thôn Lạc Hoá 1, Thị Trấn Lạc Tánh
13	803490	Măng Tố	Thôn 2, Xã Bắc Ruộng
14	803700	Đức Linh	Thôn 1, Thị Trấn Võ Xu
15	803830	Đức Tài	Thôn 9, Thị Trấn Đức Tài
16	804000	Hàm Tân	Thôn Nghĩa Hiệp, Thị trấn Tân Nghĩa
17	804120	Tân Minh	Khu phố 3, Thị Trấn Tân Minh
18	804130	Tân Đức	Thôn 1, Xã Tân Đức
19	804400	Phú Quý	Thôn Quý Thạnh, Xã Ngũ Phụng
20	804600	La Gi	388 Thống Nhất,Khu phố 2, Phường Tân An
21	804610	Phước Hội	180 Lê Lợi, Khu phố 3, Phường Phước Hội
22	803150	Hàm Mỹ	KM7, xã Hàm Mỹ,
23	803180	Mương Mán	Thôn Đại Thành, xã Mương Mán

24	800200	Tổ dịch vụ(tổ Nghiệp vụ)	19 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bình Hưng
25	803130	Hàm Cường	Thôn Phú Cường, xã Hàm Cường, Hàm Thuận Nam
26	802430	Chí Công	Thôn Thanh Lương, xã Chí Công, Tuy Phong
27	802370	Vĩnh Tân	Thôn Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Tân, Tuy Phong
28	803760	Sùng Nhơn	Thôn 2, Xã Sùng Nhơn, Đức Linh, Bình Thuận
29	803880	Trà Tân	Thôn 1A, Xã Trà Tân, Đức Linh, Bình Thuận
30	802190	Bình Tân	Thôn Bình Sơn - Bình Tân - BB
31	801970	Phan Rí Thành	Thôn Bình Thủy - Phan Rí Thành
32	804160	Tân Thắng	Thôn Gò Găng - Tân Thắng - Hàm Tân
33	804150	Sơn Mỹ	Thôn 2 - Sơn Mỹ - Hàm Tân
34	803540	Gia An	Thôn 3 Gia An Tánh Linh
35	803460	Đồng Kho	Thôn 2 Đồng Kho Tánh Linh
36	801580	VHX Đức Long	Số 9 Trương Văn Ly, Đức Long, Phan Thiết
37	803030	Hàm Hiệp	Thôn Đại Thiện, xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc
38	804060	Tân Xuân	Xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân
39	804140	Tân Phúc	Xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân
1	801060	BCP Phan Thiết	19 Nguyễn Tất Thành, P. Bình Hưng TP Phan Thiết tỉnh Bình Thuận

2	802890	BCP Hàm Thuận Bắc	KP Lâm Hòa, TT Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận
3	804630	BCP La Gi	388 Thống nhất, Tân An, thị xã Lagi , tỉnh Bình Thuận
4	804440	BCP Phú Quý	212 Hùng Vương, thôn Quý Thạnh, xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý, Bình Thuận
5	803230	BCP Hàm Thuận Nam	295 Trần hưng Đạo, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận
6	802440	BCP Tuy Phong	đường 17/4 Liên hương, Huyện Tuy Phong Bình Thuận
7	803520	BCP Tánh Linh	534 Trần Hưng Đạo, TT Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận
8	803770	BCP Đức Linh	Khu phố 1, TT Võ xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận
9	804030	BCP Hàm Tân	Khu phố 2, TT Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận
40	801070	Tổ tiếp thị bán hàng	19 Nguyễn Tất Thành, P. Bình Hưng TP Phan Thiết tỉnh Bình Thuận
41	801090	Hàm Tiến	Khu phố 3, Phường Hàm Tiến, Thành phố Phan Thiết
42	802000	Hải Ninh	46 Trưng Nữ Vương , Xã Hải Ninh, Huyện Bắc Bình
43	804870	Tân Hải	Thôn Hiệp Hoà, Xã Tân Hải, Thị xã La Gi
44	801960	Phát Bắc Bình	96 Nguyễn Tất Thành TT Chợ Lầu, Bắc Bình
45	801055	VP BDT Bình Thuận	19 Nguyễn Tất Thành TP Phan Thiết Tỉnh Bình Thuận
46	801430	Bến Lội	242 đường 19/4 TP Phan Thiết Tỉnh Bình Thuận
47	801091	Nguyễn Đình Chiêu	45 Nguyễn Đình Chiêu TP Phan Thiết Tỉnh Bình Thuận
48	803240	VHX Tân Thuận	Thôn Hiệp Nhơn, Xã Tân Thuận, Huyện Hàm Thuận Nam

49	803570	VHX Suối Kiết	Thôn 4, xã Suối Kiết, Huyện Tánh linh
50	804410	VHX Long Hải	Thôn Quý Hải, Xã Long Hải, Huyện Phú Quý
51	804420	VHX Tam Thanh	Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý
52	804840	VHX Hàm Đức	Thôn 3, Xã Hàm Đức, Huyện Hàm Thuận Bắc
53	801420	VHX Xuân An 2	272 Nguyễn Hội, Phú trình, Phan Thiết
54	803440	VHX Đức Bình	thôn 3 xã Đức Bình huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận
55	803530	VHX Đức Phú	thôn 2 xã Đức Phú huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận
56	804750	VHX Bình Tân	86 Nguyễn Trãi, Phường Bình Tân, Thị Xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận
57	804171	VHX Tân Thắng	Thôn Thắng Hải Xã Thắng hải Huyện Hàm Tân Tỉnh Bình Thuận
58	802150	VHX Sông Lũy 3	Thôn 2 Xã Sông Lũy Huyện Bắc Bình Tỉnh Bình Thuận
59	803170	VHX Thuận Quý	Thôn Thuận Minh, xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận
60	801990	VHX Phan Hòa	Thôn Bình Minh xã Phan Hòa huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận
61	802040	VHX Bình An	Thôn An Trung xã Bình An huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận
62	802200	VHX Hòa Thắng 3	Thôn Hồng Chính xã Hòa Thắng huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận
63	802650	VHX Hòa Phú	Thôn Phú Thủy Xã Hòa Phú huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận
64	802420	VHX Hòa Minh	Thôn Lâm Lộc 1 Hòa Minh huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận
65	803260	VHX Tân Thành	Thôn Văn Kê xã Tân Thành huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận

66	804100	VHX Sông Phan	Thôn An Vinh, Xã Sông Phan , Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận
67	803470	VHX Huy Khiêm	Thôn 6, Xã Huy Khiêm, Huyện Tánh Linh, Tỉnh Bình Thuận
68	803510	VHX Nghị Đức	Thôn 1, Xã Nghị Đức, Huyện Tánh Linh, Tỉnh Bình Thuận
69	803890	VHX Đông Hà	Thôn 2A, Xã Đông Hà, Huyện Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận
70	802350	VHX Phước Thê	Thôn 1 Xã Phước Thê Huyện Tuy Phong
71	803850	VHX Đức Hạnh 1	Thôn 3 Xã Đức Hạnh Huyện Đức Linh Tỉnh Bình Thuận
72	803860	VHX Đức Tín	Thôn 8 Xã Đức Tín Huyện Đức Linh Tỉnh Bình Thuận
73	803720	VHX Vũ Hòa 2	Thôn 4 Xã Vũ Hòa Huyện Đức Linh Tỉnh Bình Thuận
74	803780	VHX Đa Kai 2	Thôn 5 Xã ĐaKai Huyện Đức Linh Tỉnh Bình Thuận
75	804070	VHX Tân Hà	Thôn Đông Hòa, xã Tân Hà, Huyện Hàm Tân Tỉnh Bình Thuận
76	802920	VHX Thuận Hòa	Thôn Dân Trí, xã Thuận Hòa Huyện Hàm Thuận bắc Tỉnh Bình Thuận
77	803701	VHX Võ Xu	Khu phố 5 Thị trấn Võ Xu Huyện Đức Linh Tỉnh Bình Thuận
78	803140	VHX Hàm Kiệm	thôn Dân Hiệp xã Hàm Kiệm huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận
79	803190	VHX Hàm Thạnh	thôn Dân Cường xã Hàm Thạnh huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận
80	802090	VHX Hồng Thái	thôn Thái Hiệp xã Hồng Thái huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận
81	803011	VHX Hàm Liêm 1	Thôn 3 Xã Hàm Liêm Huyện Hàm Thuận Bắc Tỉnh Bình Thuận
82	802860	VHX Hàm Thắng 2	Thôn Thắng Hòa Xã Hàm Thắng Huyện Hàm Thuận Bắc Tỉnh Bình Thuận

83	803820	VHX Đức Chính	Thôn 2 Xã Đức Chính Huyện Đức Linh Tỉnh Bình Thuận
84	803740	VHX Mê Pu	Thôn 2 Xã Mê pu Huyện Đức Linh Tỉnh Bình Thuận
85	803800	VHX Nam Chính	Thôn 3 Xã Nam Chính Huyện Đức Linh Tỉnh Bình Thuận
86	803500	VHX Đức Tân	Thôn 3 xã Đức Tân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận
87	803480	VHX Bắc Ruộng	Thôn 3 xã Bắc Ruộng huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận
88	803560	VHX Gia Huynh 1	Thôn 3 xã Gia Huynh huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận
89	802660	VHX Bình Thạnh	thôn 2 xã Bình Thạnh huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận
90	802360	VHX Vĩnh Hảo	thôn Vĩnh Sơn xã Vĩnh Hảo huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận
91	802202	VHX Hòa Thắng 2	thôn Hồng Thắng xã Hòa Thắng huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận
92	802930	VHX Hàm Phú	xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận
93	804709	VHX Tân Thiện	đường Đinh Bộ Lĩnh, thị xã LaGi, tỉnh Bình Thuận
94	804910	VHX Tân Tiến	474 Lý Thái Tổ, thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã LaGi, tỉnh Bình Thuận
95	804890	VHX Tân Phước	thôn Hồ Tôm, đường Lê Minh Công xã tân Phước, thị xã LaGi, tỉnh Bình Thuận
96	801700	VHX Tiến Lợi	thôn Tiến Phú xã Tiến Lợi TP Phan Thiết tỉnh Bình Thuận
97	801056	HCC Phan Thiết	24 Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
98	803120	VHX Hàm Minh	xã Hàm Minh huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận
99	801800	BCP Hàm Tiến	349 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hàm Tiến, TP Phan Thiết, Bình Thuận

100	802940	VHX Đông Giang	xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận
101	803430	VHX Đức Thuận	xã Đức Thuận, huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận
102	802050	VHX Phan Tiến	Thôn Tiến Đạt xã Phan Tiến huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận
103	802080	VHX Phan Lâm	Thôn 1 xã Phan Lâm huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận
104	802201	VHX Hòa Thắng 1	Thôn Hồng Lâm xã Hòa Thắng huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận
105	803421	VP Tánh Linh	451 Trần Hưng Đạo, thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận
106	801945	VP Bắc Bình	96 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
107	802180	VHX Hồng Phong	thôn Hồng Thịnh, xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
108	802900	VHX Hồng Liêm	xã Hồng Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận
109	803401	VHX Lạc Tánh	khu phố Tân Thành thị trấn Lạc tánh huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận
110	802449	Liên Hương	số 50 đường 17/4, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận
111	802390	VHX Phong Phú 1	thôn Tuy Tịnh 1, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận
112	802391	VHX Phong Phú 2	thôn 1, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận
TỈNH ĐỒNG NAI			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	810000	TT GD Biên hòa	Số 1 đường 30/4 Phường Trung Dũng TP Biên Hòa
2	812690	Khu Công nghiệp	Lô 1 đường 2A Phường An Bình TP.Biên Hoà

3	812760	Long Bình Tân	Quốc lộ 15 KP Bình Dương Phường Long Bình Tân TP.Biên Hoà
4	811430	Tam Hiệp	KP 9 QL 15 Phường Tam Hiệp TP.Biên Hoà
5	811820	Hố Nai	KP 1 Tân Biên TP.Biên Hoà
6	811880	Tân Tiến	KP 6 Đường Đồng Khởi Phường Tân Tiến TP Biên Hòa
7	811980	Trảng Dài	KP 2 Đường Đồng Khởi Phường Trảng Dài TP.Biên Hoà
8	812630	Hoá An	28 Đường Nguyễn Ái Quốc Ấp Bình Hóa Xã Hoá An TP.Biên Hoà
9	811080	Quyết Thắng	01 Đường Nguyễn Thái Học Phường Quyết Thắng TP Biên Hòa
10	812200	Quang Vinh	30D CMT8 Phường Quang Vinh TP Biên Hòa
11	812610	Chợ Đồn	KP 2 QL 1B Phường Bửu Hoà TP.Biên Hoà
12	812660	Tân Vạn	A2 Bùi Hữu Nghĩa Tân Vạn TP.Biên Hoà
13	813700	BĐ H. Thống Nhất	Xã Bàu Hàm 2 Huyện Thống Nhất Đồng Nai
14	813740	Gia Kiệm	ấp Võ Đông Xã Gia Kiệm Huyện Thống Nhất
15	813200	BĐH Long Khánh	Đường Hùng Vương TX Long Khánh
16	813560	Xuân Tân	Khu 8 ấp Cẩm Tân xã Xuân Tân TX Long Khánh
17	816100	BĐH Cẩm Mỹ	Quốc lộ 56 Ấp Suối Râm Xã Long giao Huyện Cẩm Mỹ
18	816130	Sông Ray	ấp Suối Nhát Xã Xuân Đông Huyện Cẩm Mỹ
19	816110	Bảo Bình	ấp Tân Bảo Xã Bảo Bình Cẩm Mỹ

20	815000	BĐH Vĩnh Cửu	KP 5 Thị Trấn Vĩnh an Huyện Vĩnh Cửu
21	815110	Thanh Phú	ấp 3 Xã Thanh Phú Huyện Vĩnh Cửu
22	815070	Vĩnh Tân	ấp 2 Xã Vĩnh Tân Huyện Vĩnh Cửu
23	813900	BĐH Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray Huyện Xuân Lộc
24	813920	Xuân Tâm	Ấp 2 Xã Xuân Tâm H. Xuân Lộc
25	813940	Xuân Hưng	Ấp 2 Xã Xuân Hưng H. Xuân Lộc
26	813970	Xuân Trường 2	Ấp Trung Tín Xã Xuân Trường H. Xuân Lộc
27	814040	Xuân Bắc	Ấp 4B Xã Xuân Bắc H. Xuân Lộc
28	814080	Bảo Hòa	Ấp Hoà Hợp Xã Bảo Hoà H. Xuân Lộc
29	815800	BĐH Nhơn Trạch	Ấp Xóm Hố Xã Phú Hội Huyện Nhơn Trạch
30	815920	KCN Nhơn Trạch	ấp 4 Xã Hiệp Phước Huyện Nhơn Trạch
31	815810	Phước Thiện	Ấp Trầu Xã Phước Thiện Huyện Nhơn Trạch
32	815860	Đại Phước	Ấp Lý Lịch Xã Đại Phước Huyện Nhơn Trạch
33	814600	Tân Phú	Khu 10 QL 20 Thị Trấn Tân Phú Huyện Tân Phú
34	814830	Phú Lâm	ấp Phương Lâm 2 xã Phú Lâm Huyện Tân phú
35	814850	Phú Bình	ấp Phú Tân xã Phú Bình H. Tân phú
36	814790	Phú Lập	ấp 2 xã Phú Lập H. Tân phú

37	815300	BĐH Long Thành	Tổ 2 Khu phước hải Thị Trấn Long Thành Huyện long Thành
38	815460	Tam Phước	Ấp Long Khánh 2 Xã Tam Phước Huyện Long thành
39	815470	Long Đức	Ấp Long Đức 1 Xã Tam Phước Huyện Long thành
40	815650	Phước Thái	Ấp 1B Xã Phước Thái Huyện Long Thành
41	814200	BĐH Định Quán	Ấp Hiệp Tâm 1 Thị Trấn Định quán Huyện Định Quán
42	814390	La Ngà	ấp 4 xã La Ngà Huyện Định quán
43	814410	Phú Túc	Ấp Đồn điền 2- xã Túc Trung Huyện Định quán
44	814470	Phú Cường	Ấp Phú Tân xã Phú Cường Huyện Định quán
45	816400	BĐH Trảng Bom	Khu phố 3 Thị TrấnTrảng Bom Huyện Trảng Bom
46	816530	Đông Hoà	Ấp Quảng Đà Xã Đông Hoà Huyện Trảng Bom
47	816440	Bắc Sơn	Ấp Tân Thành Xã Bắc Sơn Huyện Trảng Bom
48	816410	Hố Nai 3	Ấp Thanh Hoá Xã Hố Nai 3 Huyện Trảng Bom
49	816430	Sông Mỹ	Ấp Sông Mỹ, xã Bắc Sơn, Trảng Bom
1	811240	BCP Biên Hòa	Số 33 Nguyễn Ái Quốc phường Quang Vinh Biên Hòa Đồng Nai
50	812930	KCN Amata	Ki ốt số 3, TTĐVKCN Amata, phường Long Bình, Biên Hòa
51	815530	Phước Tân	Số 33 Nguyễn Ái Quốc phường Quang Vinh Biên Hòa Đồng Nai
52	812260	BC KHL Biên Hòa	Số 33 Nguyễn Ái Quốc phường Quang Vinh Biên Hòa Đồng Nai

53	812270	Thương mại điện tử Biên Hòa	Số 33 Nguyễn Ái Quốc phường Quang Vinh Biên Hòa Đồng Nai
54	811810	Tân Hiệp	Kiot C1 – C2 – C3 – C4 đường Phạm Văn Khoai, Khu phố 5 phường Tân Hiệp, Biên Hòa Đồng Nai
55	812950	HCC Biên Hòa	33 Nguyễn Ái Quốc Biên Hòa Đồng Nai
56	812970	Hóa An	Đường Nguyễn Ái Quốc, ấp Bình Hóa, xã Hóa An Biên Hòa Đồng Nai
57	812940	Long Bình	837 đường Bùi Văn Hòa tổ 5 khu phố 7 phường Long Bình Biên Hòa Đồng Nai
58	812440	Bửu Long	Khu phố 4, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long Biên Hòa Đồng Nai
59	813960	VHX Xuân Hòa	Ấp 3, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai
60	814020	VHX Xuân Thọ	Ấp Thọ Chánh, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai
61	815150	VHX Tân Bình	Ấp Bình Phước xã Tân Bình huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
62	815380	VHX Bình Sơn	Thôn 1, xã Bình Sơn, Long Thành, Đồng Nai
63	815570	VHX An Hòa	Khu 4 ấp 1 xã An Hòa, Biên Hòa Đồng Nai
64	815590	VHX Long Phước	Ấp Phước Hòa, xã Long Phước, Long Thành, Đồng Nai
65	815921	VHX Hiệp Phước	Ấp IV, xã Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai
66	815160	VHX Bình Hòa	Ấp Bình Thạch, xã Bình Hòa, H. Vĩnh Cửu
67	815430	VHX An Phước	Ấp 1, xã An Phước, Long Thành, Đồng Nai
68	816510	VHX Tây Hòa	Ấp Nhân Hòa, xã tây Hòa, H. Trảng Bom
69	812670	Tân Hạnh	Đường Tỉnh lộ 16 xã Tân Hạnh TP Biên Hòa Đồng Nai

70	815900	Phú Thạnh	Ấp 3 xã Phú Thạnh huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai
71	816030	Phú Hữu	Ấp Cát Lái xã Phú Hữu huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai
72	815880	Phú Đông	Ấp Giồng Ông Đông xã Phú Đông huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai
73	816010	Phước Khánh	Ấp 1 xã Phước Khánh huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai
74	813810	Lộ 25	Ấp 2 - xã Lộ 25 - Thống Nhất tỉnh Đồng Nai
75	813721	Quang Trung	Ấp Nam Sơn xã Quang Trung - Thống Nhất
76	816470	Quảng Tiến	Ấp Quảng Biên xã Quảng Tiến -Trảng Bom-Đồng Nai
77	816570	Giang Điền	Ấp Xây Dựng Giang Điền-Trảng Bom-Đồng Nai
78	816490	Sông Trầu	Ấp 5 Sông Trầu Trảng Bom Đồng Nai
79	816460	Bình Minh	Ấp Trà Cỏ Xã Bình Minh Trảng Bom Đồng Nai
80	816550	Sông Thao	Ấp Thuận Hòa Sông Thao Trảng Bom Đồng Nai
81	816560	Bàu Hàm	Ấp Tân Hợp Bàu Hàm Trảng Bom Đồng Nai
82	814010	Suối Cát	Suối Cát 1, Suối Cát, Xuân Lộc, Đồng Nai
83	814077	Xuân Phú	Bình Tân, Xuân Phú, Xuân Lộc, Đồng Nai
84	814100	Lang Minh	Thọ Chánh, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai
85	816290	Xuân Mỹ	Ấp Láng Lớn Xã xuân Mỹ - Huyện Cẩm Mỹ tỉnh Đồng Nai.
86	816210	Xuân Quế	Ấp 1 Xã Xuân Quế - Huyện Cẩm Mỹ tỉnh Đồng Nai.

87	816259	Thừa Đức	Ấp 3 Xã Thừa Đức - Huyện Cẩm Mỹ tỉnh Đồng Nai.
88	816147	Xuân Đông	Ấp Bể Bạc Xã Xuân Đông - Huyện Cẩm Mỹ tỉnh Đồng Nai.
89	814870	Phú Thanh	Thọ lâm 3 Phú Thanh Tân Phú- Đồng Nai
90	814710	Nam Cát Tiên	ấp 1 Nam Cát Tiên - Tân Phú_ Đồng Nai
91	813530	Bình Lộc	Tổ 1 Ấp 1 Xã Bình Lộc TX Long Khánh Đồng Nai
92	813500	Xuân Lập	Ấp Trung Tâm Xã Xuân Lập TX Long Khánh Đồng Nai
93	813490	Hàng Gòn	Ấp Hàng Gòn Xã Hàng Gòn TX Long Khánh Đồng Nai
94	814360	Gia Canh	Ấp 3 Gia Canh huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai
95	814320	Thanh Sơn	Ấp 2 Thanh Sơn huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai
96	814450	Suối Nho	Ấp 1 Suối Nho huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai
97	815400	Bình An	Ấp An Viễn xã Bình An huyện Long Thành Đồng Nai
98	815420	Long Đức	khu 13 xã Long Đức huyện Long Thành Đồng Nai
99	815340	Long An	Ấp 2 xã Long An huyện Long Thành Đồng Nai
100	815410	Lộc An	Ấp Bình lâm xã Lộc An huyện Long Thành Đồng Nai
101	815610	Bàu Cạn	Ấp 4 xã Bàu Cạn huyện Long Thành Đồng Nai
102	815680	Phước Bình	Ấp 2 xã Phước Bình huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai
103	815370	Cẩm Đường	ấp Cẩm đường xã Cẩm đường huyện Long Thành Đồng Nai

104	815850	VHX Long Tân	Ấp Vĩnh Tuy xã Long Tân huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai
105	815960	VHX Long Thọ	Ấp 4 xã Long Thọ huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai
106	813990	VHX Xuân Thành	Tân Hữu, Xuân Thành, Xuân Lộc Đồng Nai
107	814008	VHX Suối Cao	Phượng Vĩ, Suối Cao, Xuân Lộc Đồng Nai
108	815043	VHX Trị An	Ấp 1 Trị An Vĩnh Cửu Đồng Nai
109	815050	VHX Tân An	Ấp 2 Tân An Vĩnh Cửu Đồng Nai
110	815090	VHX Thiện Tân	Ấp 6-7 Thiện Tân Vĩnh Cửu Đồng Nai
111	815170	VHX Mã Đà	Ấp 1 Mã Đà Vĩnh Cửu Đồng Nai
112	815190	VHX Hiếu Liêm	Ấp 3 Hiếu Liêm Vĩnh Cửu Đồng Nai
113	816610	VHX Thanh Bình	Ấp Trung Tâm xã Thanh Bình-Trảng Bom-Đồng Nai
114	816600	VHX Cây Gáo	Ấp Tân Lập 1 xã Cây Gáo -Trảng Bom-Đồng Nai
115	816520	VHX Trung Hòa	Khu 6 Ấp Bàu Cá xã Trung Hòa Trảng Bom Đồng Nai
116	816590	VHX Đồi 61	Ấp Tân Hưng Đồi 61 Trảng Bom Đồng Nai
117	814750	VHX Núi Tượng	Ấp 4 Núi tượng Tân Phú - Đồng Nai
118	814730	VHX Phú Lộc	Ấp 4 Phú Lộc Tân Phú - Đồng Nai
119	814690	VHX Phú An	Ấp 7 Phú An Tân Phú -Đồng Nai
120	814680	VHX Phú Sơn	Ấp 3 Phú Sơn Tân Phú- Đồng Nai

121	816150	VHX Xuân Tây	Ấp 1 Xuân Tây Cẩm mỹ Đồng Nai
122	816190	VHX Lâm San	Ấp 1 Lâm San Cẩm Mỹ Đồng Nai
123	816101	VHX Xuân Bảo	Ấp Tân Mỹ Xuân Bảo Cẩm Mỹ Đồng Nai
124	816233	VHX Sông Nhạn	Ấp 2 Sông Nhạn Cẩm Mỹ Đồng Nai
125	813570	VHX Bảo Quang	Tổ 3 Ấp 18 Gia Đình Xã Bảo Quang TX Long Khánh
126	816450	An Chu	Thôn Tây Lạc, ấp An Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
127	811070	BCP Biên Hòa 3	620/56 Tổ 8 KP1 Trảng Dài Biên Hòa Đồng Nai
128	812740	BCP Biên Hòa 4	27 Đường 2A KCN Biên Hòa 2 phường An Bình Biên Hòa
129	813000	BCP Biên Hòa 5	34/81 Khu phố 12 phường Hố Nai Biên Hòa
130	812784	BCP Biên Hòa 6	QL51 Khu phố Bình Dương, P. Long Bình Tân, Biên Hòa
131	813290	BCP Long Khánh	Đường Hùng Vương Phường Xuân An Thị xã Long Khánh
132	813820	BCP Thống Nhất	Ấp Trần Cao Vân xã Bàu Hàm 2 huyện Thống Nhất
133	814120	BCP Xuân Lộc	Ấp Tân Tiến xã Xuân Hiệp huyện Xuân Lộc
134	814240	BCP Định Quán	Ấp Hiệp Tâm 2 thị trấn Định Quán huyện Định Quán
135	814660	BCP Tân Phú	Khu 10 thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú
136	815210	BCP Vĩnh Cửu	Khu phố 5 thị trấn Vĩnh An huyện Vĩnh Cửu
137	815580	BCP Long Thành	Khu Phước Hải thị trấn Long Thành huyện Long Thành

138	816020	BCP Nhơn Trạch	Ấp Xóm Hố xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch
139	816320	BCP Cẩm Mỹ	Ấp Suối Râm xã Long Giao huyện Cẩm Mỹ
140	816480	BCP Trảng Bom	Khu phố 3 thị trấn Trảng Bom huyện Trảng Bom
141	816448	BCP Bắc Sơn	Ấp Tân Thành - xã Bắc Sơn – huyện Trảng Bom – Đồng Nai
142	815956	BCP KCN Nhơn Trạch	Ấp 4 - xã Hiệp Phước – huyện Nhơn Trạch – Đồng Nai
143	815324	KHL Long Thành	Khu Phước Hải thị trấn Long Thành, Long Thành Đồng Nai
144	814770	VHX Phú Thịnh	Ấp 4 xã Phú Thịnh huyện Tân Phú Đồng Nai
145	814810	VHX Tà Lài	Ấp 3 xã Tà Lài huyện Tân Phú Đồng Nai
146	814900	VHX Phú Điền	Ấp 3 xã Phú Điền huyện Tân Phú Đồng Nai
147	814910	VHX Đắc Lúa	Ấp 5 xã Đắc Lúa huyện Tân Phú Đồng Nai
148	814930	VHX Phú Trung	Ấp Phú Yên xã Phú Trung huyện Tân Phú ĐN
149	814898	VHX Trà Cỏ	Ấp 2 xã Trà Cỏ huyện Tân Phú Đồng Nai
150	814659	VHX Thanh sơn	Ấp Đa Tôn xã Thanh Sơn huyện Tân Phú ĐN
151	814300	VHX Ngọc Định	ấp Hòa Thành xã Ngọc Định huyện Định Quán ĐN
152	814280	VHX Phú Tân	ấp 1 Phú Tân Định Quán Đồng Nai
153	814230	VHX Phú Lợi	ấp 3 Phú Lợi Định Quán Đồng Nai
154	814340	VHX Phú Ngọc	ấp 1 Phú Ngọc Định Quán Đồng Nai

155	814260	VHX Phú Vinh	ấp 3 Phú Vinh Định Quán Đồng Nai
156	812441	BCP Phước Tân	Ấp Miếu Xã Phước Tân Biên Hòa Đồng Nai
157	813800	BCP Gia Kiệm	Ấp Đông Kim, Xã Gia Kiệm, Thống Nhất, Đồng Nai
158	813790	VHX Hưng Lộc	Ấp Hưng Nghĩa xã Hưng Lộc Thống Nhất ĐN
159	813780	VHX Dốc Mơ	Ấp Dốc Mơ 3 xã Gia Tân 1 Thống Nhất ĐN
160	813830	VHX Xuân Thiện	Ấp Tín Nghĩa xã Xuân Thiện Thống Nhất ĐN
161	813840	VHX Xuân Thạnh	Ấp Trần Hưng Đạo xã Xuân Thạnh Thống Nhất ĐN
162	813722	VHX Quang Trung 1	Ấp Nguyễn Huệ 1 xã Quang Trung Thống Nhất ĐN
163	815360	VHX Suối Trầu	ấp 1 Suối trầu huyện Long Thành Đồng Nai
164	815680	VHX Phước Bình	ấp 1 xã Phước bình huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai
165	815630	VHX Tân Hiệp	ấp 6 xã Tân Hiệp huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai
166	815510	VHX Tam An	ấp 4 xã Tam An huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai
167	811060	BCP Biên Hòa 2	33 đường Nguyễn Ái Quốc, Quang Vinh Biên Hòa Đồng Nai
168	812739	BCP Biên Hòa 4B	33 đường Nguyễn Ái Quốc, Quang Vinh Biên Hòa Đồng Nai
169	816334	VHX Long Giao	Quốc Lộ 56 Ấp Suối Râm xã Long Giao Cẩm Mỹ
170	816275	VHX Nhân Nghĩa	Ấp 6 xã Nhân Nghĩa Cẩm Mỹ Đồng Nai
171	816504	BCP Đông Hòa	Ấp Quảng Đà xã Đông Hòa Trảng Bom Đồng Nai

172	815014	BCP Thạnh Phú	Ấp 1 xã Thạnh Phú Vĩnh Cửu Đồng Nai
173	816301	BCP Sông Ray	Ấp Suối Nhất, Xuân Đông, Cẩm Mỹ Đồng Nai
174	814096	VHX Xuân Định	Ấp Bảo Định, Xã Xuân Định, Huyện Xuân Lộc ĐN
175	815606	BCP Tam Phước	Số 13A Khu dân cư Nhật Trường, Ấp 7 An Phước Long Thành Đồng Nai
176	811059	BCP Long Đức	Ấp Long Đức 1 xã Tam Phước Biên Hòa Đồng Nai
177	812685	VHX Hiệp Hòa	Đường Đặng Văn Tron , Ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa, Biên Hòa Đồng Nai
178	814256	VHX Phú Hòa	ấp 1 xã Phú Hòa huyện Định Quán Đồng Nai
179	813486	Bàu Trâm	ấp Bàu Trâm xã Bàu Trâm TX Long Khánh ĐN

TỈNH BÌNH DƯƠNG

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	820000	Thủ Dầu Một	324 Tổ 3, Khu 1, Phường Phú Hòa, TDM
2	821480	Phú Cường	10 Đình Bộ Lĩnh, Phú Cường, Phường Phú Cường, TDM
3	821390	Tương Bình Hiệp	Ấp 2, Xã Tương Bình Hiệp, TDM
4	822093	Phú Mỹ	Đường Tạo Lực 2, KCN VSIP II, P Hòa Phú, TDM
5	824300	Bình Chuẩn	Ấp Bình Phú, Xã Bình Chuẩn, Thuận An
6	825810	Sở Sao	Ấp 1, Xã Tân Định, Bến Cát
7	825500	Bến Cát	KP2, Thị Trấn Mỹ Phước, Bến Cát

8	825550	KCN Mỹ Phước	KP4, Thị trấn Mỹ Phước, Bến Cát
9	825750	KCN Mỹ Phước 3	Đường NE8, KCN Mỹ Phước 3, Xã Thới Hòa, Bến Cát
10	823240	Lai Uyên	Ấp Xà Mách, Xã Lai Uyên, Bến Cát
11	825690	Phú An	Ấp An Thành, Xã An Tây, Bến Cát
12	823210	Hưng Hòa	Ấp 3, Xã Hưng Hòa, Bến Cát
13	823600	Dầu Tiếng	KP3, Thị trấn Dầu Tiếng, Dầu Tiếng
14	823670	Long Hòa	Ấp Long Điền, Xã Long Hòa, Dầu Tiếng
15	823720	Minh Hòa	Ấp Hòa Cường, Xã Minh Hòa, Dầu Tiếng
16	823760	Thanh Tuyền	Ấp Chợ, Xã Thanh Tuyền, Dầu Tiếng
17	824600	Dĩ An	KP Nhị Đồng 1, Thị trấn Dĩ An, Dĩ An
18	824730	Bình An	Ấp Nội Hóa 1, Xã Bình An, Dĩ An
19	824780	Tân Đông Hiệp	Ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Dĩ An
20	824900	Sóng Thần	Đại lộ Độc lập, KCN Sóng Thần 1, An Bình, Dĩ An
21	825063	Bình Minh	KP Bình Minh 1, Thị trấn Dĩ An, Dĩ An
22	822800	Phú Giáo	KP3, Thị trấn Phước Vĩnh, Phú Giáo
23	822830	An Bình	Ấp Bình Thắng, Xã An Bình, Phú Giáo
24	822940	Phước Hòa	Ấp 1A, Xã Phước Hoà, Phú Giáo

25	822300	Tân Uyên	KP5,Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên
26	822460	Khánh Bình	Ấp 3B, Xã Khánh Bình, Tân Uyên
27	822610	Tân Ba	Ấp Tân Ba, Xã Thái Hoà, Tân Uyên
28	822540	Tân Phước Khánh	KP Khánh Hòa, TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên
29	823900	Thuận An	KP Chợ, Thị trấn Lái Thiêu, Thuận An
30	824130	An Phú	Ấp 1A, Xã An Phú, Thuận An
31	823970	Đồng An	KCN Đồng An, Xã Bình Hoà, Thuận An
32	823980	KCN Vsip	Ấp Bình Đức, Xã Bình Hoà, Thuận An
33	824200	Thuận Giao	Ấp Hòa Lân 1, Xã Thuận Giao, Thuận An
1	821620	BC Phát TDM	324 Đại Lộ Bình Dương, Phú Hòa, TDM, BD
2	823960	BC Phát Thuận An	Đường Phan Đình Phùng, Lái Thiêu, TA, BD
3	824870	BC Phát Dĩ An	Đường số 12 Khu trung tâm hành chánh, P Dĩ An, TX DA, BD
4	825520	BC Phát Bến Cát	KP2, TT Mỹ Phước, Bến Cát, BD
5	822380	BC Phát Tân Uyên	KP2, TT Uyên Hưng, Tân Uyên, BD
6	823690	BC Phát Dầu Tiếng	KP3, TT Dầu Tiếng, DT, BD
7	823010	BC Phát Phú Giáo	KP3, TT Phước Vĩnh, Phú Giáo, BD
8	824120	BCP Thuận Giao	Đại lộ Bình Dương Thuận Giao Thuận An BD

34	822370	Tân Thành	Ấp 2, xã Tân Thành Bắc, Tân Uyên
35	826030	Lạc An	Xã Lạc An, Bắc Tân Uyên
36	822410	Hội Nghĩa	Xã Hội Nghĩa, Tân Uyên
37	822520	Tân Vĩnh Hiệp	Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên
38	825650	Chánh Phú Hòa	Phường Chánh Phú Hòa, Bến Cát
39	823290	Long Nguyên	Xã Long Nguyên, Bàu Bàng
40	823640	An Lập	Xã An Lập, Dầu Tiếng
41	823680	Minh Tân	Xã Minh Tân, Dầu Tiếng
42	824880	Tân Bình	Phường Tân Bình, Dĩ An
43	820001	Tổ Bán hàng	324 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hoà TP TDM BDg
44	820100	Tổ khai thác	Số 324 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hoà TP TDM BDg
45	820900	Bưu điện Hệ I	Tầng trệt, tòa nhà B, Trung tâm Chính trị Hành chính tập trung - Thành phố mới tỉnh BD.
46	822301	Tổ Bán hàng	Phường Uyên Hưng TX Tân Uyên
47	822801	Tổ Kinh doanh Tiếp thị	Khu phố 3, TT Phước Vĩnh, Phú Giáo
48	823101	Tổ Bán hàng	KP 2 phường Mỹ Phước Bến Cát
49	823255	TTHC BÀU BÀNG	NC khu TM Bàu Bàng xã Lai Uyên
50	825560	BC MỸ PHƯỚC 2	NA3 Khu phố 3,KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước

51	823610	Tổ Kinh doanh Tiếp thị	Khu phố 3, TT Dầu Tiếng
52	824601	Tổ Bán hàng	Số 12 Khu phố Nhị đồng 1 Phường Dĩ An TX Dĩ An
53	824700	Tổ KTVC	Số 12 Khu phố Nhị đồng 1 Phường Dĩ An TX Dĩ An
54	825710	VHX AN TÂY	Ấp Lò ỏ An Tây Bến Cát
55	824781	BĐ VHX Tân Đông Hiệp	Lê Hồng Phong Tân Đông Hiệp Dĩ An
56	825010	BĐ VHX An Bình	KP Bình Đường 3 An Bình Dĩ An
57	824740	BĐ VHX Bình An	kp Bình Thung Bình AnDĩ An
58	822470	BĐ VHX Vĩnh Tân	Vĩnh Tân Tân Uyên
59	822440	BĐ VHX Khánh Bình	Khánh BìnhTân Uyên
60	823260	BĐ VHX Trừ Văn Thố	Ấp 1Trừ Văn ThốBàu Bàng
61	825720	BĐ VHX Phú An	Ấp Phú ThùPhú AnBến Cát
62	824480	KHL THUẬN AN	BÌNH ĐỨC 1, P BÌNH HÒA, THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG
63	825510	Tổ Khai thác Bến Cát	KP 2 , Mỹ Phước, Bến Cát
64	823360	TTGD Bàu Bàng	Ấp Đồng Sở, Lai Uyên, Bàu Bàng
65	823490	Tổ khai thác Bàu Bàng	Ấp Đồng Sở, Lai Uyên, Bàu Bàng
66	823560	Bru cục phát bàu Bàng	Ấp Đồng Sở, Lai Uyên, Bàu Bàng
67	826100	TTGD Bắc Tân Uyên	Ấp 2 Tân Thành, Bắc Tân Uyên

68	826110	Tổ khai thác Bắc Tân Uyên	Ấp 2 Tân Thành, Bắc Tân Uyên
69	826120	Bru cục phát Bắc Tân Uyên	Ấp 2 Tân Thành, Bắc Tân Uyên
70	821430	BCP Phú Hòa	324 Đại Lộ Bình Dương Phú Hòa TDM Bình Dương
71	822020	Bru cục KHL	324 Đại lộ Bình Dương
72	825070	TỔ KHL DĨ AN	Khu TTHC Dĩ An
73	825540	TỔ KHL BẾN CÁT	KP 2 phường Mỹ phước
74	822120	Hành chính công BD	324 Đại lộ Bình Dương
75	825740	BCP Mỹ Phước 3	đường NE8 Phường Thới Hòa TX Bến Cát
76	826050	HCC Bắc Tân Uyên	Ấp 2, xã Tân Thành, Bắc Tân Uyên, Bình Dương
77	822815	HCC Phú Giáo	khu phố 3 phước Vĩnh, Phú Giáo Bình Dương
78	823616	HCC Dầu Tiếng	KP3 TT Dầu Tiếng
79	826190	Bình Mỹ	Ấp Đồng Sắc, Bình Mỹ, Bắc Tân Uyên
80	821940	Bru cục Phú Thọ	479 đường 30/4 KP8 Phú Thọ TP TDM BD
81	824360	Bình Chuẩn 2	18/1 KP Bình Phước B Bình Chuẩn 2
82	821365	Phú Mỹ	422 Phạm Ngọc Thạch khu 4 Phú Mỹ TDM BD
83	822710	KHL TÂN UYÊN	KP Long Bình Khánh Bình Tân Uyên BD
84	825020	BCP Bình An	Quốc lộ 1 K KP Nội Hóa Bình An

85	825505	HCC Bến Cát	KP 2 phường Mỹ phước
86	822325	HCC Tân Uyên	Uyên Hưng Tân Uyên
87	823955	HCC Thuận An	khu phố chợ, P Lái Thiêu , TX Thuận An, T Bình Dương
88	823256	HCC Bàu Bàng	ấp Đồng Sở Lai Uyên Bàu Bàng Bình Dương
89	825080	Hành Chính Công Dĩ An	KP Nhị Đồng 1, P Dĩ An, TX Dĩ An, Bình Dương
90	822350	BD VHX Thường Tân	Thường Tân Bắc Tân Uyên
91	822655	Đại lý Phúc Đạt	KDC Phúc Đạt KP Ông Đông Tân Hiệp Tân Uyên
92	824609	Đại lý Sóng Thần 2	12 Khu trung Tâm Hành Chính Dĩ An-DA-BD
93	825502	ĐL Mỹ Phước 2	đường N1D10 ken mỹ phước 1 bến cát BD
94	826090	VHX Tân Định	ấp Cây Chanh ,Xã Tân Định Huyện Bắc Tân Uyên Tỉnh Bình Dương
95	821410	VHX Tân An	Huỳnh Thị Hiếu Khu 1 Ấp 1 Tân An TDM BD
96	823620	VHX Định Hiệp	Xã Định Hiệp Dầu Tiếng
97	823700	VHX Minh Thạnh	Xã Minh Thạnh Dầu Tiếng
98	825770	VHX Hòa Lợi	Ấp An hòa, Hòa Lợi, Bến Cát
99	826090	VHX Tân Định	Ấp Cây Chanh, Tân Định, Bắc Tân Uyên
100	823280	VHX Cây Trường	Ấp 2 xã cây trường bàu bàng
101	823741	VHX Thanh An	Xã Thanh An huyện Dầu Tiếng

102	823650	VHX Long Tân	Xã Long Tân huyện Dầu Tiếng
103	822425	Đại lý BD Hội Nghĩa	ấp 1 Xã Hội Nghĩa TX Tân Uyên
104	826070	VHX Tân Lập	Ấp 4 Tân Lập, Bắc Tân Uyên
105	822590	VHX THANH PHƯỚC	THANH PHƯỚC TÂN UYÊN BD
106	824725	Phát Tân Đông Hiệp	Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An, Bình Dương
107	822651	ĐLBĐ TÂN HIỆP	KP ÔNG ĐÔNG P.TÂN HIỆP TÂN UYÊN BD
108	824510	BCP VSIP	ĐẠI LỘ BÌNH DƯƠNG BÌNH HÒA TA BD
109	826130	VHX Đất Cuốc	XÃ ĐẤT CUỐC-BẮC TÂN UYÊN BÌNH DƯƠNG
110	822456	ĐLBĐ KHÁNH BÌNH 14	KP LONG BÌNH P. KHÁNH BÌNH TÂN UYÊN BD
111	822573	ĐLBĐ KHÁNH LỘC	KP KHÁNH LỘC TPK TUBD
112	825670	VHX An Điền	ấp Kiến Điền xã An Điền
113	822423	ĐL HỘI NGHĨA 9	HỘI NGHĨA TÂN UYÊN BD
114	822652	ĐLTÂN HIỆP 2	KP BÀ TRI P.TÂN HIỆP TÂN UYÊN BD
115	824864	ĐL ĐÔNG AN	43/3B KP ĐÔNG AN TÂN ĐÔNG HIỆP DĨ AN
116	822110	VHX Hòa Phú	Khu phố 2, Hòa Phú, TPTDM, Bình Dương
117	826070	VHX Tân Lập	Ấp 4 Tân Lập Bắc Tân Uyên
118	826160	VHX Hiếu Liêm	Ấp Cây dâu xã Hiếu Liêm Bắc Tân Uyên

119	826170	VHX Tân Bình	Ấp 1 xã Tân Bình Bắc Tân Uyên
120	826020	VHX Thường Tân	Ấp 3-Xã Thường Tân Huyện Bắc Tân Uyên-Tỉnh Bình Dương
121	822831	VHX An Bình	Xã An Bình - Phú Giáo - Bình Dương
122	822880	VHX An Linh	Xã An Linh -Phú Giáo - Bình Dương
123	822861	VHX Tân Hiệp	Xã Tân Hiệp - Phú Giáo - Bình Dương
124	822850	VHX Phước Sang	Xã Phước Sang - Phú Giáo - Bình Dương
125	822960	VHX An Thái	Xã An Thái - Phú Giáo - Bình Dương
126	822890	VHX An Long	Xã An Long - Phú Giáo - Bình Dương
127	823641	VHX An Lập 2	Ấp Hố cạn, An lập
128	823671	VHX Long Hòa	Ấp Đồng bà ba, Long Hòa
129	823740	VHX Cẩn Nôm	Ấp Thanh Tân, Thanh An
130	824440	VHX An Sơn	P An Sơn TX Thuận An
131	823220	VHX Tân Hưng	Tân Hưng,Bàu Bàng,Bình Dương
132	822580	VHX Bạch Đằng	Bạch Đằng Tân Uyên
133	822510	VHX Phú Chánh	Phú Chánh Tân Uyên
134	822680	VHX Thạnh Hội	Thạnh Hội Tân Uyên
135	824948	ĐL Bình Đường 44	190A/5 Bình Đường 3, An Bình, Dĩ An, Bình Dương

136	822574	ĐLBĐ Long Hội	KP Khánh Long TPK Tân Uyên
137	822326	BCP Tân Phước Khánh	KP Khánh Long TPK Tân Uyên
138	822022	Thương Mại Điện Tử	324 ĐL Bình Dương Phú Hòa TP TDM Bình Dương
139	821821	BCP Trung Tâm hành chính	324 đại lộ Bình Dương
140	825507	BC TMĐT BẾN CÁT	ĐƯỜNG NA3 KP3 P. MỸ PHƯỚC BẾN CÁT , BÌNH DƯƠNG
141	824866	TMĐT & LOGISTICS	Tân Đông Hiệp Dĩ An Bình Dương
142	824293	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	KP THUẬN GIAO ĐẠI LỘ BÌNH DƯƠNG
143	822653	Đại lý Tân Hiệp 3	KP Ba Tri Phường Tân Hiệp Tân Uyên
144	825072	BC TMĐT Dĩ An	Đường số 12,Khu Trung Tâm Hành Chính,Phường Dĩ An ,Dĩ An, Bình Dương
145	822327	BC TMĐT Tân Uyên	KP 2 P. Uyên Hưng TUBD
146	824434	ĐLBĐ An Thạnh	An thành Thuận An
147	825530	BC Văn Phòng	KP 2 phường Mỹ phước
148	821426	ĐLBĐ Tân An 1	Số 683 Đường Lê Chí Dân KP 3 P. Tân An, TP.TDM
149	822575	ĐLBĐ Khánh Lợi	KP Khánh Lợi TPK TUBD
150	822479	ĐLBĐ Vĩnh Tân	Ấp 4 Vĩnh Tân TUBD
151	822952	BC Phước Hòa 2	Đồng Chanh,Phước Hòa,Phú Giáo,Bình Dương
152	825017	ĐLBĐ Bình Đường 62	Số 61 Lê Trọng Tuấn, Bình Đường 2, An Bình, Dĩ An, Bình Dương

153	822654	ĐLBĐ Tân Hội	KP Tân Hội- Tân Hiệp Tân Uyên BD
154	822104	ĐLBĐ Hòa Phú 1	Đường Trần Quốc Toản KP1 P.Hòa Phú TP TDM Bình Dương
155	825814	ĐLBĐ Tân Định 5	Số 492/20, Khu Phố 2, Phường Tân Định, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
156	821457	ĐLBĐ Hiệp An 1	Số 584, Đường Nguyễn Chí Thanh, Khu 3, Phường Hiệp An, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
157	822910	BC Văn Phòng	Phước Vĩnh,Phú Giáo,Bình Dương
158	825771	ĐL Hòa Lợi 1	KP An Hòa, P. Hòa Lợi, TX Bến Cát
159	825772	ĐL Hòa Lợi 2	KP An Hòa, P. Hòa Lợi, TX Bến Cát
160	825773	ĐL Hòa Lợi 3	KP Phú Hòa, P. Hòa Lợi, TX Bến Cát
161	821619	ĐL Định Hòa 2	A2/6.1.03 Khu phố 1 P. Định Hòa TP TDM Bình Dương
162	822328	Nam Tân Uyên	KP 7 Uyên Hưng Tân Uyên BD
163	825303	BCP Khánh Bình	Kp Bình Khánh Tân Uyên BD
164	824435	An Thạnh	44/2 KP Thạnh Hòa B An Thạnh
165	824726	ĐLBĐ Tân Hòa 6	50/11 KP Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Dĩ An, Bình Dương
166	825776	ĐL Hòa Lợi 4	Tổ 10 KP Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, TX Bến Cát
167	825692	ĐL An Tây 2	Ấp Lồ ô , An Tây, TX Bến Cát
168	825694	ĐL An Tây 4	Ấp Lồ ô , An Tây, TX Bến Cát
169	822023	ĐL Phú Hòa 1	249/100 Lê Hồng Phong. P. Phú Hòa. TP TDM Bình Dương

170	825073	ĐL Tây A	7/5 Trần Hưng Đạo Khu phố Tây A Đông Hòa TX Dĩ An Bình Dương
TỈNH BÌNH PHƯỚC			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	830000	Đồng Xoài	Phường Tân Phú TX Đồng Xoài
2	831320	Tân thành	Ấp 3 Tân thành TX Đồng Xoài
3	831500	Đồng Phú	TT Tân Phú Đồng Phú
4	831600	Tân Hòa	Ấp chợ xã Tân Tiến Đồng Phú
5	831620	Thuận Lợi	Thôn Thuận phú 1 Thuận Phú Đồng Phú
6	831640	Đồng Tâm	Ấp 3 Đồng Tiến Đồng Phú
7	832900	Bình Long	Phường An Lộc TX Bình Long
8	833300	Chơn Thành	TT Chơn Thành Chơn Thành
9	833321	Chơn Thành2	KP5 TT Chơn Thành Chơn Thành
10	833040	Thanh Lương	Ấp Thanh Trung Thanh Lương TX Bình Long
11	833350	Minh Lập	Ấp 2 Minh Lập Chơn Thành
12	833370	Nha Bích	Ấp 5 Nha Bích Chơn Thành
13	833160	Tân Khai	Ấp 5 Tân Khai Hớn Quản
14	831700	Bù Đăng	TT Đức Phong Bù Đăng

15	831800	Minh Hưng	Ấp 2 Minh Hưng Bù Đăng
16	831820	Đức Liễu	Ấp 8 Đức Liễu Bù Đăng
17	832500	Lộc Ninh	TT Lộc Ninh Lộc Ninh
18	833600	Bù Đốp	TT Thanh Bình Bù Đốp
19	833670	Tân Tiến	Ấp Tân Lập Tân Thành Bù Đốp
20	832000	Phước Long	TT Thác Mơ Phước Long
21	832190	Phước Bình	Khu 2 Phước Bình TX Phước Long
22	834560	Bù Nho	Tân Hiệp 2 Bù Nho Bù Gia Mập
23	834620	Phú Riềng	Phú Thịnh Phú Riềng Bù Gia Mập
24	832050	Đak Ô	Đak Lim Đak Ô Bù Gia Mập
25	832110	Đa Kia	Thôn 4 Đa Kia Bù Gia Mập
26	833349	Minh Hưng 2	Ấp 3, Xã Minh Hưng Huyện Chơn Thành
27	832350	Bù Gia Mập	Đường ĐT 741 Trung tâm hành chính huyện, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập
1	831060	Phát Đồng Xoài	416 QL14 phường Tân Phú, TX Đồng Xoài
28	830102	Văn phòng	416 Quốc lộ 14 khu phố Phú Thanh, Tân Phú
29	832930	Tân Lợi	Ấp Quán Lợi xã Tân Lợi huyện Hớn Quản Bình Phước
30	831290	KHL BÌNH PHƯỚC	416 ql 14 P Tân Phú Tx Đồng Xoài - Bình Phước

31	831100	TT Khai thác vận chuyển	số 416 QL 14 P. Tân phú TX Đồng xoài Bình phước
32	831780	VHX Bom Bo	Ấp 4 xã Bom Bo huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước
33	832990	VHX An Khương	Ấp 5 xã An Khương huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước
34	833620	VHX Thiện Hưng	Thôn 2 xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp tỉnh Bình Phước
35	833660	VHX Tân Tiến	QL13 ấp Tân Nhân Xã Tân Tiến Bù Đốp Bình Phước
36	831840	VHX Thống Nhất	Thôn 3 Xã Thống Nhất Bù Đăng Bình Phước
37	831300	VHX Tiến Thành	Ấp 2 Tiến Thành Đồng Xoài Bình Phước
38	832570	VHX Lộc Hiệp	Ấp Hiệp Tâm Xã Lộc Hiệp Lộc Ninh Bình Phước
39	831720	VHX Đồng Nai	Thôn 5 Đồng Nai Bù Đăng Bình Phước
40	831760	VHX Đắc Nhau	Thôn Thống Nhất Đắc Nhau Bù Đăng Bình Phước
41	833010	VHX Thanh An	Tổ 2 ấp Địa Hạt Thanh An Hớn Quản Bình Phước
42	833640	VHX Thanh Hòa	ấp 8 Thanh Hòa Bù Đốp Bình phước
43	834580	VHX Long Hà	Xã Long Hà Phú Riềng Bình Phước
44	831540	VHX Thuận Lợi	Thôn Thuận Hòa 1 xã Thuận Lợi Đồng Phú Bình Phước
45	833110	VHX Thanh Bình	Ấp Chà Là Xã Thanh Bình Hớn Quản Bình Phước
46	833410	VHX Minh Long	Ấp 3 xã Minh Long Chơn Thành Bình Phước
47	832650	VHX Lộc Thiện	Ấp 1 Xã Lộc Thiện Lộc Ninh Bình Phước

48	832731	VHX Lộc Hưng	Ấp 2 Xã Lộc Hưng Lộc Ninh Bình Phước
49	832621	VHX Lộc Tấn	Ấp 5A Xã Lộc Tấn Lộc Ninh Bình Phước
50	832690	VHX Lộc Điền	Ấp 1 Lộc Điền Lộc Ninh Bình Phước
51	832750	VHX Lộc Khánh	Ấp Sóc Lớn Xã Lộc Khánh Lộc Ninh Bình Phước
52	832710	VHX Lộc Thành	Ấp Kliêu Xã Lộc Thành Lộc Ninh Bình Phước
53	832580	VHX Lộc An	Ấp 1 Xã Lộc An Lộc Ninh Bình Phước
54	832550	VHX Lộc Quang	Ấp Việt Tân Xã Lộc Quang Lộc Ninh Bình Phước
55	832770	VHX Lộc Thịnh	Ấp Hưng Thủy Xã Lộc Thịnh Lộc Ninh Bình Phước
56	831880	VHX Đăng Hà	Ấp 4 xã Đăng Hà Bù Đăng Bình Phước
57	831890	VHX Phước Sơn	Ấp 5 xã Phước Sơn Bù Đăng Bình Phước
58	831860	VHX Nghĩa Trung	Ấp 3 Xã Nghĩa Trung Bù Đăng Bình Phước
59	832090	VHX Sơn Giang	KP Bình Giang 2 Phường Sơn Giang TX Phước Long Bình Phước
60	832230	VHX Phước Tín	Thôn Phước Quả Xã Phước Tín TX Phước Long Bình Phước
61	834710	VHX Long Bình	Thôn 1 Xã Long Bình Huyện Phú Riềng Bình Phước
62	834610	VHX Long Tân	Thôn 5 Xã Long Tân Huyện Phú Riềng Bình Phước
63	834540	VHX Long Hưng	Thôn 2 Xã Long Hưng Huyện Phú Riềng Bình Phước
64	834660	VHX Bình Tân	Thôn Hiếu Phong Xã Bình Tân Huyện Phú Riềng Bình Phước

65	834640	VHX Phú Trung	Thôn Phú Tâm Xã Phú Trung Huyện Phú Riềng Bình Phước
66	833130	VHX Phước An	Ấp Văn Hiến 2 Xã Phước An Hớn Quản Bình Phước
67	833090	VHX Minh Đức	Ấp 1A Xã Minh Đức Hớn Quản Bình Phước
68	833430	VHX Tân Quan	Ấp Xạc Lây Xã Tân Quan Hớn Quản Bình Phước
69	832970	VHX Thanh Phú	Tổ 1 Thanh Thủy Thanh Phú Bình Long Bình Phước
70	834025	VHX An Phú	Tổ 5 Bình Tây Hưng Chiến bình Long Bình Phước
71	831510	VHX Tân Hưng	xã Tân Hưng huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
72	831530	VHX Đồng Tâm	Xã Đồng Tâm,huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
73	831520	VHX Tân Phước	Xã Tân Phước huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
74	833210	VHX Tân Hiệp	Ấp 8 Tân Hiệp Hớn Quản Bình Phước
75	832031	VHX Phú Văn	Thôn 1 Xã Phú Văn Huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước
76	832070	VHX Bù Gia Mập	Thôn Bù Lư Xã Bù Gia Mập Huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước
77	833460	BCP Chơn Thành	Tổ 9 KP Trung Lợi TT Chơn Thành huyện Chơn Thành Bình Phước
78	833326	KHL- Chơn Thành	Tổ 9 KP Trung Lợi TT Chơn Thành huyện Chơn Thành Bình Phước
79	832130	VHX Bình Thắng	Thôn 2A xã Bình Thắng huyện Bù Gia Mập T Bình Phước
80	833450	VHX Minh Thắng	Xã Minh Thắng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước
81	831815	ĐL Minh Hưng 1	Thôn 3 Xã Minh Hưng, H. Bù Đăng, Bình Phước

82	831984	VHX Phú Sơn	Thôn Sơn Phú Xã Phú Sơn Bù Đăng
83	831570	VHX Tân Lập	Ấp 3 xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
TỈNH TÂY NINH			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	840000	Trung tâm khai thác vận chuyển	Số 285 Đường CMT 8 Phường 3 Thị Xã Tây Ninh
2	841120	Hiệp Ninh	Số 799 Đường CMT 8 Phường Hiệp Ninh TX Tây Ninh
3	841380	Ninh Sơn	ấp Ninh Thọ xã Ninh Sơn Thị Xã Tây Ninh
4	841410	Phường 1	Số 002 Đường Tua Hai p. 1 Thị Xã Tây Ninh
5	841700	Dương Minh Châu	Khu phố 1 Thị Trấn Dương Minh Châu TX Tây Ninh
6	841720	Bàu Năng	Ấp Ninh Hiệp Xã Bàu Năng Huyện Dương Minh Châu
7	841900	Tân Châu	Khu phố 1 Thị Trấn Tân Châu Huyện Tân Châu
8	841960	Tân Đông	Ấp Đông Tiến Xã Tân Đông Huyện Tân Châu
9	842200	Tân Biên	Khu phố 2 Thị Trấn Tân Biên Huyện Tân Biên
10	842250	Tân Lập	Ấp Tân Hoà Xã Tân Lập Huyện Tân Lập
11	842290	Mỏ Công	Ấp Một, Xã Mỏ Công, Huyện Tân Biên
12	842400	Châu Thành	Tổ 1 khu phố 1 TT Châu Thành Huyện Châu Thành
13	842420	Thái Bình	Tổ 1 Ấp Bình Phong Xã Thái Bình Huyện Thái Bình

14	842500	Thành Long	Tổ 1 Ấp Thành Trung Xã Thành Long H. Châu Thành
15	842700	Hoà Thành	Khu phố 4 Thị trấn Hoà Thành Huyện Hòa Thành
16	841200	Cửa số 2	Xã Ninh Thạnh Thị xã Tây Ninh
17	842740	Mít Một	Ấp Hiệp Hoà Xã Hiệp Tân Hòa Thành
18	842900	Bến Cầu	Khu phố 2 Thị trấn Bến Cầu Huyện Bến Cầu
19	842950	Long Thuận	ấp Long Hoà xã Long Thuận Huyện Bến Cầu
20	842980	Khẩu Mộc Bài	Ấp Thuận Tây Xã Lợi Thuận Huyện Bến Cầu
21	843100	Gò Dầu	Ấp Thanh Hà Thị trấn Gò Dầu Huyện Gò Dầu
22	843300	Trảng Bàng	Quốc Lộ 22 Thị trấn Trảng Bàng Huyện Trảng Bàng
23	843440	KCN Trảng Bàng	Ấp An Bình Xã An Tịnh Huyện Trảng Bàng
24	843461	Linh Trung 3	Ấp Suối Sâu, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng
25	843241	VHX Cẩm Giang	ấp Cẩm An xã Cẩm Giang, Tây Ninh
26	841350	BC Khách hàng lớn	Số 285 đường Cách mạng tháng 8 Phường 3 TP Tây Ninh
27	841170	Bưu cục phát Tây Ninh	Số 186 đường 30 tháng 4 Phường 3 TP Tây Ninh
28	840121	BC Văn phòng	Số 186 đường 30 tháng 4 Phường 3 TP Tây Ninh
1	841830	BCP Dương Minh Châu	383 KP1 Thị trấn Dương Minh Châu Tây Ninh
2	841970	BCP Tân Châu	KP1 Thị trấn Tân Châu Tây Ninh

3	842320	BCP Tân Biên	KP2 Thị trấn Tân Biên Tây Ninh
4	842590	BCP Châu Thành	Tổ 1 KP1 Thị trấn Châu Thành Tây Ninh
5	842830	BCP Hòa Thành	KP4 Thị trấn Hòa Thành Tây Ninh
6	843040	BCP Bến Cầu	429 KP2 Thị trấn Bến Cầu Tây Ninh
7	843230	BCP Gò Dầu	Ô 2/48 ấp Thanh Hà Thị trấn Gò Dầu Tây Ninh
8	843490	BCP Trảng Bàng	146 QL 22 Thị trấn Trảng Bàng Tây Ninh
29	843140	VHX Phước Thạnh	Ấp Phước Hội Xã Phước Thạnh Huyện Gò Dầu Tây Ninh
30	843170	VHX Bàu Đồn 1	Số 286 Ấp 4 Xã Bàu Đồn 1 Huyện Gò Dầu Tây Ninh
31	842560	VHX An Cơ	Tổ 6 Ấp Vịnh Xã An Cơ Huyện Châu Thành Tỉnh Tây Ninh
32	841910	VHX Suối Dây	Ấp 3 Xã Suối Dây Huyện Tân Châu Tỉnh Tây Ninh
33	841180	VHX Ninh Thạnh	Ấp Ninh Phước Phường Ninh Thạnh TP Tây Ninh Tỉnh Tây Ninh
34	841391	VHX Tân Bình	Ấp Tân Trung Xã Tân Bình TP Tây Ninh Tỉnh Tây Ninh
35	841400	VHX Thạnh Tân 1	Ấp Thạnh Động Xã Thạnh Tân TP Tây Ninh Tỉnh Tây Ninh
36	841401	VHX Thạnh Tân	Ấp Thạnh Động Xã Thạnh Tân TP Tây Ninh Tỉnh Tây Ninh
37	841540	VHX Bình Minh	Ấp Kinh Tế Xã Bình Minh TP Tây Ninh Tỉnh Tây Ninh
38	843420	VHX Phước Lưu	Ấp Gò Ngãi Xã Phước Lưu Huyện Trảng Bàng Tỉnh Tây Ninh
39	841342	HCC Tây Ninh	Số 112 đường Phạm Tung Phường 3 TP Tây Ninh

40	842440	VHX Phước Vĩnh 1	Tổ 1 ấp Phước Lộc xã Phước Vĩnh huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh
41	842550	VHX Long Vĩnh	Tổ 2 ấp Long Châu xã Long Vĩnh huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh
42	842800	VHX Trường Đông 1	ấp Trường Lưu xã Trường Đông huyện Hòa Thành tỉnh Tây Ninh
43	842790	VHX Trường Tây	ấp Long Hải xã Trường Tây huyện Hòa Thành tỉnh Tây Ninh
44	842720	VHX Long Thành Bắc	ấp Long Mỹ xã Long Thành Bắc huyện Hòa Thành tỉnh Tây Ninh
45	842744	VHX Hiệp Tân	ấp Hiệp Định xã Hiệp Tân huyện Hòa Thành tỉnh Tây Ninh
46	842771	VHX Long Thành Nam	ấp Long Yên xã Long Thành Nam huyện Hòa Thành tỉnh Tây Ninh
47	843360	VHX Đôn Thuận	ấp Sóc Lào xã Đôn Thuận huyện Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh
48	841770	VHX Phước Ninh	Ấp Phước Tân Xã Phước Ninh Huyện Dương Minh Châu Tỉnh Tây Ninh
49	842030	VHX Tân Hưng 1	Aaps Tân Lợi, xã Tân Hưng, H Tân Châu
50	842000	VHX Tân Hà	Ấp Tân Dũng xã Tân Hà huyện Tân Châu Tỉnh Tây Ninh
51	843370	VHX An Hòa	Số 205 Ấp An Quới xã An Hòa huyện Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh
52	843190	VHX Hiệp Thạnh 1	Số 117 Ấp Cây Da xã Hiệp Thạnh Huyện Gò Dầu Tỉnh Tây Ninh
TỈNH LONG AN			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	850000	Tân An	Số 01 Quốc lộ 1 Phường 2 Thành Phố Tân An
2	851000	Chợ Tân An	Số 55 Trương Định Phường 1 Thành phố Tân An

3	851800	Châu Thành	Số 47 Hẻm khóm 3 Đ.827 TT Tầm Vu H.Châu Thành
4	852100	Tân Trụ	Ấp Tân Bình Thị Trấn Tân Trụ Huyện Tân Trụ
5	852300	Bến Lức	Ấp Vàn Thị Trấn Bến Lức Huyện Bến Lức
6	852350	Gò Đen	Ấp Chợ xã Phước Lợi Bến Lức Huyện Bến Lức
7	852700	Cần Đước	Khu IA Thị Trấn Cần Đước Huyện Cần Đước
8	852810	Rạch Kiến	Ấp 5 xã Long Hòa Cần Đước Huyện Cần Đước
9	853100	Cần Giuộc	Số 12 Đường Quốc Lộ 50 TT Cần Giuộc H.Cần Giuộc
10	853400	Thủ Thừa	Số 42 Trung Trắc Thị Trấn Thủ Thừa Huyện Thủ Thừa
11	853700	Hậu Nghĩa	Khu B Thị Trấn Hậu Nghĩa Huyện Đức Hoà
12	853950	Đức Hòa	Đường Tỉnh lộ 9 Thị Trấn Đức Hòa Huyện Đức Hòa
13	854200	Đức Huệ	Đường 838 Thị Trấn Đông Thành Huyện Đức Huệ
14	854400	Thạnh Hóa	Đường Lộ Trung Tâm TT Thạnh Hóa H.Thạnh Hóa
15	854600	Tân Thạnh	Khu vực 1 Thị Trấn Tân Thạnh Huyện Tân Thạnh
16	854800	Mộc Hóa	Số 14 Đường 30/4 Thị Trấn Mộc Hóa H.Mộc Hóa
17	855100	Vĩnh Hưng	Khu Phố 1 Thị Trấn Vĩnh Hưng Huyện Vĩnh Hưng
18	855300	Tân Hưng	Số 2 Khu Phố Gò Thuyền TT Tân Hưng H. Tân Hưng
19	855600	Kiến Tường	14 đường 30/4, khu phố 1, phường 1, TX Kiến Tường

20	853809	Mỹ Hạnh Nam	Ấp Mới 2 – xã Mỹ Hạnh Nam – huyện Đức Hòa – Tỉnh Long An
21	854035	Hạnh Phúc	Ấp 5 - Xã Đức Hòa Đông - huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An
22	852339	KCN Thuận Đạo	Số 204, Phan Văn Mãng, khu phố 8, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
23	854900	VHX Bình Phong Thạnh	Ấp 2, xã Bình Phong Thạnh, Mộc Hóa, Long An
24	855730	VHX Tuyên Thạnh	Ấp Bắc Chan 1, Xã Tuyên Thạnh – TX Kiến Tường – Tỉnh Long An
25	852470	VHX Lương Bình	Ấp 4 Lương Bình, Bến Lức
26	851890	VHX Thuận Mỹ	Thuận Mỹ, Châu Thành
27	855160	VHX Khánh Hưng	Khánh Hưng, Vĩnh Hưng
28	853250	VHX Tân Kim	Tân Kim, Cần Giuộc
29	851606	VHX Bình Tâm	Ấp 3 – xã Bình Tâm – Tp Tân An – Tỉnh Long An
30	851460	VHX Nhơn Thạnh Trung	Ấp Bình Trun - Nhơn Thạnh Trung -TP Tân An – Tỉnh Long An
31	851550	VHX Lợi Bình Nhơn	Ấp Cầu Tre - Lợi Bình Nhơn - TP Tân An – Tỉnh Long An
32	853530	VHX Bình An	Ấp Vàm Kinh - Bình An - Thủ Thừa – Tỉnh Long An
33	854880	VHX Tân Lập	Ấp 3 xã Tân Lập - Mộc Hóa – Tỉnh Long An
34	854241	VHX Bình Thành	Ấp 1 - Bình Thành - Đức Huệ – Tỉnh Long An
35	852950	VHX Tân Chánh	Ấp Đông Trung - Tân Chánh – Cần Đước – Tỉnh Long An
36	854720	VHX Hậu Thạnh Đông	Ấp 2 – xã Hậu Thạnh Đông – huyện Tân Thạnh – Tỉnh Long An

37	855340	VHX Hưng Điền	Ấp Cây Me – xã Hưng Điền – huyện Tân Hưng – Tỉnh Long An
38	853810	VHX Mỹ Hạnh Bắc	Ấp Tràm Lạc – xã Mỹ Hạnh Bắc – huyện Đức Hòa – Tỉnh Long An
39	853780	VHX Đức Hòa Thượng	Ấp Nhơn Hòa 1 - Đức Hoà Thượng - Đức Hòa – Tỉnh Long An
40	853840	VHX An Ninh Đông	Ấp An Hiệp - An Ninh Đông - Đức Hòa – Tỉnh Long An
41	852150	VHX Lạc Tấn	Ấp 5 - Lạc Tấn - Tân Trụ – Tỉnh Long An
42	855740	VHX Thạnh Hưng	Ấp Sồ Đô xã Thạnh Hưng – TX Kiến Tường –Tỉnh Long An
43	854470	VHX Tân Hiệp	Ấp 2 - Tân Hiệp - Thạnh Hóa – Tỉnh Long An
44	852000	VHX Hòa Phú	Ấp 2 xã Hòa Phú - Châu Thành – Tỉnh Long An
45	851870	VHX Thanh Phú Long	Ấp Thanh Tân - Thanh Phú Long - Châu Thành – Tỉnh Long An
46	852450	VHX Lương Hòa	Ấp 6B - Lương Hòa - Bến Lức – Tỉnh Long An
47	851850	VHX An Lục Long	Ấp Lộ Đá - An Lục Long - Châu Thành – Tỉnh Long An
48	851990	VHX Vĩnh Công	Ấp 8 - Vĩnh Công - Châu Thành – Tỉnh Long An
49	851940	VHX Phú Ngãi Trị	Ấp Phú Xuân 2 - Phú Ngãi Trị - Châu Thành – Tỉnh Long An
50	854000	VHX Đức Hòa Hạ	Ấp Bình Tiền 1 - Đức Hòa Hạ - Đức Hoà – Tỉnh Long An
51	853850	VHX Lộc Giang	Ấp Lộc Bình - Lộc Giang - Đức Hoà – Tỉnh Long An
52	852540	VHX Nhựt Chánh	Ấp 3 - Nhựt Chánh - Bến Lức – Tỉnh Long An
53	854485	VHX Thạnh Phước	Ấp Cả Sáu - Thanh Phước - Thạnh Hóa – Tỉnh Long An

54	855705	VHX Thạnh Trị	Ấp 2 xã Thạnh Trị - TX Kiến Tường – Tỉnh Long An
55	854935	VHX Bình Hòa Trung	Ấp Bình Nam xã Bình Hòa Trung - Mộc Hóa – Tỉnh Long An
56	853945	VHX Hòa Khánh Đông	Ấp Bình Thủy - xã Hòa Khánh Đông - huyện Đức Hòa - Long An
57	854945	VHX Bình Hòa Tây	Ấp Bình Tây 1 - xã Bình Hòa Tây - huyện Mộc Hóa - Long An
58	853510	VHX Mỹ Lạc	Ấp Bà Mía - xã Mỹ Lạc - huyện Thủ Thừa - Long An
59	853550	VHX Mỹ An	Ấp 3 - xã Mỹ An - huyện Thủ Thừa - Long An
60	855141	VHX Hưng Điền A2	Ấp Tà Nu - xã Hưng Điền 2 - huyện Vĩnh Hưng - Long An
61	855310	VHX Thạnh Hưng	Ấp 1 - xã Thạnh Hưng - huyện Tân Hưng - Long An
62	853800	VHX Mỹ Hạnh Nam	Ấp Mới 1 - Mỹ Hạnh Nam - Đức Hòa
63	853760	VHX Đức Lập Hạ	Ấp Đức Hạnh 2 - Đức Lập Hạ - Đức Hòa
64	854680	VHX Tân Lập	Ấp 4 xã Tân Lập - Tân Thạnh
65	854660	VHX Nhơn Ninh	Ấp Tân Chánh A xã Nhơn Ninh - Tân Thạnh
66	854716	VHX Tân Thành	Ấp 3 xã Tân Thành - Tân Thạnh
67	852410	VHX Tân Bửu	Ấp 2 - Tân Bửu - Bến Lức
68	852910	VHX Tân Trạch	Ấp Tây - Tân Trạch - Cần Đước
69	852791	VHX Mỹ Lệ 2	Ấp Chợ Trạm - Mỹ Lệ - Cần Đước
70	852830	VHX Long Trạch	Ấp Long Thanh - Long Trạch - Cần Đước

71	852860	VHX Phước Vân 2	Ấp 4 - Phước Vân - Cần Đước
72	852740	VHX Long Hựu Đông 2	Ấp Chợ - Long Hựu Đông - Cần Đước
73	852760	VHX Long Hựu Tây	Ấp Tây - Long Hựu Tây - Cần Đước
74	852890	VHX Long Định	Ấp Chợ - Long Định - Cần Đước
75	852720	VHX Phước Đông	Ấp 1 - Phước Đông - Cần Đước
76	855110	VHX Vĩnh Bình	Ấp 1 - Vĩnh Bình - Vĩnh Hưng
77	852200	VHX Nhựt Ninh	Ấp Bình Thạnh - Nhựt Ninh - Tân Trụ
78	852176	VHX Bình Lãng	Ấp Bình Đức - Bình Lãng - Tân Trụ
79	853240	VHX Phước Vĩnh Tây	Ấp 2 - Phước Vĩnh Tây - Cần Giuộc
80	853200	VHX Tân Tập	Ấp Tân Đông - Tân Tập - Cần Giuộc
81	855710	VHX Bình Hiệp	Ấp Ông Nhan Tây, Xã Bình Hiệp – TX Kiến Tường – Tỉnh Long An
82	851830	VHX Long Trì	Ấp Long Thành- xã Long Trì - huyện Châu Thành - tỉnh Long An
83	853820	VHX Tân Mỹ	Ấp Chánh Hội - xã Tân Mỹ - huyện Đức Hòa - tỉnh Long An
84	854690	VHX Nhơn Hòa Lập	Ấp 4 - xã Nhơn Hòa Lập - Tân Thạnh
85	854700	VHX Tân Ninh	Ấp Bằng Lãng - xã Nhơn Ninh - Tân Thạnh
86	854500	VHX Thủy Tây	Ấp 1 - xã Thủy Tây - huyện Thạnh Hóa - tỉnh Long An
87	853520	VHX Mỹ Thạnh	Ấp 4 - Mỹ Thạnh - Thủ Thừa

88	853560	VHX Bình Thạnh	Ấp Bình Lương 1 -Bình Thạnh - Thủ Thừa
89	851571	VHX Khánh Hậu 2	KP Thủ Tửu - Khánh Hậu - TP Tân An
90	851495	VHX Hường Thọ Phú	Ấp 3 - xã Hường Thọ Phú - Tp Tân An
91	853180	VHX Đông Thạnh	Ấp Tây - xã Đông Thạnh - Cần Giuộc
92	853300	VHX Phước Hậu	Ấp Ngoài - Phước Hậu - Cần Giuộc
93	854280	VHX Mỹ Quý Tây 2	Ấp 4 - xã Mỹ Quý Tây - Đức Huệ
94	854430	VHX Tân Tây	Ấp 1, xã Tân Tây, huyện Thạnh Hóa
95	854440	VHX Tân Đông	Ấp 3, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa
96	854420	VHX Thủy Đông	Ấp Nước Trong, xã Thủy Đông, huyện Thạnh Hóa
97	851590	VHX An Vĩnh Ngãi	Ấp Vĩnh Hòa, Xã An Vĩnh Ngãi, TP Tân An
98	854888	VHX Tân Lập 2	Ấp 5, Xã Tân Lập, Mộc Hóa
99	855416	VHX Vĩnh Thạnh	Ấp Cả Tràm, Xã Vĩnh Thạnh, Tân Hưng
100	855350	VHX Hưng Thạnh	Ấp Gò Gòn, Xã Hưng Thạnh, Tân Hưng
101	855384	VHX Vĩnh Bửu	Ấp 4, Xã Vĩnh Bửu, Tân Hưng
102	855324	VHX Hưng Hà	Ấp Hà Thanh, Xã Hưng Hà, Tân Hưng
103	855390	VHX Vĩnh Đại	Ấp Vĩnh Ân, Xã Vĩnh Đại, Tân Hưng
104	852183	VHX Bình Tịnh	Ấp Bình Điện, Xã Bình Tịnh, Tân Trụ

105	852217	VHX Tân Phước Tây	Ấp 2, Xã Tân Phước Tây, Tân Trụ
106	853484	VHX Long Thành	Ấp 3, Xã Long Thành, Thủ Thừa
107	853441	VHX Nhị Thành	Ấp 1, Xã Nhị Thành, Thủ Thừa
108	853490	VHX Long Thạnh	Ấp 2, Xã Long Thạnh, Thủ Thừa
109	854455	VHX Thuận Nghĩa Hòa	Ấp Vườn Xoài, Xã Thuận Nghĩa Hoà, Thạnh Hóa
110	854514	VHX Thạnh An	Ấp 3, Xã Thạnh An, Thạnh Hóa
111	852430	VHX An Thạnh	Ấp 1 A, Xã An Thạnh, Bến Lức
112	852490	VHX Thạnh Hòa	Ấp 2, Xã Thạnh Hoà, Bến Lức
113	854750	VHX Hậu Thạnh Tây	Ấp 1, Xã Hậu Thạnh Tây, Tân Thạnh
114	854740	VHX Bắc Hòa	Ấp Hòa Hưng, Xã Bắc Hoà, Tân Thạnh
115	854620	VHX Tân Bình	Ấp Hiệp Thành, Xã Tân Bình, Tân Thạnh
116	853870	VHX An Ninh Tây	Ấp An Thạnh, Xã An Ninh Tây, Đức Hòa
117	853900	VHX Tân Phú	Ấp Chánh, Xã Tân Phú, Đức Hòa
118	853930	VHX Hòa Khánh Nam	Ấp Thuận Hòa 2, Xã Hoà Khánh Nam, Đức Hòa
119	854300	VHX Mỹ Quý Đông	Ấp 4, Xã Mỹ Quý Đông, Đức Huệ
120	854281	VHX Mỹ Quý Tây	Ấp 1, Xã Mỹ Quý Tây, Đức Huệ
121	854270	VHX Mỹ Thạnh Tây	Ấp Voi, Xã Mỹ Thạnh Tây, Đức Huệ

122	854310	VHX Mỹ Thạnh Bắc	Ấp 4, Xã Mỹ Thạnh Bắc, Đức Huệ
123	855116	VHX Vĩnh Bình 2	Ấp 1, Xã Vĩnh Bình, Vĩnh Hưng
124	855120	VHX Thái Bình Trung	Ấp Trung Trực, Xã Thái Bình Trung, Vĩnh Hưng
125	855130	VHX Thái Trị	Ấp Thái Quan, Xã Thái Trị, Vĩnh Hưng
126	853170	VHX Long Phụng	Ấp Tây Phú, Xã Long Phụng, Cần Giuộc
127	853220	VHX Phước Lại	Ấp Tân Thanh, Xã Phước Lại, Cần Giuộc
128	853290	VHX Phước Lâm	Ấp Phước Kế, Xã Phước Lâm, Cần Giuộc
129	853270	VHX Mỹ Lộc	Ấp Lộc Tiên, Xã Mỹ Lộc, Cần Giuộc
130	851960	VHX Hiệp Thạnh	Ấp 8 xã Hiệp Thạnh, Châu Thành, Long An
131	851570	VHX Khánh Hậu 1	Ấp Quyết Thắng, Xã Khánh Hậu, TP Tân An
132	854923	VHX Bình Thạnh	Ấp Gò Dò Nhỏ, Xã Bình Thạnh, Mộc Hóa
133	855330	VHX Hưng Điền B	Ấp Kinh Mới, Xã Hưng Điền B, Tân Hưng
134	855375	VHX Vĩnh Châu A	Ấp Vĩnh Nguyên, Xã Vĩnh Châu A, Tân Hưng
135	855365	VHX Vĩnh Châu B	Ấp 2, Xã Vĩnh Châu B, Tân Hưng
136	855400	VHX Vĩnh Lợi	Ấp Cà Sách, Xã Vĩnh Lợi, Tân Hưng
137	852130	VHX Mỹ Bình	Ấp Bình Tây, Xã Mỹ Bình, Tân Trụ
138	852190	VHX Đức Tân	Ấp Bình Lợi, Xã Đức Tân, Tân Trụ

139	852110	VHX An Nhứt Tân	Ấp 2, Xã An Nhứt Tân, Tân Trụ
140	852140	VHX Quê Mỹ Thạnh	Ấp 2, Xã Quê Mỹ Thạnh, Tân Trụ
141	852220	VHX Bình Trinh Đông	Ấp Bình Đông, Xã Bình Trinh Đông, Tân Trụ
142	851950	VHX Bình Quới	Ấp Kỳ Châu, Xã Bình Quới, Châu Thành
143	851820	VHX Dương Xuân Hội	Ấp Mỹ Xuân, Xã Dương Xuân Hội, Châu Thành
144	851910	VHX Thanh Vĩnh Đông	Ấp Xuân Hòa 2, Xã Thanh Vĩnh Đông, Châu Thành
145	853465	VHX Tân Thành	Ấp 3, Xã Tân Thành, Thủ Thừa
146	854465	VHX Thuận Bình	Ấp Đồn A, Xã Thuận Bình, Thạnh Hóa
147	854490	VHX Thạnh Phú	Ấp Thạnh Lập, Xã Thạnh Phú, Thạnh Hóa
148	852390	VHX Thanh Phú	Ấp Thạnh Hiệp, Xã Thanh Phú, Bến Lức
149	854650	VHX Tân Hòa	Ấp Văn Phòng, Xã Tân Hoà, Tân Thạnh
150	854640	VHX Kiến Bình	Ấp 7 Mét, Xã Kiến Bình, Tân Thạnh
151	853880	VHX Hiệp Hòa	Ấp Hòa Thuận 2, Xã Hiệp Hoà, Đức Hòa
152	853926	VHX Hòa Khánh Tây	Ấp Hóc Thơm 2, Xã Hoà Khánh Tây, Đức Hòa
153	854020	VHX Đức Hòa Đông	Ấp 4, Xã Đức Hoà Đông, Đức Hòa
154	854230	VHX Bình Hòa Bắc	Ấp Tân Hòa, Xã Bình Hoà Bắc, Đức Huệ
155	854320	VHX Bình Hòa Nam	Ấp 3, Xã Bình Hoà Nam, Đức Huệ

156	854266	VHX Mỹ Bình	Ấp 1, Xã Mỹ Bình, Đức Huệ
157	854220	VHX Mỹ Thạnh Đông	Ấp 4, Xã Mỹ Thạnh Đông, Đức Huệ
158	855170	VHX Vĩnh Trị	Ấp Gò Cát, Xã Vĩnh Trị, Vĩnh Hưng
159	855140	VHX Hưng Điền A	Ấp 2, Xã Hưng Điền A, Vĩnh Hưng
160	855205	VHX Tuyên Bình	Ấp Rạch Mây, Xã Tuyên Bình, Vĩnh Hưng
161	853310	VHX Long Thượng	Ấp Long Thạnh, Xã Long Thượng, Cần Giuộc
162	853150	VHX Long An	Ấp 2, Xã Long An, Cần Giuộc
163	853160	VHX Thuận Thành	Ấp Thuận Nam, Xã Thuận Thành, Cần Giuộc
164	853210	VHX Phước Vĩnh Đông	Ấp Thạnh Trung, Xã Phước Vĩnh Đông, Cần Giuộc
165	852880	VHX Long Cang	Ấp 1, Xã Long Cang, Cần Đước
166	852900	VHX Long Sơn	Ấp 2, Xã Long Sơn, Cần Đước
167	852854	VHX Long Khê	Ấp 1, Xã Long Khê, Cần Đước
168	852930	VHX Phước Tuy	Ấp 2, Xã Phước Tuy, Cần Đước
169	852811	VHX Long Hòa	Ấp 1 B, Xã Long Hoà, Cần Đước
170	852979	VHX Tân Ân	Ấp 6, Xã Tân Ân, Cần Đước
171	852782	VHX Tân Lâm	Ấp Nhà Trường, Xã Tân Lâm, Cần Đước
172	853540	VHX Mỹ Phú	Ấp 3, Xã Mỹ Phú, Thủ Thừa

173	853230	VHX Long Hậu	Ấp 2/5, Xã Long Hậu, Cần Giuộc
174	853474	VHX Tân Lập	Ấp 2 xã Tân Lập huyện Thủ Thừa Long An
175	855720	VHX Bình Tân	Ấp Gò Tranh - Bình Tân - TX Kiến Tường
176	853830	phát Đức Hòa	Ấp Bình Hữu 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
177	853140	VHX Trường Bình	Ấp Hòa Thuận Nhì, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
178	851170	BCP Tân An	Số 1, quốc lộ 1A, phường 2, Tp Tân An, tỉnh Long An
179	852420	BCP Bến Lức	Số 5, Kp4, Quốc lộ 1A, thị trấn Bến Lức, huyện Bến lức, tỉnh Long An
180	853770	BCP Hậu Nghĩa	Ô 7, Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
181	851930	BCP Châu Thành	Số 47 Tỉnh lộ 827A khu phố 3 thị trấn Tầm Vu huyện Châu Thành tỉnh Long An
182	852160	BCP Tân Trụ	Ấp Tân Bình thị trấn Tân Trụ huyện Tân Trụ tỉnh Long An
183	852870	BCP Cần Đước	Quốc lộ 50 khu 1A thị trấn Cần Đước huyện Cần Đước tỉnh Long An
184	853280	BCP Cần Giuộc	Số 106 Quốc lộ 50 thị trấn Cần Giuộc huyện Cần Giuộc tỉnh Long An
185	853580	BCP Thủ Thừa	Số 42 Trưng Trắc thị trấn Thủ Thừa huyện Thủ Thừa tỉnh Long An
186	854330	BCP Đức Huệ	Số 55 E khu vực 1 thị trấn Đông Thành huyện Đức Huệ tỉnh Long An
187	854520	BCP Thạnh Hoá	Khu phố 3 thị trấn Thạnh Hóa huyện Thạnh Hóa tỉnh Long An
188	854670	BCP Tân Thạnh	Số 09 khu phố 1 thị trấn Tân Thạnh huyện Tân Thạnh tỉnh Long An
189	854870	BCP Mộc Hóa	Khu hành chánh Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An

190	855220	BCP Vĩnh Hưng	Số 240 Cách Mạng Tháng 8 thị trấn Vĩnh Hưng huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An
191	855430	BCP Tân Hưng	Số 02 Trần Hưng Đạo khu phố Gò Thuyền A huyện Tân Hưng tỉnh Long An
192	855620	BCP Kiến Tường	Số 14 đường 30/4 khu phố 1 phường 1 thị xã Kiến Tường Tỉnh Long An
TỈNH TIỀN GIANG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	860000	Mỹ Tho	59, đường 30/4, P1, TP Mỹ Tho
2	861818	Bình Đức	Ấp Chợ x ã Bình Đức
3	861000	Chợ Mỹ Tho	46-48 Lê Lợi P1
4	861740	Tân Mỹ Chánh	Ấp Tân Tinh B,Tân Mỹ Chánh
5	861710	Trung Lương	Khu phố Trung Lương, P10
6	861070	Mỹ Tho 2	80 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P1
7	861400	Yersin	71A, Yersin, Phường 4, Mỹ Tho
8	864700	Cái Bè	Khu 1A, TT Cái Bè, huyện Cái Bè
9	864100	Cai Lậy	62, đường Quốc lộ 1A, TT Cai Lậy, huyện Cai Lậy
10	863400	Châu Thành	Ấp Cá, Thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành
11	862000	Chợ Gạo	129, Ô 1khu 2, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo
12	863000	Gò Công Đông	Khu phố Hòa Thơm,TT Tân Hòa,H. Gò Công Đông

13	863140	Tân Tây	Ấp 1, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông
14	863100	Vàm Láng	Ấp Lăng, Vàm Láng, huyện Gò Công Đông
15	863050	Tân Thành	Ấp Cầu Muống, Tân Thành, huyện Gò Công Đông
16	863990	Phú Mỹ	Phú Hữu, Phú Mỹ, Tân Phước
17	862400	Gò Công Tây	Ấp Hạ, TT Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây
18	863900	Tân Phước	Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước
19	862700	Thị xã Gò Công	4, đường Hai Bà Trưng, phường 2, TX Gò Công
20	864970	An Hữu	Ấp 4, xã An Hữu, Huyện Cái Bè
21	864830	Hòa Khánh	Ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, Huyện Cái Bè
22	864910	Mỹ Đức Tây	Ấp Mỹ Nghĩa 1, xã Mỹ Đức Tây, Huyện Cái Bè
23	864950	VHX Tân Thanh	Ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè
24	864810	Thiên Hộ	Ấp Hậu Phú 1, xã Hậu Mỹ Bắc A, Huyện Cái Bè
25	864440	Ba Dừa	Ấp 17, xã Long Trung, huyện Cái Lậy
26	864270	Bình Phú	Ấp Bình Tịnh, xã Bình Phú, huyện Cái Lậy
27	864230	Mỹ Phước Tây	Ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước Tây, huyện Cái Lậy
28	864510	Tam Bình	Ấp Bình Thuận, xã Tam Bình, huyện Cái Lậy
29	864400	Tân Phong	Ấp Tân Bường B, xã Tân Phong, huyện Cái Lậy

30	864260	Thanh Lộc	Ấp 3, xã Thanh Lộc, huyện Cái Lậy
31	864186	Nhị Quý	Ấp Quý Thạnh, xã Tân Hội, huyện Cái Lậy
32	863550	Dưỡng Diễm	Ấp Hòa, xã Dưỡng Diễm, huyện Châu Thành
33	863500	Long Định	Ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành
34	863630	Vĩnh Kim	Ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành
35	862200	Bến Tranh	Ấp Phú Lương A, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo
36	862120	Thanh Bình	Ấp Bình Long, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo
37	862140	Thủ Khoa Huân	Ấp An Thị, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo
38	862250	Xuân Đông	Ấp Tân Thạnh, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo
39	862880	Bình Đông	Ấp Trí Đồ, xã Bình Đông, TX Gò Công
40	862480	Đồng Sơn	Ấp Thạnh Thới, xã Đồng Sơn, H. Gò Công Tây
41	862590	Long Bình	Ấp Khương Ninh, xã Long Bình, H. Gò Công Tây
42	862450	Thành Công	Ấp Thành Nhứt, xã Thành Công, H.Gò Công Tây
43	862500	Thạnh Nhựt	Ấp Bình Tây, xã Thạnh Nhựt, H.Gò Công Tây
44	863280	Phú Đông	Ấp Lý Quàn 1, xã Phú Đông, H. Gò Công Tây
45	862550	Tân Phú	Ấp Tân Thạnh, xã Tân Phú, H. Gò Công Tây
46	862560	Phú Thạnh	Huyện Tân Phú Đông

47	865300	Bưu cục Thị xã Cai Lậy	63 quốc lộ 1A, Phường 1, Thị Xã Cai Lậy
48	865410	Bưu cục Nhị Quý	Ấp Quý Thạnh, xã Tân Hội
49	865460	Bưu cục Mỹ Phước Tây	Ấp Kênh 12, Mỹ Phước Tây
50	865130	Bưu cục Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh, Tân Phú Đông, Tiền Giang
51	861090	BC3 Kinh doanh tiếp thị	59 Đường 30/4 Phường 1, Mỹ Tho, Tiền Giang
52	864780	BĐ VHX Hậu Thành	Ấp Hậu Hoa, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, Tiền Giang
53	864350	BĐVHX Phú An	Ấp 2, Phú An, BDH Cai Lậy
54	865420	BĐVHX Tân Phú	Ấp Tân Hiệp, Tân Phú, BDTX Cai Lậy
55	863290	VHX Phú Tân	Ấp Phú Hữu, Xã Phú Tân, Huyện Tân Phú Đông, Tỉnh Tiền Giang
56	862586	VHX Tân Thạnh	Ấp Tân Thành 2, Xã Tân Thạnh, Huyện Tân Phú Đông, Tỉnh Tiền Giang
57	862520	VHX Tân Thới	Ấp Tân Hiệp, Xã Tân Thới, Huyện Tân Phú Đông, Tỉnh Tiền Giang
58	865450	VHX Mỹ Hạnh Trung	Ấp Mỹ Hòa Xã Mỹ Hạnh Trung - TX Cai Lậy - TG
59	865430	VHX Mỹ Hạnh Đông	Ấp Mỹ Phú - Xã Mỹ Hạnh Đông - TX Cai Lậy - TG
60	865405	VHX Nhị Mỹ	Kp Mỹ Lợi - Phường Nhị Mỹ - TX Cai Lậy - TG
61	865510	VHX Phú Quý	Ấp Phú Hưng - Xã Phú Quý - TX Cai Lậy - TG
62	861780	VHX Đạo Thạnh	ấp 3A- xã Đạo Thạnh- Mỹ Tho- Tiền Giang
63	861800	VHX Trung An	ấp 5- xã Trung An- Mỹ Tho- Tiền Giang

64	862490	VHX Bình Nhì	Xã Bình Nhì Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang
65	862610	VHX Bình Tân	Xã Bình Tân Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang
66	862540	VHX Long Vĩnh	Xã Long Vĩnh Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang
67	864540	VHX Mỹ Long	Ấp Mỹ Hội xã Mỹ Long, Cai Lậy, TG
68	864400	VHX Tân Phong	Ấp Tân Bường B xã Tân Phong, Cai Lậy, TG
69	864370	VHX Hiệp Đức	Ấp Hiệp Nhon xã Hiệp Đức, Cai Lậy, TG
70	864470	VHX Ngũ Hiệp	Ấp Hòa Hảo xã Ngũ Hiệp, Cai Lậy, TG
71	864300	VHX Mỹ Thành Nam	Ấp 6 xã Mỹ Thành Nam, Cai Lậy, TG
72	863170	VHX Tân Phước	Ấp 7, xã Tân Phước, Gò Công Đông
73	863160	VHX Gia Thuận	Ấp 3, xã Gia Thuận, Gò Công Đông
74	863260	VHX Phước Trung	Ấp Nghĩa Chí, xã Phước Trung, Gò Công Đông
75	863190	VHX Bình Nghi	Ấp Thạnh Hòa, xã Bình Nghi, Gò Công Đông
76	863110	VHX Bình Ân	Ấp Gò Me, xã Bình Ân, Gò Công Đông
77	864040	VHX Tân Hòa Tây	Tân Hưng Tây -Tân Hòa Tây-Tân Phước
78	864000	VHX Tân Hòa Đông	Tân Hòa Đông -Tân Phước-TG
79	864010	VHX Thạnh Mỹ	Ấp Mỹ Lộc Xã Thạnh Mỹ -Tân Phước
80	864020	VHX Thạnh Tân	Ấp 4 xã Thạnh Tân -Tân Phước

81	864030	VHX Thanh Hòa	Ấp Hòa Đông -Thanh Hòa-Tân Phước
82	863911	VHX Phước Lập	Ấp Mỹ Lợi-Phước Lập-Tân Phước
83	863970	VHX Mỹ Phước	Mỹ Phước-Tân Phước
84	863944	VHX Tân Lập 2	Ấp Tân Bình -Tân Lập 2-Tân Phước
85	863980	VHX Hưng Thạnh	Ấp Hưng Điền-Hưng Thạnh-Tân Phước
86	863950	VHX Tân Hòa Thành	Tân Hòa Thành -Tân Phước
87	864900	VHX Mỹ Lợi B	Xã Mỹ Lợi B, Huyện Cái Bè, Tiền Giang
88	864850	VHX Thiện Trí	Xã Thiện Trí, Huyện Cái Bè, Tiền Giang
89	863660	VHX Kim Sơn	Ấp hội, xã Kim Sơn, Châu Thành, Tiền Giang
90	863650	VHX Song Thuận	Ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, Châu Thành, Tiền Giang
91	863440	VHX Tân Lý Đông	Ấp Tân Quới, xã Tân Lý Đông, Châu Thành, Tiền Giang
92	862830	VHX Phường 5	Khu Phố 1 Phường 5 TXGC
93	862850	VHX Long Hưng	Ấp Hưng Thạnh Xã Long Hưng TXGC
94	862900	VHX Bình Xuân	Ấp 7 Xã Bình Xuân Thị Xã Gò Công
95	862870	VHX Long Hòa	Ấp Việt Hùng Xã Long Hòa TXGC
96	863426	KCN Tân Hương	KCN Tân Hương Xã Tân Hương CT TG
97	862080	VHX Đăng Hưng Phước	Đăng Hưng Phước, Chợ Gạo, Tiền Giang

98	862300	VHX Bình Ninh	Bình Ninh, Chợ Gạo, Tiền Giang
99	862240	VHX Hòa Tịnh	Hòa Tịnh, Chợ Gạo, Tiền Giang
100	862060	VHX Quơn Long	Quơn Long, Chợ Gạo, Tiền Giang
101	862020	VHX Bình Phục Nhứt	Bình Phục Nhứt, Chợ Gạo, Tiền Giang
102	862260	VHX Hòa Định	Hòa Định, Chợ Gạo, Tiền Giang
103	864320	VHX Mỹ Thành Bắc	Ấp 1_xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy
104	864490	VHX Long Tiên	Mỹ Lợi B_xã Long Tiên, huyện Cai Lậy
105	864380	VHX Hội Xuân	Ấp Hội Trí_xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy
106	864340	VHX Cẩm Sơn	Ấp 1_xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy
107	863944	VHX Tân Lập 2	ấp Tân Bình, xã Tân Lập 2, Tân Phước
108	862280	VHX An Thạnh Thủy	xã An Thạnh Thủy, Chợ Gạo
109	865415	VHX Tân Hội	xã Tân Hội, TX Cai Lậy
110	863070	VHX Tân Điền	Ấp Trung, Tân Điền, Gò Công Đông
111	863120	VHX Tân Đông	Ấp Gò Lức, Tân Đông, Gò Công Đông
112	863740	VHX Thới Sơn	Ấp Thới Bình, Xã Thới Sơn, Mỹ Tho
113	861760	VHX Mỹ Phong	Ấp Hội Gia, Xã Mỹ Phong, Mỹ Tho
114	864860	VHX Thiện Trung	xã Thiện Trung, Cái Bè

115	864940	VHX An Thái Trung	xã An Thái Trung, Cái Bè
116	864790	VHX Hậu Mỹ Phú	xã Hậu Mỹ Phú, Cái Bè
117	864760	VHX Mỹ Hội	xã Mỹ Hội, Cái Bè
118	862460	VHX Bình Phú	Ấp Bình Phú, Xã Bình Phú, Gò Công Tây
119	862456	VHX Thành Công	Ấp Thành Nhứt, Xã Thành Công, Gò Công Tây
120	865480	VHX Thanh Hòa	Ấp Thanh Hưng- Xã Thanh Hòa- Thị xã Cai Lậy- Tiền Giang
121	864296	VHX Phú Nhuận	Xã Phú Nhuận _Huyện Cai Lậy_ Tiền Giang
122	862420	VHX Thạnh Trị	Ấp Thạnh An, Thạnh Trị, Tiền Giang
123	862440	VHX Yên Luông	Ấp Long Bình, Yên Luông, Tiền Giang
124	863930	VHX Tân Lập 1	Ấp 1, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, TG

TỈNH ĐỒNG THÁP

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	871000	TP Cao Lãnh	Số 85 Nguyễn Huệ Phường 1 Thành Phố Cao Lãnh
2	871400	Tháp Mười	Số 36/4A Đường Số 1 Thị Trấn Mỹ An, Huyện Tháp Mười
3	871700	Tam Nông	Thị Trấn Tràm Chim Huyện Tam Nông
4	871900	Tân Hồng	Số 14 Đường Trần Hưng Đạo Thị Trấn Sa Rài Huyện Tân Hồng
5	872100	Hồng Ngự	Đường Hùng Vương phường An Lạc Thị Trấn Hồng Ngự Huyện Hồng Ngự

6	872400	Thanh Bình	Số 19 Đường Quốc lộ 30 ấp Tân Đông B Thị Trấn Thanh Bình
7	872600	Lấp Vò	Đường Quốc Lộ 80 Ấp Bình Thạnh 1 Thị Trấn Lấp Vò Huyện Lấp Vò
8	872800	Lai Vung	Đường Quốc Lộ 80 Thị Trấn Lai Vung Huyện Lai Vung
9	873100	Sadec	Số 90 Hùng Vương Phường 2, Thị Xã. Sadec
10	873800	Châu Thành	Thị Trấn Cái Tàu Hạ Huyện Châu Thành
11	874000	H.Cao Lãnh	Thị Trấn Mỹ Thọ Huyện Cao Lãnh
12	871111	Phường 11	Quốc lộ 30, P11, TP Cao Lãnh
13	871560	Đường Thét	Xã Mỹ Quý, Tháp Mười
14	871520	Trường Xuân	Xã Trường Xuân, Tháp Mười
15	872010	Giồng Găng	Xã Tân Phước, Tân Hồng
16	871787	Phú Hiệp	Xã Phú Hiệp,Tam Nông
17	871830	An Long	QL 30, An Long, Tam Nông
18	872220	GD H. Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự
19	872480	An Phong	QL 30, An Phong, Thanh Bình
20	872490	Tân Quới	Xã Tân Quới, Thanh Bình
21	872640	Tân Mỹ	Xã Tân Mỹ, Lấp Vò
22	872730	Vĩnh Thạnh	QL80, Vĩnh Thạnh Lấp Vò

23	872890	Tân Thành	QL54, Tân Thành Lai Vung
24	873600	Nàng Hai	Phường An Hòa, Sadec
25	873860	Nha Môn	QL80, Tân Nhuận Đông, Châu Thành
26	874180	Mỹ Long	QL 30, Mỹ Long, Huyện Cao Lãnh
27	870200	Phường 6	1020 Phạm Hữu Lầu, P6, TP Cao Lãnh
1	873960	BCP Châu Thành	QL80 thị trấn Cái Tàu Hạ huyện Châu Thành Đồng Tháp.
2	872720	BCP Lấp Vò	QL80 ấp Bình Thạnh 1 thị trấn Lấp Vò huyện Lấp Vò Đồng Tháp
3	873220	BCP Sa Đéc	Số 90 Hùng Vương khóm 1 phường 2 TP Sa Đéc Đồng Tháp
4	872260	BCP Hồng Ngự	Đường Hùng Vương phường An Thạnh TX Hồng Ngự Đồng Tháp
5	872030	BCP Tân Hồng	Số 14 Trần Hưng Đạo thị trấn Sa Rài huyện Tân Hồng Đồng Tháp
6	872570	BCP Thanh Bình	Số 19 QL30 thị trấn Thanh Bình huyện Thanh Bình Đồng Tháp
7	871060	BCP TP.Cao Lãnh	Số 85 Nguyễn Huệ phường 1 TP Cao Lãnh Đồng Tháp
8	874210	BCP H.Cao Lãnh	QL30 thị trấn Mỹ Thọ huyện Cao Lãnh Đồng Tháp.
9	871480	BCP Tháp Mười	Khóm 1 thị trấn Mỹ An huyện Tháp Mười Đồng Tháp
10	871860	BCP Tam Nông	Đường Nguyễn Sinh Sắc thị trấn Tràm Chim huyện Tam Nông Đồng Tháp
11	872880	BCP Lai Vung	QL80 khóm 1 thị trấn Lai Vung huyện Lai Vung Đồng Tháp
28	870000	Đồng Tháp	85 Nguyễn Huệ, Phường 1, TP. Cao Lãnh

29	871130	Văn phòng TP Cao Lãnh	85 Nguyễn Huệ, phường 1, TP Cao Lãnh
30	874530	Bưu cục phát H. Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự
31	872180	Thường Lạc	TX Hồng Ngự
32	871035	Hành Chính Công	27 Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phường 1 TP Cao Lãnh ĐT
33	874477	Cửa khẩu Thường Phước 1	Ấp 2 xã Thường Phước 2, Hồng Ngự
34	871975	Cửa khẩu Quốc tế Dinh Đà	Ấp Chiến thắng, xã Tân Hộ Cơ, Cần Hồng
35	872230	VHX Thường Phước 2	Ấp 2 xã Thường Phước 2, Hồng Ngự
36	872200	VHX Thường Thới Hậu A	Huyện Hồng Ngự
37	872190	VHX Thường Thới Hậu B	Ấp 1 xã Thường Thới Hậu B huyện Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp
38	872250	VHX Long Khánh A	Ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A, huyện Hồng ngự, tỉnh Đồng Tháp
39	872240	VHX Long Khánh B	Huyện Hồng Ngự
40	872270	VHX Long Thuận	Huyện Hồng Ngự
41	872290	VHX Phú Thuận A	Ấp Phú Thạnh B xã Phú Thuận A huyện Hồng Ngự ĐT
42	872280	VHX Phú Thuận B	Huyện Hồng Ngự
43	872210	VHX Thường Phước 1	Huyện Hồng Ngự
44	872230	VHX Thường Phước 2	Ấp 2 xã Thường Phước 2 huyện Hồng Ngự ĐT
45	872221	VHX Thường Thới Tiền	Huyện Hồng Ngự

46	872300	VHX An bình A	TX Hồng Ngự
47	872150	VHX An Bình B	TX Hồng Ngự
48	872160	VHX Bình Thạnh	TX Hồng Ngự
49	872170	VHX Tân Hội	Ấp Tân Hòa Trung xã Tân Hội TX Hồng Ngự
50	872630	VHX Tân Khánh Trung	Ấp An Khánh, xã Tân Khánh Trung, H. Lấp Vò
51	872610	VHX Bình Thạnh Trung	Ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, H. Lấp Vò
52	873580	VHX Tân Phú Đông	Ấp Phú Thuận xã Tân Phú Đông TP Sa Đéc ĐT
53	871100	TT Khai thác vận chuyển	85 Nguyễn Huệ, Phường 1, TP Cao Lãnh
54	872315	HCC TX Hồng Ngự	Hùng Vương, P. An Thạnh, TX Hồng Ngự
55	872440	VHX Tân Phú	ấp Tân Hòa B, Tân Phú, Thanh Bình, Đồng Tháp
56	872450	VHX Tân Mỹ	ấp 1, Tân Mỹ, Thanh Bình, Đồng Tháp
57	871071	VHX Mỹ Tân	50 Mai Văn Khái ấp 2 xã Mỹ Tân TP Cao Lãnh Đồng Tháp
58	871150	VHX Tân Thuận Tây	Tổ 4 ấp Tân Dân xã Tân Thuận Tây TP Cao Lãnh Đồng Tháp
59	871280	VHX Tịnh Thới	68 tổ 2 ấp Tịnh Long xã Tịnh Thới TP Cao Lãnh Đồng Tháp
60	871160	VHX Tân Thuận Đông	228 tổ 6 ấp Đông Thạnh xã Tân Thuận Đông TP Cao Lãnh Đồng Tháp
61	872221	VHX Thường Thới Tiền	Ấp Trung 1 xã Thường Thới Tiền huyện Hồng Ngự Đồng Tháp
62	872470	VHX Tân Thạnh	Aaps Trung, xã Tân Thạnh, H. Thanh Bình

63	874130	VHX Bình Thạnh	Ấp Bình Mỹ B xã Bình Thạnh H. Cao Lãnh Đồng Tháp
64	872700	VHX Định An	Ấp An Hòa xã Định An H. Lấp Vò ĐT
65	872680	VHX Hội An Đông	Ấp An Hòa xã Định An huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp
66	873351	Khu Công Nghiệp C	TL 848 khóm Sa Nhiên, phường Tân Quy Đông, TP Sa Đéc Đồng Tháp
67	871760	VHX Hòa Bình	Ấp 4 xã Hòa Bình huyện Tam Nông Đồng Tháp
68	871800	VHX An Hòa	Ấp 2 xã An Hòa huyện Tam Nông Đồng Tháp
69	873540	VHX Tân Quy Tây	Đường TL 852 ấp Tân Thành xã Tân Quy Tây TP Sa Đéc Đồng Tháp
70	873601	VHX An Hòa	TL 848 khóm Tân Hòa phường An Hòa TP Sa Đéc Đồng Tháp.
71	872840	VHX Tân Dương	Ấp Tân Lộc A xã Tân Dương huyện Lai Vung
72	871750	VHX Tân Công Sính	Ấp Tân Hưng xã Tân Công Sính huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp
73	871770	VHX Phú Đức	Ấp K8 xã Phú Đức huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp
74	871580	VHX Hưng Thạnh	Ấp 2A xã Hưng Thạnh huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp
75	871590	VHX Láng Biển	Ấp 2 xã Láng Biển huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp
76	871490	VHX Xã Mỹ An	Ấp Thị B xã Mỹ An huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp
77	871510	VHX Mỹ Hòa	Ấp 1 xã Mỹ Hòa huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp
78	871500	VHX Tân Kiều	Ấp 3 xã Tân Kiều huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp
79	871540	VHX Mỹ Đông	Ấp 4 xã Mỹ Đông huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp

80	871610	VHX Phú điền	Ấp 2 xã Phú Điền huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp
81	874030	VHX Tân Hội Trung	Ấp 1 xã Tân Hội Trung huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp
82	874060	VHX Ba Sao	Ấp 3 xã Ba Sao huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp
83	874070	VHX Phương Thịnh	Ấp 5 xã Phương Thịnh huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp
84	874120	VHX Mỹ Xương	Ấp Mỹ Thới xã Mỹ Xương huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp
85	874150	VHX Mỹ Hội	Ấp Đông Mỹ Thới xã Mỹ Hội huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp
86	871550	VHX Thạnh Lợi	Ấp 3 xã Thạnh Lợi huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp
87	871561	VHX Mỹ Quý	Ấp 4 xã Mỹ Quý huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp
88	872530	VHX Tân Long	Ấp Tân Thạnh xã Tân Long huyện Thanh Bình tỉnh Đồng Tháp
89	871970	VHX Tân Hộ Cơ	Ấp Chiến Thắng xã Tân Hộ Cơ tỉnh Đồng Tháp
90	872020	VHX Tân Thành A	Ấp Tân Dũng xã Tân Thành A huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp
91	871950	VHX Tân Thành B	Ấp 3 xã Tân Thành B huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp
92	871990	VHX An Phước	Ấp An Thọ xã An Phước huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp
93	872000	VHX Tân Công Chí	Ấp Rọc Muống xã Tân Công Chí huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp
94	871980	VHX Bình Phú	Ấp Công Tạo xã Bình Phú huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp
95	871960	VHX Thông Bình 2	Ấp Long Sơn xã Thông Bình huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp
96	871790	VHX Phú Thành B	Ấp Phú Bình, xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

97	871810	VHX Phú Thọ	Ấp Phú Thọ A, xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
98	871053	VHX Mỹ Trà	Tổ 5 ấp 3 xã Mỹ Trà TP Cao Lãnh ĐT
99	871090	VHX Mỹ Ngãi	Tổ 12 ấp 2 xã Mỹ Ngãi TP Cao Lãnh ĐT
100	871120	VHX Hòa An	Tổ 3 ấp Đông Bình xã Hòa An TP Cao Lãnh ĐT
101	873307	KHL Sa Đéc	Số 90 Hùng Vương, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
102	872930	BĐ-VHX Vĩnh Thới	Ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung Đồng Tháp
103	872870	BĐ_VHX Tân Phước	Ấp Tân Thuận xã Tân Phước huyện Lai Vung Đồng Tháp
104	873930	VHX An Khánh	Ấp An Hưng, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
105	872970	VHX Phong Hòa	Ấp Tân Lợi, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung
106	872420	VHX Bình Thành	Ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
107	872520	VHX Tân Hòa	Ấp Tân Dinh, xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
108	872011	VHX Tân Phước	Ấp Hoàng Việt, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp
109	871850	VHX Phú Ninh	Ấp 1, xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
110	872620	VHX Long Hưng A	Ấp Hưng Mỹ Tây, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
111	872417	Thanh Bình 2	Số 19, QL30, khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
112	871723	Tam Nông 2	Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm 2, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
113	874512	Hồng Ngự 2	Ấp Thượng, xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

114	871935	Tân Hồng 2	Số 14, Trần Hưng Đạo, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp
115	872823	Lai Vung 2	QL 80, khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
116	874050	VHX Phương Trà	Ấp 3 xã Phương Trà huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp
TỈNH AN GIANG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	880000	Long Xuyên	Số 106 Trần Hưng Đạo phường Mỹ Bình Thành Phố Long Xuyên
2	884600	Thoại Sơn	Số 352 Đường Nguyễn Huệ, Thị Trấn Núi Sập Huyện Thoại Sơn
3	882200	Châu Thành	Hoà Phú 3, Thị Trấn An Châu,Huyện Châu Thành
4	882800	Châu Phú	Số 27 Trần Quang Khải, Bình Hòa, Thị Trấn Cái Dầu,
5	883000	Châu Đốc	Số 73 Lê Lợi, Châu Phú B, Thị Xã Châu Đốc
6	884300	Tri Tôn	Số 140 Trần Hưng Đạo, Thị Trân Tri Tôn Huyện Tri Tôn
7	884000	Tịnh Biên	Khóm Trà Sư Xã Nhà Bàng Huyện Tịnh Biên
8	883700	An Phú	Đường Thoại Ngọc Hầu,Thị Trấn An Phú Huyện An Phú
9	883400	Tân Châu	Số 46 Đường Thoại Ngọc Hầu phường Long Thạnh Thị Xã Tân Châu
10	882500	Phú Tân	Ấp Trung Hòa, xã Tân Trung,Huyện Phú Tân
11	881600	Chợ Mới	Số 5 Lê Lợi, Thị Trấn Chợ Mới Huyện Chợ Mới
12	881000	Mỹ Long	Số 11-13 Ngô Gia Tự phường Mỹ Long Thành Phố Long Xuyên

13	881360	Vàm Cống	Số 20/12 khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, Thành Phố Long Xuyên
14	881900	Mỹ Luông	Ấp Thị 1 Thị Trấn Mỹ Luông,Huyện Chợ Mới
15	883190	Núi Sam	Vĩnh Đông 1, Xã Núi Sam, Huyện Châu Đốc
16	883730	Quốc Thái	Đồng Ky, Xã Quốc Thái, Huyện An Phú
17	883880	Long Bình	Tân Bình, Xã Long Bình, Huyện An Phú
18	884070	Chi Lăng	Thị Trấn Chi Lăng, Huyện Tịnh Biên
19	884770	Vọng Thê	Tân Hiệp A, Xã Óc Eo, Huyện Thoại Sơn
20	884670	Phú Hòa	Ấp Phú Hữu, TT Phú Hòa, H.Thoại Sơn
1	881110	phát Long Xuyên	106 Trần Hưng Đạo - P.Mỹ Bình - TP Long Xuyên
2	881640	phát Chợ Mới	5 Lê Lợi - Thị trấn Chợ Mới
3	882220	phát Châu Thành	QL 91, ấp Hòa Phú 3, Thị trấn An Châu
4	882640	phát Phú Tân	Ấp Trung Hòa, Xã Tân Trung
5	883090	phát Châu Đốc	73 Lê Lợi - P. Châu Phú B - TP Châu Đốc
6	883480	phát Tân Châu	Số 46 Tổ 26 , Thoại Ngọc Hầu - P. Long Thạnh
7	883790	phát An Phú	Đường Thoại Ngọc Hầu - TT An Phú
8	884080	phát Tịnh Biên	Tổ 7, khóm Trà Sư - Thị trấn Nhà Bàng
9	884410	phát Tri Tôn	140 Trần Hưng Đạo - Thị trấn Tri Tôn

10	884650	phát Thoại Sơn	352 Tổ 8, Nguyễn Huệ - Thị trấn Núi Sập
11	884940	phát Châu Phú	327 ấp Vĩnh Lộc - Thị trấn Cái Dầu
21	884030	Xuân Tô	TT Tịnh Biên, Tịnh Biên
22	881220	Văn phòng TTKTVC	106, Trần Hưng Đạo, Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang
23	881010	Bắc An Hòa	Đường Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên
24	881540	Mỹ Phước	số 60 đường Ung Văn Khiêm, Mỹ Phước, TP Long Xuyên
25	881115	HCC An Giang	Đường Lê Triệu Kiết, P Mỹ Bình, TP Long Xuyên
27	881410	VHX Mỹ Hòa Hưng	Tổ 4, Mỹ An 2, Mỹ Hòa hưng, Long Xuyên
28	881400	VHX Mỹ Khánh	Ấp Bình Hòa 2, xã Mỹ Khánh TP Long Xuyên, An Giang
29	881660	VHX Long Điền A	Ấp Long Định, xã Long Điền A huyện Chợ Mới, An Giang
30	881761	VHX Hội An	Ấp An Phú, xã Hội An huyện Chợ Mới, An Giang
31	881830	VHX An Thạnh Trung	Ấp An Lạc, xã An Thạnh Trung huyện Chợ Mới, An Giang
32	881940	VHX Hòa An	Ấp Bình Thạnh 1, xã Hòa An huyện Chợ Mới, An Giang
33	881980	VHX Mỹ Hiệp	Ấp Thị, xã Mỹ Hiệp huyện Chợ Mới, An Giang
34	882610	VHX Phú Lâm	Ấp Phú Lợi, xã Phú lâm huyện Phú Tân, An Giang
35	882860	VHX Đào Hữu Cảnh	Ấp Hưng Thới, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, An Giang
36	882880	VHX Mỹ Đức	Ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức huyện Châu Phú, An Giang

37	882920	VHX Bình Phú	Ấp Bình Đức, xã Bình Đức huyện Châu Phú, An Giang
38	883600	VHX Vĩnh Xương	Ấp 2, xã Vĩnh Xương TX Tân Châu, An Giang
39	884100	VHX An Hảo	Ấp An Hòa, xã An Hảo huyện Tịnh Biên, An Giang
40	884140	VHX An Cư	Ấp Phô Thị, xã An Cư huyện Tịnh Biên, An Giang
41	884371	VHX Ba Chúc	Khóm An Hòa B, TT Tri Tôn huyện Tri Tôn, An Giang
42	884730	VHX Tây Phú	Ấp Sơn Tân, xã Vọng Đông huyện Thoại Sơn, An Giang
43	884780	VHX Vọng Đông	Ấp Sơn Tân, xã Vọng Đông huyện Thoại Sơn, An Giang
44	884750	VHX Thoại Giang	Ấp Trung Bình, Xã Thoại Giang, Huyện Thoại Sơn
45	884810	VHX Mỹ Phú Đông	Ấp Tân Mỹ, Xã Mỹ Phú Đông, Huyện Thoại Sơn
46	882580	VHX Hòa Lạc	Ấp Hòa Bình 2, Xã Hoà Lạc, Huyện Phú Tân
47	882550	VHX Phú Bình	Ấp Bình Phú 2, Xã Phú Bình, Huyện Phú Tân
48	882690	VHX Bình Thạnh Đông	Ấp Bình Trung 2, Xã Bình Thạnh Đông, Huyện Phú Tân
49	884390	VHX Cô Tô	Ấp Tô Bình, Xã Cô Tô, Huyện Tri Tôn
50	884440	VHX Tà Đảnh	Ấp Tân Bình, Xã Tà Đảnh, Huyện Tri Tôn
51	882000	VHX Long Kiến	Ấp Long Định, Xã Long Kiến , Huyện Chợ Mới
52	881800	VHX Long Giang	Ấp Long Thạnh 2, Xã Long Giang, Huyện Chợ Mới
53	883540	VHX Long An	Ấp Long Hòa, Xã Long An, Thị xã Tân Châu

54	883530	VHX Châu Phong	Ấp Vĩnh Tường II, Xã Châu Phong, Thị xã Tân Châu
55	883860	VHX Phước Hưng	Ấp Phước Thạnh, Xã Phước Hưng, Huyện An Phú
56	883720	VHX Khánh An	Ấp An Hòa, Xã Khánh An, Huyện An Phú
57	883770	VHX Vĩnh Lộc	Ấp Vĩnh Phước, Xã Vĩnh Lộc, Huyện An Phú
58	883560	VHX Tân An	Ấp Tân Châu B, Xã Tân An, TX Tân Châu
59	882590	VHX Phú Hưng	Ấp Hưng Tân, Xã Phú Hưng, Huyện Phú Tân
60	882950	VHX Bình Thủy	ấp Bình Hòa, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú
61	882930	VHX Bình Mỹ	ấp Bình Hòa, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú
62	882850	VHX Thạnh Mỹ Tây	ấp Bình Hòa, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú
63	882840	VHX Ô Long Vỹ	Ấp Long An, xã Ô Long Vỹ, huyện Châu Phú
64	882910	VHX Bình Chánh	Ấp Bình Thạnh, xã Bình Chánh, huyện Châu Phú
65	883850	VHX Vĩnh Trường	Ấp Vĩnh Nghĩa, Xã Vĩnh Trường, Huyện An Phú
66	883820	VHX Phú Hội	Ấp Phú Nhơn, Xã Phú Hội, Huyện An Phú
67	883830	VHX Vĩnh Hội Đông	Ấp Vĩnh Hội, Xã Vĩnh Hội Đông, Huyện An Phú
68	883760	VHX Đa Phước	Ấp Hà Bao 2, Xã Đa Phước, Huyện An Phú
69	882300	VHX Vĩnh Thành	Ấp Trung Thành, Xã Vĩnh Thành, Huyện Châu Thành
70	882330	VHX Vĩnh Hanh	Ấp Vĩnh Thuận, Xã Vĩnh Hanh, Huyện Châu Thành

71	881680	VHX Long Điền B	Ấp Long Quới 2, Xã Long Điền B, Huyện Chợ Mới
72	881760	VHX Cái Tàu Thượng	Ấp Thị 1, Xã Hội An, Huyện Chợ Mới
73	882630	VHX Long Sơn	Khóm Long Hưng 2, Phường Long Sơn, TX Tân Châu
74	883500	VHX Long Phú	Khóm Long An B, Phường Long Phú, TX Tân Châu
75	883510	VHX Phú Vĩnh	Ấp Phú An A, Xã Phú Vĩnh, TX Tân Châu
76	884660	VHX Định Thành	Ấp Hòa Thành, Xã Định Thành, Huyện Thoại Sơn
77	884420	VHX Lương An Trà	Ấp Giồng Cát Xã Lương An Trà Huyện Tri Tôn
78	884430	VHX Ô Lâm	Ấp Phước Lợi Xã Ô Lâm Huyện Tri Tôn
79	881120	Văn phòng BD tỉnh	5, Lê Triệu Kiết, Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, AG
80	884470	VHX Lê Trì	Ấp An Thạnh, xã Lê Trì, huyện Tri Tôn
81	884450	VHX An Tức	Ấp Ninh Thuận, xã An Tức, huyện Tri Tôn
82	882540	VHX Tân Hòa	ấp Hậu Giang 1, xã Tân Hòa, huyện Phú Tân
83	882650	VHX Phú Thọ	ấp Phú Mỹ Thượng, xã Phú Thọ, huyện Phú Tân
84	882680	VHX Hiệp Xương	ấp Hiệp Thuận, xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân
85	881215	KHL Long Xuyên	Số 1169 Trần Hưng Đạo, Mỹ Bình, Long Xuyên
86	883580	VHX Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Hòa, TX Tân Châu
87	883001	VHX Châu Phú A	17 Lô E2 KDC khóm 8, p Châu Phú A TPCĐ

88	883100	VHX Châu Phú B	232 Bờ Tây, k Châu Thới 3, Pb TPCĐ
89	883230	VHX Vĩnh Ngươn	Vĩnh Chánh 2 P Vĩnh Ngươn TP Châu Đốc
90	882290	VHX Tân Phú	Ấp Tân Lợi, xã Tân Phú, huyện Châu Thành
91	882360	VHX Vĩnh Nhuận	Ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành
92	884130	VHX An Phú	Ấp Phú Hòa, Xã An Phú, Huyện Tịnh Biên
93	883717	VHX Vĩnh Mỹ	Mỹ Thành, Vĩnh Mỹ, TP Châu Đốc, An Giang
94	884820	VHX Vĩnh Phú	Ấp Trung Phú 2, Vĩnh Phú, Thoại Sơn, An Giang
95	884700	VHX Vĩnh Trạch	Tây Bình Vĩnh Trạch, Thoại Sơn, An Giang
96	881850	VHX Kiến An	Ấp Hòa Thượng, Kiến An, Chợ Mới, An Giang
97	884490	VHX Vĩnh Gia	Ấp Vĩnh Cầu, Xã Vĩnh Gia, Huyện Tri Tôn
98	882801	VHX Cái Dầu	TT Cái Dầu, Châu Phú, An Giang
99	881780	VHX Tấn Mỹ	Tấn Phước, Tấn Mỹ, Chợ Mới, An Giang
100	881928	VHX Mỹ An	Mỹ Phú, Mỹ An, Chợ Mới, An Giang
101	881111	VP Long Xuyên	Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, An Giang
102	881720	VHX Nhơn Mỹ	Nhơn Mỹ, Chợ Mới, An Giang
103	881741	VHX Hòa Bình	Hòa Bình, Chợ Mới, An Giang
104	881532	Bình Khánh	90 Hàm Nghi, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, An Giang

TỈNH VĨNH LONG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	890000	Vĩnh Long	Số 12 C Hoàng Thái Hiếu phường 1 Thành Phố Vĩnh Long
2	891130	Phước Thọ	Số 2D Phó Cơ Điều phường 8 Thành Phố Vĩnh Long
3	891050	Nguyễn Huệ	Số 144 Nguyễn Huệ phường 2 Thành Phố Vĩnh Long
4	891300	Long Hồ	Khóm 1 thị trấn Long Hồ Huyện Long Hồ
5	891470	Cầu Đôi	Ấp Long Hòa Xã Lộc Hòa huyện Long Hồ
6	891460	KCN Hòa Phú	Xã Hòa Phú Huyện Long Hồ
7	893400	Mang Thít	Khóm 1 Thị Trấn Cái Nhum Huyện Mang Thít
8	892900	Vũng Liêm	Khóm 1 Thị trấn Vũng Liêm Huyện Vũng Liêm
9	891700	Tam Bình	Khóm 3 Thị Trấn Tam Bình Huyện Tam Bình
10	892100	Bình Minh	Số 127/5 Ngô Quyền khóm 1, Thị Trấn Cái Vồn Huyện Bình Minh
11	893800	Bình Tân	Ấp Thành Quới xã Thành Đông Huyện Bình Tân
12	892500	Trà Ôn	Số 10A Lê Văn Duyệt, Thị Trấn Trà Ôn Huyện Trà Ôn
13	892610	Hựu Thành	Khu phố chợ Hựu Thành xã Hựu Thành Huyện Trà Ôn
14	892580	Vĩnh Xuân	ấp Vĩnh Trinh,Xã Vĩnh Xuân Huyện Trà Ôn
15	891810	Ba Càng	Ấp Phú Trường xã Song Phú huyện Tam Bình

1	891290	Phát Vĩnh Long	12C đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, TP.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
2	891420	Phát Long Hồ	Khóm 1, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
3	893480	Phát Mang Thít	Khóm 1, thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
4	892960	Phát Vũng Liêm	Khóm 1, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
5	891820	Phát Tam Bình	Khóm 3, thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
6	892160	Phát Bình Minh	127/15 Khóm 1, thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
7	893830	Phát Bình Tân	Tổ 15, ấp Tân Thuận, xã Tân Quới, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
8	892570	Phát Trà Ôn	Số 10A đường Lê Văn Duyệt, khu 1, thị trấn Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
16	891880	Mỹ Lộc	Ấp Mỹ Phú xã Mỹ Lộc huyện Tam Bình
17	893060	Cầu Mới	Ấp 8 xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm
18	892970	Hiếu Phụng	Ấp Nhơn Ngãi, xã Hiếu Phụng, huyện Vũng Liêm
19	894380	BC Khách hàng lớn	12 Hoàng Thái Hiếu Phường 1 TP Vĩnh Long
20	894410	BC Mỹ Phú	Ấp Mỹ Phú xã Tân Hội TP Vĩnh Long
21	891090	Tân Ngãi 2	Số 81 ấp Tân Thuận, Xã An Tân Ngãi Thành Phố Vĩnh Long
22	893880	Tân Lược	Tổ 13 ấp Tân Lộc xã Tân Lược Huyện Bình Tân
23	893000	VHX Hiếu Nhơn	Ấp Hiếu Minh B ,Hiếu Nhơn ,Vũng Liêm
24	891540	VHX Long An	Ấp An Hiệp Long An Long Hồ Vĩnh Long

25	891500	VHX Long Phước	Ấp Phước Ngươn B Long Phước Long Hồ Vĩnh Long
26	893590	VHX Tân Long	Ấp An Hiệp Tân Long Mang Thít Vĩnh Long
27	893530	VHX Bình Phước	Ấp Phước Tường A Bình Phước Mang Thít Vĩnh Long
28	891790	VHX Long Phú	Ấp Phú Sơn A Long Phú Tam Bình Vĩnh Long
29	891770	VHX Ngãi Tứ	Ấp An Phong Ngãi Tứ Tam Bình Vĩnh Long
30	891100	Trung tâm Khai thác Vận chuyển	14 Hoàng Thái Hiếu Phường 1 Vĩnh Long
31	892520	VHX Lục Sỹ Thành	Ấp An Thạnh xã Lục Sỹ Thành huyện Trà Ôn Vĩnh Long
32	892600	VHX Thuận Thới	Ấp Cống Đà xã Thuận Thới huyện Trà Ôn Vĩnh Long
33	892630	VHX Thới Hòa	Ấp Tường Thịnh xã Thới Hòa huyện Trà Ôn Vĩnh Long
34	893220	VHX Thanh Bình	ấp Thái Bình Thanh Bình Vũng Liêm Vĩnh Long
35	893040	VHX Hiếu Nghĩa	ấp Hiếu Văn Hiếu Nghĩa Vũng Liêm Vĩnh Long
36	893020	VHX Hiếu Thành	ấp Hiếu Xuân Tây Hiếu Thành Vũng Liêm Vĩnh Long
37	892930	VHX Trung Hiệp	ấp Mướp Sắt trung Hiệp Vũng Liêm Vĩnh Long
38	893410	VHX Chánh An	ấp Mỹ Chánh xã Chánh An Mang Thít Vĩnh long
39	893580	VHX Long Mỹ	ấp Cái Kè xã Mỹ Phước Mang Thít Vĩnh Long
40	893458	VHX Mỹ Phước	ấp Cái Kè xã Mỹ Phước Mang Thít Vĩnh Long
41	891940	VHX Hòa Lộc	ấp Hòa An xã Hòa Lộc Tam Bình Vĩnh Long

42	891960	VHX Hòa Hiệp	ấp 10 xã Hòa Hiệp Tam Bình Vĩnh Long
43	891850	VHX Tân Lộc	ấp Hòa An xã Hòa Lộc Tam Bình Vĩnh Long
44	891830	VHX Phú Thịnh	ấp Phú Thuận xã Phú Thịnh Tam Bình Vĩnh Long
45	891920	VHX Tường Lộc	ấp Tường Nhơn xã Tường Lộc Tam Bình Vĩnh Long
46	891860	VHX Phú Lộc	ấp 3 B Phú Lộc Tam Bình Vĩnh Long
47	891980	VHX Hòa Thạnh	ấp2 Hòa Thạnh Tam Bình Vĩnh Long
48	891900	VHX Hậu Lộc	ấp 6 Hậu Lộc Tam Bình Vĩnh Long
49	893960	VHX Thành Lợi	xã Thành Lợi Bình Tân Vĩnh Long
50	893840	VHX Tân An Thạnh	xã Tân An Thạnh Bình Tân Vĩnh Long
51	891340	VHX Bình Hòa Phước	ấp Bình Hòa 2 xã Bình Hòa Phước Long Hồ Vĩnh Long
52	891418	VHX Phú Quới	ấp Phú Long A xã Phú Quới Long Hồ Vĩnh Long
53	893490	VHX Nhơn Phú	Ấp Chợ xã Nhơn Phú Mang Thít Vĩnh Long
54	892710	VHX Trà Côn	Ngãi Lộ A Trà Côn Trà Ôn Vĩnh Long
55	892730	VHX Tân Mỹ	Mỹ An Tân Mỹ Trà Côn Vĩnh Long
56	891121	VHX Tân Hội	202 Tân Bình Tân Hội TPVL
57	892210	VHX Đông Thạnh	Đông Thạnh, Bình Minh
58	892120	VHX Thuận An	Thuận An, Bình Minh

59	893200	VHX Tân Quới Trung	Ấp Rạch Đồi Tân Quới Trung Vũng Liêm Vĩnh Long
60	893630	VHX Tân An Hội	Ấp Tân Thiềng Tân An Hội Mang Thít
61	891378	VHX An Bình	ấp An Thuận xã An Bình huyện Long Hồ
62	891520	VHX Phú Đức	ấp An Hòa xã Phú Đức huyện Long Hồ
63	892560	VHX Tích Thiện	Ấp Tích Lộc xã Tích Thiện huyện Trà Ôn
64	891320	VHX Thanh Đức	ấp Thanh Mỹ 1 Thanh Đức Long Hồ Vĩnh Long
65	892750	VHX Thiện Mỹ	Ấp Cây Diệp xã Thiện Mỹ Trà Ôn Vĩnh Long
66	892650	VHX Xuân Hiệp	Ấp Hồi Trinh xã Xuân Hiệp huyện Trà Ôn
67	893180	VHX Quới An	Ấp Vàm An xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
68	893240	VHX Quới Thiện	Ấp Phú Thới xã Quới Thiện

TỈNH CẦN THƠ

STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	900000	Cần Thơ	Số 02 Hoà Bình Phường An Hội Quận Ninh Kiều
2	901000	Cái Khế	Số 24B Đường Nguyễn Trãi P.Cái Khế Q.Ninh Kiều
3	901150	An Hòa	Số 98 Đường Mậu Thân Phường An Hòa Q.Ninh Kiều
4	902070	Mậu Thân	Số 1 Đường 3/2 P.Xuân Khánh Quận Ninh Kiều
5	902080	Xuân Khánh	Số 207 Đường 30/4 Phường Xuân Khánh Q. Ninh Kiều

6	902220	Hưng Lợi	Số 190 Đường 30/04 Phường Hưng Lợi Q.Ninh Kiều
7	902230	Hưng Lợi 2	Số 205B Đường 3/2 Phường Hưng Lợi Q.Ninh Kiều
8	902800	Bình Thủy	Số 8/4 Bùi Hữu Nghĩa Hương Lộ 28 Phường Bình Thủy Quận Bình Thủy
9	902870	An Thới	Số 23A CMT8 Phường Thới Quận Bình Thủy
10	903040	Trà Nóc	Tổ 8 KV2 Lê Hồng Phong Quận Bình Thủy
11	903050	Hồi Lục	Số 2/17 Lê Hồng Phong Phường Trà An Q.Bình Thủy
12	903670	Cái Răng	Số 01 Đinh Tiên Hoàng Phường Lê Bình Q.Cái Răng
13	904000	Ô Môn	1/1Trần Hưng Đạo P. Châu Văn Liêm, Q.Ô Môn
14	904200	Thốt Nốt	Số 24 Đường Lê Thị Tạo P.Thốt Nốt Q.Thốt Nốt
15	904250	Thới Thuận	KV Thới Hòa1, P.Thới Thuận, Q.Thốt Nốt
16	904400	Phong Điền	Ấp Thị Tứ TT Phong Điền, Huyện Phong Điền
17	904600	Thới Lai	Ấp Thới Thuận A Thị trấn Thới Lai Huyện Cờ Đỏ
18	904660	Cờ Đỏ	Ấp Thới Hòa A Thị trấn Cờ Đỏ huyện Cờ Đỏ
19	905000	Vĩnh Thạnh	Ấp Quy Lân 5 Xã Thạnh Quới Huyện Vĩnh Thạnh
20	905010	Thạnh An	Ấp Phụng Quới A Thị trấn Thạnh An, H.Vĩnh Thạnh
21	905340	Phú Thừ	Dãy D1 KV Thạnh Thuận P.Phú Thừ, Q.Cái Răng
22	904300	Trung An	Ấp Thạnh Lợi 1 Xã Trung An, H.Cờ Đỏ

1	901750	BC Phát Cần Thơ	Số 02 Hòa Bình, An Hội, Ninh Kiều
2	904390	BCP Thốt Nốt	24 Lê Thị Tạo Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt
3	905080	BCP Vĩnh Thạnh	Ấp Quy Lân 5 Xã Thạnh Quới Huyện Vĩnh Thạnh
4	904910	BCP Cờ Đỏ	Ấp Thới Hòa A thị trấn Cờ Đỏ Huyện Cờ Đỏ
5	904110	BCP Ô Môn	Số 01, Kim đồng, Châu Văn Liêm, Ô Môn
6	902980	BCP Trà Nóc	Tổ 8, KV2, Lê Hồng Phong, Trà Nóc, Bình Thủy
7	905610	BCP Thới Lai	Ấp Thới Thuận A, TT Thới Lai, huyện Thới Lai
8	905390	BCP Cái Răng	Số 01 Đình Tiên Hoàng, Lê Bình, Cái Răng
9	904560	BCP Phong Điền	Ấp Nhơn Lộc 2, TT Phong Điền, h.Phong Điền
23	902240	Bưu cục Bưu chính uỷ thác	Lô 26 Đường B5 Khu dân cư Hưng Phú 1, P.Hưng Phú, Q. Cái Răng, TPCT
24	905420	TMĐT Cần Thơ	Lô 26, Khu dân cư Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ
25	901740	KHL Cần Thơ	02 Hòa Bình, Phường An Hội, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
26	903885	Ba Láng	Khu vực 2 Phường Ba Láng, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ
27	902510	An Khánh	369 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
28	902430	An Bình	159A/3 Trần Vĩnh Kiết, KV1, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
29	906040	Trà An	205 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ
30	906060	KCN Trà Nóc	Lô 19A1 KCN Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

31	904165	Châu Văn Liêm	759/6 khu vực 5, phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, TP Cần Thơ
32	905510	Long Hưng	1866 khu vực Thới Hưng, Phường Long Hưng, Quận Ô Môn, TP Cần Thơ
33	901745	BC hành chính công	Số 2 Hòa Bình Phường An Hội Quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ
34	904830	BĐVHX Sông Hậu	Ấp 1 Xã thới Hưng Huyện Cờ đỏ TP Cần Thơ
35	904230	VHX Tân Lộc	Tân Lộc, Thốt Nốt
36	903100	VHX Long Hòa	Long Hòa, Ô Môn
37	904810	VHX Đông Bình	Đông Bình, Thới Lai
38	904710	VHX Trường Thành	Trường Thành, Thới Lai
39	905130	VHX Thạnh Mỹ	Ấp Lân Quới 1, xã Thạnh Mỹ, Huyện Vĩnh Thạnh, TP CT
40	904510	VHX Trường Long	Ấp Trường Thuận ,xã Trường Long,Huyện Phong Điền
41	904401	VHX Mỹ Khánh	Ấp Mỹ Ái ,xã Mỹ Khánh,Huyện Phong Điền
42	904770	VHX Đông Thuận	Ấp Đông Hòa ,xã Đông Thuận,Huyện Thới lai
43	904730	VHX Trường Xuân	Ấp Trường Thọ ,xã Trường Xuân,Huyện Thới lai
44	903380	VHX Thới An Đông	Tổ 4 Khu vực Thới Bình ,Phường Thới An Đông,Quận Bình Thủy
45	903240	VHX Long Tuyền	Tổ 18 Khu vực Bình Dương B ,Phường Long Tuyền,Quận Bình Thủy
46	904120	VHX Trường Lạc	Khu vực Tân Xuân ,Phường Trường Lạc,Quận Ô Môn
47	905040	VHX Thạnh Lộc	Ấp Tân Lợi,Xã Thạnh Lộc,H Vĩnh Thạnh

48	905138	VHX Thạnh Mỹ 1	Ấp Qui Long,Xã Thạnh Mỹ,H Vĩnh Thạnh
49	903720	VHX Thường Thạnh	Tổ 6 Khu vực Phú Quới ,Phường Thường Thạnh,Quận Cái răng
50	904850	VHX Đông Hiệp	Ấp Thới Hữu, Xã Đông Hiệp, Huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ
51	904705	VHX Thới Đông	Xã Thới Đông, Huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ
52	904338	VHX Trung Thạnh	Ấp Thạnh Lộc, Xã Trung Thạnh, Huyện Cờ Đỏ, TP.Cần Thơ
53	905102	VHX Vĩnh Trinh 1	Ấp Vĩnh Thành, Xã Vĩnh Trinh 1, Huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ
54	905060	VHX Thạnh An	Ấp F1, Xã Thạnh An, Huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ
55	904490	VHX Nhơn Nghĩa	Ấp Thị Tứ Vàm Săng, Nhơn Nghĩa, Huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ
56	904430	VHX Tân Thới	Ấp Tân Long, Tân Thới, Huyện Phong Điền, TP.Cần Thơ
57	904420	VHX Giai Xuân	Ấp Thới An, Xã Giai Xuân, Huyện Phong Điền, TP.Cần Thơ
58	905020	VHX Thạnh Thắng	Xã Thạnh Thắng, Huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
59	905151	VHX Thạnh Quới 1	Xã Thạnh Quới, Huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
60	905090	VHX Vĩnh Trinh	Xã Vĩnh Trinh, Huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
61	904311	VHX Thuận Hưng	Khu Vực Tân Phú Phường Thuận Hưng Quận Thốt Nốt TP Cần Thơ
62	904287	VHX Trung Kiên	Khu Vực Lân Thạnh 2 Phường Trung Kiên Quận Thốt Nốt TP Cần Thơ
63	904245	VHX Tân Lộc 1	Khu Vực Lân Thạnh Phường Tân Lộc Quận Thốt Nốt TP Cần Thơ
64	904270	VHX Trung Nhứt	Khu Vực Phúc Lộc 1 Phường Trung Nhứt Quận Thốt Nốt TP Cần Thơ

65	904620	VHX Thới Thạnh	Ấp Thới Bình B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, TP.Cần Thơ
66	904787	VHX Xuân Thắng	Ấp Thới Phong B, xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, TP.Cần Thơ
67	904790	VHX Thới Lai	Ấp Thới Phước A, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, TP.Cần Thơ
68	904762	VHX Trường Xuân A	Ấp Trường Ninh 1, xã Trường Xuân A, huyện Thới Lai, TP.Cần Thơ
69	905170	VHX Trung Hưng	Ấp Thạnh Quới 1, Xã Trung Hưng, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ
70	904841	VHX Thới Hưng	Ấp 2, Xã Thới Hưng, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ
71	905110	VHXXHX Thanh Phú	Ấp Phước Lộc, Xã Thanh Phú, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ
72	905111	VHX Nông Trường Cờ Đỏ	Ấp 1, Xã Thanh Phú, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ
73	905119	VHX KV Nông Trường Cờ Đỏ	Ấp 4, Xã Thanh Phú, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ
74	904640	VHX Định Môn	Ấp Định Hòa A, xã Định Môn, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
75	905001	VHX Thị Trấn Thạnh An	Ấp Phụng Quới B, Thị Trấn Thạnh An, Phường Huyện Vĩnh Thạnh, Thành Phố Cần Thơ
76	904362	Đại lý Thơm Rơm	Tân Hưng, Quận Thốt Nốt, Thành Phố Cần Thơ
77	901010	Chợ Cái Khế	Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ
TỈNH HẬU GIANG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	910000	Vị Thanh	Số 305A, Trần Hưng Đạo, KV1, Phường 1, Thị xã Vị Thanh
2	911360	Phường 7	Số 13 Nguyễn Trung Trực, Phường 7, thị xã Vị Thanh

3	911500	GD TX Long Mỹ	Số 113 đường 30/4 thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ
4	911800	Phụng Hiệp	Tỉnh lộ 928 ấp Mỹ Quới, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp
5	911870	Cầu Tráng	Số 205 ấp Thạnh Lợi A1, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp
6	911890	Long Thạnh	Số 120 ấp Long Hòa 1, xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp
7	911930	Hòa An	Ấp Cầu Xáng, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp
8	912200	Vị Thủy	Số 1, ấp 1, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy
9	912260	Vị Thanh	Ấp 1, xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy
10	912500	Châu Thành A	Ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A
11	912510	Thạnh Xuân	Thị trấn Gạch Gò, huyện Châu Thành A
12	912530	Cái Tắc	Thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A
13	912610	Tân Hòa	Xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A
14	912700	Châu Thành	E42 đường số 9, khu thương mại, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành
15	913100	Ngã Bảy	Khu thị ủy, Phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy
16	911610	Vĩnh Viễn	Số 18, ấp 3, xã Vĩnh Viễn, H. Long Mỹ
17	911950	Hòa Mỹ	Ấp Mỹ Phú, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp
18	912070	Phương Bình	Ấp Phương Lạc, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp
1	911140	BCP Vị Thanh	305A Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Vị Thanh, Hậu Giang

2	912320	BCP Vị Thủy	Ấp 1, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
3	911620	BCP TX Long Mỹ	Số 04 đường 30/4, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, Hậu Giang
4	912640	BCP Châu Thành A	Thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, Hậu Giang
5	912830	BCP Châu Thành	E42 đường số 9, khu thương mại, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
6	911860	BCP Phụng Hiệp	Tỉnh lộ 928 Mỹ Quới, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
7	912990	BCP Ngã Bảy	02 Châu Văn Liêm, Phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang
19	913300	GD Long Mỹ	số 18 ấp 3 xã vĩnh viễn huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang
20	913320	BCP Long Mỹ	số 18 ấp 3 xã vĩnh viễn huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang
21	912880	Mái Dầm	Ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
22	911320	VP BDT Hậu Giang	Số 93 đường 3/2, Phường 5, TP Vị Thanh, Hậu Giang
23	911410	Phường 1	Số 1 đường Châu Văn Liêm, Phường 1, TP Vị Thanh, HG
24	912550	Tân Phú Thạnh	xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
25	911570	VHX Long Bình	Long Bình, huyện Long Mỹ
26	911590	VHX Vĩnh Thuận Đông	Số 104, ấp 4, Xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
27	911058	VHX Vị Tín	32 Nguyễn Trãi - KV5 - Phường 4 - Tp Vị Thanh Hậu Giang
28	912600	VHX Trường Long Tây	Ấp Trường Thọ, Trường Long Tây, Châu Thành A, Hậu Giang
29	912790	BĐVHX Đông Phước	Xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

30	912810	BĐVHX Phú Hữu	Xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
31	911630	BĐVHX Thuận Hưng	Xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
32	911690	BĐVHX Lương Nghĩa	Xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
33	912115	VHX Bình Thành	Số 2, Thạnh Mỹ C, Bình Thành, Phụng Hiệp, Hậu Giang
34	912980	VHX Đại Thành	409 Ấp sơn phú xã Đại Thành, thị xã Ngã Bảy tỉnh HG
35	912220	VHX Vĩnh Tường	xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
36	911330	VHX Hỏa Lựu	xã Hỏa Lựu, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
37	911550	BĐVHX Long Trị	Xã Long Trị, TX Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
38	912560	BĐVHX Nhon Nghĩa A	Xã Nhon Nghĩa A, huyện Châu Thanh A, tỉnh Hậu Giang
39	911910	BĐVHX Thạnh Hòa	Xã Lương Nghĩa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
40	911931	BĐVHX Tân Bình	Xã Lương Nghĩa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
41	912580	VHX Trường Long A	Ấp Trường Hòa, xã Trường Long A, huyện Châu Thanh A, HG
42	911670	VHX Xà Phiên	Ấp 7 Xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
43	911611	VHX Vĩnh Viễn	xã Vĩnh Viễn A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
44	912330	VHX Vị Thắng	Ấp 9, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
45	912310	VHX Vị Thủy	Ấp 4, xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
46	912240	VHX Vĩnh Trung	Ấp 3, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

47	911902	VHX Long Thạnh	Trường Khánh 1, Long Thạnh, PH, HG
48	911981	VHX Cầu Móng	Ấp 8, Xã Hòa An, Phụng Hiệp, HG
49	912090	VHX Phương Phú	Phương An A, Phương Phú, PH, HG
50	913020	Phường Ngã Bảy	3/2 đường Hùng Vương, Phường Ngã Bảy, TX Ngã Bảy, Hậu Giang
51	912750	VHX Đông Phước A	Xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
52	912709	VHX Đông Thạnh	Xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
53	912730	VHX Đông Phú	Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
54	912218	VHX Vị Trung	Xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
55	912360	VHX Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
56	912280	VHX Vị Bình	Xã Vị Bình, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
57	912290	VHX Vị Đông	Xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
58	911348	VHX Hòa Tiến	Xã Hòa Tiến, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
59	911340	VHX Tân Tiến	Xã Tân Tiến, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
60	911230	VHX Vị Tân	Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
61	911789	VHX Long Trị A	Xã Long Trị A, Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
62	912739	KCN Sông Hậu	KM10, QL Nam Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
63	913400	VHX Lương Tâm	Ấp 3, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang

64	912511	VHX Tầm Vu	Xã Tầm Vu, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
TỈNH KIÊN GIANG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	920000	Rạch Giá	Số 1 Mạc Cửu, Phường Vĩnh Thanh
2	921190	An Hòa	575 Nguyễn Trung Trực, Phường An Hòa, Huyện Rạch Giá
3	921220	Rạch Sỏi	32 Cách mạng T.8 Phường Vĩnh Lợi, Huyện Rạch Giá
4	921400	Tân Hiệp	Khóm b, Thị trấn Tân Hiệp, Huyện Tân Hiệp
5	921490	Kinh Tám	Ấp Đông Phước, Xã Thạnh Đông A, Huyện Tân Hiệp
6	921600	Hòn Đất	Ấp Đường Hòn, TT Hòn Đất, Huyện Hòn Đất
7	921620	Bình Sơn	Ấp Thuận Tiến, Xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất
8	921660	Sóc Xoài	Ấp Thị Tứ, TT Sóc Sơn, Huyện Hòn Đất
9	921800	Kiên Lương	Ấp Ngã Ba, TT Kiên Lương, Huyện Kiên Lương
10	921810	Ba Hòn	Ấp Ba Hòn, TT Kiên Lương, Huyện Kiên Lương
11	921890	Bình An	Ấp Hòn Chông, Xã Bình An, Huyện Kiên Lương
12	922000	TX Hà Tiên	Số 3 Đường Tô Châu, Phường Đồng Hồ TX Hà Tiên
13	922200	Phú Quốc	Khu phố 2, TT Dương Đông, Huyện Phú Quốc
14	922280	An Thới	Khu Phố 3, TT An Thới, Huyện Phú Quốc

15	922400	An Biên	Khu vực 2 Thị trấn Thứ 3, Huyện An Biên
16	922410	Hưng Yên	Xẻo Rô, xã Hưng Yên, huyện An Biên,
17	922510	Thứ 7	Ấp Bảy Chợ, Xã Đông Thái, Huyện An Biên
18	922700	An Minh	Khu vực 2 Thị trấn Thứ 11, Huyện An Minh
19	923000	Châu Thành	Khu Phố Minh Phú, TT Minh Lương, Huyện Châu Thành
20	923080	Tắc Cậu	Ấp Minh Phong, Xã Bình An, Châu Thành, Kiên Giang
21	923200	Vĩnh Thuận	Ấp Vĩnh Đông II, TT Vĩnh Thuận, Huyện Vĩnh Thuận
22	923500	Gò Quao	Ấp Phước Hưng 1, TT Gò Quao, Huyện Gò Quao
23	923550	Sóc Ven	Ấp An Trung, Xã Định An, Huyện Gò Quao
24	923800	Giồng Riềng	Khu Nội Ô, TT Giồng Riềng, Huyện Giồng Riềng
25	923940	Long Thạnh	Ấp Bến Nhất, Xã Long Thạnh, Huyện Giồng Riềng
26	924100	Kiên Hải	Ấp 1 Xã Hòn Tre, Huyện Kiên Hải
27	924110	Nam Du	Bãi Chệt, Cù Tron, Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải
28	924600	U Minh Thượng	Ấp Cạn Ngọn, Xã Thạnh Yên, Huyện U Minh Thượng
1	921030	BCP Rạch Giá	575 Nguyễn Trung Trực. An Hòa, Rạch Giá
2	922330	BCP Phú Quốc	10 đường 30-4, Dương Đông, Phú Quốc
3	921420	Phát Tân Hiệp	Khóm B, Thị Trấn Tân Hiệp Huyện Tân Hiệp

4	921690	Phát Hòn Đất	Ấp Chòm Sao, Thị trấn Hòn Đất, Huyện Hòn Đất
5	921980	Phát Kiên Lương	Khu phố Ngã Ba, Thị Trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương
6	924820	Phát Giang Thành	Ấp Khánh Hòa, Xã Tân Khánh Hoà, Huyện Giang Thành
7	922140	Phát Hà Tiên	03 Đường Tô Châu, Phường Đông Hồ, TX Hà Tiên
8	922560	Phát An Biên	Khu Vực 2, Thị Trấn Thứ Ba, Huyện An Biên
9	922750	Phát An Minh	Khu Vực 2, Thị Trấn Thứ Mười Một, Huyện An Minh
10	923040	Phát Châu Thành	Khu Phố Minh Phú, Thị Trấn Minh Lương, Huyện Minh Lương
11	923260	Phát Vĩnh Thuận	Ấp Vĩnh Đông II, Thị Trấn Vĩnh Thuận, Huyện Vĩnh Thuận
12	923660	Phát Gò Quao	Ấp Phước Hưng 1, Thị Trấn Gò Quao, Huyện Gò Quao
13	924010	Phát Giồng Riềng	Khu Nội Ô, Thị Trấn Giồng Riềng, Huyện Giồng Riềng
14	924160	Phát Kiên Hải	Ấp 1, Xã Hòn Tre, Huyện Kiên Hải
15	924660	Phát U Minh Thượng	Ấp Đặng Văn Do, Xã Thạnh Yên, Huyện U Minh Thượng
29	924140	Hòn Ngang	Ấp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải
30	921850	Giang Thành	Giang Thành Kiên Giang
31	921380	Huỳnh Thúc Kháng	03 Huỳnh Thúc Kháng P.Vĩnh Quang TP.Rạch Giá tỉnh Kiên Giang
32	921370	Mai Thị Hồng Hạnh	180A Mai Thị Hồng Hạnh P.Vĩnh Lợi TP.Rạch Giá tỉnh Kiên Giang
33	921570	KHL Tân Hiệp	Khu phố B, Thị Trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

34	921035	Bến Tàu Phú Quốc	Số 06 Tự Do, P.Vĩnh Quang, TP.Rạch Giá, Kiên Giang
35	921360	Hành Chính Công	575 Nguyễn Trung Trực, P.An Hòa, TP.Rạch Giá, KG
36	921350	KHL Kiên Giang	Số 01 Mạc Cửu, P.Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, KG
37	921100	Nguyễn Thái Bình	1119 Mạc Cửu, P. Vĩnh Quang, Rạch Giá
38	922530	Đông Yên	Ấp Xẻo Đước 2, xã Đông Yên, huyện An Biên
39	922490	Nam Thái A	Ấp Bảy Biền, xã Nam Thái A, huyện An Biên
40	922450	VHX Nam Yên	Ấp Ba Biền A, xã Nam Yên, An Biên, KG
41	923030	VHX Mong Thọ B	Phước Ninh, Mong Thọ B, Châu Thành KG
42	923070	VHX Tà Niên	Vĩnh Thành B, Vĩnh Hòa Hiệp Châu Thành KG
43	923820	VHX Ngọc Chúc	Ấp Ngọc An, Ngọc Chúc, Giồng Riềng
44	923270	VHX Ấp Kinh 1A	Vĩnh Thuận
45	923321	VHX Ấp Vĩnh trinh	Vĩnh Thuận
46	923840	VHX Hòa Hưng	ấp 7 bên, xã Hòa Hưng, Giồng Riềng
47	923850	VHX Hòa Lợi	ấp Hòa Hiệp, xã Hòa Lợi, Giồng Riềng
48	923830	VHX Hòa An	ấp Cây huệ, xã Hòa An, Giồng Riềng
49	923900	VHX Thạnh Hưng	ấp Thạnh Trung, xã Long Thạnh, Giồng Riềng
50	921470	VHX Thạnh Trị	Ấp Đông Thọ B, Thạnh Trị,, Tân Hiệp

51	921973	VHX Bình Trị	Rạch Đùng Bình Trị, Kiên Lương
52	921910	VHX Sơn hải	Hòn Heo, Sơn Hải, Kiên Lương
53	921940	VX Vĩnh Phú	Mẹt Lung, Vĩnh Phú, Giang Thành, Kiên Lương
54	921491	VHX Thạnh Đông A	huyện Tân Hiệp
55	923860	VHX NGỌC THÀNH	Ấp Ngã năm Xã Ngọc Thành- Giồng riềng -Kiên giang
56	923890	VHX THANH PHƯỚC	ấp Thạnh Đông xã Thạnh Phước -GR-KG
57	921860	VHX Trần Thệ	Trần Thệ Giang Thành Kiên Giang
58	923870	VHX Ngọc Thuận	ấp Vinh Bắc, xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng
59	921530	VHX Thạnh Đông B	Ấp Đông Thạnh, xã Thạnh ĐÔNG B, Tân Hiệp
60	922300	VHX Hàm Ninh	Ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
61	922221	VHX Ông Lang	Ấp Ông Lang, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
62	922770	VHX Đông Hòa	Ấp Chín Xáng 1, xã Đông Hòa, huyện An Minh KG
63	922790	VHX Thuận Hòa	Ấp Bần B, xã Thuận Hòa, huyện An Minh KG
64	922860	VHX Đông Hưng B	Ấp 11 B, xã Đông Hưng B, huyện An Minh KG
65	922850	VHX Vân Khánh Tây	Ấp Kim Qui A1, xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh KG
66	923100	VHX Minh Hòa	Ấp Bình Lợi, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, Kiên Giang
67	923010	VHX Giục Tượng	Ấp tân Tiến, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, Kiên Giang

68	923060	VHX Thạnh Lộc	Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, Kiên Giang
69	923130	VHX Mong Thọ	Ấp Hòa Phú, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, Kiên Giang
70	923050	VHX Mong Thọ A	Ấp Hòa Ninh, xã Mong Thọ A, huyện châu Thành, Kiên Giang
71	923880	VHX Thạnh Lộc	Ấp Thạnh An, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang
72	923960	VHX Vĩnh Thạnh	Ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang
73	924044	VHX Vĩnh Phú	Ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang
74	923342	VHX Vĩnh Phong	Ấp Cạnh Đèn, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang
75	923910	VHX Thạnh Bình	Ấp Chà Rào, xã Thạnh Bình, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang
76	923930	VHX Bàn Thạch	Ấp Giồng Đá, xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang
77	924035	VHX Ngọc Hòa	Ấp Chín Ghi, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang
78	921740	VHX Linh Huỳnh	Ấp Linh Huỳnh, Xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, Kiên Giang
79	921755	VHX Mỹ Thái	Ấp Mỹ Thái, Xã Mỹ Thái, huyện Hòn Đất, Kiên Giang
80	921680	VHX Mỹ Lâm	Ấp Tân Điền, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, Kiên Giang
81	921720	VHX Mỹ Phước	Ấp Phước Thạnh, xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, Kiên Giang
82	921735	VHX Mỹ Thuận	Ấp Cản Đất, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, Kiên Giang
83	921702	VHX Mỹ Hiệp Sơn	Ấp Hiệp Bình, Xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, Kiên Giang
84	922110	VHX Thuận Yên	Xã Thuận Yên, Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang

85	923611	VHX Thới An	Ấp Thới Trung, Xã Thới Quản, huyện Gò Quao, Kiên Giang
86	923630	VHX Vĩnh Phước A	Ấp Phước Minh, Xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao, Kiên Giang
87	923650	VHX Vĩnh Phước B	Ấp Phước Thọ, Xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao, Kiên Giang
88	921550	VHX Tân An	Ấp Tân Long, Xã Tân An, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang
89	921460	VHX Tân Hiệp A	Ấp Kinh 4A, Xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang
90	921410	VHX Tân Hiệp B	Ấp Tân Hòa A, Xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang
91	921650	VHX Sơn Kiên	Ấp Tà Lóc, Xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
92	922070	VHX Mỹ Đức	Xã Mỹ Đức, Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang
93	921920	VHX Hòn Nghê	Ấp Bãi Chướng, xã Hòn Nghê, huyện Kiên Lương, Kiên Giang
94	921610	Nam Thái Sơn	Ấp Sơn Hòa, Xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, Kiên Giang
95	921221	VHX Vĩnh Lợi	3/4 Cao Thắng, p.Vĩnh Lợi, TP.Rạch Giá, Kiên Giang
96	921123	VHX Vĩnh Quang	Đường Lê Anh Xuân, p.Vĩnh Quang, TP.Rạch Giá, Kiên Giang
97	921231	VHX Vĩnh Viễn	423E Khu Phố Vĩnh Viễn, p.Vĩnh Hiệp, TP.Rạch Giá, Kiên Giang
98	921186	VHX An Hoà	59A Trần Khánh Dư, p.An Hoà, TP.Rạch Giá, Kiên Giang
99	921090	VHX Phi Thông	Ấp Tà Tây, xã Phi Thông, TP.Rạch Giá, Kiên Giang
100	921080	VHX Vĩnh Thông	Đường Liên Xã KP3 p.Vĩnh Thông TP.Rạch Giá, Kiên Giang
101	922880	VHX Tân Thạnh	Ấp xẻo nhàu A, xã Tân Thạnh, H. An Minh

102	921138	Quang Trung	187 Quang Trung, p.Vĩnh Quang TP.Rạch Giá, Kiên Giang
103	922222	VHX Bến Tràm	Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
104	922240	VHX Rạch Tràm	Ấp Rạch Tràm, xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
105	922220	VHX Cửa Dương	Ấp Khu Tượng, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, Kiên Giang
106	922241	VHX Bãi Thơm	Ấp Bãi Thơm, xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
107	921837	VHX Cờ Trắng	Ấp Cờ Trắng, xã Hoà Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
108	921901	VHX Song Chính	Ấp Song Chính, xã Bình Trị, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
109	921568	HCC Tân Hiệp	Quốc lộ 80, ấp Kinh 9, TT.Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, KG
110	922310	BC Thổ Châu	Ấp Bãi Ngự, xã Thổ Châu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
111	921302	HCC Kiên Giang	575 Nguyễn Trung Trực, Rạch Giá, Kiên Giang
112	922354	Dương Đông	Đường CMT8 Khu phố 9, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
113	922323	An Thới 2	Số 08 đường Phạm Ngọc Thạch KP3, Thị trấn An Thới, H.Phú Quốc, Kiên Giang
114	922309	BC Phát Phú Quốc 3	Đường Nguyễn Chí Thanh KP5 TT.Dương Đông, huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang
115	922353	KHL Phú Quốc	Số 10 đường 30/4 Khu Phố 2, Thị trấn Dương Đông, H Phú Quốc
116	922577	VHX Thạnh Yên A	Ấp Hòa Vàm A, Thạnh Yên, U minh Thượng, Cà Mau
TỈNH BẾN TRE			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục

1	930000	Trung tâm Thành phố	Số 3 Đại lộ Đồng Khởi Phường 3 Thành Phố Bến Tre
2	933700	Bình Đại	Khu Phố 1, Thị trấn Bình Đại Huyện Bình Đại
3	933840	Châu Hưng	Ấp Hưng Cháng, Xã Châu Hưng,huyện Bình Đại
4	933820	Lộc Thuận	Ấp 8, Xã Lộc Thuận,huyện Bình Đại
5	933830	Thới Lai	Ấp 1,Xã Thới Lai,huyện Bình đại
6	932000	Mỏ Cà	Khu Phố 2, Quốc lộ 60, Thị Trấn Mỏ Cà Huyện Mỏ Cà
7	932230	Ba Vát	Ấp Phước Khánh, Xã Phước Mỹ Trung,Huyện Mỏ Cà Bắc
8	932430	Cầm Sơn	Ấp Thanh Sơn, Xã Cầm Sơn, Huyện Mỏ Cà Nam
9	932310	Chợ Thom	Ấp An Lộc Thị , Xã An Thạnh, huyện Mỏ Cà
10	932450	Hương Mỹ	Ấp Thị, Xã Hương Mỹ,huyện Mỏ Cà Nam
11	932240	Nhuận Phú Tân	Ấp Tân Nhuận, Xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cà Nam
12	932060	Tân Thành Bình	Ấp Chợ Xếp, Xã Tân Thành Bình,huyện Mỏ Cà Bắc
13	932330	An Định	Ấp Phú Đông 1, Xã An Định,huyện Mỏ Cà Nam
14	931300	Châu Thành	Khu Phố 2, Thị trấn Châu Thành Huyện Châu Thành
15	931510	An Hóa	Ấp 3, Xã An Hóa, huyện Châu Thành
16	931570	An Hiệp	Ấp thuận Điền,Xã An Hiệp, huyện Châu Thành
17	931550	Tân Phú	Ấp Tân Đông, Xã Tân Phú,huyện Châu Thành

18	931590	Tiên Thủy	Ấp Chánh, Xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành
19	932600	Giồng trôm	Khu Phố 1, Thị trấn Giồng Trôm Huyện Giồng Trôm
20	932890	Hung Nhượng	Ấp 2, Xã Hưng Nhượng,huyện Giồng Trôm
21	932660	Lương Quới	Ấp 1, Xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm
22	932700	Mỹ Lăng	Ấp Chợ, Xã Mỹ Thạnh,huyện Giồng Trôm
23	932780	Phước Long	Ấp 7, Xã Phước Long, huyện Giồng Trôm
24	932820	Tân Hào	Ấp 1, Xã Tân Hào, huyện Giồng trôm
25	932870	Thạnh Phú Đông	Ấp 1 A, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm
26	933000	Thạnh Phú	Số 26/4A ấp 10, Thị trấn Thạnh Phú Huyện Thạnh Phú
27	933040	Tân Phong	Ấp Thanh, Xã Tân Phong,huyện Thạnh Phú
28	933160	Giao Thạnh	Ấp 4, Xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú
29	933300	Ba Tri	Số 1A Trần Hưng Đạo,Khu Phố 2 Thị Trấn Ba Tri Huyện Ba Tri
30	933430	Mỹ Chánh	Ấp Gò Đa, xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri
31	933460	An Ngãi trung	Ấp 1, xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri
32	933380	Phước Tuy	Ấp Phước Thới, xã Phước Tuy,huyện Ba Tri
33	933550	Tân Thủy	Ấp Tân Bình, xã Tân Thủy, huyện Ba tri
34	933570	An Thủy	Ấp 8, xã An Thủy, huyện Ba Tri

35	933330	Bảo Thuận	Ấp 2, xã Bảo Thuận, Huyện BaTri
36	931700	Chợ Lách	Khu Phố 1, Thị trấn Chợ Lách huyện Chợ Lách
37	931800	Cái Môn	Ấp Vĩnh Hưng 1, Xã vĩnh Thành, huyện Chợ Lách
38	931770	Long Thới	Ấp An Hòa, Xã Long Thới, huyện Chợ Lách
39	932370	An Thới	Xã An Thới, Huyện Mỏ Cày
40	931148	Văn Phòng	Số 3 Đại lộ Đồng Khởi Phường 3 Thành Phố Bến Tre
41	931840	Tân Thiềng	Ấp Quân Bình, xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách
1	934410	BC phát Bến Tre	3/1 Đồng Khởi, Phường 3, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
2	933490	BC phát Ba Tri	Khu phố 2, Thị trấn Ba Tri, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre
3	933940	BC phát Bình Đại	Khu phố 1, Thị trấn Bình Đại, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre.
4	931640	BC phát Châu Thành	Khu phố 2, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.
5	931910	BC phát Chợ Lách	Khu phố 1, Thị trấn Chợ Lách, Huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre.
6	932740	BC phát Giồng Trôm	Khu phố 1, Thị trấn Giồng Trôm, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre.
7	932120	BC phát Mỏ Cày	Khu phố 2, đường Quốc lộ 60, Thị trấn Mỏ Cày Nam, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre.
8	933190	BC phát Thạnh Phú	Ấp Thạnh Trị Hạ, Thị trấn Thạnh Phú, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre.
9	934030	BC Phát Mỏ Cày Bắc	Ấp Phước Khánh, xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
42	931740	Phú Phụng	Ấp Chợ, Phú phụng, Chợ Lách, Btre

43	934300	Khai Thác Bến Tre	3/1 Đồng Khởi, Phường 3, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
44	931820	Bưu cục Vĩnh Hòa	Ấp Hòa 2, xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
45	933100	An Qui	Ấp An Phú, xã An Qui, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre
46	931370	KCN Giao Long	Ấp Phước Hưng, xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
47	934310	Mỹ Thạnh An	Ấp Mỹ An C, xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
48	931080	Tân Thành	Ấp 1, xã Sơn Đông, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
49	931110	Phường 7	84D4 Nguyễn Văn Tư, F7, TPBT
50	931104	Sơn Đông	Ấp 2, Xã Sơn Đông
51	933150	VHX Thạnh Hải	Ấp Thạnh Hưng B, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
52	933320	VHX Vĩnh Hòa	Ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
53	933360	VHX Bảo Thạnh	Ấp 4, xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
54	932610	VHX Châu Bình	Ấp Bình Phú,Xã Châu Bình,Giồng Trôm
55	933010	VHX An Thạnh	Ấp An Thạnh, xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
56	933340	VHX Phú Lễ	Ấp Phú Thạnh, xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
57	931180	Nhon Thạnh	Ấp Nhơn Nghĩa, Xã Nhơn Thạnh
58	931050	Phường 8	Đường Lộ Thầy Cai, Phường 8
59	931070	Phú Hưng	Đường Tỉnh Lộ 885, Xã Phú Hưng

60	931190	Phú Nhuận	Ấp 1, Xã Phú Nhuận
61	933720	Bình Thới	Ấp 1, Xã Bình Thới
62	933740	Phú Vang	Ấp 2, Xã Phú Vang
63	933900	Thới Thuận	Ấp Thới Lợi 1, Xã Thới Thuận
64	933750	Vang Quới Đông	Ấp 1, Xã Vang Quới Đông
65	931350	Giao Hòa	Ấp Hòa Thạnh, Xã Giao Hoà
66	931520	Hữu Định	Ấp 1, Xã Hữu Định
67	931420	Phú Túc	Ấp Phú Hòa, Xã Phú Túc
68	931360	Quới Sơn	Ấp 8, Xã Quới Sơn
69	931580	Sơn Hòa	Ấp Hòa Chánh, Xã Sơn Hoà
70	931460	Tam Phước	Ấp Phước Hậu, Xã Tam Phước
71	932900	Hưng Lễ	Ấp Cái Da, Xã Hưng Lễ
72	932800	Hưng Phong	Ấp 2, Xã Hưng Phong
73	932710	Lương Phú	Ấp 2, Xã Lương Phú
74	932840	Tân Thanh	Ấp Bình Thuận, Xã Tân Thanh
75	932260	Khánh Thạnh Tân	Ấp Tích Phúc, Xã Khánh Thạnh Tân
76	934090	Phú Mỹ	Ấp Kinh Gãy, Xã Phú Mỹ

77	932100	Tân Bình	Ấp Tân Thạnh, Xã Tân Bình
78	932140	Thành An	Ấp Đông Trị, Xã Thành An
79	932040	Phước Hiệp	Ấp An Thới, Xã Phước Hiệp
80	932357	Tân Trung	Ấp Tân Thành 10, Xã Tân Trung
81	932300	Bình Khánh Tây	Ấp An Hòa, Xã Bình Khánh Tây
82	932400	Minh Đức	Ấp Tân Quới Tây B, Xã Minh Đức
83	932420	Ngãi Đăng	Ấp Bình Sơn, Xã Ngãi Đăng
84	932380	Thành Thới A	Ấp An Trạch Đông, Xã Thành Thới A
85	933110	An Thuận	Ấp An Hội B, Xã An Thuận
86	933050	Đại Điền	Ấp Khu Phố, Xã Đại Điền
87	933070	Hòa Lợi	Ấp Quí Hòa, Xã Hoà Lợi
88	933060	Phú Khánh	Ấp Phú Lợi, Xã Phú Khánh
89	933030	Quới Điền	Ấp Quí Đức, Xã Quới Điền
90	933440	Mỹ Hòa	Ấp Xóm Mới, Xã Mỹ Hoà
91	933480	An Hiệp	Ấp An Bình, Xã An Hiệp
92	933560	An Hòa Tây	Ấp An Quí, Xã An Hoà Tây
93	933450	An Bình Tây	Ấp An Hòa, Xã An Bình Tây

94	933470	An Phú Trung	Ấp An Nhơn, Xã An Phú Trung
95	931720	Sơn Định	Ấp Sơn Lâm, Xã Sơn Định
96	931730	Vĩnh Bình	Ấp Lộc Hiệp, Xã Vĩnh Bình
97	931160	VHV Mỹ Thạnh An	Ấp Mỹ An C, xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
98	933410	VHX Mỹ Nhơn	Xã Mỹ Nhơn huyện Ba Tri
99	933420	VHX Mỹ Thạnh	Xã Mỹ Thạnh huyện Ba Tri
100	933350	VHX Phú Ngãi	Xã Phú Ngãi huyện Ba Tri
101	933510	VHX Tân Hưng	Xã Tân Hưng huyện Ba Tri
102	933404	VHX Tân Mỹ	Xã Tân Mỹ huyện Ba Tri
103	933540	VHX Vĩnh An	Xã Vĩnh An huyện Ba Tri
104	933810	VHX Phú Long	Xã Phú Long huyện Bình Đại
105	933760	VHX Vang Quới Tây	Xã Vang Quới Tây huyện Bình Đại
106	933780	VHX Tam Hiệp	Xã Tam Hiệp huyện Bình Đại
107	933730	VHX Định Trung	Xã Định Trung huyện Bình Đại
108	933860	VHX Thừa Đức	Xã Thừa Đức huyện Bình Đại
109	931490	VHX Quới Thành	Ấp Phú Phong Xã Quới Thành CTBT
110	931470	VHX Tường Đa	Ấp Định Thọ Xã Tường Đa CTBT

111	931480	VHX ThànhTriệu	Ấp Chợ Xã Thành Triệu CTBT
112	931320	VHX Giao Long	Ấp Long Thạnh Xã Giao Long CTBT
113	931500	VHX Phước Thạnh	Ấp Phước Định Xã Phước Thạnh CTBT
114	931301	VHX Phú An Hòa	Ấp Phước Hòa Xã Phú An Hòa CTBT
115	931400	VHX An Khánh	Ấp An Mỹ Xã An Khánh CTBT
116	932670	VHX Phong Mỹ	Ấp 3 Phong Mỹ gtb
117	932680	VHX Phong Nẫm	Ấp 3 Phong Nẫm gtb
118	932911	VHX Mỹ Thạnh	Ấp 5 Mỹ Thạnh gtb
119	932750	VHX Sơn Phú	Ấp 5 Sơn phú gtb
120	932730	VHX Thuận Điền	Ấp 4 Thuận Điền gtb
121	932860	VHX Tân Lợi Thạnh	Ấp 5 Tân Lợi Thạnh gtb
122	932880	VHX Thạnh Phú Đông	Ấp 1 A TPĐ gtb
123	932770	VHX Long Mỹ	Ấp 2 Long Mỹ gtb
124	932810	VHX Bình Thành	Ấp 5 Bình Thành gtb
125	932650	VHX Bình Hòa	Ấp Kinh Ngoài Bình Hòa gtb
126	932630	VHX Châu Hòa	Ấp Phú An Châu Hòa gtb
127	932160	VHX Tân Phú Tây	Xã Tân Phú Tây

128	932503	VHX Thành Thới B	Xã Thành Thới B huyện Mỏ Cày Nam
129	932080	VHX Đa Phước Hội	Xã Đa Phước Hội huyện Mỏ Cày Nam
130	933080	VHX Thới Thạnh	Xương Thạnh A, Thới Thạnh
131	933020	VHX Mỹ Hưng	Thạnh Mỹ, Mỹ Hưng
132	933175	VHX Mỹ An	Thạnh Mỹ, Mỹ An
133	933120	VHX Bình Thạnh	Thạnh Quý A, Bình Thạnh
134	933136	VHX An Nhơn	An Bình, An Nhơn
135	933090	VHX An Điền	Giang hà, An điền
136	933140	VHX Thạnh Phong	Thạnh Phước, Thạnh Phong
137	934330	VHX Mỹ Thành	ấp Mỹ Đức,xã Mỹ Thành
138	931440	VHX Phú Đức	Xã Phú Đức, huyện Châu Thành
139	931310	VHX An Phước	Xã An Phước, huyện Châu Thành
140	932690	VHX Lương Hòa	Giồng Trôm
141	932220	VHX Tân Thanh Tây	Mỏ Cày Bắc
142	932134	VHX Hòa Lộc	Xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc
143	932020	VHX Định Thủy	Xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam
144	932280	VHX Bình Khánh Đông	Xã Bình Khánh Đông, huyện Mỏ Cày Nam

145	932180	VHX Trường Thịnh	Ấp Chợ Mới, Xã Thanh Ngãi
146	932200	VHX Thanh Tân	Ấp Tân Thông 2, Xã Thanh Tân
147	933520	VHX An Đức	Ấp Giồng Cúc, Xã An Đức
148	933500	VHX An Ngãi Tây	Ấp Chợ 1, Xã An Ngãi Tây
149	933390	VHX Tân Xuân	Ấp Tân Thanh 2, Xã Tân Xuân
150	933800	VHX Thạnh Trị	Ấp 2, Xã Thạnh Trị
151	933850	VHX Long Hòa	Ấp 3, Xã Long Hoà
152	933790	VHX Long Định	Ấp Long Phú, Xã Long Định
153	931255	Bưu cục Bến Xe	739/1 Ấp 1 Sơn Đông TP Bến Tre
154	931618	Thị Trấn	Thị trấn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
155	931380	Tân Thạch	Ấp Tân An Thượng, Tân Thạch, Châu Thành, Bến Tre
156	933880	Bưu cục Thạnh Phước	Ấp Tân Long, xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
157	931309	BCVP Châu Thành	Khu phố 2, thị trấn Châu Thành, tỉnh Bến Tre
158	931731	BCVP Chợ Lách	Khi phố 1, thị trấn Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
159	932009	BCVP Mỏ Cày Nam	Quốc lộ 60, Khu phố 2, thị trấn Mỏ Cày Nam
160	932231	BCVP Mỏ Cày Bắc	Ấp Phước Khánh, xã Phước Mỹ Trung, Mỏ Cày Bắc
161	932500	BCVP Giồng Trôm	Khu phố 1, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm

162	933009	BCVP Thanh Phú	Số 26/4A ấp 10, thị trấn Thanh Phú, huyện Thanh Phú
163	933309	BCVP Ba Tri	Số 1A Trần Hưng Đạo, Khu phố 2, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri
164	933709	BCVP Bình Đại	Khu phố 1, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại
165	930010	BCVP BDTT	Số 3, ĐL Đồng Khởi, TP Bến Tre
166	931330	Giao Long	Ấp Long Thạnh, Xã Giao Long
TỈNH TRÀ VINH			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	940000	TP Trà Vinh	Số 70A Hùng Vương Thị xã Trà vinh
2	941700	Càng Long	Cụm Khóm 4, Thị Trấn Càng Long, Huyện Càng Long
3	942300	Tiểu Cần	Khóm 1, Thị Trấn Tiểu Cần, Huyện Tiểu Cần
4	942600	Châu Thành	Khóm 2, Thị Trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành
5	942100	Cầu Kè	Khóm 4, Thị Trấn Cầu Kè, Huyện Cầu Kè
6	943000	Trà Cú	Khóm 4, Thị Trấn Trà Cú, Huyện Trà Cú
7	943900	Duyên Hải	Khóm 4 Thị Trấn Duyên Hải, Huyện Duyên Hải
8	943500	Cầu Ngang	Khóm Minh Thuận B, TT Cầu Ngang, H. Cầu Ngang
9	941950	Phượng Thạnh	Ấp Đầu Giồng Xã Phượng Thạnh Huyện Càng Long
10	941890	Tân An	Ấp Tân An Chợ, Xã Tân An Huyện Càng Long

11	943970	Phường 2	Xã Long Hữu, Huyện Duyên Hải
12	944010	Long Thành	Xã Long Khánh, Huyện Duyên Hải
13	943550	Vinh Kim	Xã Vinh Kim, Huyện Cầu Ngang
14	943240	Đại An	Xã Đại An, Huyện Trà Cú
15	942510	Cầu Quan	Khóm 1 Thị Trấn Cầu QUan Huyện Tiểu Cầu
16	943120	Phước Hưng	Ấp Chợ trên xã Phước Hưng Trà Cú Trà Vinh
17	941150	HCC Trà Vinh	70A Hùng Vương Phường 4 Tp Trà Vinh
18	941140	BCP Trà Vinh	70A Hùng Vương Phường 4 TP Trà Vinh
19	941830	An Trường A	Xã An Trường A, Huyện Càng Long
20	941791	Đức Mỹ	Xã Đức Mỹ, Huyện Càng Long
21	941750	Nhị Long	Xã Nhị Long, Huyện Càng Long
22	941930	Bình Phú	Ấp Nguyệt Lăng A Xã Bình Phú Huyện Càng Long
23	942350	Hiếu Tử	Xã Hiếu Tử, Huyện Tiểu Cần
24	942490	Ngãi Hùng	Xã Ngãi Hùng, Huyện Tiểu Cần
25	942690	Hòa Minh	Xã Hòa Minh, Huyện Châu Thành
26	942770	VHX Lương Hòa	Xã Lương Hòa, Huyện Châu Thành
27	942180	An Phú Tân	Xã An Phú Tân, Huyện Cầu Kè

28	942220	Ninh Thới	Xã Ninh Thới, Huyện Cầu Kè
29	944050	Dân Thành	Xã Dân Thành, Huyện Duyên Hải
30	943940	Hiệp Thạnh	Xã Hiệp Thạnh, Huyện Duyên Hải
31	943990	Ngũ Lạc	Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải
32	943930	VHX Trường Long Hòa	Xã Trường Long Hòa, Huyện Duyên Hải
33	944020	Long Vĩnh	Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải
34	943740	Hiệp Mỹ Tây	Xã Hiệp Mỹ Tây, Huyện Cầu Ngang
35	943720	Hiệp Mỹ Đông	Xã Hiệp Mỹ Đông, Huyện Cầu Ngang
36	943570	Kim Hòa	Xã Kim Hòa, Huyện Cầu Ngang
37	943660	Long Sơn	Xã Long Sơn, Huyện Cầu Ngang
38	943640	Nhị Trường	Xã Nhị Trường, Huyện Cầu Ngang
39	943180	An Quảng Hữu	Xã An Quảng Hữu, Huyện Trà Cú
40	943260	Đôn Xuân	Xã Đôn Xuân, Huyện Trà Cú
41	943140	Tập Sơn	Xã Tập Sơn, Huyện Trà Cú
42	941970	Nhị Long Phú	Ấp Nhị Long Phú xã Nhị Long Phú Càng Long TV
43	942800	Song Lộc	Châu Thành
44	942840	Mỹ Chánh	Châu Thành

45	942240	Phong Phú	Cầu Kè
46	942330	Tập Ngãi	Tiểu Cần
47	943220	Định An	Trà Cú
48	942650	VHX Phước Hào	Châu Thành
49	941850	VHX An Trường	Ấp 7A xã An Trường huyện Càng Long Trà Vinh
50	941910	VHX Huyền Hội	Ấp Lưu Tư xã Huyền Hội Càng Long Trà Vinh
51	941162	VHX Long Đức	Ấp Vĩnh Yên xã Long Đức Tp Trà Vinh
52	944040	VHX Đông Hải	Ấp Định An, xã Đông Hải, H. Duyên Hải
53	943060	VHX Long Hiệp	Ấp Chợ xã Long Hiệp huyện Trà Cú Trà Vinh
54	942710	VHX Hưng Mỹ	Ấp Rạch Vồn xã Hưng Mỹ huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh
55	942860	VHX Lương Hòa A	Ấp Hòa Lạc C xã Lương Hòa A huyện Châu Thành Trà Vinh
56	942730	VHX Hòa Lợi	Ấp Qui Nông A xã Hòa Lợi huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh
57	942750	VHX Hòa Thuận	Ấp Bích Trì xã Hòa Thuận huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh
58	942820	VHX Thanh Mỹ	Ấp An Chay xã Thanh Mỹ huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh
59	942430	VHX Tân Hòa	ấp Tân Thành Đông xã Tân Hòa huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh
60	943620	VHX Thuận Hòa	ấp Nô Công, Thuận Hòa, CNTV
61	943600	VHX Trường Thọ	ấp Sóc Cụt, Trường Thọ, CNTV

62	943580	VHX Hiệp Hòa	ấp Hòa lục , Hiệp Hòa. CNTV
63	943720	VHX Hiệp Mỹ Đông	ấp Cái Già Trên, Hiệp Mỹ Đông, CNTV
64	943530	VHX Mỹ Long Bắc	ấp Bến Kinh, Mỹ Long Bắc, CNTV
65	943510	VHX Mỹ Hòa	ấp Mỹ Cẩm B, Mỹ Hòa, CNTV
66	943680	VHX Thanh Hòa Sơn	ấp Lạc Thanh A, Thanh Hòa Sơn, CNTV
67	942630	VHX Đa Lộc	Ấp Hương phụ A xã Đa Lộc CT TV
68	942790	VHX Nguyệt Hóa	Ấp Cỏ Tháp A Nguyệt Hóa CT TV
69	942670	VHX Long Hòa	Ấp Rạch Gốc xã Long Hòa CT TV
70	943080	VHX Ngải Xuyên	Ấp Xoài Xiêm xã Ngải Xuyên Trà Cú Trà Vinh
71	944040	VHX Đôn Châu	Ấp La Bang Chợ xã Đôn Châu huyện Duyên Hải Trà Vinh
72	941390	KHL Trà Vinh	577 Mậu Thân Phường 6 Tp Trà Vinh
73	942170	VHX Tam Ngãi	Ấp bà My xã Tam Ngãi Cầu Kè Trà Vinh
74	941340	Điện Biên Phủ	Số 01 Điện Biên Phủ Phường 3 TP Trà Vinh
75	942370	VHX Hiếu Trung	Ấp Phú Thọ 1 xã Hiếu Trung huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh
76	942470	VHX Tân Hùng	Ấp Chợ xã Tân Hùng huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh
77	942150	VHX Hòa Ân	Ấp Trà Kháo xã Hòa Ân Cầu Kè Trà Vinh
78	943979	VHX Long Hữu	ấp 17 xã long Hữu TX Duyên Hải Trà Vinh

79	943228	VHX Định An	Ấp Chợ xã Định An Trà Cú Trà Vinh
80	943320	VHX Kim Sơn	Ấp Trà Cú A xã Kim Sơn huyện Trà Cú Trà Vinh
TỈNH SÓC TRĂNG			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	950000	BC TP Sóc Trăng	01 Trần Hưng Đạo Phường 3 TP Sóc Trăng Tỉnh Sóc Trăng
2	952000	Kế Sách	93 đường 30/4 ấp An Ninh 1 TT Kế Sách huyện Kế Sách
3	951700	Long phú	Ấp 3 TT Long Phú huyện Long Phú
4	953000	Mỹ Xuyên	01 Lê Lợi TT Mỹ Xuyên huyện Mỹ Xuyên
5	953500	Vĩnh Châu	Khu 2 Đ. 30/4 TT Vĩnh Châu huyện Vĩnh Châu
6	952700	Thanh Trị	Quốc Lộ 1A, Ấp 2 TT Phú Lộc huyện Thanh Trị
7	952300	Mỹ Tú	01 Trần Phú Ấp Cầu đôn TT Huỳnh Hữu Nghĩa huyện Mỹ Tú
8	954100	Ngã Năm	đường Mai Thanh Thế , Ấp 1 TT Ngã Năm huyện Ngã Năm
9	953800	Cù Lao Dung	Ấp Phước Hòa B,Thị trấn Cù Lao Dung,Huyện Cù Lao Dung
10	952410	Thuận Hoà	ấp Trà Quýt TT Châu Thành huyện Mỹ Tú (cũ), H. Châu Thành
11	951870	Lịch Hội Thượng	ấp Châu Thành Lịch Hội Thượng huyện Long Phú(cũ), H. Trần Đề
12	951910	Kinh Ba	ấp cảng Trần Đề xã Trung Bình huyện Long Phú(cũ), H. Trần Đề
13	952040	Thới an Hội	ấp Ninh Thới Thới An Hội huyện Kế Sách

14	953120	Thanh Phú	Khu 3 xã Thanh Phú huyện Mỹ Xuyên
15	951740	Đại Ngãi	Ấp Ngãi Hội 1, xã Đại Ngãi, Huyện Long Phú
1	951050	Phát Sóc Trăng	01 Trần Hưng Đạo phường 3 TP Sóc Trăng
2	953070	phát Mỹ Xuyên	05 Lê Lợi TT Mỹ Xuyên H. Mỹ Xuyên, Sóc Trăng.
3	954120	phát Ngã Năm	Đường Mai Thanh Thế, Ấp 1, thị trấn Ngã Năm, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
4	953890	phát Cù Lao Dung	Ấp Chợ, TT Cù Lao Dung, Cù Lao Dung, Sóc Trăng
5	952340	phát Mỹ Tú	10a Trần Phú Ấp Cầu Cầu Đồn TT Huỳnh Hữu Nghĩa Mỹ Tú Sóc Trăng
6	952750	phát Thạnh Trị	Quốc Lộ 1A Ấp 2 TT Phú Lộc Thạnh Trị ST
7	953570	phát Vĩnh Châu	Khóm 2 , Đường 30/4 ,Phường 1 , Vĩnh châu
8	951750	phát Long Phú	Ấp 3 Thị Trấn Long Phú Long Phú Sóc Trăng
9	952090	phát Kế Sách	93 đường 30 tháng 4 an ninh 1 Thị Trấn Kế Sách Huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng
16	953150	Thanh Quới	Đay Sô, Thanh Quới, Mỹ Xuyên
17	952350	An Trạch	Ấp An Trạch, An Hiệp, H. Mỹ Tú (cũ) Châu Thành
18	954310	GD Châu Thành	Đường Hùng Vương, ấp Trà Quýt TT Châu Thành huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng
19	954510	GD Trần Đề	ấp Càng, thị trấn Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
20	954350	Phát Châu Thành	Đường Hùng Vương, ấp Trà Quýt TT Châu Thành huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng
21	954280	Tiếp Thị Bán hàng	01 Trần Hưng Đạo Phường 3 TP Sóc Trăng

22	954530	Bưu Cục Phát Trần Đề	ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
23	952140	BĐVHX Kế Thành	ấp Kinh Giữa 1, xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
24	953080	VHX Tài Văn	Ấp Chắc Tung, xã Tài Văn, huyện Trần Đề
25	952020	BĐVHX Nhơn Mỹ	ấp Mỹ Huê, xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
26	951860	BĐVHX Liêu Tú	ấp Đại Nôn, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
27	953620	BĐVHX Vĩnh Hiệp	ấp Tân Lập, xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
28	952740	BĐVHX Lâm Tân	ấp Kiết Nhất B, xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng
29	952310	BĐVHX Mỹ Hương	ấp Xóm Lớn, xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
30	954060	BĐVHX Mỹ Quới	ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
31	951890	VHX Đại Ân 2	ấp Chợ, xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
32	954430	VHX Phú Tâm	ấp Thọ Hòa Đông A, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
33	951730	VHX Hậu Thạnh	ấp Bờ Kinh, xã Hậu Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
34	952180	VHX An Mỹ	ấp Tây, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
35	953340	VHX Thạnh Thới An	ấp Đầy Hương 3, xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
36	953810	VHX An Thạnh Đông	Ấp Đền Thờ ,xã An Thạnh Đông, H.Cù Lao Dung
37	953840	VHX An Thạnh 1	Ấp An Thường , xã An Thạnh 1, H. Cù Lao Dung
38	953870	VHX An Thạnh Tây	Ấp An Lạc, xã An Thạnh Tây, H. Cù Lao Dung

39	953371	VHX Viên An	Ấp Tiếp Nhựt, xã Viên An, H. Trần Đề
40	951780	VHX Châu Khánh	Ấp 2 Châu Khánh, H. Long Phú
41	951840	VHX Long Phú	Ấp Tân Lập, xã Long Phú, H. Long Phú
42	951770	VHX Tân Hưng	Ấp Tân Qui A, xã Tân Hưng, H. Long Phú
43	953580	VHX Hòa Đông	xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu
44	953660	VHX Vĩnh Tân	xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu
45	953600	VHX Khánh Hòa	Phường Khánh hòa, thị xã Vĩnh Châu
46	953520	VHX Vĩnh Châu	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu
47	953680	VHX Lai Hòa	xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu
48	954046	VHX Long Bình	xã Long Bình, thị xã Ngã Năm
49	954090	VHX Vĩnh Biên	phường 3, thị xã Ngã Năm
50	954110	VHX Vĩnh Quới	xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm
51	954085	VHX Mỹ Bình	xã Mỹ Bình, thị xã Ngã Năm
52	952060	VHX An Lạc Tây	xã An Lạc Tây, huyện Kế sách
53	952080	VHX Trinh Phú	xã Trinh Phú, huyện Kế sách
54	952070	VHX Phong Năm	xã Phong Năm, huyện Kế Sách
55	952770	VHX Thạnh Tân	xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị

56	952810	VHX Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi , huyện Thạnh Trị
57	952867	VHX Vĩnh Thành	xã Vĩnh Thành Thạnh Trị
58	952760	VHX Lâm Kiết	xã Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị
59	952730	VHX Tuân Tức	xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị
60	952470	VHX Long Hưng	ấp Tân Thành, xã Long Hưng huyện Mỹ Tú
61	952510	VHX Mỹ Tú	ấp Mỹ An, xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú
62	952550	VHX Mỹ Thuận	ấp Tam Sóc A, xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú
63	952530	VHX Mỹ Phước	ấp Phước Ninh, xã Mỹ Phước, Mỹ Tú
64	952570	VHX Thuận Hưng	ấp Tà Ân A1, xã Thuận Hưng, Mỹ Tú
65	952390	VHX Thiện Mỹ	ấp An Tập Xã Thiện Mỹ Huyện Châu Thành
66	952370	VHX Phú Tân	ấp Phước Hòa Xã Phú Tân Huyện Châu Thành
67	953170	VHX Tham Đôn	ấp Giồng Cỏ, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
68	953220	VHX Gia Hòa 1	ấp Vĩnh B, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
69	953200	VHX Hòa Tú 1	ấp Hòa Trục, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
70	953300	VHX Hòa Tú 2	ấp Dương Kiểng, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
71	951760	VHX Song Phụng	ấp Phụng Tường 1, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
72	952830	Hưng Lợi	ấp Chợ cũ, xã Châu Hưng, huyện Thạnh Trị

73	953320	VHX Thạnh Thới Thuận	ấp Thạnh An 3, xã Thạnh Thới Thuận, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
74	954217	HCC Sóc Trăng	01 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
75	954218	TMDT Sóc Trăng	01 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
76	951657	VHX Phường 2	603 Quốc Lộ 1, phường 2 TP Sóc Trăng
77	952801	VHX Thạnh Trị	ấp Tà Diếp C1, xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, ST
78	952173	VHX Đại Hải	ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, Sóc Trăng
79	954661	VHX Viên Bình	ấp Đào Viên, xã Viên Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
80	953248	VHX Gia Hòa 2	ấp Bình Hòa, xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên
81	953571	VHX Vĩnh Hải	Nam Sông Hậu, ấp Trà Sết, xã Vĩnh Hải, Vĩnh Châu
TỈNH BẠC LIÊU			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	960000	Bạc Liêu	20 Trần Phú Thị xã Bạc Liêu
2	961250	Trà Kha	Số 02 Võ Thị Sáu phường 8 TX Bạc Liêu
3	961500	Vĩnh Lợi	Ấp Nhà Việc xã Châu Thới huyện Vĩnh Lợi
4	961580	Cầu Sập	Ấp Phước Thạnh 1 xã Long Thạnh huyện Vĩnh Lợi
5	962100	Phước Long	Ấp Long Thành thị trấn Phước Long huyện Phước Long
6	962400	Hồng Dân	Ấp Nội Ô thị trấn Ngan Dừa huyện Hồng Dân

7	962600	Giá Rai	Ấp 1 thị trấn Giá Rai huyện Giá Rai
8	962610	Láng Tròn	Ấp 2 xã Phong Thạnh Đông A huyện Giá Rai
9	962720	Hộ Phòng	Ấp 1 thị trấn Hộ Phòng huyện Giá Rai
10	962800	Láng Trâm	Ấp Xóm Mới xã Tân Thạnh huyện Giá Rai
11	962900	Đông Hải	Ấp 4 thị trấn Gành Hào huyện Đông Hải
12	963200	Hoà Bình	Ấp thị trấn A thị trấn Hoà Bình huyện Hoà Bình
13	963390	Cầu Số 2	Ấp 15 xã Vĩnh Mỹ B huyện Hoà Bình
14	962920	Kinh Tư	Ấp Diêm điền xã Điền hải Đông Hải Bạc Liêu
15	962970	Cây Giang	Ấp Cây giang xã Long Điền Đông hải Bạc Liêu
16	961750	Vĩnh Hưng	Ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi
1	961070	BCP Bưu tá Bạc Liêu	20 Trần Phú, P3 TP Bạc Liêu
2	961520	BCP Vĩnh Lợi	Ấp Xẻo Chích TT Châu Hưng, H. Vĩnh Lợi
3	962230	BCP Phước Long	Ấp Long Thành, TT Phước Long H. PLong
4	962490	BCP Hồng Dân	Ấp nội ô TT Ngan Dừa, H. Hồng Dân
5	962680	BCP Giá Rai	Ấp 1 TT Giá Rai, H. Giá Rai
6	962930	BCP Đông Hải	Ấp 4 TT Gành Hào, H. Đông Hải
7	963250	BCP Hòa Bình	Ấp Thị trấn A, thị trấn Hòa Bình, H. Hòa Bình

17	962190	Trưởng Tòa	Ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Thanh, Phước Long
18	962220	Rọc Lá	Ấp Mỹ Tường 1, xã Hưng Phú, Phước Long
19	962150	Phó Sinh	Ấp Phước Thành, xã Phước Long, Phước Long
20	962240	Chủ Chí	Ấp 2A xã Phong Thạnh Tây B, Phước Long
21	962792	Cây Gừa	Ấp Khúc tréo B, xã Tân Phong, Giá Rai
22	962780	Khúc Tréo	Ấp Khúc tréo A, xã Tân Phong, Giá Rai
23	962460	Ninh Quới	Ấp Nội Ô, TT Ngan Dừa, Hồng Dân
24	962511	Cầu Đỏ	Ấp Vĩnh Hòa, Vĩnh Lộc, Hồng Dân
25	961310	Hiệp Thành	Khóm Đầu Lộ Phường Nhà Mát TPBL
26	963280	BC Bào Sàng	Ấp 18, Xã Vĩnh Bình, H Hòa Bình
27	962520	Ninh Thanh Lợi	Ấp Ninh Thạnh Tây, xã Ninh Thạnh Lợi, Hồng Dân
28	962130	VHX Vĩnh Phú Đông	ấp Mỹ I, xã Vĩnh Phú Đông, Huyện Phước Long, Bạc Liêu
29	963050	VHX Định Thành	ấp Lung Chim, xã Định Thành, Huyện Đông Hải, Bạc Liêu
30	962241	VHX Phong Thạnh Tây A	Ấp 1A, xã Phong Thạnh Tây A, H. Phước Long
31	962160	VHX Vĩnh Phú Tây	Ấp Phước II, xã Vĩnh Phú Tây, H. Phước Long
32	962708	VHX Phong Thạnh Tây	Ấp 3, xã Phong Thạnh Tây, TX. Giá Rai
33	963330	VHX Minh Diệu	Xã Minh Diệu, H Hòa Bình

34	963360	VHX Vĩnh Mỹ A	Xã Vĩnh Mỹ A, H Hòa Bình
35	962420	VHX Ninh Hòa	Ấp Ninh Thạnh A, Xã Ninh Hòa, H Hồng Dân
36	962630	VHX Phong Thạnh Đông	Ấp 15 Xã Phong Thạnh Đông Giá Rai
37	962650	VHX Phong Tân	Ấp 16 Xã Phong Tân Giá Rai
38	962670	VHX Phong Thạnh	Ấp 19 Xã Phong Thạnh Giá Rai
39	961670	Gia Hội	Ấp Gia Hội Xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, BL
40	961250	Trà Kha	Số 02 Đường Võ Thị Sáu phường 8 TX Bạc Liêu
41	962950	VHX Long Điền Đông A	Ấp Mỹ Điền, xã Long Điền Đông A, Đông Hải
42	963000	VHX An Trạch	Ấp Thành Thương, xã An trạch, Đông Hải
43	963030	VHX An Phúc	Ấp Cái Keo, An Phúc, Đông Hải
44	962480	VHX Lộc Ninh	Ấp Bà Ai, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
45	962440	VHX Ninh Điền	Ấp Ninh Điền, Xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
46	961650	VHX Hưng Hội	ấp Sóc Đồn, xã Hưng Hội, Huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu
47	961690	VHX Châu Thới	Ấp Giồng Bướm A, xã Châu Thới huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu
48	961139	VHX Vĩnh Trạch	ấp Công Điền, xã Vĩnh Trạch, TP Bạc Liêu
49	961330	VHX Vĩnh Trạch Đông	ấp Biển Tây A, xã Vĩnh Trạch Đông, TP Bạc Liêu
50	961328	VHX Hiệp Thành	ấp Giồng Nhãn, xã Hiệp Thành, TP Bạc Liêu

51	962510	VHX Vĩnh Lộc A	Ấp Ba Đình, xã Vĩnh Lộc A, H. Hồng Dân
52	961065	KHL Bạc Liêu	Số 20, Trần Phú, phường 3, TP Bạc Liêu
53	963420	VHX Vĩnh Hậu	ấp Vĩnh Mẫu, xã Vĩnh Hậu, Huyện Hòa Bình, Bạc Liêu
54	962521	VHX Nhà Lầu 1	Ấp Nhà Lầu I - xã Ninh Thạnh Lợi A huyện Hồng Dân tỉnh Bạc Liêu.
55	962940	VHX Long Điền Đông	Ấp Bửu 2, Xã Long Điền Đông
TỈNH CÀ MAU			
STT	Mã Bưu Cục	Tên Bưu Cục	Địa chỉ Bưu Cục
1	970000	Cà Mau	Số 03 Lưu Tấn Tài phường 5 Thành Phố Cà Mau
2	971360	Nguyễn Tấn Thành	Phường 8 Thành Phố Cà Mau
3	971470	Tắc Vân	Ấp 1, Xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau
4	971430	Tân Thành	Đường Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP Cà Mau
5	971800	Thới Bình	khóm 1 Thị trấn Thới Bình Huyện Thới Bình
6	971850	Trí Phải	Ấp 2 ,Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình
7	973900	Năm Căn	Khu Vực 3 khóm 1 TT Năm Căn Huyện Năm Căn
8	972100	U Minh	Ấp 2 ,Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình
9	972220	Khánh Hội	Ấp 3 Xã Khánh Hội Huyện U Minh
10	972300	Trần Văn Thời	Khóm 9 TT Trần Văn Thời Huyện Trần Văn Thời

11	972540	Sông Đốc A	Khóm 3,Thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời
12	972550	Sông Đốc B	Khóm 4,Thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời,
13	972700	Cái Nước	Khóm 3 Thị trấn Cái Nước Huyện Cái Nước
14	972850	Hung Mỹ	Ấp Rau Dừa Xã Hung Mỹ TT Cái Nước, H. Cái Nước
15	973000	Đầm Dơi	Khóm 4 Thị trấn Đầm Dơi Huyện Đầm Dơi
16	973240	Vàm Đầm	Ấp VÀM ĐẦM, Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi
17	973400	Ngọc Hiển	Ấp Kiến Vàng Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển
18	973460	Viên An	Ấp Ông Trang, Viên An, Huyện Ngọc Hiển
19	973600	Phú Tân	Khóm 1 Thị trấn Cái Đoi Vàm Huyện Phú Tân
20	973680	Phú Tân 2	Ấp Cái Đoi, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân
21	973700	Gò Công	Ấp Gò Công, Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân
22	972949	19 tháng 5	Khóm 3 TT Cái Nước, Huyện Cái Nước
23	973990	Hàng Vành	555 Ấp 1 Hàng Vành, Huyện Năm Căn
24	972844	Cái Rắn	Cái Rắn Phú Hưng Cái Nước
25	971950	Tân Lộc	Ấp 3 Tân Lộc Thới Bình Cà Mau
26	971903	Tân Bằng	Tân Bằng Thới Bình Cà Mau
27	971990	Tắc Thủ	Tắc Thủ, Hồ Thị Kỷ, Thới Bình

28	972460	Đá Bạc	Ấp Đá Bạc Xã Khánh Bình Tây, Trần Văn Thời
29	972490	Khánh Hưng	Ấp Nhà Máy B Xã Khánh Hưng Trần Văn Thời
30	973510	Đất Mũi	Kinh Đào Đất Mũi, Ngọc Hiển
31	974040	Tam Giang	Kinh 17 Tam Giang, Năm Căn
32	973440	Viên An Đông	Ấp Nhung Miên, Viên An Đông, Ngọc Hiển
33	973180	Tân Tiến	Ấp Tân Long A Xã Tân Tiến Huyện Đầm Dơi
1	971050	BC phát TP Cà Mau	Số 3 Lưu Tấn Tài P5 Cà Mau
2	971980	BCP Thới Bình	Khóm 1 TT Thới Bình Huyện Thới Bình CM
3	972190	BCP U Minh	Khóm 3 TT U Minh Huyện U Minh CM
4	972430	BCP Trần Văn Thời	Khóm 1 TT Trần Văn Thời Huyện TVT Cà Mau
5	972770	BCP Cái Nước	Khóm 1 TT Cái Nước Huyện Cái Nước CM
6	973080	BCP Đầm Dơi	Khóm 4 TT Đầm Dơi Huyện Đầm Dơi CM
7	973670	BCP Phú Tân	Khóm 1 TT Cái Đôi Vàm Huyện Phú Tân CM
8	973980	BCP Năm Căn - Ngọc Hiển	Khóm 1 TT Năm Căn Huyện Năm Căn CM
9	973580	BCP Ngọc Hiển	Khóm 1 TT Rạch Gốc Ngọc Hiển Cà Mau
34	973770	Rạch Chèo	Ấp Rạch Chèo Xã Rạch Chèo huyện Phú Tân
35	973660	Vàm Đình	Ấp Vàm Đình Xã Phú Thuận Huyện Phú Tân

36	973710	Tân Hưng Tây	Ấp Cái Bát Xã Tân Hưng Tây Huyện Phú Tân
37	971760	KHL Cà Mau	03 Lưu Tấn Tài P5 Cà Mau
38	971750	Kinh doanh tiếp thị	03 Lưu Tấn Tài P5 Cà Mau
39	972930	VHX Thạnh Phú	Ấp Tân Hòa Xã Thạnh Phú huyện Cái Nước Cà Mau
40	972830	VHX Phú Hưng	Ấp Lộ Xe Xã Phú Hưng Cái Nước Cà Mau
41	972927	VHX Đông Hưng	Ấp Tân Phong Xã Đông Hưng Cái Nước Cà Mau
42	972570	VHX Phong Điền	Ấp Phong Điền Xã Phong Điền TVT Cà Mau
43	971830	VHX Tân Phú	Ấp Tràm Thẽ Xã Tân Phú Thới Bình Cà Mau
44	973420	VHX Chợ Thủ	Ấp chợ thủ A xã tam giang tây Ngọc Hiển Cà Mau
45	973090	VHX Tạ An Khương Đông	Ấp tân thới B xã tạ an khương đông Đầm Dơi Cà Mau
46	972350	VHX Khánh Bình Đông	Ấp 6 Xã Khánh Bình Đông Trần Văn Thời Cà Mau
47	971550	VHX Hòa Thành	Ấp Bùng Binh Xã Hòa Thành Cà Mau
48	973938	VHX Hàm Rồng	Ấp Chổng Mỹ Xã Hàm Rồng Huyện Năm Căn Cà Mau
49	971530	VHX Lý Văn Lâm	Ấp Chánh Xã Lý Văn Lâm TP Cà Mau Tỉnh Cà Mau
50	973669	VHX Phú Mỹ	Ấp Vàm Sáng Xã Phú Mỹ Huyện Phú Tân Cà Mau
51	972750	VHX Tân Hưng Đông	Ấp Đông Hưng Xã Tân Hưng Đông Huyện Cái Nước Cà Mau
52	972400	VHX Trần Hợi	Ấp 10A Xã Trần Hợi Huyện TVT Cà Mau

53	972730	VHX Đông Thới	Ấp Bào Tròn Xã Đông Thới Huyện Cái Nước Cà Mau
54	971870	VHX Biển Bạch Đông	Ấp Quyền Thiện Xã Biển Bạch Đông Huyện Thới Bình Cà Mau
55	971910	VHX Đồng Sậy	Ấp 1 Xã Thới Bình Huyện Thới Bình Cà Mau
56	973110	VHX Tạ An Khương	Ấp Tân Điền B Xã Tạ An Khương Huyện Đầm Dơi Cà Mau
57	972780	VHX Tân Hưng	Ấp Phong Lưu Xã Tân Hưng Huyện Cái Nước Cà Mau
58	972440	VHX Khánh Bình Tây Bắc	Ấp Mũi Tràm A Xã Khánh Bình Tây Bắc Huyện Trần Văn Thời Cà Mau
59	972600	Khánh Lộc	Ấp Rạch Ruộng A Xã Khánh Lộc Huyện Trần Văn Thời Cà Mau
60	972330	VHX Lợi An	Ấp Ông Tự Xã Lợi An Huyện Trần Văn Thời Cà Mau
61	972592	VHX Rạch Bần	Ấp Rạch Bần A Xã Phong Lạc Huyện Trần Văn Thời Cà Mau
62	972380	VHX Khánh Bình	Ấp 19/5 Xã Khánh Bình Huyện Trần Văn Thời Cà Mau
63	971665	Lê Hồng Phong	Số 07A Ấp Thạnh Điền Xã Lý Văn Lâm TP Cà Mau Tỉnh Cà Mau
64	972861	VHX Hòa Mỹ	Ấp Kinh Tư Xã Hòa Mỹ Huyện Cái Nước Cà Mau
65	972812	VHX Lương Thế Trân	Ấp Hòa Trung Xã Lương Thế Trân Huyện Cái Nước Cà Mau
66	971151	VHX Tân Thành	Ấp 5 Xã Tân Thành Thành phố Cà Mau Cà Mau
67	972520	VHX Khánh Hải	Ấp Trùm Thuật B Xã Khánh Hải Huyện Trần Văn Thời Cà Mau
68	972180	VHX Khánh Lâm	Ấp 4 Xã Khánh Lâm Huyện U Minh Cà Mau
69	972121	VHX Khánh Hòa	Ấp 7 Xã Khánh Hoà Huyện U Minh Cà Mau

70	972160	VHX Nguyễn Phích	Ấp 7 Xã Nguyễn Phích Huyện U Minh Cà Mau
71	973657	VHX Phú Thuận	Ấp Vàm Đình, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, Cà Mau
72	973950	VHX Đầu Chà	Ấp Trại Lưới B Xã Lâm Hải Huyện Năm Căn
73	974000	VHX Hiệp Tùng	Ấp Hiệp Tùng Xã Hiệp Tùng Huyện Năm Căn
74	973972	VHX Đất Mới	Ấp Ông Chùng xã Đất Mới huyện Năm Căn
75	971170	VHX An Xuyên	Ấp Ô rô Xã An Xuyên TP Cà Mau
76	971151	VHX Tân Thành	Ấp 5 Xã Tân Thành TP Cà Mau Cà Mau
77	971570	VHX Định Bình	Ấp Ba Dinh xã Định Bình TP Cà Mau
78	972520	VHX Khánh Hải	Ấp Trùm Thuật B Xã Khánh Hải Huyện Trần Văn Thời
79	973490	VHX Tân Ân Tây	Ấp Nhà Diêu Xã Tân Ân Huyện Ngọc Hiển
80	971734	Phường Tân Thành	Khóm 3, Phường Tân Thành, TP Cà Mau
81	971686	Ngô Quyền	Đường Ngô Quyền, K6, P1, TP Cà Mau
82	973016	Trương Phùng Xuân	80 Trương Phùng Xuân, K5, TT Đầm Dơi
83	973789	Cái Đôi Vàm	Ấp Cái Đôi Vàm, TT Cái Đôi Vàm, Phú Tân
84	973581	VHX Tân Ân	Ấp Vinh Hạng Xã Tân Ân Huyện Ngọc Hiển
85	971943	VHX Tân Lộc Bắc	Ấp 1 Xã Tân Lộc Bắc Huyện Thới Bình
86	973662	VHX Giáp Nước	Ấp Đất Sét, Xã Phú Nhuận, Huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau

87	972216	KCN Khánh An	Ấp 6, xã Khánh An, H. U Minh
88	972112	Khánh Lâm	Ấp 4 Xã Khánh Lâm Huyện U Minh Cà Mau

[illegible]

Phát Đồng	2 TT Chùa hang-Đồng Hỷ TN
Phát Võ Nì	2 TT Đình Cả-Võ Nhai TN
Phát Phú Lư	2 TT Đu-Phú Lương TN
Phát Định H	2 TT Chợ Chu-Định Hoá TN
Phát Đại Từ	2 TT Đại Từ-Đại Từ TN
Phát Sông C	2 P. Cải Đan Sông Công TN
Phát Phở Yên	2 TT Ba Hàng-Phở Yên TN
Phát Phú Bì	2 TT Hương Sơn-Phú Bình TN